GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Dịch giả : HT. THÍCH HÀNH TRỤ

SA DI LUẬT GIẢI

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

SA DI LUẬT GIẢI

Chân dung Hòa thượng **THÍCH HÀNH TRỤ**
Viên tịch ngày 29 tháng 10 năm Giáp Tý
(1903 - 1984)

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Dịch giả : Hòa Thượng THÍCH HẠNH TRỤ

SA DI LUẬT GIẢI

- THIÊN SA DI YẾU LƯỢC
- THIÊN OAI NGHI TĂNG CHÚ
- QUI SƠN CẢNH SÁCH

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Hà Nội - P.L : 2547 - 2003

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔ IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH KINH SÁCH
THỰC HIỆN
Địa chỉ liên hệ: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Phường 8 - Q.3 - TP.HCM - ĐT: 8469721

SA DI LUẬT GIẢI

LỜI TỰ DẪN

Bực Cổ Đức nói : **"Nước không Luật nước loạn; nhà không Luật nhà vong"**. *Chính thế, nước có Luật của nước, nhà có Luật của nhà, cho đến trường hợp nào đều có Luật của trường hợp ấy cả. Không luận Gia đình, Chính trị hay Tôn giáo.*

Nếu trường hợp nào mà thiếu phần Giới Luật, tất nhiên trường hợp ấy phải đào thải không giá trị.

Chẳng những Gia đình, Chính trị và Tôn giáo. Chính như những nghề nghiệp làm ăn hằng ngày, mà thiếu kỷ cương trật tự, thì nghề ấy không tránh khỏi cái hại hỏng hờ và thất bại. Như : Học trò không tuân kỷ luật nhà trường, trò ấy bị đuổi. Phu xe không biết luật đi xe nọ phải hư. Thợ mộc thiếu pháp thằng mặc, thợ kia thành vô dụng...

Chẳng những loài người có Giới Luật, mà những bực cao hơn loài người như : Chư Thiên, Thanh Văn, Bồ Tát và Phật, cũng nhờ giữ Giới Luật mà thành và được đến cảnh giới phúc lạc tiêu diêu, nên biết những đấng ấy, không bao giờ không Giới Luật.

Xét những hạng dưới loài người như : Súc vật, Kiến, Ong... tuồng như nó cũng biết giữ gìn qui tắc, trật tự của nó, như : Nhạn bay có hàng, Kiến bò có ngũ vă chúng cũng có nghĩa chúa, tôi, cha, con, vợ, chồng ắt cũng có qui luật của chúng nó.

Thế thì đủ biết, những hạng dưới loài người còn có kỷ luật, huống nữa loài người !

Đủ chứng tỏ rằng : "GIỚI LUẬT" tuy mỗi trường hợp có khác, nhưng trường hợp nào cũng không hề không Giới Luật.

Nếu một người không giới luật, thì người ấy ắt hư thân mất nết. Một gia đình không giới luật, thì gia đình ắt lộn xộn. Một nước không pháp luật nước ấy ắt hung tàng, không còn phong hóa kỷ cương gì nữa. Thế giới không qui luật ắt gây nên cuộc loạn ly ghê gớm !

Xét như thế, chúng ta muốn tránh khỏi sự dở dang nguy hiểm cho chúng ta và xã hội, nên tìm Giới Luật làm căn bản hộ thân, và truyền bá Giới Luật.

Huống nữa Tôn Giáo là một con đường quang minh chính đại, siêu xuất Thế gian, thì bao giờ cũng cần giữ tròn Giới Luật.

Nếu chúng ta không quan thiết Giới Luật, và không cần giữ Giới Luật . thì đời sống chúng ta sẽ có những sự lôi thôi, mất cả vẻ vang tươi thắm và cũng mất thân phúc lạc đời sau.

Tiếng Phạn gọi **"Thi La"** *(Sa la) tiếng Hán dịch là* **"Giới"**.

Tiếng Phạn gọi **"Tỳ ni"** *(Vi naga) tiếng Hán dịch là* **"Luật"**.

"GIỚI" *là những điều răn cấm, không nên phạm.*

"LUẬT" *là pháp luật, qui tắc, con đường của chúng ta noi theo để chỉnh đốn hành vi, lời nói, ý*

nghĩa cho được đúng phép không sai lỗi. Nếu không có Luật, thì không biết đâu mà phân xử, những tội nặng hay nhẹ, thế nào là phạm, thế nào là không phạm. Nên phạm vi chữ "LUẬT" có nghĩa bao trùm rộng lớn hơn chữ "GIỚI". Vì tất cả "Giới" cũng là "Luật".

"GIỚI LUẬT" *trong nhà Phật, cũng như "Giới Luật" của nhà chính trị ở thế gian, nhưng có phần chu tất rộng rãi và siêu uất hơn.*

Đối với Đạo Phật thì **"Giới Luật"** *lãnh một phần đầu tiên trong ba tạng Giáo điển. (Ba tạng là Luật tạng, Kinh tạng và Luận tạng. Luật dạy về Giới; Kinh là đường ngay ; Luận là phân biệt tà chính , chỉ rõ đạo lý chúng ta tu hành).*

Đức Phật Thích Ca nói pháp trong 49 năm, dạy về vô số phép tu, kinh sách để lại hơn mấy nghìn quyển, nhưng tóm lại đại khái không ngoài ba phép học là : Giới, Định, và Huệ. "Giới" đã giải như trước, "Định" là Định tâm thu vọng, "Huệ" tức là trí huệ.

"GIỚI", thuộc về Luật tạng, "ĐỊNH" thuộc về Kinh tạng, "HUỆ" thuộc về Luận tạng :

Nhân giữ Giới mà sanh Định tâm. Nhân Định tâm mà phát ra Trí Huệ. Ấy là ba món cần yếu của sự tu học. Như : cái đảnh có ba chân, thiếu một chân thời không đứng vững.

Bởi tâm chúng ta từ vô thỉ đến nay do trần lao nghiệp chướng huân ướp, quen theo hướng phàm phu, quanh lộn trong trần hoàn, nhiễm ô trong vật dục, một mai muốn cho nó sáng tỏa ra, đủ cả Trí, Đức như Phật, ắt không dễ gì.

Trước phải dùng Giới Luật kiềm thúc thân tâm, không cho tiêm nhiễm vào trần lao, buông tuồng theo thói quấy. Nhờ đó thu bớt được hạnh thô sơ, kế dùng thiền định trụ kềm lại, được nhiều ngày tánh thuần thục mới đem luận lý diễn bày, tâm mới trở nên sáng suốt.

Ví như : con trâu dữ, chúng ta muốn bắt ngay, để bảo nó làm việc; ắt không thể được. Trước phải bế các ngõ đường bao vây nó lại, chờ nó đứng yên chỗ, mới dùng dây mà trói, buộc vào cây trụ, đôi phen lại gần, vỗ về tập luyện, nó được quen nết rồi, mới đem ra cho làm việc, tu hành cũng thế.

Trâu dữ, thí dụ **"Vọng tâm"**. *Vi bao lại là : dụ* **"Giới"**. *Buộc vào cây trụ là :* **"Định"**. *Vỗ về tập luyện là : dụ* **"Huệ"**. *Giới, Định và Huệ hoàn toàn mới có thể hiện bày được những công dụng, tự lợi và lợi tha, như đem nó ra làm việc.*

Nên biết Giới Luật là một món rất cần, trong ba phép học. Dùng Giới làm đầu là do như thế.

Song Giới Luật Phật dạy rất nhiều, nhưng đây, chỉ tóm lược có các thứ :

1.- Giới luật Đại thừa.

2.- Giới luật Tiểu thừa.

Đại Thừa Luật *như : Bộ Phạm Võng bộ Lư Xá Na Phật Thuyết Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm bộ Bồ Tát Anh Lạc Bổn Nghiệp bộ Phật Vị Ta Gia Ha Long Vương Sở Thuyết Đại Thừa bộ Văn Thù Sư Lợi Vấn bộ Thanh Tịnh Tỳ Ni Phương Quảng bộ Tịch Điền*

Âm Sở Vấn bộ Cung Kính bộ Tam Mạng Đà Bạt Đà La Bồ Tát. Hết thảy cộng là ba mươi bộ, 49 quyển.

Tiểu Thừa Luật *như : Bộ Sa Di Thập Giới Pháp Tinh Oai Nghi bộ Phật Thuyết Sa Di Thập Giới Nghi Tắc bộ Sa Di Ni Giới bộ Phật Thuyết Ưu Bà Tắc Ngũ Giới tướng bộ Tứ Phần bộ Tứ Phần Tỳ Khưu Giới Bổn bộ Tứ Phần Tỳ Khưu Ni Giới Bổn bộ Đàm Vô Đức Luật bộ Tập Kiết Ma bộ Ma Ha Tăng Kỳ Luật Đại Tỳ Khưu Giới Bổn bộ Ma Ha Tăng Kỳ Tỳ Khưu Ni Giới Bổn bộ Sa Di Tắc bộ Hòa Nê Ngũ Phần Luật bộ Căn Bổn Thuyết Nhứt Thiết Hữu bộ Bí Sô Ni Tỳ Nại Da bộ Thập Tụng Tỳ Khưu Ba La Đề Mộc Xoa Giới Bổn bộ Thập Tụng Tỳ Khưu Ni Ba La Đề Mộc Xoa Giới Bổn bộ Căn Bổn Thuyết Nhứt Thiết Hữu bộ Tỳ Nại Da Kiết Sĩ Na Y Sự bộ Bà Đa bộ Tỳ Ni Ma Đắc Lặc Già...*

Hết thảy cộng là 72 bộ, 496 quyển.

Trên đây có chia ra Tiểu thừa Giới và Đại thừa Giới.

Thế nào là Tiểu thừa Giới ?

- Nếu Giới chỉ phận mình khỏi lỗi là đủ, mà không hay mở rộng để giúp ích mọi người cùng vào đường hạnh phúc, thì gọi là Tiểu thừa Giới; như Tiểu thừa Tỳ kheo giới...

Thế nào là Đại thừa giới ?

- Nếu giới không lấy sự giữ mình lợi người là đủ, mà hoạt động nhiều phương pháp thiện xảo, trí huệ, hay ho, đem mình và tất cả người đồng thoát ly sông mê biển khổ, đến cảnh giới hoàn toàn an vui giác ngộ tự tại, thì gọi là Đại thừa giới, như Bồ tát giới...

Nhưng bản ý Phật chế ra giới Tỳ kheo, không phải chỉ để tự trì tự lợi, vì Ngài tùy cơ phương tiện, dìu dắt kẻ sơ tâm, khiến những người ít năng lực không chịu hoạt động, vừa với trình độ cho họ tu, chính đó là pháp Đại thừa của Phật, mà người tiểu trí phát tâm nhỏ, nhìn vào thấy là pháp Tiểu thừa của mình, chớ Bồ Tát nhìn vào thấy giới ấy vẫn là Đại thừa, nên Bồ Tát xuất gia cũng thọ Tỳ kheo giới, để giữ gìn Tăng Bảo hóa độ chúng sanh.

Nên trong hiệp chú nói :

- Nếu trước thọ Tiểu thừa giới, sau phát tâm thọ Bồ Tát giới, thì bao nhiêu giới Tiểu thừa trước, đều chuyển thành giới Đại thừa vậy.

Như người tại gia thọ năm giới hay tám giới mà phát tâm nhỏ hẹp tự cứu lấy mình, thì giới ấy thành ra nhỏ.

Người xuất gia thọ mười giới hay hai trăm năm chục giới, mà phát tâm Tiểu thừa, thì giới ấy cũng thành ra Tiểu thừa.

Trái lại, nếu phát tâm rộng lớn, chí nguyện lợi người mà thọ giới, thì giới ấy là Đại thừa.

Nên kinh luật dạy, trong khi thọ giới phải phát tâm cho cao thượng hoạt bát, thì được giới mới thù thắng.

Trong Đại thừa Bồ tát giới có ba phần :

1.- **Nhiếp luật nghi giới.** *- Đoạn trừ tất cả các sự ác.*

2.- **Nhiếp thiện pháp giới.** *- Làm tất cả điều lành.*

3.- **Nhiếp chúng sanh giới.** *- Nhiếp độ tất cả chúng sanh.*

Có đủ ba phần như trên, nên gọi là Đại thừa giới. Vẫn biết rằng vị Bồ Tát từ bi quảng đại, không bỏ sót một điều lành nào, và không bỏ sót một chúng sanh nào, nên gọi bực Đại thừa Bồ Tát.

Song, nếu chỉ có một phần thứ nhất (Nhiếp luật nghi) mà không có hai phần sau, thì gọi Tiểu thừa giới. Chỉ vì người tiểu trí kia nhận thấy mà thôi, thật ra không có giới nào là tiểu thừa cả.

Vì nhiếp luật nghi tức là **"nhiếp thiện pháp giới"** *và* **"nhiếp chúng sanh giới"**. *Nếu có điều lành lợi ích cho người, đáng làm mà không làm; gặp chúng sanh khổ não, nên độ mà không độ; Phật cho đó là tánh ác.*

Đã nói rằng : "Đoạn trừ tất cả sự ác, thì tất cũng đoạn luôn tánh ác ấy". Nếu đoạn luôn tánh ác ấy, thì tất cả có làm điều lành và độ chúng sanh, (chớ đâu phải đoạn trừ tất cả ác là sự nhỏ), nên biết ba phần dung thông nhau cả, thì không có giới nào Tiểu thừa. Đã rõ rệt.

Đại là lớn, Tiểu là nhỏ, thừa là cỗ xe, hoặc thừa là chở. Như chiếc xe rộng lớn, có thể chở được nhiều người. Đồng thoát ly tam giới, đồng đến Niết bàn ấy gọi là Đại thừa.

Trái lại, như một chiếc xe nhỏ, chỉ chở đủ một mình mình, thoát ly tam giới, về đến Niết Bàn ấy gọi Tiểu thừa.

Biển giới rất mênh mông, sự lợi ích vô cùng vô tận. Nếu người trì giới được, Tam Thế Phật đều hộ trì, về sau được phước quả khôn ngằn, không sao kể xiết được.

Có câu : **"Giới như hải vô nhai, như bảo cầu vô yểm".**

Nghĩa là : "Giới như biển mênh mông, không bờ mé, như ngọc báu cầu không nhàm" và có câu : "Giới như đèn sáng lớn, hay tiêu tối đêm dài; Giới như chuỗi anh lạc, trau giồi pháp thân; Giới như mặt đất bằng, sanh ra các công đức như chiếc thuyền to, đưa người khỏi biển khổ. Người sáng hay giữ giới, hay đặng ba điều vui : tiếng tốt và lợi lộc, sau đặng về cõi lành. Xem hữu ích như thế, có trí nên hộ trì.

Trong kinh có nhiều lời tán thán Giới Luật không cùng, nên biết Giới Luật rất quí báu, Thánh Hiền đều tôn trọng.

Nếu chúng ta rà công nghiên tầm tạng luật sẽ thấy điều làm cho lòng ta sung sướng, khoái lạc, nhẹ nhàng, như gặp món thuốc rất hay, tiêu trừ bệnh phiền não và cũng như trời đêm mưa gió, mà gặp được một cái nhà tốt, an ổn vững vàng, không còn lo lắng gì nữa.

Có câu : **"Tỳ Ni tạng trụ, Phật pháp diệc trụ. Tỳ Ni tạng diệt, Phật pháp diệc diệt".**

Nghĩa là : "Tạng giới luật còn, thì Phật pháp còn. Tạng giới luật mất, thì Phật pháp cũng mất". Vì giới luật là mạng sống của Phật pháp.

Đời nay, phần nhiều người học đạo, chỉ muốn tìm những lý huyền diệu cao siêu, nghe cho bùi tai, bàn cho vui miệng, mà không ưa thích giới luật, nghe đến giới luật, thì cho là cũ kỹ bó buộc. Tiêu cực biếng lười, không thích hợp với trào lưu tiến hóa.

Ôi ! Khác nào đi tìm châu báu trên rừng, mà món báu ở nhà mình thì quăng liệng, muốn dựng tòa lầu nguy nga, mà chê cái nền là vô ích. Bảo sao Phật pháp không suy đồi, nước nhà không nguy ngập !

Kinh PHẠM VÕNG lời tựa nói :

Giữ giới tịnh thân khẩu
Đa văn sanh thật trí
Giới là kho diệu pháp
Giới là tàu bè lớn
Giới là ao thanh lương
Giới là pháp vô úy (1)
Giới là bạn cứu kính
Giới là cửa cam lồ
Giữ giới lòng chẳng cao
Không chấp tướng chánh giới
Nên gọi giới thanh tịnh
Giữ giới lòng chẳng hối
Giới là hào pháp thành.
Giới là tướng dũng mãnh
Giới là châu như ý
Giới là lầu quán tốt
Giữ giới là đất bằng
Hay sanh trí huệ sáng
Sức định huệ trang nghiêm
Cho đến khi thành Phật
Vậy nên người có trí
Thà táng thân mất mạng
Nhiếp lòng chánh nhớ tưởng
Do giới làm cội gốc
Cũng là của xuất thế
Được qua biển sanh tử
Tắm gội trừ nhiệt não
Phá tan tà độc hại
Được khỏi đường hiểm ác
Các thánh đồng dạo noi
Chuyên tình không phóng túng
Cũng không lòng tà niệm
Chư Phật đồng ngợi khen
Bổn nguyện đều thành tựu
Ngăn được giặc phiền não
Đánh dẹp kẻ ma quân
Thường cho báu khách buôn
Dạo chơi pháp tam muội
Thiền định là nhà cửa
Thứ lớp được tỏ chiếu
Muôn hạnh làm khẳm đủ
Do giới làm cội gốc
Bền lòng quyết giữ giới
Dè dặt chớ tái phạm... !

(1) Vô úy: Không sợ. Vì giữ giới thoát khỏi luân hồi sanh tử.

Trong kinh DI GIÁO, khi Phật sắp nhập Niết bàn Ngài có dặn các Thầy Tỳ khưu rằng : "Sau khi ta diệt độ rồi, các Tỳ khưu phải y theo giới **Ba la đề mộc xoa** *làm Thầy cũng như ta còn tại thế". Rồi Ngài lại dặn rằng : "Nếu ta còn tại thế mà Tỳ khưu các ông không y theo giới* **Ba la đề mộc xoa** *thì cũng như ta đã diệt độ".*

Thế thì đủ biết rằng : Đức Phật bao giờ cũng thương xót chúng sanh vô cùng tận. Đến nỗi giờ phút cuối cùng mà cũng không có một niệm nào quên bỏ cả. Cho nên các bực Cổ Đức Cao Tăng như Ngài Tuyên Luật Sư nghe luật tới mười hội. Ngài Huệ Hưu Pháp sư học luật trọn đời...

Chúng ta là người bực nào mà toan thôi học. Nếu chúng ta căn tánh không bằng các bực tôn túc thuở trước, thì tùy theo ta thọ giới bực nào, cũng rán mà học cho thuộc bộ Luật của giới ấy.

Như quý vị Sa di thì học bộ **Sa Di Luật Giải** *và 24 thiên "oai nghi" này lần đi. Chừng thọ lên Tỳ khưu thì học bộ* **Luật Tứ Phần**, *đến khi thọ Bồ tát giới thì học cho rành bộ* **Phạm Võng**, *đặng để làm căn bản tu hành, hầu mong dứt bỏ trần lao mà nối gót theo Phật và Tổ.*

Vậy mới đáng gọi là con hiền cháu thảo, hoài bão gia nghiệp của Đức Như Lai.

PHƯỚC BÌNH

*

SA DI LUẬT GIẢI

QUYỂN THƯỢNG

(THIÊN SA DI YẾU LƯỢC)

SA DI LUẬT NGHI

YẾU LƯỢC, TĂNG CHÚ

QUYỂN THƯỢNG

Bồ tát giới đệ tử, Vân Thê tự, Sa môn Châu Hoằng, Tập Bổ đề tâm, Tỳ kheo Đảnh Hồ Sơn, Sa môn Hoằng Tán chú.

KIM THỬ "yếu lược" nhất thơ, nãi Vân Thê Đại sư, ư "Sa di thập giới" kinh đẳng, tập xuất, kỳ nghĩa thiết yếu nhi văn giản lược, dĩ tiện sơ cơ Sa di tập học, du quan chưởng quả.

Án Sa di hữu tam phẩm :

Nhất-tùng thất tuế, chí thập tam tuế, danh "khu ô Sa di", vị kỳ niên ấu vị kham biệt vụ, duy linh vị tằng thủ hộ cốc mạch, cặp ư thực trù, tọa thiền đẳng xứ, khu khiển ô điểu, dĩ đại phiến lao, kiêm sanh phước thiện, vô trí tọa tiêu tín thí, hư độ quang âm dã,

Nhị-tùng thập tứ tuế, chí thập cửu tuế, danh "ứng pháp Sa di", vị kỳ niên chánh giữ nhị pháp tương ưng : Nhất năng sự sư, chấp lao phục dịch. Nhị năng tập học thiền tụng, cố dã.

BỘ SA DI LUẬT NGHI

YẾU LƯỢC, TĂNG CHÚ

QUYỂN THƯỢNG

Đệ tử (1) thọ giới (2) Bồ tát (3) chùa (4) Vân Thê (5) Sa môn : tên Châu Hoàng (6) biên chánh văn. Thầy Tỳ khẹo (7) phát tâm Bồ đề (8) ở non Đảnh Hồ, Sa môn : tên Hoằng Tán (9) chú giải.

NAY một bộ "yếu lược" đây, chính Ngài "Vân Thê" đại sư, rút ra trong kinh "Sa di thập giới" và các kinh khác, nghĩa rất thiết yếu và văn dón gọn, vừa dễ, kẻ sơ cơ "Sa di" học tập, rõ ràng như xem trái để trong bàn tay.

Xét "Sa di" có 3 bực :

1.- Từ 7 tuổi đến 13 tuổi, gọi là "Sa di đuổi quạ". Nghĩa là : Tuổi còn nhỏ chưa biết làm việc chi khác, chỉ khiến vì chúng tăng gìn giữ lúa bắp và làm việc nơi nhà nấu ăn, dọn dẹp chỗ ngồi thiền v.v... và đuổi chim quạ để thế chút nhọc *(cho quý thầy trên)*, thêm sanh phước lành, chớ để ngồi không hao của tín thí, luống qua ngày đêm vậy.

2.- Từ 14 tuổi đến 19 tuổi gọi là "Sa di ứng pháp". Nghĩa là : Tuổi cỡ này hai pháp làm đặng :

I.- Có thể thờ Thầy làm được việc khó nhọc.

II.- Là hay tu tập thiền tụng cớ vậy.

Tam-tùng nhị thập tuế; chí thất thập tuế, danh "Danh tự Sa di", vị kỳ niên mãn nhị thập, ưng thọ "cụ giới", hoặc căn tánh ám độn, hoặc xuất gia niên vãn, bất năng đốn trì chư giới, tuy niên đăng Tỳ kheo, vị thị Sa di, cố danh "Danh tự Sa di".

Phẩm số tuy tam, nhi cu bẩm thập giới, tổng danh vi "nhất pháp đồng Sa di". Nhược thế tu phát, bất thọ thập giới, danh "Hình đồng Sa di". Kỳ hình tướng tuy đồng, do vô giới nhiếp, phi ngũ chúng số, kim dẫn hình đồng, nhi thủ pháp đồng dã.

Phạm ngữ "Sa di", thử vân "Tức từ", vị tức ác, hành từ, tức thế nhiễm, nhi từ tế chúng sanh dã. Diệc vân "cần sách", diệc vân "cầu tịch".

"Phạm ngữ" giả, Vị "Thiên Trúc" nhơn âm, dữ "Phạm thiên" ngữ vô dị, cố danh "Phạm ngữ".

Lương do thế giới sơ thành, vị hữu nhơn cư địa quang thượng triệt, "Sắc giới Phạm thiên" chi chúng, tầm quang há quán tân địa, thực kỳ địa vị, thất "thiên quang minh thần túc" bất năng thướng thăng. Toại vi nhơn tổ, thế cư "Thiên trúc". Tự hậu nhơn tùy địa chuyển âm các thành dị, duy Thiên trúc tồn yên; cố kỳ ngữ thị Phạm ngữ, thơ thị Phạm thơ, biệt quốc sở vô dã.

3.- Từ 20 tuổi đến 70 tuổi gọi là "Sa di danh tự". Nghĩa là : Tuổi đủ 20, đáng lẽ thọ giới "cụ túc" nhưng vì căn tánh ám độn, hoặc lớn tuổi mới xuất gia, không thể giữ nổi các giới, tuy tuổi đáng bực Tỳ kheo, nhưng địa vị chỉ Sa di thôi, cho nên gọi là "Sa di danh tự".

Phẩm số của Sa di tuy ba bực : Nhưng bực nào cũng vưng chịu 10 giới, cho nên chung gọi là : "đồng một pháp Sa di". Bằng cạo râu tóc, mà không thọ 10 giới, thì gọi là "hình đồng Sa di". Nghĩa là : Hình tướng tuy đồng nhưng không giữ giới, cho nên không được liệt vào trong số năm chúng xuất gia [10]. Nay lựa bỏ ông Sa di Hình đồng, mà chỉ nói ông Pháp đồng thôi. *(đủ Thập sư làm pháp Yết ma truyền giới).*

Tiếng Phạm gọi rằng "Sa di". Hán dịch "Tức từ". Nghĩa là dứt ác làm lành, dứt nhiễm của đời mà lòng lành giúp chúng sanh vậy. Cũng có nghĩa "Cần sách" *(siêng năng)*, **cũng như nghĩa "Cầu tịch"** *(dứt hết phiền não).*

"Phạm ngữ" là tiếng nói của người "Thiên Trúc" cũng như tiếng nói của Trời "Phạm thiên" không khác, cho nên gọi là tiếng "Phạm ngữ".

Bởi do thế giới lúc mới thành, chưa có người ở, tia sáng của đất chiếu lên, rồi những chúng sanh "Phạm thiên", về cõi Trời "Sắc giới" theo tia sáng xuống xem đất mới, nếm thử vị đất, đắm ưa, liền mất thần túc "Thiên quang minh", không bay lên được, bèn ở lại làm nòi giống của loài người. Ở đời làm Tổ nước Thiên Trúc. Từ đó về sau, người theo trái đất xoay chuyển nên tiếng nói mỗi xứ khác nhau, duy có nước "Thiên Trúc", còn giữ nguyên tiếng "Phạm thiên", cho nên tiếng nói nước kia, còn gọi là tiếng Phạm, chữ kia gọi là chữ Phạm, các nước khác không có vậy.

Thử vân giả, vị dĩ thử phương Đông Huê "Tức từ", chỉ ngôn, phiên bỉ Thiên trúc "Sa di" chỉ hiệu : Nghĩa xuất "Gia xá truyện". Ngôn tức ác hành từ giả, thị thích minh tức từ nhị tự, du khủng sơ học vị tri tức hà ác, hành hà từ; cố phục dĩ tức thế nhiễm, nhi từ tế chúng sanh, tường chỉ.

Cái do phàm phu, tùng vô thỉ lai, vi vô minh sở phú chơn tánh, khởi chư vọng tưởng, phàn duyên trần cảnh, tình nhiễm thế gian ngũ dục, dĩ thân, khẩu, ý, tạo chư quá thất, đọa lạc tam đồ, luân hồi lục thú vô hữu xuất kỳ.

Như Lai mẫn thử, chế dĩ thập giới, linh chỉ tức thân, khẩu, ý chi quá ác, nhi chứng tịch diệt Niết bàn chi thánh đạo. Nhiên ác tuy chỉ tức, nhi vô từ mẫn chi tâm, bất năng tu hành lục độ, châu tế tứ sanh, toại đọa thiên tiểu, vị đắc xưng thiện, huống năng thành đẳng chánh giác, ngộ đại Bồ đề. Thị cố sử hành từ tế, dĩ viên vạn hạnh, trực thú bửu sở, bất trệ Hóa thành.

Cố Chỉ Quán vân : Đương tri "sanh tử Niết bàn", cu phục thị ác, lục độ Bồ tát, từ bi kiêm tế thử nãi xưng thiện, tức từ chi nghĩa, tư chỉ vị dư. Diệc vân cần sách diệc vân cầu tịch giả. Phạm ngữ "Niết bàn", thử vân "viên tịch", dĩ trí đức cu bị danh "viên", hoặc tập chướng tận danh "tịch". Vị Sa di thỉ tâm xuất gia, bẩm thọ thập giới, cần tu sách lệ, vị đoạn trừ phiền não hoặc tập, nhi cầu chứng Niết bàn chi diệu quả, cố dã.

Luật nghi giả ? Thập giới luật chư oai nghi dã ?

Chữ "*Thử vân*" ấy, nghĩa là : lời nói "*Tức từ*" của phương "Đông Hoa" đây, dịch cái hiệu "Sa di" nước "Thiên trúc" kia. Nghĩa này rút trong bộ "Truyện Gia xá". Câu : "ngôn tức ác hành từ" ấy; là giải rõ hai chữ "*Tức từ*". Thế mà sợ kẻ sơ cơ, chưa biết dứt cái ác chi, làm cái lành gì; cho nên lại giải rõ rằng : "dứt cái nhiễm của đời, mà làm hạnh lành giúp ích chúng sanh vậy".

Luận rằng : "Bởi chúng phàm phu, từ vô thỉ đến nay, bị màn vô minh che chơn tánh nên khởi các vọng tưởng duyên theo cảnh lục trần, tình nhiễm vui ngũ dục [11] thế gian, do thân, khẩu, ý, tạo nhiều tội lỗi, đọa lạc nơi ba đường [12], luân hồi trong sáu thú [13], không có thời kỳ ra khỏi.

Thế nên đức Như Lai thương xót, lập 10 điều giới luật, khiến cho chúng sanh, dứt các tội ác của thân, khẩu, ý; mà chứng đặng đạo quả "*Niết bàn tịch tịnh*". Song ác tuy dứt hết nhưng không tâm từ mẫu và không thể thực hành pháp lục độ [14], khắp giúp bốn loài [15], bèn đọa vào chấp không của Tiểu thừa [16] chưa đặng gọi là "*thiện*", huống đặng thành ngôi chánh đẳng chánh giác, chứng quả Đại Bồ đề [17] ư ? Thế nên Phật dạy : "Tuy dứt hết các ác, nhưng phải làm các việc từ thiện, để giúp ích chúng sanh, thì mới tròn đủ muôn hạnh, và mới mau về chốn Bửu sở [18] chẳng sa mắc nơi Hóa thành" [19].

Cho nên trong bộ "Chỉ quán" nói : Phải biết, lánh đường sanh tử, đến cõi "*Niết bàn của Tiểu thừa*" đều là "*ác*" *(tự lợi)*. Bực Đại thừa Bồ tát tu "lục độ" lòng từ bi giúp mình và giúp cả chúng sanh, thế mới xưng là "*thiện*" *(lợi tha)*. Hai chữ "*Tức từ*" là nghĩa như thế. Câu "Diệc vân cần sách, diệc vân cầu tịch" ấy, tiếng Phạm kêu là Niết Bàn. Tàu gọi là "viên tịch" . Vì gồm đủ cả trí và đức gọi là "*viên*", hết cái chướng quen lầm gọi là "*tịch*". Bởi thầy Sa di, bắt đầu phát tâm xuất gia, vưng chịu 10 giới, cố gắng tu dứt trừ tâm phiền não, chướng quen lầm, mà cầu chứng quả mầu Niết bàn, cớ vậy.

Luật nghi là gì ? Là 10 điều giới luật và các oai nghi vậy.

Thỉ tùng bất sát, chí đệ thập bất tróc kim ngân bửu vật, danh vi "thập giới luật", hậu liệt nhị thập tứ sự danh chư "oai nghi".

THƯỢNG THIÊN GIỚI LUẬT MÔN

Nguyên tập thử "Yếu lược" văn phân thượng hạ lưỡng thiên. Kim sơ thích thượng thiên giới luật môn.

"Thiên" tức "đản thiên", hựu thiên biến dã, vị hiển lý phô sự, minh nhi biến chi dã.

"Giới" thị "cấm giới", luật tức pháp luật, giới luật danh đồng, nghĩa hữu thiểu biệt. Phòng phi chỉ ác, viết "giới" xử, đoán khinh, trọng, khai, giá, trì, phạm, viết "luật". "Môn" dĩ năng thông vi nghĩa, vị bất sát đẳng thập pháp, đồng xuất nhứt giới luật môn, thị tam thừa Thánh chúng sở lý, như thông chí Niết bàn chi thành. Cố tri thử thập giới, thiệt, vi xuất thế chi giai thê, Niết bàn chi do hộ dã.

Phật chế xuất gia giả, ngũ hạ dĩ tiền chuyên tinh giới luật, ngũ hạ dĩ hậu, phương nãi thính giáo tham thiền.

Thử minh Giới, Định, Huệ, tam vô lậu học, chi thứ đệ, Cẩu việt kỳ thứ, tắc định, huệ vô sở tùng sanh hỉ.

"Phật" giả, thị "Thích Ca Như Lai", đại giác chi xưng dã : Như Lai giáng đản "Trung thiên", Ca tỳ la vệ quốc, "Tịnh Phạn" vương gia : đương thử "Châu". Chiêu vương, nhị thập tứ niên, giáp dần chi tuế, tứ ngoạt bát nhật, bình đán thời sanh. Chí niên thập cửu, việt thành xuất gia, tam thập thành đạo. Diệt độ đương thử "Châu" Mục vương, ngũ thập tam niên nhâm thân chi tuế, ư kỳ trung gian, thuyết pháp tứ thập cửu niên, giáo hóa tam thừa thánh chúng chế

Trước từ giới bất sát đến giới thứ 10 là chẳng cầm những món vàng, bạc, ngọc, báu v.v... gọi là 10 điều giới luật, sau kể 24 việc gọi là các "oai nghi".

THIỀN TRƯỚC NÓI VỀ CỬA "GIỚI LUẬT".

Nguyên Ngài Vân Thê biên tập bộ "Yếu lược" này, bổn văn phân trước sau hai thiên. Nay đầu giải thiên trước về cửa "Giới luật".

Chữ "Thiên" tức là "Dẫn thiên" lại chữ Thiên là biến khắp vậy. Nghĩa là : bày sự rõ lý, rành rẽ khắp đủ vậy.

Chữ "Giới" là "Giới cấm". Chữ "luật" tức "pháp luật". Cái tên chữ giới và luật tuy đồng, nhưng nghĩa có khác một chút. Như phòng lỗi ngăn ác gọi "Giới" xử đoán tội nhẹ, tội nặng, phép khai, phép ngăn, phép trì và phép phạm gọi rằng "luật". Chữ "Môn" là cửa thông thương, nghĩa là từ pháp bất sát sanh cả 10 pháp đồng ra một cửa "giới luật". Giới luật là bực tam thừa [20] các Thánh đồng noi mà thẳng đến thành Niết bàn vậy. Cho nên biết rằng 10 giới luật đây thật là thềm thang khỏi đời, ngõ đến cõi Niết bàn vậy.

Phật dạy người xuất gia, năm hạ về trước ròng chuyên giới luật, năm hạ về sau, mới cho nghe kinh giáo và học phép tham thiền.

Bài này giải rõ Giới, Định, Huệ, 3 món học, không sai thứ lớp vậy. Nếu bỏ thứ lớp của sự học Giới, thì Định, Huệ không từ đâu sanh ra đặng.

Chữ "Phật" chính là Phật Thích Ca Như Lai, gọi là bực "Đại giác". Đức Phật Như Lai giáng sanh cõi "Trung thiên", nơi nước Ca Tỳ La Vệ, nhà vua "Tịnh Phạn". Lúc đó, nhằm đời nhà Châu, vua Chiêu Vương, năm thứ 24, là năm Giáp dần, ngày mùng 8, tháng tư, khi sanh Ngài rồi, thì trời vừa sáng; đến 19 tuổi, vượt thành xuất gia, 30 tuổi thành đạo. Khi diệt độ lúc đó cũng nhà "Châu" nhưng vua Mục Vương tức vị năm 53, nhằm năm Nhâm thân, nơi chốn "Ta la song thọ". Nhắc lại Ngài thuyết

chư giới luật, linh chư Tỳ kheo ngũ hạ y sư học luật, nãi chí nhất dạ bất đắc ly sư nhi trụ. Ký kỳ luật tạng thông dĩ, phương tập thiền tụng, nhược thị Sa di, tắc chung thân y chỉ, phi luận hạ số, tường như "đại luật". Tuy vân : Tỳ kheo chi sự, nhi Sa di bất khả bất tri.

Ngôn "chế" giả, vị Như Lai Pháp vương, ư pháp tự tại, cùng tận chúng sanh nghiệp tánh, cố chế chư giới luật, linh chúng đệ tử, y chỉ phụng hành, tắc sanh tử giải thoát, phi dư thánh sở kham. Như thế lễ nhạc, phi "thiên tử" bất chế, xuất thế hồng qui, phi "Phật" mạc lập. Thị tri luật, nãi Như Lai thân chế, tự dư Thanh văn, Bồ tát đản thuật nhi bất tác.

Cố Văn Thù dĩ hàng, bất hứa thố nhất từ, Ba ly kiết tập bất cảm diễn nhứt tự, nhơn gian, thiên thượng vô biên thánh chúng, duy đồng nhất luật hàm cọng tuân trì, thị cố đặc nghi tôn trọng.

Ngôn xuất gia giả, hữu nhị chủng : Nhất từ thân cắt ái, khí tục nhập đạo, thế phát nhiễm y, danh xuất thế tục gia. Nhị đoạn trừ vọng hoặc, chứng vô sanh quả, danh xuất tam giới gia, thị vi chơn xuất gia. Cố Tịnh Danh vân : "Phù xuất gia giả, vị vô vi pháp thị dã".

Ngôn "hạ" giả, vị xuất gia việt tục, bất dĩ thế tuế vi niên, cố ư hạ tam ngoạt sách lệ, gia công miễn tấn, hoặc giai thánh quả, hoặc tăng "tam học", dĩ công thưởng đức, cố thọ hạ danh, tức dĩ thất ngoạt thập ngũ nhật, vi lạp trừ dã.

Ngôn "chuyên tinh" giả. "Chuyên", vị thuần nhất, bất tạp dư học. "Tinh", vị chúc văn liễu nghĩa, xuyễn tận u vi, cố linh u ngũ hạ trung, nghiên cứu

pháp trong khoảng thời gian 49 năm ; nào giáo hóa các Thánh bậc tam thừa, nào là lập các giới, luật, dạy các thầy Tỳ kheo, năm hạ theo Thầy học luật, nhẫn đến một đêm không đặng lìa Thầy ở riêng. Chừng nào tạng Luật đã thông rồi, mới dạy pháp tham thiền và học Kinh, Luận. Đó là Tỳ kheo còn thế, bằng Sa di trọn đời nương ở với Thầy, không luận là mấy hạ, rõ như trong "*Đại luật*". Tuy rằng : công việc của thầy Tỳ kheo, nhưng Sa di chẳng khá chẳng biết.

Nói chữ "chế luật" ấy, nghĩa là đức Như Lai, làm vị Pháp vương đối với các pháp được tự tại, biết hết nghiệp tánh chúng sanh, nên chế ra các giới luật, dạy các đệ tử Ngài, theo đó vâng làm, thời thoát khỏi đường sanh tử, không phải các Thánh chế đặng. Như việc lễ nhạc trong đời, chẳng phải vị "Thiên tử" thời chẳng chế, phép lớn xuất thế chẳng phải "Phật", thì chẳng ai lập. Thế nên biết rằng : "Luật" chính đức Như Lai Ngài chế ra còn bao nhiêu như : hàng Thanh văn, Bồ tát, chỉ thuật mà không dám làm.

Cho nên từ đức Văn Thù sắp xuống, chẳng cho để một lời, Ngài Ba Ly kiết tập, chẳng dám sai một chữ, chốn nhơn gian cõi Thiên thượng, các Thánh không ngằn, chỉ đồng một luật đều chung vưng giữ, thế nên rất phải kính trọng.

Nói "Xuất gia" có 2 nghĩa : 1.- Từ nghĩa song thân, dứt tình ân ái, bỏ tục vào đạo, cạo tóc nhuộm áo, kêu là ra nhà thế tục. 2.- Dứt trừ tâm vọng hoặc, chứng quả vô sanh, gọi là ra khỏi nhà tam giới [21] ấy mới thật là xuất gia. Cho nên kinh Tịnh Danh nói : "Luận người xuất gia, vì học pháp vô vi [22] phải vậy".

Nói chữ "Hạ" ấy, nghĩa là kẻ xuất gia bỏ tục, không lấy năm đời làm tuổi, chỉ ở trong ba tháng hạ siêng năng gia công, tu hành thắng tấn, được lên quả Thánh, hoặc thêm pháp "tam học", lấy công trọng đức, nên chịu cái tên "hạ lạp", tức lấy ngày rằm tháng 7, là cái ngày mãn năm của các Thầy Tỳ kheo vậy (cũng gọi ngày tết).

Nói chữ "chuyên tịnh" ấy. Chữ "chuyên" nghĩa là chuyên nhất, không xen việc học khác. Chữ "tịnh" nghĩa là thấy chữ biết nghĩa, tỏ thấu lý nhiệm mầu. Cho nên Phật

"tỳ ni" thiện nhàn khai, giá, trì, phạm, danh, chủng, tánh, tướng.

Đại Luật vân : Túng đắc tam minh, lục thông, ngũ hạ vị mãn, du tu, y chỉ sư trụ, ngũ hạ tuy mãn, bất tri khai, giá, tánh, chế, chi cấm, huờn tu tận thọ y tha. Thị dĩ Tuyên luật sư, thập tịch tựu thính tỳ ni. Huệ Hưu pháp sư, chung thân văn luật, ngã bối hà nhơn triếp nghĩ hưu học ly sư, ký cùng luật tạng, ngũ hụ phục châu, phương hứa "thính giáo tập thiền".

"Thính" vị tùng tha thọ nghiệp. "Giáo" vị "Như Lai" nhất đợi sở thuyết chi pháp, phân vi thập nhị bộ kinh. Cái do chúng sanh, bệnh ký bất nhất, nhi pháp dược thí hữu đa phương. Cố giáo bộ loại, khai vi thập nhị phần :

- Nhất "Khế kinh" : Tức chư kinh trung, trường hàng trực thuyết giả, thị dã.
- Nhị "Trùng tụng" : Phàm chư kinh, trùng tuyên trường hàng trung nghĩa, thị dã.
- Tam "Thọ ký" : Vị Như Lai vị chư đệ tử đẳng thọ tác Phật ký, thị dã.
- Tứ "Già đà" : Tức chư kinh trung kệ tụng, thị dã.
- Ngũ "Tự thuyết" : Vị vô nhơn vấn Phật, Như Lai quán chúng sanh cơ, nhi tự tuyên thuyết, thị dã.
- Lục "Nhơn duyên" : Tức chư kinh luật trung nhơn nhơn duyên khởi sự, Phật vị thuyết pháp, thị dã.
- Thất "Bổn sanh" : Vị Phật thuyết chư Bồ tát, bổn sở tu hành, tằng vi chi sự, thị dã.

dạy ở trong năm hạ nghiên cứu "tạng luật tỳ ni" thông thạo pháp khai, pháp giá, pháp trì, pháp phạm [23], danh, chủng, tánh và tướng [24].

Trong "Đại luật" nói : Dù tu chứng bực tam minh [25] lục thông [26] nhưng năm hạ chưa đủ, cũng phải nương ở với Thầy mà học luật, hay là năm hạ tuy đủ, song chưa biết phép cấm của giới khai, giới giá, tánh và tướng *(chế)*, cũng phải trọn đời ở với Thầy. Thế nên Ngài Tuyên luật sư đến nghe tạng luật tỳ ni tới mười hội. Ngài Huệ Hưu pháp sư, nghe luật trọn đời, chúng ta là người bực nào, liền toan thôi học lìa Thầy, chừng nào tạng luật đã thông, năm hạ trọn đủ, mới cho nghe "kinh giáo" và học phép "tham thiền".

Chữ "Thính" nghĩa là theo Thầy học đạo. Chữ "Giáo" nghĩa là giáo pháp của đức "Như Lai" Ngài nói trong một đời, phân làm 12 bộ kinh. Bởi vì chúng sanh tâm bịnh, đã chẳng phải một, nên phép thuốc của Phật ra có nhiều phương. Thế nên, trong kinh giáo phân ra từng bộ, từng loại, làm 12 phần, để đối trị nghiệp tánh của chúng sanh :

1.- Phần "Khế kinh" : Tức nói ngay những văn trường hàng, trong các kinh ấy, phải vậy.

2.- Phần "Trùng tụng" : Tức là phần trùng tuyên những nghĩa trong văn trường hàng các kinh, phải vậy.

3.- Phần "Thọ ký" : Nghĩa là đức Như Lai vì các hàng đệ tử v.v... thọ ký làm Phật, phải vậy.

4.- Phần "Già đà" : Tức là lời kệ lời tụng, trong các kinh, phải vậy.

5.- Phần "Tự thuyết" : Nghĩa là không ai dám hỏi Phật, nhưng đức Như Lai xem cơ người đời mà tỏ nói, phải vậy.

6.- Phần "Nhơn duyên : Tức là trong các kinh luật, vì duyên người thưa hỏi, Phật vì đó thuyết pháp cho nghe, phải vậy.

7.- Phần "Bổn sanh" : Nghĩa là đức Phật nói cội gốc tu hành của các Bồ tát, những cái việc từng làm như thế nào, mới phải phận sự của các ông Bồ tát, phải vậy.

- Bát "Bổn sự" : Vị Phật thuyết chư Thanh văn đệ tử, tiền thế đẳng sự, thị dã.
- Cửu "Phương đẳng" : Diệc danh Phương Quảng, vị chư Đại thừa kinh điển kỳ nghĩa quảng đại lượng đẳng hư không, thị dã.
- Thập "Hi hữu" : Vị chư kinh trung, Phật thuyết thậm hi hữu công đức chi pháp, thị dã.
- Thập nhất "Thí dụ" : Phật vị độn căn chúng sanh thuyết pháp, giả thí dụ ngôn từ, nhi hiểu thị chi, thị dã.
- Thập nhị "Luận nghĩa" : Vị đáp chư vấn giả quảng giải kỳ nghĩa, thị dã.

Ngôn "Thiền" giả, môn hữu vô lượng, yếu nhi ngôn chi, duy nhị : Nhất "Tu quán". Nhị "Trực chỉ". Kim ngôn "tham" giả, thị "Trực chỉ" thiền, tức trực chỉ nhơn tâm kiến tánh thành Phật dã.

Tư Trì vân : Thập tụng luật, chế Tỳ kheo, ngũ hạ dĩ tiền chuyên tinh "luật bộ", nhược đạt trì, phạm, biện Tỳ kheo sự, nhiên hậu, nãi học tập kinh luận. Kim việt thứ nhi học, hành ký thất tự, nhập đạo vô do ? Đại Thánh ha trách, chung phỉ đồ nhĩ.

Kim thời tài triêm giới phẩm, tiện nãi thính giáo tham thiền, vi tăng hạnh nghi, nhật vô sở hiểu, huống phục khinh lăng giới kiểm, hủy tử tỳ ni, biếm học luật vi Tiểu thừa, hốt trì giới vi chấp tướng, vị cùng thánh chỉ thố giải chơn thừa. Thả giới tất khả khinh, như hà đăng đàn nhi thọ ? Luật tất khả hủy, như hà tước phát nhiễm y ? Thị tắc khinh giới, toàn thị tự khinh, hủy luật, huờn thành tự hủy, vọng tình dị tập, chí đạo nan văn, bạt tục siêu quần, vạn trung vô nhất, thỉnh tường thánh huấn, năng vô tùng hồ !

8.- Phần "Bổn sự" : Nghĩa là đức Phật nói các đệ tử về Thanh văn, thuật những việc đời trước cho nghe, phải vậy.

9.- Phần "Phương đẳng" : Cũng gọi là phần "Phương Quảng", nghĩa là các kinh điển đại thừa nghĩa nó rộng lớn lượng như hư không, phải vậy.

10.- Phần "Hi hữu" : Nghĩa là trong các kinh, Phật dạy : các việc công đức rất ít có, phải vậy.

11.- Phần "Thí dụ" : Nghĩa là đức Phật vì những người tối dốt mà thuyết pháp, mượn lời nói thí dụ, để tỏ bày chơn lý, phải vậy.

12.- Phần "Luận nghĩa" : Nghĩa là đức Phật trả lời những câu người hỏi, rộng giải các nghĩa, phải vậy.

Nói chữ "Thiền" ấy, pháp môn tu thiền có vô lượng, nói tóm lại chỉ có hai : 1.- Thiền "Tu Quán". 2.- Thiền "Trực Chỉ". Nay nói chữ "tham" ấy, là pháp thiền trực chỉ, là chỉ ngay tâm người thấy tánh thành Phật vậy.

Bộ "Tư Trì" nói : Trong Thập Tụng luật Phật dạy thầy Tỳ kheo năm hạ về trước ròng chuyên bộ luật, nếu thông phép trì và phạm, biết đủ việc Tỳ kheo rồi vậy sau mới học tập kinh luận. Nay học vượt bực, chỗ làm đã lỗi thứ lớp, không do đâu vào đạo ? Đức Thế Tôn quở trách, trọn không phải học trò của Ngài.

Thế mà đời bây giờ, những người mới thọ giới lại cho nghe kinh và học phép tham thiền, không đoái hoài đến "bộ luật" hạnh nghi làm ông Thầy, hoàn toàn không hiểu, huống lại còn khinh dễ giới pháp, chê bai tạng tỳ ni, biếm người học luật cho là tiểu thừa, khinh bậc trì giới là chấp tướng, chưa thông ý chỉ Phật, quấy luận lý chơn thừa.

Thử hỏi giới ắt khá khinh, người sao tới giới đàn mà thọ ? Luật ắt khá hủy, vì sao người cạo tóc nhuộm áo ? Như vậy thì té ra khinh giới, toàn là khinh mình, hủy luật trở thành hủy mình. Ôi ! Tình vọng dễ quen, chỗ chí đạo khó nghe, những bậc tột chứng siêu quần, trong muôn người không có một, xin rõ lời Phật dạy, dám chẳng theo ư !

Thị cố Sa di thế lạc, tiên thọ thập giới, thứ tắc đăng đàn thọ "cụ". Kim danh vi Sa di, nhi bổn sở thọ giới, ngu giả mang hồ bất tri, cuồng giả hốt nhi bất học, tiện nghĩ lạp đẳng, võng ý cao viễn, diệc khả khái hỉ!

"Thị cố" giả, thừa thượng khởi hạ chi từ, vị tam vô lậu học, dĩ luật nghi vi thủ, xuất gia ngũ chúng, thập giới vi tiên, cố kỳ thỉ lạc tu phát, tức linh bẩm thọ, do phạm hạnh vô khuy, thứ nãi phương hứa đăng đàn thọ "cụ".

"Đàn" tức "giới tràng", thử tràng tăng cọng bỉnh pháp "Yết ma" nhi thành, nhược phi thử tràng, giới vô do đắc ?

"Cụ" thị "cụ túc", vị thọ "Tỳ kheo", nhị bá ngũ thập đại giới, tức tiện "Cụ túc Niết bàn" diệu nhơn; diệc danh "cận viên". "Viên" : tức "viên tịch" vị thử đại giới, dữ Niết bàn, tương khử bất viễn hĩ.

"Kim danh vi Sa di, nhi bổn sở thọ giới giả", thử vị trương bổn dắc danh, do bổn thọ thập giới kim đắc"Sa di" danh. Danh ký do bổn cố đương tập học cẩn trì, nhi bất học bất trì, do nhị chủng nhơn : nhất ngu, nhị cuồng. Ngu vô huệ mục, bất giám thị phi; cố ư chư giới tướng, mang hồ bất tri. Cuồng vọng tà kiến, bất tuân vị thứ, cố ư Như Lai thánh chế, hốt nhi bất học.

"Tiện nghi lạp đẳng" giả. "Lạp", thóa việt dã. "Đẳng", cấp dã. Học ký vân : "Ấu giả thính nhi phất vấn, học bất lạp đẳng dã; nhược bất tuân vị thứ, tiện dục khóa việt nhi tấn, chánh sở vị, "triêu đắc viên lư, mộ lạp đại tăng chi thượng" thị dã.

Thế cho hên Phật dạy thầy Sa di, cạo tóc, trước chịu mười giới,sau mới đến giới đàn thọ giới "cụ túc". Nay được tên là Sa di, chính do gốc thọ giới, thế mà kẻ ngu mờ vậy không biết, người dại khinh mà chẳng học, bèn toan vượt bực, ý muốn cao xa, cũng đáng thương xót !

Chữ "Thị cố" ấy, là lời nương văn trước khởi văn sau, nghĩa là ba pháp học không sai, lấy luật nghi làm đầu, kẻ xuất gia vào trong số năm chúng, lấy mười điều giới làm trước cho nên thầy Sa di trước cạo râu tóc, liền cho vưng thọ mười giới, do phạm hạnh không thiếu, nên sau mới được tới giới đàn thọ giới cụ túc.

"Đàn" tức là "trường thọ giới", trường này do chúng tăng chung làm phép "Yết ma" mà thành, nếu không đến trường này, không làm sao thọ giới đặng.

"Cụ" là giới "Cụ túc", nghĩa là thọ giới "Tỳ kheo" có đủ 250 đại giới, thì mới kham đủ cái nhơn mầu đạo Niết bàn, cũng kêu là chữ "Cận viên". Chữ "viên" tức là "viên tịch", nghĩa là giữ 250 đại giới đây tu hành, cùng đạo Niết bàn cách nhau chẳng bao xa vậy.

Câu "Kim danh vi Sa di, nhi bổn sở thọ giới ấy" đây gọi rằng : Nêu gốc đặng tên, nghĩa là : do gốc thọ 10 giới, nay đặng tên thầy Sa di. Tên đã do gốc, nên chi phải tập học và giữ gìn; nhưng không học, không gìn giữ, do có hai hạng người : 1.- Người ngu. 2.- Người cuồng. Người ngu không mắt huệ, không biết phải và quấy, nên đối các giới tướng, mù mờ không biết. Người cuồng quấy lòng tà chấp, không theo thứ lớp mà học, nên đối với lời dạy của đức Phật Như Lai, khinh dễ chẳng học.

Câu "Tiện nghĩ lạp đẳng" ấy. Chữ "Lạp" là nhảy vượt. Chữ "Đẳng" là thềm cấp. Sách Học Ký nói : "Người nhỏ nghe thì hiểu, không cần hỏi, là vì học không vượt bực vậy". Nếu không theo thứ lớp bèn muốn nhảy vượt mà lên, chính gọi là : "Mai được đầu tròn, chiều nhảy vượt lên bậc đại tăng" đó vậy.

Tư do cuồng kiến, bất thức "pháp tướng giới phẩm" chi thứ tự, cố kỳ vọng nghĩ khóa việt, dục tề "Tiên triết".

Như Bách Dụ kinh vân : "Tích hữu ngu nhơn, kiến tha phú gia, tam trùng lầu các, cao quảng nghiêm lệ, tức hoán mộc tượng, linh tạo tối thượng, đệ tam tằng ốc. Tượng ngôn : "Hà hữu bất tác tối hạ, năng tạo đệ nhị, bất tạo đệ nhị, năng tạo đệ tam". Ngu nhơn cố ngôn : "Ngã bất dụng hạ nhị, tất vị ngã tác thượng ốc". Thời nhơn văn tri, tiện sanh quái tiếu.

Thị như tứ bối đệ tử, bất cẩn tu kỉnh Tam Tôn, lại đọa giải đãi, dục cầu đạo quả, bất dục hạ tam quả, duy dục đắc đệ tứ "vô sanh" quả, diệc vi thời nhơn chi sở xuy tiếu, như bỉ ngu nhơn, đẳng vô hữu dị. Nhược bất y tam thừa thứ đệ, tiên học đại thừa, diệc phục như thị.

Phật Tạng kinh vân : "Bất tiên học tiểu thừa, hậu học đại thừa giả, khi Phật đệ tử".Kim bất học "Sa di" dục đắc "cụ giới", bất trì tịnh giới, dục đắc đốn ngộ, như bỉ ngu nhơn hà hữu dị tai !

"Võng ý cao viễn, diệc khả khái" giả; "võng ý", thị vô tri mạo, vị hôn mụi vô tri, viết "võng ý". Vọng tề "Tiên triết" viết "cao viễn". Nguyên "cao", thị chỉ Tỳ kheo, "viễn" tức chỉ Bồ tát : "khái" thị thương thán chi từ. Hựu cao, viễn, diệc Phật tổ sở chứng chi địa. Do cuồng hốt học, cố thất huệ minh, do thất huệ minh, cố vô sở tri; do vô sở tri, cố bất thức : giáo, hạnh, lý, quả, tam học chi thứ đệ. Vọng khóa cao viễn, nhi đẳng Phật tổ, thành khả cảm thương. Cố vân : "Diệc khả khái hỉ !"

Đây là do người dại dột tà kiến, chẳng biết thứ lớp "pháp tướng, giới phẩm" cho nên quấy toan nhảy vượt, muốn bằng bực "Tiên triết".

Như trong Bách Dụ kinh nói : "Xưa có người ngu thấy người nhà giàu, cất nhà lầu ba từng cao rộng nghiêm tốt, liền kêu thợ mộc, mướn làm từng nhà thứ ba cao vót. Người thợ nói : "Vì sao không làm từng dưới thấp mà làm từng thứ hai, không làm từng thứ hai, lẽ nào lại làm từng thứ ba cho đặng". Thế mà người ngu cứ nói : "Ta chẳng dùng hai từng dưới, chú cứ vì tôi làm từng trên hết". Lúc đó có người nghe biết, liền sanh chê cười.

Ví như trong bốn chúng đệ tử Phật [27], không chịu siêng tu kính Tam bảo [28], biếng lười giải đãi, mà muốn mong cho được đạo quả, không muốn ba quả sau, chỉ muốn cho được quả "vô sanh" thứ tư [29] mà thôi, cũng bị người ta chê cười, khác nào như người ngu nói trên. Người học Phật cũng thế, nếu không y thứ lớp ba bực mà học, lầm học bực đại thừa trước, cũng lại như vậy.

Trong *kinh Tạng Phật* nói : "Trước không học tiểu thừa, sau học đại thừa, tức không phải đệ tử của Ta". Nay người xuất gia, không học luật "Sa di", mà muốn thọ giới "cụ túc", không chịu giữ tịnh giới, mà muốn cho được mau tỏ ngộ, như người ngu nói trên nào có khác ư !

Câu : "Vōng ý cao viễn, diệc khả khái" ấy. Chữ "vōng ý" là bộ dạng không biết, nghĩa là tối tăm không hiểu biết, gọi là : "vōng ý". Quấy muốn bằng vực "Tiên triết" gọi rằng "cao viễn". Nguyên chữ "cao" là chỉ cho thầy Tỳ kheo, chữ "viễn" tức là chỉ bực Bồ tát; chữ "khái" là : lời thương than. Lại chữ cao và viễn cũng là chỗ chứng của Phật Tổ. Bởi kẻ cuồng dại khinh dễ sự học giới cho nên mất huệ sáng, vì mất huệ sáng, cho nên không biết chỉ; vì không biết chỉ, cho nên không biết kinh giáo, thực hành, hiểu lý, chứng quả, và thứ lớp ba việc học là : "Giới, Định, Huệ". Quấy đem tâm muốn nhảy vượt cho cao xa mà sánh đồng với bực Phật, bực Tổ, thật đáng thương xót, cho nên nói câu : "Diệc khả khái hĩ !"

Nhơn thủ "thập giới" lược giải số ngữ.

Lược nhi phi quảng, cố viết sổ ngữ,

Sử mông học, tri sở"hướng phương".

Sơ nhập đạo giả; cố viết "mông học, do khái cuồng ngu, võng am giới pháp, cố ư"Sa di luật nghi" kinh trung, lục thủ thập giới, lược vi giải thích, hối bỉ vị văn, ly vô tri khổ, tỉ sơ nhập đạo giả, hữu sở thố tâm, cố viết "hướng phương". Luận vân : "Tam ác thiêu nhiên, đà lư trọng sở, ngạ quỷ cơ khát, bất danh vi khổ, si ám vô căn, bất thức phương hướng, nãi danh vi khổ", thị dã.

Hảo tâm xuất gia giả; thiết ý tuân hành thận vật vi phạm.

Bất vị vương lực sở bức, bất vị tà cầu hượt mạng, bất vị tị nạn, bất vị phụ trái, bổn vị hy cầu chánh pháp dĩ tín cố, nhi nhập pháp môn, thị viết, hảo tâm xuất gia. Nhược vị thoát ly sanh tử, thọ trì cấm giới, cố năng thiết ý, tuân thủ phụng hành. "Giới," thị việt khổ hãi chi phù nang, trang nghiêm pháp thân chi anh lạc, cố tu cẩn thận, vật sử hào ly, hữu sở khuy phạm dã.

Nhiên hậu, cận vi Tỳ kheo giới chi giai thê, viễn vi Bồ tát giới chi căn bổn.

"Nhiên hậu" do thượng chi hạ dã, vị "thập giới" vi "Tỳ kheo" giai thê, "Bồ tát" căn bổn.

Du tam cấp trùng lâu, cố viết giai thê như Đa la thọ đầu, cố viết "căn bổn", Sa di lân thứ Tỳ kheo danh chi viết "cận", thượng cách cụ túc, danh chi viết "viễn", sơ giai nhược hủy, thứ bộ nan đăng, căn

Nhơn đây Ngài "Vân Thê", rút trong kinh "Sa di thập giới", lược giải vài lời.

Hẹp mà không phải rộng, gọi là "sổ ngữ", *(vài lời)*

Dạy kẻ mới học, biết phương đi tới, gọi là "phương hướng".

Người mới học đạo, nên gọi là "mông học", bởi thương kẻ cuồng ngu, không hiểu giới pháp, nên ở trong kinh "Sa di luật nghi", Ngài *Vân Thê* chép ra 10 giới, giải thích rất gọn, để dạy người chưa nghe, hết khổ vô tri và khiến người mới vào đạo, có chỗ để lòng, ấy gọi rằng *phương hướng*. Trong Luận nói : "ba đường ác thiêu đốt; con Lạc đà, con Lừa, chịu khổ chuyên chở nặng nề; loài Ngạ quỉ chịu khổ đói khát, thế mà Phật nói chưa lấy gì khổ, duy có người ngu si, không nghe pháp Phật, không biết phương hướng, mới gọi là khổ phải vậy.

Người hảo tâm xuất gia, dốc chí vưng làm, dè chớ trái phạm.

Người xuất gia, chẳng bị thế lực nhà vua ép bức, chẳng vì tham cầu mạng sống, chẳng vì lánh nạn, chẳng vì thiếu nợ, vốn vì mong cầu chánh pháp, vì lòng chánh tín mà vào trong cửa Phật pháp, nên gọi hảo tâm xuất gia. Hoặc vì thoát khỏi đường sanh tử, gìn giữ giới cấm, nên mới dốc ý, tuân giữ vưng làm. "*Giới*", là phao nổi qua biển khổ, chuỗi ngọc trang nghiêm pháp thân, nên phải cẩn thận, đừng để hào, ly có chỗ sái phạm vậy.

Vậy sau, gần, thì làm thềm thang giới "Tỳ kheo"; xa thì làm cội gốc cho giới "Bồ tát".

Chữ : "Nhiên hậu" *(vậy sau)*, do văn trên mới có văn dưới, nghĩa là : do 10 giới "*Sa di*" là thềm thang giới "*Tỳ kheo*", cội gốc giới "*Bồ tát*".

Như lầu cao ba từng nên gọi "*thềm thang*, (thềm là : bực; thang là : nấc thang. Nghĩa là cứ từng bực từng nấc, dần dần bước lên). Như gốc cây Ta la thọ, nên gọi "*cội gốc*", Sa di gần bực Tỳ kheo nên gọi là "*cận*", còn cách

bổn nhất khuy, chi diệp hoa quả, tất giai đọa lạc. Cố kinh vân : "Nhược phá ngũ giới trung trọng giới, hườn thọ ngũ giới, nãi chí Bồ tát giới, vô hữu thị xứ, nhược phá thập giới trung trọng giới, hườn thọ thập giới, Tỳ kheo giới, Bồ tát giới, diệc vô hữu thị xứ".

Nhơn giới sanh định nhơn, định phát huệ, thứ cơ thành tựu Thánh đạo, bất phụ xuất gia chi chí hĩ.

"Thứ cơ" thị "cận khả" chi từ, do giới tịnh cố, định tánh hiện tiền, tắc hữu vô lậu huệ phát, dĩ huệ suy cầu, đoạn chư hoặc chướng, phục bổn tịnh minh, cố viết "thành tựu Thánh dạo"; tư nãi tam học tương tư, như đảnh tam túc, cố năng thành tựu Thánh đạo, Thánh đạo giả. Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, tam thừa chi Thánh quả, xuất gia bổn kỳ Thánh quả, nhi tam học tăng thượng, tắc khử đạo bất viễn, cố xuất gia chi chí bất phụ hĩ !

Đàm Nhứt Luật sư vân : "Tam thế Phật pháp, giới vi căn bổn",bổn chi bất tu, đạo viễn hồ tai !

Nhược nhạo quảng lãm, tự đương duyệt luật tạng toàn thơ.

"Nhạo", dục dã ; "lãm", khán dã; "duyệt", thị kiểm duyệt; biến quan dã.

"Luật tạng toàn thơ" tức "Sa di thập giới pháp, tinh oai nghi, dẳng". Kim thử "yếu lược", vị tiện sơ tấn, thứ tri "trì phạm", thô tướng, dục tất vi tế hành trì, tự đương quảng duyệt toàn thơ.

giới "Cụ túc" nên gọi là "viễn", song bước đầu nếu hư, bước sau khó lên, cội gốc một phen mục, nhánh, lá, hoa, trái chi khỏi héo rụng. Nên trong "Thập giới" kinh nói : "Nếu phá một giới trọng, trong 5 giới, lại thọ 5 giới; nhẫn đến giới "Bồ tát", không lý nào thọ đặng. Hoặc phá một trọng giới trong 10 giới rồi thọ 10 giới lại, cho đến giới "Tỳ kheo", và giới "Bồ tát", cũng không lý nào thọ đặng".

Bởi giữ giới mới sanh định, nhơn định mới phát huệ, ngỏ hầu trọn nên quả Thánh, chẳng uổng chí người xuất gia vậy.

Chữ : "Thứ cơ", *(ngõ hầu)*, là ý nói "gần đặng" vì do giữ giới trong sạch, nên lộ bày tánh định, định tánh được hiện bày, thì có huệ vô lậu *(trong sạch)* phát ra, rồi lấy trí huệ sáng suốt tìm xét, đoạn được các chướng mê lầm, trở về bản tánh *(trong suốt)* cho nên nói : "trọn nên quả Thánh". Ba phép học : Giới, định, huệ đây giúp nhau, như đảnh có ba chân; cho nên nói : "thành tựu quả Thánh" - Quả Thánh là gì ? - Thánh "Thanh văn", Thánh "Duyên giác" và "Bồ tát", quả Thánh trong 3 thừa. Người xuất gia vốn cầu quả Thánh, mà 3 phép học được tăng lên, thì cách đạo "Niết bàn" chẳng xa, cho nên nói "chí người xuất gia chẳng uổng vậy".

Ngài Đàm Nhứt Luật sư nói : "Ba đời Phật nói pháp, Phật nào cũng nói giới luật là cội gốc" thế mà không tu cội gốc, thì cách đạo xa lắm !

Nếu muốn xem rộng, tự phải xem toàn bộ luật tạng.

Chữ "Nhạo" là muốn; "lãm" là xem; "duyệt" là kiểm duyệt, là xem đủ.

Câu : "Luật tạng toàn thơ" tức kinh "Sa di thập giới, cùng Bộ oai nghi và các bộ". Nay bộ "yếu lược" này, là vì cho dễ kẻ mới học, được biết sơ qua giới tướng "Trì" và "Phạm". Bằng muốn giữ làm, cho đủ những giới vi tế, thì phải rộng xem trọn bộ.

Hậu thập giới, xuất "Sa di thập giới" kinh Phật sắc Xá Lợi Phất, vị La Hầu La thuyết.

Hậu thập giới giả : Thỉ tùng "bất sát sanh", chí thập "bất tróc trì sanh tượng", thị dã. Xuất Sa di thập giới kinh giả : Hiển phi ức thuyết, cập xuất dư kinh dã. "Phật" tức "Thích Ca Như Lai". "Sắc", du "Thiên tử" chế thơ mạng lịnh, "Phật vi Pháp vương", cố chế giới luật, mạng Xá Lợi Phất, vị La Hầu La thuyết.

Phạm ngữ "Xá Lợi", thử vân "Thân", diệc vân "thu". "Phất" giả, "tử" giả, phụ thị Thiên trúc, Bà la môn, "Đề Xá" luận sư, Mẫu danh "Xá Lợi", nhi hảo hình thân, nhãn minh như "thu điểu" chi mục, tùng mẫu thọ xưng, cố danh "Xá Lợi Tử", đầu Phật xuất gia chứng Vô sanh quả, trí huệ đệ nhất dã.

La Hầu La, thử vân : "Phú chướng", diệc vân "Chấp nhật", thị Phật chi tử. Sanh thời, trị ngộ A tu la, dĩ thủ chướng nhật, nhơn chi vi danh. Tích Phật vi Thái tử thời, khải phụ xuất gia. Phụ viết : "Vô tuyệt ngô quốc tự, nhữ nhược hữu tử, thỉnh nhữ xuất gia". Thái tử tức dĩ thủ chỉ Da Du Đà La phu nhơn phúc, tiện giác hữu nhâm.

Tại thai lục niên thỉ sanh, nhơn thử diệc danh Phú Chướng. Niên ký trưởng đại Phật tức độ linh xuất gia, sắc Xá Lợi Phất, vị thuyết thập giới, nhi Phật bất vị tác hòa thượng; Xà lê, do Tam bửu vị biệt cố, vị Như Lai thị "Phật bửu". Cố bất dữ nhơn, tác Hòa thượng. Hòa thượng thị "Tăng bửu"; thập giới thị "Pháp bửu". Cố sắc Xá Lợi Phất, vị tác Hòa

Mười giới sau đây, rút trong kinh "Sa di Thập giới". Phật dạy ông Xá Lợi Phất, vì ông La Hầu La mà nói.

Mười giới sau là : Đầu từ giới "bất sát sanh" đến giới thứ 10 là "bất tróc trì sanh tượng" phải vậy. Câu : "Nói rút trong kinh Sa di Thập giới và các kinh" là chứng rõ không phải lời bịa đặt mờ hồ. Phật, tức là "Đức Thích Ca Như Lai". Chữ "sắc", nghĩa "dạy", cũng như vị "Thiên tử" trọn quyền chế thơ mạng lịnh, tức nay "Phật làm vị Pháp Vương" đối các pháp tự tại cho nên chế ra giới luật, dạy ông Xá Lợi Phất, vì ông La Hầu La mà nói.

Tiếng Phạn nói: "Xá Lợi", tiếng Hán gọi là "Thân", cũng gọi là "Thu", chữ "Phất" cũng như chữ "Tử", nghĩa là : "Ông Xá Lợi Phất" là con của "Bà Thu Tử", cha ông Xá Lợi Phất, tên "Đề Xá", làm chức luận sư, sanh trưởng ở xứ Thiên Trúc, nòi giống "Bà la môn". Mẹ tên "Xá Lợi", thân hình tốt đẹp, mắt sáng như mắt "Chim Thu", ông "Xá Lợi Phất" vì theo đức mẹ, nên đặt tên là "Xá Lợi Tử", tức là con bà "Xá Lợi" vậy. Ông theo Phật xuất gia, chứng đặng quả "Vô sanh", trí huệ bực nhất.

"La Hầu La", tiếng Hán dịch "Phú Chướng", cũng dịch "Chấp Nhật", là con của Phật. Lúc sanh ông, đương khi "thần A tu la", lấy tay che mặt trời, nhơn đó đặt tên là "Chấp Nhật", Nhắc lại trước khi Phật làm vị Thái Tử, thưa đức Phụ Vương đi xuất gia. Phụ Vương nói : "Chớ tuyệt giòng nước ta, bằng Thái Tử có con, Trẫm sẽ cho xuất gia". Thái Tử liền đưa tay chỉ bụng bà "Da Du Đà La phu nhơn", được biết có nghén.

La Hầu La bị báo chướng ngăn che, ở trong thai sáu năm mới sanh, nhơn đây nên đặt tên là "Phú Chướng". La Hầu La tuổi đã lớn khôn, Phật độ xuất gia. Ngài dạy ông Xá Lợi Phất, vì truyền 10 giới cho, nhưng Phật không làm vị Hòa thượng, Xà lê truyền giới là vì muốn ngôi Tam Bảo được phân biệt vậy. Như đức Phật Như Lai làm ngôi "Phật Bảo". Nên không làm Hòa thượng truyền giới cho

thượng sử Tam Bảo vô tương lạm dã. Chư Sa di trung xuất gia, La Hầu La tối vi kỳ thủ.

Vị Tằng Hữu kinh vân :"La Hầu La niên chí cửu tuế, xuất gia vi Sa di, Xá Lợi Phất vi Hòa thượng, Đại Mục Kiền Liên tác A Xà Lê, dữ thọ thập giới".

"Da Du Đà La",vị mãn tam niên diệt xả tục xuất gia.

NHẤT VIẾT : "BẤT SÁT SANH"

Đoạn mạng viết "sát". Hữu tình viết "sanh".

GIẢI VIẾT : "Án văn thích nghĩa danh giải". Phát ngữ tuyên từ danh "viết".

Thượng chí chư Phật, Thánh nhơn, sư, tăng, phụ, mẫu.

Chư Phật giả, thị hiện tại thập phương, nhất thiết Như Lai; nhiên Như Lai hạnh mãn quả viên. Túc chướng cửu tịch, phi nhơn, thiên, ma vương, chi sở năng hại.

Kim ngôn sát giả : Như Đề Bà Đạt Đa, thôi thạch yểm Phật, thương Phật túc chỉ, tức danh vi sát. "Thánh Nhơn" giả : Dĩ nhơn đắc thánh pháp, cố vị chi "Thánh nhơn".

Thánh nhơn hữu nhị : nhất "Thế gian Thánh nhơn", Nhị "Xuất thế gian Thánh nhơn". Nhược y tự huấn, tùng nhĩ, trình, thính, vị kỳ tâm thông. Thiên địa, tình sướng vạn vật, du nhĩ chi thông thính. Cố Diệc vân : Thánh nhơn giả; dữ Thiên địa hiệp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hiệp kỳ minh, dữ tứ thời hiệp kỳ tự, dữ quỉ thần hiệp kỳ kiết hung, thử thị Thế gian Thánh nhơn, do kỳ kiến triền lục hiệp, tánh

người, vì Hòa thượng là ngôi "Tăng bảo" còn 10 giới là ngôi "Pháp bảo". Cho nên Phật dạy ông Xá Lợi Phất, làm vị Hòa thượng, truyền cho ông La Hầu La, hầu mong ngôi Tam bảo, khỏi lộn xộn vậy. Trong các ông Sa di đi xuất gia, chỉ có ông La Hầu La là trước nhất.

Kinh Vị Tằng Hữu nói : "La Hầu La năm lên 9 tuổi đi xuất gia làm Sa di, ông Xá Lợi Phất làm vị Hòa thượng, ông Mục Kiền Liên làm A xà lê truyền 10 giới cho La Hầu La".

Nhắc đến bà "Da Du Dà La", chưa đầy ba năm, cũng bỏ tục xuất gia.

ĐIỀU THỨ NHẤT : "KHÔNG SÁT SANH"

Giết chết sanh mạng, gọi rằng "sát". Loại có tình thức, gọi rằng : "sanh".

LỜI GIẢI : Xét văn thích nghĩa, gọi chữ "giải", phát ra lời nói gọi chữ "viết".

Trên đến các đức Phật, Thánh nhơn, sư, tăng, cha mẹ.

Các đức Phật, là tất cả các đức Như Lai hiện ở trong 10 phương, song đức Như Lai hạnh đủ quả tròn, không còn nghiệp chướng. Nhưng chướng nghiệp đã dứt lâu, lẽ cố nhiên người, trời, ma vương, làm gì hại được.

Song nay nói sát hại Phật, kìa như ông Đề Bà Đạt Đa, xô đá đè Phật, chỉ trầy ngón chân Phật cho nên gọi là giết *(sát)* "Thánh nhơn" do người tu chứng đặng phép Thánh nên gọi là vị "Thánh nhơn".

Thánh nhơn có hai bực : 1) "Thánh nhơn Thế gian". 2) "Thánh nhơn Xuất thế gian" nếu y theo chữ mà chiết tự, theo tiếng chữ "Nhĩ" chữ "Trình" nhập lại thành chữ "Thánh". Là ý nói tâm của "Thánh Nhơn", thông suốt trời, đất, rõ tình muôn vật, cũng như lỗ tai thông tiếng. Cho nên kinh "Dịch" nói : Đức của Thánh nhơn sánh bằng Trời, Đất, sáng bằng Nhật, Nguyệt, biết thời tiết bốn mùa, cùng Quỉ thần biết sự kiết hung, tuy Thánh nhơn Thế gian thông giỏi như thế, nhưng còn bị ràng buộc trong sáu

tánh sất nhất sanh, cố bất năng hàm thổ thập hư, diệu cùng tam tế.

Xuất thế gian Thánh nhơn tắc bất văn kỳ thanh, tri cửu giới tình, thông đế lý, sướng chúng cơ, dữ pháp giới hiệp kỳ đức, dữ nhị trí hiệp kỳ minh, dữ tứ cơ hiệp kỳ tiết, dữ chúng Thánh hiệp kỳ minh hiển. Tư nãi Phật đại Thánh nhơn; trí châu pháp giới, cùng lý tận tánh chi tuyệt lượng, thượng phi Thanh văn, Duyên giác cảnh giới, huống kỳ tha thánh hồ.

Kim ngôn "Thánh nhơn", dản phi thế thánh, nãi xuất thế tam thừa Thánh nhơn, dĩ thế thánh vô quả vị, cố dã.

"Sư" giả : nhơn chỉ mô phạm tức Hòa thượng, A xà lê dã.

"Tăng" giả : thị thọ cụ túc giới nhơn, Phụ mẫu : thị thỉ sanh tự thân, giả dã.

"Luật" vân : "Đương niệm sở sanh, cập sư hữu ân, tinh tấn hành đạo, dục độ phụ mẫu". Ký vân niệm ân, khởi đương sát hại : Như thượng sở sát, tức phạm nghịch tội, bất khả hối, đọa "A tỳ" đại địa ngục, thọ thiêu chữ khổ, cùng kiếp mạc tận.

Hạ chí quyên phi xuẩn động, vi tế côn trùng.

"Quyên", âm "uyên" thị phi hành chi trùng.

"Xuẩn", âm "Thuẩn", thị tiểu trùng, hữu thức tánh năng động, chi giã. "Côn" đồng côn, Thị trùng chi tổng danh, nãi chí nhãn khả kiến giả, danh viết vi tế. Trùng loại tuy đa, thử tam thâu tận, nhiên kỳ cu bẩm sắc tâm, đồng nhất giác nguyên sở dĩ hân sanh bố tử, thống dưỡng khổ lạc, dữ nhơn vô dị. Ký

phương [30] tánh ngăn một đời, không thể thông hiểu mười phương [31] mầu tột ba đời [32], như đức Thánh nhơn Xuất thế gian vậy.

Đức Thánh nhơn Xuất thế gian, tuy không nghe tiếng nói, nhưng hiểu biết tâm niệm chúng hữu tình trong chín cõi [33] thấu lý chơn đế rõ các cơ đức sánh bằng pháp giới; cùng hai trí [34] sáng hiệp nhau, cùng thời tiết bốn cơ [35] hiệp nhau, tối sáng cùng các Thánh hiệp nhau. Đây là chỉ đức Phật là vị Đại Thánh nhơn trí khắp trong pháp giới, cùng lý tột tánh tuyệt vời, cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác còn không sánh bằng, huống các Thánh nhơn Thế gian lẽ nào bì kịp.

Ông Thánh nhơn nói đây là lựa không phải ông Thánh nhơn Thế gian, chính là ông Thánh nhơn bực Tam thừa, ngoài thế gian vậy. Bởi ông Thánh nhơn trong thế gian, vì không phải người tu chứng quả, ra khỏi thế gian như Phật, cớ vậy.

Chữ "Sư" là người có mô phạm, tức là vị Hòa thượng và vị A xà lê.

Chữ "Tăng" là người thọ giới "cụ túc", cha mẹ là người sanh mình đầu tiên.

Trong "Luật" nói : "Phải nghĩ ơn cha mẹ sanh và ơn thầy bạn, tinh tấn học hành mới hầu mong cứu độ cha mẹ". Đã nói rằng nhớ ơn, thì nỡ nào ra tay sát hại. Nếu sát hại như trên, thời phạm tội ngỗ nghịch, sám hối không đặng, tội ấy phải đọa vào trong địa ngục "A tỳ" lớn, chịu cái khổ nấu, thiêu; biết kiếp nào cho mãn.

Dưới đến loài bò, bay, máy cựa loài côn trùng nhỏ nhít.

Chữ "Quyên" âm "Uyên" là loài trùng biết bay, biết đi.

Chữ "Xuẩn" âm "Thuẩn" là loài trùng rất nhỏ, có thức tánh biết máy động. Chữ "Côn" là tên chung của loại trùng. Loài trùng tuy nhỏ nhưng con mắt người ta thấy được thì gọi là vi tế. Loại trùng vẫn nhiều, nhưng đây nói có ba loài đều gồm hết, song loài nào cũng đều đủ cả thân và tâm, đồng một tánh giác nguyên và ham sống sợ chết, đau ngứa, khổ vui, như người không khác. Song đã đồng một tánh

đồng giác nguyên, tức thị vị lai chư Phật, cu bẩm sắc tâm, bỉ ngã vô biệt, hại bỉ hườn thành tự hại.

Thử trung bất ngôn, nhơn súc giả, dĩ cử kỳ thượng hạ, nhi bao quát kỳ trung hĩ, sát nhơn phạm bất khả hối tội, súc sanh tuy vân khả hối, nhi thường mạng chi khiên, du tồn. Ngôn khả hối giả, vị đối nhị sư, hoặc hữu đức nhơn, phát lộ sám hối, đoạn tương tục tâm, hậu bất cánh tác nhược phú tàng bất phát lộ, tội cấu nhựt dạ tăng, hậu đoạn tam ác dạo trung. Ngôn bất khả hối giả : tội bất khả trừ, diệt tẩn xuất chúng, vĩnh bất đắc xuất gia thọ giới. Hạ tam giới, chuẩn thử ưng tri.

Đãn hữu mạng giả, bất đắc cố sát.

"Đãn" giả, "phàm" dã. "Mạng" vị lục căn lục thức, tương tục nhi sanh, danh chi viết "mạng", thử tương tục đoạn, danh chi viết "Tử".

"Cố" vị cố tâm sát hại, hiển phi ngộ thương đẳng dã.

Hoặc tự sát

Thử tùng thân nghiệp sanh tội, vị tự thân thân hành sát hại, hoặc thủ túc đao trượng, ngỏa thạch đẳng, đả linh tử, hoặc diêu trịch linh tử, hoặc dữ độc dược hoặc thôi đọa khanh tỉnh thủy hỏa trung; tất danh thân nghiệp tội.

Hoặc giáo tha sát.

Thử tùng khẩu nghiệp sanh tội, vị giáo tha nhơn, linh đoạt bỉ mạng, hoặc ha mạ, hoặc khuyến dự, linh bỉ tự tử, hoặc chú trớ linh tử; tất danh khẩu nghiệp tội.

Hoặc kiến sát tùy hỉ.

giác nguyên, thì các loài ấy có thể nói là các đức Phật đời vị lai, bởi nó với chúng ta không khác vì đồng đủ cả thân và tâm, thì giết hại chúng nó lại thành hại chúng ta.

Trong văn đây không nói loài người, loài súc, là vì nói trên dưới đã bao trùm khoảng giữa rồi, giết loài người mắc tội không sám hối đặng, còn loài súc tuy sám đặng song hãy còn tội thường mạng. Nói sám hối đặng, thì phải làm phép sám hối như thế này, cầu hai Thầy : 1) Là vị Hòa thượng, 2) Là vị A xà lê hoặc người có đức, tỏ bày sám hối, quyết lòng ăn năn, sau chẳng dám làm nữa, nếu che giấu không tỏ bày tội càng ngày càng thêm, sau đọa trong ba đường ác là : Địa ngục, Ngạ quỉ và Súc sanh. Nói tội không sám hối đặng là tội quá nặng, đuổi ra khỏi chúng, quyết không được xuất gia thọ giới nữa. Ba giới sau, sánh theo giới này, nên biết.

Phàm loài có tánh mạng không nên cố giết.

Chữ "Đãn", cũng như chữ "phàm". Chữ "mạng" là loài có đủ sáu căn [37] sáu thức [38] nối nhau mà sống, gọi là chữ "mạng" căn và thức nối nhau khi chia lìa, gọi là chữ "Tử".

Chữ "Cố" là nghĩa quyết lòng giết hại, rõ không phải những việc hại lầm.

Hoặc mình giết.

Đây là từ thân nghiệp gây tội, nghĩa là mình thân hành làm việc sát hại, hoặc lấy tay, chân, đao, gậy, ngói, đá v.v... đánh cho nó chết, hoặc đứng xa quăng liệng nó chết, hoặc cho nó uống thuốc độc hoặc xô rớt trong hầm giếng nước lửa; tội này đều thuộc về thân nghiệp.

Hoặc xúi người giết.

Xúi người đây là từ khẩu nghiệp mà gây ra tội, nghĩa là xúi người khác bắt oan mạng nó, hoặc mắng nhiếc, hoặc khuyên khen, khiến cho nó tự tử, hoặc trù rủa cho nó chết; tội đây đều thuộc về khẩu nghiệp.

Hoặc thấy người khác giết tùy hỉ.

Thử tùng ý nghiệp sanh tội, vị kiến tha nhơn hành sát, tự tâm tùy chi, nhi sanh hoan hỉ, tuy phi thân khẩu thân tác. Nhiên tam nghiệp chi trung, tâm vi chủ tể, cố đắc tội đồng tiền, vô hữu khinh trọng?

Kinh vân : "Hữu phạm tư giới, phi Sa di dã".

Quảng như luật trung, văn phiền bất lục.

Luật, vị Sa di thập giới kinh, tinh đại luật đẳng. Bị tái chủng chủng sát pháp, kiết tội khinh trọng, tâm cảnh bất đồng. Văn đa, cố bất năng cu lục, thượng thuật luật văn cảnh, hạ dẫn kinh ý ?

Kinh tải đông ngoạt sanh sắc, thủ phóng trước đồng trung, noãn dĩ miên nhự, dưỡng dĩ nị vật, khủng kỳ cơ đống nhi tử dã ?

Đông ngoạt trùng y ôn phục, cố hí sanh cơ sắc dã. "Nị vật", thị thân trung cấu nị, khủng sắt cơ đống nhi tử, cố cơ dĩ nị vật dưỡng chi, đống dĩ miên nhự noãn chi; thử văn, tuy xuất chư kinh, nhiên đại luật tường bị.

Phật vị lão bệnh Tỳ kheo nhi thuyết. Thời hữu lão bệnh Tỳ kheo, sác sác khởi, khí sắc bì cực, Phật thính thập trước miên bạch trung, nhược sắc tẩu xuất, ưng tác đồng thành, dĩ cái tắc khẩu, hệ sàng khước lý, nhược hiểu nhược mộ, tu trì xuất ngoại, từ an mộc khổng, hoặc tường khích trung, nhậm kỳ tự hượt, bất đắc tùy xứ.

Khí trịch "Bích sắc", đương an thanh thảo thượng, hoặc lương lãnh xứ, dư sắc khả ưu tùy nghi xứ sở, nhi an trí chi. Kim thời, đa hữu bất giải giáo

Tùy hỉ đây, là từ ý nghiệp sanh ra tội, nghĩa là thấy người khác làm việc sát hại, tâm mình tùy thuận mà sanh hoan hỉ, tuy rằng không phải thân, miệng mình làm. Song trong ba nghiệp : Thân, khẩu, ý ; ý nghiệp làm chủ tể, nên mắc tội cũng như thân, khẩu trước, nào có nặng nhẹ ư ? !

Kinh "Thập giới" nói : "Có phạm giới đây, chẳng phải thầy Sa di vậy".

Rộng như trong luật vì văn nhiều, đây không chép.

Luật là gì ? Tức là bộ Sa di thập giới và các bộ Đại luật. Trong Đại luật có chép đủ những nghiệp tội sát sanh, và kết tội sát sanh có nhẹ có nặng, vì do tâm và cảnh chẳng đồng *(tâm không cố sát là cảnh tội nhẹ, tâm cố tội nặng).* Đoạn văn này rất nhiều cho nên chép không thể hết, từ trước đến đây, thuật văn luật rồi; từ đây sắp sau chỉ dẫn ý kinh...

Trong kinh biên tháng mùa Đông, ưa sanh thứ rận, nếu áo có rận, lấy ống bắt bỏ vào, lấy bông gòn để nó ấm, cạo mồ hôi bỏ vô cho nó ăn, còn sợ đói lạnh mà chết, huống chi là giết !

Bởi mùa Đông trời lạnh, mặc nhiều áo cho ấm, nên hay sanh rận mén. Chữ "Nị Vật" là mồ hôi nhơ trong mình. Bởi sợ loài rận đói mà chết, nên lấy mồ hôi trong mình cho nó ăn; còn lạnh thì lấy bông để cho nó ấm. Đoạn văn này, tuy rút trong các kinh; song trong đại luật rõ đủ. Phật vì ông Tỳ kheo già bệnh, mà bày câu chuyện bắt rận đây :

Hồi Phật còn tại thế, có ông Tỳ kheo già bệnh, mà rận nhiều, thường thường ngồi dậy bắt bỏ mệt nhọc, nên Phật bảo lấy bông và vải, bắt để trong đó, nó có bò ra phải làm ống đựng và làm cái nắp đậy miệng ống, buộc dưới chân giường, hoặc mai hoặc chiều, phải đem ra ngoài nhẹ trút trong bọng cây, hoặc trong tường hở để cho nó tự sống, chớ đừng đụng đâu quăng bỏ đó.

Còn loại "Bích sắc", phải để trên chòm cỏ xanh, hoặc chỗ mát mẻ; các loài khác cũng phải nghiệm coi, nó thích hợp nơi nào, mà an để cho nó được sống. Đời bây giờ, có nhiều

pháp, cửu trữ đồng nội khổn tử, tuy vân y giáo, nhi thù vô hộ mạng chi tâm, hựu hà dị sát sanh giả tai !

Nãi chí lự thủy phú đăng, bất súc miêu ly đẳng, giai từ bi chi đạo dã, vi loại thượng nhiên, đại giả khả tri hĩ.

"Nãi chí" giả; thị cử tiền hậu, dĩ quát kỳ trung dã, tiền minh sát hại thô tướng, hậu minh hộ sanh tế hạnh, kỳ trung thô tế phi nhứt, khả dĩ ý hội, nan dĩ mai cử; cố viết : "Đại khả tri hĩ".

Như Kinh vân : Vô đắc phần thiêu sơn lâm, thương hại chúng sanh, tựu quyết hồ trì, yển tắc phái độc tàn hại "thủy tánh", thị dã.

"Lự Thủy" giả : Thị chư Hiền Thánh, hộ sanh hành từ chi yếu vụ. Cố dư "luật" vân : "Nhược hành ngũ lý, vô nang bất khứ, nhược tri tự bất "lự thủy", bất hiệp ẩm dụng, ninh tự khát tử trường đồ, túc vi qui cảnh.

"Tích hữu nhị Tỳ kheo vãng cẩn Thế Tôn, trung đồ, khát phạp, kiến trì trùng thủy. Đại giả, hộ giới bất ẩm nhi tử. Tiểu giả, ẩm dĩ vãng kiến Thế Tôn. Phật tức ha vân : Nhữ ngu si nhơn, bỉ dĩ hộ giới cố, đắc sanh thiện thú, dĩ tiên kiến ngã. Nhữ tuy cận ngô, khử ngô thiên lý".

Phàm dục ẩm dụng, tu tiên quan sát, vô trùng khương dụng, hữu, tức mật quyến lự chi, nang trung chi trùng, từ khuynh tịnh khí, trì hườn thủ thủy bổn xứ, nhi khinh phóng chi, bất khả huyền khí, linh trùng muộn tử.

người không biết luật dạy, để mãi trong ống chết khô, tuy nói rằng y luật, mà không hết lòng hộ mạng nó, đối với kẻ sát sanh nào có khác ư ? !

Nhẫn đến những việc như lược nước che đèn, và không nuôi loài mèo chồn v.v.. đều là đạo từ bi của đức Phật, loài nhỏ còn không nuôi, loài lớn khá biết.

"Nãi chí" *(Nhẫn đến)* là nhơn có văn trước mới nói văn sau, nói trước nói sau, đã gồm khoảng giữa rồi. Như văn trước nói : Thô tướng sát sanh ; văn sau nói phải tế hạnh hộ sanh, thì đủ hiểu khoảng giữa nào thô *(loài lớn)*, nào tế *(loài nhỏ)*, chẳng phải một loài, lấy ý hiểu ngầm lời nói không hết được, cho nên chánh văn nói : "Loài lớn còn không giết, loài nhỏ khá biết vậy".

Kinh "Thập giới" nói : Không nên đốt núi nỡ nào giết chúng sanh, moi móc hồ ao ngăn ngòi lấp rạch, đều là tư cách hại loài "thủy tánh" *(thủy tánh là loài ở dưới nước)*.

Chữ "Lự thủy" *(lược nước)*, "lược nước" là việc cần yếu bực "Hiền Thánh" làm lành hộ sanh. Cho nên trong các "luật" nói : "Bằng đi con đường năm dặm, không có bàn lược nước, thì không đi và biết chùa nào không "lược nước", chẳng nên uống, dùng, thà chết khát giữa đường, đủ làm gương mẫu cho kẻ sau.

"Nhắc lại thời kỳ Phật còn tại thế, có hai vị Tỳ kheo, đồng đến ra mắt đức Thế Tôn, giữa đường khát ngặt, thấy ao nước có trùng. Ông lớn giữ giới không uống mà chết. Ông nhỏ uống no rồi đến ra mắt đức Thế Tôn. Ngài quở rằng : Ngươi là người ngu si, ông kia, vì có tâm giữ giới, được sanh lên cõi lành trước thấy ta rồi. Còn ngươi tuy đứng gần ta, nhưng cách ta ngàn dặm".

Xem đây nên biết, phàm muốn uống và dùng nước trước phải coi kỹ, không trùng mới dùng; bằng có liền lấy lụa dày lọc lượt, trùng trong bàn lượt, sẽ để trong đồ sạch rồi đem nhẹ thả trong chỗ múc nước trước kia, đừng treo bỏ nó phải chết khô.

"Chánh pháp niệm" kinh vân : Kinh túc chi thủy, nhược bất tế quan, khủng sanh tế trùng, nhược bất lộc lự, bất ẩm bất dụng, thị danh tế trì "bất sát" giới.

Hựu "Nghi Tắc" kinh vân : Nãi chí thảo mộc thượng đồ đàng ngưu phẩn trung, như thị thọ dụng thời cứu hộ ư "hàm thức". Hoặc bỉ sàng tòa nội, điền địa phấn thổ trung, nhất nhất tử tế quan, thị danh xuất gia hạnh. Nhược nhơn dĩ quyền bổng thổ thạch, cập chuyên ngỏa dã trịch cầm thú, đẳng, diệc đắc phạm giới tội.

"Phú đăng" giả : Vị dụng sa la quyến chỉ đẳng, phú cái, dĩ hộ chư trùng nga dã. "Súc" vị súc dưỡng miêu dử ly, giai thị bộ thử chi thú, từ bi chi đạo thị Bồ tát lợi sanh chi đại đạo. Dĩ "từ" nang dữ lạc, cố bất linh cơ đống đẳng. "Bi" năng bạt khổ, cố lự thủy phú đăng, bất súc miêu, ly, đẳng. "Vi loại thượng nhiên" giả, vị sắc, trùng nga đẳng, du thượng ái hộ như thị, tắc kỳ phi cầm tẩu thú đại giả, bất sát khả tri hĩ.

Kim nhơn bất năng như thị hành từ; phục gia thương hại khả hồ ? !

Vị ký bất năng hành lự thủy phú đăng chi từ hạnh, nhi cánh gia thương hại bỉ mạng khả hồ; "khả hồ" : thị phản trưng chi từ.

Cố Kinh vân : "Thi ân tế phạp, sử kỳ đắc an". Nhược kiến sát giả, đương khởi từ tâm.

Thử "yếu lược" trung, phàm ngôn "kinh vân", "luật vân", đa xuất "Sa di Thập giới" pháp, bất phục nhứt nhứt phiền thích. Nhược chú trung, vân "Đại luật" giả : tức "Tỳ kheo" luật dã.

Kinh "Chánh pháp niệm" nói : "Những nước để cách đêm sợ có sanh vi trùng, nếu không coi kỹ. Bằng không lọc lược kỹ, chớ nên uống và dùng; thế mới gọi là giữ giới"Bất sát"rất chính.

Kinh "Nghi Tắc" cũng nói : Nhẫn đến trên cỏ cây, trong thứ phẩn trâu tô đàng [39] khi cần dùng đến, phải cứu hộ loài "hàm thức". Hoặc trong giường ngồi kia, hoặc trong phân đất vườn, ruộng, mỗi khi xem coi kỹ lưỡng thì mới xứng đáng hạnh xuất gia trì luật. Nếu ta ra tay, cầm đất đá cùng ngói gạch, đôi chọi các vật đánh quăng cầm thú cũng mắc tội phạm giới.

"Phú đăng" *(che đèn)* nghĩa là khi thắp đèn phải dùng những thứ the, nhiễu, giấy, lụa che kín cái đèn, đừng để những trùng bướm ngã vào. Chữ "Súc" nghĩa nuôi, nuôi mèo, chồn là loài thú bắt chuột; đạo lớn lợi sanh của ông "Bồ tát" lấy đạo "từ bi" làm đầu. "Từ" là làm cho chúng sanh được vui, nên không để chúng nó đói rét v.v... - "Bi" là nghĩa cứu khổ chúng sanh, vì cứu khổ nên lọc nước, che đèn và không nuôi loài mèo chồn bắt chuột v.v... - Câu nói "loài nhỏ còn thế" nghĩa là loài nhỏ, hơi còn thương hộ như thế, huống chi loài lớn, như chim bay, thú chạy, không giết hại, nên biết.

Hạnh làm lành như thế, thế mà người đời bây giờ không làm được, lại thêm giết hại sao nên ?

Tiếng nói "sao nên" là lời gạn lại, như nói làm hạnh lành "lược nước, che đèn đã làm không được, mà lại thêm giết hại mạng nó sao nên".

Kinh "Thập giới" có câu : "Thi ân tế phạp sử kỳ đắc an" nghĩa là ra ơn giúp ngặt, khiến nó đặng yên. Bằng thấy kẻ khác giết hại, phải đem lòng lành thương.

Trong bộ "yếu lược" đây, phàm chỗ nào hai chữ "kinh vân", "luật vân" phần nhiều là rút trong bộ kinh "Sa di Thập giới" không phiền mỗi mỗi giải nhiều. Hoặc trong lời chú giải nói hai chữ "Đại luật" tức chỉ Luật của "Tỳ kheo" vậy.

Nhất thiết, chúng sanh ư tài, pháp nhị chủng đa sở cẩn phạp, nhược kiến vô tài chúng sanh, khuyết ư y thực, đương tùy tự lực, dĩ y thực nhi lợi tế chi. Nhược vô pháp chúng sanh, khởi ư xan tham, phá giới, sân nhuế, giải đọa, tán loạn, ngu si, vị thuyết, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, nhi tế độ chi, dĩ tài thí năng linh thân an, pháp thí năng linh tâm an. Cố vân : "Sử kỳ đắc an".

"Tạp Bữu Tạng" kinh vân : "Tích hữu nhứt "La Hán", súc nhứt Sa di, tri kỳ khước hậu thất nhựt, mạng tất đương chung, tức sử qui gia, lộ trung, kiến chúng nghị tử, tùy thủy phiêu lưu, mạng tương dục tuyệt. Sa di sanh "Từ bi" tâm, tức thoát y thịnh thổ yến thủy, nhi thủ nghị tử, trí cao táo xứ. Thất nhật hườn qui sư sở, sư thậm quái chi, tức nhập định, dĩ thiên nhãn quan, tri bỉ vô dư phước đắc hượt, dĩ cứu nghị tử nhơn duyên cố, thất nhật bất tử, đắc duyên thọ mạng.

Trượng phu luận kệ vân : "Bi tâm thí nhất nhơn, công đức như đại địa, vị kỷ thí nhất thế, đắc báo như giải tử; cứu nhất ách nạn nhơn, thắng dư nhứt thế thí, chúng tinh tuy hữu quang, bất như nhứt nguyệt minh". Đương khởi từ tâm giả : vị "kiến tha nhơ sát sanh, ưng dĩ tài vật, cứu thục kỳ mạng".

Nhược tự vô tài, khả vị khất hóa, khất hóa diệc vô, khả vị sát giả, phương tiện thuyết pháp khuyến dụ, linh sanh hoan hỉ, nhi thích phóng chi. Nhược kỳ bất tín, đương sanh từ tâm, mẫn bỉ hành sát giả, tội đọa tam đồ, kỳ bị sát giả, khổ thống vô địa. Oán nghiệp ký kiết ư kim sanh, tắc thù báo thế thế bất dĩ. "Nguyện đắc Bồ đề, độ linh giải thoát"; Cố kinh vân : "Thệ ngộ dắc đạo, quốc vô sát giả" !

Nói tóm lại, nếu thấy tất cả chúng sanh, thiếu thốn tài lẫn pháp, hai món nên bố thí giúp đỡ; như thấy người đời, không tài *(của)* thiếu sự ăn mặc thì ta tùy sức cho cơm ăn áo mặc giúp đỡ. Như thấy người đời không pháp, mắc phải tâm tham lam, phá giới, buồn giận, biếng lười, lãng mạn, ngu si v.v... ta vì đó nói pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ, cứu chữa tâm bệnh cho họ. Tài thí, có thể làm no ấm cho thân; Pháp thí, có thể làm yên ổn cho tâm. Cho nên có câu : "Sử kỳ đắc an", trên chánh văn đã nói.

Kinh "Tạp Bửu Tạng" dạy : "Xưa có một vị La hán nuôi một thầy Sa di, biết Di 7 ngày nữa là mạng chung, cho Di về nhà, Di đi giữa đường thấy bầy kiến bị trôi theo dòng nước, mạng hầu muốn thác. Sa di sanh tâm "Từ bi" cởi áo đựng đất đắp nước, vớt kiến lên để chỗ cao ráo. Bảy ngày mãn, trở về Thầy, Thầy lấy làm lạ, liền nhập định, dùng pháp thiên nhãn xem, biết Di không phước chi được sống, chỉ nhờ nhơn duyên cứu bầy kiến kia thôi, bảy ngày đã không chết, mạng lại sống dai.

Lời kệ trong luận "Trượng Phu" nói : "Lòng "Bi" cứu một người, công đức lớn như cõi Đại địa, bằng ích kỷ dầu cứu tất cả, đặng phước báo như hột cải. Lại cứu một người ách nạn, hơn cứu tất cả người thường, như : các ngôi sao tuy có ánh sáng, song đâu cho bằng ánh sáng của một mặt trăng". Câu "Đương khởi từ tâm" *(phải đem lòng lành thương)* nghĩa là : "Thấy người khác sát sanh, phải đem của cải mua chuộc mạng nó".

Bằng mình không tiền, phải vì giáo hóa xin lại, bằng giáo hóa xin lại cũng không được, phải vì người sát, tìm cách thuyết pháp khuyến dụ, khiến cho họ sanh tâm hoan hỉ, mà mở thả nó. Bằng thật người kia là người bất tín, thì mình phải sanh lòng "từ" thương người sát sanh, sau này đọa trong ba đường ác và thương con vật bị sát, nhức đau không chỗ nói. Ôi !Nghiệp báo oan gia, đã kết chặt đời này, sự báo thù trả vay, vay trả biết đời nào cho hết !! Quán xét như thế rồi ta phát nguyện rằng : "Nguyện ta tu hành đắc đạo Bồ đề, nguyện độ các loài, đều đặng giải thoát". Cho nên

Như "Độ Cẩu" kinh vân : "Tích hữu Sa môn kiến nhất đồ nhi, bảo nhất cẩu tử, trì qui dục sát. Sa môn ngữ viết, sát sanh chi tội, thậm vi bất thiện, nguyện trì ngã bát trung thực, mạo thử cẩu tử, linh mạng đắc hượt, hoạch phước vô lượng".

Nãi chí ân cần hiểu dụ, đồ nhi bất khẳn tùy ngôn, Sa môn tức dĩ phạn tự cẩu tử, dĩ thủ ma loát chú nguyện, khấp nhi cáo viết : "Khanh hà tội sở trí, đắc thị cẩu thân, bất đắc tự tại, vị tha sát thực. Nguyện nhử thế thế, tội diệt phước sanh, ly cẩu tử thân, đắc sanh vi nhơn, trị ngộ Tam bảo "Cẩu tử đắc thực, thiện tâm tức sanh, dủng dước hoan hỉ, tự tri qui y. Đồ nhi tương qui sát thực, cẩu tử mạng chung, sanh đại trưởng giả gia". Thời Sa môn khất thực, đáo trưởng giả môn; kỳ tử kiến chi, hoan hỉ lễ túc cúng dĩ bá vị, tức tùy xuất gia, thăm giải kinh nghĩa, tiện đắc "tam muội", trí bất thoái chuyển, khai hóa nhất thế, phát Bồ đề tâm. Súc sanh thượng nãi đắc đạo, huống nhơn ninh bất hoạch quả !"

Y khả bất giới dư !

"Y" thị khái thán chi thinh. Dư, thị ngữ mạt chi từ, diệc thị thán từ. Vị sát sanh chi tội, khổ báo vô lượng, cùng kiếp thọ ương, thành khả cảm thương, tắc bất khả vi thâm giới !

Như "Luân Chuyển Ngũ Đạo" kinh vân : Vĩ nhơn hí sát giả, hậu sanh tác thủy thượng phù du chỉ trùng, triêu sanh mộ tử".

trong kinh có câu : "Thệ ngô đắc đạo, quốc vô sát giả". Nghĩa là "Ta thề đặng đạo trong nước ta không có người sát".

Như kinh "Độ Cẩu" nói : "Xưa có thầy "Sa môn" trì bình khất thực, thấy một gã đồ nhi ôm một con chó đem về muốn sát. "Sa môn" bảo : "Tội sát sanh rất là bất thiện, ta nguyện đưa cơm trong bát ta, đổi con chó này, cho mạng nó được sống, thì chú được phước vô lượng".

Như vậy vị Sa môn năn nỉ hoài, mà gã đồ nhi bất khứng lời nói của vị Sa môn. Túng thế, vị Sa môn trút hết cơm trong bát ra, cho con chó ăn rồi lấy tay thoa rờ và chú nguyện rơi lụy mà bảo rằng : Đời trước ngươi tạo tội chi, mà nay mắc báo làm thân chó, vừa đói khát, lại còn bị người ta giết mà ăn, không được tự tại. Vậy ta chú nguyện cho ngươi, đời đời tội diệt phước sanh, thoát kiếp cẩu thân, được sanh làm người và gặp ngôi Tam bảo. Con chó được ăn cơm của vị Sa môn, liền sanh tâm lành, vui mừng khấp khởi, biết mình đã quy y. "Nhắc lại kẻ đồ nhi đem chó về giết ăn, chó kia mạng thác, đầu thai sanh trong nhà ông Đại Trưởng giả, được làm thân trai. Bấy giờ vị Sa môn có dịp khất thực, đi ngang qua trước cửa Trưởng giả. Cậu con thấy Sa môn vui mừng lễ dưới chân và cúng dường đủ trăm món, rồi xin theo hầu vị Sa môn để xuất gia lần lần tu tập thông hiểu nghĩa kinh và chứng đặng "Tam muội" đến bực bất thoái chuyển, rồi khai hóa cho tất cả người đời cũng được phát tâm Bồ đề tu hành theo đạo Phật như cậu. Ôi ! Loài súc sanh còn được đắc đạo, huống loài người đâu chẳng chứng quả !"

Than ôi ! Khá chẳng răn ư ?!

Chữ "y" *(ôi)* là tiếng thương than. Chữ "dư" *(ư)* là lời cuối cùng, cũng là lời thán oán. Như nói : Ôi ! Tội sát sanh, khổ báo không lường, mà chịu tội khổ ấy biết kiếp nào cho hết ! Thật đáng thảm thương ! Như thế thì chẳng khá chẳng tởn chừa ư !

Kinh "Luân Chuyển Ngũ Đạo" nói : "Làm người ưa sát sanh đời sau mắc quả báo làm con "phù du" chấp choán trên mặt nước, mai sanh chiều chết".

"Đại Luận" vân : Phật ngôn : "Sát sanh hữu thập tội"

- **Nhất tâm thường hoài độc, thế thế bất tuyệt.**
- **Nhị chúng sanh tắng ố, nhãn bất hí kiến.**
- **Tam thường hoài ác niệm, tư duy ác sự.**
- **Tứ chúng sanh úy chi, như kiến xà hổ.**
- **Ngũ thùy thời tâm bố, ngộ diệc bất an.**
- **Lục thường hữu ác mộng.**
- **Thất mạng chung chi thời, cuồng bố ác tử,**
- **Bát chưởng đoản mạng nghiệp nhơn duyên.**
- **Cửu thân hoại mạng chung, đọa ư địa ngục.**
- **Thập nhược xuất vi nhơn, thường đương đoản mạng, như kinh sở thuyết. Khả bất thâm giới dư !**

NHỊ VIẾT : "BẤT ĐẠO"

"Vật thuộc ư tha, tha sở thủ hộ, bất dữ nhi thủ, danh chi viết đạo".

Giải viết : Kim ngân trọng vật, dĩ chí nhất châm nhất thảo, bất đắc bất dữ nhi thủ.

Cử kim ngân, dĩ kim thất bửu; trọng vật, tức y thực khí cụ, đẳng quí giá chi vật : nhất châm nhất thảo, thị vật chi tối khinh tiểu giả; "dĩ chí" giả, thị cử tiền hậu chi trọng kinh, linh đạt kỳ trung dã.

Nhược "Thường trụ" vật.

Tức Thập phương Tăng vật, đản "Thiệm Bộ Châu" nội, sở hữu xuất gia, Phật đệ tử chúng giai tất hữu phần.

Trong "Đại Luận" Phật nói : "Người sát sanh có 10 tội.

1.- Thường chứa độc trong tâm, đời đời không dứt.

2.- Người đời chán ghét, mất chẳng muốn ngó.

3.- Tâm thường niệm ác và nghĩ những việc ác.

4.- Người đời thấy sợ như sợ rắn hổ *(cọp)*.

5.- Khi ngủ giựt mình, lúc thức tâm cũng chẳng yên.

6.- Thường thấy chiêm bao dữ.

7.- Khi mạng chung chết một cách gớm ghê.

8.- Gây nghiệp nhơn chết yểu về đời sau.

9.- Thân này hoại mạng chung đọa vào địa ngục.

10.- May hết tội trong địa ngục, được làm người, chỉ khỏi phải chịu nạn chết non, như trong kinh đã nói, há chẳng răn dè lắm ư !

ĐIỀU THỨ HAI : "KHÔNG ĐƯỢC TRỘM CẮP"

Nghĩa là "vật thuộc của người, người ta gìn giữ không cho mà lấy, gọi là trộm cắp".

Giải rằng : Những vật quí trọng như là : vàng, bạc, cho đến vật nhỏ như cây kim, một ngọn cỏ, người ta chẳng cho, mình chẳng phép lấy.

Nói vàng bạc đã gồm 7 món báu như : vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu; nói vật báu trọng tức là cơm ăn áo mặc, những việc cần thiết quí giá v.v... và những vật nhỏ như : một cây kim, một ngọn cỏ, không cho không nên trộm lấy. Chữ "dĩ chí" *(nhẫn đến)* là nói trước một vật quí trọng; sau nói vật hèn rất nhỏ, thì đủ biết rằng trong khoảng giữa đó có biết bao những vật thường thường *(không lớn không nhỏ)*.

Hoặc của "Thường trụ".

Của thường trụ là của chúng tăng trong 10 phương, ở trong cõi "Nam Thiệm Bộ châu" của chúng ta ở đây, những người xuất gia làm đệ tử Phật, đều có một phần thọ dụng của này.

Nhược "Tín Thí" vật.

Vị thí chủ trì vật chí tự bố thí, nhi vị phân dữ tăng giả thị.

Nhược "Chúng Tăng" vật.

Thị hiện tiền tăng vật "Phương Đẳng" kinh, "Hoa Tụ Bồ Tát" vân : "Ngũ nghịch tứ trọng, ngã diệc năng cứu, đạo tăng vật giả, ngã bất năng cứu".

"Tam Muội" kinh vân : "Đạo tăng man vật giả, quát sát bát vạn tứ thiên phụ mẫu đẳng tội".

"Đại Luật" vân : "Nhược đạo Phật, tháp vật, cập tự trung cúng cụ, tức phạm trọng tội; nhược đạo tha kinh quyển, kế chỉ mặc trị phạm tội".

"Bửu Lương" kinh vân : "Ninh đạm thân nhục, chung bất dụng Tam Bửu vật". Đắc đại khổ báo, tội thọ nhất kiếp, nhược quá nhất kiếp, dĩ xâm tổn Tam Bửu vật cố Hựu, Phật, Pháp, Tăng vật, các hữu sở thuộc bất đắc hổ dụng. Dụng đắc kế trị thành tội, thường trụ tăng vật, diệc các hữu sở thuộc, bất đắc hổ dụng; như Đại Luật quảng minh, thử bất phiền lục.

"Đường "Phân Châu", "Khải Phước" tự chủ,"Huệ Trừng", nhiễm hoạn tác ngưu hẩu nhi tử; tự tăng "Trường Ninh", dạ kiến Trừng lai, hình sắc tiều tụy, viết : "Vị hổ dụng Tam Bửu vật, thọ khổ nan ngôn, chư tội cái khinh duy dụng thường trụ vật chí trọng, nguyện tứ cứu tế. "Ninh" tức vị tụng kinh sám tội, ngoạt dư phục lai vân, thừa lợi ích, dĩ đắc tức khổ, biệt cư nhất xứ, đãn vị tri đắc thoát chi nhật".

Hoặc của "Tín thí".

Nghĩa là người thí chủ đem của đến chùa bố thí, mà chưa chia cho Chúng Tăng; thì của đó thuộc về của tín thí.

Hoặc của "Chúng Tăng".

Đây là vật của Chúng Tăng hiện tiền. Trong kinh "Phương Đẳng" Ngài "Hoa Tụ Bồ tát" nói : "Tội ngũ nghịch[40] và tội tứ trọng [41] ta có thể cứu đặng; còn tội trộm lấy vật của Chúng Tăng, thì ta không thể cứu đặng".

Kinh "Tam Muội" nói : "Tội người trộm lấy vật của Chúng Tăng, nặng hơn tội người giết tám vạn bốn ngàn cha mẹ".

Trong "Đại Luật" nói : "Bằng trộm những vật trong tháp Phật và vật cúng trong chùa, đều mắc tội nặng, còn trộm quyển kinh người khác, tính giá tiền giấy mực mà phạm tội nặng và nhẹ như trong luật đã nói"

Kinh "Lương Hoàng" nói : "Thà ăn thịt mình, quyết không lạm dụng của Tam bảo. Chuốc lấy khổ báo to, chịu tội một đời hoặc nhiều đời, bởi mình lạm dụng của Tam bảo vậy. Lại nữa, của Phật, của Pháp và của Tăng, phần nào đều thuộc về phần ấy, không được lấy dùng lộn xộn. Nếu dùng sái phép, sẽ tính giá phạt tội, còn vật của Chúng Tăng hoặc Thường trụ cũng thế, cũng có phần sở thuộc, không phép dùng lộn xộn"; các điều như trên trong "Đại Luật" có nói rõ, văn nhiều đây chẳng chép.

"Đời Đường, đất "Phân châu", ông chủ chùa "Khải Phước" tên "Huệ Trừng" nhiễm bệnh, cất tiếng như trâu rống mà chết, chôn cất xong, ông Tăng trong chùa đó là ngài "Trường Ninh", ban đêm thấy ông "Huệ Trừng" về hình sắc ốm gầy. Trừng nói : "Tôi vì lạm dụng của Tam bảo, chịu khổ khó nói, các tội còn nhẹ, duy có tội lạm dụng của Thường trụ Tam bảo rất nặng; xin Ngài làm ơn cứu giúp, Ngài "Trường Ninh" bây giờ vì ông "Huệ Trừng" tụng kinh sám tội, hơn tháng Trừng trở về nói : Nhờ lợi ích sám hối tụng kinh nay riêng ở một chỗ và đã đặng bớt khổ; song chưa biết ngày nào mới hẳn là ngày hết tội".

Nhược "Quan" vật,

Tức cửu phẩm hoạn chức chi vật.

"Dân" vật.

Tức nông, thứ, công, thương, bá tánh chi vật.

Nhất thế vật.

Thuộc quỉ, thần, cầm, thú, đẳng vật.

Hoặc "Đoạt Thủ".

Đối diện bất dữ nhi thủ, danh vi cường đoạt, diệc danh vi kiếp.

"Nghi Tắc" kinh vân : "Nhược tự "Y" "Bát" đẳng, bị tặc sở kiếp đạo, vật đắc cường thủ chi; thuyết pháp phương tiện hóa, hoặc phục nhi hồi mãi, bất doản tùy tha ý".

Hoặc "Thiết Thủ".

Tư thủ viết thiết.

Hoặc "Trá Thủ".

Quỉ quyệt viết trá thủ, diệc danh ngụy thủ.

Nãi chí thâu thuế mạo độ đẳng, giai vi thâu đạo.

"Nãi chí" giả, thị cử tiền hậu, dĩ minh kỳ trung. Sở vị khuê, cấp, thù, lượng, chủng chủng khi mạn, di tiêu chiếm giới, tư nặc ký vật, quá phần thực dụng thường trụ đẳng.

Ngôn "Thâu thuế" giả, "vị hữu ưng thâu thuế vật, nhi bất thâu thuế; hoặc tàng nặc nhi quá, hoặc diệc đạo nhi khứ; diệc bất đắc vị tha tàng nặc thâu thuế vật. Nhược thị Tam Bảo phụ mẫu chi vật, ưng

Hoặc của "Quan".

Tức là của, của các quan trong chín bực.

Của "Dân".

Tức là của, của kẻ làm ruộng, người đi buôn, kẻ làm thợ, người dân lao động, trăm họ v.v...

Của "tất cả".

Thuộc về của, của quỉ, thần, cầm, thú tất cả của.

Hoặc "Cướp ngang mà lấy".

Như trước mặt không cho mà lấy, kêu là giựt ngang, cũng kêu là ăn cướp.

Kinh NGHI TẮC nói :"Nếu các vật như "Y", "Bát" của mình bị kẻ giặc trộm cướp không nên giành lại, tìm cách thuyết pháp cho nghe rồi xin lại, hoặc đem tiền mua chuộc, không cho thì thôi, tùy ý nói".

Hoặc "Ăn cắp".

Lén lấy gọi là ăn cắp.

Hoặc "Dối gạt mà lấy".

Khuỷnh phờ gọi là gạt, cũng kêu là dối lấy.

Nhẫn đến trốn thuế dối đò v.v... đều là thái độ gian trộm.

Chữ "Nãi chí" *(nhẫn đến)* là kể câu chuyện cuối cùng, đối với câu chuyện đầu tiên, để cho rõ những chuyện khoảng giữa. Như nói : "Nhẫn đến những việc rất ít chừng một khuê, một cáp, một thù, một lượng, gian dối đủ cách và như đất ruộng thì dời nọc lấn ranh, của người gởi thì lén lấy, của Thường trụ thì ăn xài quá phần v.v...

Nói chữ "Thâu thuế" *(trốn thuế)* nghĩa là "những vật đáng đóng thuế, mà không đóng thuế, hoặc giấu giếm bỏ qua, hoặc lánh đi đường khác, cũng không nên dối thuế giùm cho người nào. Bằng như vật ấy là vật của Tam bảo

vị thuế quan, thuyết pháp, tán thán Tam Bảo công đức, phụ mẫu thâm ân, quan bất thủ thuế, vô phạm".

"Mạo Độ" giả, giả xưng viết "mạo", vị mậu xưng tha danh, nhi độ tân tế giả. "Đẳng" giả, vị tận chi từ, sự ký phi nhất, ý hội khả tri. Như thượng "thường trụ" vật, nãi chí "mạo độ" đẳng, phàm hữu sở tư, tất danh thâu đạo, tội bất khả hối : Cố kinh vân : "Hữu phạm tư giới, phi Sa di dã".

"Kinh tải nhất Sa di, đạo thường trụ quả thất mai nhất Sa di đạo chúng Tăng bỉnh số phiên, nhất Sa di đạo chúng Tăng thạch mật thiểu phần, cu đọa địa ngục".

"Thạch mật" tức cam giá, đường kiên cương giả, thị dã.

"A HÀM kinh" vân : Thời "Mục Liên Tôn Giả", cáo "Lặc Xoa Na". Tỳ kheo ngôn : "Ngã lộ trung, kiến nhất đại thân chúng sanh, hữu nhiệt thiết hoàn, tùng thân thượng xuất nhập, thừa hư nhi hành, khổ thống thiết bách, đề khóc hiêu hô, thọ như thị khổ, nhất hà thống tai !"."Phục kiến nhất chúng sanh, kỳ thật trường quảng, hữu xí nhiên lợi phủ, dĩ chước kỳ thật, thừa không nhi hành, đề khóc hiêu hô như tiền". "Phục kiến nhất chúng sạnh, hữu song thiết luân, tại lưỡng hiếp, thiêu nhiên triền chuyển, hườn thiêu kỳ thân, như tiền hiêu hô nhi hành". Tỳ kheo văn dĩ bạch Phật.

Phật cáo chư Tỳ kheo : "Ngã diệc kiến như thị chúng sanh, nhi bất thuyết giả, khủng ngu si nhơn bất tín Như Lai sở thuyết, trường dạ thọ khổ. Bỉ nhiệt thiết hoàn, tùng thân thượng xuất nhập giả.

cùng cha mẹ mình, thì mình hãy vì ông quan thâu thuế thuyết pháp khuyến thiện, hoặc ngợi khen công đức ngôi Tam bảo và thâm ân cha mẹ, quan kia nghe được không lấy thuế, không phạm".

"Mạo độ" *(Dối đò)*, dối xưng gọi là chữ "Mạo", cũng như mạo danh người có thế lực để qua chuyến đò khỏi trả tiền. Chữ "Đẳng", cũng như chữ "vân vân" là "lời nói" chưa hết, câu chuyện còn dài ngụ ý thì hiểu". Nói tóm lại, từ trước lấy của "thường trụ" cho đến đây nói "trốn thuế", "dối đò" v.v... phàm có lén lấy, đều liệt vào một tội nặng của sự gian dối. Ăn trộm không cho sám hối. Cho nên trong kinh "Thập giới" nói rằng : "Có phạm giới đây, chẳng phải thầy Sa di vậy".

"Kinh chép một thầy Sa di trộm của Thường trụ 7 trái cây, một thầy Sa di thứ hai trộm chúng Tăng vài cái bánh, thầy Sa di thứ ba trộm chút đường phèn chúng Tăng, cả ba chết rồi đều đọa Địa ngục".

Thạch mật *(đường phèn)*, là thứ nước mía ngọt, nấu keo thành đường, cứng chắc gọi là đường phèn.

Kinh A HÀM nói : Bấy giờ Tôn giả Mục Liên đem ba câu chuyện thuật lại cho Ngài Tỳ kheo Lặc Xoa Na nghe như vầy :

1.- "Tôi đi giữa đường thấy một chúng sanh thân lớn có hoàn sắt nóng từ trên thân lúc dan lúc nhập, ở giữa thanh không, vừa đi vừa khóc, kể lể kêu rên, nhức đau khó chịu, mắc khổ như thế kể sao cho xiết ?"

2.- "Lại thấy một chúng sanh thứ hai, lưỡi le thật dài, trên lưỡi có con dao bén cháy đỏ, chặt đứt cuống lưỡi kia, ở giữa hư không vừa đi vừa khóc kể lể như trên ?"

3.- "Lại thấy một chúng sanh thứ ba, có hai bánh xe bằng sắt, kẹp hai bên hông, đốt cháy giáp vòng rồi đốt nơi thân rồi cũng vừa đi vừa khóc, như hai chúng sanh trước" Ngài Tỳ kheo Lặc Xoa Na nghe thuật câu chuyện, lấy làm quái lạ, liền đến bạch Phật.

Quá khứ, thế thời, tằng ư "Ca Diếp" Phật sở, xuất gia tác Sa di thứ thủ chúng tăng quả viên, đạo thủ thất mai, trì phụng kỳ sư, duyên tư tội cố, dĩ đọa "địa ngục" trung, thọ vô lượng khổ. "Địa ngục" dư tội, kim đắc thử thân tục thọ tư khổ". "Bỉ xí nhiên lợi phủ chước thiệt giả, diệc ư quá khứ thế thời, "Ca Diếp" Phật pháp trung, xuất gia tác Sa di, dĩ phủ chước thạch mật cúng tăng, trước phủ nhẫn mật, đạo thủ thực chi duyên tư tội cố, nhập "Địa Ngục" trung, thọ vô lượng khổ, dư tội, tục thọ tư khổ". "Bỉ song thiết luân, tại hiếp hạ giả, diệc tùng Ca Diếp Phật pháp trung, xuất gia tác Sa di, khiển trì mật bỉnh cúng tăng, đạo thủ nhị bỉnh, trước ư hiếp hạ, duyên tư tội cố đọa Địa Ngục trung, thọ vô lượng khổ, dư tội, tục thọ tư khổ". Kỳ dư Tỳ kheo đẳng tội báo thử bất phiền lục.

"Tùy Văn Đế" thập lục niên, "Tề Châu","Linh Nham" tự, Thích Đạo Tướng, bạo vong, chí "Minh Phủ" kiến Thế Chí Bồ tát, dẫn quán "Địa Ngục". Hữu bảng vân : Sa di Đạo Hoằng, vị chúng tăng tác hổn độn, tiên đạo thực nhất bát, đương đọa thiết hoàn Địa Ngục. Nhiên "Hoằng" sổ niên khẩu sang, văn "Tướng" thuyết, nãi vị chúng thiết cúng, như bỉ sở kiến. Hữu tam thập dư nhơn tội báo; "Đạo Tướng" thất nhật nội, thập tam độ tử, kiến Bồ tát chỉ thị tội báo. Tướng dĩ ngữ chư nhơn, tức các bồi thường, ngục bảng tùy diệt. Xuất "Tăng Cảnh lục".

Phật nói cùng các Tỳ kheo rằng : "Ta cũng thấy chúng sanh như thế, nhưng không dám nói, vì sợ đứa ngu si bất tín lời Như Lai mà phải chịu khổ nhiều đời. Này các Tỳ kheo : "Chúng sanh bị hoàn sắt nóng kia, từ trên thân lúc dan lúc nhập đó, là thuở đời quá khứ ở chỗ đức Phật "Ca Diếp", xuất gia làm Sa di, thay phiên giữ vườn trái chúng Tăng, hái trộm bảy trái cây đem dâng cho Thầy, vì tội duyên ấy, đọa trong "Địa ngục" chịu biết bao nỗi khổ. Vì tội "Địa ngục" hãy còn, nay đặng thân này tiếp tục chịu cái khổ ấy". - "Chúng sanh bị con dao nóng đỏ chặt cuống lưỡi, cũng hồi thời kỳ quá khứ, trong pháp Phật Ca Diếp, xuất gia làm Sa di, lấy dao chặt đường phèn cúng cho chúng Tăng, đường dính trong lưỡi dao, trộm lấy ăn, vì duyên tội ấy, vào trong "Địa ngục" chịu biết bao nỗi khổ, tội ấy vẫn còn, nên nay tiếp tục chịu cái khổ như vậy". - "Chúng sanh có hai bánh xe bằng sắt kẹp hai bên nách đó, cũng là thời kỳ Phật Ca Diếp, ở trong đó xuất gia làm Sa di, sai đem bánh ngọt cúng dường chúng Tăng, trộm lấy hai cái kẹp 2 bên nách; vì duyên tội ấy, đọa trong Địa ngục, chịu biết bao nỗi khổ như vậy; tội Địa ngục hãy còn, nên nay tiếp tục chịu cái khổ như vậy". Chẳng những thế thôi, còn biết bao tội báo của các hàng Tỳ kheo, như trong ĐẠI LUẬT đã nói rõ; văn dây chẳng chép nhiều.

"Đời nhà Tùy, vua Văn Đế năm thứ 16, đất "Tề châu", chùa "Linh Nham", ông Thích "Đạo Tướng" chết giấc, dưới Minh phủ thấy Ngài Thế Chí Bồ tát, dẫn đi coi Địa ngục thấy có bảng đề rằng : "Ông Sa di tên Đạo Hoằng nấu bánh xôi nước đãi chúng Tăng, trước trộm ăn một bát, sẽ đọa trong Địa ngục "Thiết Hoàn". Song "Đạo Hoằng" đã lở miệng mấy năm, vừa nghe "Đạo Tướng" thuật chuyện "Hoằng" mới mua sắm đồ cúng dường chúng Tăng, để sám hối tội, như ông "Đạo Tướng" đã thấy : Bảng đề những kẻ mắc tội báo hơn 30 người, ông "Đạo Tướng" trong 7 ngày chết tới 13 lần, thấy Ngài Thế Chí Bồ tát, chỉ cho biết các tội báo. Lúc "Đạo Tướng" thức dậy, bảo cho các người có tên nơi bảng được biết. Bấy giờ ai cũng lo bồi thường, tự nhiên bảng ngục liền mất. Sự tích này rút trong Bộ "Tăng cảnh lục".

Cố kinh vân : "Ninh tựu đoạn thủ, bất thủ phi tài".

Bất nghĩa chi vật, danh viết "phi tài". Hộ giới bất thủ "phi tài". Túng linh đoạn thủ, chỉ thị nhứt sanh, nhược thủ phi tài phá giới, tức đọa tam đồ, thế thế đắc vô thủ báo.

Cổ vân : "Nhơn phi thiện bất giao, vật phi nghĩa bất thủ", "Phi tài hại kỷ, ác ngữ thương nhơn", thế nho thượng nhiên, huống thích tử thị kim ngọc, như ngỏ lịch giả hồ !

LỤC ĐỘ TẬP kinh vân : "Phật túc sanh, tác bần nhơn thời, viết : "Ngô ninh thủ đạo bần tiện nhi tử, bất vi vô đạo phú quới nhi sanh dã".

Y, khả bất giới dư ?!

TĂNG NHẤT A HÀM kinh vân : "Phật cáo Tỳ kheo : "Nhược nhơn thâu đạo tha vật, vi chủ sở chấp tống quan trị tội, bế trước lao ngục, hoặc tiệt thủ túc nhĩ tỷ, nãi chí trảm thủ tiển xạ, chủng chủng khổ thiết sát chi, mạng chung sanh "Địa Ngục", trung mảnh hỏa thiêu thân, dương đồng quán khẩu, hoạch than lư thán, đao sơn kiếm thọ, đường hỏa phẩn niệu, ma ma đối thung, thọ chủng chủng toan sở khổ thống, bất khả xưng kế, bá thiên vạn tuế, thoát xuất vô kỳ.

"Địa Ngục" tội tất, sanh "Súc Sanh" trung, tượng, mã, ngưu, dương, đà, lư, khuyển đẳng, kinh bá niên tuế, dĩ thường tha lực. "Súc Sanh" tội tất, sanh "Ngạ Quỉ" trung, cơ khát, khổ não, bất khả cụ ngôn, kinh bá thiên tuế, thọ như thị khổ. Tội tất vi nhơn, đắc nhị chướng báo : Nhất giả "bần cùng, y bất cái hình,

Cho nên trong kinh nói : "Thà chịu chặt tay, chớ lấy của phi tài".

Những vật không phải nghĩa, gọi là "phi tài". Người giữ giới, không nên lấy của "phi tài". Dầu cho chặt tay, thì các sự khổ chỉ trong một đời, bằng lấy của phi tài, phá giới, tức đọa trong ba đường, đời đời mắc báo không tay.

Người xưa có câu : "Nhơn phi thiện bất giao, vật phi nghĩa bất thủ", nghĩa là "Người không tốt không làm bạn, của phi nghĩa không lấy". Lại có câu : "Phi tài hại kỷ, ác ngữ thương nhơn", nghĩa là : "Của phi tài hại mình, lời nói ác hại người". Ôi ! Kẻ thế Nho còn vậy, huống trang Thích tử..., coi vàng ngọc như sành sỏi, mà chẳng bằng hay sao ?!

Kinh LỤC ĐỘ TẬP nói : Hồi đời trước đức Phật còn làm người nghèo, Ngài nói rằng : "Ta thà giữ đạo nghèo hèn mà chết, chớ chẳng làm người vô đạo, giàu sang mà sống".

Ôi ! Khá chẳng răn chừa ư ?!

Kinh TĂNG NHẤT A HÀM nói : Phật dạy các Tỳ kheo : "Nếu ai trộm cắp vật của người ta, bị người Chủ bắt được, giao cho Quan trị tội, cầm giam trong lao ngục, hoặc chặt tay, chân, lắt tai, mũi, nhẫn đến chặt đầu, tên bắn, đủ cách hành hạ, rồi chết, sau khi mạng chung, sanh trong "Địa ngục" lửa dữ thiêu thân, nước đồng sôi rót vào miệng, hoặc trụng chảo dầu, quăng lò lửa, gươm dao đâm lụi, hấp nóng, bỏ chỗ dơ cối xay nghiền nát, cối giã đâm nhừ, chua chát nhức đau đủ cách, nào hay kể xiết, cả trăm nghìn năm, không ngày ra khỏi.

Tội "Địa ngục" vừa mãn, kế sanh trong loại "Súc sanh" làm voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà, lừa và chó v.v..., trải trăm nghìn năm, ra sức đền bù nợ người, tội "Súc sanh" vừa mãn, lại trong loài "Ngạ quỉ" đói khát, khổ ngặt không thể nói đủ, trải trăm nghìn năm chịu khổ như thế. Hết đời "Ngạ quỉ" mới được làm người, lại mắc hai món quả báo :

thực, bất sung khẩu". Nhị giả "Thường vi thủy, hỏa, vương, thần ác tặc, chi sở kiếp đoạt".

TAM VIẾT : "BẤT DÂM"

Nhị thân giao hội, viết "dâm".

Giải viết : "Tại gia ngũ giới, duy chế tà dâm, xuất gia thập giới, toàn đoạn dâm dục".

Trừ tự thê thiếp, xâm phạm ngoại sắc, danh viết tà dâm. Tại gia ngũ giới, nãi "nhơn","thiên" chi cảnh lộ, cố Phật duy chế, phi lễ tà dâm. Xuất gia thập giới, thị thú Niết bàn chi cảnh lộ, độ khổ hải chi phù nang, phù nang nhất hủy, trầm nịch khổ tân.

Cố NIẾT BÀN kinh vân : "Như nhất La sát, tùy độ hải giả, tổng khất phù nang. Độ giả đáp ngôn : "Ninh xả thân, mạng, nang bất khả đắc" La sát phục ngôn : "Bất khẩn toàn thí, kiến huệ kỳ bán. Bỉ nhơn diệc bất khẩn giữ. Như thị triển chuyển, nãi chí khất vi trần hử, bỉ nhơn diệc bất khẩn dữ, "Bồ Tát" trì giới diệc phục như thị.

Phiền não phá giới "La sát", khuyến hóa "Bồ tát" linh phạm trọng giới, bộ dư khinh giả "Bồ tát" bất tùy, nãi chí khuyến phạm khinh giới. "Bồ tát" diệc bất tùy. Hà dĩ cố ? "Bồ tát" trì trọng giới, cập khinh giới, kỉnh trọng kiên cố, đẳng vô sai biệt, hà huống "Thinh Văn", cấp cầu độ thoát sanh tử, nhi khả khinh hủy giả da !".

Đãn can phạm thế gian, nhất thế nam nữ, tất danh phá giới.

"Can" giả tức "phạm" dã, diệc tương xâm dã thị dâm dục chi biệt xưng dã.

1.- Nghèo cùng, áo chẳng kín thân, cơm không no miệng.

2.- Thường bị nước trôi, lửa cháy, hoặc bị vua bắt quan đòi, giặc dữ cướp đoạt v.v...

ĐIỀU THỨ BA : "KHÔNG ĐƯỢC DÂM DỤC"

Hai thân giao hội gọi rằng : "dâm".

Lời giải rằng : "Kẻ tại gia giữ năm giới, chỉ cấm việc tà dâm, người xuất gia, thọ mười giới, dứt hẳn đường dâm dục".

Trừ vợ hầu mình, xâm phạm sắc ngoài, thì gọi là tà dâm. Kẻ tại gia giữ năm giới, là con đường tắt làm "người", làm "trời", nên Phật chỉ cấm việc tà dâm phi lễ. Người xuất gia thọ mười giới, là con đường tắt đến cõi "Niết bàn", phao nổi qua biển khổ; phao nổi một phen hư lủng, thì chi khỏi cái hại chìm đắm trong biển khổ.

Kinh NIẾT BÀN chép : "Ví như có một con quỉ La Sát theo người qua biển, quyết xin cho được trái nổi. Người qua biển đáp : "Thà cho thân mạng, chớ trái nổi chẳng cho". La Sát lại nói : "Không chịu cho hết xin cho phân nửa". Người kia cũng không chịu. Như vậy lần lựa xin mãi chừng mảy bụi; thế mà người kia cũng chẳng cho. Ông Bồ tát giữ giới cũng lại như vậy.

Tâm phiền não là con Quỉ La sát phá giới. "Quỉ" này, khuyên lơn vị "Bồ tát" phạm giới "Trọng" giữ các giới "Khinh", Bồ tát chẳng nghe, nhẫn đến khuyên phạm các giới khinh. Nhưng Bồ tát cũng chẳng nghe. Vì sao ? Bởi Bồ tát giữ giới "Trọng" cũng như giới "Khinh" luôn luôn kiên cố và kỉnh trọng. Bồ tát còn như thế, huống chi bực Thanh văn mong thoát khỏi sanh tử, việc cần kíp lẽ nào khinh hủy sao đặng" !?

Hễ can phạm tất cả kẻ nam, người nữ trong thế gian, đều là phá giới.

Chữ "Can" cũng như chữ "phạm" là nghĩa : *(xâm phạm)* cũng việc dâm dục mà nói bằng cách khác.

"Thế gian", vị chúng sanh thế gian. "Nam nữ" vị tứ tánh chi nam nữ, nãi chí quỉ thần súc sanh nam nữ, ư bỉ đại, tiểu tiện đạo, cập khẩu, tam xứ tác bất tịnh hạnh, giai đắc bất khả hối tội. Cố viết : "Tất danh phá giới".

Nhược Sa di, bị tha cường phạm, tự tâm thọ lạc, tức phạm bất khả hối tội. Tâm bất thọ lạc, tội du khả hối. Vân hà thọ lạc ? Như cơ đắc thực như khát đắc ẩm. Vân hà bất thọ lạc ? Như nhiệt thiết nhập, thân, như đao thích thể. Kinh vân : "Hữu phạm tư giới, phi Sa di dã".

LĂNG NGHIÊM kinh tải "Bửu Liên Hương Tỳ kheo ni", tư hành dâm dục, tự ngôn : "Dâm dục, phi sát phi thâu, vô hữu tội báo, toại cảm thân xuất mãnh hỏa, sanh hảm Địa Ngục".

"Sanh hảm" vị bất đải thân tử, hồn đọa kỳ trung, tức thử sanh thân, địa liệt hảm nhập "A Tỳ". Thử tỳ kheo ni, tác thị ngôn dĩ, tiên ư nữ căn, sanh đại mãnh hỏa, hậu ư thân chi tiết tiết, mãnh hỏa thiêu nhiên, đọa "Vô gián" ngục.

"Vô gián" (TỨC "A TỲ") vị : "Tội nhơn đọa thử ngục trung, thọ thiêu chử khổ, vô hữu gián khích lạc thời", nhiên Địa Ngục tuy đa, tổng vi tam nhiếp :

Nhất giả, nhiệt ngục, hữu bát, tại thử "Thiệm bộ châu" hạ, "vô gián" tối tại kỳ để, bất ngục, các hữu thập lục tiểu ngục vi nhiễu.

Nhị giả, hàn ngục, diệc hữu bát, tại Thiết di sơn để, tội nhơn ư trung, thọ hàn đống khổ.

Tam giả, "biên ngục" lược hữu tam chưởng : Nhất tại sơn gian, nhị tại thủy gian; tam tại khoán dã, thử ưng hàn nhiệt tạp thọ; như "Thái sơn", "Phủ

Hai chữ "Thế gian", là nói người trong Thế gian. Hai chữ "Nam Nữ" là kẻ nam người nữ trong bốn họ; nhẫn đến nam nữ trong loài quỉ thần, loài súc sanh, mà làm hạnh bất tịnh nơi ba chỗ là : Đại tiện, tiểu tiện và miệng, đều mắc tội sám hối không đặng. Cho nên nói câu : "Tất danh phá giới" *(đều gọi phá giới).*

Hoặc thầy Sa di bị gái ép phạm, tâm Di ưa thích, thì phạm tội, sám hối không đặng. Tâm không ưa thích, tội còn sám hối đặng. Thế nào là ưa thích ? Như đói đặng ăn, như khát đặng uống; thế nào không ưa thích ? Như sắt nóng háp thân; như dao đâm vào mình. Kinh nói : "Có phạm giới đây, chẳng phải thầy Sa di vậy".

Trong kinh LĂNG NGHIÊM chép sự tích bà vãi Tỳ kheo tên "Bửu Liên Hương" riêng làm việc dâm dục, tự nói rằng : "Dâm dục không phải như sát sanh, như ăn trộm không có tội báo, bèn cảm trong thân lửa dục tuôn ra dữ tợn, thân còn sống, đã sa vào Địa ngục".

Chữ "sanh hảm" *(sống sa)* nghĩa là chẳng đợi thân chết mà phần hồn đã sa vào trong đó; tức như thân sống đất nẻ sa vào ngục "A Tỳ". Bà vãi Tỳ kheo ấy, nói như vậy rồi, trước cảm từ trong nữ căn rồi dần dần đốt cả thân thể sa vào trong ngục "Vô gián".

Hai chữ Vô gián *(tức là ngục A tỳ)* nghĩa là "Người tội đọa trong ngục này, chịu cái khổ nấu đốt, không có thì giờ nào hở dứt". Cho nên gọi là "Vô gián ngục". Song ngục tuy nhiều, nhưng tóm lại chỉ có ba :

1.- Tám ngục nóng, ở dưới "Châu Thiệm Bộ" này nhưng ngục "Vô Gián" thì ở dưới hết, tám ngục nóng mỗi ngục có 16 ngục nhỏ bao bọc chung quanh.

2.- Là ngục lạnh cũng có 8, ngục lạnh này ở dưới đáy núi Thiết Di người tội ở trong đó, chịu cái khổ lạnh rét.

3.- "Biên ngục" biên ngục tóm có ba thứ : a) Ngục trong núi, b) Ngục dưới nước, c) Ngục ngoài đồng trống. Ba ngục này chịu đủ cả lạnh và nóng, như ông Thái sơn,

Quân" cập "Tăng Hộ", "Ức Nhỉ", sở kiến giả. Thị thử chư địa ngục danh tự tướng trạng, cập thọ báo sai biệt đẳng sự. Quảng như kinh, luận, sở minh.

"Thế nhơn nhơn dục, sát thân vong gia, xuất tục vi tăng, khởi khả cánh phạm".

Vương, thần, sĩ, thứ, giai viết thế nhơn Châu U táng quốc, "Tấn Hiến" vong gia, dâm nữ kỵ cảnh, Thiên miếu phàn thân, giai do dâm dục sở trí. Tự cổ chí kim, thọ hoặc giả phi nhất, bị hại giả nan ngôn.

Như BÁT SƯ kinh vân : "Phật cáo "Phạm Chí" viết : dâm nhơn phụ nữ, hoặc vi phu chủ biên nhơn sở tri lâm thời đắc ương, đao trượng gia hình, thủ túc phân ly, họa cập môn tộc, hoặc vi vương pháp, thâu bộ trước ngục, khốc độc lược trị, thân tự đương tội, tử nhập "Địa ngục", ngọa ư thiết sàng, hoặc bảo đồng trụ, ngục tốt nhiên hỏa, dĩ thiêu kỳ thân. "Địa Ngục" tội tất, dương thọ "Súc sanh", nhược hậu vi nhơn, khuê môn dâm loạn, viễn Phật vi pháp, bất thân Thánh Hiền, thường hoài khủng bố, đa nguy thiểu an".

Phật thuyết kệ ngôn :

Dâm vi bất tịnh hạnh, Mê hoặc thất chánh đạo;
Hình tiêu hồn phách kinh, Thương mạng nhi tảo yểu;
Thọ tội ngoang si hoang, Tử phục đọa ác đạo;
Ngô dụng úy thị cố, Khí gia nhạo sơn tẩu.

"Xuất tục vi tăng khởi khả cánh phạm" giả, vị : "Tri ngũ dục quá hoạn, cố xả chi xuất gia, vưu khí di thóa, khởi phục cánh thực" ?

ông Phủ - Quân ông Tăng Hộ và ông Ức Nhỉ đã thấy các ngục phải vậy. Song các ngục đây danh hiệu hình trạng cùng người chịu khổ báo sai khác. Các việc thế nào, như trong Kinh Luật có nói rõ.

"Người nhơn tâm dục, chết mình, mất tan cửa nhà kẻ xuất gia làm ông Thầy đâu khá lại phạm".

Vua, quan, kẻ sĩ, thứ dân, đều gọi là người đời Nhà Châu vua "U Vương" mất nước ! Nhà Tấn vua "Hiến Công" mất nhà. Tiên nhơn bị "gái dâm" cỡi cổ [42]. Anh "Trần Tử" bị lửa dục đốt mình nơi "Thiên miếu" [43]. Cái hại trên đây, đều do một việc "dâm dục" mà ra cả. Từ xưa đến nay những người lầm lạc chẳng phải một và người bị hại khó nói...

Như kinh BÁT SƯ nói rằng : Phật dạy ông "Phạm Chí" mình dâm đàn bà con gái người, hoặc bị người chồng cùng người ở gần hay được, bấy giờ mắc hại : dao gậy gia hình, tay chân đứt gãy, họa lây đến dòng họ, hoặc bị pháp vua bắt giam trong ngục, đánh khảo ghê gớm, thân mình chịu tội, chết vào Địa ngục, nằm trên giường sắt, hoặc ôm cột đồng, quỉ ngục tốt nổi lửa đốt cháy cả thân. Tội "Địa ngục" hết, phải chịu làm thân "súc sanh", hoặc sau được làm người, trong khuê môn dâm loạn, xa Phật trái pháp, chẳng gần Thánh Hiền, tâm thường lo sợ, nhiều ngặt ít an" !

Phật lại nói bài kệ rằng :

Dâm là hạnh bất tịnh, *Mê lầm mất đạo chánh;*
Hình gầy hồn phách sợ, *Giảm thọ và chết non.*
Mắc tội ngu, dại, ngốc. *Chết đọa trong đường ác;*
Ta vì sợ quá sợ, *Bỏ nhà thích núi non.*

Câu : "Xuất tục vi Tăng, khởi khả cánh phạm" kẻ xuất tục làm ông Thầy, đâu khá lại phạm, nghĩa là : "Biết ngũ dục hại lắm, nên bỏ đời đi tu, cũng như bỏ đàm mũi, lẽ nào ăn lại" ?!

Cố ĐẠI LUẬT vân : "Nhập đạo tàm quý nhơn trì bát nhiếp chúng sanh, vân hà túng dục trần, trầm một ư ngũ tình, dĩ xả ngũ dục lạc, khí chi nhi bất cố, như hà huờn dục đắc, như ngu tự thực thóa"

"Sanh tử căn bổn, dục vi đệ nhất".

Nhất thế chúng sanh, sở dĩ hữu thân giả, giai do sơ niệm điên đảo, kiến tha giao hội, tự dĩ dâm tâm, đầu thác mẫu thai, nhi thành thân căn, cố danh viết "sanh". Sở vị : "Nhất thế chúng sanh, giai dĩ dâm dục, nhi chứng tánh mạng, thị dã". Hữu sanh tất diệt, cố danh viết "tử"; thị tri sanh tử căn nguyên, giai dĩ dâm dục vi thủ, cố vân "đệ nhất". Dục trừ sanh tử, tu đoạn dâm tâm.

Cố Kinh vân : "Nhược chư thế giới, lục đạo chúng sanh, kỳ tâm bất dâm, tắc bất tùy kỳ sanh tử tương tục, dâm tâm bất trừ, trần bất khả xuất. Tất sử dâm cơ, thân tâm cu đoạn, đoạn tánh diệc vô, ư Phật Bồ đề, tư khả hi ký.

Cố Kinh vân :"Tuy dâm dật nhi sanh, bất như trinh khiết nhi tử".

Dật âm "Dật" dâm phóng dã. "Dâm dật tuy sanh, nhi giới thân huệ mạng dĩ táng, do thử đọa lạc tam đồ, bất phục nhơn thân hĩ, trinh khiết tuy tử, nhi giới thân huệ mạng thường tồn, sanh sanh vãng lai nhơn thiên, tu chứng Bồ Đề".

Cố ĐẠI LUẬT vân : "Ninh trước độc xà khẩu trung nhi tử, bất trước nữ căn trung nhi sanh, thị dã".

Tích An Đà quốc, hữu nhất Thiểu Dục Tỳ kheo, sử Sa di, vãng nhất tịnh tín gia nghính thực. Thời bỉ tịnh tín, hiệp gia phó hội, duy lưu nhất nữ, niên thỉ

Cho nên trong ĐẠI LUẬT nói : "Luận người vào đạo là người biết xấu hổ, bưng bình bát đi khất thực hóa độ chúng sanh, thế mà buông lung trần dục, chìm đắm trong năm tình, đã bỏ vui ngũ dục, bỏ đó không đoái hoài, làm sao lại muốn nữa, như đứa ngu tự ăn đờm mũi".

"Cội gốc đường sanh tử, dâm dục là thứ nhất".

Tất cả người đời, sở dĩ có thân này, là đều do niệm đầu điên đảo, thấy nam nữ giao hội, tâm dâm tự móng, chun vào thai mẹ, mới có thân này, cho nên gọi là "Sanh". Sở dĩ có câu : "Nhất thế chúng sanh giai dĩ dâm dục, nhi chứng tánh mạng thị dã", nghĩa là : "Tất cả chúng sanh, đều vì tâm dâm dục, mà có sanh thân mạng này, phải vậy". Đã có sanh tất phải có diệt, cho nên gọi là "tử"; vậy thì đủ biết rằng cội gốc đường sanh tử, đều vì tâm dâm dục làm đầu, cho nên gọi là "đệ nhất". Muốn hết đường sanh tử phải đoạn tâm dâm.

Cho nên trong kinh LĂNG NGHIÊM nói : "Bằng các thế giới, chúng sanh trong sáu đường, tâm không dâm thì không dính líu theo dòng sanh tử, tâm dâm chẳng trừ, thì trần lao không thể nào ra khỏi. Cho nên phải đoạn trừ máy dâm, thân và tâm đều đoạn, tánh đoạn cũng không, thì quả Phật Bồ Đề mới khá mong cầu".

Kinh THẬP GIỚI nói : "Tuy dâm lung mà sống, song chẳng bằng trong sạch mà chết".

Hai chữ dâm dật cũng đồng một nghĩa "dâm lung" nghĩa là "Dâm lung tuy sống, mà giới thân huệ mạng đã mất, do đây phải đọa lạc trong ba đường, chẳng còn làm thân người nữa, còn trong sạch dù chết, nhưng giới thân huệ mạng vẫn còn, đời đời qua lại chốn nhơn thiên, tu hành chứng quả Bồ đề đức Phật".

Cho nên trong ĐẠI LUẬT nói : "Thà để trong miệng rắn độc mà chết chẳng thèm để trong nữ căn mà sống, phải vậy".

Xưa nước An Đà, có một ông Thiếu Dục Tỳ kheo, sai Thầy Sa di tuổi trẻ đến nhà tịnh tín lãnh đồ ăn. Bấy giờ tịnh tín kia cả nhà đi phó hội, chỉ để một cô gái tuổi vừa mười

thập lục, dung mạo đoan chánh, nhi vi dâm dục hỏa thiêu ngũ thể đầu địa, bạch Sa di ngôn : "Ngã xá trân bảo vô lượng, nhử khả khuất ý, vi thử xá chủ, ngã đương cung cấp sử linh". Sa di tâm niệm : "Ngã ninh xả mạng, bất hủy cấm giới". Tức nhập phòng bế hộ, hồ quì hiệp chưởng phát nguyện : "Bất xả "Tam Bảo" chánh giới, nguyện sanh tịch tịnh gia, tận lậu thành đạo", tức vẫn cảnh nhi tử ! Quốc vương văn tri, thán vị tằng hữu tức cung vãng tác lễ, dĩ thi thừa ư bửu xa, chủng chủng cúng dường, tích chúng hương mộc nhi trà tỳ chi.

Cố THẬP GIỚI kinh vân : "Tuy dâm dật nhi sanh, bất như trinh khiết nhi tử", thử chi vị dã. Tường như HIỀN NGU kinh.

Y, khả bất giới dư !

CHÁNH PHÁP NIỆM kinh vân : "Ninh thực độc xà trùng, cập dĩ dương đồng đẳng, chung bất phá cấm giới, nhi thực tăng ẩm thực".

TRÍ ĐỘ luận vân : "Phá giới chi nhơn, nhược trước pháp phục, tắc thị nhiệt đồng thiết diệp, dĩ triền kỳ thân. Nhược trì bát vu tắc thị thừa dương đồng khí. Nhược sở đạm thực, tắc thị thôn nhiệt thiết hoàn, ẩm nhiệt dương đồng. Nhược thọ nhơn cúng dường cung cấp, tức thị địa ngục ngưu đầu ngục tốt. Nhược nhập tinh xá, tắc thị nhập đại địa ngục. Nhược tọa tăng sàng, thị vi tọa nhiệt thiết sàng thượng. Như kinh luận thuyết "khả bất cụ tai ?!"

TỨ VIẾT : "BẤT VỌNG NGỮ"

Tâm khẩu tương vi, cố viết "vọng ngữ".

Giải viết : Vọng ngữ hữu tứ : Nhất giả "vọng ngôn", vị : "Dĩ thị vi phi, dĩ phi vi thị, kiến ngôn bất kiến, bất kiến ngôn kiến, hư vọng bất thật đẳng".

sáu, dung mạo đoan chính; nhưng bị lửa dâm nung đốt, năm vóc, [44] mọp sát đất, quì bạch thầy Sa di rằng : "Nhà em châu báu vô lượng, được huynh bằng lòng, làm chủ nhà này, em sẽ cung cấp và hầu hạ". Thầy Sa di tâm nghĩ : "Ta thà bỏ mạng, chớ chẳng phá giới cấm". Liền vào trong phòng, đóng cửa, quì gối, chấp tay phát nguyện và cắn ngón tay dùng máu viết trên vách bài kệ như vầy : "Đệ tử không bỏ chánh giới Tam bảo, nguyện sanh về nơi nhà vắng lặng, hết nghiệp mê lầm thành đạo quả", nguyện rồi thắt cổ mà chết. Vị vua trong nước hay đặng, khen chưa từng có, liền ngự đến làm lễ, đem thây thầy Sa di, để lên xe báu, vua dùng đủ món cúng dường, rồi chất những củi thơm, mà phần thiêu long trọng.

Cho nên trong kinh THẬP GIỚI nói : "Tuy dâm lung mà sống, chẳng bằng trong sạch mà chết" là nghĩa đây vậy, sự tích này trong kinh HIỀN NGU có nói rõ.

Than ôi ! Khá chẳng răn chừa ư ?!

Kinh CHÁNH PHÁP NIỆM nói : "Thà ăn trùng rắn độc và uống nước đồng sôi chớ không phá giới cấm mà ăn đồ ăn của chúng Tăng".

Luận TRÍ ĐỘ nói : "Những người phá giới, bằng mặc đồ pháp phục tức là tấm sắt đồng nóng buộc vấn nơi thân. Bằng bưng bình bát tức là bưng chén nước đồng sôi. Bằng có uống ăn tức là nuốt hoàn sắt nóng, uống nước đồng sôi. Bằng thọ dụng người ta cúng dường tức là quỉ ngục tốt, quỉ ngưu đầu trong địa ngục. Bằng vào nhà tinh xá, tức là vào trong địa ngục lớn. Bằng ngồi giường chúng Tăng tức là ngồi trên giường sắt nóng. Như trong các Kinh, Luận, Phật đã nói : "Khá chẳng răn sợ sao" ?!

ĐIỀU THỨ TƯ : "KHÔNG ĐƯỢC VỌNG NGỮ"

Tâm nghĩ một nơi, miệng nói một ngã, trái nhau thì gọi là "vọng ngữ" *(lời nói vọng).*

Giải rằng : **Nói vọng có 4 món : 1.- Lời nói vọng nghĩa là "Lấy phải làm quấy, lấy quấy làm phải, thấy nói chẳng thấy; chẳng thấy nói thấy, luống dối chẳng** thật **v.v..."**

Dĩ thị vi phi, cố kiến ngôn bất kiến, dĩ phi vi thị, cố bất kiến ngôn kiến, do hư vọng cố, thị dĩ bất thật. Nhiên kiến thuộc "Nhãn thức". "Đẳng" giả, vị văn, xúc, tri, dã. Văn thuộc nhĩ thức, xúc thị tỹ, thiệt, thân tam thức, tri thuộc ý thức. Sở dĩ vọng ngữ tổng hữu bát chưởng :

Vị bất kiến ngôn kiến,	Bất văn ngôn văn.
Bất xúc ngôn xúc.	Bất tri ngôn tri.
Kiến ngôn bất kiến,	Văn ngôn bất văn,
Xúc ngôn bất xúc,	Tri ngôn bất tri.

Nhược dục hoặc bỉ, tùy bác kỳ nhất, tức danh "Vọng ngữ". Nhược kiến, văn, xúc, tri, tắc ngôn kiến văn, xúc, tri. Nhược bất kiến văn, xúc, tri, tắc ngôn bất kiến, văn, xúc, tri; thị danh tứ thánh ngôn. Ngôn hạnh tuy thiện, nhi vô thật tâm chung phi "thánh nhơn" chi đồ dã.

Nhị giả "ỷ ngữ", vị "Trang sức phù ngôn mị ngữ, diệm khúc tình từ, đạo dục tăng bi, đảng nhơn tâm chí đẳng".

Ỷ", "Cẩm ỷ" dã. "Mị" "mỹ lệ" dã, vị : "Kỳ trang sức hư phù, bất thật ngôn ngữ, như chức cẩm ỷ, dĩ huyền nhơn tâm mục dã". "Diệm khúc tình từ", giai năng dẫn đạo nhơn chi ái dục, tăng trưởng nhơn chi bi ai. "Diệm khúc", thị hoặc nhơn tâm, thính chi ca khúc, sở vị mị mị "Dương A" chi khúc, thị dã : "Tình từ" thị dụ nhơn tình dục chi văn ngôn. "Đẳng" giả, nãi chí hỉ, nộ, ai, lạc, cảm, khái chi ngữ, giai năng cải nhơn thường tánh. Tán nhơn chánh niệm cố viết, "Đảng nhơn tâm chí".

Tích Pháp vân Tú thiền sư, vị "Lổ Trực" viết : "Công tác diệm ca, đảng nhơn dâm tâm, sử du lễ việt

Bởi lấy phải làm quấy, cho nên thấy, nói chẳng thấy. Lấy quấy làm phải cho nên chẳng thấy nói thấy, do vì nói dối, cho nên không thật. Song cái thấy là thuộc nhãn thức thấy; chữ "Đẳng" *(vân vân...)* là còn nói thêm, như nghe, chạm, biết, vậy. Nghe thuộc Nhĩ thức, đụng chạm thuộc Tỷ thức, thật thức và thân thức cả ba thức; biết thuộc cái biết của ý thức. Sở dĩ nói vọng gồm có 8 chuyện :

Không thấy nói thấy, Không nghe nói nghe,
Không đụng chạm,nói đụng chạm, Không biết nói biết,
Thấy nói không thấy, Nghe nói không nghe,
Đụng chạm, nói không đụng chạm, Biết nói không biết.

Trong tám chuyện bằng muốn lấy một chuyện nào, để dối gạt người ta, đều liệt vào trong tội "Vọng ngữ" cả. Bằng mình thấy, nghe, đụng chạm, hiểu biết; thì mình nói, tôi thấy, tôi nghe, tôi đụng chạm, tôi hiểu biết. Bằng mình không thấy, nghe, đụng chạm, hiểu biết; thì nói mình không thấy, không nghe, không đụng chạm, không hiểu biết; mới gọi là bốn lời thánh, *(bốn lời thật)*. Lời nói, hạnh làm, tuy lành; nhưng không có tâm thật, cũng chẳng phải môn đồ "Thánh nhơn" vậy.

2.- Ỹ ngữ *(lời nói trau chuốt)*, **nghĩa là "Lời đàn, tiếng điếm, bài ca lời tình, xúi giục thêm thương, xiêu lòng dạ người v.v.."**

Chữ "ỹ" là nghĩa "thêu dệt" vậy. Chữ "Mị", là "tốt đẹp" vậy. Nghĩa là "trau giồi chuốt ngót lời nói không thật, như gấm thêu hoa, chóa lòa tâm mắt người ta vậy". Câu : "Diệm khúc tình từ" *(bài ca lời tình)* đều là thứ khêu gợi, lòng ái dục và thêm lớn sự buồn rầu cho người ta. Chữ "Diệm khúc" là *(bài ca)*, nghe bài ca hay xiêu cảm lòng người, chỗ gọi rằng : "Lồng lộng bài ca của ngươi "Dương A" phải vậy". "Tình từ" *(lời tình)* là lời hay rù quến tình dục cho người. Chữ "Đẳng" *(v.v...)* là những lời mừng, giận, buồn, vui, thương, nhớ, đều hay đổi tánh thường người, mất niệm chánh của người. Cho nên có câu : "Đản nhơn tâm chí" *(xiêu lòng dạ người)*.

Xưa Ngài Pháp vân Tú Thiền sư quở ông Lỗ Trực rằng : "Ông làm bài ca hay, xúi tâm dâm người, khiến người bỏ lễ

cấm, kỳ tội phi chỉ đọa ác đạo nhi dĩ". "Lổ Trực" tự thử bất phục tác hĩ.

Tam giả "ác khẩu" vị "thô ác mạ ly nhơn đẳng".

Chánh xích viết "mạ", bàn cập viết "ly". Vị "khẩu xuất thô ác bất thiện chi ngôn, mạ nhục hủy báng ư tha". Sở dĩ : "Sân hỏa nhất khởi, xung khẩu thiêu tâm", thương hại tiền nhơn, thống du đao cát, thật quai Bồ tát chi từ niệm, hữu vi xuất gia chi thiện tâm, thân tử hồn thệ, trụy đọa tam đồ; như kinh sở thuyết.

Nhược đọa "Địa Ngục", cát thật linh tự đạm thực. Nhược đọa "Ngạ quỉ", khẩu trung thơ nung lưu xuất. Nhược sanh "Cầm thú", thực đạm phấn uế, nhơn quái kỳ thinh. Tội tất vi nhơn, diện mạo xú lậu, khẩu xú, thần xỉ giai khuyết. Phật ngôn : "Ninh dĩ lợi đao cát kỳ thật, tích kiếp thọ khổ, bất khả dĩ nhất ngôn, mạ báng trì giới Tỳ kheo, ác báo nan tận".

Hữu nhị chưởng nhơn : Nhất hướng nhập Địa Ngục : "Nhược phi phạm hạnh, tự xưng phạm hạnh". "Nhược chơn phạm hạnh, nhi dĩ phi phạm hạnh báng chi".

Tứ giả "lưỡng thật", vị : "hướng thử thuyết bỉ, hướng bỉ thuyết thử, ly gián ân nghĩa, khiêu than đấu tranh đẳng".

"Ly", "biệt" dã. "Gián", "cách" dã. Quân, phụ huệ trạch viết "Ân". Huynh đệ bằng hữu, thiện ích viết "nghĩa". "Hướng thử thuyết bỉ" giả, vị "truyền bỉ nhơn chi ngôn, hướng thử nhơn thuyết". "Hướng bỉ thuyết thử giả, vị truyền thử nhơn chi ngôn, hướng bỉ nhơn thuyết, linh sanh đấu loạn, trí sử quân thần, phụ tử, huynh đệ, bằng hữu, chi ân nghĩa ly gián,

nghĩa bỏ phép cấm, tội ấy chẳng những đọa trong ba đường ác mà thôi". Ông Lỗ Trực từ đây, không dám làm nữa vậy.

3.- Ác khẩu *(miệng dữ)*, **nghĩa là "Hổn ẩu mắng nhiếc người v.v..."**

Xỉ nhục ngay trước mặt người, gọi là "mắng", nói cạnh nói khóe gọi rằng "nhiếc". Nghĩa là : "Miệng thốt những lời thô ác bất thiện, mạ nhục hủy báng người ta". Nên có câu : "Sân hỏa nhất khởi, xung khẩu thiêu tâm" nghĩa là "Lửa sân một phen nổi lên, phừng miệng, đốt lòng" hại người trước mặt đau hơn dao cắt, thật trái niệm từ của ông Bồ tát, cũng sái tâm lành kẻ xuất gia, chết rồi hồn đi, đọa trong ba đường, như Kinh đã nói.

Bằng đọa trong Địa ngục cắt lưỡi cho mình ăn. Bằng đọa loài ngạ quỉ, trong miệng giòi tửa *(mủ)* chảy ra. Bằng sanh trong loài cầm thú, ăn đồ nhơ nhớp, và tiếng kêu ai cũng ghét. Tội hết mới đặng làm người, diện mạo xấu xa, miệng thúi, môi răng đều sứt mẻ. Phật nói : "Thà lấy dao bén cắt lưỡi, chịu khổ nhiều kiếp, chớ không nên dùng một lời nói dữ mắng nhiếc thầy Tỳ kheo trì giới ác báo khó hết".

Có hai hạng người nhất định vào địa ngục : 1.- Như không phải hạnh tốt, tự xưng hạnh tốt. 2.- Bằng người ta thật hạnh tốt, mà mình cho không phải hạnh tốt, chê đó.

4.- Lưỡng thật *(hai lưỡi)* **nghĩa là : "Tới đây nói người kia, tới người kia nói người đây xa lìa ân nghĩa, xúi giục gây kình v.v..."**

Chữ "ly" cũng như chữ "biệt" và chữ "gián" cũng như chữ "cách". Vua cha ơn nhuần gọi rằng "ơn". Anh em bậu bạn giúp nhau gọi rằng "nghĩa". Câu : "Hướng thử thuyết bỉ" *(tới đây nói kia ấy)*; nghĩa là "đem lời nói người kia, tới nói với người đây". Câu "Hướng bỉ thuyết thử" *(tới kia nói đây ấy)*, nghĩa là "đem lời nói người đây tới nói với người kia, khiến sanh đánh lộn, đến nỗi ơn nghĩa vua, tôi,

Nhược bất truyền bi thử chi ngôn, đãn ư nhị biên thuyết, linh ly tán giả, diệc thị lưỡng thật".

"Quản Tử" vân : "Tích giao ly thân, vị chi "tặc", thị dã. "Khiêu than" giả, vị : "Khiêu phát than khởi, bỉ thử chi ngôn, linh sanh đấu tránh dã".

THÀNH THẬT luận vân : "Thiện tâm giáo hóa tuy vi biệt ly, diệc bất đắc tội. Nhược dĩ ác tâm, linh tha đấu loạn, tức thị lưỡng thật, đắc tội tối thâm, đọa tam ác đạo trung, thế thế đắc tệ ác phá hoại quyến thuộc, dĩ kim ly gián phá hoại tha, cố dã".

"Nãi chí tiền dự hậu hủy, diện thị bối phi".

Vị : "Tại bỉ tiền, tắc xưng dự kỳ đức, tại hậu tắc báng hủy kỳ quá", đương bỉ nhơn diện, tắc ngôn kỳ sở thuyết thị, bối hậu, tắc ngôn kỳ sở vi phi.

BÁO ÂN kinh vân : "Phật cáo A Nan ! Nhơn sanh thế gian, họa tùng khẩu xuất, đương hộ ư khẩu, thậm ư mãnh hỏa, mãnh hỏa xí nhiên, thiêu thế gian tài, ác khẩu xí nhiên, thiêu thất thánh tài".

"Chứng nhập nhơn tội, phát tuyên nhơn đoản".

Vô vấn tiền nhơn, hữu tội vô tội, đãn dĩ ác tâm chứng chi, ngôn hữu, tức tự đắc tội hĩ. Phát tuyên nhơn đoản giả, yểm nhơn chi thiện, dương bỉ chi quá.

"Khổng Tử" viết : "Nặc nhơn chi thiện, sở vị tế hiền, dương nhơn chi ác tư vi tiểu nhơn".

cha, con, anh em, bậu bạn xa lìa. Bằng không đem lời nói kia đây, chỉ nói làm sao cho hai bên tan rã ấy cũng là lời nói hai lưỡi".

Ông Quản Tử nói : "Những người chia lìa bà con người ta, gọi là "thằng giặc" phải vậy". Chữ : "Khiêu than" *(xúi giục)* nghĩa là "khiêu khích xúi giục, lời kia đây, khiến hai người sanh tâm gây đánh".

Trong luận THÀNH THẬT nói : "Lòng lành dạy bảo, tuy họ biệt ly, nhưng mình không mắc tội. Bằng đem lòng ác, xúi người đánh lộn, tức là hai lưỡi, mắc tội rất nặng đọa trong ba đường ác, đời đời mắc quả bà con hung dữ và phá hoại gia đình; là vì đời nay ta phá hoại gia đình bà con người mắc phải biệt ly".

"Nhẫn đến trước khen sau chê, trước mặt phải, sau lưng quấy".

Nghĩa là : "Ở trước mặt người thì khen ngợi đức người, sau lưng người, thì chê cái quấy người", chính như trước mặt người kia thì nói người kia là phải; sau lưng thì nói người kia là quấy.

Kinh BÁO ÂN Phật kêu ông "A Nan" nói : "Người sanh trong đời, họa từ miệng mà ra, phải gìn nơi miệng lắm hơn lửa dữ, vì lửa dữ bừng cháy đốt của thế gian, miệng dữ bừng cháy đốt của thất thánh" (45).

"Nhận quyết tội người và vạch bày cái xấu người".

Không luận người kia có tội cùng không tội, cứ đem tâm ác chứng cho rằng có, thời mình mắc tội. Câu : "Phát tuyên nhơn đoản" *(vạch bày xấu người)* Nghĩa là : "Che cái tốt của người, bày cái xấu của người vậy".

Đức Khổng Tử nói : "Nặc nhơn chi thiện, sở vị tế Hiền, dương nhơn chi ác tư vi tiểu nhơn", nghĩa là : "Dấu sự tốt người, gọi rằng che người Hiền, bày cái xấu của người, ấy là đứa tiểu nhơn".

"Thái công" viết : "Dục lượng tha nhơn, tiên tu tự lượng, thượng nhơn chi ngữ, hườn thị tự thương, hàm huyết phún nhơn, tiên ô tự khẩu".

Hán Tân Tức Hầu Mã Viện, dĩ thơ giới kỳ huynh tử viết : "Ngô dục nhữ tào, văn nhơn chi quá thất, như văn phụ mẫu chi danh, nhỉ khả đắc văn, khẩu bất khả đắc ngôn dã. Háo nghị nhơn trường đoản, vọng thị phi chánh pháp thử ngô sở đại ố dã, ninh tử, bất nguyện văn tử tôn hữu thử hạnh dã".

LUÂN CHUYỂN NGŨ ĐẠO kinh, Phật ngôn : "Vi nhơn hí truyền nhơn ác, tử nhập Địa ngục dương đồng quán khẩu, bạt xuất kỳ thật, dĩ ngưu lê chi, hậu đọa "ác điểu", nhơn văn kỳ thinh, mạc bất kinh bố, chủ linh kỳ tử".

"Giai vọng ngữ chi loại dã".

Vị : "Tiền dự hậu hủy, nãi chí phát tuyên nhơn đoản, giai thị vọng ngữ chi thuộc dã".

Nhược phàm phu tự ngôn : "Chứng thánh, như ngôn dĩ đắc "Tu đà hoàn" quả, "Tư đà hàm" quả, đẳng danh đại vọng ngữ, kỳ tội cực trọng".

"Phàm phu" giả, thị vị nhập "Hiền Thánh" vị nhơn. "Tự ngôn chứng Thánh" giả, vị tự tri thật vô sở ngộ, nhi cố vọng ngôn, vị : "Ngã dĩ chứng đắc thánh nhơn chi pháp; "Tu đà hoàn", thử vân "Nhập lưu", vị dĩ đoạn tam giới "kiến hoặc" tận, tức dự nhập thánh đạo pháp lưu. Thử thị "tiểu thừa", sơ quả thánh nhơn dã. "Tư đà hàm", thử vân "Nhất lai" vị : "Dục giới", "cửu phẩm" tư hoặc, dĩ đoạn tiền lục phẩm tận, hậu tam phẩm thượng tại, du tu cánh lai. Dục giới, nhất thọ sanh, thử nhị quả "Thánh nhơn" dã.

Ông Thái Công nói : "Muốn so lường người ta, trước phải so mình, lời nói hại người, trở lại hại mình, ngậm máu phun người, miệng mình dơ trước".

Đời nhà Hán, huyện Tân Tức, tước hầu là ông Mã Viện, gởi thơ dạy con của người anh rằng : "Ta muốn chúng bây, nghe tội lỗi người, như nghe tên cha mẹ, song tai nghe thì nghe được, nhưng miệng không được nói. Những kẻ ưa luận việc tốt xấu người, quấy nói khen chê việc chánh pháp, ta đây ghét lắm, thà chết chớ không muốn nghe con cháu có hạnh như thế".

Kinh LUÂN CHUYỂN NGŨ ĐẠO Phật nói : "Làm người hay truyền xấu của người, chết vào Địa ngục, nước đồng sôi rót vào miệng, kéo cuống lưỡi ra mắc trâu cày đó, sau đọa làm loài chim ác điểu, người nghe tiếng kêu, không ai là không ghê sợ, trù rủa cho chết".

"Như trên, đều là một thứ nói vọng cả".

Từ câu : "Trước mặt khen, sau lưng chê", cho đến câu : "vạch bày xấu người" đều là một thứ vọng ngữ vậy".

Bằng kẻ phàm phu nói mình chứng đặng quả thánh, như nói : "Mình đặng quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm v.v..." gọi là vọng ngữ lớn, tội kia rất nặng".

"Phàm Phu" là người chưa vào vị "Thánh Hiền". Câu "Tự ngôn chứng thánh" nói mình là chứng thánh nghĩa là : Biết mình thật chưa tỏ ngộ, mà cố ý nói vọng rằng : "Ta đã chứng đặng pháp thánh". Quả Tu đà hoàn; Tàu gọi quả "Nhập lưu"; nghĩa là : "Đã dứt hết kiến hoặc trong ba cõi liền dự vào chi phái của đức Phật. Nhưng đây là vị Thánh nhơn quả ban đầu phải Tiểu thừa vậy". Quả Tư đà hàm; Tàu gọi quả "Nhất lai", nghĩa là :chín món tư hoặc cõi Dục giới đã dứt hết sáu món trước, chỉ còn ba món sau, nên phải trở lại cõi Dục giới này, đầu thai một lần nữa, đây là vị Thánh nhơn quả thứ hai".

"Đẳng" giả, vị dư "tam quả", "tứ quả" nãi chí hoặc ngôn : "đắc thiền, đắc định, đắc tam muội chánh thọ . Thiên, long, quỉ, thần lai qui y ngã", dĩ thử cuống hoặc thế gian, nhi yêu danh lợi cúng dường, tội bất khả hối, đọa đại Địa ngục, trường kiếp thọ khổ.

Phật ngôn : "Ninh đạm khôi thán, thôn thực phấn thổ, lợi đao phá phúc, bất dĩ hư vọng, xưng đắc thánh Pháp". Nhi đắc cúng dường, thị tối đại tặc, dĩ đạo nhơn ẩm thực cố. Cố ngôn kỳ tội cực trọng.

VỊ TẰNG HỮU kinh vân : "Vọng ngữ hữu nhị; nhất trọng, nhị khinh. Vị cúng dường cố, ngoại hiện tinh tấn, nội hành tà trược, hướng nhơn vọng thuyết, đắc thiền cảnh giới, hoặc ngôn kiến Phật, kiến long, quỉ đẳng, danh "đại vọng ngữ", đọa "A tỳ ngục". Phục hữu vọng ngữ, năng linh sát nhơn, phá hoại Nhơn gia, hoặc vi thất kỳ khế, linh tha sân hận, danh "hạ vọng ngữ" đọa tiểu Địa ngục. Kỳ dư hí tiếu, cập chư lý nặc cấm sự, hữu ngôn vô, vô ngôn hữu, bất phạm.

"Dư vọng ngữ, vị cứu tha cấp, nạn, phương tiện quyền xảo, từ bi lợi tế giả, bất phạm".

"Như hữu chư cầm thú, vi lạp nhơn, sở trục nhập tự. Lạp nhơn vấn ngôn : Hiền giả, kiến mổ cầm thú phủ ? - Nhỉ thời, nhược thị hàn thời ưng ngữ ngôn : Trường Thọ khả tạm nhập thiểu thời hướng hỏa; nhược thị nhiệt thời, ưng ngôn : Khả tạm nhập ẩm thủy, tiểu thời đình tức. Nhược lạp giả vân : Ngã bất bì quyện, ngã vấn tẩu thú. Thời tức ưng tiện tự quan chỉ giáp, báo ngôn : Ngã kiến chỉ giáp. Bỉ nhược phục ngôn : Ngã bất vấn chỉ giáp, ngã vấn khả sát chúng sanh, ư thử quá phủ ? Tức ưng biến quan tứ phương tác như thị niệm : Thắng Nghĩa Đế, trung, nhất thế

Chữ : "Đẳng" là *(mấy quả nữa)*, như quả thứ ba, và quả thứ tư, cho đến hoặc nói : "Ta đặng pháp thiền, pháp định, pháp tam muội chánh thọ".Trời, Rồng, Quỉ, Thần đến quy y với ta"; lấy đó dối gạt người đời, mà cầu việc danh lợi cúng dường,tội không thể sám hối, đọa trong Địa ngục lớn, chịu khổ nhiều kiếp.

Phật nói : "Thà ăn tro than, nhai nuốt bụi đất, dao bén mổ bụng, chớ đừng đem lời vọng, nói ta chứng quả thánh mà chịu người cúng dường là "thằng giặc" rất to, vì trộm đồ uống ăn của người vậy. Cho nên nói câu : "kỳ tội cực trọng" *(tội kia rất nặng)*.

Kinh VỊ TẰNG HỮU nói : "Vọng ngữ có hai : 1.- Nhẹ, 2.- Nặng. Vì cớ muốn người cúng dường cho nên ngoài hiện hạnh tinh tấn, trong tâm làm việc tà trược, nói vọng với người rằng : Ta đặng cảnh giới "thiền định" ! Hoặc nói thấy Phật, thấy Thiên, Long, Quỉ, Thần v.v... gọi "đại vọng ngữ", đọa trong ngục "A tỳ". Lại có người nói vọng, hay khiến chết người, phá hoại nhà người, hoặc trái lời kỳ hẹn, khiến người buồn giận, gọi là vọng ngữ bực hạ, đọa Địa ngục nhỏ. Còn bao nhiêu những việc nói chơi giỡn cười và như những việc lý đáng giấu, sự đáng cấm, có nói không, không nói có, không phạm.

"Còn các lời nói vọng vì cứu người nạn gấp quyền hay chước khéo, từ bi lợi giúp ấy, không phạm".

Như có các con cầm thú, bị người thợ săn đuổi chạy vào chùa. Thợ săn hỏi rằng : A ông Thầy, có thấy con cầm thú ấy... ấy... ấy... không ? Bấy giờ hoặc mùa lạnh thì bảo rằng : Nầy Trường thọ *(cụ già)* nên ghé... a... ghé... a... vào... a... đây tạm nghỉ, và hơ ấm; hoặc là mùa nực thì bảo : Cụ khá tạm vào... tạm vào, uống nước... uống nước và nghỉ ngơi một chút. Bằng thợ săn nói : Ta chẳng mỏi mệt, ta chỉ hỏi con thú chạy ? Khi ấy, mình phải trước xem móng tay mình, đáp rằng : Ta thấy móng tay. Bằng người kia lại nói : Ta không cần hỏi móng tay; ta chỉ hỏi con vật ta săn, Thầy ở đây có thấy nó chạy qua đây không ? Tức thì mình phải

chư hạnh, bổn vô chúng sanh, tức báo bỉ ngôn : "Ngã bất kiến chúng sanh".

Hựu như "Ba Tư Nặc" vương, sắt sát "Trù giám". "Mạt Lợi phu nhơn", linh nhơn lư tàng, đải vương tửu tỉnh hối hận, tống chí vương sở, vương đại hoan hỉ phu nhơn tuy thọ bát giới, vị cứu tha nạn, nhi bất phạm "vọng ngữ", thị danh "phương tiện quyền xảo lợi tế giả dã".

Cổ nhơn vị : "Hành kỷ chi yếu tự bất vọng ngữ thỉ, huống học xuất thế chi đạo hồ" ?

Phù "đạo đức" chi tồn, "chí thành" vi thủ, lập thân chi yếu, ngôn hạnh thị tiên. Sở dĩ "Nam Dung" tam phúc "Bạch khuê", tương dĩ giới thận kỳ ngôn, thị cố cổ nhơn : "Giới thỉ thận chung, tự bất vọng ngữ thỉ".

"Cổ nhơn" giả "Tư Mã Ôn Công" dã, công vi nhơn hiếu hữu trung tín, cung kiệm chánh trực tự thiếu chí lão, ngữ vị thường vọng, cố kỳ thường ngôn : "Thành chi đạo, cố nan nhập, nhiên đương tự bất vọng ngữ thỉ". Hựu viết : "Ngô vô quá nhơn giả, đản bình sanh sở vi vị thường hữu bất khả, đối với nhơn ngôn giả nhĩ.

Thời "Lưu An Thế" vấn "công" viết : "Nhất ngôn khả dĩ chung thân hành chi giả" ? - Công viết : "Kỳ thành hồ" - Vấn : "Kỳ sở tùng nhập" ? - Công viết : "Tự bất vọng ngữ nhập". "Thế nho lập thân, vì nhất sanh chi danh đức thượng nhỉ", huống "Thích Tử" học xuất thế chi đạo, tu vị lai thật tướng chi nhơn, nhi bất nhiên hồ. Kinh vân : "Bất thận ngôn giả, phi Sa di dã".

Kinh tải : "Sa di, khinh tiếu nhất lão tỳ kheo đọc kinh thinh như cẩu phệ, nhi lão tỳ kheo giả, thị "A La Hán", nhơn giáo Sa di cấp

khắp xem bốn phía dấy tưởng như vầy : Trong Thắng Nghĩa Đế *(lý chơn không)* tất cả các hạnh vốn không con vật, liền trả lời với thợ săn rằng : "Ta chẳng thấy con vật" *(theo nghĩa Chơn đế bất sanh bất diệt...)*

Cũng như vua Ba Tư Nặc ra lệnh giết quan Trù Giám *(người bồi nấu ăn)*, Bà Mạt Lợi phu nhơn Hoàng hậu biểu người đem giấu, đợi vua tỉnh rượu hết giận đem đến chỗ vua, vua rất vui mừng : Bà phu nhơn tuy thọ 8 giới nhưng vì cứu nạn người, mà không phạm giới vọng ngữ; ấy gọi là"chước hay, quyền khéo lợi giúp cho người đó vậy".

Cổ nhơn nói : "Cốt yếu lập hạnh mình, từ chẳng nói vọng làm trước, huống người học đạo xuất thế ư ?"

Luận như chỗ giữ đạo đức tâm chí thành làm đầu; cốt yếu lập thân, việc ngôn hạnh là trước. Sở dĩ ông "Nam Dung" làm thơ "Bạch khuê" đọc tới đôi ba lần, toan để răn dè lời nói; cho nên bực cổ nhơn răn trước dè sau, tự chẳng nói vọng làm đầu.

Cổ nhơn là ông "Tư Mã Ôn Công" vậy, ông là người hiếu, thuận, trung tín, cung kiệm, chánh trực từ bé đến già nói chưa từng nói vọng; cho nên ông thường nói : "Đạo chí thành rất khó vào, song phải tự chẳng nói vọng làm trước". Lại nói : "Ta không chi hơn người, chỉ cả đời chỗ ra làm chưa từng có việc nào, đối với người nói dối vậy".

Khi đó ông Lưu An Thế hỏi ông Ôn Công rằng : "Một lời nói nào, đặng dùng trọn đời làm theo ?" - Công đáp : "Cái đạo thành thật vậy". - Hỏi : "Vào đạo thành thật từ đâu ?" Ông đáp : "Từ không nói vọng mà vào". Ôi ! Kẻ thế Nho lập thân là cái việc danh đức một đời còn vậy, huống trang Thích tử học đạo xuất thế tu nhơn thật tướng đời sau lẽ nào lại nói vọng hay sao ? Kinh THẬP GIỚI dạy : "Không thận trọng lời nói, chẳng phải thầy Sa di vậy".

Kinh chép sự tích, "một Sa di khinh cười một thầy Tỳ kheo già đọc kinh tiếng như chó sủa, mà Tỳ kheo già đó, là bực A La hán nhơn dạy ông Sa di

sám, cẩn miếng địa ngục, du dọa cẩu thân. Ác ngôn nhất cú, vi hại chí thử !!!

Kinh tải phi nhất, hoặc ngôn sa di, hoặc ngôn niên thiếu tỳ kheo.

Án HIỀN NGU kinh, cập "BÁO ÂN" kinh, nãi quá khứ "Ca Diếp Phật" thời, niên thiếu Tỳ kheo, kiến nhất lão Tỳ kheo, thường háo tán tụng, âm thinh độn trược, tự thị hảo thinh, nhi ngôn : "Nhữ kim thinh như cẩu phệ". Thời lão Tỳ kheo ngữ ngôn : "Nhử thức ngã phủ ? Ngã kim dĩ đắc A La Hán đạo hĩ". Niên thiếu văn dĩ, hoàng bố tự trách, tức ư kỳ tiền sám hối; lão Tỳ kheo tức thính hối quá, tuy miễn Địa ngục, do kỳ ác ngôn, ngũ bá thế trung, thường thọ cẩu thân. Thời hữu thương nhơn ngũ bá, tương nhứt bạch cẩu, cọng nghệ tha quốc, trung lộ đốn tức, cẩu đạo nhục thực, thương nhơn đoạn cẩu tứ cước, đầu chi khanh trung nhi khứ. Thời Xá Lợi Phất, dĩ thiên nhãn diệu kiến cẩu thân, loang tịch tại địa, cơ ngạ khổn đốc, mạng dục thùy tử, tức trì bát phạn, phi chí cẩu sở, dĩ từ mẫn tâm, thí dữ cẩu thực, hoạt kỳ dư mạng, thực dĩ hoan hỉ, phục vị thuyết pháp.

Thất nhật hậu mạng chung, tức sanh "Xá Vệ" quốc, Bà La Môn gia, tự viết "Quân Đề". Niên chí thất tuế, Xá Lợi Phất, hóa linh xuất gia, vị thuyết diệu pháp, tiện chứng La Hán, lục thông tất bị, tự kiến tiền thân, thị nga cẩu, mong sư Xá Lợi Phất ân, kim đắc nhơn thân, tinh hoạch đạo quả. Tự niệm : "Đương tận thân, cung cấp sư chi sở tu, vĩnh tác Sa di, bất thọ đại giới". Do kỳ tiền xuất gia trì tịnh giới, cố kim trị Thích Ca Như Lai, đắc A La Hán quả. Cố tri nhược phi tịnh giới, tắc giải thoát vô kỳ hĩ.

Cố Kinh vân : "Phù sĩ xử thế, phủ tại khẩu trung, sở dĩ trảm thân, do kỳ ác ngôn".

Thử văn, tuy xuất BỔN KINH, nhiên PHÁP CÚ, A HÀM, ĐẠI LUẬT giai đồng; phủ thí tự thiệt, ác ngôn

mau sám hối, xảy khỏi địa ngục, nhưng còn đọa làm thân chó". Ôi ! Một lời nói dữ, mắc hại đến thế !!!

Kinh chép chẳng phải một, hoặc nói ông Sa di, hoặc nói Tỳ kheo tuổi trẻ :

Xét trong kinh HIỀN NGU và kinh "BÁO ÂN"; về đời quá khứ, thuở "Phật Ca Diếp", Tỳ kheo tuổi trẻ, thấy một Tỳ kheo già thường hay tán tụng tiếng tăm ồ ề, ỷ mình tiếng tốt, nói rằng : "Ông nầy tiếng như chó sủa". Khi ấy, thầy Tỳ kheo già bảo rằng : "Ngươi biết ta chăng ? Ta nay đặng quả A la hán vậy". Tuổi trẻ nghe rồi, hoảng sợ trách mình, liền ra trước xin sám hối, thầy Tỳ kheo già bèn cho sám hối tội lỗi; song tuy sám hối được khỏi tội Địa ngục, nhưng do lời nói ác, nên 500 đời thường chịu làm thân chó... Khi ấy có 500 người buôn, đem một con chó trắng, cùng qua nước khác, giữa đường nghỉ ngơi, chó ăn vụng thịt, người buôn chặt bốn chân chó, quăng trong hầm mà đi. Bấy giờ, Ngài Xá Lợi Phất, dùng Thiên nhãn thông, xa thấy thân chó quay quắt nơi kia, đói khát khốn cùng, mạng hầu muốn thác, liền bưng bát cơm bay đến chỗ chó, dùng lòng từ bi thí cho nó ăn, mạng sống được mấy ngày, chó ăn rồi vui mừng; Ngài Xá Lợi Phất lại vì thuyết pháp cho nghe.

Qua bảy ngày, Chó kia thoát kiếp, liền sanh nước "Xá vệ" nhà Bà la môn, tên là "Quân Đề". Tuổi lên 7; Ngài Xá Lợi Phất giáo hóa cho đi xuất gia, vì nói pháp mầu cho nghe bèn chứng quả "A la hán", đủ cả sáu phép "thần thông" ông tự thấy thân trước của ông là chó đói, nhờ ơn thầy Xá Lợi Phất, nay đặng thân người và chứng được đạo quả. Tự nghĩ rằng : "Phải trọn đời hầu hạ thầy cần dùng, hằng làm Sa di, chớ không thọ đại giới". Vì bởi đời trước, ông xuất gia, giữ tịnh giới, nên nay đặng gặp Phật Thích Ca Như Lai và chứng đặng quả "A la hán". Thế nên đủ biết rằng, nếu không giữ tịnh giới, thì không ngày nào giải thoát vậy.

Cho nên trong Kinh nói : "Luận kẻ ở đời như búa ở trong miệng, sở dĩ chém mình, là do lời nói ác".

Văn đây tuy rút trong BỔN KINH *(thập giới)*. Song kinh PHÁP CỦ, kinh A HÀM và trong ĐẠI LUẬT đều

dụ phủ phát dã, như : "Nhơn trịch phủ trảm thiên, phủ đọa huờn tự thương thân, thế nhơn dục dĩ ác ngôn hại bỉ, phản hườn tự hại".

Như ĐẠI LUẬT vân : "Tích Điều Đạt mạ Xá Lợi Phất, vi "Ác dục Tỳ kheo" ưng thời thật huyết tùng tỹ khổng xuất, tức dĩ sanh thân đọa đại địa ngục trung". Phật nhơn nhi thuyết kệ viết : "Phù sĩ xử thế, phủ tại khẩu trung, sở dĩ trảm thân, do kỳ ác ngôn". Ưng hủy phản dự, ưng dự phản hủy, tự thọ kỳ ương, chung vô hữu lạc.

Y, khả bất giới dư !

ĐỊA TRÌ luận vân : "Vọng ngữ chi tội, năng linh chúng sanh, đọa tam ác đạo, nhược sanh nhơn trung, đắc nhị chưởng quả báo : Nhất giả, đa bị phỉ báng. Nhị giả, vi nhơn sở cuống".

Hà cố vọng ngữ, đọa tam ác đạo ? - Vị duyên kỳ vọng ngữ bất thật, sử nhơn hư sanh khổ não, thị dĩ tử thọ Địa ngục khổ.

Dĩ kỳ khi vọng, quai nhơn thành tín cố, thọ súc sanh báo.

Duyên kỳ vọng ngữ, giai tự tham khi, xan khi tội cố, phục vi Ngạ quỉ.

Dĩ kỳ vọng ngữ, bất thành thật cố, bị nhơn phỉ báng.

Dĩ kỳ vọng ngữ, khi dụ nhơn cố, vi nhơn sở cuống, ký tri vọng ngữ.

Hữu thử tứ đại khổ báo. Khả bất giới dư !

có, lưỡi búa tỷ thí lưỡi mình, lời ác dụ : lưỡi búa hươi ra, như : "Người quăng búa chém trời, búa rớt lại hại mình", cũng như : "Kẻ ở đời muốn lấy lời ác hại người, trở lại hại mình".

Như trong ĐẠI LUẬT nói : "Xưa ông Điều Đạt mắng Ngài Xá Lợi Phất là "Tỳ kheo ác dục", vừa mắng thì huyết nóng trong mũi liền chảy ra, thân đương sống bèn đọa trong Địa ngục lớn". Phật nhơn đó nói bài kệ rằng : "Phù sĩ xử thế, phũ tại khẩu trung, sở dĩ trảm thân, do kỳ ác ngôn". Nghĩa là : "Luận kẻ ở đời, búa ở trong miệng, sở dĩ chặt mình, do lời nói ác". Việc đáng chê lại khen, đáng khen lại chê, tự mình chát lấy sự khổ, quyết không có vui !

Than ôi ! Khá chẳng răn chừa vậy ư ?

Luận ĐỊA TRÌ nói : "Tội vọng ngữ làm cho chúng sanh đọa ba đường ác, bằng sanh trong loài người, mắc hai món quả báo : 1.- Hay bị người chê bai, 2.- Bị người lường gạt".

- Thế nào nói vọng đọa ba đường ác ? - Bởi ta nói vọng không thật , khiến người luống sanh tâm sầu thảm, chết chịu khổ trong địa ngục.

- Thế nào nói vọng đọa trong loài súc sanh ? - Bởi ta nói vọng trái tâm thành tín của người, nên mắc đọa trong loài súc sanh.

- Thế nào nói vọng đọa trong loài Ngạ quỉ ? - Bởi ta nói vọng làm cho ai cũng mắc tội tham lam, bỏn sẻn; nên ta mắc báo đọa trong loài Ngạ quỉ.

Vì sao bị người chê bai ? - Bởi vì ta nói vọng không chắc thật , nên mắc báo bị người chê bai.

Vì sao bị người lừa gạt ? - Bởi vì ta nói vọng, dối phỉnh người, nên mắc báo bị người lừa gạt.

Ôi ! Đã biết lời nói vọng mắc bốn báo lớn như trên. Khá chẳng răn chừa ư ? !

NGŨ VIẾT : "BẤT ẨM TỬU"

Loạn tâm hôn trí viết : "Tửu".

Giải viết : Ẩm tửu giả, vị ẩm nhật thiết năng túy nhơn chi tửu. Tây Vức tửu hữu đa chủng, Cam giá, Bồ đào, cập dữ bá hoa giai khả tạo tửu. Thử phương chỉ hữu mễ tạo, cu bất khả ẩm.

Tây Vức tức Thiên Trúc. Thử phương, tức "Đông Hoa". Tửu tuy đa chủng, bất xuất kỳ nhị : Nhất giả "Cốc tửu", vị dĩ ngũ cốc hòa cúc, nhi nhưỡng thành chi. Nhị giả "Mộc tửu", vị dụng căn hành hoa quả, tạp chư dược thảo, nhi uẩn thành chi, tức cam giá, bồ đào, bá hoa ngẫu căn, đường mật đẳng thị dã. Thử nhị chưởng tửu, giai bất đắc yết. Cố vân : "Cu bất khả ẩm".

Phàm hữu tửu sắc, tửu hương, tửu vị, tam giả, hoặc khuyết nhất, khuyết nhị, năng linh nhơn túy, ẩm tức đắc tội. Nhược đạm tào thực khúc, hòa tửu chữ thực, tận phạm. Nhược vô tửu sắc, hương, vị, bất túy nhơn bất phạm.

Trừ hữu trọng bệnh phi tửu mạc liệu giả, bạch chúng phương phục, vô cố nhất đích bất khả triêm thần.

Phật ngôn : "Nhược y ngã vi sư giả, bất đắc ẩm tửu, diệc bất dữ tha ẩm, bất trữ súc, nãi chí bất dĩ thảo đầu trước tửu, đích nhập khẩu trung".

Ngôn hữu trọng bệnh giả, vị : "Phi khinh tiểu tật dã". Phi tửu mạc liệu giả, vị : "Dư dược trị bất ta, y giáo dĩ tửu vi dược, phi tửu bất năng sưu, tức tu bạch chúng linh tri, nhiên hậu phục chi, thỉ vô tự tư chi cữu dã. Vô cố giả, vô bệnh chi cố dã. Tất hữu trọng bệnh cố tật, nãi tạm quyền khai thính, phi vị trường đồ phục thực. Nhược vô bệnh thác bệnh, khinh bệnh thác trọng, cu phạm.

ĐIỀU THỨ NĂM : "KHÔNG ĐƯỢC UỐNG RƯỢU"

Loạn tâm, muội trí gọi là "Rượu".

Giải rằng : **Uống rượu là uống những thứ "Rượu" làm cho người say. Nước Tây Vức có nhiều thứ rượu, lấy thứ "Cam giá"** *(cây mía)* **"Bồ đào"** *(trái nho)* **và trăm thứ "Hoa" đều đặt làm rượu. Phương đây có thứ rượu làm bằng chất "Gạo" đều chẳng nên uống.**

Nước Tây Vức : tức nước Thiên Trúc. Phương đây, tức cõi Đông Hoa. Rượu tuy nhiều nhưng không ra ngoài hai thứ : 1.- Rượu "Lúa" nghĩa là : Lấy năm thứ lúa, hòa với men mà đặt thành rượu. 2.- "Rượu Cây" nghĩa là : Lấy thứ Rễ, cọng, hoa, trái, và các thứ thảo dược đặt thành, như : mía, trái nho, các thứ bông, ngó sen, đường, mật v.v... phải vậy. Hai thứ rượu nói trên đều không được uống. Nên nói câu : "Cu bất khả ẩm".

Kể rượu có ba món : sắc rượu, hơi rượu, và vị rượu, ba món này, hoặc thiếu một, thiếu hai mà làm cho người say, quyết không nên uống, nếu uống thời mắc tội. Bằng ăn hèm cùng men, hay là lấy hèm men hòa chung với rượu nấu đồ ăn đều phạm. Bằng không ba thứ : Sắc rượu, hơi rượu và vị rượu không làm say người, không phạm.

Trừ có bệnh nặng, không rượu chẳng lành; thưa cho chúng hay mới uống, bằng vô cớ một giọt chẳng đặng thấm vào môi.

Phật nói : "Bằng ai y ta làm Thầy, thì đừng có uống rượu và đừng cho người uống, đừng chứa để, cho đến không được lấy ngọn cỏ nhúng rượu rồi nhỏ vào trong miệng".

Nói có bệnh nặng là gì ? Nghĩa là chẳng phải bệnh nhỏ vậy. Sao gọi không rượu không lành ? Nghĩa là các thứ thuốc trị không lành, lương y bảo lấy rượu làm thuốc, bằng không rượu thời bệnh không lành; tức phải bạch cho chúng được hay, rồi sau dùng đó, mới khỏi lỗi tự tư *(lén uống)* vậy. Vô cớ là gì ? Là cớ không có bệnh vậy. Nếu có bệnh nặng, ngặt nghèo thời sao ? Thời tạm quyền mở cho, chớ không phải ăn uống hoài hủy. Nếu không bịnh giả bệnh; bệnh nhẹ giả bịnh nặng, đều phạm.

Nãi chí bất đắc hứu tửu, bất đắc chỉ tửu xá, bất đắc dĩ tửu ẩm nhơn.

"Hứu" vị tỹ hứu. Bất đắc chỉ tửu xá giả. "Chỉ" vi tạm thời đình chỉ. Xá vị cô tửu điếm tứ. Vị phòng nhị sự, cố bất thính chỉ. Nhất phòng cơ nghi. Nhị ty trầm húng. Bất dĩ tửu ẩm nhơn giả. Tự ký trí phi, khởi khả thí nhơn. Bồ tát vị lợi sanh cố, tự ẩm du khinh dữ tha ẩm phạm trọng. Do mê hoặc chúng sanh, thất trí huệ chướng, cố dã.

"Nghi Địch" tạo tửu, "Võ" nhơn thống tuyệt.

"Nghi Địch". "Hạ" nhơn dã, thiện tạo tửu dao; võ tức Hạ Đế dã.

CHIẾN QUỐC SÁCH vân: "Nghi Địch" tác tửu, Võ ẩm nhi cam chi viết : "Hậu thế tất hữu dĩ tửu vong kỳ quốc giả, toại sớ Nghi Địch, nhơn chi thâm thống, tuyệt chỉ tửu dã.

Tích "Hớn", Bính Nguyên, tuyệt tửu bất ẩm, nhơn hoặc vấn chi. Nguyên viết : Bổn tự năng ẩm, đản dĩ hoang tứ phế nghiệp, cố đoạn chi nhỉ. Thế Nho thượng úy phế nghiệp, huống học "xuất thế" chi đạo hồ !

"Trụ" tác tửu trì, quốc dĩ diệt vong. Tăng nhi ẩm tửu, khả sỉ vưu thậm.

"Trụ", nãi "Đế Ất" quý tử, danh "Thọ" hựu danh "Tân", Tổ đô ư "Ân", thụy pháp, "Tàn Nghĩa Tổn Thiện", viết : "Trụ". Thỉ tác ngọc trản, tượng trợ tạo Lộc Đài; vi quỳnh thất, ngọc môn, đại tam lý, cao thiên xích, dĩ nhơn tự thú, dĩ tửu vi trì, huyền nhục vi lâm cung nữ lõa hình, tương trục kỳ gian. Cung trung cửu thị, vi trường dạ chi ẩm, tác bào lạc chi

Nhẫn đến không được ngửi rượu, không được đứng nhà làm rượu và không được lấy rượu đãi người uống.

Mũi ngửi gọi là chữ "Hứu". Không được đứng quán bán rượu là gì ? Nghĩa là đứng nghỉ tạm thời gọi là chữ "đứng". Tiệm bán rượu cũng gọi là "cái quán bán rượu". Vì sao không cho đứng quán bán rượu ? Vì phòng có hai việc : Một, phòng người nghi hiềm. Hai, tránh chỗ người say sưa. Tại sao không đãi rượu người ? Mình đã biết lỗi, đâu nên đãi người. Ông Bồ tát vì mục đích lợi ích chúng sanh, mình uống còn nhẹ, cho người khác uống phạm tội rất nặng. Vì rượu hay làm cho chúng sinh mê lầm, mất giống trí huệ vậy.

Người "Nghi Địch" đặt rượu. Vua "Võ" nhơn cấm dứt.

Nhà Hạ, vua Võ có người tôi tên "Nghi Địch" có tài đặt rượu rất ngon.

Trong bộ CHIẾN QUỐC SÁCH nói : "Nghi Địch" đặt rượu, vua Võ uống biết ngon và nói : Đời sau ắt có người vì rượu mà nước phải diệt vong". Liền đòi Nghi Địch, nhơn đó cấm nhặt không cho đặt rượu nữa vậy.

Xưa nhà "Hán", ông Bính Nguyên bỏ rượu không uống, người hỏi tại sao ? Ông nói : "Trước kia tôi cũng hay uống, nhưng nó hay làm lung lòng bỏ gia nghiệp, cho nên tôi bỏ không uống. Ôi ! Kẻ thế Nho còn sợ bỏ gia nghiệp, huống chi kẻ học đạo "Xuất thế" ư ?

Vua "Trụ" làm ao rượu, nước phải diệt vong. Ông Thầy mà uống rượu, khá hổ rất lắm !

Vua "Trụ" tên "Thọ" cũng cố tên là : "Tân" con út vua "Đế Ất" tổ quốc ở nhà Ân, theo pháp hàm ân của ông là "Tàn Nghĩa Tổn Thiện" *(dứt nghĩa hại lành)*, gọi là : "Trụ". "Trụ" khi mới lên làm Vua, sắm chén ngọc, đũa ngà, dựng đền Lộc Đài, làm nhà bằng vàng, cửa ngọc lớn ba dặm, cao nghìn thước, bắt người nuôi thú, chứa rượu thành ao, treo thịt như rừng; kẻ nam, người nữ trần truồng giỡn nhau trong

hình, phẩu dựng phụ, chước nhơn hỉnh. Vương Tử "Tỷ Cang" gián chi. Nộ viết : "Ngô văn thánh nhơn, tâm hữu thất khiếu; toại sát "Tỷ Cang", thị kỳ tâm.

Ư thị "Võ Vương" cáo Chư Hầu viết : Ân, hữu trọng tội, bất khả bất phạt, nải đông phạt "Trụ". "Trụ" tẩu đăng Lộc Đài, ý kỳ châu ngọc, tự phiên nhi tử. "Võ" vị : "Hậu thế tất hữu dĩ tửu vong quốc giả, thử dã. Sở dĩ THI, THƠ, dâm loạn chi giới, kỳ nguyên giai tại ư tửu. Cố "Vi Tử", dĩ "Trụ" trầm húng ư tửu, toại tác cáo, dĩ cáo "Cơ Tử", "Tỷ Cang", nhi khứ.

"Mục Công" nhơn Châu, "Lệ Vương", trầm miến, ư tửu, cố tác "Đại Nhã" ta thán nhi khấp thế lưu liên. Hậu Tần chủ "Phù sanh", ẩm vô trú dạ, thừa túy đa sở sát lục, thần dân úy chi. "Hải Đông" vương "Phù Kiên", tương binh phạt "Sanh" du túy my, binh sát chi. "Kiên", toại xưng "Đế".

Đường "Kỉnh Tông", niên thập bát, dạ dữ hoạn quan,cam ẩm kích cầu, nga chúc diệt ngộ thí. Thị dĩ tiền nguy hậu bại, giai do "Tửu" "Sắc". Tiên Thánh Hậu Hiền, hàm nhơn chỉ tuyệt, dĩ thành danh, xuất gia vi tăng, tâm hình việt tục, bất quý Tiên Thánh, nhi chủng tiền nguy. Cố viết " Khả sỉ vưu thậm".

Tích hữu " Ưu Bà Tắc" nhơn phá tửu giới toại tinh dư giới cu phá. Tam thập lục thất, nhất ẩm bị diên, quá phi tiểu hĩ.

"Ưu Bà Tắc", thử vân : "Cận sự nam", BÀ SA luận vân : "Tích hữu nhứt cận sự, bẩm tánh nhơn hiền, thọ trì ngũ giới, chuyên tinh bất phạm. Hậu ư dị thời, viễn hành qui gia, gia nhơn phó hội. Bỉ vi khát

đó. Trong cung lập chín chợ, làm cái nhà nấu nướng, ăn uống suốt đêm, mổ bụng đàn bà chửa, chặt ống chân người già. Vị Vương tử là ông "Tỷ Cang" can đó. Nghe lời "Đắc Kỷ" thịnh nộ rằng : Trẫm nghe vị Thánh nhơn, quả tim có bảy lỗ, liền giết "Tỷ Cang" xem quả tim kia.

Bấy giờ vua "Võ Vương" bảo các nước Chư hầu rằng : "Nhà Ân có tội nặng, không đánh chẳng được", bèn qua phương đông đánh vua "Trụ". "Trụ" chạy lên đền Lộc đài mặc đồ châu ngọc, tự đốt mình mà chết. Vua "Võ" nói : "Đời sau ắt có kẻ vì rượu, mà nước phải diệt vong", là đây vậy. Sở dĩ trong kinh THI, kinh THƠ, răn việc dâm loạn, là gốc đều tại nơi rượu. Cho nên Ông "Vi Tử" thấy vua "Trụ" uống rượu say sưa, bèn làm đơn xin Ông "Cơ Tử", "Tỷ Cang" nghỉ làm việc, lui về.

Ông "Mục Công" nhơn nhà Châu vua "Lệ Vương" mê mết nơi rượu, nên ông làm thiên "Đại Nhã" than thở và rơi lụy dầm đề. Đời Hậu Tấn chúa "Phù Sanh" uống rượu không kể ngày đêm, nhơn khi say giết hại nhiều người, quan dân sợ hãi. Quận "Hải Đông" vua "Phù Kiên" đem binh đánh chúa "Phù Sanh", Sanh còn đương say ngủ, nên bị binh giết chết. Chúa "Phù Kiên" lên ngôi xưng "Hoàng Đế".

Đời Đường vua "Kính Tôn", niên hiệu thứ 18, đêm cùng các quan, uống say đánh cầu bỗng nhiên đèn tắt gặp giết nhau. Thế cho nên trước nguy sau hại, đều do việc "Tửu" với "Sắc". Thánh trước Hiền sau, đều nhơn cấm tuyệt, mới thành danh. Kẻ xuất gia làm ông Thầy tâm hình khác tục, chẳng hổ Thánh trước mà noi hại xưa ? Cho nên nói câu : "Khả sỉ vưu thậm" *(khá hổ rất lắm)*.

Xưa có ông "Ưu Bà Tắc" nhơn phá giới rượu bèn gồm các giới đều phá. Trong 36 lỗi, một phen uống rượu đủ hết, lỗi chẳng phải nhỏ vậy.

Tiếng Phạm "Ưu bà tắc", tiếng Tàu "Cận sự nam".

Trong luận BÀ SA nói : Xưa có ông "Cận sự" sẵn tánh nhơn hiền, thọ trì năm giới, chuyên ròng không phạm. Sau trong khi khác có dịp đi xa về nhà, giữa đường khát nước,

sở bức, kiến khí hữu tửu như thủy, toại thủ ẩm chi, tiện phạm "Tửu giới". Thời hữu lân kê, lai nhập kỳ xá, đạo sát nhi thực, phục phạm "Đạo", "Sát", nhị giới. Lân nữ tầm kê nhập xá, cưỡng bức giao thông, phục phạm "Dâm giới". Lân gia cáo quan, cự hủy bất trần, phục phạm "vọng ngữ". Cố vân : "Toại tính dư giới cu phá".

Tam thập lục thất giả, THIỆN ÁC SỞ KHỞI kinh vân : "Nhất tư tài tán thất. Nhị hiện đa tật bệnh, Tam nhơn dữ đấu tránh. Tứ tăng trưởng sát hại. Ngũ tăng trưởng sân nhuế. Lục đa bất toại ý. Thất trí huệ tiệm quả. Bát phước đức bất tăng. Cửu phước đức chuyển giảm. Thập hiển lộ bí mật. Thập nhất sự nghiệp bất thành. Thập nhị đa tăng ưu khổ. Thập tam chư căn ám muội. Thập tứ hủy nhục phụ mẫu. Thập ngũ bất kỉnh sa môn. Thập lục bất tín Bà la môn. Thập thất bất kỉnh Phật. Thập bát bất kỉnh Pháp, Tăng. Thập cửu thân ác hữu. Nhị thập ly thiện hữu. Nhị thập nhất khí ẩm thực. Nhị thập nhị hình bất ổn mật. Nhị thập tam dâm dục xí thạnh. Nhị thập tứ chúng nhơn bất duyệt. Nhị thập ngũ đa tăng tiếu ngữ. Nhị thập lục phụ mẫu bất hỉ. Nhị thập thất quyến thuộc hiềm khí. Nhị thập bát thọ trì phi pháp. Nhị thập cửu viễn ly chánh Pháp. Tam thập bất kỉnh hiền thiện. Tam thập nhất vi phạm quá thất. Tam thập nhị viễn ly Niết bàn. Tam thập tam diên cuồng chuyển tăng. Tam thập tứ thân tâm tán loạn. Tam thập ngũ tác ác phóng dật. Tam thập lục thân hoại mạng chung; đọa đại Địa ngục thọ khổ vô cùng.

Thử tam thập lục thất, nhơn phá tửu giới nhi cụ. Cố vân : "Nhất ẩm bị diên". Thất, nãi tam thập hựu lục, cố vấn : "Quá phi tiểu hĩ".

Tham ẩm chi nhơn, tử đọa "Phất Thỉ địa ngục" sanh sanh ngu si, thất trí huệ chưởng.

ghé lại nhà người, người nhà mắc đi phó hội *(đi vắng)* ông ta bị khát nước quá ngặt, thấy chum đựng rượu, tưởng nước uống lầm bị say. Mắc phải phạm "Giới rượu". Khi đó có gà xóm, chạy lại nhà kia, ông trộm giết mà ăn, lại phạm "Giới trộm" và "Giới sát" hai giới. Gái xóm vào nhà kiếm gà, ông cưỡng bức giao thông, lại phạm "Giới dâm". Nhà xóm đi thưa quan, ông cãi chối không chịu, lại phạm giới "Vọng ngữ". Cho nên có câu : "Bèn gồm các giới đều phá".

Ba mươi sáu lỗi là gì ? Kinh THIỆN ÁC SỞ KHỞI nói : 1.- Của cải hao mất ; 2.- Hiện đời nhiều tật bệnh ; 3.- Nhơn khi say đánh lộn với người ; 4.- Thêm nhiều sát hại ; 5.- Tăng thêm lòng giận giữ ; 6.- Nhiều việc không toại ý; 7.- Trí huệ lần kém ; 8.- Phước Đức không thêm ; 9.- Phước Đức càng giảm ; 10.- Bày lộ chuyện kín đáo ; 11.- Sự nghiệp không thành ; 12.- Thêm việc ưu khổ ; 13.- Các căn mê muội ; 14.- Nhơ nhuốc cha mẹ ; 15.- Không kính bực Sa môn ; 16.- Không tin người tu phạm hạnh ; 17.- Không kính Phật ; 18.- Không kính Pháp và Tăng ; 19.- Gần bạn ác ; 20.- Xa bạn lành ; 21.- Bỏ việc uống ăn ; 22.- Trần truồng thân thể ; 23.- Việc dâm dục lấy lừng ; 24.- Nhiều người không ưa ; 25.- Cười lả luốc ; 26.- Cha mẹ không mừng ; 27.- Bà con ghét bỏ ; 28.- Hay làm việc phi pháp ; 29.- Xa lìa chánh pháp ; 30.- Không kính kẻ hiền thiện ; 31.- Trái phạm nhiều điều tội lỗi ; 32.- Xa lìa đạo Niết bàn ; 33.- Điên cuồng khù khưởng ; 34.- Tán loạn thâm tâm ; 35.- Buông lung lòng ác ; 36.- Thân hoại, mạng thác, đọa trong Địa ngục lớn chịu khổ không cùng.

Ba mươi sáu việc lỗi đây, nhơn phá giới rượu mà đủ cả. Cho nên nói câu "Nhất ẩm bị diên". *(Một phen uống rượu, đủ vậy).* Lỗi có 36 lỗi, cho nên nói : "Quá phi tiểu hĩ". *(Lỗi chẳng phải nhỏ vậy).*

Những người ham uống, chết đọa trong Địa ngục "Phất Thỉ" *(cứt, đái)* **đời đời ngu si mất giống trí huệ.**

LUÂN CHUYỂN NGŨ ĐẠO kinh vân : "Vi nhơn hí ẩm tửu túy, tử nhập "Phất Thỉ" nê nê trung, hậu đọa tinh tinh thú trung, hậu sanh vi nhơn ngu si, cố vô sở trí".

GIÁO HÓA ĐỊA NGỤC kinh vân : "Tín Tướng" Bồ tát, bạch Phật ngôn : "Phục hữu chúng sanh, hoặc điên, hoặc cuồng, hoặc si, hoặc hãi, bất biệt hảo xú, hà tội sở trí" ?

Phật ngôn :"Dĩ tiền thế thời, tọa ẩm tửu túy loạn, phạm tam thập lục thất, phục đắc si thân, như tợ túy nhơn, bất thức tôn ti, bất biệt hảo xú cố hoạch thử tội, nhiên thiện ác vô sảng, hữu nhơn tất quả, tham ẩm cố đọa "Phất Thỉ", túy loạn cố thất "trí huệ".

TÒNG THUYẾT vân : "Độc trí mạc thậm ư tửu, thị dã".

Mê hồn cuồng dược, liệc ư "tì đam".

Dĩ "Tửu" năng sử nhơn điên đảo thố loạn, ngoại thất oai nghi, nội táng chơn tánh. Cố vân : "Mê hồn cuồng dược". "Tỳ", thị "Tỳ sương". "Đam" thị "Đam độc"dược tửu dã, vị dĩ "Trấm" điểu chi mao lịch ư tửu trung, ẩm linh nhơn lập tử, cố tự tùng dậu; liệc vị "Tửu" chi khốc liệt, vưu thậm ư "Tỳ Đam", "Tỳ Đam" tuy năng sát nhân, nhi bất năng sử nhơn phá giới, táng thất huệ mạng, đọa tam ác đạo dã.

Cố Kinh vân : "Ninh ẩm dương đồng, thận vô phạm tửu".

Dương đồng táng thân, tửu một huệ mạng, cố ninh táng thân, dĩ tồn huệ mạng. Như TÁT CHA NI CÀN TỬ kinh. Kệ vân : "Tửu vi phóng dật căn, bất ẩm

Kinh LUÂN CHUYỂN NGŨ ĐẠO nói : "Làm người ưa uống rượu say, chết vào trong Địa ngục "Phất Thỉ", rồi đọa trong loài thú tinh tinh *(đười ươi)*, sau sanh làm người ngu si, không biết chi cả". *(như người say mê trong khi uống rượu).*

Kinh GIÁO HÓA ĐỊA NGỤC nói : Ông "Tín Tướng" Bồ tát bạch Phật rằng : "Thưa đức Thế Tôn ! Lại có chúng sanh gây những tội gì, hoặc điên, hoặc cuồng, hoặc ngây, hoặc dại, không biết chi là tốt là xấu ?".

Bấy giờ Phật dạy ông "Tín Tướng" rằng : Này Thiện nam tử, chúng sinh ấy bởi đời trước bị uống rượu say mê phạm 36 lỗi, nên nay mắc báo làm thân ngây dại, như người say rượu không biết kẻ lớn người nhỏ, không kể tốt xấu, cho nên mắc báo này, song thiện ác không sai, hễ có nhơn thì ắt có quả, vì nhơn tham uống nên quả đọa "Địa ngục Phất Thỉ". Vì nhơn say mê nên mắc quả mất "Trí huệ".

Bộ TÔNG THUYẾT nói : "Tâm độc chi lắm hơn chất rượu". Như nói : "Không nỡ chém anh, lẽ nào giết cha, nhưng uống rượu say rồi, giết cả anh, chém cả cha", là đây vậy.

"Rượu" là thứ thuốc dại mê hồn, dữ hơn vị "Tỳ Đam".

Bởi "rượu" làm cho điên đảo, bấn loạn. Ngoài sái oai nghi trong mất thật tánh. Cho nên gọi "thuốc dại mê hồn", chữ : "Tỳ" là vị "Tỳ Sương". Chữ "Đam" là vị "Đam độc" rượu thuốc vậy, nghĩa là : lấy lông chim "Trấm" ngâm vào trong rượu cho người uống chết liền. Cho nên nói chữ "Trấm" theo nửa chữ Tửu và chữ "Dậu" *(bộ dậu)* ý nói : Cái độc của rượu dữ hơn vị "Tỳ trấm *(đam)*", bởi vì Tỳ trấm *(đam)* tuy làm chết cái huyễn thân, nhưng không làm cho người phá giới, hư mất huệ mạng, đọa trong ba đường ác như rượu vậy.

Kinh THẬP GIỚI nói : "Thà uống nước đồng sôi, dè chớ phạm rượu".

Uống nước đồng chết thân, rượu mất huệ mạng. Cho nên thà chết thân mà còn huệ mạng. Bài kệ trong kinh TÁT CHA NI CÀN TỬ có nói : "Rượu là gốc buông lung

bế ác đạo, ninh xả bá thiên thân, bất hủy phạm giáo pháp. Ninh sử thân càn khô, chung bất ẩm thử tửu; dã sử hủy giới tội, thọ mạng mãn bá niên, bất như hộ cấm giới, tức thời thân ma diệt". Kinh vân : "Hữu phạm tư giới, phi Sa di dã".

Y khả bất giới dư ! ?

Hoặc vấn viết : "Nhục do hại mạng đoạn chi nghi nhiên, tửu bất tổn sanh, hà vi đốn chế. Nhược sử vô tổn, lý bổn vô quá" ?

Đáp viết : "Như Lai kiết giới, dĩ tuyệt ác nguyên, đắc tội cứ tâm thành nghiệp, nhục nãi, nhơn hại, thực chi tức tội. Tửu tuy phi tổn, quá do loạn thần, dư xứ sanh quá. Quá sanh do tửu, đoạn tửu tắc chư quá đốn trừ. Huống chướng ngu si chi nghiệp, bất miễng tam ác đạo báo". Ngôn : "Dư xứ sanh tội giả, do tửu toại phá dư giới, tinh đắc tam thập lục thất thị dã".

LỤC BIẾT : "BẤT TRƯỚC HƯƠNG HOA MAN, BẤT HƯƠNG ĐỒ THÂN"

Viễn ly, "Hương", "Xúc" nhị trần, cố viết : "Bất trước bất đồ".

Giải viết : "Hoa man" giả, "Tây Vức" nhơn quán hoa tát man, dĩ nghiêm kỳ thủ".

Phạm ngữ "Ma La", thử vân "Man". Thiên Trúc đa dụng Tô Ma Na hoa, hàng liệt quán xuyến, kiết chi vi man, vô vấn nam nữ, giai thử trang nghiêm thân thủ, dĩ vi sức hảo.

Thử độ tắc tằng, nhung, kim, bửu, chế sức cân quan chi loại, thị dã.

"Tằng", "bạch" dã : "nhung", luyện thục tư dã; chế sức, vị; dĩ kim ngân thất bửu, chế tạo anh lạc hoàn xuyến, tinh sức cân quan đẳng.

muốn khỏi đường ác, đừng uống, thà bỏ trăm nghìn thân, chớ hủy phạm giới pháp. Thà khiến thân héo khô, trọn không uống rượu này; dầu cho tội hủy giới mạng sống đủ trăm năm, chẳng bằng giữ giới cấm, tức thời thân tiêu diệt". Kinh THẬP GIỚI nói : "Có phạm giới đây chẳng phải thầy Sa di vậy".

Than ôi ! Há chẳng răn chừa ư ?

Hoặc có người hỏi : "Sát sanh ăn thịt, vì giết chết cái mạng nó, cấm đó phải rồi, còn rượu không phải như sát sanh, chết mạng, lẽ nào cấm dứt ? Mà đã không phải như sát sanh hại mạng thì uống, lý cũng không lỗi" ?

Đáp rằng : Đức Như Lai kiết giới, vì dứt cái nguồn ác, mắc tội, cứ tâm mà thành nghiệp, sát sanh ăn thịt có tội. Còn rượu không phải như sát sanh, hại mạng; nhưng mà tội do bấn loạn tâm thần, tạo tội lỗi. Tội sanh vì rượu, cấm rượu thì các lỗi liền trừ. Huống giống nghiệp ngu si, chẳng khỏi mắc báo trong ba đường ác. Cho nên nói : "Các tội sanh ra, là do rượu cả chẳng những phá các giới mà gồm có 36 việc lỗi nữa; phải vậy".

ĐIỀU THỨ SÁU : "CHẲNG ĐƯỢC ĐEO TRÀNG HOA HƯƠNG VÀ CHẲNG LẤY HƯƠNG THOA MÌNH".

Xa lìa hai món "Hương" và "Xúc" cho nên nói : "Chẳng đeo chẳng thoa".

Giải rằng : "Tràng hoa" người "Tây Vức" lấy hoa xỏ xâu làm tràng, để trang sức trên đầu".

Tiếng Phạm nói "Ma La". Tàu gọi "Man", nghĩa là : Người nước "Thiên trúc" phần nhiều dùng thứ bông "Tô Ma Na" xỏ xâu, có thứ lớp, kết lại làm tràng, không luận nam nữ đều dùng nó, để trang sức thân và đầu, cho được xinh tốt.

Xứ ta (Trung Hoa) thời dùng : lụa, hàng, vàng, ngọc chế làm các loại như : mũ và khăn, phải vậy.

"Lụa" Tàu dịch "Tằng". Cũng như tơ nấu chín, Tàu gọi là "Nhung" chế làm trang sức. Nghĩa là : Dùng bảy thứ báu như vàng bạc v.v.... chế làm : nào dây chuyền, nào cà rá, vòng xuyến, mũ, khăn các thứ v.v...

Đại Kinh vân : "Tại ngạch thượng, danh "man", tại cảnh, danh "anh", tại tý, danh "xuyến", tại chỉ, danh "hoàn", thị tri thất bửu chế tạo, gia viết : "Hoa man". Cố Kinh vân : "Vô phục sức trân ngoạn, y thú tế hình, vô dĩ văn thể, thị dã".

Hương đồ thân giả, "Tây Vức" quới nhơn dụng danh hương vi mạt, linh thanh y ma thân.

"Danh hương", vị : Trầm đàn, tốc xạ, long não, tô hiệp, huân lục, bạch dao đẳng; "thanh y", tức "đồng tử", vị dĩ mạt hương, sử đồng tử đồ giai kỳ thể; cố viết : "Ma thân".

"Thử độ, tắc bội hương, huân hương, chỉ phấn chi loại, thị dã".

"Bội", thị bội đái; "huân" tức yên huân; "chỉ", tức yến chỉ; phấn, tức "thủy phấn", tư giai đồ hương trang sức chi thuộc dã.

"Xuất gia" chi nhơn, khởi nghi dụng thử.

Như thượng thất bửu chế sức, hương, hoa, đẳng, giai tục sĩ sở dụng, xuất tục vi tăng, dĩ xả lạc dục, thế phát nhiễm y tu xuất thế đạo, cự khả đồng tục kiêu xa, mê tâm phóng dật; cố vân : "Khởi nghi dụng thử".

Phật chế tam y, cu dụng thô sơ ma bố, thú mao tàm khẩu, hại vật thương từ, phi sở ưng dã.

Tam y như hậu "oai nghi" trung xuất; thô sơ ma bố giả; "thô", dĩ ngự phong hàn; "sơ", dĩ khước văn manh; túc vi an thân tấn đạo hĩ. "Thú mao", tức "cừu", "yết" đẳng. "Tàm khẩu", tức trù quyến đẳng,

Trong ĐẠI KINH nói : "Đeo trên trán kêu là "Tràng", đeo ở cổ gọi là "dây chuyền" hay "chuỗi". Cánh tay kêu là "Xuyến", ở ngón tay kêu là "chiếc vòng". Nên biết rằng : bảy thứ báu chế làm tóm kêu là "Hoa man". Cho nên kinh Thập Giới nói : "Chớ mặc đồ trang sức tốt đẹp, áo vừa kín thân, đừng có lòe loẹt; phải vậy".

Lấy hương thoa mình ấy, người sang bên nước "Tây Vức" lấy các thứ danh hương nghiền làm bột, bảo trẻ em thoa mình.

"Danh hương" tức là các thứ hương. Như : trầm hương, đàn hương, tốc hương, xạ hương, long não hương, tô hạp hương, huân lục hương, bạch giao hương, các thứ hương v.v... Trẻ em, nói theo tiếng Tàu là "Thanh y" hay "Đồng tử". Như nói : "Mượn đứa Đồng tử lấy hương bột thoa giùm thân ta". Tiếng thoa thân ta, Tàu gọi là chữ "Ma thân".

Xứ ta có những thứ như đeo hương, xông hương và các thứ son phấn, phải vậy.

Đeo hay là mang, Tàu gọi chữ "Bội". Xông mùi hương. Tàu gọi là chữ "Huân" cũng như son phấn xứ ta, Tàu gọi là chữ "Chỉ" và lấy phấn bột hòa với nước rồi thoa, kêu vị "Thủy Phấn". Các thứ trên đây, đều là một loại hương hoa trang sức v.v...

Người "Xuất gia" đâu nên dùng đó.

Như trên bảy thứ báu chế làm trang sức nào hương, nào hoa, các món, đều là người thế tục dùng, kẻ xuất tục làm ông Thầy, đã bỏ sự vui "ngũ dục", cạo tóc, nhuộm áo, học đạo ra khỏi đời, đâu nên sánh người thế tục, se sua tâm mê buông lung. Cho nên nói câu : "Đâu nên dùng đó".

Phật chế ba y, toàn dùng bố gai, to thưa, nếu lông thú, miệng tằm hại vật tổn lòng lành, chẳng phải người tu dùng đến.

Ba y như trong Thiên "Oai Nghi" quyển sau sẽ nói. Câu "Bố gai thưa to", "To" để ngăn gió lạnh; "Thưa" để che muỗi mòng, đủ làm an thân tấn đạo vậy. "Lông thú", tức là áo "Cừu", áo "Yết" v.v... ("Cừu" là thứ áo làm bằng

thử giai tùng sát sanh nhi đắc, cố viết : "Hại vật"; hữu khuy Bồ tát chi tâm cố viết : "Thương từ"; vi Phật bổn chế, phục thương nhơn từ, cố viết : "Phi sở ưng dã". Án Tiểu thừa thập chưởng y, tùy thí đắc thọ, nhiễm dĩ hoại sắc, cát triệt thành y, Bồ tát lợi sanh, dĩ đại từ vô bổn, cố phi sở ưng; nhược cứ Lăng Nghiêm, đại, tiểu giai giả; cố kinh vân : "Bất phục đông phương, tư miên quyến bạch, cập thử độ, ngoa lý cừu thuế, nhủ lạc đề hồ. Như thị Tỳ kheo, ư thế chơn thoát thù hườn túc trái, bất du tam giới.

Đường "Càn Phong" nhị niên, nhị ngoạt, tứ Thiên vương, bạch "Tuyên Luật Sư" viết : "Thích Ca Như Lai, sơ thành đạo thời, nãi chí "Niết bàn", duy phục thô bố Tăng Già Lê, cập bạch điệp tam y, vị tằng trước tàm y tằng bạch v.v..."

Trừ niên cập thất thập, suy đồi chi thậm, phi bạch bất noãn giả, hoặc khả vi chi, dư cu bất khả.

Vị niên chí thất thập, tứ đại khô hủ, suy nhược chi thậm, nhược bất trước tư bạch, tác thể đống hàn sanh, hoặc khả dụng chi; kỳ dư tứ đại bất suy, niên phi thất thập, giai bất ưng vi, cố vân : "Dư cu bất khả".

"Hạ" "Võ" ố y.

Ố y giả, phi tinh tế chi phục, nãi thô y dã "Võ" tánh "Tỉ" danh "Văn Mạng", tự : "Mật Thân", án thụy pháp, thọ thiền thành công, viết : "Võ", nãi "Huỳnh Đế" chi huyền tôn, "Võ" phụ danh "Cổn", "Nghiêu" thời, hồng thủy thao thiên, Cổn trị thủy vô công. "Thuấn" nãi cử "Võ", tục phụ nghiệp, cư ngoại thập

da). Yết : là dùng các lông con vật, dệt thành vải may áo) "Miệng tằm" là "Tằm mửa tơ", kéo dệt thành những nhiễu hàng v.v... Các thứ trên đây, đều do sát sanh mà có, cho nên nói rằng : "hại vật"; có tổn tâm Bồ tát nên nói : chữ "Thương Từ" *(hại lòng lành)*; trái lời đức Phật và mất cái tâm nhơn từ, cho nên nói câu : "Chẳng phải người tu chỗ nên làm". Xét bực Tiểu thừa 10 món y, [46] tùy thí chủ cho rồi ta nhuộm cho phai màu, cắt rọc may y; song ông Bồ tát lợi ích cho chúng sanh lấy lòng đại từ làm cội gốc, cho nên nói : "Chẳng phải bổn phận người xuất gia làm"; nếu cứ theo kinh "Lăng nghiêm", Đại thừa, Tiểu thừa, đều cấm. Kinh Phạm Võng nói : Không mặc đồ tơ lụa hàng nhiễu phương Đông, và mang giày, dép, áo cừu, áo yết, cùng ăn vị "Nhủ lạc đề hồ" này vậy. Tỳ kheo như thế, mới là chơn giải thoát, đối với đời khỏi nợ trước đền bù, mà phải trở lại tam giới.

Đời Đường niên hiệu "Càn Phong" năm thứ ba tháng hai, bốn vị Thiên Vương bạch Ngài "Tuyên Luật Sư" rằng : "Đức Phật Thích Ca Như Lai khi mới thành đạo, nhẫn đến nhập "Niết bàn", duy mặc một y "Tăng Già Lê" bằng vải to và ba y "Bạch Điệp" chứa từng có khi nào mặc áo hàng lụa làm bằng tằm tơ v.v..."

Trừ người tuổi đến bảy mươi, già yếu quá đỗi, không lụa chẳng ấm, hoặc mặc thì được, còn bao nhiêu kẻ không phải thế, không được mặc.

Nói tuổi cỡ bảy mươi, thân tứ đại khô khan, ốm gầy quá đỗi. Nếu không mặc đồ tơ lụa, thời thân thể phải lạnh rét, nên tạm dùng đó thôi. Ngoài ra những người tuổi chưa bảy mươi, và thân tứ đại còn mạnh khỏe đều không nên sắm, cho nên nói câu : "Dư cu bất khả".

Vua "Võ" nhà "Hạ" mặc áo xấu.

Áo xấu chính áo to xấu, chẳng phải đồ mặc trơn sáng, và tốt đẹp. Vua "Võ", họ "Tỷ", tên "Văn Mạng" hiệu là : "Mật Thân", xét trong phép "Hàm Ân" là : "Thọ thiền thành công". Nghĩa là : Xét lịch sử đời ông, có công lập thành được vua "Thuấn" truyền ngôi và phong hiệu là "Võ". Vua "Võ" chính huyền tôn [47] vua "Huỳnh Đế", Cha vua "Võ"

tam niên, dĩ khai cửu châu, thủy hại toại tức, thọ "Thuấn" thiền vị, đô ư "An Ấp", quốc hiệu viết : "Hạ", "Võ" vi nhơn, mẩn cấp khắc cần, kỳ đức bất vi, kỳ nhơn khả thân, kỳ ngôn khả tín, kỳ thinh ứng chung luật, thân hữu pháp độ. Cố "Khổng Tử" xưng viết : "Phỉ ẩm thực, nhi trí hiếu hồ quỉ thần, ố y phục, nhi trí mỹ hồ phất miện, ti cung thất, nhi tận lực hồ cấu hức : võ, ngô vô gián nhiên hĩ". Tích Đế "Nghiêu", bố y yểm hình, lộc cừu ngự hàn, y lý bất tệ, bất cánh hoán. Hán "Văn Đế", diệc thân y dực đề, vi trướng vô văn. Tấn "Võ Đế", phàn trỉ đầu cừu, du sắc bất hứa cống hiến, kỳ kỷ dị phục, tư dẳng "Thánh Quân" phi nhất, bất năng tận cử.

"Công Tôn" bố bị.

"Công Tôn", tánh dã; danh "Hoằng". Hán "Võ Đế" trưng vi "Bác sĩ", Thiên Tử sát kỳ đôn hậu, toại dĩ vi "Ngự Sử đại phu", thực bất trùng nhục, thoát túc chi phạn, nhi vi bố bị, bổng lộc giai cấp dữ ngưỡng thực chi tân, gia vô sở dự, thời "Cấp Ảm" tấu viết : "Hoằng" vị tại Tam Công, nhiên vi bố bị, thử trá dã". "Đế" vấn "Hoằng" ?

"Hoằng" tạ viết : "hữu chi, thành trúng "Hoằng" bịnh, phù dĩ "Tam Công" vi bố bị, thật sức trá, dĩ điếu danh, thả vô "Cấp Ảm" trung, Bệ hạ an đắc văn thử ngôn". "Thiên Tử" dĩ vi khiêm nhương, dũ ích hậu chi, dĩ Hoằng vi "Thừa Tướng", phong "Bình Tân" "Hầu", niên bát thập nhi chung, "Hoằng" ký vô oán "Cấp" ngôn, nhi thả thiện kỳ trúng kỷ bệnh khả vị khoan nhơn nhã lượng chi chí hĩ.

là : ông "Cổn", thời kỳ vua "Nghiêu", nước lụt nhấy trời ông Cổn trị nước vô công hiệu. Vua "Thuấn" mới tiến cử Vua "Võ" nối nghiệp cha. Ở ngoài mười ba năm, dùng khai chín châu, việc thủy hại mới dứt, chịu Vua "Thuấn" truyền ngôi, đóng đô ở đất "An Ấp" hiệu nước là nhà "Hạ". Vua "Võ" là người siêng năng nhậm lẹ, đức ông không trái, lòng nhơn của ông đáng yêu, lời nói của ông đáng tin, tiếng nói ông như tiếng chung luật, và thân ông đều có Pháp độ. Cho nên đức "Khổng Tử" khen rằng : "Tuy ăn uống đạm bạc, mà rất thảo với quỉ thần, y phục xấu mà tốt hơn mũ rồng áo phụng. Ở nhà thấp cực, mà hết sức nơi ngòi rảnh. Quí hóa thay ! Vua "Võ" ta, vua "Võ" ta, không ai xen lời gì để bình phẩm ông được vậy". Thuở xưa vua "Nghiêu" áo vải che thân, áo lộc cừu đỡ lạnh, áo, giày chưa hư, không thay giày mới. Đời nhà Hán vua "Văn Đế" thân cũng mặc áo vải đen, màn chấn không thêu vẽ. Đời nhà Tấn vua "Võ Đế" đốt cái áo cừu, có thêu đầu chim trĩ, ra lịnh không cho cống hiến những nghề lạ mặc sang. Các vị "Thánh Quân" trên đây chẳng phải một, không thể kể hết.

Ông "Công Tôn" đắp mền vải.

Chữ: "Công Tôn" là : Họ; tên "Hoằng". Đời nhà Hán. vua "Võ Đế", ông thi đậu chức "Bác sĩ", vì Thiên Tử xét tánh ông thuần hậu, mới phong ông làm Quan "Ngự sử Đại Phu".

Đời ông không ăn thịt nhiều, ăn cơm gạo hẩm và đắp mền bằng vải, bổng lộc có bao nhiêu, để hộ cấp những người nghèo thiếu, xin ăn, cho nên nhà ông không của dư. Bấy giờ ông "Cấp Ẩm" tâu vua "Võ Đế" rằng : "Ông Hoằng vị ở bực tam công, song sắm mền vải, đó là dối vậy". Vua đòi "Hoằng" hỏi ? "Hoằng" tạ tội rằng : "Thật có, thật trúng bệnh của tôi".Vì sao ? "Luận như Tam Công sắm mền vải thật dối trá để cầu danh, song không nhờ lời trung trực của "Cấp Ẩm" thời Bệ hạ đâu đặng nghe lời

"Vương" "Thần" chi quới, nghi vi bất vi, khởi đắc đạo nhơn, phản tham hoa sức, hoại sắc vi phục, phấn tảo tế hình, cố kỳ nhi hĩ.

"Hoại sắc", vị dĩ thảo mộc căn diệp nê đẳng, nhiễm vi truy sắc, dĩ biệt ngũ đại sắc dã; "phấn tảo", thị tha sở khí chi vật, thập thủ nạp chi vi y, dĩ giá tế thân hình, tức trì cầu tâm, đoạn kiêu tứ niệm, nhi tấn tu đạo nghiệp. Như Kinh sở thuyết, "Tỳ kheo" trì "Phấn tảo" y, tựu hà nhi tẩy, chư thiên thủ trấp, dụng tẩy tự thân bất từ uế dã; ngoại đạo trì tịnh điệp, thứ hậu tương tẩy, "chư", "Thiên" diêu giá; "vật ô trì thủy" thị tri trọng đức, bất trọng vật dã. "Vương", vị "Vô Đế"; "Thần", vi "Công Tôn"; "Quới", thị "Tôn quới" vị cao chi xưng dã. Thú mao tằng, bạch, thị "vương" "thần" sở ưng nghi vi nhi bất vi, nhi vi ố y bố bị, hoặc sắc vi phục, phấn tảo tế hình, cố bổn xuất gia học đạo nhơn, sở đương nghi vi, nhi bất vi, nhi phản tham thế gian hoa hương tằng nhung trung sức chi dục lạc, thâm phi sở nghi dã.

Ký vân : Kim thời "thiền giảng", tự vị đại thừa, bất câu sự tướng, lăng la đấu mỹ tử bích tranh tiên, tứ tư tham tình, giai vi "Thánh giáo", khởi bất văn "Hoành Nhạc", đản phục ngại như, dĩ ngự phong sương. "Thiên thai" tứ thập dư niên, duy phi nhứt nạp. "Vĩnh gia" phục bất tàm khẩu. "Kinh Khê" đại bố nhi y; lương do thăm giải "Đại Thừa" phương nãi chuyên sùng khổ hạnh, thỉnh quan "Tổ Đức" vật nhiễm tà phong, tắc bẩm giáo tu thân, chơn "Phật tử" hĩ.

ấy". Thiên Tử khen cho là người biết khiêm nhượng, càng hậu đãi, và cho "Hoằng" làm quan"Thừa tướng" phong tước Hầu quận "Bình Tân", tám mươi tuổi qua đời,"Hoằng" đã không oán lời "Cấp Ấm" mà lại khen là trúng bệnh mình, thiệt đáng gọi là người rộng nhơn, rộng lượng hết sức.

Sang nhất như "Vua" "Tôi" đáng sắm mà không sắm. Người tu đâu đặng trở tham lòe loẹt và xinh tốt, sắc hoại làm y phục, chằm vá che thân hình, mới phải là bổn phận.

Sao gọi là "Hoại sắc" ? Dùng những thứ cỏ, cây rễ, lá, bùn, đất v.v... Nhuộm cho sắc ố, khác với năm sắc chính của đời gọi là "Hoại sắc". Thế nào là "Phấn Tảo" chằm vá ? Những vật người ta bỏ, lượm lấy chằm vá làm áo, đặng che đủ tấm thân, mong dứt lòng tìm kiếm, và niệm buông lung, ngõ hầu tấn tu đạo nghiệp. Như trong kinh nói : "Thầy Tỳ kheo đem áo "Phấn tảo" tới sông mà giặt. Chư Thiên múc nước đem về tắm, không từ nhơ uế. Kế đó Ngoại đạo đem cái áo trắng sạch cũng đến giặt. Chư Thiên đứng xa, đưa tay khoát ngăn và nói : "Đừng làm nhơ ao nước". Thế thì đủ biết rằng : Trọng đức chớ không trọng vật vậy. "Võ Đế là bực Vua, Công Tôn tức quan Đại thần" là bực cao sang vị quí mà còn không sắm; ngoài ra đủ biết vậy. Hàng lụa bằng thứ lông thú, "Vua", "Tôi" đáng làm, đáng sắm mà không sắm, trở sắm áo xấu mền vải; sắc hoại làm áo mặc, chằm lá che thân là bổn phận người xuất gia học đạo, chỗ đáng làm mà không làm, trở tham đồ huê mỹ của thế gian, nào lụa, nào nhung, trang sức vui ngũ dục, thật không phải chỗ làm.

Đức "Hoằng Tán" làm lời ký nói : "Kẻ Thiền Giảng đời bây giờ nói mình là bực đại thừa không chấp sự tướng, lụa, the đua tốt, tranh tươi, tím tía; xanh, đỏ giành màu, buông lung tình tham, đều trái lời Phật dạy, đâu chẳng nghe ông "Hoành Nhạc" mặc áo bằng cỏ ngại, đỡ gió sương. Ngài "Thiên Thai" bốn mươi năm chỉ mặc một áo nạp. Ngài "Vĩnh Gia" không mặc áo miệng tầm. Ông "Kinh Khê" mặc tấm áo vải to. Xét đúng, bởi vì các Ngài đây, là người thâm hiểu lý "Đại thừa", mới chuyên tu khổ hạnh như thế. Hỡi ai ơi ! Xin

Cố hữu "Cao Tăng", tam thập niên trước nhất lưỡng hài, huống phàm bối hồ.

"Lưỡng", âm "lưỡng", *(song lý)* **dã; "Cao Tăng", tức "Đường" "Huệ Hưu Pháp sư", thập lục tuế xuất gia, học thông Kinh, Luận, vưu thiện "Huê Nghiêm", duy hữu Luật bộ, vị hoàn tinh duyệt, ý dĩ vi giới khả sự cầu; án đọc tức hiểu, vị lao sư thọ, hậu hốt phi nhất quyển, tánh, giá, mang nhiên, phương hối tiền nghị, nãi phụ Luật đề bình, tùng "Hồng Luật Sư" thỉnh "Tứ Phần" luật, tam thập dư biến, nhi cố chư học đồ viết : "Dư vãng thỉnh Kinh, Luận nhất biến nhập thần, kim thỉnh Luật bộ, dũ tăng dũ ám, khởi phi. "Lý" khả hư cầu "Sự" nan thông hội; thường thỉnh "Lệ Công" giảng luật, "Lệ" viết : "Pháp Sư Đại Đức" mộ niên, như hà du cần luật bộ ?".**

Hưu viết : "Dư ức xuất gia chi thỉ, tùng hổ khẩu trung lai, khởi dĩ lão hủ, nhi khả tư tu ly da, ngô hận bất đắc thường văn nhĩ ! Kim chi hậu học, bạc tri văn cú, tông trí diễu nhiên, tức dự "Sư phạm", sở dĩ chung dạ trường khái hĩ. "Hưu" kỉnh thận tam nghiệp, hoài khóa lục thời, phụng cấm thủ đạo, dủ suy dủ đốc, y phục thú đắc cái thể, phốc huyền bích thượng, trước nhất ma hài, kinh tam thập dư niên, ngộ nhuyễn địa, tắc xích túc, nhơn vấn : "Chi cố" ? Đáp viết : "Tín thí nan tiêu". Đế lũ triệu nhập kinh, cố dĩ tật từ xuân thu bát thập hựu bát.

Hựu Đường "Thông Huệ Thiền sư", đại ngộ hậu, vãn niên duy nhất quần nhất bị, nhất ma hài, nhị thập tải, bố nạp trùng phùng, Đông Hạ bất dịch.

xem vị "Tổ Đức", chớ nhiễm thói tà. Sa di ơi ! Vưng theo lời đức Phật... tu thân... Xứng đáng trang Phật tử vậy.

Xưa có vị "Cao Tăng", ba mươi năm, mang một đôi giày, huống chúng phàm ư ?

"Hai chiếc giày" gọi là *(một đôi)*, "Cao Tăng" tức đời "Đường" ngài "Huệ Hưu Pháp sư" mười sáu tuổi xuất gia, học thông Kinh và Luận, rất giỏi bộ "Huê Nghiêm", duy có bộ Luật, chưa rảnh xem kỹ, ý ngài tưởng : "Giới" là : "Sự" dễ tìm, hễ đọc là hiểu, không nhọc Thầy trao. Không ngờ, tình cờ dở một quyển Luật nào "tánh tội", "giá tội", mờ mịt, mới ăn năn lời đề nghị trước, tức thời đội Luật, mang bình, theo hầu đức Tổ "Hồng Luật Sư", nghe bộ "Luật Tứ Phần" hơn ba mươi bận, rồi Ngài nói với học trò Ngài rằng : "Ta trước nghe tạng Kinh, tạng Luận một quận thời nhập tâm, thế mà nay nghe bộ Luật, ôi thôi ! Càng nghe càng mờ ám, đâu chẳng phải cái Lý còn có thể dễ tìm, sự thật khó mà tỏ biết. "Huệ Hưu" thường thân hành đến nghe đức "Lệ Công" giảng Luật. "Lệ Công" hỏi : "Pháp sư Đại đức tuổi già, còn cần bộ Luật làm chi ?". "Hưu" đáp : "Tôi nhớ thuở mới xuất gia, từ trong miệng cọp [48] mà ra, đâu từ già yếu mà hồng thôi học ấy ư. Tôi buồn, tôi không được thường nghe vậy thôi". Ngài "Vân Thê" nói : "Thế mà trang hậu học đời bây giờ, vừa biết bài, câu, tôn chỉ mập mờ, mà tính làm vị "Sư phạm", sở dĩ ta trọn đêm than hoài vậy. Ngài "Huệ Hưu" kính cẩn ba nghiệp, giữ tụng sáu thời, tuân giới cấm, giữ đạo hạnh, càng già càng cố gắng, y phục vừa đặng che thân, khăn vắt trên vách, *(không cần chỗ vắt kỹ)*. Mang một đôi giày bằng gai, hơn ba mươi năm, gặp chỗ nào dễ đi thì đi chân không. Người hỏi : "Sao vậy ?" Ông trả lời"của tín thí khó tiêu", nhà vua thường mời Ngài vào Kinh Đô, Ngài cứ viện cớ bệnh mà từ. Xuân thu Ngài tám mươi tám về chầu Phật.

Lại nữa, đời nhà Đường đức "Thông Huệ Thiền Sư" sau khi ngộ Đạo, tuổi già, duy một quần, một mền, đôi giày bằng gai; hai chục năm áo vải vá nhiều lớp, mùa Đông mùa Hạ không đổi.

"Tả Khê tôn giả", nhất "điều thất y", tứ thập dư niên, nhất "ni sư đàn", chung thân bất dịch; tẩy bát tắc quần hầu tranh bổng, tụng kinh tắc chúng điểu giao tường; như thử "Cao đức", phi "Thánh" tắc "Hiền", thượng kiểm thân sùng phác, nãi nhỉ, huống ngã phàm bối, nhi bất cẩn ước thân tâm tích đức, khả hồ ?

Y khả bất giới dư ?

ĐẠI BỒ TÁT TẠNG kinh vân : "Nhược hữu vị trước hoa man đồ hương tức thị vị trước nhiệt thiết hoa man, diệc thị vị trước thỉ niếu đồ thân. Hưu tích, hữu"Tỳ kheo", tại liên trì biên kinh hành, văn liên hoa hương, tỹ thọ tâm trước, Trì "Thần" ngôn : "Tỳ kheo" hà dĩ xả tịnh tọa, nhi thâu ngã hương; thời hữu nhất nhơn, nhập trì thủ hoa, quật căn nhi khứ; "Tỳ kheo" ngôn : "Thử nhơn phá nhứ trì hoa, nhữ đô vô ngôn, ngã đản kinh hành, ha ngã thâu hương ?" "Thần" ngôn : "Thế gian ác nhơn, tội phẩn một đầu, ngã bất cọng ngôn. Nhữ thị thiền hạnh hảo nhơn, nhi trước thử hương, phá nhữ hảo sự, thị cố ha nhữ; thí như bạch điệp hữu điểm, nhơn giai kiến chi, ác nhơn như hắc y, túng hữu hắc điểm, nhơn giai bất kiến, thì vấn chi giả". Như kinh sở thuyết : "Hứu hoa thượng bị thần trách hữu điểm, huống thân đồ trước ô đức, khả bất giới tai !!!".

THẤT VIẾT : BẤT CA VÕ XƯỚNG KỲ BẤT VÃNG QUAN THÍNH

Ly thân khẩu quá, cố viết : "Bất ca võ". Viễn sắc, thanh trần, cố viết : "Bất quan thính".

Giải viết : "Ca" giả, khẩu xuất ca khúc.

Sở vị ca xướng khúc lịnh dã, trường dẫn kỳ thanh vịnh chi viết "Ca".

Ngài "Tả Khê" tôn giả, một y thất điều hơn bốn mươi năm, một Ni sư đàn *(tọa cụ hay đồ để ngồi)* trọn đời chẳng đổi. Khi ông ăn cơm rồi rửa bát thì bầy khỉ dành bưng, lúc ông tụng kinh các chim xòe cánh che mát. Các bực "Cao Đức" như đây, không phải bực "Thánh" cũng bực "Hiền" còn xét mình trọng đức đến thế, huống ta chúng phàm, mà chẳng dè dặt thân tâm tích đức hay sao ?

Than ôi khá chẳng răn chừa ư ?!

Kinh ĐẠI BỒ TÁT TẠNG nói : Nếu có người nào đắm vị tràng hoa và hương thoa, tức là : đắm vị tràng hoa sắt nóng; hay là đắm vị nhơ nhớp thoa vào trong thân. Thuở xưa có thầy Tỳ kheo ở bên ao sen, đi kinh hành, nghe hương của hoa sen, mũi ưa, tâm đắm. "Thần" giữ ao nói : Tỳ kheo cớ sao Ngài bỏ ngồi thiền, mà trộm vị hương ta ? Khi đó có một người, cũng vào trong ao, bẻ hoa, và nhổ ngó sen mà đi. Tỳ kheo nói : "Người kia bẻ bông, nhổ ngó chú, sao chú không nói. Ta đi kinh hành quở Ta là trộm hương ?". Thần đáp : "Đứa ác trong đời, tội nhơ đầy đầu, ta không nói đến. Ngài là người tu hạnh tốt, mà đắm hương đấy, hư việc tốt của Ngài, cho nên quở Ngài. Ví như áo trắng, có một điểm đen, ai cũng thấy hết, người ác ví như áo đen, dầu có điểm đen người đều chẳng thấy, ai cần hỏi đến". Ôi ! Như Kinh đã nói : "Ngửi hoa còn bị Thần trách có điểm huống mũi ngửi, thân thoa nhơ dức, khá chẳng răn ư !?".

ĐIỀU THỨ BẢY : TỰ MÌNH KHÔNG ĐƯỢC CA MÚA ĐỜN ĐỊCH VÀ NGƯỜI KHÁC LÀM, CŨNG CHẲNG ĐƯỢC ĐẾM XEM NGHE

Không có cái lỗi thân múa, miệng hát nên nói "Bất ca vũ". Lánh xa sắc trần và thanh trần cho nên nói : "Bất quan thính" *(không xem nghe).*

Giải rằng : "Ca" là : miệng hát ra những bài ca.

Chỗ nói : Ca xướng bài bản vậy. Xướng kéo tiếng dài gọi là "Ca".

Nhạc thơ vân : "Nhạc hữu ca, ca hữu khúc, khúc hữu từ; sở dĩ Thi ngôn chí, ca vịnh ngôn; ngâm vịnh chi hữu thướng, há; như thảo mộc chi hữu kha diệp dã. "Nhĩ Nhã" viết : "Thinh ty ư cầm sắc, viết "Ca"; đồ ca viết "Diêu" vị vô tư trước chi loại, độc ca chi giả. "Hàn Thi" viết : "Hữu chương khúc, viết, "Ca", vô chương cú, viết "Diêu". Hựu Vịnh Thi, viết "Ca"; đoản ca vị chi "Diêu". Thi Chú vân : "Diêu" giả, ca thanh chi viễn văn dã; cố thiện ca giả hữu hàm thương thổ giác chi âm. Liệt Tử vân : "Tân Thanh, phủ tiết bi ca, thanh chấn lâm mộc hưởng át hành vân thị dã".

"Vỏ" giả, thân vi hí "võ".

Thủ túc biến lộng, viết : "Hí võ"; "Ca võ", nãi bài ưu tạp hí dã.

"Xướng ky" giả, vị "Cầm", "sắt" tiêu,quản chi loại thị dã.

"Xướng ky", thị âm nhạc chi tổng xưng; "Nhạc" giả, chung, cổ, tiêu, quản, cung, thương, võ, giác, trưng, thược dã; cầm sắt, thị huyền nhạc, tiêu quản, thị quản nhạc.

Tích "Phục Hi", trác đồng vi cầm, danh viết "Ly huy", hoàn tan vi sắt; cầm, trường thất xích nhị thốn : Phụng trì tứ thốn, tượng tứ thời, Long trì bát thốn tượng bát phong, huyền nhị thập thất, dĩ thông "Thần minh" chi huống. "Thuấn", chế trường tam xích lục thốn lục phân, tượng cơ chi nhật, hiệp Thiên nhơn chi hòa, quảng lục thốn, tượng lục hiệp, yêu khoát tứ thốn, tượng tứ thời; tiền quảng hậu hiệp; tượng tôn ty; thượng viên hạ phương; tượng "Thiên Địa"; ngũ huyền, tượng ngũ hành; thập tam huy, tượng thập nhị luật, dư nhất huy, tượng nhuận. Hậu "Văn Vương", gia thiếu cung, thiếu thương, nhị huyền

Bộ Nhạc Thơ nói : "Nhạc thì có ca, ca thì có bài, bài có bản". Cho nên ngâm Thi gọi là : "Chí" mình "Ca vịnh" là *(lời nói)*. Ngâm vịnh điệu có phù trầm ; như cỏ cây có nhánh lá. Sách Nhĩ Nhã nói : "Tiếng ăn rập với đờn cầm, đờn sắt gọi là "Ca". Ca suông gọi chữ "Diêu". Nghĩa là : không có đờn sáo, chỉ ca không mà thôi. Trong bộ Hàn Thi nói : có bài bản gọi "Ca", không bài bản gọi "Diêu"; lại có nghĩa ngâm thi nói là "Ca". Ca nhặc một nói là "Diêu". Sách Thi Chú nói : Chữ "Diêu", là tiếng ca nghe rất xa, văng vẳng; cho nên người ca hay, giọng có hàm tiếng Thương và lộ tiếng Giác. Sách Liệt Tử nói : "Ngươi Tần Thanh, vỗ cái trống cơm mà ca theo điệu nam ai, tiếng vang cây rừng, dội đứt mây bay, phải vậy".

Thân múa giỡn gọi chữ "Võ".

Tay, chân quơ múa gọi "Hý võ". Vừa giỡn trửng, vừa hát hò gọi là "Ca võ".

"Xướng ky" là gì ? Những loại đờn "cầm", đờn "sắt" ống tiêu, ống quản, phải vậy.

"Xướng ky" *(tiếng kêu chung của âm nhạc)*. "Nhạc" thời có những thứ như : chuông, trống, ống tiêu, ống quản, tiếng cung, tiếng thương, tiếng võ, tiếng giác, tiếng trưng và tiếng thược, các thứ tiếng ấy thuộc về một loại của "Âm nhạc"; đờn cầm, đờn sắt thuộc về nhạc dây, ống tiêu, ống quản thuộc về nhạc ống.

Xưa Vua "Phục Hi" đẽo cây ngô đồng làm đờn cầm, tên là đờn "Ly huy", bện cây dâu làm đờn "sắt"; đờn cầm dài bảy thước hai tấc (7^m20); cái Phụng trì bốn tấc (0^m40) để tiêu biểu hiệp bốn mùa, cái Long trì tám tấc (0^m80) tượng tám gió (bát phong) hai mươi bảy dây, đặng thông đến vị Thần Minh phò hộ. Vua "Thuấn" chế đờn cầm dài ba thước sáu tấc sáu phân (3^m66), tiêu biểu ngày "giáp năm" hòa hiệp "Trời" cùng "người", bề rộng sáu tấc, tiêu biểu "sáu phương" bề lưng rộng bốn tấc tiêu biểu "bốn mùa"; trước rộng sau hẹp tiêu biểu "cao, thấp"; trên tròn dưới vuông, tiêu biểu "Trời, Đất", năm dây tiêu biểu "ngũ hành", mười ba bực tiêu biểu "12 tháng" thêm một bực tiêu biểu "tháng nhuần". Sau

thành thất hoặc vân : "Gia văn võ nhị huyền : sắt hữu tam thập lục huyền, dĩ tu thân lý tánh, phản kỳ Thiên chơn" kim nhơn dụng chi vi hí lạc, ngộ dã; "Tích Nữ Oa" thị, dụng ngũ thập huyền, Tần Đế sử Tố Nữ cổ, nhi thính chi cực bi, nãi tích nhi dụng kỳ bán, dĩ ức kỳ tình nhi nhạc nãi hòa hiệp dã; tiêu túc dã, vị kỳ thinh túc túc, nhi thanh dã biên tiểu trước quản vi chi, sâm si bất tề, tượng Phụng chi dực : Đại giả, nhị thập tam quản, trường xích tứ thốn; tiểu giả, thập lục quản, trường xích nhị thốn. Quản, hữu lục khổng, nhất viết; thất khổng, tợ tiêu diệc như Địch, hoặc viết; tức tiêu dã; dư Tỳ Bà, sanh, hoàng, tranh, địch, không hầu, đẳng, giai xướng kỵ chi loại dã.

"Bất đắc tự tác, diệt bất đắc tha nhơn tác thời, cố vãng quan thính".

Tự tác, tùng thân, khẩu, nhị nghiệp sanh tội, quan thính tùng nhãn, nhĩ, nhị căn chiêu khiên; cố vãng giả, hiển phi vô tâm dã; nhược lộ do bỉ quá, vô tâm quan thính, bất phạm.

Cổ hữu Tiên nhơn, nhơn thính nữ ca, âm thanh vi diệu, cự thất thần túc, quan thính chi hại như thị, huống tự tác hồ ?

Cự, tật dã, thốt dã; "thần túc" giả, phi hành dã. ĐẠI BÀ SA LUẬN vân : "Tích hữu "Chất Đà Diễn Na" vương, tương chư Cung nữ, nghệ "Thủy Tích" sơn, trừ khử nam tử, thuần dữ nữ nhơn, thiêu chúng danh hương, tấu ngũ kỵ nhạc, lộ hình nhi võ, nhạc âm thanh diệu hương khí phân phức. Thời hữu ngũ bá Tiên nhơn, thừa Thần thông thượng quá, hoặc kiến sắc, hoặc văn thinh, hoặc hứu hương, giai thối thần thông, nhất thời đọa há, như chiết dực điểu, bất phục năng phi. Vương kiến vấn viết : "Nhữ đẳng thị thùy ?"

Vua "Văn Vương" thêm dây Thiếu cung, dây Thiếu thương hai dây thành ra bảy, hoặc nói : thêm dây "văn", dây "võ" hai dây; đờn Sắt có 36 dây, để tu thân sửa tánh, đem trở lại tánh Thiên chơn *(tánh chơn thật của mình)*. Người đời bây giờ, dùng nó làm việc vui chơi, lầm vậy. Xưa bà "Nữ Oa" làm đờn sắt tới năm mươi dây, Vua "Tần Đế" biểu nàng "Tố Nữ" khảy nghe rất buồn; mới bớt, dùng phân nửa để ngăn bớt tình thương, mà nhạc mới hòa hiệp vậy; ống tiêu nghe nghiêm lắm, vì tiếng nó kêu nhặc nhặc mà thanh, bện ống trúc nhỏ làm đó, so le không bằng như cánh chim Phụng. Lớn hai mươi ba ống; dài một thước bốn tấc. Nhỏ mười sáu ống; dài một thước hai tấc. Ống Quản, có sáu lỗ, có chỗ nói bảy lỗ, giống ống tiêu và cũng như ống Địch hoặc nói : "đó là ống tiêu". Còn đờn Tỳ Bà, ống sanh, ống hoàng, đờn tranh, ống địch, đờn không hầu các món v.v... đều là một loại xướng ca, đờn địch cả.

"Chẳng được mình làm, và chẳng được khi người khác làm, cố đến xem nghe".

Mình làm từ hai nghiệp "Thân" và "Khẩu" sanh ra tội, xem nghe, từ hai căn "Mắt" và "Tai" mang lỗi. Cố ý đi nghe là nói không phải người vô tâm vậy. Bằng có dịp đi qua đường đó, vô tâm xem nghe không phạm.

Xưa có ông Tiên nhơn nghe gái ca, tiếng âm thanh vi diệu liền dứt thần túc, xem nghe còn mắc hại đến thế, huống mình làm ư ?!

Liền, vội, gấp; ba tiếng cũng đồng một nghĩa. Bay đi gọi là : thần túc. Bộ LUẬN BÀ SA nói : "Xưa có vua "Chất Đà Diễn Na" đem các cung nữ, lên non "Thủy Tích", đuổi hết con trai, chỉ để các gái, đốt các thứ hương thơm, trỗi năm món kỹ nhạc lõa hình nhảy múa tiếng nhạc lẫn với giọng ca, vừa thanh, vừa dịu mùi hương thơm ngát.

Khi đó có 500 ông Tiên, nương thần thông qua trên, hoặc có ông thấy sắc, hoặc có ông nghe tiếng, hoặc có ông ngửi hương, đều dứt thần thông, một lượt rớt xuống như chim gãy cánh, không còn bay được. Vua thấy hỏi rằng : "Các người là ai" ?

Chư Tiên đáp ngôn : "Ngã thị Tiên nhơn". Vương ngôn : "Nhữ đắc Phi phi tưởng định phủ ?" Tiên ngôn : "Vị đắc", nãi chí vấn ngôn : "Nhữ đắc sơ thiền phủ ?" Tiên ngôn "tằng đắc, kim thất", Thời vương sân ngôn : "Bất ly dục nhơn, như hà quán ngã cung nhơn thể nữ", tiện bạt kiếm đoạn tiện ngũ bá Tiên nhơn thủ túc; bi chư Tiên nhơn, hữu tùng "nhãn căn" nhithoái,hữu tùng "nhĩ căn" nhi thoái,hữu tùng "tỹ căn" nhi thoái,thị cố nhất thời đọa lạc; cố vân : "Quan thính chi hại như thị, huống tự tác hồ ?"

Kim thế ngu nhơn, nhơn PHÁP HOA hữu "Tỳ bà náo bạt chi", cú, tứ học âm nhạc, nhiên PHÁP HOA, nãi cúng dường chư Phật, phi tự ngu dã".

"Ngu", "lạc" dã; "tỳ bà", thị Hồ "cầm", trường tam xích ngũ thốn, tượng "tam tài" "ngũ hành", tứ huyền tượng tứ thời dã, "Náo" cổ dĩ kim tạo chi, "bạt" dĩ đồng tác chi.

Kinh vân : "Nhược sử nhơn tác nhạc, kích cổ, xỷ giác bối tiêu, địch, cầm, không hầu, tỳ bà, náo, đồng bạt, như thị chúng diệu âm, tận trì dĩ cúng dường hoặc dĩ hoan hỉ tâm, ca bại tụng Phật đức, nãi chí nhất tiểu âm, giai dĩ thành Phật đạo". Kinh vị : "Sử nhơn tác, hiển phi Sa môn tự vi dã, tận trì dĩ cúng dường, minh phi tự ngu dã.

Ứng viện tác nhơn gian pháp sự đạo tràng, du khả vi chi; kim vị sanh tử, xả tục xuất gia, khởi nghi bất tu chánh vụ, nhi cầu công kỵ nhạc.

Các ông Tiên đáp rằng : "Ta là người Tiên. Vua nói : "Ngươi được định Phi phi tưởng chưa" ? Tiên đáp : "Chưa được". Nhẫn đến Vua hỏi : "Ngươi được định Sơ thiền chưa" ? Tiên đáp : "Trước được nay mất rồi". Bấy giờ Vua giận nói : "Thế các ông là người chưa khỏi ngũ dục, lẽ nào dám xem cung nhơn thể nữ của ta"; liền lấy gươm, chặt đứt tay chơn năm trăm ông Tiên. Các ông Tiên kia, có ông đứt thần thông của "Nhãn căn", có ông đứt thần thông của "Nhĩ căn"; có ông đứt thần thông của "Tỷ Căn", luôn cả năm trăm ông, ông nào thần thông cũng bị đứt. Thế nên sa xuống một thời, gọi "Nhất thời đọa lạc". Cho nên nói : "Than ôi ! Xem nghe còn hại như thế, huống mình làm ư" ?

Người ngu đời bây giờ, nghe trong Kinh PHÁP HOA có nói câu "Tỳ Bà náo bạt" lung học nghề âm nhạc; song trong Kinh PHÁP HOA nói : "Âm nhạc là để cúng dường các đức Phật, chớ không phải vui mình".

"Vui" là nghĩa "Vui thích", Đờn "tỳ bà" là đờn "cầm" của nước "Hồ", dài ba thước năm tấc, tiêu biểu "Tam tài" và "Ngũ hành", bốn dây tiêu biểu "bốn mùa". Cái "Náo" đời xưa làm bằng chất vàng. Cái "Bạt" làm bằng chất đồng.

PHÁP HOA Kinh nói : "Hoặc cho người nổi nhạc đánh trống, thổi ốc, ống tiêu, ống địch, đờn không hầu, đờn Tỳ bà, cái náo, cái đồng bạt, các tiếng hay như vậy đều đem cúng dường các đức Phật, hoặc đem tâm hoan hỉ, ca vịnh khen công đức của đức Phật, nhẫn đến một tiếng nhỏ cũng được thành quả Phật. Huống chi Kinh nói : "Cho người khác *(cư sĩ)* làm rõ không phải thầy Sa môn tự làm vậy", Kinh lại nói : "Đem cúng dường đức Phật, rõ không phải để vui mình" vậy.

Những chùa làm đám đạo tràng Phật sự của nhơn gian họa may làm được. Nay ta vì đường sanh tử, bỏ tục xuất gia, đâu nên chẳng tu việc chính mà cầu học nghề âm nhạc cho hay.

"Ứng viện" vị ứng phó am viện dã; nguyên "Phật Giáo" trung, bổn vô ứng phó sự, lương do mạt pháp nhơn ngoa, bất vị siêu sanh việt tử xuất gia giả, thao thiết thế gian uế lợi, cố hữu chi dã. Cát ái từ thân, thị viết : "Xả tục"; xuất phiền não gia, cố viết : "Vị sanh tử", Thiên tụng lễ bái, cần tu phước huệ, danh vi "chánh vụ". Ký vị sanh tử, bất tu chánh vụ, nhi phản cầu công xảo thế gian kỵ nhạc, trùng tăng sanh tử chi lụy, tự táng kỷ đức, thiểm điếm pháp môn, quá phi tiểu dã".

Nãi chí vi "Kỳ", "Lục bát", "đầu trịch", "Xu bồ" đẳng sự.

"Đơn Châu" bất tiếu "Nghiêu" tác kỳ, dĩ giáo chi, "Đơn Châu", thiện chi, dĩ điệt du, vi kỳ hữu tam bá lục thập lộ, tượng kỳ, hữu tam thập lục tuần, dĩ tượng nha sức chi, cố danh "Tượng kỳ".

Hựu vân : "Tích Thần nông dĩ nhật nguyệt tinh thần vi tượng. Đường Tướng Quốc Ngưu Tăng Nhụ, dụng xa, mã, tướng, sĩ, tốt, gia pháo đại chi, vi cơ hĩ : "Đầu" tức *(đầu tử)*, thị "lục bát" thể cụ; "Lục bát" tức "song lục" kỳ, diệc danh "Bát tắc hí". "Ngụy" "Tào Thực", chế "song lục" cuộc, dĩ ngũ mộc vi đầu tử, hữu Kiêu, Lư, Trỉ, độc, đắc, ngũ giả vi thắng phụ chi thể, cố nhơn khắc nhất đầu, vi kiêu điểu hình, đắc chi vi thượng thắng; hựu đầu lục trợ, hành lục kỳ vị chi "Lục bát" dã; trịch giả, đầu dã,phao dã, như trịch sắc, đầu hồ, phao cầu, khiêu tiền dã "Xu" âm "Xu"; "bồ", âm "bồ".Tương truyền vị : "Lão tử" nhập Hồ, tác dụng lục tử vi mã, kim nhơn trịch chi vi hí, diệc bác dịch chi tổng danh; sở vị "xu bồ", nhất trịch bá vạn, thị dã : "Nãi chí", dữ "đẳng sự", giai hí lạc vị tận chi cữ dã.

Những chùa am làm đám, gọi là chữ "Ứng viện". Nguyên trong "Phật giáo" vốn không có việc làm đám, chẳng qua đời mạt pháp, người làm sai lầm, chẳng vì siêu sanh thoát tử mà xuất gia, mới tham lam lợi nhơ trong đời, nên có làm việc đám tiệc. Sao gọi là xả tục ?

Dứt tình ân ái từ nghĩa song thân, ấy là "Xả tục". Thế nào là vì đường sanh tử ? Cầu ra nhà phiền não, cho nên gọi là vì đường sanh tử. Việc chánh là gì ? Việc tụng kinh lễ bái, cần tu phước huệ, kêu là việc chánh. Đã vì sanh tử, không tu việc chánh, trở cầu học nghề nhạc hay giỏi trong đời, chồng thêm hại đường sanh tử, đã tổn đức mình, nhơ nhuốc trong nhà Đạo, tội chẳng phải nhỏ vậy.

Nhẫn đến, đánh cờ "dây", cờ "lục bát", đánh "đầu trịch", "xu bồ", các việc.

Vì ngươi "Đơn Châu" không hiền, vua "Nghiêu" chế làm bàn cờ *(để dạy cơ mưu của sự binh bị)*, không ngờ "Đơn Châu" đánh giỏi, rồi làm việc vui chơi, luông tuồng. Cờ dây có 360 nước. Cờ Tượng *(tục kêu là cờ tướng)* có 36 nước. Sao kêu là "cờ Tượng" ? Lấy ngà voi chuốt làm con cờ, nên kêu "cờ Tượng". Lại một nghĩa nữa : Xưa vua "Thần Nông", coi theo mặt nhật, mặt nguyệt và các ngôi sao làm cái hình con cờ gọi là "Cờ Tượng". Chữ "Tượng" này nghĩa : "Giống". Đời Đường quan tướng quốc "Ngưu Tăng Nhụ" dùng con xe, con mã, con tướng, con sĩ, con chốt, thêm con pháo đại diện làm thế vậy. Chữ "Đầu" *(tức con cờ)* là cái mặt con cờ "Lục Bát". Cờ "Lục Bát" tức là cờ "song lục" hay là cờ "Bát tắc hí". Đời nhà "Ngụy" chúa "Tào Thực" chế cái bàn cờ "Song lục", lấy năm thứ cây đẽo làm năm con cờ; có chạm hình con chim Kiêu, chim Lô, chim Trĩ, chim Độc, chim Tắc, năm con ấy làm cái vẻ ăn thua, cho nên người khắc một con cờ làm hình chim Kiêu, bắt đặng con cờ này là ăn bực nhất. Lại có một điệu cờ nữa như : Vãi ra 6 cái thẻ, làm 6 con cờ, gọi là cờ "Lục Bát", "vãi", "quăng", "liệng" cũng như : "xổ bài", "đánh hồ", "đá cầu", "thảy tiền", thuộc về trong ba nghĩa : hoặc vãi, hoặc quăng, hoặc liệng. Chữ "Xu" là "Xu bồ", lời tương truyền nói : "Ông Lão Tử vào nước Hồ, làm bàn cờ có sáu hình con ngựa, người nay đánh làm cuộc vui chơi cũng

Giai loạn đạo tâm, tăng trưởng quá ác,

Như thượng chu sự, cu nhiễu loạn chánh niệm, tăng trưởng tham, sân, phiền não, sanh tử quá hoạn do thử nhi hưng thành phi "Thích tử" sở vi dã.

Y khả bất giới dư !

ĐẠI LUẬN vân : "Thanh tướng bất đình, tạm văn tức diệt, ngu si chi nhơn, bất giải thinh tướng, vô thường biến thất, cố ư âm thanh trung, vọng sanh hảo nhạo ư dĩ quá chi thanh, niệm nhi sanh trước. Hữu trí chi nhơn, quán thanh sanh diệt, tiền hậu bất cu, vô tướng cập giả, tác như thị tri, tắc bất nhiễm trước, nhược tư nhơn giả, chư Thiên âm nhạc, thượng bất năng loạn, hà huống nhơn thanh. Như thị đẳng chưởng chưởng nhơn duyên, ha thanhquá thất. Như Đại Ca Diếp đẳng, văn Thiên vương đờn cầm, thượng khởi tác võ, bất năng tự an; huống phàm phu bối, khả bất đương thâm giới dư !

BÁT VIẾT : BẤT TỌA CAO QUẢNG ĐẠI SÀNG

Thân ly xúc trần cố viết "bất tọa", lượng việt Thánh chế, cố viết "cao quảng".

Giải viết : "Phật chế thằng sàng, cao bất quá "Như Lai" bát chỉ; quá thử tức phạm".

Như Lai thị Phật thập hiệu chi thủ, vị Phật thừa "Như thật" đạo, lai thành "Chánh Giác" cố danh Như Lai. Như Lai kim thân trượng lục, nhất chỉ hoạt nhị

chung kêu là "Cờ bạc". Chỗ gọi cờ "Xu Bồ" *(chỗ đựng cờ)* một phen xổ ra, ăn cả trăm cả vạn. Chữ "Nãi chí" *(nhẫn đến)*; cũng như chữ "đẳng sự" *(các việc)*; đều là câu chuyện chơi vui chưa hết.

Các việc như trên đều là loạn tâm đạo, thêm nhiều tội lỗi.

Các việc như trên đều rối loạn chánh niệm, thêm lớn lòng tham sân, phiền não. Tội lỗi đường sanh tử từ đây mà ra. Thật chẳng phải trang "Thích Tử" chỗ nên làm vậy.

Than ôi ! Há chẳng răn dè ư ?

Trong ĐẠI LUẬN nói : "Âm thanh, sắc tướng giả tạm không phải vật còn hoài liền nghe liền diệt. Thế mà đứa ngu si chẳng hiểu cái thanh tướng vô thường biến mất. Cho nên đối với trong cảnh âm thanh quấy sanh tâm ưa thích, đến nỗi tiếng nói qua rồi, còn để tâm mê đắm. Những người có Trí biết tiếng kia sanh diệt, trước chẳng chờ sau, sau chẳng kịp trước, thì đâu có tướng cũng như không tướng. Vậy quan sát được như thế, thời mới khỏi đắm mê, những người như thế, dù âm nhạc chư Thiên, cũng chẳng loạn cho họ được huống chi tiếng của nhơn loại. Như đây hết thảy các món nhơn duyên đều là đức Phật quở tội lỗi những người ưa đắm thinh trần. Kìa, như đức Đại Ca Diếp nghe trời Thiên Vương khảy đờn cầm còn đứng dậy múa men không thể tự yên; huống chi chúng phàm phu, há chẳng răn dè cho lắm ư ?

ĐIỀU THỨ TÁM : KHÔNG ĐƯỢC NGỒI GIƯỜNG CAO RỘNG LỚN.

Muốn thân khỏi nhiễm trần, cho nên; "không ngồi", quá lượng Phật dạy cho nên nói "cao rộng".

Giải rằng : "Phật dạy giường dây, cao chẳng quá tám ngón tay đức Như Lai", quá đấy thời phạm.

Như Lai, là hiệu đầu trong mười hiệu [49] của đức Phật. Như Lai là gì ? Đức Phật Thế Tôn nương cái đạo "Như thật" đến thành ngôi "Chánh Giác" cho nên gọi là Như Lai,

thốn, bát chỉ đương châu xích, nhất xích lục thốn. Việt tư lượng dã, cố viết "Quá thử".

A HÀM kinh vân : Túc trường xích lục phi cao. Hoạt tứ xích phi quảng. Trường bát xích phi đại. Phục hữu bát chưởng sàng : Nhất, kim. Nhị, ngân. Tam, nha. Tứ, giác. Ngũ, Như Lai. Lục, Duyên giác. Thất, La Hán. Bát, Sư Tăng. Tiền tứ, ước vật biện quới, thể bất hiệp tọa. Hậu tứ, ước nhơn biện đại, túng linh địa phô, nghĩ ư tôn nhơn, diệc bất hiệp tọa. Ngôn thằng sàng giả, hoặc dĩ thảo ma đắng đẳng, chức thành, cước hữu khúc trực, nhược thằng, nhược mộc, quá lượng giai phạm.

Nãi chí tất thể điêu khắc, cập sa quyến trướng nhục chi loại, diệc bất nghi dụng.

ĐẠI LUẬT vân : "Sàng hữu nhị chưởng. Nhất, "cao". Nhị "hạ" Tì sàng danh "hạ". Thô tệ diệc danh "hạ". "Cao" đại danh "Cao". Diệu hảo diệc danh "cao" ? Diệu hảo tức tất thể điêu khắc, kim, ngân, nha giác đẳng. Như thị chi sàng, cập sa la quyên trướng, thượng diệu chiên nhục, giai phi xuất thế đạo nhơn chi nghi, nãi vương thần tục sĩ sở quí. Vi Phật minh chế, tự bại kỷ đức, cố viết : "Bất nghi dụng dã". "Loại" giả, du nhất thiết quí giá bị tịch đẳng, thị dã.

Cố nhơn dụng thảo vi tòa, túc ư thọ hạ. Kim hữu sàng tháp, diệc ký thắng hĩ, hà cánh cao quảng, túng tứ huyễn xu ?

Kim thân đức Như Lai cao trượng sáu, một ngón tay rộng hai tấc, theo thước nhà Châu, cộng tám ngón thành một thước sáu tấc. Quá lượng đó, cho nên nói chữ "Quá thử" *(một ngón Như Lai bằng ba ngón người thường).*

Kinh A HÀM dạy cách thức đóng giường như thế này : Chân giường cao một thước sáu tấc (1^m60) Bề rộng bốn thước (4^m00). Bề dài tám thước (8^m00). Lại có tám thứ giường như sau đây : 1/ Giường bằng vàng. 2/ Giường bằng bạc. 3/ Giường bằng ngà. 4/ Giường bằng sừng. 5/ Giường Như Lai. 6/ Giường Duyên Giác. 7/ Giường La Hán. 8/ Giường Sư Tăng. Bốn thứ giường trước là vật quí trọng, người tu không nên ngồi. Bốn giường sau, là bực lớn ngồi, dầu cho trải dưới đất ngồi, chớ không dám ngồi tám thứ giường nói trên, vì nhường người bực lớn. Nay nói giường cây và giường dây, là hoặc lấy cỏ, gai và mây bện làm, chân có cong có ngay, hoặc giường dây, hoặc giường cây, song quá lượng đức Phật dạy đều phạm.

Nhẫn đến sơn vẽ chạm trổ và các thứ màn nệm, bằng hàng lụa, cũng chẳng nên dùng.

Trong ĐẠI LUẬT nói : Giường có hai thứ : Một, giường bực "cao". Hai, giường bực "hạ". Thế nào giường bực "hạ" ? Giường thấp gọi là bực "hạ", thô xấu cũng gọi bực "hạ". Thế nào gọi là giường bực "cao" ? Cao lớn gọi là bực "cao", tốt đẹp cũng gọi là bực "cao". Tốt đẹp là gì ? Tốt đẹp tức là sơn vẽ, chạm trổ, giường vàng, giường bạc, ngà, sừng, v.v... Những giường như thế với những vật mùng màn bằng the lụa, mền nệm đồ thượng diệu, đều không phải người học đạo xuất thế dùng, vật quí trọng của vua, tôi, tục, sĩ, cần, dùng. Trái lời Phật dạy, lại tổn đức mình; cho nên nói câu : "Bất nghi dụng thử" *(không nên dùng đấy).* Chữ "Loại" là các thứ, nghĩa là còn bao nhiêu những thứ mền chiếu quý giá v.v...

Người xưa dùng cỏ làm đồ ngồi, đêm thì nằm dưới gốc cây. Nay ta có giường chõng cũng đã hơn xưa rồi, sao muốn cao rộng buông lung vóc huyễn ?

Sàng hiệp nhi trưởng giả, viết "tháp". "Cổ nhơn giả "cổ đức cao tăng" dã, hoặc trụ thâm sơn hoặc y thọ hạ, dĩ thảo vi tòa, khởi tắc kinh hành tọa tức thiền tứ.

Kim cư quảng hạ mật ốc, túc ư cao sàng trường tháp, khả vị thắng bỉ thọ hạ thảo tòa, đa hĩ, hà dụng cánh phục cao quảng, túng tứ huyễn xu, thất "Sa môn" chi cao phạm, vi "Phật" "Tổ" chi thùy ngôn.

"Đồng Lâm" Hổn Dung thiền sư, thị chúng viết ; "Tị vạn thặng tôn vinh, thọ lục niên cơ đống, bất ly thảo tòa, thành đẳng "Chánh Giác" độ vô lượng chúng. Thử "Huỳnh Diện Lão gia" xuất gia dạng tử" hậu bối vong bổn, phản vị khẩu thể, như Phật ngôn viết : Vi "Sa Môn" giả, khử thế tư tài, khất thực, thủ túc, nhật trung nhất thực thọ hạ nhất túc, thận bất tái hĩ".

Cố Đường "Thông Huệ Thiền Sư" nhập "Thái Bạch" sơn, bất tê lương thực, thủ cấp thảo quả, khát tắc ẩm thủy, tức tắc y thọ, kinh ư ngũ niên, nhơn dĩ mộc đả khối, khối phá hình tiêu, quách nhiên "Đại ngộ".

"Kỉnh Vân Pháp Sư" nhập "Thái Sơn", kiết thảo vi y, thập quả vi thực, hành PHÁP HOA Tam muội, cảm "Phổ Hiền" hiện thân chứng minh. Như tư "cao đức" phi nhất, bị tải Truyền Đăng Cao tăng" truyện trung, tự đương tầm duyệt. Ngôn huyễn xu giả. Địa, Thủy, Hỏa, Phong, tứ đại dã nhi thành thân, hư vọng bất thật, du như mộng huyễn, ngu phu bất liễu, chấp chi vi thiệt, thị dĩ tứ tình túng dục, tăng trưởng lậu nghiệp, trường luân tam hữu dã.

"Hiếp Tôn Giả", nhất sanh hiếp bất trước tịch.

Giường hẹp và dài kêu là cái "chống". Nói người xưa đó, là các ông "Cao Tăng đại đức" đời xưa vậy; hoặc có ông ở trong thâm sơn, hoặc có ông ở dưới gốc cây, lấy cỏ làm đồ ngồi, lúc dậy thì đi kinh hành, ngồi thì Thiền định; đâu có thì giờ rảnh buông lung.

Ta nay ở nhà rộng, phòng kín, ngủ thời ngủ trên giường cao và chống dài, cũng đã hơn các Ngài ở dưới gốc cây, ngồi tòa cỏ, bội phần, lẽ nào còn muốn cao và rộng buông lung thân huyễn mất cái hạnh thanh cao của "Sa Môn", trái lời di ngôn của "Phật" và "Tổ".

Chùa "Đông Lâm" đức "Hổn Dung thiền sư" dạy trong chúng rằng : "Đức Thích Ca bỏ ngôi cao sang muôn cỗ, chịu cái khổ đói lạnh sáu năm, không lìa tòa cỏ thành bực "Chánh Giác", độ chúng sinh không lường. Đây là cách thức ông "Huỳnh Diện Lão Gia" *(đức Phật)* xuất gia người đời sau, quên căn bổn, trở vì việc ăn mặc, như đức "Phật" đã dạy làm "Sa môn" là người bỏ của cải đời, xin ăn vừa đủ, giữa ngày một bữa ăn, dưới gốc cây ngủ một đêm, dè chớ thêm nữa vậy.

Nên đời Đường đức "Thông Huệ thiền sư" vào non "Thái Bạch" không đem lương thực, dùng đỡ rau trái. khát thời uống nước lạnh, nghỉ thời nương gốc cây, trải được năm năm; nhơn một bữa ông lấy cây đập khối đất(?) khối bể hình tan, rổng vậy "Đại ngộ".

Ngài "Kỉnh Vân Pháp Sư" vào núi "Thái Sơn" kết cỏ làm áo, lượm trái làm cơm ăn, tụng Kinh PHÁP HOA được chánh định, cảm đến đức "Phổ Hiền" hiện thân chứng minh. Các vị "Cao đức" như đây, chẳng phải một, đủ chép trong bộ truyện "Truyền Đăng Cao Tăng" ta nên tìm coi. Nói thân huyễn là gì ? Bốn đại : Địa, Thủy, Hỏa, Phong, giả hiệp mà thành thân nầy, luống dối không thật như chiêm bao, như bóng bọt. Thế mà đứa ngu không hiểu chấp cho là có thật, cho nên lung tình dục vọng, thêm lớn lậu nghiệp hằng sa trong ba cõi.

Ông "Hiếp Tôn Giả" một đời lưng chẳng đặt xuống chiếu.

Tôn Giả, Trung Thiên Trước nhơn, bổn danh "Nan Sanh", do tại mẫu thai, lục thập niên thỉ sanh nhơn dĩ vi danh, xuất gia niên vãn, đắc ngộ cửu Tổ "Phục Đà Tôn giả" chấp thị tả hữu, vị thường thùy manh nhựt tắc phi duyệt tam tạng, dạ tắc tọa thiền nhơn kỳ hiếp bất chí tịch; cố thế xưng viết : "Hiếp Tôn Giả", tức "đệ thập Tổ hoặc vân cửu Tổ".

"Cao Phong Diệu Thiền Sư" tam niên lập nguyện, bất triêm sàng đẳng.

Nguyên "Cao Phong Diệu Thiền Sư" phược sài vi khám, đông hạ nhất nạp, đảo tòng hòa mê vi thực, hậu vãng "Thiên Mục" sơn tây nham trúc nhất tiểu thất, bằng viết : "Tử Quan" kỳ nhan phi thê mạc đăng, nhi khử thê đoạn duyên, tuy Đệ tử hản đắc chiêm thị cố nội vô sàng đẳng, ngoại tuyệt cấp thị, bất tháo thân, bất trỉ phát, tiệt anh vi đang, tinh nhật nhất thực, tam niên yến như dã. Kim thời xuất gia, giới đức vị cụ, tâm địa vị minh, an hưởng vô ngu, khả bất tự hủy sát hồ, hiệu bất trỉ phát, tự hiệu "Đầu Đà", ninh bất đại mậu tai !

"Ngộ Đạt" thọ trầm hương chi tòa, thượng tổn phước nhi chiêu báo.

Đường "Tri Huyền Pháp Sư" tục tánh "Trần", tam học đổng quán, danh cái nhất thời, dị tích vưu đa, cố thế hiệu vi "Trần Bồ Tát", sư ngũ tuế năng thi, thập tứ giảng NIẾT BÀN kinh, "Lý Thương Ẩn" tặng thi vân :

Thập tứ Sa di năng giảng Kinh.
Tợ sư niên kỷ chỉ huề bình.
Sa di thuyết pháp Sa môn thính.
Bất tại niên cao tại tánh linh.

Ông "Hiếp Tôn Giả" người nước Trung Thiên Trước" tên ngài là "Nan Sanh" (khó sanh). "Nan Sanh" là gì ? Bởi Ngài ở trong thai mẹ sáu mươi năm mới sanh; nhơn đó mà đặt tên là "Nan Sanh", tuổi già xuất gia, được gặp Tổ "Phục Đà Tôn Giả" (tổ thứ chín). Hầu hạ đôi bên, chưa từng ngủ nghỉ, ngày thời dở xem ba tạng, đêm lại ngồi thiền, lưng không đặt xuống chiếu, cho nên người đời nhơn đó đặt cho ông một tên riêng là "Hiếp Tôn Giả" Ngài làm vị "Tổ" thứ mười có chỗ nói "Tổ" thứ chín.

Tổ "Cao Phong Diệu thiền sư" nguyện đứng ba năm chẳng nương giường chõng.

Đời nhà "Nguyên" Tổ "Cao Phong Diệu Thiền Sư" bó củi làm cái khám, mùa đông mùa hạ, một áo nạp, đâm trái tòng trộn cháo mà ăn. Sau qua non "Thiên Mục" gộp phía Tây làm một cái thất nhỏ, bảng đề hai chữ "Tử Quan" (ải chết), gộp đó không thang chẳng lên được; nhưng Tổ lên rồi, rút cả thang và cất cả dây, đệ tử của "Tổ" tuy nhiều, nhưng ít ai thăm viếng được, cho nên trong thất không giường, không chõng, bề ngoài bặt người nuôi dưỡng, thân chẳng tắm, tóc không cạo, khẻ cái hũ làm cái nồi, mỗi ngày ăn một bữa, ba năm lặng trang như vậy. Người xuất gia đời bây giờ, giới đức chưa đủ, lòng dạ chưa tỏ, an hưởng không lo, đâu chẳng hổ mình lắm sao ? Thế mà bắt chước không cạo tóc, gọi mình tu hạnh Đầu Đà, [50] đâu chẳng lầm to ư ?

Ngài "Ngộ Đạt" thọ tòa trầm hương còn tổn phước mà mắc báo.

Đời Đường Ngài "Tri Huyền Pháp Sư" tục kêu họ "Trần", ba việc học làu thông, danh trùm một thuở, tích lạ rất nhiều, nên đời gọi Ngài là "Trần Bồ Tát". Ngài năm tuổi làm thi được, mười bốn tuổi giảng kinh NIẾT BÀN, ông "Lý Thương Ẩn" tặng cho Ngài một bài thi :

Sa Di mười bốn giỏi giảng kinh,
Tuổi cỡ như ông chỉ mang bình.
Sa di nói pháp Sa môn thính, *(nghe).*
Chẳng nghĩ tuổi cao trọng tánh linh,

"Ý Tông" tứ trầm hương bửu tòa, cao nhị trượng dư; "Hi Tông" tứ hiệu viết : "Ngộ Đạt Quốc Sư", nhị đế cúng dường, long hậu phi thường, hậu hốt định trung, kiến Bồ tát giáng, thủ ma "Huyền" đảnh, diễn thâm diệu "Pháp", nhi an úy chi, ngôn ngật tức ẩn, nga kiến nhất châu, nhập "Huyền" tả cổ, long khởi thống thặm, thượng hữu "Triệu Thố" nhị tự, toại thành nhơn. Diện sang, nhị "Huyền" tiền thân, thị Hán "Viên Ấn", tấu trảm Thố yêu ư Đông thị "Huyền" thập thế vi "Cao tăng". "Thố" cầu báo bất đắc. Nhơn quá thọ nhơn chủ lủng ngộ, nhứt niệm danh lợi tâm khởi ư đức hữu tổn, cố năng hại chi, hậu nghệ "Tây Thục", ngộ "Ca Nặc Ca" tôn giả, tẩy dĩ tam muội thủy tức dủ tường như bổn truyện.

Y khả bất giới dư ?

Thử sàng tòa trướng nhục, nãi tứ "Thánh chưởng" trung chinhất, danh "ngọa cụ tri túc thánh chủng", ư thử "tri túc", tắc năng tấn tu đạo nghiệp, chứng tam bồ đề, cố danh "thánh chủng", nhược bất tri túc, tắc đạo quả vô phần, "Thánh chủng" thất hĩ ?

Như "Ngộ Đạt Quốc Sư", kiến giải siêu thời hạnh vị vị trắc, do bất tri túc, nhất niệm tâm khởi, đức tổn họa chí, ngã bối hà nhơn, bất dĩ vi hậu giới tai ?

CỬU VIẾT : BẤT PHI THỜI THỰC

Thật căn, ly quá trung chi vị trần, cố viết, "Bất phi thời thực".

Đời Đường vua "Ý Tông" ban cho Ngài bửu tòa bằng trầm hương, cao hơn hai trượng, thỉnh Ngài ngồi thuyết pháp. Vua "Hi Tông" ban hiệu cho Ngài "Ngộ Đạt Quốc Sư". Hai vua cúng dường long trọng phi thường, sau rồi bỗng nhiên ở trong thiền định thấy vị Bồ tát "Ca Nặc Ca" giáng, tay rờ đầu "Huyền" nói Pháp mầu cao thượng mà an ủi và căn dặn v.v... nói rồi liền ẩn. Bỗng nhiên thấy một hột châu lăn vào cổ vế bên trái của "Tri Huyền" nổi sưng nhức lắm, trên có hai chữ "Triệu Thố" liền thành mụt ghẻ hình mặt người. Xét đời trước của "Tri Huyền" là ông "Viên Ấn" làm quan đời nhà "Hán", tâu vua chém ngang lưng ông "Triệu Thố" tại chợ phía Đông, quả báo bắt đầu từ đây. Bởi "Huyền" 10 đời làm vị "Cao tăng", nên "Triệu Thố" hết sức đòi báo, mà không hại được. Nhơn "Huyền" quá thọ sự yêu đãi của nhà vua, một niệm móng tâm danh lợi, đối đức có tổn, nên "Triệu Thố" mới hại được. Nhưng sau qua đất "Tây Thục" nhờ gặp Ngài "Ca Nặc Ca tôn giả" lấy nước "Tam muội" rửa cho mới lành. Sự tích này rõ trong bổn truyện *(lịch sử của ông)*.

Than ôi ! Khá chẳng răn ư ?

Song giường, mùng, mền, và tọa cụ đây cũng là một món trong bốn món Thánh chủng [51] nên gọi là "Ngọa cụ tri túc thánh chủng". Thế nào là "Tri túc thánh chủng? " Đồ ngồi và nằm, biết vừa đủ chớ quá cao sang, để tấn tu đạo nghiệp, hầu mong chứng quả Bồ đề đức Phật nên gọi "Tri túc thánh chủng". Thế nào không "Tri túc thánh chủng" ? Nếu không tri túc như trên, thời đạo quả vô phần và "Thánh chủng" cũng mất nữa. Nói tóm lại, như Ngài "Ngộ Đạt Quốc Sư" chỗ kiến giải hơn người, ngôi thứ biết bao, bởi không tri túc một niệm móng tâm, đức tổn họa đến. Bọn ta người chi, chẳng lấy đó để răn lớp sau ư ?

ĐIỀU THỨ CHÍN : "KHÔNG ĂN PHI THỜI"

Thế nào " không ăn phi thời" ? Cuống lưỡi đối với món ăn, qua khỏi giữa ngày không ăn, gọi : "Không ăn phi thời

Giải viết : "Phi thời" giả, quá nhất ngọ, phi tăng thực chi thời phần dã, chư Thiên tảo thực, Phật ngọ thực, súc sanh ngọ hậu thực quỉ dạ thực, tăng nghi học Phật, bất quá ngọ thực.

ĐẠI LUẬT vân : "phi thời" giả, hữu nhị phần tề : nhất, vị nhất quá trung; nhị, vị minh tướng vị xuất. Hựu vân : "Nhất ảnh quá tây, nhứt phát nhứt tuyến, tức viết "phi thời". Kim vân : "nhựt ngọ" giả, nãi thuận thử phương chi ngôn; đích y Kinh Luật, ưng vân : "nhất trung".Lương dĩ ngọ phân bát khắc; tiền tứ danh "thời"; hậu tứ "phi thời" khủng nhơn hổn lạm, cố bất ngôn "ngọ" nhi ngôn "trung" dã.

KHỞI THẾ NHƠN BỔN Kinh vân : "Ô phô sa tha" thử ngôn "Tăng Trưởng" vị thọ trì trai pháp, tăng trưởng thiện căn . Cố Phật Giáo dĩ quá "Trung" bất thực, vi trai.

Như TỲ LA TAM MUỘI KINH, dĩ "ngọ" thực vi "pháp" thực. "Bình Sa Vương" vấn Phật : "Hà cố Phật "Nhất trung" thực ? Phật ngôn : "Tảo khởi chư Thiên thực, nhất ngọ tam thế chư Phật thực, nhất Tây súc sanh thực, nhất mộ quỉ thần thực". "Như Lai "dục đoạn lục thú nhơn, linh nhập đạo trung cố chế linh đồng tam thế Phật thực. Sở dĩ "Như Lai" hằng xử trung đạo, tự đán Vương cung nãi chí "Niết bàn" trung gian vị thường "phi thời" đạm thực.

Kim thời học giả, hữu phân "thiền" phân "Luật" tự vị : "Thiền" vô câu chấp, nhậm hám nhậm xan, tắc phóng tứ vô úy, thực vô trú dạ. Ninh tri "Thiền" thị Phật tâm, "Luật" thị Phật hạnh. "Đại thừa" "Tiểu thừa", tất giai đồng học. Cố LUẬT BỔN vân : "Đồng nhứt sư học, như thủy nhủ hiệp; ký đồng nhất "Như Lai Đại Sư" Giáo học, hà đắc "Thiền" "Luật" các phân,

Giải rằng : "Phi thời" là gì ? Quá giờ ngọ, chẳng phải thời phần của ông Thầy ăn vậy... Tại sao thế ? Bởi sớm mai chư Thiên ăn. Giờ ngọ Phật ăn. Sau giờ ngọ loài Súc sinh ăn và tối Ngạ quỉ ăn. Ông Thầy học theo Phật, quá giờ ngọ không ăn.

ĐẠI LUẬT nói : "Phi thời" có chia hai phần : Một, quá giữa ngày. Hai, mặt trời chưa mọc. Lại nói : "Bóng mặt trời qua phía tây, một mảy tóc, một sợi chỉ, tức gọi "Phi thời". Nay nói : chữ "Nhật ngọ" là nói theo lời phương đây, cứ y Kinh Luật thời phải nói chữ "Nhật trung" mới đúng. Bởi vì chữ "Nhật ngọ" có phân tám khắc; bốn khắc trước gọi "Phải thời"; bốn khắc sau gọi là "Phi thời" sợ người lộn lạo nên không nói "Nhật ngọ" mà chỉ nói "Nhật trung" *(mặt trời đứng bóng)*.

Kinh KHỞI THẾ NHƠN BỔN nói : "Tiếng Phạm gọi "Ô phô sa tha", tiếng Hán nói "Tăng trưởng" *(thêm lớn)*. "Thêm lớn" là gì ? Chịu ăn chay giữ giới, thêm lớn căn lành, nên Phật dạy "Không ăn quá "Nhật trung" là chay".

Như kinh TỲ LA TAM MUỘI nói : "Ăn nhật ngọ là "ăn đúng phép". Ông "Bình Sa Vương" hỏi Phật : "Vì sao Phật ăn "nhật trung" ? Phật nói : "Có bốn thời kỳ : 1.- Sớm mai chư Thiên ăn. 2.- Nhật trung thời ba đời chư Phật ăn. 3.- Mặt nhật qua phía tây súc sanh ăn. 4.- Mặt nhật lặn thời Quỉ thần ăn". Đức "Như Lai" muốn đoạn nhơn trong sáu thú, đặng vào lý trung đạo nên chế dạy đồng ăn theo các đức Phật ba đời. Sở dĩ đức Như Lai hằng giữ lý trung đạo, từ khi sanh trong cung vua, cho đến lúc nhập "Niết bàn" chặng giữa chưa từng ăn uống phi thời.

Thế người học đạo đời bây giờ lại chia ra "Thiền" và "Luật", tự nói "Thiền" không câu chấp, ăn uống tự do buông lung không trên, ăn không ngày đêm. Đâu biết "Thiền" là tâm Phật, "Luật" là hạnh Phật. "Đại thừa", "Tiểu thừa" đồng học hết thảy. Nên trong LUẬT BỔN nói : "Đồng học một Thầy như nước và sữa hiệp nhau; song đã đồng học một "Giáo Pháp" của đức "Như Lai Đại Sư", đâu đặng chia phân

như thủy nhủ hiệp, khởi khả hộ tương để độc; hựu giới du nhơn chi y thực, phi y thực, tắc nhơn hề tồn, "Thiền" vô "Luật", tắc tăng an tại.

Cố ĐẠI LUẬT vân : "Tỳ ni tạng" giả; thị "Phật Pháp" thọ mạng, "Tỳ Ni tạng", trụ "Phật Pháp diệc trụ". Thị cố "Như Lai" thùy tương "Niết Bàn", du truân truân hối chúc, sử y "Ba La Đề Mộc Xoa" vi sư; "Ca Diếp" phụng chi chung thân, nhật trung nhất thực. Tổ Tổ truyền trì, vị thường hữu hủy giáo diệt Luật giả, cẩu năng kiến quá "Như Lai", hạnh siêu "Ca Diếp", nhất nhậm hủy chi diệt chi, như hoặc vị nhiên, tốc nghi tri cải, khởi hữu ngộ "Phật Tổ" chi tâm, nhi hủy "Phật Tổ" chi hạnh; Du đọc "Khổng Tử" chi thơ, nhi phi "Khổng Tử" chi lễ thế nho thượng bất khẩn vi, huống Thích Tử học xuất thế chi đạo, nhi nhẩn phỉ "Thích Tôn" chi giáo hồ !

"Ngạ Quỉ" văn oản bát thinh, tắc yết trung hỏa khởi, cố ngọ thực, thượng nghi tịch tịnh huống quá ngọ hồ ?

Yết, hầu dã, do nhơn xan tham, cố đọa ngạ quỉ đạo trung, yết tiểu như châm, phúc đại như cổ, thường vi cơ khát sở bức. Nhược văn oản bát chi thinh, tắc hầu trung phát diệm, nhi tự thiêu nhiên. Ngọ tiền tuy phi Ngạ Quỉ thực thời, thượng nghi tịch tịch, vô linh văn thinh hỏa khởi, nhi thọ thiêu nhiên chi khổ. Huống ngọ hậu, chánh đương quỉ thực chi thời, linh văn thinh kiến thực, tức nội ngoại thiêu nhiên. "Thích Tử" từ tâm, hà nhẩn bỉ khổ, nhi tự an xan. Thị cố nhị thời chúc phạn, du thí thực, chú nguyện, linh bỉ hoạch an, huống phi thời hám thực, sử kỳ sanh khổ; đại quai "Bồ Tát" chi tâm, phi "Thích Tử" chi từ hạnh dã.

"Thiền" và "Luật". Như nước và sữa hiệp nhau, đâu nên chê bai cùng nhau. Huống chi "Giới Luật" cũng như món áo cơm của người; không cơm ăn không áo mặc thì người phải chết. "Thiền" mà không "Luật" ông Thầy đâu còn.

Cho nên trong Đại Luật nói : "Tạng Tỳ Ni" đó là mạng sống của "Phật Pháp". "Tạng Tỳ Ni" còn, là "Phật Pháp" còn. Cho nên đức "Như Lai" khi sắp nhập "Niết bàn", còn khăng khắng thiết tha, những lời trăng trối trong giờ phút cuối cùng, muốn cho các hàng Đệ tử phải giữ theo giới "Ba La Đề Mộc Xoa" làm Thầy, cho nên đệ tử lớn là ngài "Ca Diếp" vưng đó trọn đời, giữa ngày một bữa ăn. Tổ tổ truyền giữ, chưa từng có vị nào chê "Pháp" bỏ "Luật". Dẫu mình đặng sở kiến hơn đức Như Lai, hạnh tu hơn Ngài "Ca Diếp" mặc dầu chê "Pháp" bỏ "Luật", còn như chưa được vậy, mau phải biết chừa, đâu nỡ tỏ tâm của "Phật Tổ", mà chê hạnh của "Phật Tổ". Cũng như người đọc sách "Khổng Tử" mà chê việc lễ của đức "Khổng Tử". Kẻ thế Nho còn chẳng chịu làm, huống trang "Thích Tử" học đạo xuất thế, mà nỡ chê lời dạy của đức "Thích Tôn" hay sao ?!

Loài "Ngạ Quỉ" nghe tiếng chén bát, thời trong cổ nổi lửa; cho nên ăn giờ ngọ, còn phải vắng lặng, huống quá giờ ngọ ư ?!

Trong cổ nổi lửa là gì ? Bởi người đời trước xan tham nên nay đọa trong loài Ngạ quỉ, cổ nhỏ như kim, bụng to như cái trống thường bị đói khát ép ngặt. Nếu nghe tiếng chén bát, thời trong cổ nổi lửa, đốt cháy thân mình. Trước giờ ngọ, tuy không phải giờ Ngạ quỉ ăn, nhưng còn phải vắng lặng, chớ để nó nghe tiếng, lửa cháy mà chịu cái khổ thiêu đốt. Huống chi sau giờ ngọ, chính nhằm giờ quỉ ăn, cho nó nghe tiếng thấy đồ ăn thời trong tâm ngoài thân đốt cháy. Con nhà họ Thích tâm từ, nỡ nào nó khổ mà mình ăn đành. Cho nên hai thời cháo cơm, còn thí thực, chú nguyện cho nó đặng yên; huống ăn uống phi thời, khiến kia sanh khổ. Rất trái tâm vị Bồ tát, chẳng phải hạnh từ của trang Thích Tử.

Tích hữu "Cao Tăng", văn lân phòng tăng, ngọ hậu cử thoán, bất giác thế khấp bi "Phật Pháp" chi suy tàn dã.

"Thoán" âm "Thoán", tấn hỏa viết : "Thoán". Khí thượng viết "Xuy" vị, cữ hỏa chữ thực dã.

Tích "Pháp Huệ Thiền Sư", trụ Nghiệp tự, văn lân phòng "Tỳ kheo", ngọ hậu cử thoán, tự niệm khử "Thánh" thời diêu, nhơn đa bất thủ "Giới Luật" nhơn thương "Phật Pháp" chi suy tàn, bất giác lệ hạ triêm khâm. Kim nhơn ký vô cổ "Hiền" hộ "Pháp" chi tâm, nhi phản sanh hủy báng an nhiên vô quý khả hồ !

Tống "Huy Tông" hoặc vu Đạo Sĩ "Lâm Linh Tố" yêu ngôn : cãi Phật vi Đạo, Pháp Sư "Vĩnh Đạo" thượng sớ trần gián."Đế" đại nộ, thâu Vĩnh phú "Khai phong" ngục "Thung Lăng" Thú, Vị sư viết : "Đạo nhơn" sơ thực thả bất quá trung, thậm phi tự toàn kế, nghi như huân huyết. Sư chẩn nhiên viết : "tử tắc tử nhĩ""Phật" cấm bất khả phạm dã" Hựu Đường Pháp Sư""Ngộ Ân" tự "Tu Kỳ" thời xưng "Nghĩa Hổ" bình thời nhất thực, bất ly y bát, bất súc tài hóa, thần chúc thân thị minh tướng, mỗi "Bố Tát". Đại chúng vân tập, tiềm nhiên lệ hạ. Cái tư đại tập, hữu : "Vô giới Tỳ kheo mãn Diêm Phù" chi ngôn dã.

Kim nhơn, thể nhược đa bệnh, dục sác sác thực giả, hoặc bất năng tri thử giới, cố cổ nhơn xưng vãn thực vi dược thạch, thủ liệu bịnh chi ý dã, tất dã tri vi "Phật" chế, sanh đại, tàm quý, niệm ngạ quỉ khổ, thường hành bi tế, bất đa thực, bất mỹ thực, bất an ý thực, thứ cơ khả nhĩ.

Xưa có vị "Cao Tăng", nghe ông Thầy gần liêu, sau giờ ngọ nổi lửa, thoạt vậy sa nước mắt thương "Phật Pháp" rất suy tàn.

Nhúm lửa gọi chữ "Thoán". Hơi xông lên gọi chữ "Xuy" cũng đồng một nghĩa nhúm lửa nấu đồ ăn.

Xưa ông "Pháp Huệ Thiền Sư" ở chùa ấp "Nghiệp", nghe ông "Tỳ kheo" gần liêu, sau giờ ngọ nổi lửa nấu đồ ăn. Tự nghĩ : "Cách Phật lâu đời, nhiều người không giữ giới luật, nhơn thương "Phật pháp" suy đồi bùi ngùi rơi lụy ướt "bôi" (áo). Người đời bây giờ đã không tâm hộ "Pháp" như các vị "Cổ Hiền" mà trở sanh tâm hủy báng, đành lòng không hổ hay sao ?"

Đời Nhà Tống vua "Huy Tông", nghe lầm lời yêu nghiệt của đạo sĩ, ngươi "Lâm Linh Tố" cãi đạo Phật theo Đạo Sĩ. Pháp sư "Vĩnh Đạo" dưng đơn tỏ bày và can gián. "Vua" nổi giận bắt "Vĩnh" giam trong ngục ở huyện "Khai Phong", Quan Thái Thú đất Thung Lãng bảo pháp sư rằng : "Người tu ăn chay và quá "Nhất ngọ" không ăn, rất không được kế bảo toàn. Vậy thì nay Sư nên ăn đồ huân Huyết. Sư nghẹn ngùi và nói : "Chết thời chết chớ giới cấm của Phật, không nên phạm vậy." Lại đời Đường ngài pháp sư "Ngộ An" tên "Tu Kỹ" đời kêu pháp sư "Nghĩa Hổ" thường ngày ăn một bữa, chẳng lìa y bát, chẳng chứa của cải, thời cháo mơi, ra coi mặt trời mọc mới ăn, mỗi khi Bố tát Đại chúng vân tập tủi lòng rơi lụy. Bởi ngài nhớ trong kinh ĐẠI TẬP có câu : "Vô giới Tỳ kheo, mãn Diêm Phù Đề". Nghĩa là : "Tỳ kheo không giữ giới, chật nứt cõi Diêm Phù Đề".

Người đời bây giờ vóc yếu nhiều bệnh muốn ăn hoài hoài, hoặc giữ không nổi giới này. Cho nên bực cổ nhơn nói bữa ăn chiều cũng như vị "Dược thạch" *(thuốc hay, lấy cái ý lành bệnh)*. **Tuy vậy, nhưng biết trái lời Phật dạy sanh tâm rất hổ thẹn và thương khổ "Ngạ quỉ", thường thực hành việc bi tế, chẳng ăn nhiều, chẳng ăn ngon, chẳng đành lòng ăn, họa may mới được.**

"Sác giả" *(tân)* đã "Dược thạch" giả, cổ châm chích trị bệnh dụng thạch, kim tắc dụng thiết, dĩ tồn kỳ bổn, cố vân : "dược thạch". Hựu ngũ thạch năng trị bệnh, diệc danh "dược thạch". Cổ nhơn xưng văn thực, vi "dược thạch" giả; nãi "cổ đức" quán cơ, nhất thời quyền nghi dã.

Ký vân : "Tất tri vi "Phật" minh chế, tắc bất khả chấp quyền mê thiệt, dĩ vi thường đồ quy tắc, y pháp bất y nhơn phương vi chánh kiến "Phật tử". Dĩ tất tri vi "Phật" chế, cố sanh đại tàm quý, do tàm quý cố, bất an ý thực, niệm ngạ quỉ khổ, cố thường hành bi tế. Dĩ bi tế cố, ư thực, tâm bất an ý sanh mỹ, nhi giảm phần thí tha, cố bất đa thực dã. Như hữu trọng bệnh, phi cốc bất trị y giáo linh thực, thính ư bình xứ dữ chi, ta dĩ tức tu đoạn tuyệt; huống liệu bệnh, tự hữu thang, cao, hoàn, tán. "Như Lai" thính phục ngũ quả bát tương, đường mật tô du, túc dĩ dủ tật, hà dụng hám tước, thiên vi "Phật giáo", tự chiêu tội lụy. Cố "Thiên Thai" vân : "Bệnh cố hủy giới, như phá phù nang, tích nung huyết xú thân, phá thanh tịnh pháp thân".

XỨ XỨ Kinh vân : "Phật ngôn : "Trung hậu bất thực hữu ngũ phước : Nhất, thiểu dâm. Nhị, thiểu thùy. Tam, đắc nhất tâm. Tứ, thiểu hạ phong. Ngũ, đắc thân an ổn; diệc bất tác bệnh; ký vân an ổn, phục bất tác bệnh, tắc hữu bệnh chánh nghi giới chi". Cổ vân : "Họa tùng khẩu xuất, bệnh tùng khẩu nhập". Cố ĐẠI LUẬT trung : "Tỳ kheo hữu bệnh, tức linh đoạn thực, dĩ ta vi độ, danh vi "Thiên y"; hữu bệnh vô bệnh, thường đương quan sát thử thân, vi "Sanh" "Lão" "Bệnh" "Tử" chi bổn, chúng khổ chi nguyên, thâm tự khắc trách, chế kỳ tình dục, hà dĩ túng bỉ ái căn, tự tăng khổ bổn ?

"Ăn hoài hoài" cũng như : thường thường ăn. "Dược Thạch" là gì ? Tức thuốc đá. Sao gọi là thuốc đá ? Hồi xưa, lấy thứ đá mài thành kim, chích trị bệnh, cũng như bây giờ dùng sắt làm kim để tiêm thuốc, còn giữ gốc xưa cho nên gọi là "Dược thạch" (thuốc đá). Lại năm thứ đá[52] có thể trị lành bệnh cũng kêu là thuốc đá. Tại sao Cổ-nhơn nói bữa ăn chiều là thuốc đá ? Chính vị "Cổ Đức" xem cơ người đời, một khi quyền cho vậy.

Đã nói rằng : "Vẫn biết trái lời minh chế của đức "Phật", thời không nên chấp phép quyền, bỏ phép thiệt, lấy làm phép tắc thường hoài. Y pháp chẳng y người, mới phải là vị "Phật tử chánh kiến". Vì ắt biết trái pháp Phật nên sanh tâm rất hổ thẹn. Do vì hổ thẹn, nên chẳng nỡ đành ăn, do vì thương khổ "Ngạ quỉ", nên thường làm việc bi tế. Do vì bi tế nên khi ăn tâm chẳng nỡ đành sanh ngon, mà giảm phần cho nó, nên chẳng ăn nhiều vậy. Bằng có bệnh nặng, không cơm chẳng trị đặng, thầy thuốc dạy phải ăn, cho ở trong chỗ khuất mà ăn, lành rồi thời phải đoạn tuyệt, huống trị bệnh sẵn có thuốc cao, thuốc hoàn, thuốc tán. Như đức "Như Lai" cho ăn năm thứ trái [53], uống tám thứ nước [54], đường mật và vị tô du, đủ dùng lành bệnh, nào dùng ăn nhai, mích trái lời "Phật" dạy, lại mang việc tội lỗi. Cho nên Ngài "Thiên Thai" nói : "Có bệnh quyết phá giới, như phá trái nổi, tiếc thân máu mủ hôi thúi, mà phá pháp thân thanh tịnh".

Kinh XỨ XỨ nói : "Phật dạy sau nhật trung không ăn có năm việc phước : Một, ít dâm. Hai, ít ngủ. Ba, đặng nhất tâm. Bốn, ít hạ phong. Năm, thân được yên ổn khỏi sanh bệnh. Đã nói thân yên ổn, và khỏi sanh bệnh, thì lúc có bệnh, chính phải răn dè". Người xưa nói : "Họa từ miệng ra, bệnh từ miệng vào". Cho nên trong ĐẠI LUẬT: "Thầy Tỳ kheo có bệnh tức phải nghỉ ăn, lấy lành làm chừng, kêu là "thuốc Trời". Có bệnh không bệnh thường phải quán xét thân này là gốc "sanh", "già", "bệnh", "chết" nguồn các khổ, rất phải trách móc, ngăn tình dục, cớ sao buông ái căn kia, lại thêm gốc khổ cho mình !?

Cố PHÁP UYỂN vân : "Duy vô thường khổ, không chi bỉ, niệm sanh, lão, b¸nh, tử, chi hoạn, trường dạ bỉ đảo huyền chi khổ, phiêu luân hảm trụy chi nịch tư chi thống thương, diệc thâm khả cụ, nhi bất cụ lụy kiếp chi ương, đản ưu nhất thân chi mạng; sở dĩ bảo thực trường miên, hà dị đồn khuyển, phá trai dạ thực, quỉ đạo vô thù, thị cố thí chủ thất ứng thời chi phước. Chúng Tăng tổn lương điền chi chưởng, tỉ kiến "Biên phương" đạo tục, văn LUẬT khai thực quả trấp tương, toại tức thực căn táo trấp, hoặc sanh lê, bồ đào, thạch lựu, bất đảo trấp ẩm, tinh tử tổng thực, tuy hữu đảo trấp, phi trừng sử thanh, thủ trược nung trấp, tinh tể nhi thực. Hoặc hữu văn khai thực "Xá lâu già tương" dĩ hoạn nhiệt bệnh, toại thủ ngẫu căn sanh thực, hoặc hữu thủ phạn trấp ẩm, hoặc vô cơ khát, phi thời thực tô, du, mật, thạch mật, đẳng; hoặc dụng hạnh nhơn, tiển, tác trù thang, như thử lạm giả phi nhất bất khả cụ thuật.

Như hoặc bất nhiên, đắc tội dị trọng.

"Dị", "đại" dã, thậm dã. Như hoặc bất nhiên giả vị vô bệnh nhi thác bệnh, khinh bệnh nhi thác trọng, phục bất sanh đại tàm quý đẳng nhi hủy Phật cấm giới, đắc tội phi khinh, cố viết : "Dị trọng". Cận thế "A Sư", bất am Luật giáo, vị hữu thất sự nhơn duyên, phi thời đắc thực, viết; bệnh thời, tác y thời, thí y thời, đạo hành thời, thừa thuyền thời, đại chúng tập thời, sa môn thí thực thời. Nguyên thử thất sự, xuất "biệt chúng thực" giới, khai kỳ ngọ tiền, hữu thử thất duyên, đắc biệt chúng thực, phi vị ngọ hậu; thả dử "phi thời thực" giới, huỳnh bất tương can. Luật hữu minh văn, hà bất kiểm khán ? Nhị bá ngũ thập giới tướng, thượng tự bất tri, nhi xưng vi "Tỳ kheo" giả; ninh bất quý tai ? Tự ngộ, ngộ nhơn, quá phi, tiểu hĩ.

Trong bộ PHÁP UYỂN nói : "Nghĩ cái thảm vô thường, khổ, không lo cái hại Sanh, Già, Bệnh, Chết, nhiều đêm thương cái khổ treo ngược, trôi lăn, đắm đuối, đọa sa, nhớ đến càng đau cũng rất ghê và đáng sợ, mà không sợ cái hại nhiều kiếp chỉ lo cái mạng một thân này. Thế nên mới ăn no, ngủ đã, khác nào heo chó, phá giới, ăn đêm, thua gì loại quỉ, cho nên người thí chủ mất phước cũng phải thời. Chúng Tăng tổn giống ruộng tốt. Gần đây tôi từng thấy chốn "Biên Phương" kẻ đạo, người tục, nghe trong "Luật" mở cho uống nước trái cây, liền bèn ăn trái táo khô mà uống nước, hoặc ăn lê tươi, trái nho và lựu chẳng đâm lấy nước mà uống, ăn luôn cả hột, tuy có đâm nước chẳng lóng cho trong, uống nước cặn cáu và ăn vừa xác. Hoặc nghe "Luật" cho ăn trái "Xà lầu dà tương", để trị bệnh nhiệt, rồi lấy ngó sen ăn sống; hoặc có người uống nước cơm; hoặc khi không đói khát, phi thời ăn sữa, mật, đường phèn v.v... hoặc lấy trái Hạnh nhơn, sắc nước cho đặc mà uống. Người quấy như đây chẳng phải một, không thể biên đủ.

Như hoặc chẳng được vậy thời mắc tội rất nặng.

Tội "to lớn" gọi *(tội rất nặng)*. Nhưng hoặc chẳng đặng vậy là gì ? Không bệnh mà giả bệnh, bệnh nhẹ mà giả nặng để ăn, lại chẳng sanh tâm rất hổ thẹn v.v... mà hủy cấm giới của Phật, mắc tội chẳng phải nhẹ cho nên nói là "di trọng" *(rất nặng)*. Đời bây giờ những ông Thầy thất học, không thuộc Kinh Luật, nói có bảy việc nhơn duyên được ăn phi thời. Bảy việc nhơn duyên là gì ?

Một, khi bệnh. Hai, khi đóng y. Ba, khi cúng y. Bốn, khi đi đường. Năm, khi đi ghe. Sáu, khi đại chúng nhóm. Bảy khi Sa môn thí cho ăn. Nguyên bảy việc đây, rút trong giới "Biệt chúng thực", nghĩa là : Luật khai cho trước giờ ngọ, có bảy duyên đây được ăn riêng chúng, chẳng phải nói sau giờ ngọ. Vả chăng, giới "Biệt chúng thực" đối với giới "Phi thời thực" đây cách xa, không giống nhau. Trong văn Luật có nói rõ sao chẳng xét coi ? Hai trăm năm mươi giới tướng mình còn chẳng biết, mà xưng là "Tỳ kheo" đó. Sao chẳng hổ ư ! Mình lầm còn khá, lại lầm cho người khác, tội chẳng phải nhỏ vậy.

Tích "Phó Đại Sĩ", thị "Di Lặc Bồ Tát" hóa thân, mỗi hành thanh trai, cảnh nhựt bất thực, giảm xan di thí bần nổi. Kim giả nhị thời bảo thực, du bất tri quý, cố vi "Phật chế", bất quan "Tổ Đức", bất niệm tha phạp, yên đắc danh vi "hảo tâm xuất gia".

Hoặc viết : "Vĩnh Gia" vân : "Đại ngộ bất câu ư tiểu tiết, hề tại tỏa tỏa hành trì ? - Đáp viết : "Tư minh "thật tế lý địa" bất thọ nhứt trần, trí ư "Chơn Như Phật tánh" thượng bất lập, huống kỳ tha tiểu tiết hồ ? Như vân : "dâm phòng tửu tứ" vô phi "thanh tịnh đạo tràng" cẩu chấp. "Sự" ngôn chi, tắc nhập "Địa ngục" như tiển. "Ca Diếp" kiết tập, du bất xả vi tế chi giới, hà vân bất câu ? Nhược kỳ thượng thượng căn nhơn, đắc sự sự vô ngại, tắc vạn sự môn trung, bất xả nhứt pháp, hựu hữu hà tiểu tiết nhi kiến câu da ?

- Hoặc viết : "Hữu nhị Tỳ kheo phạm dâm, sát, Ba Ly, tăng tội kiết, Duy Ma, đốn trừ nghi, thử phục vân hà ?".

- Đáp viết : "Tư minh vô tâm phạm dã; bỉ nhị "Tỳ kheo" cọng trụ sơn am, nhất ngoại xuất du hành, nhất tại am tọa thiền thùy thục. "Tiểu Nữ" nhập am, thâu phạm tịnh giới, tự tâm bất duyệt. Bỉ ngoại xuất giả huờn, cu trần thượng sự, bỉ tức sân trục "Tiểu Nữ". Nữ bố đọa khanh nhỉ tử; Nhị tâm cu hoài ưu não, nhứt do vô tâm phạm "dâm", nhất do vô tâm phạm "Sát". Dĩ sơ Như Lai kiết giới, vị chế "Vô tâm bất phạm", cố "Ba Ly", cứ sự kiết tội; cẩu kỳ hữu tâm, tiện hoạch "A Tỳ". Nghiệp hĩ Túng đắc "Yết ma", cẩn miễn "Địa Ngục", hiện sanh ninh hoạch chứng ngộ. Nhược dĩ dâm, sát vi tiểu tiết, bất tri cánh dĩ hà vi đại tai ?!

Xưa Ngài "Phó Đại Sĩ" là "Di Lặc Bồ tát" hóa thân mỗi ngày tu thanh trai, trọn ngày không ăn, giảm phần ăn để thí cho kẻ nghèo đói. Người đời bây giờ, hai bữa ăn no, còn không biết trên, quyết trái lời "Phật" dạy, chẳng xem vị "Tổ Đức", chẳng thương người thiếu ngặt, đâu đặng kêu là "Hảo tâm xuất gia".

Có người nói : Ông "Vĩnh Gia" nói như vầy : "Bực đại ngộ, không chấp đến việc nhỏ, cần gì giữ làm những giới tẩn mẩn ? Đáp : "Đó là nói chỗ "Lý thật tế" chẳng dính một mảy trần, đến chỗ "Chơn như Phật tánh" còn chẳng lập, huống chi việc nhỏ kia ư ? Như nói : Phòng dâm, quán rượu cũng là "Thanh tịnh đạo tràng". Bằng chấp "Sự" nói, thời vào "Địa ngục" mau như tên bắn. Kìa ông "Ca Diếp" kiết tập còn chẳng dám bỏ những giới tẩn mẩn, sao nói chẳng chấp ? Nếu như người thượng thượng căn, được mọi sự không ngăn ngại, thời muôn việc trong nhà Phật không bỏ một việc, lại có việc nhỏ nào mà còn chấp ư !?

- Hỏi : "Có hai ông "Tỳ kheo" một ông phạm giới "Dâm", một ông phạm giới "Sát", ông "Ba Ly" buộc thêm tội, ông "Duy Ma" liền dứt nghi. Việc đây như thế nào ?"

- Đáp : Đó là nói về vô tâm mà phạm vậy; bởi hai ông Tỳ kheo kia ở chung am trong núi. Một ông ra ngoài đi dạo; một ông ở trong am ngồi thiền ngủ quên. Con gái ông Tiều vào am lén phạm tịnh giới. Ông "Tỳ kheo" trong tâm chẳng vui. Bấy giờ ông ra ngoài kia lúc trở về, nghe đủ công chuyện như trên đã thuật, ông buồn và giận, liền đuổi "Tiều Nữ". Nữ sợ chạy sa hầm mà chết. Hai ông trong tâm đều lo, buồn, rầu. Vì sao ? Bởi một ông vô tâm mà phạm giới "Dâm". Một ông vô tâm mà phạm giới "Sát". Vì ban đầu đức Phật Như Lai kiết giới chưa lập giới "vô tâm bất phạm". Cho nên Ngài "Ba Ly" kiết tội theo sự tướng "Giới thân" cũng không có lỗi. Nếu thiệt hai ông kia cố tâm mà phạm "Dâm" phạm "Sát", bèn đọa tới "Địa Ngục A Tỳ". Dù được pháp "Yết Ma Sám Hối" họa may khỏi tội "Địa Ngục", nhưng đương đời đâu đặng chứng ngộ. Nếu cứ nói "Dâm", "Sát" là việc nhỏ, chẳng biết lại lấy việc chi làm lớn ư ?"

- Hoặc viết : "Dõng Thí" suy tội tánh, liễn bất khả đắc, tức vãng Đông phương đốn thành "Chánh Giác" hà ngôn bất hoạch chứng ngộ ?

- Đáp viết : "Dõng Thí", nãi tái lai Bồ tát thị hiện, tỉ hậu thế sám hối giả, đạt tội tánh không, diệt nghiệp căn bổn; thiết phi tái lai, hề năng thành "Phật" chi tốc. Cố vân : "Đa kiếp tằng vi "Nhẫn nhục" Tiên, minh phi nhất sanh dã; như hoặc bất thiên, thỉnh tự suy khán chư Phật vô lượng thần thông diệu dụng, nhử kim bá vô nhất năng, hà do đốn thành "Chánh Giác" sự, lý, tánh, tướng, xúc mục mang nhiên, như hà bất câu tiểu tiết; tham sân mãn phúc, ngã nhơn điên hung, vị năng văn báng như ẩm cam lồ, hà tùng đốn nhập bất tư nghị, khởi bất văn "thừa" "giới" cu cấp, như điểu lưỡng dực, cao tường tiêu hớn, phò diêu vạn lý, đắc vô khoái tai ? Thoảng nhất vọng sanh tà giải, tức lạc khoát đạt không, bát nhơn quả, tác tại tâm,ương tại thân hỉ; như hoặc bất tín, đương quán hạ văn.

"Y khả bất giới dư ?"

ĐẠI LUẬT vân : "Sa môn Thích Tử", ninh tự phá phúc, bất ưng dạ thực".

SA DI NI GIỚI kinh vân : Nhược "Quốc vương", "Trưởng Giả", quá nhật trung thí, diệc bất đắc thực chung tử bất phạm dã".

ĐẠI THỪA LIÊN HOA TẠNG kinh vân : "Thọ Phật cấm giới, bất hộ tương lai, các ngôn : "Ngã thị y "Đại thừa" pháp; du như minh dạ, các tự thuyết ngôn : "Ngã đắc "Phật Pháp", thọ "Thiết Tương Địa Ngục", tùng Địa Ngục xuất, ám á lung manh, bất kiến Chánh Pháp".

Hựu XÁ LỢI PHẤT VẤN kinh vân : "Phật cáo Xá Lợi Phất ; Phi thời thực giả, thị phá giới nhơn, thị

- Hỏi : "Ông "Dõng Thí" xét tánh tội vốn không phải có, liền qua phương Đông trọn thành "Chánh Giác", sao nói không đặng chứng ngộ".

- Đáp : "Chú có biết ông "Dõng Thí" không ? Ông "Dõng Thí" chính là ông "Bồ tát" tái lai thị hiện, khiến cho đời sau, các người Sám Hối, rõ tánh tội vốn không diệt căn bổn nghiệp. Nếu không phải "Bồ tát" tái lai, đâu đặng thành Phật rất mau. Cho nên Kinh nói : "Nhiều kiếp từng làm ông Tiên "Nhẫn Nhục", rõ chẳng phải một đời vậy". Như chú không công nhận, xin chú nghiệm xét ba điều : 1.- Các đức Phật có vô lượng thần thông diệu dụng, chú nay trăm phần không được một, do đâu mau thành "Chánh Giác" Sự, Lý, Tánh, Tướng ngó tới là mang nhiên, làm sao chẳng câu, chẳng chấp việc nhỏ. 2.- Lòng tham sân đầy bụng, nhơn, ngã chật hông, chưa đặng nghe người chê, như uống nước cam lồ, từ đâu mau vào bực "Bất tư nghị". 3.- Đâu chẳng nghe KINH GIÁO Giới Luật[55] đều cần như chim hai cánh, bay liệng trời xanh gió Phò Diêu ở dưới muôn dặm, đâu không khoái ư ? Tóm lại, thoảng như chú một phen, quấy sanh tâm tà giải, liền mắc vào cái chấp không trống rỗng, chê nhơn quả; đời nay tâm chú gây tội, đời sau thân chú chịu khổ. Bằng chú không tin lời tôi, xin xem văn sau đủ rõ.

"Than ôi ! Khá chẳng răn dè ư ?"

Trong ĐẠI LUẬT nói : "Sa môn Thích Tử" thà mổ bụng mình, chớ nên ăn đêm".

Kinh SA DI NI GIỚI nói :"Hoặc vị "Quốc Vương", bực "Trưởng giả" quá nhật trung, cúng đồ ăn cho ta, cũng không nên ăn, dù chết chớ không phạm vậy".

Kinh ĐẠI THỪA LIÊN HOA TẠNG nói : "Thọ giới cấm "Phật" không giữ đến sau, cứ nói : "Ta đây y pháp Đại thừa", khác nào kẻ đi đêm, lại nói rằng : "Ta đặng pháp Phật chuốc lấy "Địa Ngục Thiết Tương", từ Địa Ngục ra, câm, ngọng, đui, điếc, chẳng thấy chánh pháp".

Lại trong kinh XÁ LỢI PHẤT VẤN, Phật bảo ông, Xá Lợi Phất rằng : "Những người ăn phi thời là người phá giới,

phạm đạo nhơn, thị lại bệnh nhơn, hoại thiện quả cố, phi ngã đệ tử", đạo ngã pháp lợi, đạo danh, đạo thực, nhất đoàn, nhất toát, phiến diêm, phiến thố, tử đọa, "Tiêu Trường Địa ngục", thôn nhiệt thiết hoàn, tùng "Địa Ngục" xuất sanh trư cẩu trung, thực chư bất tịnh, cập sanh ác điểu, nhơn quái kỳ thanh, hậu sanh ngạ quỉ, huờn ư tự trung, tại thanh xí nội, hám thực phẩn uế, tịnh bá thiên vạn tuế, cánh sanh nhơn trung bần cùng hạ tiện, nhơn sở yểm ố, sở hữu ngôn ngữ nhơn bất tín dụng. Bất như đạo nhất nhơn vật, kỳ tội thượng khinh cát đoạt đa nhơn, lương hựu, phước điền, đoạn tuyệt "xuất thế" đạo cố. Thị đại kiếp tặc thị tức ngạ quỉ, vi tội khốt trạch kỳ thời thực giả, thị tức phước điền, thị tức xuất gia, thị tức "Thiên" "Nhơn" lương hữu, thị tức "Thiên Nhơn" "Đạo, Sư". Như Phật sở thuyết, linh nhơn mao cốt tủng nhiên. Hà vị nhất xan chi thực, di lụy chí thử, kỳ hữu trí giả, khả bất thâm giới dư !!!?

THẬP VIẾT : BẤT TRÓC TRÌ SANH TƯỢNG, KIM NGÂN BỬU VẬT.

"Thân" ly lợi dục, cố viết : "Bất tróc sanh tượng".

Giả viết : "Sanh", tức kim dã. "Tượng", tợ dã. "Tợ" kim giả, ngân dã, vị kim sắc sanh bổn tự huỳnh, ngân khả nhiễm huỳnh, tợ kim dã.

Thử "Hồ", "Hớn" song cử dã. "Hớn" ngôn : "Kim ngân". "Hồ" ngôn : "Sanh tượng".

ĐẠI LUẬT vân : "Sanh Sắc", "tợ sắc" thị dã, "Sanh tắc" giả, vị kim sanh bổn tự huỳnh sắc, bất khả biến cải dã. "Tợ sắc" giả, vị ngân khả nhiễm biến vi huỳnh sắc; như dĩ "Thạch Huỳnh" chữ ngân, linh tợ kim dã. Hồ ngôn dã, lương do dịch nhơn, tùng "Thiên Trước" lai, lộ kinh "Hồ" Địa, truyền bỉ

là người phạm tội ăn trộm, là người bệnh lát, vì hư quả lành, chẳng phải đệ tử ta. Trộm pháp ta mà cầu lợi, trộm danh, trộm đồ ăn, một vốc, một nắm, chút muối, chút giấm, chết đọa "Địa Ngục Tiêu Trường", nuốt hoàn sắt nóng, từ trong "Địa Ngục" ra, sanh trong loài heo chó, ăn những đồ bất tịnh, kịp sanh làm chim ác, tiếng kêu ai cũng ghét, sau sanh trong loài "Ngạ Quỉ", lết về trong chùa ở trong nhà xí, ăn uống đồ nhơ nhớp cả trăm nghìn muôn năm; lại sanh trong loài người bần cùng hạ tiện, người hay chán ghét, dẫu nói lời chi không ai tín dụng. Chẳng bằng trộm vật của một người, tội còn nhẹ hơn. Vì sao ? Bởi phá giới ăn "phi thời" cướp giựt của nhiều người, ruộng phước tốt đẹp, đoạn mất đạo "xuất thế" vậy. Ấy là thằng giặc rất to. Ấy là chú "Ngạ Quỉ" bự, là nhà chứa tội. Còn người ăn "phải thời" như thế nào ? Kẻ ăn "phải thời", tức là ruộng phước, tức là người xuất gia, tức là bạn lành cõi "Nhơn" cõi "Thiên", tức là vị Đạo sư cõi Nhơn Thiên. Như Phật ngài nói khiến người dựng lông dửng óc, đứt thần kinh. Vì sao trong một bữa ăn mang hại đến đỗi, những người có trí, há chẳng răn dè lắm ư !!!?

ĐIỀU THỨ MƯỜI : "KHÔNG ĐƯỢC CẦM GIỮ ĐỒ SANH TƯỢNG, VÀNG BẠC VẬT BÁU".

"Thân" không dục lợi, cho nên nói : "Không cầm nắm sanh tượng".

Giải rằng : Chữ "Sanh" là *(vàng thật)*. **Chữ "Tượng" là** *(vàng giả)*. **Vàng giả là** *(bạc)* **vậy. Vì bạc nhuộm vàng, cho nên giống vàng chớ không phải bản chất nó sẵn màu vàng vậy.**

"Vàng" đây, nói theo tiếng nước "Hồ" và nước "Hán" *(Tàu)* có hai tên : 1.- Tiếng nước Hán nói : "Kim ngân". 2.- Tiếng nước Hồ nói : "Sanh tượng". Trong ĐẠI LUẬT nói có hai nghĩa : Một, "Sanh sắc". Hai, "Tợ sắc". "Sanh sắc" là gì ? "Chất vàng thật ", nghĩa là : Chất vàng sẵn có sắc vàng, không bao giờ biến đổi vậy. "Tợ sắc" là gì ? "Chất vàng giả". *(Nghĩa là ; lấy bạc nhuộm màu vàng, trở thành sắc vàng).* Như lấy vị "Thạch Huỳnh" nấu chung với bạc làm cho bạc

"Hồ" ngữ, dịch vi "Hoa" ngôn; nhược chuẩn "Thiên Trước Phạm Âm", hô kim, vi "Tô Phạt La", hô ngân, vi "A Lộ Ba", tuy đắc tư danh, nhiên diệc vị tường kỳ nghĩa, hoặc hữu danh vô nghĩa, ngũ bất phiên trung chi nhứt; như thử phương kim, ngân, diệc hữu danh vô nghĩa, cứ thượng thế, vị "ngân" vi "càn hống", vị "thủy ngân", vi "dược ngân", chi thiểu biệt nhĩ.

"Bửu" giả, (thất bửu chi loại dã).

Nhất "Kim". Nhị "ngân". Tam "Tì Lưu Ly". Tứ "Pha lê", tức *(thủy ngân)*. Ngũ "Xa cừ". Lục "Mã Não" Thất "Xích trân châu", kỳ dư : "san hô" "hổ phách", "nhật châu", "nguyệt châu", "ma ni châu" đẳng, giai bửu chi loại dã.

Kinh vân : "Nãi chí bất đắc tập lộng binh trượng".

Giai trưởng tham tâm, phòng phế đạo nghiệp; cố "Phật" tại thế thời, tăng giai khất thực; bất lập yên thoán, y phục phòng thất, tất nhậm ngoại duyên, trí kim ngân ư vô dụng chi địa, tróc trì thượng cấm, thanh khả trì hĩ.

Kim, ngân, thất bửu giai tăng trưởng nhơn tham ái chi tâm, cố phòng phế tu hành đạo nghiệp, "tham" vi "quỉ súc" chi căn, "ái" vi sanh tử chi bổn. "Như Lai" xuất thế, nguyên vị đoạn tuyệt chúng sanh, sanh tử căn bổn, cố linh viễn ly thế lợi; y thực phòng xá ký nhậm tha thí, cố trí kim ngân ư vô dụng chi địa. Hậu nhơn bệnh "Tỳ kheo", nãi thính

giống vàng vậy. Tại sao có tiếng nước "Hồ" ? Vì bởi người dịch Kinh, từ nước "Thiên Trúc" về "Trung Hoa", con đường đi ngang qua địa giới nước "Hồ", nên đem tiếng nước "Hồ" dịch làm tiếng nói "Trung Hoa". Còn nước "Thiên Trúc" kêu vàng bạc là gì ? Theo tiếng Phạm, âm của nước "Thiên Trúc" kêu vàng là "Tô Phạt La", kêu bạc là "A Lộ Ba". Tên như vậy, nghĩa là sao ? Tuy được tên như vậy nhưng cũng chưa rõ nghĩa của nó. Vì có tên mà không nghĩa, như thứ vàng bạc ở phương đây, có tên mà không nghĩa. Cứ theo đời trước, kêu bạc có ba tên. Một, "Càn Hống", Hai "Thủy ngân", Ba "Dược ngân". Chất tuy đồng nhưng tên có hơi khác. *(Nay nói vàng bạc là một tên trong năm tên không dịch nghĩa).*

"Vật báu" *(là : bảy thứ báu vậy).*

Bảy thứ báu là gì ? 1.- "Vàng". 2.- "Bạc". 3.- "Ngọc Tỳ Lưu Ly". 4.- "Ngọc Pha Lê" tức *(là : ngọc Thủy Tinh).* 5.- Ngọc "Xa-Cừ". 6.- Ngọc "Mã Não". 7.- Ngọc "Xích trân châu". Còn bao nhiêu ngọc báu như là : "San Hô", "Hổ Phách", "Nhật Châu", "Nguyệt Châu", "Ma ni châu" v.v... đều là các thứ ngọc báu vậy.

Kinh THẬP GIỚI nói : "Nhẫn đến không đặng tập dượt đồ binh trượng".

Đều thêm lớn lòng tham, hư hại đạo nghiệp. Cho nên đức "Phật" khi còn tại thế, ông Thầy đều đi khất thực không sắm lò bếp ; áo cơm phòng nhà đều nhờ thí chủ duyên ngoài ủng hộ ; đã nhờ duyên ngoài ủng hộ, dù có cầm nắm vàng bạc, cũng thành chỗ vô dụng. Cầm nắm còn cấm, khá biết chỗ thanh nhã thế nào.

Vàng, bạc, bảy báu, đều thêm lớn tâm tham ái của người,cho nên hư hại đạo nghiệp tu hành ; "Tham" là căn "Ngạ Quỉ". "Ái là gốc "Sanh tử". Đức "Như Lai" ra đời, vốn vì đoạn tuyệt nguồn gốc sanh tử của chúng sanh, nên dạy xa lìa lợi đời, áo, cơm, phòng, nhà, đã nhờ người thí chủ, cho nên chứa để vàng bạc cũng thành chỗ vô dụng. Sau nhơn ông "Tỳ kheo" có bệnh, "Phật" mới cho sắm lò, bếp

lập yên thoán phòng thất. Kim thời phòng xá tất bị, thực dụng thường trụ du hiềm bất xứng kỷ hoài, bất trị thị hà tâm tai !

"Phật" ký bất thính tróc trì tắc kỳ bất tham thiểu dục chi thanh tiết, khả tự tri hĩ. Dư Luật, hoặc ngôn, bất thọ súc, hoặc ngôn . Bất tróc trì, dĩ tróc trì, thị xúc chi tiệm nhơn, diệc nhiễm ô tịnh đức, cố "Phật" chế đoạn.

Sử kim bất cố, thế nho thượng nhiên, "Thích Tử" xưng bần, súc tài hề dụng ?

Bỉ ký bất cố, ngã hà xưng bần. Y thực tất nhậm ngoại duyên, cố viết súc tài hề dụng. Thế nho giả. Hán Bắc Hải "Quản Ninh" dã, "Ninh" thiếu thời, dữ "Hoa Hâm" vi hữu, đồng tịch độc thơ, tằng dữ "Hâm" cọng sừ thể, kiến địa hữu kim, huy sừ bất cố, dữ ngóa thạch vô dị "Hâm" tróc nhi trịch chi. Thời nhơn dĩ thị, tri kỳ ưu liệt hỉ. "Ninh" hậu thích "Liêu Đông" tam thập thất niên "Ngụy" chủ "Phi" trưng chi, nãi phù hải "Tây" qui dĩ vi "Thái-trung Đại Phu" bất thọ, kỳ danh hạnh cao khiết nhược thử ; hựu năng nhơn sự, đạo nhơn ư thiện, nhơn giai phục kỳ hóa, niên bát thập hựu tứ tốt.

"Hâm" vi "Thượng Thơ Lịnh", hành nghịch bất đắc kỳ chung ; tiên "Tào Tháo" dục thí "Hiến Đế" hậu, "Phục Thị" cập nhị "Hoàng Tử", sử "Khích Lự" trì tiết sách, thâu Hậu tỉ thụ. Hâm tức hoại hộ pháp bích ; tựu khiên. Hậu xuất, phi phát đồ tiển khấp hành. Đế kiến bất năng cứu, toại tương. Hậu hạ bạo thất u tử, nhị "Hoàng Tử" giai đam sát chi. Sở vị tri kỳ ưu liệt giả, thử dã.

Kim nhơn bất năng cu hành khất thực, hoặc nhập tòng lâm, hoặc trụ am viện, hoặc xuất viễn phương, diệc vị miễn hữu kim ngân

phòng, nhà. Thế mà đời nay phòng, nhà, đều đủ, ăn dùng của thường trụ còn chê không vừa ý mình, chẳng biết cái tâm gì vậy ?

"Phật" đã không cho cầm nắm, thời sự thanh tiết không tham ít ham muốn kia khá tự biết. Nhiều bộ Luật, có bộ nói : không chứa để, có bộ nói : không cầm nắm. Nhưng cầm nắm là cái nhơn đi lần tới sự chứa để, cũng có thể làm nhiễm nhơ cái đức trong sạch, nên "Phật" cấm tuyệt.

Cuốc đất đặng vàng chẳng đoái, kẻ thế nho còn vậy, huống "Thích Tử" xưng nghèo chứa của làm chi ?

Kia đã chẳng đoái, ta sao xưng nghèo. Áo cơm, đều nhờ duyên ngoài, cho nên chứa của để làm chi. Kẻ thế Nho là ai ? Tức ngươi "Quảng Ninh", ở quận "Bắc Hải" đời nhà "Hán" vậy. "Ninh" hồi còn nhỏ làm bạn với "Hoa Hâm" đi học một trường, có một bữa "Ninh" cùng "Hâm" cuốc đất trồng rau, thấy đất có vàng, "Ninh" vay cuốc không đoái coi như sành sỏi. "Hâm" cầm coi rồi quăng, thế mà người đời lấy đó biết chỗ hơn thua vậy. "Ninh" sau qua đất "Liêu Đông", 37 năm ; chúa nước "Ngụy" là " Tào Phi" phong cho "Ninh" làm chức "Thái trung Đại Phu". "Ninh" không chịu bèn qua biển về nước "Tây Thục". Ôi ! Nào danh nào hạnh cao khiết dường ấy !!! "Ninh" lại nhơn nơi sự, mà dạy người làm lành, ai cũng phục tùng lời nói, tám mươi bốn tuổi qua đời.

"Hâm" làm chức "Thượng Thơ Lịnh", làm nghịch không đặng trọn trung. Nhắc lại, ngày trước ngươi "Tào Tháo" muốn giết Hoàng Hậu là bà "Phục Thị" của vua "Hiến Đế" với hai ông "Hoàng Tử", "Tháo" sai ngươi "Khích Lự" cầm cái lịnh bài, thâu ngọc ấn Hoàng Hậu. "Hâm" liền phá cửa đở vách, vô kéo Hậu ra, xả tóc đi chân không, vừa đi, vừa khóc. Vua thấy không cứu đặng,"Hâm" bèn đem Hậu bỏ trong khám tối nhốt chết, hai ông "Hoàng Tử" cũng thuốc chết luôn. Chỗ gọi rằng : "Người đời biết chỗ hơn thua" là đây vậy.

Người đời nay, chẳng hay đều đi khất thực. Hoặc vào chốn "Tòng lâm" hoặc ở nơi "Am viện", hoặc ra phương xa, cũng chưa khỏi có hao phí việc tiền bạc

chi phí ; tất dã, tri vi "Phật" chế, sanh đại tàm quý, niệm tha bần phạp, thường hành bố thí. Bất dinh cầu bất súc tích, bất phản mại, bất dĩ thất bửu, trang sức y khí đẳng vật, thứ cơ khả nhĩ.

Thử nhị "Đại Sư" quyền khai, phi "Phật bổn ý". Cố viết : "tất dã, tri vi Phật chế ; dĩ tri vi chế, cố sanh đại tàm quý, niệm tha bần phạp, cố thường hành Bố thí. Bất dinh cầu giả, vị bất chủng chủng kinh dinh cầu sách giả. Bất súc tích giả, vị hữu đàn việt bố thí, tức tương dĩ cúng Tam Bửu, tự hoạch thiện quả, phục linh thí phước chuyển tăng, bất khả súc chi sương nang, tích chi cao các.

Cố Kinh vấn : "Vô đắc tàng tích uế bửu, nhơn dữ bất thọ, thọ tắc bất lưu chuyển tế cùng phạp, thường vị nhơn, thuyết bất tham chi đức, thị dã. Bất phản mại giả vị bất tiện mải, quý mại, khuy tổn tịnh hạnh, trúng đắc tài lợi cúng tăng. "Phật" bất hứa thọ, hội tố "Phật" tượng, bất thính lễ bái.

Nghiệp-Sớ vân : Đãn dĩ tà tâm, hữu thiệp tham nhiễm vị lợi mại "Pháp", lễ "Phật" đọc "Kinh" đoạn thực, đẳng sở hoạch tang hối, giai viết : "tà mạng vật". Bất dĩ thất bửu, trang sức y khí đẳng vật giả, vi phi "Thích Tử" sở nghi, cặp tăng trưởng ái căn, thành hữu lậu nghiệp, cố dã.

"Như hoặc bất nhiên, đắc tội di trọng".

"Vị nhược bất sanh đại tàm quý đẳng, cố vi Phật chế, đắc tội phi tiểu dã".

"Y khả bất giới dư ?".

Tích "Mục Liên Tôn Giả", cọng sa di "Chuyên đầu" phi đáo "Tuyết Sơn", "A nậu đại trì" thượng tọa

Cố nhiên như vậy, nhưng phải biết trái lời "Phật" dạy, sanh tâm rất hổ thẹn, thương người nghèo ngặt, thường làm Bố thí. Không lo tìm, không chứa để, không buôn bán và không dùng bảy báu, trang nghiêm y phục, khí cụ các vật v.v... họa may còn được được.

Đây là Ngài "Vân Thê Đại Sư" quyền cho chớ không phải bổn ý của đức "Phật". Cho nên nói "cố nhiên như vậy", nhưng phải biết trái lời "Phật" dạy ; vì biết trái lời "Phật" dạy, nên sanh tâm rất hổ thẹn. Vì thương người nghèo ngặt, nên thường làm việc Bố thí. Không lo tìm là gì ? Không lập mưu này, kế nọ, toan lo tìm kiếm các món như vậy. Tại sao không chứa để ? Có người đàn việt cúng thí, thời ta đem dưng cho ngôi Tam Bảo, mình đã đặng quả lành, lại khiến người cúng kia được thêm phước. Chớ nên chứa để trong rương, trong túi, hay là để trên gác cao.

Kinh THẬP GIỚI nói : "Chớ nên cất chứa báu nhơ, người cho không thọ, thọ thời đừng để, đem giúp người nghèo ngặt, và thường vì người nói đức "Bất tham". Thế nào không buôn bán ?

Không mua rẻ bán mắc, kém hư hạnh tốt, dù đặng lời lãi, đem cúng dường chúng Tăng. "Phật" chẳng cho thọ và lên cốt tượng "Phật" cũng chẳng cho lạy.

Bộ NGHIỆP SỚ nói : Nếu đem tâm tà và tham nhiễm ham lợi bán "Pháp", lễ "Phật", tụng "Kinh", nhịn ăn các việc chổ đặng của cải đều là "của bất chính" để nuôi mạng sống. Tại sao chẳng dùng bảy báu, trang sức y phục đồ đạc các vật ư ? Chẳng phải trang Thích Tử nên làm và thêm lớn gốc tham thành cái nghiệp luân hồi, cớ vậy.

"Như hoặc chẳng đặng vậy, mắc tội rất nặng".

"Bằng chẳng sanh tâm rất hổ thẹn đó, cho nên trái lời Phật dạy, mắc tội chẳng phải nhỏ vậy".

"Than ôi ! Khá chẳng răn chừa ư ?".

Xưa Ngài "Mục Liên Tôn Giả", cùng ông Sa di tên "Chuyên Đầu" bay đến non "Tuyết Sơn" trên mé ao "A Nậu

thiền : Thời Sa di kiến trì biên kim sa, tiện tác thị niệm ngã đương thạnh thử sa, trước Phật tháo quán hạ. "Mục Liên" tùng thiền định khởi, thừa không nhi huờn. Thời Sa di vi "Phi nhơn" sở trì, bất năng phi hành, "Mục Liên" cố thị, linh xả kim sa, tức thừa không nhi khứ. Hựu nhất Tỳ kheo, tương nhất Sa di, qui khán thân lý, đồ trung hữu phi nhơn, hóa tác long lai, hữu nhiễu sa di, dĩ hoa tán thượng, tán ngôn : "Thiện tai, đại đắc thiện lợi". Bỉ đáo thân lý gia dĩ, dục huờn, thân lý tức di tiền dữ Sa di vi lộ lương, sa di trì chí trung đồ, "phi nhơn" phục hóa tác long lai, tả nhiễu Sa di, dĩ thổ bụn thượng, thuyết ngôn : "Nhữ thất thiện lợi, xuất gia tu đạo, nhi tróc tiền hành". Sa di tiện đề Tỳ kheo hồi thị, tri kỳ trì tiền, tiện linh xả khí, "phi nhơn" phục như tiền cúng dường. Do thị quan chi, vi hại phi tiểu. Cố "Phật" dụ chi, vi "đại độc xà", táng thân bại đức, vô bất do chi, khả bất giới dư !!!

KẾT LUẬN : Như thượng thập giới, tiền tứ, thị "Tánh Tội", vị kỳ tánh bổn tự thị tội, bất do Phật chế, cố hữu, vô luận tại gia xuất gia tác chi, tức đọa tam đồ cố danh "Tánh Tội", diệc danh "căn bổn giới". Dĩ phạm chi, như thọ đoạn căn, bất phục huờn cánh sanh trưởng . Hậu lục thị giá tội, do Phật giá cấm, bất thính hủy phạm, cố danh giá tội. Thiết hữu vi phạm, bất đắc phú tàng, tức tu tham sanh tàm quý, hướng sư phát lồ. Hối quá đoạn hậu tác tâm, huờn đắc thanh tịnh.

Cố LUẬN vân : thị trung, tứ thị thiệt ác, tửu thị chúng ác môn, dư giả, thị bất phóng dật đạo nhơn duyên, dĩ năng thành tựu phạm hạnh, xuất thế đạo cố.

Đại Trì" ngồi "Thiền Định". Bấy giờ ông Sa di thấy bên ao cát vàng lại nghĩ như vậy : "Ta nên túm cát này, về rải chỗ Phật tắm rửa". "Mục Liên" từ trong Thiền Định ra, cỡi hư không bay về. Khi đó Sa di bị thần "Phi Nhơn ngăn cản, bay đi không được, "Mục Liên" ngoái ngó thấy, bảo bỏ cát vàng, liền cỡi hư không mà đi. Lại có một Thầy "Tỳ kheo" đem một Sa di về viếng bà con, nửa đường có thần "Phi Nhơn" hóa làm rồng đến, đi nhiễu bên hữu Sa di, dùng các thứ hoa thơm rải lên cúng dường, và khen rằng : "Hay thay ! Rất được lợi lành". Thầy trò đến nhà bà con xong, lúc sắp về, bà con lại lấy tiền cho Sa di làm lương đi đường. Sa di cầm tiền, đến nửa đường "Phi Nhơn" lại hóa làm Rồng đi nhiễu bên tả Sa di và lấy đất bụi tung lên mặt, nói rằng : "Ngươi mất lợi lành, người xuất gia tu hành, mà sao lại cầm tiền đi đường". Sa di bèn khóc rống. Tỳ kheo ngoái thấy, biết kia cầm tiền, liền bảo bỏ đi, "Phi Nhơn" lại cúng dường như trước. Do đây xem đó, mắc hại chẳng phải nhỏ. Cho nên đức "Phật" dụ vàng bạc là con "Đại Độc Xà" hại thân, hư đức cũng tại nó mà ra. Chẳng khá răn ư !

KẾT LUẬN : Mười giới như trên. Bốn giới trước thuộc về "Tánh Tội". Sao kêu là "Tánh Tội" ? Trong bản tánh sẵn có tội, không đợi Phật cấm mới có, không luận kẻ tại gia, người xuất gia, gây ra thời đọa ba đường cho nên gọi là "Tánh Tội", cũng kêu là "Giới Căn Bổn". Vì phạm giới này, như cây kia đứt rễ, không còn sống lại nữa. Sáu giới sau "Ngăn tội". Vì sao gọi là "Ngăn tội" ? Bởi dỗ đức Phật ngăn cấm, không cho hủy phạm, cho nên kêu là "Ngăn tội". Dầu có trái phạm chớ nên che giấu, liền phải rất sanh tâm tàm quý, tới trước ba Thầy tỏ bày xưng tội quyết lòng không dám làm nữa, lại đặng thanh tịnh.

Cho nên trong "LUẬN" nói : "Trong mười giới đây : Bốn giới trước, là "Thật ác". Giới "Rượu" cái cửa các việc ác. Năm giới sau, là nhơn duyên kềm chế không buông lung, vì hay thành tựu hạnh tốt của đạo ra khỏi đời vậy.

Cố Kinh vân : "Thị giới năng vi "Tỳ kheo" giới, "Bồ tát" giới, nãi chí "Vô thượng Bồ đề" nhi tác căn bổn".

Phật cáo : Chư Tỳ kheo, ngã nhược bất trì giới, đương đọa tam ác đạo trung, thượng bất đắc vi hạ tiện nhơn thân. Huống năng thành thục chúng sanh, tịnh Phật quốc độ, cụ nhất thiết chưởng trí. Cố tri ninh xả thân mạng, toái như vi trần, bất khả hủy phạm cấm giới, trụy đọa tam đồ, vĩnh thất Bồ đề chủng tử dã.

SA DI LUẬT NGHI, YẾU LƯỢC, TĂNG CHÚ

QUYỂN THƯỢNG CHUNG

Cho nên trong Kinh THẬP GIỚI nói : "Mười giới đây có thể làm thềm thang đi lần lên giới "Tỳ kheo", và giới "Bồ tát" nhẫn đến đạo quả "Vô thượng Bồ Đề". Cội gốc cũng từ đây".

Phật bảo : "Này các "Tỳ kheo", nếu ta không giữ giới, sẽ đọa trong ba đường ác, còn chẳng đặng làm thân người hạ tiện. Huống chi giáo hóa thành thực chúng sinh, và gây nên cõi nước Thanh Tịnh của Phật, đủ tất cả các Trí". Cho nên biết : Thà bỏ cái thân mạng, nát như mảy trần, chớ nên hủy phạm giới cấm mà sa đọa trong ba đường, hằng mất hột giống "Bồ đề" của đức Phật vậy.

BỘ SA DI LUẬT NGHI
YẾU LƯỢC, TĂNG CHÚ
HẾT QUYỂN THƯỢNG

CHÚ THÍCH

QUYỂN THƯỢNG

(1) **Đệ tử :** Kẻ học sau Thầy gọi chữ "Đệ". Sự hiểu biết nhờ Thầy sanh ra nên gọi là "Tử".

(2) **Chữ Giới :** Tức Tam Tụ tịnh giới như : 1) Nhiếp Luật Nghi Giới (nguyện dứt tất cả việc ác). 2) Nhiếp Thiện Pháp Giới (nguyện làm tất cả việc lành). 3) Nhiêu Ích Hữu Tình Giới (nguyện độ tất cả chúng sanh). Chữ Giới tiếng Phạm ngữ "Ba La Đề Mộc Xoa". Tiếng Hán gọi "Biệt giải thoát". Nghĩa là : Giữ được Giới này đức Như Lai hộ trì người tu được giải thoát sanh tử phiền não mà chứng đạo giác ngộ Niết bàn vậy.

(3) **Bồ Tát :** Tiếng Phạn nói cho đủ là "Bồ Đề Tát Đỏa". Bồ Đề Hán dịch là "Đạo", cũng dịch là "Giác". Tát Đỏa tiếng Hán dịch "Chúng sanh". Nghĩa là : "Đem đạo giác ngộ đức Phật mà giáo hóa Chúng sanh vậy. Bồ tát dịch là "Giác hữu tình" là giác ngộ cho chúng hữu tình hay là chúng hữu tình được giác ngộ.

(4) **Chữ Tự** *(chùa)* : Hồi xưa cái Dinh của các Quan làm việc Tổ Ma Đằng, Tổ Pháp Lan ở nước Ấn Độ chở kinh, tượng Phật qua Trung Quốc, Vua Hán Minh Đế thỉnh ở Dinh ấy, dịch kinh, hóa Đạo, nên sau lấy Dinh ấy đặt hiệu Chùa như : Hồng Lô Tự và tạo lập Chùa thứ hai hiệu Bạch Mã Tự, Trung Quốc có Chùa bắt đầu từ đây, nhưng chỗ nào Chúng Tăng ở đều kêu là "Tự". Chính tiếng Phạn gọi "Tăng Già Lam" tiếng Hán dịch Chúng Viên *(vườn mát, Chúng Tăng ở)*.

(5) **Vân Thê :** Tên hòn núi, núi nầy có năm sắc mây lành, phủ trùm trên đảnh núi, người đời đặt đó là núi "Vân Thê".

(6) **Tổ Châu Hoằng :** Tự Phật Huệ, hiệu Liên Trì, con nhà họ Trầm 17 tuổi thi đậu đầu, 31 tuổi song thân từ trần, thấy cuộc đời biến đổi vô thường, bỏ tục xuất gia, theo học với Ngài Đồng Thiên Lý Hòa Thượng, sau xin qua chùa Chiêu

Khánh thọ giới cụ túc với Ngài Vô Trần Ngọc Luật sau khi khắp cùng tham học với các bực Tri thức lúc trở về rừng Võ Lâm làng Phạm, khất thực nhơn thấy hòn núi Vân Thê, nước non mát mẻ và vắng vẻ, bèn cất am ở đó lần thành một Đại Tòng Lâm, chuyên tu tịnh nghiệp đạo đức khắp đồn, Tăng Tục đều theo học đạo. Quốc Vương, Hoàng hậu cúng dường y, bát, tuổi thọ 81, Giới Lạp 50. Ngài sanh giờ Mẹo ngày 22 tháng giêng năm Ất *Vị*. Ngài thị tịch giờ Ngọ, ngày mùng 4 tháng 7 năm Ất Mẹo.

Quí vị Sa Di học Luật nầy muốn kỷ niệm ngày vía của Ngài cũng như ngày vía vị Bổ tất công đức vô lượng.

(7) **Tỳ Kheo** : Có ba nghĩa : 1) *"Khất Sĩ"* đi xin cơm ăn để sống thân làm đạo, và xin Chánh pháp của đức Phật để cho được minh tâm kiến tánh *(có nghĩa là đem Phật pháp giáo hóa chúng sanh, chúng sanh nghe Pháp, hết phiền não, gọi là xin (đừng) phiền não)*. 2) *"Phá ác"* dùng trí huệ khám phá phiền não khỏi mắc trần dục và ái ân. 3) *Bố ma*, phát tâm thọ 250 giới Phật đầy đủ oai nghi bọn ma quân khiếp sợ vậy.

(8) **Bồ Đề** : Tiếng Hán dịch Giác đạo, phát giác đạo tâm *(tâm được tỏ ngộ)* gọi "Bồ Đề".

(9) **Hoằng Tán** : Tức Ngài Tại Tham Thiền sư con nhà họ Châu. Lúc sanh Ngài cặp mắt hai tròng lóng lánh như sao băng, văn học ở đời siêu quần xuất chúng, lúc đi tu suốt thông ba Tạng, diễn dịch kinh Luật rất nhiều. Ngày 22 tháng năm, năm Bính dần, Ngài bảo Thị giả trải tọa cụ Ngài ngồi, Đại chúng cầu Ngài ở lại đời cho lâu, Ngài nói nay 75 tuổi sanh tử như mộng, cần nên giải thoát, nói rồi vui vẻ thị tịch tuổi đời 75, tuổi Đạo 53, *(biên đây cho biết ngày vía kỷ niệm Ngài)*.

(10) **Năm Chúng xuất gia** : 1) Tỳ kheo. 2) Tỳ kheo Ni. 3) Thức xoa ma na. 4) Sa di. 5) Sa di Ni.

(11) **Ngũ dục** : *(năm món ưa thèm)* 1) Ưa sắc đẹp. 2) Ưa tiếng hay. 3) Ưa ngửi mùi thơm, 4) Ưa vị quí. 5) Ưa đụng cạ vật êm. Hay ưa năm món nầy : 1- Của cải. 2- Sắc đẹp. 3- Danh khen. 4- Ăn sang. 5- Ngủ kỹ.

(12) **Tam Đồ** : *(ba đường)* 1) Tham sân đọa vào đường Địa ngục *(đường dao cắt)*. 2) Bỏn sẻn đọa vào đường Ngạ quỉ *(đường lửa đốt)*. 3) Si mê đọa vào đường Súc sinh *(đường máu huyết)*.

(13) **Lục Thú** : Cũng như Lục Đạo *(6 đường)*. 1) Đường cõi Trời. 2) Đường cõi Người. 3) Đường cõi A Tu La. 4) Đường cõi Địa ngục. 5) Đường cõi Ngạ quỉ. 6) Đường cõi Súc sinh.

(14) **Lục Độ** : *(6 phép độ)* 1) Bố thí độ xan tham. 2) Trì Giới độ phá giới. 3) Nhẫn nhục độ giận hờn. 4) Tinh tấn độ biếng lười. 5) Thiền định độ hôn ám. 6) Trí tuệ độ ngu si.

(15) **Tứ Sanh** : *(4 loài)* 1) Loài đẻ trứng. 2) Loài đẻ con. 3) Loài sanh nơi ướt. 4) Loài hóa sanh.

(16) **Tiểu Thừa** : Tức bực Thanh Văn và bực Duyên Giác, bực nầy mới được phần tự lợi, chưa được lợi tha và độ chúng sanh như các bực Đại thừa Bồ tát.

(17) **Đại Bồ Đề** : Ngôi chánh đẳng, chánh giác bực cực quả, chỉ cho đức Phật là bực Đại giác.

(18) **Bửu Sở** : Chỗ đức Phật chứng quả Đại giác ở, nên gọi "Bửu Sở" *(chỗ báu)*.

(19) **Hóa thành** : Đức Phật phương tiện lập ra pháp quyền để giáo hóa chúng sinh bực Nhị thừa còn tối dốt.

(20) **Ba Thừa** : 1) Thừa Thinh Văn. 2) Thừa Duyên Giác. 3) Thừa Bồ tát.

(21) **Tam Giới** : *(ba cõi)* 1) Cõi Dục giới. 2) Cõi Sắc giới. 3) Cõi Vô sắc giới.

(22) **Vô Vi** : Là quả Niết bàn thường vắng lặng, không còn những pháp Hữu vi *(có tạo)*. Như các món phiền não tham, sân v.v...

(23) **Khai, Giá, Trì, Phạm** : Nghĩa là : Khai là mở cho. Giá là ngăn cấm. Trì là giữ gìn. Phạm là hủy phạm giới cấm của Phật.

(24) **Danh, Chủng, Tánh, Tướng** : Danh là tên của Giới luật *(ngũ thiên thất tụ)*. Chủng là 250 giới của Tỳ kheo. Tánh là giới của tâm. Tướng là giới của thân.

(25) **Tam Minh** : 1) Túc mạng minh. 2) Thiên nhãn minh. 3) Vô lậu minh.

(26) **Sáu phép Thần thông** : 1) Thiên nhãn thông. 2) Thiên nhĩ thông. 3) Tha tâm thông. 4) Túc mệnh thông. 5) Thần túc thông. 6) Lậu tận thông.

(27) **Bốn chúng đệ tử của Phật.** 1) Tỳ kheo. 2) Tỳ kheo Ni. 3) Ưu bà tắc. 4) Ưu bà di.

(28) **Tam bảo** : Là Phật, Pháp, Tăng vậy.

(29) **Tứ quả** : *(4 quả)* 1) Quả Tu Đà Hoàn. 2) Quả Tư Đà Hàm. 3) Quả A Na Hàm. 4) Quả A La Hán *(vô sanh)*.

(30) **Lục hiệp** : *(sáu phía)* Đông, Tây, Nam, Bắc và Thượng, Hạ.

(31) **Thập phương** : *(10 hướng)* Đông, Tây, Nam, Bắc, Thượng, Hạ và bốn hiệp hướng *(đông nam, vân vân)*.

(32) **Ba đời** : Tức đời quá khứ, đời hiện tại và đời vị lai.

(33) **Cửu giới** : *(chín cõi)* 1) Cõi Địa ngục, 2) Cõi Ngạ quỉ, 3) Cõi Súc sanh, 4) Cõi A Tu La, 5) Cõi Người, 6) Cõi Trời, 7) Cõi Thanh văn, 8) Cõi Duyên giác, 9) Cõi Bồ tát.

(34) **Nhị trí** : 1) Căn bổn trí. 2) Hậu đắc trí.

(35) **Tứ cơ** : *(4 cơ)* 1) Cơ Nhơn thiên, 2) Cơ Nhị thừa, 3) Cơ Bồ tát, 4) Cơ Phật.

(36) **Nhị Sư** : *(2 thầy)* 1) Thầy Hòa Thượng, 2) Thầy A Xà Lê.

(37) **Lục căn** : 1) Nhãn căn, 2) Nhĩ căn, 3) Tỷ căn, 4) Thật căn, 5) Thân căn, 6) Ý căn.

(38) **Lục thức** : 1) Nhãn thức, 2) Nhĩ thức, 3) Tỷ thức, 4) Thiệt thức, 5) Thân thức, 6) Ý thức.

(39) **Phẩn trâu tha đàn** : Con trâu trắng ăn cỏ thơm nơi non Tuyết sơn, phẩn nó rất thơm, trong khi lập đàn cúng kiến lấy phẩn ấy tô thoa. Ví dụ như bây giờ lấy dầu thơm rưới vậy.

(40) **Năm tội nghịch** : 1) Giết cha, 2) Giết mẹ, 3) Giết vị A La Hán, 4) Phá hòa hợp Tăng, 5) Làm thân Phật ra máu.

(41) **Tứ trọng** : *(4 tội nặng)* 1) Tội sát sanh, 2) Tội ăn trộm, 3) Tội dâm dục, 4) Tội vọng ngữ.

(42) **Gái dâm cởi cổ :** Đời Tây Quốc có vị Tiên nhơn tu trong núi, chứng đặng 5 phép Thần thông, ông dùng chú thật ếm trời không mưa tới 12 năm, nhơn dân đồ thán. Vị Quốc Vương trong nước biết mới lập kế truyền rao, ai làm vị Tiên nhơn mất thần thông được thưởng 1.000 lượng vàng. Khi ấy có nàng dâm nữ phụng mạng nhà Vua, vào núi lân la làm cho Tiên nhơn xiêu lòng mất thần thông. Bầy giờ trời mưa tràn ngập, Dâm nữ cởi cổ Tiên nhơn về đền ra mắt Quốc Vương và lãnh của thưởng.

(43) **Đốt mình Thiên miếu :** Công chúa nước Tề với anh Trần Tử, hồi nhỏ chơi chung với nhau một chiếc vòng bằng ngọc, lúc lớn khôn, nhà Vua không cho anh vào trong cung nữa. Nhưng tánh quen thường nhớ Công chúa, nói với bà mẹ anh nói giùm, Công chúa biết Trần Tử này nhớ lắm. Công chúa trả lời ngày đó, tháng đó bảo Trần Tử đến nơi Thiên miếu thì sẽ có Công chúa đến. Nhưng khi Trần Tử đến trước nằm ngủ quên, đến lúc Công chúa đến cối chiếc vòng để trên ngực anh rồi đi mất. Bấy giờ anh thức dậy lửa dâm dục lừng lẫy bống đốt cháy thân anh và cháy luôn miếu ông Thần, vô can mà bị thiệt hại *(hay là lửa nghiệp tự đốt thân tại miếu Thần)*.

(44) **Ngũ thể :** *(năm vóc)* tức là hai tay, hai chơn và một cái đầu.

(45) **Thất Thánh tài :** *(bảy của Thánh)* 1) Của Chánh Tín, 2) Của Tinh Tấn, 3) Của Giữ Giới, 4) Biết Tàm quý, 5) Ưa nghe Phật Pháp và dứt bỏ phiền não, 6) Của Thiền Định, 7) Của Trí Huệ.

(46) **Mười món y :** *(10 thứ áo)* 1) Áo Câu xá, 2) Áo Kiếp bối, 3) Áo Khâm bạc la, 4) Áo Sô ma, 5) Áo Xoa ma, 6) Áo Xá nâu, 7) Áo Ma y, 8) Áo Sí y, 9) Áo La y, 10) Áo Thân la Bát Ni.

(47) **Cháu Huyền tôn :** Tức là cháu năm đời.

(48) **Hổ khẩu :** "miệng cọp" tức là chỗ chết *(đường sanh tử)*.

(49) **Mười hiệu :** 1) Hiệu Như Lai, 2) Hiệu Ứng cúng, 3) Chánh biến tri, 4) Minh hạnh túc, 5) Thiện thệ thế gian giải, 6) Vô thượng sĩ, 7) Điều ngự trượng phu, 8) Thiên nhơn sư, 9) Hiệu Phật, 10) Thế tôn.

(50) **Đầu đà** : *(dịch)* phủi cạo. Tức là cạo phủi trần lao phiền não. Tu Đầu đà có 12 hạnh : 1) Ở chỗ vắng vẻ, 2) Thường đi khất thực. 3) Khất thực bình đẳng, không lựa giàu nghèo, 4) Lấy cơm ăn rồi thuyết pháp thí chủ nghe, 5) Ăn có độ lượng, 6) Trước, sau giờ ngọ không ăn, 7) Mặc y Phấn tảo, 8) Mặc ba y, 9) Ở trong gò mã, 10) Ở dưới gốc cây, 11) Ngồi chỗ trống, 12) Không nằm.

(51) **Tứ Thánh chủng** : *(4 món Thánh)* 1) Ẩm thực, 2) Y phục, 3) Ngọa cụ, 4) Y dược (nhờ đó được tu thành Thánh).

(52) **Năm Thứ Đá Trị Bệnh** : 1) Đá Bạch anh, 2) Đá Tử anh, 3) Đá Thạch cao, 4) Đá Chung nhu, 5) Đá Thạch Chi.

(53) **Năm Thứ Trái** : 1) Trái Ha tử, 2) Trái Bệ ích *(giống trái Đào) (phương này không có)*, 3) Trái Dư cam, 4) Trái Tất bát. 5) Trái Hồ tiêu.

(54) **Tám Thứ Nước** : 1) Nước trái Lê, 2) Nước trái Diêm Phù, 3) Nước trái Thanh-Táo, 4) Nước cây mía, 5) Nước trái Sanh, 6) Nước ngó sen, 7) Nước trái Bà Lầu Sư *(phương nầy không có)*, 8) Nước trái Nho. Tám thứ nước ép lấy nước lọc lược lóng trong mà uống.

(55) **Thừa Giới Điều Gấp** : Thừa là Tạng Kinh, Giới là Tạng Luật, nghĩa là Kinh, Luật đều cần. Kinh là tâm Phật, Luật là hạnh Phật, tâm hạnh liên quan cũng như Thân và Tâm không rời.

CÔNG ĐỨC QUÍ VỊ BIÊN TẬP

1.- Tịnh Ý 2.- Tịnh Tâm 3.- Tịnh Ngữ

4.- Tịnh Chánh 5.- Tịnh Hạnh

SA DI LUẬT GIẢI

QUYỂN HẠ

(THIÊN OAI NGHI TĂNG CHÚ)

SA DI LUẬT NGHI

YẾU LƯỢC, TĂNG CHÚ

QUYỂN HẠ

Bồ Tát Giới, đệ tử, Vân Thê tự. Sa môn : Châu Hoằng tập, Bổ đề tâm, Tỳ kheo Đảnh Hồ sơn, Sa môn : Hoằng Tán Chú.

Hạ Thiên Oai Nghi môn

Oai nghi giả, vị hữu oai khả úy, hữu nghi khả kính :

Do trì tịnh giới nhi phạm hạnh Cụ túc, đường đường tăng tướng, chúng đức oai nghiêm, cố linh nhơn khả úy.

Động tịnh hiệp tắc, ngung ngung khả quan, nghi đoan biểu chánh, cố linh nhơn khả kính, tư thành xuất gia chi đạo phẩm, nhơn thiên chi sư phạm.

Sở vị :

Tịnh hạnh thành ư đạo nghi.

Thanh bạch viên ư giới phẩm.

Khí cao Tinh Hớn, oai túc phong vân, nội hoài sư tử chi đức, ngoại hiện tượng vương chi oai. Nhơn thiên tán thừa, Long thần khâm phục.

Cố HOA NGHIÊM kinh vân : "Cụ túc thọ trì, oai nghi giáo pháp, năng linh Tam bửu bất đoạn thị dã".

BỘ SA DI LUẬT NGHI

YẾU LƯỢC, TĂNG CHÚ

QUYỂN HẠ

Đệ tử Thọ giới Bồ Tát, chùa Vân Thê bực Sa Môn tên Châu Hoàng biên chánh văn. Tỳ kheo phát tâm Bồ đề, non Đảnh Hồ, bực Sa Môn tên Hoàng Tán chú giải

Thiên sau nói về cửa Oai nghi.

Oai nghi là gì ? - Có oai khá sợ, có nghi khá kính. Thế nào có oai khá sợ ?

- Bởi giữ tịnh giới, hạnh tốt đầy đủ, rỡ rỡ tăng tướng các đức oai nghiêm, nên khiến người khá sợ. Thế nào có nghi khá kính ?

- Đi đứng nhằm phép, vòi vọi dễ xem, hình ngay bóng thẳng, nên khiến người khá kính, như thế mới thật là đạo phẩm kẻ xuất gia, vị sư phạm cõi trời, cõi người vậy.

Nên có câu :

"Tịnh hạnh thành, nhờ đạo nghi.

Trong sạch tròn, nhờ giới phẩm".

Khí thanh cao như sao sáng trời, oai nghiêm tịnh dường gió tan mây, trong tâm chứa đức sư tử, ngoài thân hiện oai tượng vương. Vị nhơn thiên khen ngợi, chúng Quỷ Thần kính vâng.

Cho nên trong Kinh HOA NGHIÊM nói : "Giữ gìn trọn đủ, phép dạy oai nghi, hay khiến ngôi Tam Bảo chẳng đoạn, phải vậy".

Kim thử hạ thiên, cọng hữu nhị thập tứ chương đồng xuất oai nghi nhất môn, thị Sa di chi xa triệt, xuất thế chi do hộ dã.

Phật chế Sa di, niên mãn nhị thập, dục thọ Cụ túc giới thời, nhược vấn bất năng cụ đối Sa di, sự giả, bất ưng dữ "Cụ túc" giới. Đương vân : "Khanh tác Sa di, nãi bất tri Sa di sở thi hành, Sa môn sự đại nan tác, khanh thã khứ thục học, đương tất văn tri, nãi ưng thọ cụ túc giới". Kim thọ khanh Cụ túc giới, nhơn vị Phật pháp dị hành Sa môn dị tác, cố đương tiên vấn.

Sa di dục thọ cụ giới, sư vấn thập giới, chư oai nghi sự, bất năng cụ đối đáp giả, bất ưng dữ thọ cụ giới dã. "Khanh" thị quới xưng, du quân hô thần dã.

Bất tri Sa di sở thi hành giả ? Vị bất am Sa di luật nghi, sở ưng thi vi hành sự dã.

Sa môn sự đại nan tác giả ? Vị Tỳ kheo nhị bá ngũ thập giới, thậm nan hành trì dã. Thục học giả, vị đương tinh tập thập giới, tinh chư oai nghi dã.

"Đương tất văn tri" giả. Văn vị bác vấn tiên tri ; Tri, vị tự gia liễu đạt.

Nhơn vị Phật Pháp dị hành, Sa môn dị tác giả, do bất tri Phật đạo chí diệu, cố ngôn dị hành, bất thức tội phước vận hành, pháp luật giao hỗ, cố ngôn dị tác ; phàm vị sư giả, cố đương dĩ thử tiên vấn.

Dĩ hạ điều tắc, ư Sa di oai nghi, chư kinh, cập Cổ THANH QUI, kim Sa di thành, phạm trung, tiết xuất. Hựu "Tuyên Luật sư". "Hành Hộ

Nay Thiên sau, cộng có 24 bài, đồng ra một cửa oai nghi. Đây là dấu xe của Thầy Sa di, ngõ nơi trang xuất thế vậy.

Phật dạy thầy Sa di, tuổi đủ 20, khi muốn thọ giới Cụ túc, nếu ba Thầy. *1.- Hòa Thượng. 2.- Yết Ma. 3.- Giáo Thọ* **hỏi phận sự Sa di, không thể trả lời cho đủ thời không cho thọ giới "Cụ túc". Phải dạy rằng : Người làm Sa di, song những việc ra làm của Sa di, chính ngươi không biết, huống bực Sa môn, là việc lớn khó làm. Ngươi phải trở về học cho thuộc, thảy đều nghe biết mới được thọ giới "Cụ túc"** *(của Tỳ kheo).* **Bằng nay ba Thầy trao cho ngươi giới Cụ túc ; té ra người nói Phật Pháp dễ làm, bực Sa môn chẳng khó, vì thế nên ta phải hỏi ngươi trước.**

Sa di khi muốn thọ giới Cụ túc, ba Thầy hỏi 10 giới luật, và 24 oai nghi, đối đáp không thể đủ, thời không truyền cho giới Cụ túc. Thật vậy : "Khanh nên trở về, học cho thuộc". Tiếng kêu "Khanh" là tiếng kêu quí trọng như nhà vua kêu các bậc trung thần là "khanh" vậy.

- Vì sao Sa di không biết chỗ ra làm ? - Làm Sa di mà không thuộc Luật nghi của Sa di, chỗ ra làm các việc bổn phận vậy.

- Vì sao Sa môn là việc lớn khó làm ? - 250 Đại giới của Tỳ kheo thật là khó giữ và khó làm. Phải trở về học cho thuộc, là học những gì ? - Phải ròng chuyên học tập 10 giới luật và 24 oai nghi vậy.

Câu nói : Thảy đều nghe biết, thế nào là nghe biết ? - Nghe : mình rộng hỏi bực Tiên tri. Biết : Tâm mình tỏ biết.

Thế nào người nói Phật pháp dễ làm, Sa môn chẳng khó ? Bởi không biết cái chỗ nhiệm mầu của đạo Phật, cho nên nói dễ làm. Không biết tội phước xoay vần, Pháp luật đổi dời, cho nên nói chẳng khó.

Ai là kẻ làm Thầy, nên phải do đây mà hỏi trước.

Những phép tắc sau đây, đều ở trong bộ Sa di Oai Nghi, cùng các kinh và bộ CỔ THANH QUI. Nay

Luật Nghi" tuy giới tân học Tỳ kheo hữu khả thông dụng giả, diệc tiết xuất Lương dĩ mạt pháp nhơn tình, đa chư giải đãi, văn phiền tắc yếm do thị san phiền thủ yếu, nhưng phân loại, dĩ tiện độc, học, gian hữu vị bị, tùng nghĩa bổ nhập nhứt nhị.

Dĩ hạ điều tắc giả vi hạ, nhị thập tứ oai nghi pháp tắc dã. Sa di oai nghi chư kinh giả, thị Sa di oai nghi, tinh "thập giới pháp", "sự sư pháp". "Nghi Tắc kinh" đẳng."Cổ Thanh Qui" giả, vị "Bá Trượng Thanh Qui", cập "Cổ đức" sở soạn "Châm Qui" đẳng.

Sa di thành phạm, thị "Tiếu Nham Nguyệt Tâm" thiền sư, ư Thập giới pháp đẳng, soạn xuất.

"Hành Hộ Luật Nghi", vị Đường Đạo Tuyên Luật sư sở soạn. Nhiên diệc vị tường kỳ đích hà dã ? Kỳ trung hữu nhất nhị, bất hiệp luật văn, cố dã.

Tiết xuất giả, vị ư thượng "Kinh Luật", "Thanh Qui" trung, tiết lược xuất kỳ yếu nghĩa, cố thử tiết chi nhất tự, chánh yếu lược chi tông trí dã.

San phiền thủ yếu giả ; phiền, đa dã, vị do thời đương mạt pháp, cố tình đa giải đãi, nhơn tình giải đãi cố văn phiền tắc yếm tâm sanh, do thị, san khử phiền văn, nhi thủ yếu cú, phục phân vi nhị thập tứ loại nghi pháp, dĩ tiện sơ tấn tập học.

"Bổ nhập" giả, xuất Đại sư thủ bút, vị ư oai nghi hành sự trung, hữu vị bị giả, tức tùy kỳ nghĩa loại, nhi bổ túc chi.

bộ Sa di yếu lược đây rút trong Bộ "Sa di Thành phạm" lại bộ "Hành hộ Luật Nghi" của Ngài Tuyên Luật sư soạn. Tuy để dạy các hàng Tỳ kheo mới học song có chỗ nào thông dùng thì Ngài Vân Thê cũng dón rút ra đây, để cho các ông Sa di học. Bởi vì Ngài thương đời mạt pháp tình người hay sanh tâm biếng nhác, nghe nhiều thì chán, nên Ngài bớt chỗ nhiều dùng gọn ít, và phân ra từng bài, cho dễ người học và đọc. Trong đây có chỗ nào chưa đủ, theo nghĩa bổ thêm một đôi câu.

Những phép tắc sau đây là gì ? - 24 oai nghi phép tắc kể sau đây. Thế nào gọi là luật Sa di, Oai nghi và các Kinh ? - Tức là bộ Sa di, Oai nghi với bộ "Thập Giới Pháp" bộ "Sự Sư Pháp" và bộ "Nghi Tắc Kinh", v.v... Bộ "Cổ Thanh Qui" là gì ? Tức là bộ "Bá Trượng Thanh Qui" và bài "Châm Qui" của bực "Cổ Đức" soạn.

Ai soạn bộ "Sa di Thành Phạm" ? Ngài "Tiếu Nham Nguyệt Tâm" Thiền sư, theo trong bộ "Thập Giới Pháp" và các bộ soạn ra. Ai soạn bộ "Hành Hộ Luật Nghi" ? Đời Đường Ngài Tuyên Luật Sư soạn, song cũng chưa rõ chỗ chắc chắn. Vì sao ?

- Bởi trong đó có một hai chỗ không hợp với văn luật cớ vậy. Hai chữ "tiết xuất" *(rút ra)* ? Thế nào là tiết xuất ?

Ở trong các Kinh, các Luật và bộ "Thanh Qui" rút ra những nghĩa cần yếu cho nên gọi là "Tiết xuất". Vì chữ "Tiết" chính nghĩa là rút gọn cũng là tôn chỉ của bộ yếu lược này.

Vì sao bớt chỗ nhiều dùng chỗ rút gọn ? Bởi đời bây giờ nhằm đời mạt pháp, phần nhiều người tâm giải đãi lười biếng. Bởi tâm giải đãi biếng lười, cho nên nghe nhiều, thời hay sanh tâm chán nản, vì thế nên bớt bỏ văn nhiều mà dùng câu tóm gọn. Và phân làm 24 bài Oai nghi phép tắc, cho dễ kẻ mới tu học tập.

Hai chữ "Bổ nhập" *(thêm vào)* chính Ngài Vân Thê tự viết ra. Vậy trong 24 bài oai nghi, hành sự đây có bài nào còn thiếu, tùy nghĩa của bài đó mà thêm vô cho đủ vậy.

KỲ hữu nhạo quảng lãm giả, tự đương kiểm duyệt toàn thơ.

"Sa di thập giới pháp" trung, oai nghi hữu thất thập nhị chưởng, dục nhạo quảng tri sự nghĩa, tự đương kiểm duyệt bỉ văn, tinh Sa di chư luật nghi đẳng.

"KỈNH ĐẠI SA MÔN", ĐỆ NHẤT.

Bất đắc hoán đại Sa môn tự.

Phạm ngữ, "Sa môn", thử vân : "Cần lao" vị kỳ tu đạo, hữu đa công lao cố. Đại Sa môn, tức thọ cụ giới nhơn. Tự, thị danh tự. Hoán, thị hô hoán, vị bất đắc khinh xưng, bỉ nhị tự danh ; đương vân : mỗ giáp Đại Đức, hoặc vân mỗ giáp Trưởng Lão.

Bất đắc đạo thính. "Đại Sa môn" thuyết giới.

Vị "Tỳ kheo" Bố tát tụng giới thời, cập giảng thuyết "Tỳ ni" thời, bất đắc tư vãng thiết thính, tự hoạch trọng tội, hậu vĩnh bất đắc thọ "đại giới", thâm nghi thận chi ! Hoặc kiến đại Sa môn nhị tam nhơn, đồng thất tế ngữ, bất đắc triếp nhập. Nhược hữu cấp vụ, đương đờn chỉ tác thinh, nhiên hậu nhập ; trừ "Tỳ kheo", dư nhơn tế ngữ, diệc như thị, dĩ tiết tha thị phi, tự chiêu họa cữu, cập loạn chánh niệm, cố dã.

Bất đắc chuyển hành, thuyết "Đại Sa môn" quá.

Hoặc "Tỳ kheo", hữu sở ngộ thất, bất đắc bối hậu, thuyết kỳ trường đoản, diệc bất đắc bình xứ mạ đại Sa môn, cập tại tiền hí tiếu, hiệu kỳ ngôn ngữ hình tướng hành bộ đẳng.

Ngoài ra những Vị nào muốn xem rộng thì gắng xem trọn bộ mới đủ.

Trong bộ "Sa di Thập Giới Pháp" có 72 bài oai nghi, những vị nào muốn xem rộng biết sự nghĩa thì tự gắng xem xét văn kia cùng các luật nghi của Sa di v.v...

BÀI THỨ NHẤT "KÍNH BỰC ĐẠI SA MÔN"

Không đặng kêu tên và Pháp danh bực Đại Sa Môn.

Tiếng Phạn gọi "Sa Môn" - Tiếng Hán gọi "Cần lao". Nghĩa là Ông tu hành có công lao nhiều lắm.

Bực "Đại Sa Môn" là gì ? - Tức người thọ giới "Cụ túc". Hai chữ "pháp danh" không nên kêu một cách khinh dễ và đột ngột. Phải có như thế này : "Vị Đại Đức... hoặc nói bực trưởng lão...".

Chẳng đặng lén nghe bực "Đại Sa Môn" nói Đại giới.

Thầy "Tỳ kheo" khi bố tát, tụng giới và lúc giảng nói luật "Tỳ Ni", ông Sa di không phép đến rình nghe thời mắc tội nặng ; sau quyết không đặng thọ "Đại giới", rất phải cẩn thận. Hoặc thấy bực Đại Sa Môn hai, ba Ngài, đồng ở trong nhà nói nhỏ chẳng đặng lướt vào. Bằng mình có việc gấp, phải đàn chỉ có tiếng, vậy sau mới vào. Trừ bực "Tỳ kheo", các người nói nhỏ cũng phải như vậy. Vì sao ? - Bởi sợ tiết lậu việc thị phi của người, mà chuốc lấy sự tội lỗi và tán loạn chánh niệm của mình nữa.

Chẳng đặng đi chuyền nói lỗi bực "Đại Sa Môn".

Hoặc thầy "Tỳ kheo" có chỗ lầm lỗi, chẳng đặng sau lưng nói kia tốt xấu. Cũng chẳng đặng đến chỗ khuất, mắng lén bực Đại Sa Môn, hay là cười giỡn trước mặt, nhái tiếng nói, bắt chước hình tướng và bộ đi.

ĐẠI LUẬT vân : "Xuất gia chi nhơn, sở hữu ngôn thuyết, giai vi lợi ích, bất ưng tư phẩn, đạo thuyết ư tha".

Luận vân : "Nhược hướng bạch y, thuyết Tỳ kheo tội ác, tắc tiền nhơn, ư Phật Pháp trung, vô tín kỉnh tâm, ninh phá tháp hoại tượng, bất hướng nhơn, thuyết Tỳ kheo quá ác, nhược thuyết quá tội, tắc hoại pháp thân.

Bất đắc tọa kiến Đại Sa môn quá bất khởi, trừ đọc kinh thời, bệnh thời, thế phát thời, phạn thời, tác chúng sự thời.

Nhược kiến Tỳ kheo hành quá, tức đương khởi lập, duy trừ thượng ngũ sự, bất khởi vô phạm. Nhược lộ tương phùng, tức đương hạ đạo chánh lập, đãi khứ phương hành ; phàm hữu giáo ích, đương xoa thủ lập, thính tất tác lễ tạ chi. Nhược bị sất trách, bất đắc trương mục thị ; đương nhuyễn ngữ hối tội, dẫn đoản hướng kỷ.

TRANG NGHIÊM BỬU VƯƠNG kinh vân : "Nhược khinh mạn chúng tăng giả, thị nhơn, đương đọa bần tiện gia sanh, tùy sở sanh xứ, căn tướng bất cụ, bối ủ tóa lậu, xả thị thân dĩ, nhi phục sanh xứ đa bịnh tiêu sấu, thủ túc loan tịch, nhi hữu nung huyết, dinh lưu kỳ thân, linh lạc thân nhục, kinh bá thiên vạn tuế, thọ tư khổ báo".

HÀNH HỘ vân : "Ngũ hạ dĩ thượng, tức Xà Lê vị, thập hạ dĩ thượng, tức Hòa Thượng vị, tuy Tỳ kheo sự, Sa di đương dự tri chi".

Hạ, tức "Hạ lạp", vị thọ cụ giới, tằng kinh nhĩ sở "hạ lạp" giả. "Hòa Thượng" giả, Hồ ngôn giả.

Thử vân "Lực sanh", vị do sư chi lực, sanh ngã giới thân giả. Nhược cứ phạm ngữ, tắc vân : "Ô Ba

Trong ĐẠI LUẬT dạy : "Phàm người xuất gia, chỗ có nói năng đều phải nói lời có lợi ích, chẳng nên riêng giận, và bàn luận việc người".

Trong Luận nói : "Bằng đến nhà thế gian, nói tội lỗi của Tỳ kheo thời người thế gian kia, đối trong Phật pháp, đã không tâm tín kính lại còn gây tội ủy báng thêm gốc khổ cho họ. Thà phá tháp, đốt tượng, chớ không nên đến người thế gian nói tội lỗi của Thầy Tỳ kheo. Nếu ta nói tội lỗi té ra ta làm hư mất pháp thân của ta vậy.

Chẳng đặng ngồi thấy bực Đại Sa Môn đi qua chẳng đứng dậy. Trừ có năm điều không đứng dậy không lỗi như là : 1.- Khi đọc kinh. 2.- Khi bệnh. 3.- Khi cạo tóc. 4.- Khi ăn cơm. 5.- Khi làm việc chúng.

Thấy thầy Tỳ kheo đi qua, mau phải đứng dậy, duy trừ năm việc nói trên không đứng dậy không phạm luật. Lúc đi đường tình cờ gặp thì phải đứng vững bên đường, đợi Ngài đi qua, mình mới đi. Ngài có dạy những điều lợi ích, phải vòng tay đứng nghe rồi lễ tạ ơn. Nếu mình có lỗi, bị quở trách, không nên trợn mắt mà ngó. Phải dịu lời xin tội, đem lỗi về mình.

Kinh TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG nói : "Nếu khinh dễ chúng tăng, người ấy sẽ đọa sanh trong nhà bần tiện. Tùy chỗ đầu thai, hình tướng sứt mẻ, lưng còm, lùn thấp. Khi bỏ thân này rồi, sanh về chỗ nào, nhiều bệnh ốm gầy, tay chân co rút mủ máu chảy đầy cùng thân, thân thịt rời rã, tới trăm nghìn muôn năm chịu cái khổ báo ấy".

Bộ HÀNH HỘ nói : "Năm Hạ sắp lên, tức vị Xà Lê, mười Hạ sắp lên tức vị Hòa thượng. Tuy việc của Tỳ kheo nhưng Sa di cũng dự biết đó".

Hạ là gì ? Tức là "Hạ Lạp", bắt đầu thọ giới Cụ Túc, từng trải qua mấy "Hạ Lạp" vậy.

Hòa thượng là gì ? Tiếng nước Hồ gọi là "Hòa thượng" cũng như nước Trung Hoa gọi là "Lực Sanh".

Đà Da", thử ngôn "Thân giáo sư", vị đệ tử thân tùng thọ giáo giả. Kim thử, tuy phi thân tùng thọ giới, cập dữ thọ giáo. Dĩ kỳ "lạp cao" đức trọng, cố đồng sư vị giả. "A Xà Lê", hoặc vân : "A Già Lợi Da", thử vân : "Quỹ Phạm Sư", vị kỳ năng giáo đệ tử pháp thức giả thử hữu ngũ chủng, nhất dữ thọ thập giới, nhị dữ thọ đại giới, tam dữ giáo thọ, tứ dữ y chỉ, ngũ dữ thọ kinh.

"SỰ SƯ" ĐỆ NHỊ

Đương tảo khởi.

Phật Pháp trung, nhất dạ phân tam thời, vị sơ trung, hậu ; sơ, hậu nhị thời sự sư, hoặc lễ tụng tọa thiền, trung dạ phương ngọa tức ; nhược quá trung dạ, tức đương tiên khởi, tự quán thấu dĩ, nhiên hậu, cụ dương chi tháo thủy đẳng, hầu sư sở tu.

Dục nhập hộ đương tiên tam đờn chỉ.

Nhược nhập sư phòng, tu tại môn ngoại, tiên đờn chỉ tam thinh, linh sư giác dĩ, phương nhập.

Nhược hữu quá, "Hòa thượng", "A Xà Lê", Giáo giới chi, bất đắc huờn nghịch ngữ.

Nhược tự hữu quá thất thời, nhị sư giáo giới ha trách, đương đê đầu thọ giáo, bất đắc nghịch sư ngôn ngữ, khứ hậu vưu đương tư niệm, y giáo hành chi.

Thế nào là Lực Sanh ? Nhờ sức Thầy dạy dỗ, sanh giới thân huệ mạng cho ta. Bằng nói cho đủ theo tiếng Phạm ngữ thì gọi rằng : "Ô Ba Đà Da" tức như tiếng Tàu nói "Thân Giáo Sư".

Sao gọi là Thân Giáo Sư ? Đệ tử gần gũi bên Thầy lãnh lời giáo huấn. Nay đây tuy không phải gần thọ giới và lãnh lời giáo huấn nhưng mà do Ngài lạp cao đức trọng cho nên đồng bực Thầy mình vậy. *(Mà đã đồng bực Thầy mình thì mình đủ phép cung kính chớ không nên khinh lờn).*

A Xà Lê là gì ? A Xà Lê hoặc tiếng phạn nói "A Già Lị Da" tiếng Hán kêu là "Quỹ Phạn Sư".

Quỹ Phạn Sư là gì ? Ông Thầy dạy phép tắc cho các hàng đệ tử vậy. "A Xà lê" đây có 5 nghĩa : 1.- Truyền cho mình 10 giới. 2.- Truyền Đại giới cho mình. 3.- Dạy bảo cho mình. 4.- Cho mình y chỉ. 5.- Dạy kinh cho mình.

BÀI THỨ HAI : "PHÉP THỜ THẦY"

Phải dậy sớm.

Trong Phật pháp một đêm phân làm ba thời : 1.- Thời đầu. 2.- Thời giữa. 3.- Thời sau. Thời đầu và thời sau, hai thời đó hầu Thầy hoặc lễ Phật, tụng kinh ngồi thiền. Thời giữa đêm ta mới nằm nghỉ. Nếu qua khỏi thời giữa thì phải dậy trước, rửa tay, súc miệng xong, vậy sau trao đủ nhành dương nước rửa, v.v... hầu Thầy cần dùng.

Muốn vào cửa, trước phải khảy móng tay ba lần.

Bằng muốn vào liêu Thầy, phải ở ngoài cửa trước khảy móng tay ba tiếng, cho Thầy hay rồi mới vào.

Bằng có lỗi, Thầy "Hòa Thượng", Thầy "A Xà Lê", dạy răn đó, chẳng đặng nói trả lại.

Bằng khi mình lỡ có lỗi, hai Thầy răn dạy quở trách, phải cúi đầu vâng dạy. Chẳng đặng trái lời Thầy. Lui rồi, cần nên nhớ nghĩ, y lời Thầy dạy làm theo.

THÀNH PHẠM vân : "Sa Di ư sư, thường hoài kỉnh úy, tùy thuận sư ý, thường hoài tàm quí, niệm báo tứ ân, bàng tư tam hữu".

Thị "Hòa Thượng", "A Xà Lê", đương như thị Phật.

"Thị", vị "chiêm thị", dĩ sư năng hoằng phạm tam giới, đại Phật tuyên dương, sanh ngã giới thân, dưỡng ngã huệ mạng, cố ưng kỉnh trọng, thị chi như Phật.

THÀNH PHẠM vân : "Nhược đệ tử chúng đa đương các tận kỳ chức, chí ư phụng nhật trà, nhứt phất, nhất kỷ giả".

Nhược sử xuất bất tịnh khí, bất đắc thóa, bất đắc nộ nhuế.

"Nộ", tức "nhuế" giả, hựu hận, viết "nộ", phẩn, viết "nhuế". Bất tịnh khí giả ; vị đại tiểu tiện khí, thóa bình đẳng. Bất đắc thóa giả ; vị bất đắc khởi yểm ố tâm, nhi thóa đàm diên. Đương niệm thử : "Tứ đại khổ thân, thánh phàm tự tha, cu sở bất miễn giả".

Nhược lễ bái, sư tọa thiền, bất ưng tác lễ ; sư kinh hành, bất ưng tác lễ ; sư thực, sư thuyết kinh, sư sớ xỉ, sư tháo dục, sư manh tức, đẳng, cu bất ưng tác lễ ; sư bế hộ, bất ưng hộ ngoại tác lễ ; dục nhập hộ tác lễ, ưng đờn chỉ tam biến, sư bất ứng ưng khứ.

Sớ xỉ, tức dịch thích nha xỉ giả ; như thượng, giai nhi lễ bái thời, cố bất ưng tác lễ giả. "Đẳng" giả,

Thiên THÀNH PHẠM nói : "Sa di ở với Thầy thường có tâm kinh sợ, thuận theo ý Thầy, thường biết xấu hổ lo đền bốn ơn [1], khắp giúp ba cõi [2]".

Coi Thầy "Hòa Thượng" và Thầy "A Xà Lê" cũng như coi Phật vậy.

"Coi" nghĩa là "xem ngó". Bởi 2 Thầy nói trên, là người làm khuôn mẫu dạy chúng sanh trong 3 cõi, thế Phật diễn nói Chánh Pháp, sanh giới thân cho ta, nuôi huệ mạng cho ta, nên ta phải kính trọng coi cũng như Phật.

Thiên THÀNH PHẠM nói : "Bằng đệ tử đông nhiều, mỗi người phải lãnh mỗi chức việc cho đến dưng một bình trà, chùi một bộ lư, hay lau một cái bàn v.v...".

Hoặc Thầy sai đổ đồ bất tịnh, chẳng đặng khạc nhổ, chẳng đặng giận hờn.

"Giận" tức là "Hờn". Hờn ngầm nói là chữ "Nộ". Giận lộ tướng thô kêu là chữ "Nhuế".

Thế nào là đồ bất tịnh ? - Đồ đại tiện, đồ tiểu tiện, ống nhổ v.v...

Thế nào không đặng khạc nhổ ? - Không nên sanh tâm nhờm gớm mà khạc đờm, nhổ nước miếng. Phải nghĩ rằng : "Thân tứ đại này là một kho chứa các đồ dơ bẩn, dù Thánh, phàm, ta và người khác không ai khỏi cả".

Hoặc lễ bái, Thầy ngồi thiền, chẳng nên làm lễ, Thầy đi kinh hành chẳng nên làm lễ. Thầy ăn cơm, Thầy nói kinh, Thầy xỉa răng, Thầy tắm rửa và Thầy ngủ, nghỉ v.v... đều không nên làm lễ. Thầy đóng cửa không nên làm lễ ngoài cửa. Muốn vào cửa làm lễ, phải khảy móng tay ba lần, Thầy chẳng đáp nên lui.

Xỉa răng là xoi xỉa răng nướu vậy. Các việc như trên, chẳng phải thời lễ bái cho nên không phép làm lễ vậy. Chữ

(1) Ơn nước nhà, ơn Thầy Tổ, ơn cha mẹ và ơn Thí Chủ.
(2) Cõi Dục giới, cõi Sắc giới và cõi Vô sắc giới.

hoặc sư thế phát, tẩy túc, tước dương chi ; hoặc địa hữu bất khiết, hoặc sư hữu sự bất hà, hoặc hữu tân khách đẳng...

Trì sư ẩm thực, giai đương lưỡng thủ bổng, thực tất liễm khí đương từ từ.

Lưỡng thủ bổng, thị tôn kỉnh chi mạo ; từ từ, thị cẩn thận chi nghi, liễm thị thâu liễm giả.

Luật văn : "Phàm tấn ẩm thực, đương thích hàn ôn".

THÀNH PHẠM vân : "Vị sư tác thực vô luận thô tế, cu yếu tinh khiết, tất đương thích sư tánh". Phàm phụng trà thang, bất đắc chỉ sáp nhập trản nội, đương lưỡng thủ, huật tứ chỉ, dĩ lục chỉ trì trản phúc, bình cử thọ sư ; trà ngật, như tiền nhiếp trản". HÀNH HỘ vân : "Phàm tấn dược trà diêm, cập nhất thiết thực vật, lượng đương khiết tận, trục thời thọ chi, bất đắc đa thọ, linh hữu tàn túc, thâm tu thận chi !".

Thị sư, bất đắc đối diện lập, bất đắc cao xứ lập, bất đắc thái viễn lập, đương linh sư tiểu ngữ đắc văn, bất phí tôn lực.

Đối diện, cao xứ, giai thất kỉnh nghi, thái viễn, tắc tiểu ngữ bất văn, trí sư trùng ngôn, cố phí tôn lực. Luật vân : "Bất đắc ly sư thất bộ". THÀNH PHẠM vân : "Bất đắc lập sư ảnh trung, bất đắc chuyển thân đê đầu tiểu ngữ khinh tiếu", đương thân tâm túc kỉnh, nhất diện lập, bất đắc thùy thủ lập. HÀNH HỘ vân : "Tại Sư tiền, bất đắc trảo dưỡng, trảo đầu, loát diện, bất đắc đối sư, trước miệt tẩy túc" đẳng.

"Đẳng" còn các việc nữa như là : Thầy cạo tóc, rửa chân, nhăn nhành dương *(chà răng)* hoặc đất không sạch, hoặc Thầy có việc không rảnh, hoặc có khách, đều không nên lễ.

Đem đồ ăn uống cho Thầy đều phải bưng hai tay. Ăn xong, dọn đồ phải sẽ sẽ.

Bưng hai tay là dạng tôn kính. Sẽ sẽ là phép cẩn thận. Dọn đồ là dọn dẹp đồ Thầy ăn xong.

Trong Luật nói : "Phàm dưng đồ ăn uống cho Thầy, phải vừa ý Thầy nguội hay nóng".

Bộ THÀNH PHẠM nói : "Nấu đồ ăn cho Thầy không luận ngon hay dở đều phải sạch sẽ và vừa ý Thầy". Phàm dưng nước trà, chẳng đặng nhúng ngón tay vô trong chén, phải hai tay, co bốn ngón dùng sáu ngón, bợ hông chén, bằng thẳng dưng lên cho Thầy. Thầy dùng xong, như phép trước mà rước lấy cái chén".

Bộ HÀNH HỘ nói : "Phàm dưng thuốc, hoặc nước trà, hoặc muối cùng các vật thực khác, liệu vừa ăn hết, sau cứ theo đó mà trao chớ nên trao nhiều, làm cho dư thừa, rất phải cẩn thận".

Hầu Thầy chẳng đặng đứng trước mặt, chẳng đặng đứng chỗ cao, chẳng đặng đứng xa lắm, để Thầy nói nhỏ nghe đặng khỏi hao sức Thầy.

Đứng trước mặt cùng chỗ cao, đều thất oai nghi cung kỉnh. Xa lắm thì Thầy nói nhỏ không nghe ; làm cho Thầy phải nói lớn, mà đã nói lớn thì hao sức Thầy.

Trong ĐẠI LUẬT nói : "Chẳng đặng cách Thầy 7 bước".

Thiên THÀNH PHẠM nói : "Chẳng đặng đứng trong bóng Thầy, chẳng đặng day mình, cúi đầu nói nhỏ, giỡn cười". Phải thân tâm nghiêm kỉnh. Đứng bên Thầy chẳng đặng đứng xụi tay [1].

Bộ HÀNH HỘ nói : "Ở trước Thầy chẳng đặng cào ngứa, gãi đầu, chà mặt. Chẳng đặng mang giày, rửa chân, trước Thầy".

(1) Phải đứng vòng tay hoặc cung chủ.

Nhược thỉnh vấn Phật pháp nhơn duyên đương chỉnh y lễ bái, hiệp chưởng hồ qui. Sư hữu ngữ, trừng tâm đế thính, tư duy thâm nhập.

Nhơn duyên, thị kinh luật trung, sở thuyết nhơn duyên chi sự, hoặc "cổ đức" cơ duyên đẳng. Vọng niệm bất khởi, cố viết "Trừng tâm". Đế thính, thị "Văn huệ". Tư duy, thị "Tư huệ". Thâm nhập, thị "Tu huệ". Nhiên thính hữu tam phẩm, dĩ thần thính vi thượng, dĩ tâm thính vi trung, dĩ nhĩ thính vi hạ. Nhược sư độc tọa thời, thích hành thời, nhan sắc duyệt thời, tức ưng vấn ; tu lập tại nhật diện, thơ dung bình khí, chí thành thận vấn, tự tự minh lãng, hư tâm thính thọ.

Nhược vấn gia thường sự, bất tu bái quì, đãn đoan lập sư trắc, cứ thiệt thân bạch.

Gia thường sự, tức tăng gia nhất dụng tầm thường sự. Cứ nhất giả, án kỳ sự, nhi trực thân khải bạch giả. Nhược cứ ĐẠI LUẬT, diệc tu nhật bái, hồ quỳ thỉnh bạch, thả như dục thực thời, bạch giả, tựu sư nhứt lễ, hồ quỳ bạch vân : "Hòa Thượng tồn niệm, ngã kim thỉnh bạch : tẩy thủ, tẩy khí, dục vi thực sự, bất thẩm nghi tấn hà thực, chư dư bách sự" loại thử ưng tri, như hữu đa sự, nhất thời tinh bạch, diệc đắc.

Sư nhược thân tâm quyện, giáo khứ ưng khứ, bất đắc tâm tình bất hỉ, hiện ư nhan sắc.

Phàm vấn kinh vấn thoại, đương hầu sư ý bất ưng tự thủ kỳ tiện ; nhược sư thâm tâm bì quyện, bất hà ứng đáp, giáo linh thả khứ, tức đương tùy thuận sư giáo khứ, bất đắc tâm tình bất duyệt, tự chiêu tội cửu.

Bằng thưa hỏi câu chuyện Phật pháp, phải sửa y lễ bái, quì gối chấp tay. Thầy có dạy, chăm lòng nghe kỹ, nhớ in sâu vào óc.

Câu chuyện Phật pháp là gì ? - Tức những chuyện Phật nói, đã ghi trong Kinh, trong Luật, hoặc câu chuyện của bậc "Cổ Đức". Vì vọng niệm chẳng khởi nên gọi là "chăm lòng" ; vì lóng nghe gọi là "Văn Huệ" ; vì nghĩ nhớ gọi là "Tư Huệ" ; vì in sâu vào óc gọi là "Tu Huệ". Song nghe có ba bực : 1.- Lấy thần mà nghe gọi là bực Thượng. 2.- Lấy tâm mà nghe gọi là bực Trung. 3.- Lấy tai mà nghe gọi là bực Hạ. Bằng Thầy khi ngồi một mình, khi đi dạo, khi nhan sắc vui, thì nên hỏi. Phải đứng ở một bên, đều hòa, chẳm rãi, chí thành thưa hỏi, mỗi chữ rõ ràng và hết lòng nghe nhớ.

Bằng hỏi việc thường trong chùa, chẳng buộc lạy quì, chỉ đứng vững bên Thầy, cứ thật, trình thưa.

Việc thường trong chùa là gì ? - Tức là việc tầm thường hằng ngày trong chúng tăng. - Sao lại gọi là cứ thật thưa ? - Xét theo sự mà tỏ bày thưa bạch vậy. Bằng cứ trong ĐẠI LUẬT cũng phải lạy một lạy rồi quì gối thưa hỏi. Và khi muốn nấu đồ ăn muốn thưa, tới trước Thầy, lạy một lạy rồi quì gối thưa như vầy : "Xin Hòa Thượng xét tưởng, con nay xin thưa : "Con rửa tay, rửa đồ muốn làm đồ ăn, không biết nên dâng món ăn gì ? Xin Hòa Thượng dạy". Các việc bạch khác cũng giống như đây, nên biết. Bằng có nhiều việc thưa luôn một lần cũng được.

Bằng thầy thân tâm mỏi mệt, dạy lui, phải lui chẳng nên tâm tình chẳng vui hiện bày sắc mặt.

Phàm hỏi kinh, hỏi chuyện, phải chìu theo ý Thầy, chớ nên dùng theo ý mình. Bằng thâm tâm Thầy mỏi mệt, không rảnh để trả lời câu chuyện, dạy lui, phải thuận lời Thầy dạy mà lui, chẳng nên tâm tình không vui, mà mắc tội lỗi.

NGŨ THẬP TỤNG vân : Thường mộ ư sư đức, bất ưng khuy tiểu quá, tùy thuận hoạch thành tựu, cầu quá dương tự tổn. THIỆN CUNG KỈNH kinh vân : Phật ngôn : Đệ tử ư sư sở bất đắc thô ngôn, sư sở ha trách bất ưng phản báo, sư bất phát vấn, bất đắc triếp ngôn, phàm hữu sở sử, vật đắc vi mạng. Nhược ư sư sở bất khởi cung kỉnh, thuyết ư sư, tăng, trường đoản chi giả. Bỉ ngu si nhơn, ưng như pháp trị ; sư thiệt hữu quá, thượng bất đắc thuyết, huống đương vô giả. Nhược ư sư biên bất cung kỉnh giả, biệt hữu nhất tiểu Địa Ngục, danh vi "chùy phát", đương đọa thị trung, nhất thân tứ đầu. Thân thể cu nhiên, trạng như hỏa tụ, xuất đại mãnh diệm, xí nhiên bất tức.

Ư bỉ ngục xứ, phục hữu câu chủy độc trùng, thường táp thiệt căn. Tùng Địa ngục xuất, sanh súc sanh trung, hằng thực thỉ niệu. Xả bỉ thân dĩ, tuy sanh nhơn gian, thường sanh biên địa, bì bất tợ nhơn, bất năng cụ túc nhơn chi hình sắc. Thường bị khinh tiện phỉ báng lăng nhục, ly "Phật Thế Tôn", hằng vô trí huệ. Tùng bỉ tử dĩ, huờn đọa Địa ngục, cánh đắc vô lượng vô biên khổ hoạn chi pháp.

Phàm hữu phạm giới đẳng sự, bất đắc phú tàng, tốc nghệ sư ai khất sám hối, sư hứa, tắc tận tình phát lồ, tinh thành hối cãi, huờn đắc thanh tịnh.

Bất tự phát lộ, cố viết "phú tàng". "Tinh", vị chuyên tâm thuần nhất. "Thành", vị chí thành vô vọng. "Hối", vị sám hối sở phạm. "Cãi", vị cãi cách tiền phi cánh bất tái tác, cố viết "huờn đắc thanh tịnh", HÀNH HỘ vân : "Nhược bị ha mạ, đương tu tự trách, nhuyễn ngữ sám tạ, niệm tu giới định, dĩ báo sự ân".

Trong Luật NGŨ THẬP TỤNG nói : Làm đệ tử thường mến đức Thầy chớ nên xoi bói lỗi nhỏ. Thuận theo Thầy, được thành công. Tìm lỗi Thầy, mình tổn phước. Kinh THIỆN CUNG KỈNH Phật nói : Đệ tử ở chỗ Thầy chẳng đặng nói lời thô. Có lỗi Thầy quở trách chớ nên nói trả lại. Thầy không mở lời hỏi, chẳng đặng vội nói. Phàm Thầy sai khiến, chớ nên trái mạng. Bằng ở chỗ Thầy không có tâm cung kỉnh và nói tốt xấu của sư Tăng. Người ngu thế đó, phải y pháp trị tội. Thật Thầy có lỗi, còn không nên nói, huống chi không lỗi. Bằng ở bên Thầy không cung kỉnh, sẽ để dành riêng cho một cái Địa Ngục nhỏ tên "Chùy Phát" *(dùi lụi, roi đánh)*. Đọa trong ngục này một thân hóa làm 4 đầu. Thân thể phừng cháy, trạng như đống lửa, bốc cháy dữ dội, đốt mãi không thôi.

Người tội ở trong ngục, lại có con độc trùng mỏ như cây sắt, thường cắn cuống lưỡi. Hết tội đời Địa Ngục, sanh trong đời súc sanh, thường ăn chất nhơ bẩn. Mãn kiếp súc sanh, dẫu sanh trong loài người, thường sanh vào chỗ biên địa, nước da chẳng giống người, hình sắc đen đúa, và không đủ nhân tướng. Thường bị người khinh dể, chê bai, lấn hiếp ; cách "Phật Thế Tôn" hằng không trí huệ. Từ đây chết đi đọa trở lại trong Địa Ngục, chịu biết bao sự khổ và hoạn nạn.

Phàm có giới phạm các việc chẳng đặng che giấu, mau tới Thầy cầu xin sám hối. Thầy cho thì hết lòng tỏ bày tinh thành hối cãi, lại đặng thanh tịnh.

Mình không tỏ bày, cho nên nói "che giấu". Chuyên tâm thuần nhất gọi là chữ "Tinh". Chí thành không vọng gọi là chữ "Thành". Sám hối những tội phạm gọi chữ "Hối". Chừa bỏ lỗi trước gọi là chữ "Cải". Và không dám làm nữa, cho nên nói : "Hườn đắc thanh tịnh". Bộ HÀNH HỘ nói : "Nếu bị quở mắng nên phải trách mình, nhẹ lời xin lỗi, lo tu giới, định, đền đáp ơn Thầy".

THÀNH PHẠM vân : "Phàm hữu ngộ thất quá cữu, sư hoặc thị nộ, chủng chủng ha trách, bất đắc xảo từ sức phi, tài kiến sư nộ, tức đương úy cụ, liễm dung hồ quỵ sư tiền, tâm hoài quí sỉ thọ trách, hữu quá tắc cãi, vô quá mặc nhiên".

Sư ngữ vị liễu, bất đắc ngữ.

Vị sư hối thị vị tất, bất đắc tự thuật kỷ ngôn, dĩ loạn sư hối, tự thất lợi ích, phục thất tôn kỉnh, diệc bất đắc dĩ lý tranh thắng.

Bất đắc hí tọa sư tòa, cập ngọa sư sàng, trước sư y mạo đẳng.

Vô tôn kỉnh tâm, cố, hữu hí tọa ngọa đẳng.

Vị sư trì đạt thơ tín, bất đắc tư tự sách khán, diệc bất đắc dữ nhơn khán. Đáo bỉ hữu vấn, ưng đáp tắc thiệt đối. Bất ưng đáp tắc thiện từ khước chi, bỉ lưu bất đắc tiện trụ, đương nhật tâm tư sư vọng qui.

Tự khán, tức thất "cung kỉnh" chi nghĩa. Dữ tha khán, tức hữu "phi nghi" chi thất. Hoặc tha nhơn phụ thơ tín diệc bất khả khai sách, dĩ tồn "hậu đạo", vô ngộ ư nhơn, nhơn khai thơ tín, diệc bất khả tư khuy.

Tích "Phú Bật", sứ "Khế Đơn" đắc gia thơ bất phát, nhi phần chi viết : "Đồ loạn nhơn ý nhĩ" ! Gia thơ thượng bất phát, huống tha thơ hồ ? Nhập nhơn gia, bất khả khám nhơn văn tự bộ tịch đẳng. Ưng đáp giả, vị kỳ lý thuận, ngữ hữu lợi ích, tắc cứ thiệt đối chi. Bất ưng đáp giả, hoặc kỳ lý nặc, sự đương ty hiềm nghi, hữu tổn Phật pháp, tắc dĩ thiện xảo phương tiện ngôn từ khước chi. Tư sư vọng qui giả, như hiếu tử chi niệm từ mẫu, tu du bất vong tất hạ dã.

Bộ THÀNH PHẠM nói : "Phàm có sở lỡ lỗi lầm, hoặc Thầy bày sắc giận, đủ cách quở trách, chẳng đặng khéo lời trớ trinh. Vừa thấy Thầy buồn, thời phải lo sợ, khép nép qui gối, trước Thầy ôm lòng hổ thẹn chịu quở. Có lỗi thời chừa, không lỗi làm thinh".

Thầy nói chưa rồi, ta chẳng đặng nói.

Thầy dạy bảo chưa xong, chẳng đặng tự thuật lời của mình, làm loạn lời dạy của Thầy, mình mất lợi ích, và không tâm tôn kính, cũng chẳng nên viện lý tranh hơn.

Chẳng đặng ngồi chơi chỗ Thầy cùng mặc áo mão của Thầy.

Vì không tâm cung kính nên mới có ngồi giỡn nằm chơi các việc.

Thầy dạy đem thơ tín chớ đặng riêng mình mở coi, cũng chẳng đặng cho người coi. Đến kia có hỏi, đáng trả lời, thời cứ thật trình thưa. Không đáng trả lời, thời khéo lời lui đi. Người cầm không đặng ở lại phải một lòng nhớ, Thầy trông về.

Mình mở coi tức là mất cái nghĩa "cung kính". Cho người xem tức là có lỗi "sái phép". Bằng người gởi thơ tín cho, ta cũng chẳng đặng mở coi vì giữ lòng "hậu đạo" đừng sơ thất với người. Người mở thơ tín ra coi, ta cũng không nên lén dòm. Xưa ông "Phú Bật" đi sứ nước "Khế Đơn" đặng thơ nhà, không mở coi mà đốt. Ông nói rằng : "Rối loạn ý người vậy". Ôi, thơ nhà còn không mở, huống thơ người ư ? Vào nhà người, chớ nên coi sổ bộ và sách vở của người. Thế nào đáng trả lời ? Những chuyện đúng lý, lời có lợi ích thời ta cứ thật trình thưa.

Thế nào không đáng trả lời ? - Hoặc như câu chuyện lý đáng giấu, việc đáng lánh, lời hiềm nghi có hại cho Phật pháp thì ta khéo lời phương tiện mà xin lui.

Thế nào nhớ Thầy trông về ? Đệ tử đối với Thầy, như con thảo nhớ mẹ hiền, giây lát không quên ơn dưỡng dưỡng.

Kinh vân : "Đương trực vãng, trực hườn, đương thức sư sở ngữ, diệc đương nhơn báo ngữ".

Sư đối tân, hoặc lập thường xứ hoặc ư sư trắc, hoặc ư sư hậu, tất sử nhĩ mục tương tiếp, hầu sư sở tu.

Phi viễn, phi cận, cố đắc nhĩ mục tương tiếp, thân tâm chiếu ứng, cố vô thất sư sở tu.

THÀNH PHẠM vân : "Phàm kiến khách chí đương sanh cung kỉnh, vật khởi yểm mạn, tu địch trản tiển trà đẳng".

Sư tật bệnh, nhất nhất dụng tâm điều trị, phòng thất bị nhục, dược nhĩ chúc tự đẳng.

Phòng thất bị nhục, thị điều kỳ ngoại, dược nhĩ chúc tự, thị trị kỳ nội. "Đẳng" giả, vị sở hữu ứng bệnh chi dược thực, cập sở nghi chi cụ khí đẳng. "Nhĩ" giả, vị phàm khả điềubệnh chi dược thực dã.

HÀNH HỘ vân : "Thường niệm Quan Âm Bồ Tát, nguyện sư thuyên dủ".

THÀNH PHẠM vân : "An thiết nghiêm thất, kỵ phong âm xứ, tu sàng nhục hậu nhuyễn, sát sư nhan sắc, xuất nhập phò sách, như pháp điều chữ canh thang dược nhĩ, thiểu ta, tức sanh hoan hỉ, thường đương dĩ hiếu tâm hòa dung, phụng sự chi, khách lai chiêm vấn thiện đại sư ngữ, bất ưng quyên tụ, đương túc nhiên yến tịnh; bệnh nhược trọng, bất đắc khốc khấp; sư viên tịch, bất dắc vi sư giới chúc, ưng nhất nhất như giáo tuân hành chi".

Kinh THẬP GIỚI nói : "Phải đi ngay về thẳng, phải nhớ lời Thầy dặn và cũng phải nhớ lời người nói, để về thưa lại với Thầy".

Thầy nói chuyện với khách, ta đứng chỗ thường hoặc bên Thầy, hoặc đứng sau Thầy, phải cho tai mắt tiếp nhau, hầu Thầy khi cần dùng.

Không phải xa, không phải đứng gần cho nên đặng tai mắt vừa chừng, thân tâm trực tiếp, cho nên không mất chỗ Thầy sai bảo, khi cần.

Bộ THÀNH PHẠM nói : "Phàm thấy khách đến phải sanh tâm cung kính, đừng sanh tâm biếng lười và khinh dể. Phải lau chén, nấu trà và các việc..."

Thầy có tật bệnh, mọi việc hết lòng nuôi dưỡng, phòng nhà, mền nệm thuốc thang, cơm cháo các việc điều trị.

Phòng nhà mền nệm là nuôi dưỡng bề ngoài, thuốc thang cơm cháo là điều trị bề trong. Chữ "Đẳng" là còn nhiều việc nữa như các món thuốc và đồ ăn hợp bệnh, cùng đồ đạc cần dùng trong khi bệnh.v.v... Các món thuốc, món ăn, có thể trị lành bệnh. Tàu gọi là chữ "Nhĩ".

Bộ HÀNH HỘ nói : "Thường niệm đức Quan Thế Âm Bồ Tát cầu nguyện cho Thầy mau mạnh".

Bộ THÀNH PHẠM nói : "Sắp đặt nhà kín, ky gió và ẩm thấp giường nệm cho dày và êm. Coi nhan sắc Thầy, lúc ra lúc vào phải dìu đỡ. Đúng phép : nêm canh, nấu cơm, sắc thuốc, Thầy có hơi bớt thì sanh tâm vui mừng, thường đem tâm hiếu thảo và sắc mặt cho vui kinh thờ Thầy. Khách đến thăm viếng, khéo thế lời Thầy nói chứng bệnh và bớt hay không cho khách biết khỏi phải bận rộn Thầy. Cần nên nghiêm tịnh và yên lặng. Bằng Thầy bệnh quá nặng, định tâm niệm Phật và tìm phương cứu chữa, chớ nên khóc lóc, rủi Thầy viên tịch, chớ nên trái lời Thầy dạy trối trước khi, phải mỗi mỗi y dạy vưng làm".

Trì y, thọ lý, tẩy cán, hống sái đẳng, cụ ư LUẬT trung, tư bất phiền lục.

Trì sư y, đương từ từ, nhất thủ bài thượng, nhứt thủ tróc hạ, chánh lập trước sư tả kiên thượng. Sư trước dĩ, phục thị thượng, hạ văn lý như pháp phủ ? Chiệp thời bất đắc dĩ khẩu hàm, đương thị thượng, hạ, bất sử trước địa, hườn an thường xứ, dĩ tịnh vật phú thượng, bất đắc dĩ dư y vật phú thượng. Thọ lý, đương tiên đầu sẩu xoát cấu, bất đắc đại thinh, thị thứ tỷ chi, tháo thủ dĩ, phương trì y vật. Phàm tẩy cán, vụ linh tịnh, dụng thủy, diệc bất đắc đại phí. Hống sái pháp y, đương đãi càn táo, hữu cấp sự hành, bất đắc vong khứ, đương phú dư nhơn, sự tất tức nghi phục, dư tẩy bát khí, đẳng, bị tải THẬP GIỚI kinh trung, văn đa cố vân : Bất phiền lục.

PHỤ...

Phàm thị sư, bất mạng tọa, bất cảm tọa, Bất vấn, bất cảm đối, trừ tự hữu sự dục vấn.

Bất đắc thiện tọa, cập thiện tự đối đáp, trừ tự kỷ hữu sự, dục bạch nãi vấn.

Phàm thị lập, bất đắc ỷ bích kháo trác, nghi đoan thân tề túc trắc lập.

Thân thiên trắc, viết "Ỷ" : Tà bằng, viết "Kháo" bất đối diện viết "Trắc lập".

NGŨ THẬP TỤNG vân : "Hựu bất ưng sư tiền, thân hiện bì lao tướng, quật chỉ tiết tác thinh, ỷ trụ, cập tường bích, diệc bất đạp môn hạng".

Cầm y, trao giày, giặt rửa hong phơi các việc đủ như trong ĐẠI LUẬT, đây chẳng chép nhiều.

Cầm y Thầy, phải sẽ sẽ, một tay xách trên, một tay đỡ dưới, đứng ngay đắp trên vai trái của Thầy. Thầy đắp rồi, lại coi trên dưới, lớp lang đúng phép hay không ? Lúc xếp y, chẳng nên lấy miệng ngậm, phải coi trên và dưới đừng cho chấm đất, đem để chỗ cũ, lấy đồ sạch tủ lên, không được lấy y vật khác tủ. Trao giày, trước phải cạo gọt đất dính đập vỗ đừng có lớn tiếng. Coi theo thứ lớp mà trao *(như thầy đi chỗ đó đáng trao guốc hay trao giày vân vân)*. Rửa tay xong rồi, mới cầm y cùng các vật. Phàm giặt rửa cần cho sạch, dùng nước chớ nên hao nhiều. Hong phơi y pháp phải chờ cho khô khan, có việc cần đi chớ nên quên bỏ, phải giao lại cho người khác, việc rồi phải trở lại coi. Ngoài ra còn nhiều việc nữa như : rửa bát, giặt đồ vân vân... đủ trong kinh THẬP GIỚI vì văn nhiều cho nên đây không chép.

(Từ đây sắp sau, chỗ nào nói lời phụ, đều là lời thêm của Tổ Vân Thê).

LỜI PHỤ.

Phàm hầu Thầy, Thầy chẳng dạy ngồi, chẳng dám ngồi. Thầy chẳng hỏi chẳng dám thưa trừ mình có việc cần muốn thưa mới hỏi.

Chẳng đặng tự do ngồi và tự do đối đáp với Thầy, trừ mình có việc cần muốn thưa mới hỏi.

Phàm đứng hầu chẳng nên nương vách, dựa ghế, phải vững mình bằng chân, đứng một bên.

Thân dựa nỉnh, Hán gọi là chữ "Ỷ" đứng dẹo ne gọi rằng chữ "Kháo". Không đứng ngay trước mặt gọi chữ "Trắc lập".

Bộ NGŨ THẬP TỤNG nói : "Chẳng nên ở trươc Thầy, thân hiện tướng mỏi mệt, co ngón, bẻ lóng kêu lắc cắc, dựa cột, nỉnh tường và không nên đạp ngạch cửa, đứng giăng tay".

TRIỆU PHÁP SƯ viết : "Cung kỷ thuận mạng, cấp thị chi giả, viết "Thị giả".

BỒ TÁT TÙNG ĐẦU SUẤT HÁ SANH Kinh vân : "Thị Giả" cụ bát pháp. Nhất : Tín căn kiên cố. Nhị : Kỳ tâm mích tấn. Tam : Thân vô chư bệnh. Tứ : Tinh tấn. Ngũ : Cụ niệm tâm. Lục : Tâm bất kiêu mạn. Thất : Năng thành định ý. Bát : Cụ túc văn trí.

Dục lễ bái, nhược sư chỉ chi, nghi thuận sư mạng, vật bái.

"Lễ" giả, thị thân "kỉnh" chi nghi dã; nhược năng thuận mạng, tức thị "kỉnh" hĩ.

Phàm sư dữ khách đàm luận, thiệp đạo thoại, hữu ích thân tâm giả, giai đương ký thủ.

"Thiệp Đạo" thoại, tức "Pháp ngữ", chấp lao, phục dịch, trưởng tự phước cơ, văn Pháp ký thủ, nhuận trạch tâm địa, thị sư chi nghĩa, thành tại tư hồ.

THÀNH PHẠM vân : "Hoặc sư tuân, khách đáp, hoặc bỉ vấn sư thù, bất đắc văn dị quái kinh, bất đắc kiến tiếu tùy tiếu, đương thức ngữ ý tông du, thiết tâm nghiên vị, thảng hữu kiến xứ; đương phục trình sư".

Sư hữu sở sử linh, nghi cập thời tác biện, bất đắc vi mạn.

Biện, vị bị "biện", bất thuận viết "vi", bất kỉnh viết "mạn", hựu mạng đãi dã.

Phàm thùy manh, bất đắc tiên sư.

Ý thức hôn thục viết "Thùy".

Ngũ tình ám minh, viết "Manh", do thử phú tế thân tâm, thiện Pháp bất sanh, trường luân tam giới.

Ngài Triệu Pháp Sư nói : "Mình cung kính và vưng lịnh mới đúng cái nghĩa làm "Thị giả" hầu thầy".

Kinh BỒ TÁT TÙNG ĐẦU SUẤT HÁ SANH nói : "Thị giả" hầu Thầy cần đủ 8 phép : 1. - Tín tâm kiên cố. 2. - Tâm mình tìm học, tấn tu. 3. - Thân không các bệnh 4. - Tinh tấn. 5. - Đủ tâm thương Thầy. 6. - Tâm không kiêu mạn. 7. - Tâm bình tĩnh và định đoạt. 8. - Có đủ trí nghe".

Muốn kỉnh lạy, bằng Thầy bảo thôi, nên nghe lời Thầy chớ lạy.

"Lạy" là cái phép "cung kỉnh", nhưng nghe lời Thầy dạy tức là "Kỉnh" vậy.

Phàm Thầy cùng khách dàm luận, câu chuyện nhằm đạo, có ích thân tâm, đều phải nhớ lấy.

Câu chuyện "nhằm đạo", tức là lời nói đúng "chánh pháp" chấp lao, phục dịch Thầy, mình thêm nền phước. Nghe pháp nhớ lấy, nhuần thấm tinh thần, nghĩa hầu Thầy thật ở nơi đây vậy.

Thiên THÀNH PHẠM nói : "Hoặc Thầy hỏi khách đáp, hoặc khách hỏi Thầy trả lời, chớ nên nghe lời quái lạ kinh sợ cũng chẳng đặng thấy cười, cười theo phải biết ý tứ câu nói và lời đúng tôn chỉ, để tâm ngẫm nghĩ, bằng có chỗ kiến giải hay; phải đến thưa Thầy chứng nhận, hoặc chỉ lại những chỗ sai lầm".

Thầy có sai khiến, phải kịp thời làm xong, chớ nên trái trễ.

Làm xong hoàn toàn gọi là chữ "Biện". Không tuân lệnh Thầy gọi là chữ "Vi". Không có tâm cung kính, gọi là chữ "Mạn". Và chữ Mạn cũng có nghĩa là biếng lười trễ nải v.v...

Phàm ngủ, nghỉ, chớ nên trước Thầy.

Ý thức mê mẩn kêu là chữ "Thùy".

Ngũ quan ngất xẩm kêu rằng chữ "Manh". Do ngủ đậy che lấp thân tâm, không sanh pháp lành, chìm mãi trong

cố đương thiểu thùy, nghi khởi tại sư tiền, ngọa tại sư hậu, đa thùy hữu ngũ quá : Nhất, đa ác mộng. Nhị, chư Thiên bất hỉ. Tam, tâm bất nhập pháp. Tứ, bất tư duy minh tướng. Ngũ, hí xuất bất tịnh.

Phàm nhơn vấn sư "húy", đương vân : Thượng mỗ tự, hạ mỗ tự.

"Húy", tức nhị tự "Pháp danh" dã; nhược vấn tự hiệu, đương trực vân; mỗ giáp Hòa Thượng, hoặc vân : mỗ giáp Bổn sư. Nhược vấn "A Xà Lê" tự hiệu ưng vân : mỗ giáp "Hủy Phạm Sư"; nhược phi ngũ chưởng "Xà lê", bất đắc xưng "Sư".

NGŨ THẬP TỤNG vân : "Hựu phục ư sư danh, bất ưng triếp xưng cử, thiết hữu cố vấn giả, đương thị chi nhất tự; nhược vấn sư niên "Lạp", cập dữ "Châu Huyện" danh, nhất nhứt giai tu đáp.

Phàm đệ tử, đương trạch "minh sư", cửu cửu thân cận, bất đắc ly sư thái tảo; như sư thiệt bất minh, đương biệt cầu "Lương đạo".

Nhược sư "Đạo nhãn" thông minh, tắc tận thọ sự chi, thảng hoặc bất minh, nghi biệt tham "Tri thức". "Sa Di" bổn vô ly sư chi pháp, dĩ sư bất minh, cố biệt cầu "lương đạo", dĩ "lương đạo", năng đạo nhơn chí ư chí đạo.

Cố KINH vân : "Tùy thuận thiện sư học, đắc kiến hằng sa Phật, thị dã". Hạnh vô kỉnh "Di Hầu" vi "Đế thích", tôn "ngõa lịch", vi "minh châu".

ba cõi. Cho nên phải ít ngủ, phải thức dậy trước Thầy, ngủ phải ngủ sau Thầy. Ngủ nhiều có năm điều lỗi. Những chi gọi rằng năm điều lỗi ? - 1. - Hay sanh chiêm bao dữ. 2. - Vị chư Thiên không ưa. 3. - Tâm không tỏ đạo. 4. - Không hay mặt trời mọc. 5. - Ưa ra đồ bất tịnh.

Phàm người hỏi tên "Húy" của Thầy, phải nói trên chữ chi, dưới chữ chi.

Hai chữ "Pháp danh" của thầy gọi tên "Húy". Bằng hỏi chữ "Pháp hiệu" của Thầy thời ta cứ nói : "Hòa thượng tôi hiệu...chi đó. Hoặc nói : Bổn sư tôi hiệu... chi đó. Bằng người hỏi "Pháp hiệu" của Thầy "A Xà Lê" ta nên nói : Thầy "SƯ PHẠM" tôi hiệu... chi đó. Bằng không phải năm bực "A Xà Lê" thời chẳng đặng xưng là "Thầy".

Bộ NGŨ THẬP TỤNG nói : Lại như người ta hỏi tên của Thầy mình, chẳng đặng nói liền, bằng người cố hỏi chỉ nói một chữ thôi. Bằng người hỏi niên Lạp Thầy và tên Châu Huyện xứ sở, mỗi mỗi đáp được cả.

Phàm đệ tử phải lựa ông MINH SƯ gần gũi thật lâu, chớ nên lìa Thầy sớm lắm. Bằng Thầy thật không hiểu Phật Pháp, phải riêng cầu ông "Lương Đạo".

Bằng Thầy "Đạo Nhãn" thông minh, thời trọn đời hầu hạ. Hoặc như không hiểu Phật Pháp, thời phải riêng tìm ông "Tri thức" khác để học. Theo bổn phận ông "Sa Di", vốn không có phép lìa Thầy, nhưng vì Thầy không hiểu Phật pháp nên phải riêng tìm ông "Lương Đạo". Bởi ông "Lương Đạo" là người hay dẫn dắt ta đến chỗ chí đạo của đức Phật.

Cho nên trong kinh "THẬP GIỚI" nói : Thuận theo Thầy hay mà học, đặng thấy hằng sa chư Phật phải vậy" Xin chớ lầm kính con "Di Hầu" là vị "Đế Thích" (2), trọng "ngói gạch" cho là ngọc "Minh Châu".

Tôn ngõa lịch, thị bất thức pháp, kỉnh "Di Hầu", thị bất thức nhơn; bất thức pháp, tắc Huệ nhãn thất, bất thức nhơn, tắc đọa tà đồ. Cố vân : "Nhữ sư ký đọa, như diệc tùy đọa, thử chi vị dư".

Thiết ly sư; đương ức sư hối, bất đắc túng tình tự dụng, tùy thế tục lưu, hành "bất chánh" sự.

Bất ức sư hối, cố túng tình tự dụng, tùy "thế tục" lưu, cố hành "bất chánh" sự.

TRUNG TÂM Kinh vân : Phật ngôn : "Tri sư ân giả, sư tắc thừa sự, bất kiến tắc tư duy sư chi giáo giới, thị dã".

Diệc bất đắc trụ thị tỉnh náo xứ.

Tụ hóa giao dịch chi sở, danh "Thị". Cổ ư cấp thủy chi xứ vi "Tỉnh". Cố viết" thị, "Tỉnh", thị trung quyên tạp, cố viết "Náo" xứ, tuy phi thị Tỉnh, chư dư náo xứ, diệc bất đắc trụ.

Bất đắc trụ "Thần miếu".

Huyết thực tế tự, phi xuất gia giả sở cư, "Phạm Vương" "Đế Thích",du thượng bất kỉnh, huống sự "Tửu nhục chí Thần", đại vi Thánh giáo, phi Phật đệ tử.

Bất đắc trụ dân phòng, bất đắc trụ cận ni tự xứ.

Nam, Nữ hữu biệt, cố bất cận Ni tự xứ. Tăng Tục hữu phận, cố bất trụ dân phòng. Nhất : khủng tình sanh tiệm nhiễm. Nhị : linh tục cơ báng.

Bất đắc dữ sư các trụ, nhi hành thế pháp trung, nhất thiết ác sự.

Trọng ngói gạch là dụ người không biết pháp. Kính con "Di Hầu" là dụ kẻ không biết người. Không biết pháp cũng như người có con mắt mà bị đui, kẻ không biết người hay, thời đọa vào đường tà. Cho nên Kinh TỊNH DANH NÓI : "Thầy ngươi đã đọa, ngươi cũng đọa theo là nghĩa đây vậy".

Dầu có lìa Thầy, nhưng cũng nhớ lời Thầy dạy, chẳng nên lung tình tự ý theo người thế tục, làm việc "bất chánh".

Không nhớ lời Thầy dạy, cho nên lung tình tự ý. Theo người "thế tục" cho nên làm việc "bất chánh".

TÂM KINH nói : Đức Phật dạy : "Người biết ơn Thầy khi thấy Thầy thời vưng thờ, khi không thấy Thầy thời nhớ tưởng lời dạy của Thầy, phải vậy".

Cũng chẳng đặng ở chỗ chợ, giếng rầy rà.

Những chỗ chứa hàng đổi chác gọi là "Chợ". Người xưa nói, cái chỗ múc nước kêu là cái "Giếng". Cho nên gọi "Chợ" và "Giếng". Những chuyện "ồn ào" trong chợ, gọi rằng chữ "Náo xứ". Dù không phải chỗ chợ và giếng nhưng tất cả chỗ nào ồn ào rộn rực cũng chẳng nên ở.

Cũng chẳng đặng ở chỗ Miễu "Ông Thần".

Miễu cúng tế đồ huyết nhục, chẳng phải chỗ ở của người xuất gia. Vị "Phạm Vương" Trời "Đế Thích" hời còn không kính, huống chi thờ ông "Thần tửu nhục" rất trái lời của đức Phật dạy, chẳng phải Đệ tử của Ngài.

Chẳng đặng ở nhà dân, chẳng đặng ở chùa cô Ni.

Kẻ Nam, người Nữ có phân biệt, cho nên chẳng nên ở gần chùa cô Ni. Ông Thầy, người Tục, phải riêng khác, cho nên chẳng ở nhà dân. Có hai điều kiện : 1. - Tiệm nhiễm tình sanh. 2. - Khiến người đời chê bai.

Chẳng đặng cùng Thầy đồng ở, mà làm tất cả việc ác trong pháp thế gian.

Vị lợi phản mại, giao kiết vãng lai, thị tục hào cường, học tập kỳ nghệ, bài ưu thọ cố, thông sứ tứ phương, chưởng thực cầu lợi, giai viết : "Ác sự".

"TÙY SƯ XUẤT HÀNH" ĐỆ TAM

Bất đắc quá lịch nhơn gia

Tùng nhất gia, đáo nhất gia, cố viết "quá lịch", túng quá phụ mẫu, "dàn việt" gia, sư bất thính, diệc bất đắc nhập.

Bất đắc chỉ trụ đạo biên, cọng nhơn ngữ.

"Đạo" lộ dã; nhược ngộ thân bằng tri thức, đương thiện từ khước, vô đắc cọng ngữ, nhi thất tùy thị dã.

Bất đắc tả hữu cố thị, đương đê đầu, tùy sư hậu.

Cố thị, tắc tán ý thất nghi; đê đầu, nãi tâm đoan biểu chánh.

Đáo "đàn việt" gia, đương trụ nhất diện, sư giáo tọa, ưng tọa.

Trụ nhất diện, vị thị lập sư trắc dã. "Đàn" thị Phạm ngữ, thử vân "Thí" *(vị bỉ năng hành bố thí, tắc tiện việc độ bần cùng khổ hải dã).*

Đáo tha tự viện, sư lễ Phật, hoặc tự lễ, bất đắc thiện tự minh khánh.

"Thiện", thị "tự chuyên" dã. Tự cát hữu chủ, nghi cụ khách nghi, bất đắc triếp tự cử động cố dã.

Nhược sơn hành, đương trì tọa cụ tùy chi.

Vì lợi buôn bán, giao kết tới lui, cậy người Tục giàu mạnh học tập nghề hay, hát xướng đóng tuồng, đi sứ bốn phương trông trặt cầu lợi, đều gọi là "việc ác".

BÀI THỨ BA : "THEO THẦY RA ĐI"

Chẳng đặng trải qua nhà người khác.

Từ một nhà này qua một nhà khác gọi là chữ "Quá Lịch" dù qua cha, mẹ, nhà "Đàn việt" Thầy chẳng cho cũng chẳng đặng qua.

Chẳng đặng đứng bên đường cùng người nói chuyện.

Đường đi gọi là chữ "Đạo".

Bằng gặp bà con, người quen biết, phải khéo lời mà lui, chớ nên cùng nói, mà mất cái chỗ theo hầu Thầy.

Chẳng đặng liếc ngó hai bên, phải cúi đầu theo sau Thầy.

Liếc ngó thời loạn ý, mất oai nghi. Cúi đầu thời thân chính, tâm ngay thẳng.

Đến nhà người "Đàn việt" phải đứng một bên Thầy, Thầy dạy ngồi, mới ngồi.

Đứng một bên. Nghĩa là : đứng hầu bên Thầy vậy. Tiếng Phạn nói chữ "Đàn". Cũng như tiếng Hán nói chữ "Thí" *(Nghĩa là : người đàn việt hay làm việc bố thí cúng dường, thời đặng qua khỏi biển khổ bần cùng vậy).*

Đến chùa, am khác, Thầy lễ Phật, hoặc mình lễ, chẳng đặng tự chuyên đánh khánh *(đánh chuông).*

"Tự chuyên" tiếng Hán gọi là chữ "Thiện"

Tại sao không đặng tự chuyên ? - Bởi mỗi chùa đều có ông chủ. Mình phải đủ oai nghi làm người khách, chẳng đặng tự chuyên cử động, cớ vậy.

Bằng Thầy đi núi, phải đem đồ ngồi theo.

Hoặc "Ni sư đàn", hoặc "Bồ đoàn", hoặc tùy sở tọa vật, nhậm trì chi, dĩ tiện sư tọa dã.

Nhược viễn hành, bất đắc tương ly thái viễn.

Thái cận, tắc túc đạo sư ảnh, hoặc bộ dương trần. Thái viễn, tắc bất văn sư hoán thị, hoặc trí dư thất. Ngũ Thập Tụng vân : "Nhược túc đạo sư ảnh, hoạch tội như phá Tháp".

Nhược độ thủy, đương, trì trượng, từ thí thiển thâm.

Thiển, tắc phò sư độ quá, Thâm, tắc thiến nhơn hà dư.

Trì bình, huề tích đẳng, cụ như luật trung văn phiền bất lục.

THẬP GIỚI Kinh trung, trì sư tháo bình, hữu thập ngũ sự; huề tích, hữu thất sự, văn đa cố bất lục.

PHỤ

Nhược ngẩu phân hành, ước ư mỗ xứ hội, bất đắc hậu thời.

"Ngẩu" giả, "thích nhiên" dã. Bất đắc hậu thời giả, đương tiên đáo ước sư xứ hầu, vật tại sư hậu phương chí.

Sư thọ trai, đương thị lập xuất sanh, trai tất, đương thị lập thâu thẩu.

"Xuất sanh" giả, vị thí chư quỉ thần chúng sanh chi thực; tu trước tịnh khí, an cư tịnh xứ. Thẩu, thị đàn việt sở chí chi vật.

THÀNH PHẠM vân : "Hầu sư trai ngật, thâu sư đàn thẩu".

Đồ ngồi tiếng "Phạm ngữ" có nhiều tên. Hoặc nói cái "Ni sư đàn", hoặc nói cái "Bồ đoàn". Theo ta thời tùy vật ngồi, gói đem theo cho dễ Thầy ngồi vậy.

Bằng đi đường xa, chẳng đặng cách Thầy xa lắm.

Gần lắm, thì chân đạp bóng Thầy, hoặc đi bay bụi, xa lắm thời lúc Thầy kêu dạy không nghe; hoặc mắc cái lỗi. Bộ NGŨ THẬP TỤNG nói : "Bằng chân đạp bóng Thầy mắc tội, như phá Tháp".

Bằng lội nước, phải cầm gậy dò thử sâu hay cạn.

Cạn thời dìu Thầy lội qua. Bằng sâu thì thuê người khiêng kiệu *(khiêng kiệu hoặc là đưa đò).*

Mang bình, cầm tích còn nhiều việc hầu Thầy, đủ như trong Luật, văn nhiều không chép.

Trong Kinh THẬP GIỚI dạy nếu đem bình tắm cho Thầy có 15 chuyện. Cầm tích có 7 chuyện, văn nhiều nên không chép.

LỜI PHỤ

Hoặc tình cờ chia ra đi, hẹn chỗ nào nhóm, chẳng đặng tới sau.

"Tình cờ" chia ra đi, Tàu gọi là chữ "Ngẩu".

Thế nào không đặng tới sau ? Phải đến trước chỗ hẹn với Thầy chực hầu, chớ lểnh thểnh sau Thầy mới đến.

Thầy chứng trai, phải đứng hầu mà xuất sanh. Trai xong phải đứng hầu cất của cúng.

"Xuất sanh" là gì ? - Thí cơm cho các Quỉ Thần chúng sanh ăn : Phải bỏ trong chén sạch, đem để chỗ sạch. Những của người đàn việt cúng thí . Tiếng Hán gọi là chữ "Thấu".

Thiên THÀNH PHẠM nói : "Hầu Thầy trai xong, cất của người đàn việt cúng cho Thầy".

ĐẠI LUẬT vân : "Thực hậu thí y vật, danh vi "đại thẩu" thị dã. Án "thẩu" tự, bổn tùng "khẩu". Kim tùng "bối", ngoa dã. Phạm ngữ, cụ vân "đạt thẩu noa", thử ngôn :

"Thí", tại pháp, tắc viết "Pháp thí", tại tài, tắc viết "tài thí" tại gia nhơn, ưng hành tài thí, xuất gia nhơn, ưng hành pháp thí.

NIỨT LẢM vân : "Tài pháp nhị thí", nhỉ hành công, phước, huệ lưỡng toàn phương tác Phật".

"NHẬP CHÚNG" ĐỆ TỨ

Bất đắc tranh tọa xứ.

Tu kỉnh nhượng chi

Bất đắc ư tòa thượng, diêu tương hô ngữ tiếu.

Như hữu yếu sự, đương đờn chỉ sử giác, khinh ngữ linh tri, bất đắc diêu hô, thất nghi động chúng, tiếu tắc thất phi tiểu hĩ.

Chúng trung hữu thất nghi, đương ẩn ác dương thiện.

"Ẩn ác", tắc tự "trưởng đức", dương thiện tắc tăng hải tăng long.

Bất đắc phạt lao hiển kỷ chi công.

Sự công viết "lao", tự xưng kỷ công viết "phạt", vị bất đắc căng khóa tự năng, dĩ hiển kỷ công.

Trong ĐẠI LUẬT nói : "Sau bữa ăn, người thí chủ cúng dường y và các món gọi là chữ "Đạt thẩu" phải vậy. Xét theo văn tự chữ Hán, thời chữ "Thẩu" có bộ khẩu một bên. Nay viết bộ "Bối" là sai lầm. Bằng nói cho đủ theo tiếng Phạn thời gọi "Đạt thẩu Noa", cũng như tiếng Hán nói chữ "Thí".

Thí pháp thời gọi "Pháp thí". Thí tài thời gọi "Tài thí". Người tại gia thực hành Tài thí. Kẻ xuất gia thực hành Pháp thí.

Kinh NHỨT LẢM nói : "Tài Pháp nhị thí, thì thành công; Phước Huệ lưỡng toàn, phương tác Phật". Nghĩa là "Tài, Pháp thí cả hai, mới thành công Phước Huệ lưỡng toàn, mới làm Phật".

BÀI THỨ TƯ : "NHẬP CHÚNG"

Chẳng đặng tranh chỗ ngồi.

Phải kính nhường người.

Chẳng đặng ngồi chỗ cao xa, kêu nhau nói cười.

Bằng có việc cần, phải đờn chỉ cho hay, lời nhỏ cho biết chẳng đặng xa kêu, mất oai nghi và động chúng, cười thời mắc tội chẳng phải nhỏ vậy.

Trong chúng có sơ thất oai nghi, phải giấu dữ, bày lành.

Giấu dữ thời mình thêm đức. Bày lành, thời chúng Tăng càng thạnh.

Chẳng đặng khoe sự nhọc, để rõ công lao của mình.

Sự có công gọi rằng sự "Nhọc". Mình nói công của mình gọi rằng "khoe", LUẬT dạy : "Không đặng khoe khoang tài năng để rõ công khó nhọc của mình".

"Lão Tử" viết : "Bất tự phạt, cố hữu công" thị dĩ quân tử bất phạt, thiện dã.

Phàm tại xứ, thùy bất tại nhơn tiền, khởi bất tại nhơn hậu.

Nhất tự ly giải đãi, nhi vô động chúng niệm, cố bất tại tiền hậu dã.

Phàm tẩy diện, bất đắc đa sử thủy.

Nhất phòng hậu nhơn, nhị tự tích phước.

Cổ vân : "Nhiệt thủy dụng nhơn thiêu, lãnh thủy dụng nhơn khiêu.

Nhược bất giải tu hành, túng hữu hà sa phước diệc tiêu".

THANH QUI vân : "Bất đắc tẩy đầu, hữu tứ kiện, tự tha bất lợi,nhất ô bồn, nhị nị cân, tam khô phát, tứ tổn nhãn".

Sát nha thổ thủy, tu đê đầu dẫn thủy hạ, bất đắc phún thùy tiển nhơn.

Do thủy dẫn há, cố bất tiển nhơn.

THANH QUI vân : "Hữu thủ trám nha dược giai tả biên, tả thủ trám nha dược giai hữu biên, bất khả tái trám, khủng nha tuyên khẩu khí quá nhơn".

Bất đắc cao thinh tĩ gi ẩu thổ.

Tùng tĩ xuất viết "gi", tùng khẩu xuất, viết "ẩu thổ".

Bất đắc ư điện tháp, cập tịnh thất, tịnh địa, tịnh thủy trung gi thóa, đương ư tịch xứ.

Ông "Lão Tử" nói : "Mình không khoe cho nên có công". Bởi vậy người "Quân tử" không khoe tài hay của mình vậy.

Phàm ở đâu, ngủ không nên ngủ trước người, dậy không nên dậy sau người.

Vì không ngủ trước và dậy sau có hai việc : 1. - Mình khỏi giải đãi. 2. - Khỏi động niệm chúng.

Phàm rửa mặt, chớ nên hao nhiều nước.

Có hai việc : 1. - Phòng người sau thiếu nước. 2. - Mình tiết kiệm phước mình. Người xưa có câu : "*Nhiệt thủy dụng nhơn thiêu, lảnh thủy dụng nhơn khiêu; nhược bất giải tu hành, túng hữu hà sa phước diệc tiêu*". Nghĩa là : "Nước nóng, công người nấu, nước lạnh công người gánh; bằng không hiểu việc tu hành, dù có phước hằng sa cũng tiêu".

Bộ THANH QUI nói : "Không dặng gội đầu, có bốn điều kiện không lợi cho mình và người : 1. - Nhơ bồn ; 2. - Nhơ khăn. 3. - Khô tóc. 4. - Lờ con mắt".

Xỉa răng nhổ nước, phải cúi đầu đem nước xuống, chẳng nên phun nước nhằm người.

Nhờ đem nước xuống, nên khỏi văng nhằm người. Bộ THANH QUI nói : "Tay bên phải chà răng thoa thuốc, qua bên trái. Tay trái chà răng thuốc thoa bên phải. Chẳng nên hai bên chà một lượt, sợ bày răng, hơi hôi trong miệng bay qua người khác".

Chẳng nên hỉ mũi và khạc nhổ lớn tiếng.

Từ trong mũi chảy ra gọi là "Hỉ". Từ trong miệng chảy ra gọi là "Khạc nhổ".

Chẳng đặng ở trong chùa, ở trên điện và Tháp cùng nhà sạch, đất sạch, trong nước sạch hỉ mũi, khạc nhổ; phải hỉ khạc nơi chỗ khuất *(trong ống nhổ).*

Khẩu xuất viết "thóa", phi đương đạo tịnh sở, viết "tịch xứ".

Thiết trà thang thời, bất đắc chích thủ ấp nhơn.

Khiết trà thang ấp nhơn "phi thời". Chích thủ ấp nhơn "phi lễ".

Bất đắc hướng tháp tẩy xỉ, cập hướng "Hòa Thượng", "A Xà Lê" đẳng.

Ngôn tháp, tắc kiêm Thánh tượng hĩ. Đẳng giả, vị Trưởng lão, Thượng tọa, cập tôn khách đẳng.

Phàm văn chung thinh, hiệp chưởng mặc niệm vân : "Văn chung thinh phiền não khinh, trí huệ trưởng, Bồ đề sanh; ly địa ngục xuất hỏa khanh, nguyện thành Phật độ chúng sanh" "Án, già ra đế da tá ha".

Sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở, cố đắc "phiền khinh", huệ trưởng, tịch diệt hiện tiền, cố viết "Bồ đề sanh"; siêu việt thế, xuất thế gian, cố viết "ly ngục", xuất khanh; thập phương viên minh, thị viết "thành Phật". Hoạch nhị "thù thắng", cố năng độ sanh. Nhược ngọa thời, văn chung thinh, tức khởi mặc niệm, trừ bệnh bất khởi vô phạm. Nhược tự minh chung, ưng tiên niệm : "Nguyện thử chung thinh siêu pháp giới" kệ, thứ niệm thử kệ. Hựu phàm kích chung, tu hướn đã, tiền âm tương tận, phương thục hậu thinh.

Như tích "Chí Công", tá "Võ Đế" "đạo nhãn", kiến "Địa Ngục" khổ tướng, vấn viết : "Hà dĩ chỉ chi" ? Chí viết : "Duy văn chung thinh, kỳ khổ tạm tức".

Trong miệng ra gọi là "nhổ". Chẳng phải giữa đường và chỗ đất sạch gọi là chỗ "khuất".

Khi uống nước trà *(cũng như khi ăn cơm)* **chẳng nên một tay tiếp người.**

Uống nước trà tiếp người là "Phi Thời". Một tay xá người là "Phi lễ".

Chẳng đặng trước Tháp xỉa răng, và trước vị "Hòa Thượng", vị "A xà Lê" v.v...

Chẳng những nơi trước tháp, mà trước tượng Phật nữa. Chẳng những trước tượng Phật, mà còn bao nhiêu như : Vị Trưởng lão, Thượng tọa và các khách quí v.v.. cũng không nên xỉa răng trước đấy.

Phàm nghe tiếng chuông chắp tay thầm tưởng bài kệ rằng : "Nghe tiếng chuông, phiền não nhẹ, Trí huệ lớn, Bồ đề sanh;lìa Địa ngục, khỏi hầm lửa, Cầu thành Phật độ chúng sanh". "Án, già ra đế da tá ha" *(ba lần).*

Trong khi vừa nghe tiếng chuông tỏ đạo quên trần nên "phiền não nhẹ", và Trí huệ thêm lớn, vắng lặng hiện bày cho nên nói "Bồ đề sanh"; siêu vượt khỏi trong đời và ngoài đời cho nên nói "lìa Địa ngục", ra khỏi "hầm lửa"; mười phương tròn sáng cho nên nói "Thành Phật". Đặng hai món "Thù Thắng" [3] cho nên độ chúng sanh đặng. Bằng khi đương nằm nghe tiếng chuông liền chờ dậy, thầm tưởng bài kệ như trên, trừ người bệnh, dậy không nổi, không phạm. Bằng mình đóng chuông, trước phải tưởng bài kệ : "Nguyện thử Chung thinh siêu pháp giới". Kế tưởng bài kệ : "Văn chung thinh" này, và mỗi khi đánh chuông, phải đánh chậm rãi, tiếng trước vừa dứt, mới tiếp tiếng sau.

Thuở xưa ngài "Chí Công" giúp "đạo nhãn" *(thần thông)* cho Vua "Võ Đế" thấy tướng khổ dưới "Địa Ngục". Đế hỏi Công rằng : "Khổ ấy làm sao được dứt ? Chí Công đáp : "Duy

Toại chiếu thiên hạ tự viện, kích chung thơ từ kỳ thỉnh.

PHÚ PHÁP TẠNG Kinh, diệc linh thỉnh duyên trường cữu. TĂNG NHẤT A HÀM kinh vân : "Nhược đả chung thời, nguyện nhất thiết ác đạo chư khổ, tịnh giai đình chỉ". Nhược văn chung thỉnh, kiêm thuyết kệ tán,đắc trừ ngũ bá ức kiếp sanh tử trọng tội.

"Tạp dụ" kinh thuyết kệ vân : "Vân chung ngọa, bất khởi Hộ Pháp Thiện Thần sân, hiện tại duyên quả bạc, lai báo thọ xà thân"; sở tại văn chung thỉnh, ngọa giả tất tu khởi, hiệp chưởng phát thiện tâm, Hiền Thánh giai hoan hỉ.

Bất đắc đa tiếu, nhược đại tiếu, cập ha khiếm, đương dĩ y tụ yểm khẩu.

Đa tiếu, tắc thất chánh niệm, đại tiếu, tắc phi oai nghi, "Ha khiếm", diệc viết "khiếm khư", thị giải quyện chi mạo.

TỲ NI MẪU kinh vân : Khí hữu nhị chưởng, nhứt thượng, nhị hạ, thượng khí dục xuất thời, mạc đương nhơn, trương khẩu linh xuất, yếu hồi diện hướng vô nhơn xứ. Nhược hạ khí dục xuất thời, bất thỉnh chúng trung xuất, yếu tác phương tiện xuất ngoại, chí vô nhơn xứ xuất. Nhiên hậu lai nhập, mạc sử chúng cơ hiềm ô tiện. Nhập "tháp điện" thời, bất ưng phóng hạ khí, "Hòa Thượng", "Đại Đức", "Thượng Tọa", tiền, diệc bất đắc phóng hạ phong xuất thỉnh. Nhược phúc trung hữu bệnh cấp giả, ưng xuất ngoại phóng, mạc linh nhơn sanh ô tiện tâm.

ĐẠI LUẬT vân : Nhược cấp hạ phong lai đương chế, nhược bất khả nhẫn giả, đương há đạo tại hạ

nghe được tiếng chuông, khổ kia tạm dứt". Đế liền chiếu chỉ cả trong thiên hạ, các chùa, am, đóng chuông. Tiếng ngân chậm rãi.

Trong kinh PHÚ PHÁP TẠNG cũng dạy tiếng ngân cho thật lâu mới đóng tiếng khác.

Kinh TĂNG NHẤT A HÀM nói : "Bằng khi đóng chuông, nguyện tất cả các khổ trong đường ác, đều được đình dứt". Bằng ai nghe tiếng chuông và khen ngợi bài kệ, trừ đặng 500 ức kiếp tội nặng sanh tử.

Kinh TẠP DỤ nói bài kệ rằng : "Văn chung ngọa bất khởi, Hộ Pháp Thiện Thần sân, hiện tại duyên quả bạc, lai báo thọ xà thân". Nghĩa là : "Nghe tiếng chuông nằm chẳng dậy, vị Hộ Pháp vị Thiện Thần giận; đương đời phước quả ít, mắc báo sau làm thân rắn". Cho nên khi ta nghe tiếng chuông, ai còn nằm cũng phải chờ dậy, chấp tay phát tâm lành, Hiền Thánh đều hoan hỉ.

Chẳng nên cười nhiều, hoặc cười to, cùng ợ ngáp phải lấy tay áo che miệng.

Cười nhiều thời mất chính niệm, cười to thời lỗi oai nghi. Hả miệng hơi ra gọi "ợ ngáp". Ấy là cái dạng mỏi mệt biếng lười.

Kinh TỲ NI MẪU nói : Có hai thứ hơi : 1.- Hơi trên. 2.- Hơi dưới. Hơi trên khi muốn ra, đừng ngay trước người hả miệng cho ra, phải day mặt đến chỗ không người. Hơi dưới khi muốn ra, chớ cho ra trong chúng, phải tìm phương chước ra ngoài tới chỗ không ai cho ra. Vậy sau mới vào đừng để chúng chê ghét và nhờm gớm. Khi vào "Điện Tháp", chẳng nên cho ra hơi dưới, chẳng những điện tháp mà trước vị "Hòa Thượng", vị "Đại Đức", vị "Thượng Tọa", cũng chẳng nên cho ra hơi dưới có tiếng. Bằng trong ruột có bệnh gấp, phải ra ngoài cho ra, đừng để người sanh tâm nhờm gớm.

Trong ĐẠI LUẬT nói : "Bằng hơi dưới gấp rút; cũng phải ngăn lại. Bằng nín không được, phải trụt bên đường

phong phóng chi. Nhược tại "Thiền" phòng trung, đế giả, bất đắc phóng tứ đại đế, nhược đế lai thời, đương nhẫn, dĩ thủ yểm tĩ nhị đế, vật linh gi thóa xuất.

Bất đắc cấp hành, bất đắc tương Phật đăng, tư tựu kỷ dụng; nhược nhiên đăng, đương hảo dĩ trạo mật phú, vật linh phi trùng đầu nhập.

Phàm sở động tịnh, tu hộ thân oai nghi, cử bộ tức đương thị địa, vật thương trùng nghị. Tương Phật đăng tư dụng, đương đọa "hắc ám Địa Ngục", sanh sanh thất trí huệ minh, phú đăng như tiền thích.

Cúng Phật hoa, thủ khai viên giả bất đắc tiêu hứu, trừ hủy giả phương cúng tân giả, hủy giả, bất đắc khí địa tiển đạp, nghi trí bình xứ.

Vị tuyển khai phu viên mãn giả, kỳ bán khai, cập tương tàn giả, vật thủ. Tiên hứu, tiển đạp, thị vô tôn kỉnh dã. "Bình xứ" thị vô nhơn hành xứ, diệc phi uế ô xứ.

YẾU DỤNG TỐI Kinh vân : "Tĩ hứu hương giả, do giảm hương khí, vô kỳ phước đức" chánh báo đọa "Ba đầu ma Địa Ngục", thế thế tĩ căn vô hương vị".

NHỰT VÂN Kinh vân : "Hương yên bất tận, phóng địa, đắc diệt khí tội, tận ngũ bá tuế, đọa "phấn thỉ Địa Ngục". Hà dĩ cố ?

Do phóng dật tâm cố, "Hủy giả", "cách túc hoa" dã.

Kinh vân : "Lư bình tịnh tu tịnh thức. Thủ hoa, cập dương chi, đương chú nguyện, "sơn", "trạch".

dưới gió cho ra. Bằng ở trong nhà "Thiền", khi nhảy mũi chẳng đặng tự do nhảy mũi lớn tiếng. Bằng khi sắp nhảy mũi, phải nín, lấy tay đè sóng mũi mà nhảy, đừng cho mũi dãi tuông ra.

Chẳng đặng đi mau, chẳng đặng đem đèn bàn Phật riêng để mình dùng. Bằng thắp đèn, lúc đương cháy, phải lấy lồng chụp lại, đừng để trùng bướm ngã vào.

Phàm khi đi đứng, thân phải giữ oai nghi, lúc giở chân, phải coi dưới đất, chớ hại trùng kiến. Đem đèn bàn Phật riêng dùng sẽ đọa "Địa Ngục Hắc ám", đời đời mất trí huệ sáng suốt, câu chuyện che đèn "đừng để trùng bướm ngã vào" như trước đã giải.

Bông cúng Phật lựa bông nở tròn đủ, tươi đẹp; chẳng đặng ngửi trước, bỏ bông héo, phải cúng bông tươi. Bông héo chẳng nên bỏ dưới đất giậm đạp, phải để chỗ vắng.

Lựa bông nở đủ tròn, tươi đẹp là gì ? - Không dùng thứ bông nở phân nửa và gần tàn. Thế nào là ngửi trước và giậm đạp ? - Ấy là không tâm tôn kính vậy. Chỗ "vắng" là gì ? - Là chỗ không ai tới, cũng không phải chỗ nhơ bẩn gọi là "chỗ vắng".

Kinh YẾU DỤNG TỐI nói : "Mũi ngửi vị hương, do bớt cái mùi thơm của hương, không có phước đức". Chính mắc đọa trong "Địa ngục Ba Đầu Ma" đời đời lỗ mũi không biết mùi hương".

Kinh NHỰT VẤN nói : "Hương chưa cháy hết, bỏ dưới đất giậm đạp mắc cái tội Diệt khí *(quăng bỏ)* cả 500 năm đọa trong "Địa ngục Phất thỉ" *(nhơ bẩn)*. Vì sao ?

- Bởi tâm buông lung vậy. "Bông héo" tức là "bông cách đêm" vậy.

Kinh THẬP GIỚI nói : "Lư hương, bình bông đều phải lau cho sạch, lúc bẻ bông và cành dương, phải chú nguyện

"thọ" thần, bất đắc bạt kỳ căn chu, đương trực väng hườn, bất đương mạn đọa ngữ tiếu.

Bất đắc văn hô, bất ứng; phàm hô, cu nghi dĩ niệm Phật ứng chi.

Ứng tự khứ thinh, thị đáp từ, hoặc đáp "Nam mô Phật", hoặc đáp "A Di Đà Phật".

ĐẠI LUẬT vân : Đương đáp ngôn nặc.

Phàm thập di vật, tức đương bạch "Tri sự" Tăng.

Hoặc bạch "Tri Sự" nhơn, hoặc bạch "Bổn sư", hoặc trú "Thường Trụ" khố trung, đãi vật chủ lai, ngôn thuyết dữ vật tương đương giả, dữ chi, bất đắc tư nặc.

Tích Lạc Dương Tử, đắc di kim, dữ kỳ thê, thê viết : "Thiếp văn chí sĩ, bất ẩm "đạo tuyền". Liêm giả, bất thọ ta lai chi thực, huống thập di tài lợi, di tài lợi, dĩ ô kỳ hạnh hồ ! Dương Tử tàm, toại khí kim ư dã, cẩu kỳ tư nặc, thượng bất như nhứt phụ nhơn hĩ.

PHỤ

Bất đắc dữ niên thiếu "Sa di" kiết hữu.

Nhược phi "Đạo An", "Tăng Quang" chi lưu bất khả vi hữu.

Kinh vân : "Phi "hiền" bất "hữu", phi "Thánh", bất tôn ; bất hiếu chi tử, thị tửu chi đồ, chí thú tà

"Sơn Thần", "Thủy Thần" và "Thọ Thần", chẳng đặng nhổ gốc rễ, phải đi mau về lẹ, chẳng đặng trễ nải và nói cười".

Chẳng đặng nghe Thầy kêu không đáp, phàm nghe kêu, đều phải đáp câu "Niệm Phật" thế lời.

Lời đáp lại gọi là chữ "Ứng". Hoặc đáp "Mô Phật" Hoặc đáp "A Di Đà Phật".

Trong ĐẠI LUẬT nói : Tiếng đáp cũng như tiếng "dạ".

Phàm lượm của rơi, liền phải thưa Thầy "Tri sự".

Hoặc thưa Thầy "Tri sự", hoặc thưa Thầy "Bổn sự", hoặc để trong kho "Thường Trụ", đợi người chủ vật đến, nói trúng hình tướng của vật ấy, ta cho lại, chẳng đặng lén giấu.

Thuở xưa ông Lạc Dương Tử đi dọc đường lượm được vàng rơi, về nói với vợ rằng : "Hôm nay chàng đi dọc đường xí được một số tiền khá bộn, vẫn biết của hoạch tài bất phú mặc dầu, nhưng tôi với má nó xài chơi ít bữa cho ngỏa nguê, cũng khá ạ " ! Bà Dương Tử nói : "Thiếp đây tuy bổn phận đàn bà quần vận yếm mang, không phải xôi kinh nấu sử như chàng, nhưng thiếp có nghe : Kẻ chí sĩ chẳng uống nước "Đạo Tuyền" [4] người thanh liêm, không thèm ăn cơm mời lơi, huống chi chàng cũng là bực Tu mi quân tử học thức như ai, lẽ nào đi lượm của rơi mà nhơ hạnh tốt của mình" ! Bấy giờ ông Dương Tử nghe vợ nói, lấy làm bẽn lẽn, hổ trên sượng sùng vô hạn, liền quăng vàng ngoài đồng nội. Than ôi ! Nếu ta lén giấu, còn chẳng bằng một người đàn bà kia vậy.

LỜI PHỤ

Chẳng đặng kết bạn với thầy "Sa di" tuổi nhỏ.

Chẳng phải những bực như ngài "Đạo An" và ngài "Tăng Quang" chẳng nên kết hạn.

Kinh nói : "Chẳng phải người "hiền", chẳng nên làm "bạn". Chẳng phải bực "Thánh" không tôn thờ, những

tịch, lý hành hung hiểm, bất đắc giao du vãng lai chi nghệ trượt, khuy tổn đạo hạnh".

THÀNH PHẠM vân : "Tư áp ác sư hữu, sổ tập phóng dật, chủng chủng xúc não Bổn sư, sư bất dung sám, đương tái kiên cầu khẩn khất".

Sư cố bất dung, đương tốc thỉnh sư chi thân hữu "Túc đức", chuyển vị thỉnh cầu ai sám hối, vĩnh tuyệt bỉ ố, vô phục tái phạm". Thị cố "Hiền giả", hữu tam úy, ác sư, ác hữu, ác thuật năng chướng chánh đạo, khai đạo tà đồ. Tảo giác tắc thiện, nhược bất tri phản, tắc sanh vô thiểu ích, tử hữu trường ai.

Bất đắc tam y cẩu giảm.

Thử thị "Tỳ kheo" tam y. "Ưu bà tắc", thượng sử súc chi linh niệm "phước điền" chi tướng, thị "giải thoát" chi phục; huống "Sa di" nhi đắc cẩu giản thiểu khuyết ? Diệc bất đắc dĩ "Lạc tử", sung "tam y" số. Nguyên vị linh thức "phước điền" tướng, cập bị tấn cụ thời tu, phi vị sử kỳ phi trước, thảng bần nan biện, lý diệc vô quá. Kim thời "mạt pháp" "a sư", bất am luật điển, bất tri Như Lai pháp chế, giai linh "Sa Di", phi trước "ngũ điều", "thất điều"; trí sử tại gia nam, nữ, thọ "ngũ giới" giả, lôi đồng phi trước, thâm vi bất pháp, hoạch tội phi khinh, tường như hạ biện.

Bất đắc đa tác y phục, nhược hữu dư đương xả.

Đa tác đa lụy, túng tứ huyễn xu. Cố vân : "Tấn đạo nghiêm thân, tam thường bất túc, phương danh thiểu dục đạo nhơn. Nhược tự thức vô thường, niệm tha bần phạp, cố hữu dư, tức đương xả chi".

người con bất hiếu, những kẻ thèm rượu, chí thú tà vạy, tánh nết lung lăng, không nên kết bạn tới lui học nghề nhơ, kém hư đạo hành tốt của mình".

Thiên THÀNH PHẠM nói : "Gần quen thầy tà, bạn ác, thường tập thói buông lung, đủ cách chọc tức đến Thầy Bổn sư, bằng Thầy không cho sám hối, lại phải bền lòng cầu khẩn, xin tội".

"Thầy quyết không cho phải mau cầu vị "Túc Đức" và bạn thân của Thầy đến xin giùm, cho ta sám hối, bặt hẳn thói xấu, không dám phạm nữa". Cho nên biết rằng người "Hiền" có ba điều sợ : 1.- Thầy tà, 2.- Bạn ác, 3.- Chước ác; hay ngăn chánh đạo, dẫn đi đường tà. Sớm biết thì hay, bằng không biết xét, thời sống không chút lợi ích, chết có khổ hoài hoài.

Chẳng đặng ba y khiếm thiếu.

Đây là ba y Thầy "Tỳ Kheo", ông "Ưu Bà Tắc" cũng được sắm để kỷ niệm tướng "phước điền", là cái y mặc "Giải thoát", huống chi "Sa Di" mà hồng khiếm thiếu hay sao ? Cũng chẳng nên lấy cái "Lạc tử" [5] thế số "ba y". Nguyên vì cho biết cái tướng "phước điền" và sắm sẵn, chờ khi thọ giới "Cụ Túc" mà dùng, chớ không phải bảo sắm để đắp mặc, nếu nghèo ngặt sắm không nổi, lý cũng không lỗi. Nay nhằm đời "mạt pháp", các bực "Thầy ú ớ", không thuộc pháp luật, không biết phép dạy của đức "Phật", đều cho ông "Sa Di" mặc đắp y "ngũ điều", "thất điều", đến nỗi kẻ nam nữ tại gia, thọ năm giới cũng đắp mặc luông tuồng, thiệt là sái phép mắc tội không phải nhẹ, rõ như văn sau sẽ biện bạch.

Chẳng nên sắm nhiều y phục, bằng có dư nên cho.

Sắm nhiều khổ nhiều, buông lung thân huyễn. Cho nên nói : "Muốn tấn đạo nghiêm thân ba việc thường *(như : Ẩm thực, y phục và thùy miên)* bớt bớt, mới kêu là người tu, ít lòng ham muốn. Bằng ta biết tấm thân vô thường, thương người nghèo ngặt, nên có dư ta phải cho".

"Bất đắc biện tinh trí thao phất, ngoạn khí đẳng, trang điểm "giang hồ", thủ tiếu "thức giả".

Bất thức tứ đại bì nang, cố biện tinh trí. Mê hoặc chánh niệm, cố học trang điểm, hiệu tha bất pháp, cố thủ tiếu "thức giả".

Tạm thời du thượng bất khả, huống kỳ chung niên ngoạn lộng. Sở vị : "Thưởng ngoạn tạm thời, bi ưu trường cữu thị dã". Vô hệ lụy giả, viết "giang hồ tán nhơn". Tức tẩu giang hồ quái đáp chi nhơn dã.

Bất đắc trước sắc phục, cập loại tục nhơn y sức, đẳng.

Sức phục, vị hồng, tử, huỳnh, lục, bạch đẳng, nghi trước hoại sắc truy y. Loại tục y sức đẳng giả, hoặc nhan sắc loại tợ, hoặc chế sức loại tợ, như tiểu lãnh trách tụ, vân đầu lý đẳng.

Bất đắc bất tịnh thủ đáp y.

Kỉnh "y" như kỉnh "tháp", cố tu tịnh thủ trì trước. Phàm thủ trì hài miệt hạ y, trảo đầu ma túc, xúc bất tịnh khí, tịnh tu tịnh tẩy, phương chấp dư tịnh vật

Phàm thượng "điện", tu thúc phược khố miệt, bất đắc phóng ý tự tiện.

Khủng hữu "hạ mao" thoát lạc, cố tu thúc phược, nhược tại dư thời cập "tiểu đồng" tử, bất thúc vô quá.

Bất đắc nhàn tẩu, bất đắc đa ngôn.

Nhàn tẩu phế tập tụng; đa ngôn, túng khẩu nghiệp

Bất đắc tọa thị "đại chúng" lao vụ; tỉ lại thâu an.

Chẳng đặng sắm dây lưng tốt đẹp và đồ chơi v.v... trang điểm "giang hồ", làm trò cười cho người "thức giả".

Không biết đãy da hôi thúi của thân tứ đại, nên sắm đồ tốt đẹp. Quên mất chánh niệm, cho nên học trang điểm, bắt chước người trái phép cho nên bị người "trí thức" chê cười.

Tạm thời vẫn còn không được, huống chi quanh năm chơi ngắm. Nên có câu : "Vui chơi chút lát, buồn lo nhiều đời phải vậy". Thế nào là trang điểm giang hồ ?

- Những người không ràng buộc gọi là người "giang hồ tán nhơn" [6], tức là những người quảy, mang, dạo đi xứ này qua xứ khác, mình mông không đình trú một nơi nào vậy.

Chẳng đặng mặc đồ "ngũ sắc" và y phục giống người "thế tục" v.v...

Thế nào là đồ ngũ sắc ? Sắc hồng, sắc tía, sắc vàng, sắc xanh, sắc trắng v.v... Phải mặc áo nhuộm màu xám cho hoại sắc. Giống y phục thế gian là gì ?

- Hoặc giống màu sắc, hoặc kiểu áo giống như nhau : bâu nhỏ, tay chẹt, mũi giày thêu dệt v.v....

Chẳng đặng tay không sạch đắp y.

Kính "Y" như kính "Tháp", cho nên phải tay sạch cầm đắp. Phàm tay cầm giày vớ, cùng quần, gãi đầu, rờ chân, cầm đồ bất tịnh, cũng phải rửa cho kỹ, mới cầm vật sạch khác,

Phàm lên "chánh điện", phải buộc ống quần, chẳng đặng lung ý tự tiện.

Sợ có "Hạ mao" rụng rớt,nên phải bó buộc, bằng khi ở ngoài và đứa "tiểu đồng" *(các em nhỏ)* không buộc không lỗi.

Chẳng đặng đi chơi, chẳng đặng nói nhiều.

Đi chơi phế việc tụng tập, nói nhiều lung khẩu nghiệp.

Chẳng đặng ngồi ngó "Đại chúng" làm việc nhọc mà trốn lánh trộm yên.

"Toạ thị", thị "Vô tàm"; tị lại, tắc tổn phước

Kinh vân : Đương tận lực tác chúng Tăng sự.

Bất đắc tư thủ "chiêu đề" trước mộc, hoa quả sớ thể, nhất thiết ẩm thực, cập nhất thiết khí vật đẳng.

"Phạm ngữ", "chiêu đề", thử vân : "Tứ phương tăng" "vật; thuộc Thường Trụ, tư thủ tức phạm đạo khiên".

Kinh vân : "Nhược hữu sở dục thủ, đương bạch Tri sự nhơn". "Tăng Chiếu thiền sư", khổ hạnh thiền định đệ nhất, hành "Pháp Hoa tam muội", cảm "Quan Âm Đại Sĩ", vị thuyết pháp, đắc vô ngại biện tài. Hựu kiến "Phổ Hiền Đại Sĩ", thừa bạch tượng, phóng quang chứng minh; tằng dụng "chúng Tăng" diêm nhất toát, tác trai ẩm dĩ dụng vô kỷ, bất dĩ vi ý; hậu hành "Phương Đẳng" sám pháp, hốt kiến tướng khởi, kế tam niên tăng trưởng chí sổ thập hộc, nãi cấp mại y, mãi diêm thường chúng, kỳ tướng phương diệt".

Hựu "Thích Đạo Tướng" bạo tử, chí "Minh phủ", kiến nhất bảng đề vân : "Thử nhơn đạo tăng hạnh thọ, tiệt tác sơ tài, tự tăng đạo Quách, thập đắc tàn mộc nhất, khuyết, nhưng kham tác sơ, trị bát thập tiền", đương đọa" hỏa thiêu Địa Ngục". Tướng hườn thuyết chi, quách văn thuyết, tức thời thường huờn. Hựu "Dương Đế nhị niên, tăng Đạo Minh vong", đồng phòng tăng, "Huyền Tự", mộ hành dã gian, hốt kiến tự, vãng đầu chi, ngộ Đạo Minh, bất dị bình nhựt, kiến chúng Tăng chúc, giai tác huyết sắc, cử thể hỏa nhiên. Tự cụ vấn chi ? Minh viết : "Thử thị Địa Ngục, ngô vị thủ tăng sài nhứt thức, chữ nhiễm sắc, vong bất bồi thường, đương nhất niên nhiên túc thọ tội,

"Ngồi ngó", là không biết "hổ thẹn", trốn lánh thời tốn phước mắc tội.

Kinh THẬP GIỚI nói : "Phải tận lực làm việc chúng Tăng".

Chẳng đặng riêng lấy của "chiêu đề" như : tre cây, hoa quả, rau, cải, tất cả đồ ẩm thực và tất cả đồ đạc v.v...

Tiếng "Phạm Ngữ" gọi chữ "Chiêu Đề", cũng như phương đây gọi "Tứ phương Tăng". Nghĩa là : "của Thường Trụ thuộc về của "Tứ phương Tăng", nếu ta riêng lấy thời phạm tội ăn trộm".

Kinh THẬP GIỚI nói : "Bằng có muốn cần dùng phải thưa Thầy Tri sự". "Ngài Tăng Chiếu Thiền sư" là bực khổ hạnh thiền định thứ nhất, tu theo Kinh "Pháp Hoa" chứng phép "Tam muội" cảm động đức "Quan Âm Đại sĩ", vì thuyết pháp, đặng bốn pháp vô ngại biện tài. Và thấy đức "Phổ Hiền đại sĩ" cỡi con bạch tượng phóng quang chứng minh. Song ngài có dùng một nắm muối của "Chúng Tăng" nấu đồ ăn, vì dùng không bao nhiêu, không có để ý, sau Ngài tu theo pháp sám, kinh "Phương Đẳng", bỗng thấy tướng muối hiện ra, kể ba năm, tăng lên nhiều đến vài mươi giạ. Ngài mới kíp bán y, mua muối thường cho Chúng Tăng, bấy giờ, tướng muối mới dứt".

"Lại đời nhà Tùy, ông Thích Đạo Tướng", khi không chết giấc, xuống dưới "minh phủ", thấy một tấm bảng đề rằng : "Người này ăn trộm cây hạnh của Chúng Tăng, chẻ làm cái lược, ông Thầy trong chùa tên Đạo Quách lượm đặng một khúc cây dư cũng tính làm cây xỉa răng, giá đáng 80 đồng tiền", phải đọa trong "Địa ngục hỏa thiêu". Tướng thức dậy, nói cho Quách nghe "Đạo Quách" nghe rồi tức thì bù thường". "Lại đời Tùy, vua Dương Đế niên hiệu thứ hai, ông Thầy tên Đạo Minh chết". Ông Thầy đồng liêu là ông Huyền Tự, buổi chiều đi dạo ngoài đồng, bỗng thấy cảnh chùa bước vào trong gặp ông Đạo Minh không khác chi khi còn sống, thấy Chúng Tăng ăn cháo, trong cháo đều hiện ra sắc huyết, cả mình lửa cháy. Tự sợ hỏi Minh ? Đạo Minh đáp rằng : "Đây là Địa

khiên y kiến tất, hạ tịch tiêu hắc". Nhơn viết : Công hạnh vị ngã, mãi sài bá thúc, bồi huờn "thường trụ" tinh tả "Pháp Hoa" kinh nhất bộ, khả đắc miễn khổ. Tự hứa chi, qui tự y ngôn vi biện, trùng văng tầm tự, tịch vô sở kiến. "Trí giả" văn chi, thục bất mao thụ.

Bất đắc đàm thuyết "Triều Đình", "Công phủ", chánh sự đắc, thất, cập "bạch y" gia, trường đoản hảo ố.

"Vương thần" chánh sự, thị quốc gia chi "chánh phá"; trường đoản hảo ố, nãi tục gia chi đắc, thất, giao loạn chánh niệm, diệc chiêu họa cữu. Cố viết : "Bất đắc đàm thuyết".

Kinh vân : "Bất đắc luận thuyết quốc gia chánh sự, bình lượng ưu liệc, xuất quân hành sự, công phạt thắng phụ", thị dã. Tục hí trước bạch phục. Cố viết : "Bạch y".

Phàm tự xưng, đương cử nhị tự "pháp danh", bất đắc vân "ngã", cập "Tiểu Tăng".

"Tăng" giả, "chúng dã"; thị tứ "Tỳ kheo" dĩ thướng chi xưng, thượng phi nhất "Tỳ kheo" chi danh, huống nhất "Sa Di", nhi đắc vân hồ ?

Ngôn tiểu, tắc khinh ư chúng, vân ngã, tắc tự tiết ư kỷ; xuất gia thị trần ngoại chi tâm, nãi chí đối vương, hầu, diệc tự xưng danh nhi dĩ. "Sa môn Tăng Chung", kiến "Tề Võ Đế", xưng "Bần Đạo", "Đế" viết ? "Xưng danh diệc vô hiềm".

ngục bởi ta lấy một bó củi, của Chúng Tăng, nấu nước nhuộm đồ, quên không đền bù, trọn cả một năm, mắc tội đốt chưn", nói rồi vén áo thầy dưới gối đều nám đen". Đạo Minh yêu cầu "Huyền Tự" rằng : Xin ông vì tôi mua trăm bó củi trả lại của "Trường Trụ" và tả giùm một bộ kinh "Pháp Hoa", nhờ công đức đó, tôi mới được hết khổ. Ông "Huyền Tự" hứa chịu, về chùa y lời làm xong, trở ra tìm chùa khi trước, biến mất không thấy nữa. Ôi ! Người "Trí" nghe đây, ai chẳng dựng lông, ghê lòng.

Chẳng đặng luận nói việc chánh, đắc, thất trong "Triều đình", chốn "công phủ" và việc hơn thua tốt, xấu của nhà thế gian.

Việc chánh Vua tôi, là việc chánh pháp nhà nước; việc hơn thua tốt xấu, là việc đắc, thất của nhà thế gian. Nếu ta luận đến đều loạn tâm chánh niệm, còn mang tội lỗi là khác. Cho nên nói câu : "Bất đắc đàm thuyết" là vậy.

Trong Kinh THẬP GIỚI nói : "Chẳng đặng luận nói, việc chánh trị của nhà nước, bàn luận hay, dở, việc xuất trận, hành binh, đánh dẹp hơn thua" phải vậy. Thế nào gọi Bạch y là người Thế gian ? - Bởi người Thế gian ưa mặc đồ trắng nên gọi là "Bạch Y".

Phàm mình xưng, phải xưng hai chữ "Pháp danh" chẳng đặng xưng "Ta" hay là "Tiểu Tăng".

Chữ "Tăng" là chỉ toàn thể "Chúng Tăng", như bốn Thầy "Tỳ kheo" sắp lên mới được xưng "Tăng". Một Thầy Tỳ kheo còn không đặng xưng Tăng, huống một Sa di mà xưng Tăng thật là trái lẽ.

Sao gọi là "Tiểu Tăng" ? - Chữ "Tăng" không phải nhỏ, mà nói rằng chữ "Tiểu" thời khinh toàn thể chúng Tăng, cho nên nói Tiểu Tăng cũng không phải lẽ. Vì sao không đặng xưng ta ? - Nếu xưng ta, thời té ra mình khinh mình. Vì sao ? - Bởi người xuất gia, là bực ra khỏi trần tục, nhẫn đến đối với Vương, Hầu, vẫn tự xưng hai chữ pháp danh mà

Bất đắc nhơn tiểu sự tranh chấp, nhược đại sự nan nhẫn giả, diệc tu tâm bình khí hòa, dĩ lý luận biện; bất khả, tắc từ nhi khứ, động khí phát thô, tức phi "hảo tăng" dã.

Thiết bị phi pháp vu báng, thượng đương nhẫn nại, dĩ lý thân biện, vật hiện ư nhan sắc; nhược kỳ nhơn, bất khả dĩ lý luận, nãi phương tiện thiện từ nhi khứ. Huống nhơn tiểu sự, nhi tự sân tranh hồ ?

Cố Kinh vân : "Thận vô uấn tụng, thôi trực ư nhơn, dẫn khúc hướng kỷ, kiến hữu tránh giả, lưỡng thuyết hòa hiệp".

THANH QUI vân : "Hữu lý vô lý, tịnh giai xuất viện" hà dã ? Cái tăng đương nhẫn nhục, nhược chấp hữu lý, nhi tranh dã, tức thị "vô minh"; cố đồng tẩn chi, tức tránh ư vi manh dã !

ĐẠI LUẬT vân : Bất nhẫn nhục nhơn, hữu ngũ chưởng quá : nhất, hung ác tăng trưởng; nhị, sự hậu hối hận; tam, đa nhơn bất ái; tứ, ác thinh lưu bố; ngũ, tử đọa ác đạo.

"TÙY CHÚNG THỰC" ĐỆ NGŨ.

Văn "Kiền chùy" thinh, tức đương chỉnh y phục.

Phàm mộc thạch đồng thiết, đả nhi hữu thinh giả, danh viết : "Kiền chùy"; văn thinh bất dự chỉnh lý, lâm thời tắc hữu sảng sốt chi thất.

Lâm thực chú nguyện, giai đương cung kỉnh.

thôi, "Sa môn" là ông "Tăng Chung" ra mắt vua "Võ Đế nước Tề" xưng hai chữ "Bần đạo". Vua nói " Xưng hai chữ "Pháp Danh", cũng không ngại gì".

Chẳng đặng nhơn việc nhỏ tranh đua, bằng việc lớn khó nhẫn cũng phải tâm bình, khí hòa lấy lý luận biện, chẳng đặng, thời từ mà lui, nổi giận thốt lời thô, tức không phải bực "Hảo Tăng" vậy.

Dẫu bị những người phi pháp chê bai cũng phải nhẫn nại, lấy lý luận biện và đừng hiện sắc giận, bằng người kia luận lý cũng không đặng, thời khéo lời phương tiện mà lui. Huống nhơn việc nhỏ mà mình nổi giận tranh đua hay sao ?

Kinh THẬP GIỚI nói : "Dè chớ gây gổ, nhường cái phải cho người, đem việc quấy về mình, thấy người gây gổ, ta nói giải hòa đôi bên".

Bộ THANH QUI nói "Người có lý, người không lý, một mực đuổi ra khỏi chùa". Vì sao ? - Bởi ông "Thầy", bổn phận phải nhẫn nhục, bằng chấp mình có lý, đua tranh tức là "Vô minh" *(ngu ngốc)*. Nên đồng đuổi ra một cách. Vậy ai là người có trí, cần dứt việc rầy rà, trước khi chưa móng, mới đúng ? !

Trong ĐẠI LUẬT nói : Người tu không nhẫn nhục có năm điều lỗi : 1.- Hung ác càng thêm. 2.- Sự rồi hối hận. 3.- Nhiều người không ưa. 4.- Tiếng dữ khắp đồn. 5.- Chết đọa đường ác.

BÀI THỨ NĂM : "TÙY CHÚNG THỰC"

Nghe tiếng "kiền chùy", liền phải sửa sang y phục

Phàm cây, đá, đồng, sắt đánh mà có tiếng đó gọi là : tiếng "Kiền chùy". Ta nghe tiếng kiền chùy, mà không sửa sang trước; đến giờ, thời có cái lỗi lật đật.

Đến khi ăn, chú nguyện đều phải cung kỉnh.

Thực tiền niệm cúng, cập xướng "Tăng bạt". Thực hậu tụng kệ chú nguyện, giai đương khởi cung kỉnh tâm, bất đắc tán ý mạn đãi, tự tổn kỷ đức.

"Xuất sanh", phạn bất quá thất liệp, miến bất quá nhất thốn, "mạn đầu" bất quá, chỉ giáp hử, đa tắc vi "tham", tiểu tắc vi "Xan", kỳ dư sớ thể đậu hủ bất xuất.

Phàm thực, thị mễ miến sở thành giả, phương khả xuất chi. Nhược sớ thể, tắc vật loại bất thực, phản thành khí dã. Thất liệp giả, ngôn kỳ cực thiểu, dĩ chú nguyện lực cố năng linh chư quỉ Thần, biến giai bảo túc. Đa tắc vi tham giả, thị nhất thời chi quyền ngôn, khủng vô thức chi đồ, lang tạ tại địa, linh "Đàn Việt" cơ hiềm. Thiểu tắc bất thành "pháp số", phản thành tiết mạn, cố phi sở nghi.

HÀNH HỘ tuy vân thất liệp, nhi vô "xan tham" chi thuyết.

THANH QUI vân : Phạn bất quá thất liệp, thái thiểu vi "xan", diệc vô "tham" từ, chỉ giáp hử giả.

ÁI ĐẠO Kinh vân : "Xuất sanh bỉnh, như chỉ giáp đại, thị dã".

SỰ SAO vân : "Xuất sanh", hoặc tại đẳng cúng tiền hậu, tùy tình an trí". Án TỨ PHẦN LUẬT, Phật linh "Tỳ kheo" thực thời, nhược nhơn, "phi nhơn", ưng thí dữ thực, nãi chí nhất đoàn.

CỰU THÍ DỤ Kinh, cập TẠP SỰ LUẬT : bất đắc thực tận, đương lưu dư, phổ thí quần sanh, vật câu nhất loại.

TRÍ ĐỘ LUẬN : "Linh Sơ thực thời, tiên hiến Tam Bảo hậu thí tứ sanh".

Trước khi ăn, phải tụng bài cúng dường và xướng lời "Tăng Bạt" [7]. Ăn rồi phải tụng kệ và chú nguyện đều phải dấy tâm cung kính, chớ nên loạn ý biếng lười thời tổn đức mình.

Cơm "xuất sanh" chẳng quá 7 hột, bún chẳng quá một tấc. Bánh "Mạng đầu" [8] cỡ chừng móng tay, không nên nhiều, không nên ít. Vì sao vậy ? Nhiều thời là "Tham", ít thời là "sẻn". Ngoài ra các món như là : rau, cải, đậu, mè không nên "xuất sanh".

Phàm đồ ăn, những thứ bột gạo làm ra, mới xuất sanh được, còn như rau cải là những vật "Quỉ Thần" không ăn, nếu xuất sanh trở thành vật bỏ. Còn xuất sanh 7 hột rất ít, "Quỉ Thần" làm sao ăn no đủ ? - Bởi nhờ sức chú nguyện, hay khiến các "Quỉ Thần" khắp đều no đủ. Vì sao nhiều thời là tham ? - Câu ấy, là lời nói tạm thời mà thôi, vì sợ những người không biết, đổ tháo bậy bạ, làm cho người "Đàn việt" chê bai và buồn giận. Còn ít thời chẳng đủ "pháp số", trở thành khinh dễ, và không đúng phép "xuất sanh".

Bộ HÀNH HỘ tuy nói 7 hột, nhưng không có nói lời "xan tham".

Bộ THANH QUI nói : "Cơm chẳng trên 7 hột rất ít gọi là sẻn", nhưng cũng không nói chữ "Tham". Thế nào chừng bằng móng tay ?

Kinh ÁI ĐẠO nói : "Bánh xuất sanh lớn chừng bằng móng tay, phải vậy".

Bộ SỰ SAO nói : "Bàn xuất sanh, tùy ý mình, sắp đặt để hoặc ở trước hay ở sau bàn cúng các đẳng". Xét trong Luật TỨ PHẦN Phật dạy Thầy "Tỳ kheo", khi ăn cơm phải cúng thí cho người hoặc thần "Phi Nhơn" ăn với, nhẫn đến cúng thí một nắm cũng được, tùy chỗ thành tâm.

Kinh CỰU THÍ DỤ và BỘ TẠP SỰ Luật nói : Không nên ăn hết, phải để dư khắp cho các loài, chẳng luận loài nào.

Trong Bộ LUẬN TRÍ ĐỘ dạy : "Khi sắp ăn, trước cúng dường Tam bảo, sau thí đến bốn loài".

"Niết Bàn" kinh. Nhơn "Khoáng dã" quỉ, thọ "bất sát" giới, bất đắc nhục thực kì tử, Phật sắc : Tùy hữu "Phật pháp" xứ, tất thí kỳ thực; nhược hữu trụ xứ, bất thí thực giả thị ma quyến thuộc, phi Phật đệ tử.

CĂN BỔN LUẬT, "Quỉ" tử mẫu, tùng Phật thọ giới dĩ, Phật linh "Thiệm Bộ châu", sở hữu "đệ tử" mỗi ư thực thứ, thí chúng sanh thực, ư tăng hàng mạt, thiết thực nhất bàn, hô kỳ danh tự, cập ngũ bá tử, giai linh bảo thực, tinh dư hiện tại chúng sanh, giang sơn hà hải, chư "quỉ thần" đẳng, giai tất vật tâm, linh kỳ bảo túc".

Phàm "xuất sanh", an tả chưởng trung, tưởng niệm kệ vân : "Nhữ đẳng quỉ Thần chúng, ngã kim thí nhữ cúng, thử thực biến thập phương, nhất thiết quỉ thần cọng".

Kỳ thực, đương an tịnh bàn tử thượng, như vô bàn tử, phương an chưởng trung, hữu thủ bát trước tịnh vật thượng, đờn chỉ tam biến, niệm kệ dĩ, cánh niệm "biến thực chơn ngôn", "phổ cúng chơn ngôn", các thất biến đại thiện.

Phàm dục thực tác ngũ quán tưởng : Nhất kế công đa thiểu lượng bỉ lai xứ.

Kế công đa thiểu giả, vị đương quán thử thực, nhơn khẩn thực vân trừ, thâu, hoạch, nhu trị, thung ma đào thãi, xuy chữ nhi thành, tác phu lưu hạn hiệp tập, thực thiểu hạn đa, công trọng tân khổ như thị. Nhập khẩu tức thành bất tịnh, túc tích biến vi thỉ niệu, ố bất dục kiến.

Ngã nhược tham trước, đương đọa "Địa ngục", thôn nhiệt thiết hoàn; xuất vi "súc sanh", thường tha túc trái. Như thị quán dĩ, tâm sanh yểm ly, phương kham thọ thực. Lượng bỉ lai xứ giả. "Thí chủ", vị cầu

Kinh Niết Bàn nói :"Nhơn mẹ con, con quỉ "Khoáng dã" thọ giới bất "sát sanh" không dám ăn thịt đói gần chết. Nên Phật dạy tùy chỗ nào có Phật pháp, đều phải thí cho nó ăn, hoặc " Đệ tử Phật", ở chỗ nào mà không thí cho nó ăn ; ấy là bà con với ma, chớ không phải đệ tử của Ngài.

Bộ Căn Bổn Luật nói : "Mẹ con loài " Quỉ, theo Phật thọ giới "Bất sát" rồi Phật dạy : "Trong châu Nam Thiệm Bộ này, chỗ nào có " Đệ tử Phật", mỗi khi bữa ăn thí cho các loài ăn. Vậy ở sau chỗ "Chúng tăng " ngồi ăn, phải lập một bàn "xuất sanh", kêu tên "Quỉ mẹ", và 500 Quỉ con, cho ăn no đủ, và chúng sanh hiện tại như : loại ở suối, ở sông, ở núi, ở biển, tất cả "Quỉ Thần" đều đặng đem lòng thương xót và cho ăn no đủ "

Phàm cơm xuất sanh để trong bàn tay bên trái tưởng niệm bài kệ rằng : " Các ngươi chúng quỉ thần ta nay cúng thí cho người, cơm này khắp đủ mười phương, tất cả chúng Quỉ Thần".

Phàm cơm " xuất sanh ", phải để trên bàn cho sạch, bằng không có bàn, mới để trong lòng bàn tay bên trái, rồi tay bên hữu lấy để trên chén sạch, khảy móng tay 3 cái, tưởng bài kệ rồi, lại tưởng chú " biến thực chơn ngôn", và chú " phổ cúng dường chơn ngôn ", mỗi chú bảy biến rất hay.

Phàm tới bữa ăn, phải tưởng năm phép quán. Một là : Kể công nhiều ít, xét chỗ người đem đến.

Thế nào kể công nhiều ít? - Ta phải quán xét cơm này, công khó của người, nào là: cày cấy, làm cỏ, gặt hái, đập sảy, xay giã, vo gúc, xôi nấu mới thành, người làm mồ hôi dầm dề, cơm ít mồ hôi nhiều, công nặng khó khổ như thế. Ăn vào miệng rồi, hóa thành đồ bất tịnh, trong cách đêm, biến ra đồ nhơ bẩn, ghét chẳng muốn ngó.

Bằng ta tham đắm, sẽ đọa "Địa ngục", nuốt hoàn sắt nóng, mãn đời " Địa ngục", làm loài "súc sanh" trả nợ trước cho người. Quán như vậy, sanh tâm nhàm chán, mới nên chịu ăn. So chỗ người kia đem đến là gì ? Người "Thí chủ"

phước cố, giảm tự khẩu phúc, cát thê tử phần, nhi thí tương lai. Nhược vô tu hành, liệp mễ nan tiêu. Cố vân: "Liệp mễ trọng như sơn", thị dã.

Nhị : " Thổn kỷ đức hạnh, toàn khuyết ưng cúng.

Tự đương tư duy thổn độ, kỷ chi đức hạnh, như bất trì giới, tọa thiền, tụng kinh, dinh " Tam bảo " sự, tắc đức khuy hạnh khuyết, bất ưng thọ tha cúng thí, thọ tức vi thí sở đọa, đức hạnh tuy toàn, tu du quán pháp, phương tiêu " Tín Thí ". Cố "Thiên Thai" vân : " Bất vấn khất thực, chúng thực, giai tu tác quán". Nhược bất nhập quán, tức nhuận sanh tử, sở vị học đạo thông lý phục thân hườn "Tín Thí", "Trưởng Giả" bát thập nhất, kỳ thọ bất sanh nhĩ ; niên xỉ ký dĩ cao, viên trung tẩm, đất sanh, giáo hữu minh văn, khởi dung bất tín ?

Tam : "Phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông".

Vị thử tâm, cụ túc vô lượng vô minh phiền não chi quá hoạn, nhi "tham", "sân", "si", vi kỳ tông bổn thời đương phòng chi; tông bổn nhược khiển, chư quá đốn ly. Cố ư mỹ thực, bất khởi " tham " tưởng ư thô thực, bất khởi "sân nhuế", ư bất thô, bất mỹ thực, bất khởi si tâm. Tác thị quán dĩ nãi khả thọ thực.

DI LẶC SỞ VẤN Kinh luận vân : "Nhất thiết ác pháp, giai tùng tham, sân, si khởi", thị dã.

Tứ : "Chánh sự lương dược, vị liệu hình khô".

Tứ đại thành thân, thường vi cơ khát sở bệnh cẩu phi ẩm thực, tắc hình khô sắc tụy, vô do tấn tu đạo nghiệp, thị dĩ ẩm thực, chánh tư thân trị bệnh chi

vì, muốn cầu phước, giảm miệng bụng của mình, bớt phần vợ con, mà đem đến cúng thí. Nếu ta không tu hành, một hột gạo cũng khó tiêu. Cho nên có câu : "Nhất mễ trọng như sơn" là vậy.

Hai là : "Xét đức hạnh mình đủ hay thiếu mà chịu người cúng dường".

Mình phải nghĩ xét so lường, đức hạnh của mình, như không giữ giới, ngồi thiền, tụng kinh và làm việc "Tam bảo", thời đức kém, hạnh thiếu, không đáng thọ người cúng thí. Vì sao ? - Nếu thọ, thì bị của thí nó làm cho ta phải sa đọa. Đức hạnh tuy đủ, nhưng còn phải tưởng phép quán mới tiêu của "tín thí". Cho nên Ngài "Thiên Thai" nói : "Không luận của khất thực hay ăn của Chúng Tăng, đều phải tưởng phép quán", nếu không quán tưởng thời mắc đường sanh tử. Nên có câu : "Học đạo chẳng thông lý, thân sau đền của tín thí". Ông "Trưởng Giả" tuổi 81, cây kia chẳng mọc nấm, tuổi tác đã già, trong vườn nấm chẳng mọc". Kinh có nói rành, đâu dám chẳng tin ?

Ba là : "Ngăn tâm khỏi lỗi, tham sân là gốc".

Nghĩa là : Tâm này có đủ không biết bao tội lỗi, nào vô minh, nào phiền não mà cội gốc của nó là : "tham" "sân", "si" thường phải ngăn nó, cội gốc nếu trừ, các tội lỗi liền dứt. Cho nên, đối món ăn ngon, chẳng khởi tưởng "tham", đối món ăn dở, chẳng khởi lòng "sân", đối món ăn vừa vừa không ngon và không dở chẳng khởi lòng "si". Tưởng năm phép quán rồi, mới khá chịu ăn.

Kinh LUẬN DI LẶC SỞ VẤN : "Tất cả các việc ác, đều từ tham, sân, si, mà ra" phải vậy.

Bốn là :"Món ăn là : "Thuốc hay chính thức, chữa được hình gầy".

Tứ đại thành thân, thường mắc cái bệnh đói khát, nếu không ăn uống thời hình gầy sắc héo không do đâu tấn tu đạo nghiệp, cho nên món ăn uống, chính là món thuốc hay

lương dược, tu hành tấn đạo chi cơ quan. Như hữu tham trước, tắc phản thành trầm tha hỷ.

A DỤC VƯƠNG Kinh vân : "Ưu Ba Cấp Đa, dĩ nhất khí thạnh mảng nhủ mê, hựu dĩ nhất không khí, tịnh trí nhất tham thực "Tỳ kheo" tiền". Ngứ ngôn nhử khả đải lảnh, sảo sảo ẩm chi; nhi "Tỳ kheo" tham thực tâm trọng, tiện xuy sử lảnh, nãi tinh thực chi. "Cấp Đa" viết : "Nhủ mê tuy lảnh, nhử tâm cố nhiệt, phục tu lảnh chi, đương dĩ bất tịnh quán vi thủy, trừ thử tâm nhiệt. Nhược kiến ẩm thực, như phục dược tưởng", "Tỳ kheo" thực cảnh, tức tiện thổ xuất, mảng không khí. "Cấp Đa" viết : Nhử khả cánh thực. "Tỳ kheo" viết : Bất tịnh hà khả phục thực. "Cấp Đa" viết : Nhữ quán nhất thiết pháp, du như dị thổ; nhơn vị thuyết pháp, "Tỳ kheo" tinh tấn, tư duy quan sát, đắc "A La Hán" quả.

Ngũ : "Vị thành đạo cố, phương thọ thử thực".

Bất thực, tắc hình ly, sắc biến, đạo nghiệp nan tấn kim vị thành tựu đạo nghiệp, cố thọ tư thực, cẩu bất vị đạo, tắc liệp mễ nan tiêu.

Cố Cổ Đức vân : "Vị thành đạo nghiệp thí tương lai, đạo nghiệp vị thành tranh tiêu đắc". Phàm vi thọ thực, đương tác thử ngũ quán. Nhược tự tri đạo nghiệp vị thành, tu thâm sanh tàm quí.

CỐ HÀNH HỘ vân : "Sở thực tu sanh tàm quí, thường tác quán pháp" thị dã.

MA ĐỨC LẠC GIÀ luận vân : "Nhược đắc thực thời, khẩu khẩu tác niệm", đệ nhất đề, mặc niệm vân : "Nguyện đoạn nhất thiết ác"; đệ nhị đề niệm vân : "Nguyện tu nhất thiết thiện"; đệ tam đề niệm vân : "Sở tu thiện căn, hồi hướng chúng sanh phổ cọng thành Phật".

trị bệnh nuôi thân, cơ quan tấn tu đạo hạnh. Bằng ta có tâm tham đắm, thời trở thành cái bệnh nặng *(cố thực)*

Kinh A DỤC VƯƠNG nói : "Tổ Ưu Ba Cấp Đa lấy một cái bát đựng đầy chất sữa, lại đem một bát không cũng để một bên ông Tỳ kheo tham thực". Tổ bảo : "Ông phải đợi nguội, từ từ uống đó". Nhưng "Tỳ kheo", vì tâm tham thực thúc giục thổi lia, thổi lịa, khiến cho mau nguội, mà bưng uống một lần. "Tổ Cấp Đa" nói : "Sữa kia tuy nguội, nhưng tâm ông còn nóng lại phải nguội đi. Phải dùng phép quán bất tịnh, làm nước rửa, trừ tâm nóng này. Bằng thấy món ăn uống, tưởng như uống thuốc vậy thôi". "Tỳ kheo ăn rồi nghe Tổ nói, liền mửa ra đầy cả một bát không". Tổ Cấp Đa nói : "Ngươi hãy ăn lại đi". Tỳ kheo bạch : "Bất tịnh ăn làm sao được". Tổ nói : "Ngươi phải quán tưởng tất cả các pháp, cũng như hỉ mũi, khạc đàm". Nhơn đó "Tổ" vì thuyết pháp. "Tỳ kheo" tinh tấn nghĩ tưởng quán xét, đặng quả "A la hán".

Năm là : "Vì thành đạo nghiệp, mới thọ cơm này".

Nếu không ăn thời hình gầy sắc ốm, đạo nghiệp khó nên, nay muốn đạo nghiệp được thành nên chịu cơm này. Nếu không vì đạo, thời một hột gạo cũng khó tiêu.

Cho nên bực "Cổ Đức" nói : "Người vì mình thành đạo nghiệp, đem đến cúng thí, đạo nghiệp chưa thành, đâu tiêu đặng ". Phàm khi chịu ăn, phải đủ năm phép quán này. Bằng mình biết đạo nghiệp chưa thành, phải rất sanh tâm xấu hổ.

Trong bộ HÀNH HỘ nói : "Bữa ăn phải sanh tâm xấu hổ thường tưởng phép quán, dẫu ngàn vàng cũng tiêu đặng" phải vậy.

Bộ MA ĐỨC LẶC GIÀ LUẬN nói : "Bằng khi được ăn, mỗi miếng thầm tưởng" như : "Miếng thứ nhất thầm tưởng rằng : "Nguyện dứt tất cả việc ác". Miếng thứ hai tưởng rằng : "Nguyện tu tất cả việc lành". Miếng thứ ba tưởng rằng : "Chỗ tu các việc lành, hồi hướng cho tất cả chúng sanh, đều đồng thành Phật".

Vô ha thực hảo ố.

Bất khả ha hiềm thực chi thô mỹ.

Bất đắc dĩ thực tư sở dữ, nhược trích dữ "cẩu".

Vật thuộc "Tăng già", thực vô thiên đảng; tư dữ, tức phạm đạo khiên chúng thực vị cảnh dữ cẩu tức thành "phi pháp". Thọ thực chánh đương kiền cung tác quán, trích dữ cẩu, tức phi oai nghi hĩ.

Lai ích thực, bất đắc ngôn bất dụng; nhược dĩ bảo, đương dĩ thủ nhượng khước chi.

Ích giả, tấn dã, tăng thiêm dã. Ngôn bất dụng, tắc thất khiêm tốn, xuất thinh, phục động chúng niệm. Nhượng chi tắc cung tốn hiệp nghi hĩ.

Bất đắc trảo đầu, sự phong tiết lạc lân bát trung.

Tự thực thượng bất nghi trảo đầu, huống đồng chúng xan; tư hữu tam quá : Nhất, động tha niệm ; nhị, thất oai nghi; tam, nị thủ ô bát, đắc tội.

Bất đắc hàm tự ngữ.

Thiết hữu nhơn vấn, yết dĩ phương ứng, huống tự ngôn thuyết, khả hồ ? !

Bất đắc tiếu đàm tạp thoại.

Tâm tồn ngũ quán, tức vô thử quá dã.

Bất đắc tước thực hữu thinh.

Phàm tước thực, tu hiệp thần vẩn, bỉnh quả đương tế bách thực chi, diệc bất đắc xuyết canh chúc tác thinh.

Như dục khiêu nha, dỹ y tụ yểm khẩu.

Chớ chê đồ ăn ngon dở.

Chớ đặng chê, giận đồ ăn ngon và dở.

Chẳng đặng lấy đồ ăn chung cho riêng hoặc quăng cho "chó".

Vật thuộc của "Chúng Tăng", ăn không nên ăn riêng chúng. Riêng cho người, liền phạm tội ăn trộm. "Chúng Tăng" ăn chưa rồi, cho chó ăn, thời thành "Phi pháp". Khi ăn cần phải cung kính, tưởng năm phép quán, quăng cho chó tức sái oai nghi vậy.

Đem thêm đồ ăn, chẳng nên nói không dùng, như no rồi, phải lấy tay nhường, xá mà lui.

Đem đồ ăn, là nghĩa đem thêm các món ăn. Nói không dùng là mất phép khiêm nhường. Thốt lời, lại động niệm chúng. Khiêm nhường đó, thời được cung kính và nhằm phép.

Đương ăn chẳng đặng gãi đầu, khiến bay bụi trong bát người gần.

Ăn một mình còn không đặng gãi đầu, huống chi ăn đồng chúng. Gãi đầu có ba điều lỗi : 1 - Động niệm Chúng. 2 - Mất oai nghi. 3 - Nhơ tay và nhơ bát mắc tội.

Chẳng đặng vừa ngậm cơm vừa nói chuyện.

Dẫu có người hỏi cũng phải nuốt miếng cơm cho rồi mới đáp, huống chi ta vừa ngậm cơm vừa nói sao đặng ?

Chẳng đặng cười nói bậy bạ.

Tâm giữ năm phép quán, tức không có lỗi đó vậy.

Chẳng đặng nhai cơm có tiếng.

Phàm nhai cơm, phải mím môi lại, bánh trái cũng phải cắt cho nhỏ mà ăn, cũng chẳng đặng húp canh, húp cháo có tiếng "ột ột".

Như muốn xỉa răng, lấy tay áo che miệng lại.

Bất yểm, tắc tự thất "oai nghi", phục linh nhơn yểm ố tâm khởi.

Tự trung, hoặc hữu "trùng nghị", nghi mật yểm tàng chi; mạc linh đơn kiến, sanh nghi tâm.

"Lân đơn", tức "Tỷ tòa" dã; nhược linh bỉ kiến, hoặc nghi ky tâm sanh, trí ư biến thổ, bất năng phục thực dã.

Đương nhất, tọa thực, bất bắc thực ngật, ly tòa cánh tọa thực.

Hữu bệnh **vô phạm.**

Bất đắc thực ngật, dỉ thủ chỉ quát oản bát thực.

Thị cơ ngạ tướng, phi "xuất gia" nghi, diệc bất đắc dĩ thiệt sỉ thực.

Phàm thực, bất đắc thái tốc, bất đắc thái trì.

Tốc, đắc thất nghi. Trì, tắc dộng chúng.Diệc bất đắc di liệp lang tạ nhi thực. Bất đắc hiệp thực; bất đắc súc tỉ thực, đẳng.

Hành thực vị chí, bất đắc sanh phiền não.

Hành thực, thị ích thực dã. Ngũ quán tồn tâm, thời hoài tàm quý, tắc phiền não bất sanh hĩ. Cổ vân : "Ngai ngai tứ cố khởi tham sân, niệm thực thôn tân khái thấu tần, lộc chúc xuyến canh bao mãn khẩu, khai đơn triển bát hướng chư lân".

Hoặc hữu sở nhu, mặc nhiên chỉ thọ, bất đắc cao thinh đại hoán.

Không che thời mình lỗi "oai nghi" và khiến người sanh tâm nhờm gớm.

Trong cơm hoặc có "sâu bọ", phải kín che giấu đừng để người ngồi gần thấy sanh lòng nghi, ăn không được.

"Ngồi gần" một bên gọi chữ "Lân đơn". Bằng để người ngồi gần một bên thấy, họ sanh tâm nghi ngại, đến nỗi ụa mửa không ăn nữa được.

Phải ngồi một chỗ mà ăn, chẳng đặng ăn rồi, khỏi chỗ ngồi, lại ngồi ăn nữa.

Trừ người có bệnh thời không phạm.

Chẳng đặng ăn rồi, lấy ngón tay vét trong chén bát mà ăn.

Ấy là tướng đói khát, chẳng phải phép tắc người "xuất gia", cũng chẳng đặng lấy lưỡi liếm mà ăn.

Phàm ăn, chẳng đặng mau lắm, chẳng đặng lâu lắm.

Mau thời lỗi phép tắc. Lâu thời động chúng. Cũng chẳng đặng lượm hột rơi đổ mà ăn. Chẳng đặng ăn phùng má. Chẳng đặng vừa ăn, vừa hít mũi "chụt chịt".

Đem đồ ăn chưa đến, chẳng đặng sanh phiền não.

Đem đồ ăn nghĩa là đem thêm các món ăn nữa vậy. Tâm giữ đủ năm phép quán, thường sanh lòng hổ thẹn thời phiền não chẳng sanh vậy. Nên "Cổ Đức" có câu : "Ngai ngai tứ cố khởi tham sân, niệm thực thôn tân, khái thấu tần, lộc chúc xuyến canh bao mãn khẩu, khai đơn triển bát, hướng chư lân". Nghĩa là : "Ngó trông bốn phía, khởi tham sân, nghĩ ăn, nuốt miếng ho khạt rần. Húp cháo lua canh, đầy tràn miệng. Mở đơn khua bát, tiếng vang rân".

Hoặc có cần dùng, yên lặng chỉ trao, đừng nên cao tiếng nói lớn.

Nhu đồng tu, sách dã, vị dĩ chỉ thọ linh tri, bỉ vị thủ dã.

Bất đắc oản bát tác thinh.

Như tiền đệ "cửu giới" trung thích.

Bất đắc thực tất tiên khởi.

Trừ hữu cấp sự, cập bệnh bất năng cữu tọa, vô phạm.

Nhược vi "Tăng" chế, văn "Bạch Chùy", bất đắc cản cự bất phục.

Bạch chùy, thị "cử tội" chi qui. Cản cự, thị để xúc "bất thuận chi mạo", như kỳ bất phục, sanh sân vi hòa tức phi "Hảo Tăng".

Cổ nhơn : "Văn thiện ngôn tắc bái", "hữu cáo quá tắc hỉ", tứ giai "Thánh Hiền" khí tượng, hà bất hiệu chi ?

Phạn trung hữu cốc, khử bì thực chi.

"Mạng" y thực trụ, "đạo" do thực tồn, cố nghi tích chi, bất khả tiện khí.

"Chí Phùng Thiền Sư", nhất nhất yến tọa, hữu "Thần" qui ư tiền. Sư vấn : Vi thì ? -Viết : "Hộ Giới thần" dã - Sư viết : Ngô lự túc khiên vị điển, như tri chi hồ ? - Viết : Sư hữu hà tội, duy tiểu quá nhĩ. - Sư viết : Hà dã ? - Viết : "Phàm chiết bát thủy, diệc Thí chủ vật, sư thường triếp khí chi, phi sở nghi dã". Ngôn ngật nhi ẩn. Sư tự thử, tất ẩm chi.

Bất đắc kiến mỹ vị, sanh tham tâm, tứ khẩu thực.

Bất tri thực chi quá hoạn, cố tứ tham vô yểm.

Cần dùng đòi hỏi phải lấy ngón tay ra dấu cho biết để người giúp giùm cho ta.

Chẳng đặng khua chén bát nổi tiếng.

Các "oai nghi" như trên, đến trong "giới thứ chín" sau đây có giải rành.

Chẳng đặng ăn rồi dậy trước.

Trừ có việc gấp và có bệnh, ngồi lâu không nổi, dậy trước không phạm.

Bằng có lỗi phép "Chúng Tăng" nghe tiếng "Bạch chùy" chẳng đặng kình chống chẳng chịu.

Bạch chùy là gì ? Là phép "cử tội". Chống cãi là gì ? Là cái dạng "Chống chối không thuận" bằng mình không chịu, sanh sân, trái phép "Lục Hòa" tức không phải bực "Hảo Tăng".

Xưa như Vua Võ "nghe lời lành thời lạy". Thầy Tử Lộ "nghe người chỉ lỗi thì mừng" đó là khí tượng "Thánh Hiền", sao ta không bắt chước ?

Trong cơm có thóc, lột bỏ vỏ mà ăn đó.

"Mạng" nhờ ăn mà sống, "Đạo" do ăn mà còn. Cho nên phải yêu tiếc chớ nên khinh bỏ.

Ngài "Chí Phùng Thiền Sư", một hôm ngồi yên tịnh, có vị "Thần" quì trước mặt. Sư hỏi là ai ? - Thần đáp : Tôi là "Thần hộ giới vậy" - Sư nói : Ta lo tội trước chưa xong, ngươi có biết đó ư ? - Thần nói : Sư có tội chi, duy có lỗi nhỏ thôi. - Sư hỏi : Lỗi gì ? - Thần đáp : "Phàm nước tráng bát, cũng là vật người Thí chủ, Sư thường hất đổ, chẳng phải phép như vậy". Nói rồi ẩn mất. Sư từ đó đều uống hết.

Chẳng đặng thấy món ngon sanh lòng tham, lung miệng mà ăn.

Bởi không biết việc tội lỗi của sự ăn, nên buông lòng tham không chán.

"Như tích nhất Sa Di, tham ái lạc vị, tử tức tác lạc bình trung Trùng".

"Phục nhất Sa Di, tham trước Long cung hương phạn. Tử hậu vi long, dục đoạt Long cung, sát chư long thuộc, vi hại phi tiểu". Thị cố ư thực, bất khả sanh tham tâm dã.

Bất đắc thiên chúng thực.

"Tăng vật" thiên chúng, chuẩn trị thành tội, tự vật thiên chúng, thị vô tàm nhơn.

"LỄ BÁI" ĐỆ LỤC

Lễ bái bất đắc chiếm điện trung ương, thị "Trụ trì" vị.

Túng vô "Trụ Trì", diệc hữu "Giám Tự", phục đương phương hậu lai chỉ chơn. Trụ Trì giả, hoằng dương chánh pháp nhơn dã.

Hữu nhơn lễ Phật, bất đắc hướng bỉ nhơn đầu tiền kỉnh quá.

Kỉnh cận dã quá dã. Kỉnh quá, nhất tự thất tôn kỉnh, nhị loạn tha quán pháp, hoạch tội phi khinh dã.

Phàm hiệp chưởng, bất đắc thập chỉ sân si, bất đắc trung hư, bất đắc tương chỉ sáp tĩ trung, tu bình hung, cao đê đắc sở.

Sâm si, trung hư giai thuộc mạn đọa; sáp tĩ, cao đê, thị nghi bất trúng tiết, hữu thất quan chiêm dã.

Bất đắc phi thời lễ bái, như dục phi thời lễ tu đãi nhơn tịnh thời.

Phi thời, vị bất hiệp chúng qui, tắc vi nghịch tăng chế. Nhơn tịnh, tắc bất linh chúng động niệm.

"Như xưa, một ông Sa Di, tham ưa vị Tô Lạc. Chết liền làm con Trùng trong bình Tô Lạc".

"Lại có một ông Sa Di, tham đắm hột cơm thơm dưới Long Cung. Chết rồi làm Long Vương, muốn giựt chốn Long cung, giết các loài rồng, mắc hại không phải nhỏ" xem đó thì biết món ăn có hại chừng nào ? Chẳng nên sanh lòng tham vậy ?

Chẳng đặng ăn mích chúng.

Vật của "Chúng Tăng" ăn mích chúng định giá thành tội. Vật của mình, ăn mích chúng, là người không biết trên.

BÀI THỨ SÁU : "PHÉP LỄ BÁI"

Lễ bái, chẳng đặng đứng chính giữa chùa; ấy là để nhường cho vị "Trụ Trì" vậy.

Dầu không vị "Trụ Trì", cũng có ông "Giám Tự". Lại cũng phòng những người đến sau chiêm lễ mà mình đã choán. "Trụ Trì" là gì ? Là người hoằng dương chánh pháp vậy.

Có người lễ Phật ta chẳng đặng đứng gần và đi ngang qua trước đầu người lạy.

Đứng gần và đi ngang qua có hai điều lỗi : 1.- Mình mất vẻ tôn kính. 2.- Loạn phép quán của người, mắc tội thật không phải nhẹ.

Phàm chắp tay chẳng đặng mười ngón so le, chẳng đặng bộng chính giữa, chẳng đặng nhét ngón tay trong mũi, phải bằng ngực, cao thấp vừa chừng.

So le, bộng chính giữa đều thuộc về lối biếng nhát. Nhét trong mũi và cao thấp ấy là oai nghi không nhằm phép có cái lỗi về sự quán tưởng và chiêm ngưỡng.

Chẳng đặng lễ bái phi thời. Bằng muốn lễ phi thời phải chờ khi người vắng *(ngủ nghỉ)*.

Sao gọi phi thời ? Nghĩa là không nhằm qui luật trong chúng, thời có cái lỗi trái nghịch phép chúng tăng.

Sao gọi là người vắng ? Nghĩa là : Lạy trong khi vắng người thời khỏi phải động niệm trong đại chúng.

Sư lễ Phật, bất đắc dữ sư tịnh lễ, đương tùy sư hậu viễn bái.

Tịnh, thị tỷ tịnh tề lễ; tùy hậu, vị tại sư chi thân hậu, diệc bất nghi bức cận, cố vân "Viễn bái".

Sư bát nhơn bất đắc dữ Sư đồng bái.

Đồng bái, tắc tôn ti chi nghi thất hĩ.

Tại sư tiền, bất đắc dữ đồng loại tương lễ, tại sư tiên bất đắc thọ nhơn lễ.

Đồng loại lễ, tắc thất tôn ti chi phần, thọ nhơn lễ, tắc thất tự ti chi nghi.

Kỷ thủ trì kinh tượng, bất đắc vị nhơn tác lễ.

Kinh tượng nãi nhơn thiên sở tôn, khởi nghi trì chi; lễ nhơn.

PHỤ

Phàm lễ bái, tu tinh thành tác quán giáo liệc thất chưởng lễ bất khả bất tri.

Bất tạp dư niệm, viết "Tinh". Chơn thật trí kỉnh viết "Thành".

Thất chưởng lễ dã ?

- **Nhất ngã mạng lễ.**
- **Nhị cầu danh lễ.**
- **Tam thân tâm cung kỉnh lễ.**
- **Tứ phát trí thanh tịnh lễ.**
- **Ngũ thông nhập pháp giới lễ.**
- **Lục chánh quán tu thành lễ .**
- **Thất thiệt tướng bình đẳng lễ.**

Tiền nhị phi lễ. Hậu ngũ, nghĩa hữu thiển thâm, như dư xứ thích, thử bất phiền xuất.

Thầy lạy Phật chẳng đặng cùng Thầy đồng lạy, phải theo sau xa Thầy mà lạy.

Thế nào chẳng đặng cùng Thầy đồng lạy ? Nghĩa là : Sánh ngang hàng với Thầy đồng lạy.

Thế nào lạy sau và xa Thầy ? Nghĩa là : Lạy ở sau thân Thầy và cũng chẳng phải khít gần một bên, cho nên nói rằng "Viễn Bái".

Thầy xá người, không phép đồng Thầy cùng xá.

Đồng xá, thời mất phép tôn ti vậy.

Ở trước Thầy chẳng đặng cùng người đồng bực lạy nhau. Ở trước Thầy chẳng đặng chịu cho người lạy mình.

Đồng bực lạy nhau, thời có lỗi mất phần tôn ti; chịu cho người lạy mình, thời có cái lỗi sái phép thấp mình đối với Thầy.

Tay cầm Kinh tượng, chẳng đặng vì người xá lễ.

Bởi kinh tượng, chính người trời còn tôn kính, đâu phép cầm kinh tượng mà xá người ư ?

LỜI PHỤ

Phàm kính lễ, phải tinh thành quán tưởng. Kinh có dạy bảy phép lạy, chẳng khá chẳng biết.

Không xen niệm khác gọi là chữ "Tinh". Tâm chơn thật rất kính gọi là chữ "Thành".

Bảy phép lạy là gì ?

1) Lạy ngã mạn.

2) Lạy cầu danh.

3) Thân tâm cung kính mà lạy.

4) Mở trí thanh tịnh mà lạy.

5) Thông nhập pháp giới mà lạy.

6) Tưởng chính thật tu mà lạy.

7) Thật tướng bình đẳng mà lạy.

Hai phép lạy trước không đúng phép lạy. Năm phép sau mới đúng phép lạy. Nhưng năm phép lạy này nghĩa lý có cao có thấp. Như các chỗ khác rộng giải, văn nhiều đây chẳng chép ra.

"THÍNH PHÁP" ĐỆ THẤT

Phàm ngộ quái thượng đường bài, nghi tảo thượng đường, mạc đãi pháp cổ đại lôi.

Nhược bất tảo vãng, lâm thời sảng sốt thất nghi, thân tâm phiền táo bất khế pháp lý.

Chỉnh lý y phục, bình thị trực tấn.

Y chỉnh tắc nghi túc; bình thị, tắc tâm đoan; trực tấn, tắc biểu chánh dã.

Tọa tất đoan nghiêm.

Thân nghiệp túc dã.

Bất đắc loạn ngữ.

Khẩu nghiệp túc dã.

Bất đắc đại khái thóa.

Nhất tắc động chúng. Nhị tắc ô địa. Tam hoạch tội phi tiểu.

Tường như kinh thuyết. Phàm văn pháp như cơ đắc thực, như khát đắc ẩm, thốn âm vô khí, bất yểm đa văn, phương danh Phật tử.

PHỤ

Phàm thính pháp, tu văn nhi tư, tư nhi tu.

Thử thị, văn, tư, tu, tam huệ, khuyết nhất bất khả. Nhược văn nhi bất tư, như nhơn chưởng điền, bất hạ chưởng tử. Tư nhi bất tu, như bất quán khái vân trừ chung vô kiết thiệt. Tam huệ đắc tự tắc "Tam Thừa" chi quả, khả hoạch hĩ.

Bất đắc chuyên ký danh ngôn, dĩ tư đàm bính.

Chuyên ký danh ngôn, như nhơn thuyết thực, diệc như sổ tha trân bửu. Nhược tư đàm bính, căng

BÀI THỨ BẢY : "THÍNH PHÁP"

Phàm gặp bảng treo trên nhà giảng đường, phải sớm lên nhà giảng đường chớ đợi trống pháp đánh reo, mới đến.

Bằng không sớm đến, tới giờ lật đật mất oai nghi, thân tâm hồi hộp không nhận đặng lý mầu của pháp.

Sửa sang y phục, bằng xem thẳng tới.

Sửa y, thời nghi nghiêm. Bằng xem, thời tâm chính. Thẳng tới, thời hình ngay vậy.

Ngồi phải đoan nghiêm.

Là thân nghiệp nghiêm vậy.

Chẳng đặng nói bậy.

Là khẩu nghiệp nghiêm vậy.

Chẳng đặng ho khạc lớn tiếng.

Có ba việc không đặng tiện : 1 - Động chúng; 2 - Nhơ đất; 3 - Mắc tội không phải nhỏ.

Rõ như trong kinh THẬP GIỚI nói : Phàm nghe pháp tưởng như đói được ăn, như khát được uống, tất bóng không bỏ, chẳng nhàm nghe nhiều mới gọi là Phật tử

LỜI PHỤ

Phàm nghe pháp phải nghe mà nhớ, nhớ mà tu.

Ba huệ : Văn, Tư, Tu, đây thiếu một không đặng. Nếu nghe mà không nhớ, như người cày ruộng, không xuống hột giống. Nhớ mà không tu, như có xuống giống, nhưng không tưới nước và làm cỏ, rốt không kết hột. Ba huệ đặng thứ lớp thời quả "Tam Thừa" quyết đặng vậy.

Chẳng đặng chuyên nhớ lời hay, để giúp câu văn lý luận.

Chuyên nhớ lời hay, mà không thực hành, thời không ích chi cho đạo. Như người nói ăn mà không ăn, thời bao

khoa tri kiến, bất cầu lý ngộ tăng trưởng mạn tràng, phản thành độc dược.

Cố vân : Học giả, vi tứ sự đọa lạc ?

Như PHÁP LUẬT TAM MUỘI Kinh vân :

Nhứt học bất tri thiện quyền phương tiện, khinh mạn sư hữu, vô hữu nhứt tâm, kỳ ý sổ chuyển.

Nhị học vãn đặc tấn, vô hữu đạo lực đản tham danh dự, vọng nhơn kỉnh thị.

Tam học sở thị sư, bất cần khổ, dương đắc thành tựu, hư sức cống cao.

Tứ háo học đạo, phản trì dị thuật, tỷ Phật thâm kinh, ngôn đạo đồng đẳng, thử chi ác kiến, thậm ư độc dược, hữu hại "pháp thân huệ mạng" dã.

Bất đắc vị hội xưng hội, nhập nhĩ xuất khẩu.

"Hội" dã, "lãnh ngộ" dã, vị hội xưng hội, thị tự khi bất thiệt. Nhập nhĩ xuất khẩu, tức vô khế ngộ cơ.

Cổ nhơn vân : "Quân Tử chi học, nhập hồ nhĩ, trước hồ tâm, bố hồ tứ chi, hình hồ đồng tịnh .

Tiểu nhơn chi học, nhập hồ nhĩ, xuất hồ khẩu, nhĩ, khẩu chi gian, tứ thốn nhĩ, hạt túc dĩ mỹ thất xích chi xu".

Niên thiếu sa di, giới lực vị cố, nghi cánh học luật, bất đắc tảo phó giảng diên.

Giới lực vị kiên, tắc tâm chí vô định, túc căn vị ổn, tùy phong thướng há.

giờ no bụng, cũng như đếm ngọc báu của người, rốt cuộc mình không có một đồng nhỏ. Bằng cậy tài nghề, khoe khoang chỗ tri kiến, không cần tỏ lý, thêm lớn cây cờ ngã mạn, trở thành thuốc độc. Co nên có câu :

"Người học có bốn việc phải đọa lạc".

Thế nào là bốn việc ?

Như kinh PHÁP LUẬT TAM MUỘI nói :

1).- Học không biết quyền hay chước khéo, khinh dễ Thầy bạn, không có nhất tâm, ý hay dời đổi.

2).- Học văn chảy chuốt, không có thực hành, chỉ ham danh dự, trông người kính trọng.

3).-Học chỗ hầu Thầy, không chịu khổ, vừa được khá khá, bươn bả cống cao.

4).- Ưa học sách ngoại đạo, lại đem nghề lạ, sánh với kinh cao của đức Phật, nói ngoại đạo đồng bực. Những ác kiến như đây, lắm hơn thuốc độc có hại cho "pháp thân huệ mạng " vậy.

Chẳng đặng chưa tỏ ngộ, nói mình tỏ ngộ, vào tai ra miệng.

"Tỏ Ngộ" cũng như "lãnh ngộ", chưa tỏ ngộ mà xưng tỏ ngộ là mình dối trá không thật.

Vào tai ra miệng, tức không chỗ tỏ ngộ.

Người xưa nói :"Việc học người Quân Tử, vào lỗ tai, để trong lòng, bủa khắp đến "tứ chi" bày theo khi động tịnh.

Còn học của kẻ "tiểu nhơn" vào lỗ tai, ra lỗ miệng trong khuôn khổ tai miệng chừng bốn tấc thôi, đâu đủ, cho tốt cái thân bảy thước ư" ?!

Ông "Sa Di tuổi nhỏ giữ giới chưa chắc, lại phải học luật, chớ nên sớm tới trường giảng kinh, luận.

Giữ giới chưa chắc, thời tâm chí không định, gót chân chưa vững, theo phong trần tấp dập xuống lên.

Huống đại tiểu nhị thừa, "tánh tướng" lưỡng tông, hề năng dung hội. Phi xả thử hân bỉ, tắc bác vô "nhơn quả", hổ tương đê độc, trí chiêu "vô gián" trọng khiên. Cố bất khả bất thận dã !

NGŨ KHỔ CHƯƠNG CÚ kinh, Phật ngôn : Phù "thiện tri thức" dục giáo tân học, sảo sảo dĩ tiệm, giáo ngữ ma sự, linh hộ ma nhơn duyên ? Sanh tử tội khổ, ngũ đạo phân minh, linh tín tội phước, sự sự liểu liểu, nãi khả ngữ đạo".

"TẬP HỌC KINH ĐIỂN" ĐỆ BÁT

Nghi tiên học Luật, hậu học tu đa la, bất đắc vi việt.

Học giả ? Giác dả, giác ngộ sở bất tri dả; hựu học du sức dã, khí bất sức, tắc vô dĩ thành mỹ quan; Nhơn bất học, tắc vô dĩ thành "Thánh Đức", cố học, sở dĩ sớ thần đạt tứ, di tình trị tánh "Thánh nhơn" chi thượng vụ. Cố vân : Mộc vô chi, vị chi hối; nhơn bất học, vị chi cổ. Tự cổ "Thánh Hiền" du vụ ư học, huống kim phàm phu hữu bất học; nhi thành nhơn tai !?

"Phạm ngữ : "Tu đa la" thử vân : "Kinh" KINH du "Kỉnh" dã. Thị "Tam Thừa" nhơn du lý, nhi thông chí "Niết Bàn" chi kỉnh lộ dã.

Phù học tất y "Thánh Giáo" bất đắc vi bối việt thứ nhi học, cố tiên LUẬT hậu Kinh như đắc thắng

Huống chi "Đại" "Tiểu" hai Thừa, "Tánh" và "Tướng" hai tông, làm sao thông hiểu đặng. Chẳng phải bỏ đây ham kia, thời cũng bác rằng không "Nhơn", không "Quả", chê bai lẫn nhau, đến nỗi chuốc lấy tội nặng "Vô gián". Thật chẳng khó chẳng kiêng dè ư !

Kinh NGŨ KHỔ CHƯƠNG CÚ Phật dạy : Luận như ông "Thiện tri Thức", muốn dạy kẻ mới học, thủng thẳng, dần dần giảng dạy việc ma cho nó biết nhơn duyên ma để giữ gìn. Tội nặng đường sanh tử, năm đường phân rành khiến nó tin tội phước, mọi sự lâu thông, bây giờ mới nói qua đạo Phật.

BÀI THỨ TÁM : "TẬP HỌC KINH ĐIỂN"

Trước phải học Luật, sau học các bộ kinh, chớ nên vượt bực.

Học là gì ?

Học nghĩa là biết, là tỏ biết cái chỗ mình chưa biết vậy. Lại chữ Học cũng có nghĩa trau giồi, như món đồ không trau giồi, thời không lấy chi thành món đồ để coi cho tốt. Người không học, thời không lấy chi thành "Thánh Đức", cho nên việc học, để cho mở tâm thần thông ý tứ, vui lòng sửa tánh, là việc trước nhất của bực "Thánh Nhơn".

Người xưa nói : "Cây không cành gọi là cây cùi. Người không học gọi là người mù"; Từ xưa các "Thánh Hiền" còn chuyên việc học, huống kẻ phàm phu, đời bấy giờ, có ai không học mà thành người ư !?

Thế nào là các Bộ Kinh ?

Tiếng "Phạm Ngữ" gọi là "Tu Đa La" cũng như tiếng Hán nói chữ "Kinh".

Chữ "Kinh" là nghĩa "thẳng tắt" là con đường thẳng tắt trải qua bực "Tam Thừa" và đến quả "Niết Bàn" của đức Phật cho nên gọi là "Kinh".

Luận người học phải y lời Phật dạy, chẳng đặng bỏ thứ lớp mà học, cho nên trước học luật, sau học kinh, như thợ mộc có dây mực, quy củ nắm chắc trong tay.

mặc qui củ tại thủ. Tiên "Kinh" hậu "Luật", như khiếm thằng mặc, tắc phương viên thất, độ hĩ.

Phàm học nhất kinh, tu tiên bạch sư; kinh hoàn cánh bạch biệt học mỗ kinh.

Sa Di thức kiến vị quảng, bất tri pháp chi thứ đệ, học chi sở nghi, cố tu tiên bạch, sư hứa nhiên hậu học, đương nhật hữu sở tấn, ôn cố tập tân, tấn nghiệp chi hà, thường thị sư trắc.

ĐẠI LUẬT, Phật linh nhị chưởng học nghiệp. Nhứt tụng giải. Nhị Thiền Tư.

BÁT NHÃ Kinh vân : 1.- Thiền học, vị chi khai trí. 2.- Giảng học vị chi diễn trí.

Bất đắc khẩu xuy kinh thượng trần.

Nhật khẩu khí xú uế. Nhị thất tôn kinh tâm. Ưng dĩ tịnh vật phất chi.

VĂN THÙ VẤN Kinh vân : "Trang nghiêm cúng dường cụ, dĩ khẩu xuy khử khôi giả, dọa "Ưu Bát La" Địa Ngục, bàng báo tác "Phong Thần Vương".

Bất đắc kinh án thượng, bao tàng trà mạt tạp vật.

Dĩ ô trác khinh kinh, cố dã.

THANH QUI vân : "Tư tàng trà mạt, thủ tiếu bàng quan".

Nhơn duyệt kinh, bất đắc cận bỉ án tiền kinh hành.

1.- Tự thất kỉnh nghi. 2.- Loạn tha tâm niệm

Phàm kinh tịch tổn hoại, nghi tốc tu bổ.

Trước học Kinh sau học Luật như thợ mộc thiếu dây mực, thời kiểu mẫu vuông tròn ắt là sái phép.

Phàm học một bộ kinh, trước phải thưa Thầy, kinh đó rồi lại bạch học kinh chi khác nữa.

Ông Sa Di, kiến thức chưa rộng chẳng biết thứ lớp Phật pháp, học sao là phải, nên phải bạch trước. Thầy cho rồi mới học. Mỗi ngày có chỗ học tới, ôn cũ biết mới. Những ngày nghỉ học, phải hầu bên Thầy.

Trong ĐẠI LUẬT, Phật dạy "Sa Di" có hai phép học. Thế nào là hai phép học ?

1.- "Tụng kinh và hiểu nghĩa". 2.- "Tham thiền và quán tưởng".

Kinh BÁT NHÃ nói : 1.- "Học tham thiền gọi mở trí. 2.- Học kinh gọi là rộng trí".

Chẳng đặng miệng thổi bụi trên kinh.

Có hai lỗi : 1.- "Hơi hôi trong miệng". 2.- "Mất tâm cung kính". Cần phải lấy vật sạch lau đó.

Kinh VĂN THÙ VẤN nói : "Sắm sửa đồ cúng dường mà lấy miệng thổi sạch bụi trên đồ cúng đó, đọa trong "Địa ngục" "Ưu Bát La", mắc báo làm ông "Thần gió" *(Thần ở theo luồng gió).*

Chẳng đặng trên ghế kinh, để gói trà, cùng các vật lặt vặt.

Do vì nhơ ghế và khinh kinh vậy :

Bộ THANH QUI nói : "Riêng để trà nát và đồ lặt vặt, chi khỏi kẻ bàng quan chê cười".

Người coi kinh, ta chẳng đặng đứng gần và đi trước ghế kinh người coi.

Có 2 điều lỗi : 1.- "Mình mất vẻ cung kính". 2.- "Rồi loạn tâm niệm người".

Phàm kinh sách rách hư, phải mau bồi sửa.

Tịch thị kinh điển, tổn tức tốc bổ, vô chí hoại lãn. Kinh như phụ mẫu, phụ mẫu hữu bệnh, khả bất tốc trị nhi chí ư nan liêu trì hĩ.

"Sa di" bổn nghiệp vị thành, bất đắc tập học ngoại thơ, "tử sử" trị thế điển chương.

Bổn nghiệp vị thành giả, vị thập luật vị thuần, oai nghi vị cụ, cập "Sa di" sở ưng học chi kinh pháp, như TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG, DI GIÁO, PHÁP HOA, LĂNG NGHIÊM kinh đẳng...

"Tử sử" ? Tử, vị "bá gia chư tử". Sử, vị chư quốc sử tịch.

Phàm hữu nhất đại quân thần, tất hữu nhất đại chi "sử". "Sử" giả ? Sở dĩ ký đương thời pháp, bất pháp, đắc thất chi tích dã. Như "Nghiêu Thuấn" chi đức, tất thơ. "Chích", "cược" chi hạnh, tất thơ. Thiên thời "nhơn sự", thiện ác tàng phủ mạc bất, tất lục, dĩ cảnh hậu thế, thủ tín tương lai, cố vị chi TÍN SỬ dã.

"Ngoại thơ" ? Vị "Tứ thơ", "Ngũ Kinh", tư nãi trị quốc, tề gia, tu thân, chi điển thuật; do kỳ giáo chỉ tu thân, cố danh vi "ngoại".

"Tam Thừa" Thánh giáo, giáo tịnh tâm hoặc danh chi vi "nội".

PHỤ HÀNH vân : Nhược học "ngoại thơ" "tiểu thừa" giáo trung, vị phục "ngoại đạo", thập nhị thời, hứa nhất thời, tập "ngoại điển".

Nhược "đại thừa trung", sơ tâm "Bồ Tát", nhất hướng bất hứa, thả linh tấn hành, chí lục căn tịnh vị, học ưng bất nan, nhi diệc vị vản dã

Kinh hay là sách khi rách hư, ta mau bồi sửa, đừng để đến nỗi rách mèm. Vì sao ? Kinh ví như cha mẹ. Cha mẹ có bệnh, khá chẳng mau trị, mà đợi đến khi khó lành, đã muộn rồi.

Bổn nghiệp "Sa di" chưa rồi, chẳng đặng tập học sách ngoài như : sách "tử sử" và những sách trị đời.

Bổn nghiệp chưa rồi là gì ? Nghĩa là : Mười giới luật chưa nhuần, 24 oai nghi chưa đủ và những kinh pháp đáng học của "Sa di" như là : Kinh TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG, Kinh DI GIÁO, Kinh PHÁP HOA, Kinh LĂNG NGHIÊM vân vân...

Thế nào là sách "tử sử" ? Chữ "tử" là sách "Bá gia chư tử", chữ "sử" là sách "sử các nước".

Phàm có một đời Vua tôi, thời có sách sử một đời. "Sử" là gì ? Sách sử là sách biên những sự tích, đắc thất đúng pháp và không đúng pháp trong đời đó, như : Đức lành của Vua "Nghiêu" Vua "Thuấn" có biên và hạnh xấu "Đạo chích", "Trương cược" cũng biên vô. Cho đến nào "Thời Trời", nào "nhơn sự", thiện, ác, nên, hư, đâu chẳng biên đủ, để răn nhắc đời sau lấy chỗ tin để lại; cho nên gọi là sách TIN SỬ vậy.

Thế nào là sách "Ngoại Thơ" ? Nghĩa là : Sách "Tứ thơ"[9], sách "Ngũ kinh" [10] là những sách trị nước, an nhà, sửa mình. Do sách đây chỉ dạy theo lối tu thân của người thế tục. Cho nên gọi là sách "ngoài" *(ngoại thơ).*

Thế nào là sách "trong" ? Nghĩa là : Kinh của bực "Tam Thừa", Phật dạy dứt tâm mê hoặc chứng lý chơn thường nên gọi là sách "trong" *(nội điển).*

Bộ PHỤ HÀNH nói : Bằng muốn học sách "ngoại thơ", theo trong kinh giáo "Tiểu Thừa", vì muốn dẹp bọn "ngoại đạo" nên mỗi ngày trong 12 giờ cho một giờ học sách "ngoại thơ".

Bằng trong kinh giáo "Đại thừa", bực sơ tâm "Bồ tát", quyết định không cho học, phải dạy gắng tu, đến chừng chứng đặng lục căn thanh tịnh, học cũng chẳng khó, mà cũng chưa muộn vậy.

"Cổ Đức" vân : "Đa tri đa sự, bất như tức ý, đa lự đa thất, bất như thủ nhất.

Lự đa chí tán, tri đa tâm loạn.

Tâm loạn sanh não, chí tán phương đạo.

Anh hiền tài nghệ, thị vi ngu tệ.

Nhất kỷ nhứt năng, nhất hạ cô đăng.

Nhất năng nhứt kỷ, không trung mân nhuế.

PHỤ

Bất đắc giản "ứng phó đạo tràng" kinh, tập học.

Phàm học tập kinh điển, tu cầu lý hội, hoặc phúng tụng, hoặc thọ trì. Nhược vị "ứng phó", tắc bất ưng học.

"Ứng phó giả" ? Vị bỉ chấp nao cổ đẳng, tùng sự dĩ ứng tha phó thỉnh, danh vi ứng phó Phật giáo trung bổn vô "ứng phó chi" danh, hà hữu "ứng phó chi" kinh.

Kim ngôn "ứng phó" đạo tràng kinh, thị bỉ "ứng phó" tăng, vị nhân lễ tụng chi kinh sám, cập "thủy lục" "khoa văn" đẳng.

Nhiên kinh sám, nãi "Như Lai" "Vô thượng Pháp bửu" thọ trì nhất cú nhất kệ, tắc diệt tội sanh phước, vĩnh vi "Bồ đề" chướng tử.

Nhi tương mậu "thế gian" tài lợi thành vi khả thống !

Hoặc hữu tín tâm "đàn việt", thỉnh tăng dục cầu phước, dĩ lợi tồn vong giả; Phật duy thính "Tỳ kheo" thuyết kệ chú nguyện, nãi chí vị phúng nhất kinh túc dĩ lợi bỉ, thù vô "ứng phó" chi sự dã.

Bất đắc tập học ngụy tạo kinh điển.

Bực "Cổ Đức" nói : "Người mà biết nhiều, việc nhiều, chẳng bằng dứt ý, lo nhiều thất nhiều, chẳng bằng chuyên một.

Lo nhiều lãng trí. Biết nhiều loạn tâm.

Loạn tâm sanh não, chí lãng hại đạo.

Anh hiền tài nghệ, ấy là ngu tệ.

Một nghề một tài, như ngọn đèn dưới mặt nhật,

Một tài một nghề, như mồng muỗi giữa hư không.

LỜI PHỤ

Chẳng đặng lựa kinh "Ứng phó đạo tràng" tập học

Phàm học tập kinh điển, phải cầu tỏ lý, hoặc đọc tụng hoặc thọ trì. Nếu vì việc "ứng phó" thời ta không nên học. "Ứng phó" là gì ? Nghĩa là : Các anh kia, anh thì cầm cái đẩu, anh thì xích cái trống vân... vân... theo việc, vì chịu người chủ đám đến thỉnh tới cúng, *(kỳ an hay kỳ siêu chi đó)* gọi là "Ứng phó". Xét trong ba tạng kinh điển của Phật vốn không có cái tên "ứng phó" thì đâu có những kinh "ứng phó" ?!

Song mà nay nói kinh "Ứng phó đạo tràng", là nghĩa các ông Thầy "ứng phó" kia, đi theo người thế tục để tụng kinh lễ sám và làm các "khoa văn" "thủy lục" vân... vân...

Song "kinh, sám" chính là ngôi "Pháp bảo vô thượng" của đức "Phật Như Lai", nếu ta thành tâm trì tụng một câu một bài kệ thời người hết tội được phước, hằng làm hột giống "Bồ đề".

Nhưng nay đem đổi những tài lợi trong "thế gian" thật đau đớn !

Hoặc có người đàn việt tín tâm nào, muốn thỉnh ông Thầy cầu phước, cho kẻ còn người mất được lợi ích, thì Phật cũng cho một ông "Tỳ kheo" đến nói bài kệ và chú nguyện, cho đến vì tụng chừng một quyển kinh cũng đủ lợi ích cho người thí chủ, chớ không có những việc "ứng phó" vậy.

Chẳng đặng tập học kinh điển ngụy tạo

Như "Kim Cang Soán", "Kim Cang Luận", "Huyết Bồn", "Diệu Sa", "Cứu Khổ", "Phân Châu", "Thọ Sanh", "Bắc Đẩu", "Pháp Hoa *(tam quyển)* đẳng. Hựu "Mộng Thọ Tâm" kinh "Vô Cấu Tử Chú" "Thái Sơ Ngữ Lục" giai thị ma thuyết.

Bất đắc tập học mạng thơ.

Vị dĩ "Âm dương", "Thất chánh" "Ngũ vận", "Lục giáp", chiếm bỉ thọ yểu cùng thông chi thơ.

Nhiên "Thiên" hữu khả nhương chi tai hoạn, "nhơn" hữu khả chuyển chi họa phước.

Sở dĩ vi thiện, tắc giáng chi bá tường.

Bất thiện, tắc giáng chi bá ương

Cố vân : Nhất niệm chi thiện, tường phong hòa khí. Nhất niệm chi ác yêu tinh lệ quỉ. Nhất ngôn chi thiện tắc "Huýnh", "Hoặc" tam di.

Khể cổ nghiệm kim, túc vi thành giám. Huống kỳ sự u lý vi, hản năng tận trắc.

Cố "Hán", "Hoàng Đàm" viết "Thiên Đạo", "Tánh Mạng", "Thánh nhơn" sở nan ngôn. Tự "Tử Cống" dĩ hạ, bất đắc nhi văn, huống hậu thế thiển nho, năng thông chi hồ ?!

Túng năng tỷ tri, thiệt phi "Thích Tử sở nghi hữu hại tự tha, hoại loạn chánh pháp, họa phi tiểu dã.

Tướng thơ.

Vị sát hình quan mạo, dĩ đạt họa phước chi thơ dã.

Như kinh "Kim Cang Soán", kinh "Kim Cang Luận", kinh "Huyết Bồn", kinh "Diệu Sa", kinh "Cứu Khổ", kinh "Phân Châu", kinh "Thọ Sanh", kinh "Bắc Đẩu", kinh "Huỳnh Đình", kinh "Pháp Hoa" *(3 quyển)* vân... vân... và "Mộng Thọ Tâm" Kinh, kinh "Vô Cấu Tử Chú" và kinh "Thái Sơ Ngữ Lục" vân... vân... đều là lời ma nói chẳng nên học tập.

Chẳng đặng tập học sách coi số.

Nghĩa là : Dùng những sách "Âm dương", sách "Thất chánh", sách "Ngũ vận", sách "Lục giáp", những sách xem coi tuổi tác, giàu nghèo, chết yểu hay sống lâu.

Song nhà Nho nói : "Trời" thì có tai hoạn khá cầu. "Người" thì có hoạ phước khá chuyển.

Sở dĩ làm lành, thời "Trời" xuống cho trăm phước.

Làm chẳng lành, thời "Trời" xuống cho trăm họa. (1)

Nên người xưa nói : Một niệm lành thời khí hòa gió tốt. Một niệm ác thời yêu tinh quỉ dữ. Một lời nói lành, thời sao "Huýnh" sao "Hoặc" ra xa. Một lời nói ác, thời các sao xấu ấy ráp lại.

Xét xưa nghiệm nay, như thế cũng đủ chắc rồi. Huống chi những sự kín nhiệm, lý sâu mầu, ít ai am hiểu hết đặng.

Cho nên đời nhà "Hán" ông "Hoàng Đàm" nói : "Việc "Đạo Trời" cùng "Tánh Mạng người", bực "Thánh nhơn" kia còn khó nói". Từ thầy "Tử Cống" sắp xuống, nghe còn không nổi câu chuyện "Thiên Đạo Tánh Mạng", huống chi kẻ nho thường đời sau đây, làm sao thông hiểu !

Song, tóm lại các việc như trên, dầu cho thông hiểu đi nữa, nhưng thật không phải con nhà họ "Thích" nên làm, có hại mình và kẻ khác, cùng hư loạn chánh pháp mắc họa chẳng phải nhỏ vậy.

Chẳng đặng học tập "sách coi tướng".

Nghĩa là : Những sách xem hình coi tướng để đoán biết sự họa hay phước vậy.

---

(1) TRỜI là chỉ : Công lý tự nhiên : hay Nhơn nào Quả ấy.

Y Thơ.

Vị trị bệnh phương nhĩ chi thơ, thỉ tự "Thần Nông" sát thảo mộc hàn ôn chi tánh, biện "quân thần tá sứ", chi nghĩa, tác dược phương dĩ liệu dân tật.

"Huỳnh Đế" tác "nội kinh", mạng "Du Phụ" "Kỳ Bá", "Lôi Công" sát "Minh Đường", cứu mạch tức.

"Vu Bành", "Đổng Quân" xử phương nhĩ, nhi y đạo tự lập, nguyên phi "Thích Tử".

Sở học do loạn đạo tâm, phương phế chánh vụ, thảng nhất thố dụng, tắc tự tổn tổn tha. Cố "Như Lai" hữu bối thống chi dư báo, "Biển Thước", "Thương Công" hữu bất miễn chi họa hình túng đắc "Lưu Thủy", "Kỳ Bà" chi diệu thuật, thành phi viên đảnh phương bào chi nghi tập dã.

Binh thơ.

Như "Thái Công" chi "lục thao", "Huỳnh Thạch Công" chi "tam lược", cập "Tôn Võ Tử", chi "Thập tam thiên" tư giai chinh phạt trận pháp chi thơ, đại phi "Thích Tử" sở nghi học giả.

Bốc phệ thơ.

"Qui" viết "bốc"

"Thi" viết "Phệ".

Thi thảo nhất sanh bá hành, dụng thử chiếm chi dĩ quyết nghi, cố viết : "Bốc Phệ" Tấn thần "Nhan Hàm", "Quách Phác", thường dục dữ chi phệ. Hàm viết : "Niên tại "Thiên", vị tại nhơn, tu kỷ nhi thiên bất dữ giả, mạng dã.

Chẳng đặng tập học "sách làm thuốc".

Nghĩa là : Những sách phương thuốc trị bệnh, sách này bắt đầu từ ông "Thần Nông", xét cái tánh lạnh, nóng của cỏ cây phân theo cái nghĩa "Quân, Thần, Tá, Sứ", chế phương thuốc để trị lành bệnh dân.

Vua "Huỳnh Đế" làm sách "Nội Kinh" dạy ông "Du Phụ", ông "Kỳ Bá" và ông "Lôi Công" xét bộ "Minh Đường" *(coi hình sắc)* tìm việc "mạch tức" *(coi bộ mạch).*

Ông "Du Bành", ông "Đổng Quân" chế phương thuốc mà đạo thuốc bắt đầu thành lập từ đây, song đó để người đời học làm, chớ không phải "Thích Tử" nên học.

Vì sao ? Bởi sợ loạn tâm đạo, hư hỏng việc chánh, rủi một phen lầm dùng, thì tổn mình và hại kẻ khác, sự tội lỗi chẳng biết bao. Bởi vậy cho nên đức "Như Lai" nhơn đời trước, nay còn mắc báo đau lưng. Kìa ông "Biển Thước", ông "Thương Công" còn không khỏi mắc cái họa gia đình. Dầu đặng chước hay như ông "Lưu Thủy", ông "Kỳ Bà", nhưng thật không phải kẻ "đầu tròn áo vuông", chỗ nên học tập.

Chẳng đặng tập học "Sách binh trận".

Như sách "Lục Thao" ông "Thái Công", sách "Tam Lược", ông "Huỳnh Thạch Công", với 30 bài của ông "Tôn Võ Tử". Những sách đây đều là sách dạy về phép lập trận đánh giặc. Rất chẳng phải "Thích Tử" chỗ nên học vậy.

Chẳng đặng tập học sách bói khoa, xủ quẻ.

Lấy vỏ rùa mà bói, Tàu gọi là chữ "Bốc". Lấy cỏ thi coi quẻ, Tàu gọi là chữ "Phệ". Nghĩa là : Cỏ thi một bụi sanh ra trăm cọng. Dùng thứ cỏ đây mà bói nghiệm, để quyết những sự nghi nơi làm, cho nên chung kêu là sách "Bốc Phệ" *(bói khoa xủ quẻ).* Tôi nhà "Tấn" là ông "Nhan Hàm" làm bạn với ông "Quách Phác". "Phác" thường muốn coi quẻ cho Hàm, "Hàm" nói : "Tuổi ở "Trời", lộc ở người, mình tu mà "Trời" không cho, đó là tại mạng mình.

Thủ đạo nhi nhơn, bất tri giả, tánh dã. Tự hữu tánh mạng, vô lao thi qui,

Thế Nho thượng bất vi, nhi "Thích Tử" phản học thiệt khả tu dã".

Thiên văn thơ

Vị ngưởng quang Thiên tượng, nhựt nguyệt tinh thần, tuệ, "bột", "huýnh", "hoặc" chi biến. Dĩ chiếm quốc chi phong kiệm, nhơn dân chi tai dị. Kỳ thỉ tự "Huỳnh Đế", "Hút", "Trọng", "Đường", "Hòa", "Cam", "Thạch", đẳng...

Bỉ nhơn thời vụ, luận kỳ thơ truyện, phi dự "Thích thị" chi lưu.

Cố kinh vân : Bất đắc ngưởng quan lịch số, thôi bộ dinh hư, nhất nguyệt bạc thực, tinh thần biến quái, sơn băng địa động, phong võ hạn lao, tuế thục bất thục, hữu dịch vô dịch.

Nhật bất đắc tri, hữu phạm tư giới phi "Sa di" dã.

Địa Lý thơ.

Phi Minh cửu châu, cửu đạo, cửu sơn, cửu trạch quốc độ chi điển, thị kim kham dư gia, trạch sanh cư tử, táng chi thơ, khởi tự "Quách Phác", tập chi "Thanh ô Tử".

Nhiên họa phước chi định số, do ư tiền nhơn. Tiền nhơn tuy định, tu thiện khả dĩ diệt kỳ dư ương. Tập ác tức tổn kỳ phước hựu, tu thiện khả bổ tiền phi.

Khởi dung tích ác, nhi đồ địa, báo chi "tam đa" nhơn nghĩa bất tu, nhi cầu khô cốt, thọ chi "ngũ phước"

Giữ đạo đức mà người không biết, đó cũng vui nơi tánh mình. Mình sẵn có tánh và mạng; nhọc gì phải bói cùng khoa. Ôi ! Kẻ Thế Nho như ông "Nhan Hàm" còn chẳng thèm làm, huống "Thích Tử", đã rõ tự tâm, mà trở lại học tập !

Thật khá trên vậy !

Chẳng đặng tập học sách Thiên văn.

Sách Thiên văn là những sách nói về lối ngước xem tượng trời, mặt nhật, mặt nguyệt, sao tinh thần *(sao Bắc đẩu)* sao "Nhuế", sao "Bột", sao "Huýnh", sao "Hoặc" dời đổi. Để chiếm coi những sự tai dị của nhơn dân và việc thạnh suy trong nước. Sách "Thiên văn" đây bắt đầu từ vua "Huỳnh Đế" vua "Xuyên Húc", ông "Chánh Trọng", vua "Đường Nghiêu", ông "Hy Hòa", ông "Cam Công" và ông "Thạch Thân" vân... vân...

Các người kia nhơn thời vụ, luận làm sách để truyền lại đời. Chẳng phải những người "Thích Tử" dự vào.

Cho nên Kinh THẬP GIỚI nói : Chẳng đặng ngước xem lịch số, coi tướng giàu nghèo, nào nhật thực, nguyệt thực, các sao dời đổi, núi lở, đất động, gió mưa, nắng lụt, năm được mùa và năm mất mùa, trong năm có tai dịch hay không tai dịch.

Các việc như trên đối với "Thích Tử", quyết không nên học. Nếu có phạm giới đây, không phải Thầy "Sa di" vậy.

Chẳng đặng tập học sách Địa lý.

Sách "Địa lý" đây, chính là những sách lựa chỗ đất sống ở chết chôn của nhà "Địa lý" bây giờ, chớ không phải thứ sách nói về việc : cửu châu, cửu đạo, cửu sơn, cửu trạch, của các nước.

Sách "Địa lý" đây bắt đầu từ ông "Quách Phác" học với ông "Thanh ô Tử".

Song những nghiệp số nhất định họa và phước đều bởi nhơn đời trước. Nhơn trước tuy nhất định nhưng làm lành

Tam đại vị sở kiến hữu, "Khổng Lão" diệc vị thường ngôn.

Cố thế vân : Phong thủy nhơn gian bất khả vô, toàn bằng âm chất lưởng tương phò, phú quới nhược tùng phong thủy đắc, tái sanh "Quách Phác" dã nan đồ.

"Đồ sấm" thơ.

Thị phù sấm chi thơ, vị sấm ký lai nghiệm phù, hiệp vô sai dã.

Hữu vân : "Đồ" thị "hà đồ" ?

Phục Hy "thị thời, long mã phụ đồ xuất hà, toại dĩ kỳ văn, họa vi "Bát quái"

"Sấm" thị phù mạng thơ dã.

Nãi chí "lư hỏa", "huỳnh bạch".

Thị "Đơn táo, Huỳnh bạch" chi thuật.

"Hoài Nam" truyện vân : Hữu TRUNG THIÊN bát quyển ngôn : Thần Tiên "Huỳnh Bạch" chi thuật, cộng nhị thập dư vạn ngôn.

ĐẠO GIA luyện chơn kinh vân : "Đơn Sa" luyện chi nhất phản, nhi thành bạch ngân, nhị phản, nhi thành huỳnh kim.

cũng có thể diệt được cái tội xưa. Làm ác quyết tổn phước lành của mình. Làm lành có thể bù lại cái quấy trước.

Dầu cho người tích ác, mà cầu "địa lý" đặng phước báo "Tam Đa" là : 1) Phước, 2) Thọ, 3) Sanh được nam tử.

Nhơn nghĩa không làm mà cầu xương khô [1] trao cho năm phước [2].

Ba đời "Hạ", "Thương", "Châu" cũng chưa thấy có, và sách "địa lý" đây, đức "Khổng Tử", cũng chưa từng nói đến. Cho nên người đời có câu : "Cảnh cuộc đời người chẳng phải không, toàn nhờ âm chất giúp mới xong : giàu sang bằng theo "Địa Lý" đặng. "Quách Phác" dẫu còn cũng khó trông".

Chẳng đặng tập học sách "đồ sấm".

Sách "Đồ Sấm", là những thứ sách phù hiệp lời sấm. Lời sấm là những lời ghi, để kinh nghiệm đời sau phù hợp không sai vậy. Có chỗ nói : "Đồ" là sách "Hà Đồ". Nghĩa là "thời kỳ của vua "Phục Hy", thấy con long mã đội cái "Hà Đồ", từ dưới sông nhảy lên. Vua liền coi theo hình nét vẽ làm tám quẻ gọi là quẻ "Bát Quái".

Chữ sấm là những sách phù hợp với số mạng vậy.

Nhẫn đến chẳng đặng tập học, những phép "Lô Hỏa" và phép "Huỳnh Bạch".

Sách "Lô Hỏa", "Huỳnh Bạch" tức là những thứ sách "Đơn Táo", "Huỳnh Bạch"

Thế nào là "Đơn Táo", "Huỳnh Bạch" ?

Trong truyện "Hoài Nam" nói : "Có Bộ TRUNG THIÊN tám quyển, nói về những phép "Thần Tiên", "Huỳnh Bạch", cộng hơn hai mươi muôn lời".

Kinh ĐẠO GIA luyện chơn nói : "Lấy vị "Đơn Sa" luyện một lần, thì thành chất bạc, luyện hai lần thành chất vàng.

---

(1) Lấy cốt, đời mà.

(2) 1.- Sống lâu; 2.- Giàu sang; 3.- Mạnh giỏi; 4.- An cư lạc nghiệp; 5.- Tuổi già thượng thọ.

Tích "Hán" đạo sĩ "Lý Thiếu Quân", tấu viết : "Thần năng ngưng hống diên, thành bạch ngân, phi đơn sa, vi huỳnh kim, kim thành phục chi, bạch nhựt thăng "Thiên".

"Võ Đế" tín chi, hậu tất vô nghiệm. "Đường Võ Đế" háo "Tiên", Đạo Sĩ "Triệu Qui Chơn", dữ "kim đơn" phục chi, dược phát táo muộn thất thường toại băng.

Tư đẳng, giai hoạch khi quân chi tội.

Kim hữu ngu nhơn, lú thọ tư hoặc, chí ư vong thân phá gia giả, bất thiểu.

Nhiên "Thích Tử" khí ngọc bạch, xuất gia vi đạo; khởi khả phản sanh tham trước, học thử lậu thuật. Thành vi khả sỉ, tự hoặc, hoặc nhơn, điếm nhục pháp môn, hoạch tội phi khinh.

"Thần kỳ", "quỉ quái", "phù thủy" đẳng thơ.

Hữu phước nhi linh, viết "Thần", vô phước nhi mị viết "quỉ". Hựu quỉ giả, khi dã, khi nhơn dĩ cầu ẩm thực dã.

Thử vị hàng "Thần" hàng "quỉ", "họa phù" "tốn thủy", trị bệnh trị "quỉ", tà vu huyễn thuật, đẳng thơ. Vọng thuyết kiết hung họa phước, hoặc nhơn thủ lợi.

Khởi tự "Trương Đạo Lăng" tự xưng "quỉ tốt" đạo. Tạo "phù thủy" tiêu lục chi thuật, truyền chí "Trương Giác", "Giác" dĩ yêu thuật giáo dân chú "phù thủy" dĩ liệu tật bệnh, chúng cọng "Thần" nhi kỳ chi, hậu bạn vi "Huỳnh Cân" tặc yên.

Xưa nhà "Hán" kẻ Đạo Sĩ người "Lý Thiếu Quân" tâu vua rằng : "Hạ thần nầy, có thể ngậm nước chùy làm thành chất bạc, thổi vị đơn sa làm chất vàng. Lúc thành vàng uống vô, ban ngày bay lên "Trời".

Vua "Võ Đế" tin lời, sau rồi không thấy linh nghiệm chi cả. Đời nhà "Đường, vua "Võ Đế" ham mộ phép thần tiên, kẻ đạo sĩ là người "Triệu Qui Chơn" cho uống vị "kim đơn", thuốc vô bất bực bội mất tánh thường rồi băng.

Các Đạo Sĩ nói trên đây đều là bọn mắc tội khi quân cả.

Đời bây giờ, có những người ngu, thường mắc lầm đó, đến nỗi mất mình, tan nhà, ấy chẳng ít.

Song hàng "Thích Tử" là kẻ bỏ lụa là vàng ngọc, đi xuất gia học đạo, đâu nên trở sanh tâm tham đắm, học chước hèn như vậy. Thiệt là hổ lắm ! Lầm mình và lầm cho kẻ khác nhơ nhuốc trong nhà đạo, mắc tội chẳng phải nhẹ.

Chẳng đặng tập học những sách "Thần Kỳ", "Quỉ Quái", sách "Phù Thủy" vân... vân...

Có phước mà linh *(hiển)* thì gọi là "Thần" không phước mà quái *(gở)* thì gọi là "Quỉ". Lại chữ "Quỉ" có nghĩa là "dối gạt" vậy. Nghĩa là : Gạt người để tham cầu đồ ẩm thực vậy.

Song đây đều thuộc về những sách như : "Sách Trừ Thần", "Ếm Quỉ", vẽ bùa phun nước trị bệnh, trị Quỉ và tà du huyễn thuật v.v... Quấy nói việc tốt xấu, việc họa, việc phước, dối người lấy của.

Nhưng sách "Phù Thủy" đây khởi ra bắt đầu từ ông "Trương Đạo Lăng" tự xưng cái đạo "Quỉ tốt". Đạo "Phù Thủy" này, bày những chuyện như là : lập đàn cúng vái và vẽ bùa, phun nước, truyền đến ông "Trương Giác" "Giác" dùng chước yêu nầy, dạy dân nào đọc chú, nào vẽ bùa, phun nước trị lành tật bệnh. Bây giờ thiên hạ ùa nhau khen hay và ùa nhau tôn kính mấy chú "Thầy bùa". Bọn nầy sau trở làm giặc nội loạn trong nước kêu là giặc "Huỳnh Cân" *(khăn vàng)*.

ĐẠI LUẬT, bất thính tụng ngoại đạo an trạch phù chú, chi tiếc chú, tri nhơn sanh tử kiết hung chú, giải chư âm thanh chú đẳng, diệc bất đắc giáo tha tác.

Bất đắc tập học tuyên quyển đã kệ.

Tức kim vô vi giáo, chi KIM CANG quyển, nhất nhơn tuyên chi, chúng nhơn liển nhi họa chi, viết đã kệ.

Bất đắc tập học ngoại đạo thơ, trừ trí lực hữu dư, vị dục tri nội ngoại giáo thâm thiển giả. Khả dĩ thiệp lạp, nhiên vật sanh tập học tưởng.

Lạp, diệc tác lạp, lạp, tiển dã. Nội ngoại giáo như tiển thích.

ĐẠI kinh vân : "Phật cáo chư "Tỳ kheo", xuất gia nhơn, ưng tu huệ học, tầm cứu kinh điển, bất đắc phi độc "ngoại thơ".

Ngã "Niết Bàn" hậu, hữu ngu si phá giới nhơn, xả thập nhị bộ kinh, đọc tụng chủng chủng ngoại đạo điển tịch, văn tụng thủ bút, súc bất tịnh vật, ngôn thị Phật thính.

Như thị chi nhơn, dĩ hảo "chiên đàn", mậu ư "ngõa mộc", dĩ cam lồ, diệc ư ác độc.

Cố LUẬN vân : Nhược "Bồ Tát", ư Phật sở thuyết, khí xả bất học phản học ngoại đạo tà luận thế tục kinh điển, thị danh vi phạm.

Nhược thượng thông minh nhơn, năng tốc thọ học, đắc bất động trí, ư nhất nguyệt trung, đương dĩ nhị phần thọ học Phật pháp, nhất phần học ngoại điển.

Trong ĐẠI LUẬT chẳng cho đọc phù chú yếm nhà cửa của "ngoại đạo" và đọc chú trị bệnh trong xương cốt, chú biết việc người sanh tử, kiết, hung, chú biết các thứ tiếng tăm v.v... cũng chẳng nên dạy người học.

Chẳng đặng tập học vở quyển rập kệ.

Tức thời bây giờ có một quyển kinh KIM CANG của đạo "vô vi" *(kinh nhà ngoại đạo)*. Một người vở ra xướng đọc rồi mấy người nói tiếp rập theo thì gọi là "Đả Kệ".

Chẳng đặng tập học sách vở "ngoại đạo" trừ những thầy trí lực có dư, vì muốn biết giáo điển nội ngoại, cao thấp thể nào nên mới trải qua cho biết, song cũng đừng sanh tâm tưởng tập học.

Tiếng nói trải qua cũng như nói để học cho biết. Giáo điển nội ngoại như văn trước đã giải.

Kinh NIẾT BÀN nói : Phật kêu các "Tỳ kheo" bảo rằng : "Nầy "Tỳ kheo", các ông là người xuất gia, cần phải tu học trí huệ, tầm xét kinh luật, chớ nên vở đọc sách ngoài.

Ta sau khi nhập "Niết Bàn" rồi, có những người ngu si phá giới, bỏ mười hai bộ kinh, đọc tụng các thứ sách vở "ngoại đạo" tay viết bài tụng, chứa những vật bất tịnh, nói là Phật cho.

Những người như thế, khác nào kẻ đem hương "Chiên Đàn" tốt, đổi với "ngói gạch" đem vị cam lồ ngon đổi lấy chén thuốc độc.

Cho nên trong "LUẬN" nói : nếu người tu hành, đối với lời Phật dạy bỏ hẳn không học, trở học những luận tà giáo của ngoại đạo, kinh điển thế tục; ấy gọi là phạm giới.

Bằng thầy nào thông minh bực thượng, học hành mau chóng đặng trí bất động ở ngày tháng nên phân ba phần, hai phần phải học Phật Pháp, một phần học sách ngoài.

Nhược ư thế điển, "ngoại đạo" tà giáo, ái lạc bất xả, bất tác khí tưởng, thị danh vi phạm.

PHÁP UYỂN vân : Nhược nhất hướng phế nội tầm ngoại tắc tiện đắc tội, túng giải lý hạnh, duy khả tạm tập, vị phục ngoại đạo, hườn tu yểm ly, tấn tu nội nghiệp vụ linh tăng thắng.

Nhược thiên đam trước, tắc hoại chánh pháp, khởi thành "Tăng Bửu". Nhược chuyên đọc ngoại điển, ca vịnh cầm kỳ, phúng tụng thi thơ, đồ tiêu nhựt nguyệt. Nội giáo pháp dược, cứu sanh vi cấp, văn áo lý thâm, từ hoa bí bác. Năng giải nhất cú, diễn vô lượng nghĩa, tán cựu kinh luận, quyển trục sổ thiên, tằng bất qui kiểm nhất cú chi nghĩa. Ngoại đạo bất cấp chi sự, nhật dạ cần học

Nhược vị bạch y, tiếu ngã vô tri, bất học thế điển giả, hà như tục nhơn, vấn ngã kinh nghĩa, bất năng đáp da ? Cư nội bất nhàn ư ngoại, vị túc khả tu. Tại nội bất giải ư nội, sỉ nhục dị thậm !

Lương do thời tương mạt pháp, nhơn mạng chuyển thúc vô thường giao tý, triêu bất mưu tịch, khủng nhứt nhập minh đồ, lụy kiếp nan xuất, tái ngộ "Phật Pháp", tưởng kiến vô do. Tuy "kinh luận" hứa nhất phần học ngoại, vị phục "ngoại đạo", thử vị thượng trí thông duệ giả thuyết. Tiên ám ư nội, kiêm linh tri ngoại. Cơ biện phong mang, xuất ngôn quan điển, nội ngoại bác cứu, kham vi sư tượng.

Đắc như kinh thuyết : Vị phục "ngoại đạo", kim tự lượng thân, xúc sự vô năng, thần thức thường bế, ngu tráng hằng khai, tự cứu vô liêu, hà năng lợi nhơn. Sắc hương bất thông, hà biện thúc mạch, nguyện tự tư thối, tỉnh kỷ vi học, diệc bất đắc dĩ Phật kinh, nhữu tạp tục điển.

Bằng học sách thế tục, lời tà giáo của ngoại đạo, ham mến không rời, chẳng sanh tâm tưởng bỏ, ấy gọi là phạm giới.

Bộ PHÁP UYỂN nói : Nếu cứ một mực, bỏ nội điển tìm học ngoại điển, thời là mắc tội. Dù hiểu lý thực hành nhưng cũng chỉ tạm học mà thôi. Vì để diệt trừ bọn "Ngoại đạo", rồi phải nhàm bỏ, gắng tu nghiệp nội, chuyên cho thêm rộng.

Bằng cứ một lòng mê đắm, thời hư chánh pháp, đâu thành ngôi "Tăng Bảo". Như người chuyên đọc sách ngoài, ca vịnh đờn cầm, đánh cờ, ngâm đọc thi thơ luống qua ngày tháng. Nội giáo là món pháp được cứu sanh là việc cần cấp, văn mầu lý nhiệm, lời hay, nghĩa rộng. Tỏ được một câu, nói nghĩa không cùng tột ; kinh luận nào tân nào cựu, pho bộ mấy nghìn, từng không dòm coi nghĩa một câu. Sách "Ngoại đạo" là việc không cần kiếp, chuyên học ngày đêm.

Bằng nói người bạch y cười ta không biết, chẳng học sách đời, sao bằng người thế tục hỏi ta nghĩa trong kinh, ta không thể đáp đặng ư ! Ở trong không biết sách ngoài chưa đủ hổ chi. Ở trong mà không biết việc trong hổ thẹn rất lắm !

Bởi vì đời bây giờ nhằm đời mạt pháp, mạng người ngắn ngủi, "Quỉ vô thường" rình rập một bên, mai chẳng biết chiều, e khi vào chốn "Minh Phủ", nhiều kiếp khó ra, tưởng không đâu được thấy "Phật Pháp" lần thứ hai nữa. Tuy "Kinh Luận" cho một phần học sách ngoài vì dẹp bọn "Ngoại đạo", đây là những bực thượng trí, ngộ thông mà nói. Vì trước đã thuộc việc trong mới cho biết việc ngoài. Lòng sáng nhậm lẹ, nói ra nhằm sách, trong ngoài rộng xét đáng làm "Thầy Thợ".

Như trong Kinh Phật nói : Vì muốn dẹp bọn ngoại đạo nay phải lượng sức mình, gặp việc bất tài, thần thức tối câm ngu xuẩn hằng mở, cứu mình không rồi, làm sao lợi người được. Sắc hương chẳng thông làm sao biện rành bắp lúa, xin tự nghĩ lại, xét mình mà học, cũng chẳng đặng đem kinh Phật lộn lạo, với sách đời.

Như MINH BÁO KÝ vân : "Đường", "Triệu Văn Tín", "Toại Châu" nhơn, "Trinh Quán" nguơn niên, bạo tử tam nhật, phục tô vân : Chí "Diêm Vương" sở, vương vấn : "Nhữ tu hà công đức ?" - Đáp ngôn : "Nhất sanh dĩ lai, bất tu công đức, duy báo "Dữu Tín", "Văn chương tập lục" - Vương ngôn : "Dữu Tín" thị đại tội nhơn, hiện tại thọ khổ, phả tằng thức phủ ? - Đáp ngôn : "Tuy đọc cừ văn chương, vị thức kỳ nhơn ?".

Vương tức khiển nhơn, dẫn xuất "Dữu Tín", nãi kiến nhất qui đa đầu. Qui khứ thiểu thời, hiện nhất. nhơn thân, lai vân : "Ngã tiện thị "Dữu Tín". Vị tại sanh thời, háo tác văn chương, vọng dẫn Phật kinh, dĩ tạp tục thơ, phỉ báng Phật Pháp, vị bất cập "Khổng", "Lão" chi giáo, kim thọ qui thân, khổ chi cực dã.

Bất đắc tập học thi từ.

Chí chi sở phát ư ngôn, viết "Thi" Ngôn chi sở thổ ư văn, viết "Từ".

Ký vân : "Thơ" "toán" "bốc" thuật, tục điển văn tụng, cu thị "thế pháp", phi xuất gia nghiệp, cố bất thính học.

Bất đắc trước tâm học tự cầu công, dãn thơ tả đoan giai túc hĩ.

Giai, tức gia thơ, nãi "Thượng Cốc", "Vương thứ Trọng" sở tác, túc dĩ tuyên văn hiển nghĩa, hà cánh trước tâm cầu công ư "Thảo", "Lệ". Kim thời xuất gia, đa hữu bất tu chánh vụ, nhi trú dạ cầu tự tinh xảo, chung niên khổ tâm, mê bất tri tỉnh.

Túng nhiêu học đáo "Chung", "Vương", diệc hà cứu ư sanh tử. Chư Phật bất tán, "Diêm Vương" bất thọ, chung vi phế vật, thành hà để sự.

Như trong sách MINH BÁO KÝ nói : Đời Đường ông "Triệu Văn Tín", người đất "Toại Châu", trong niên hiệu "Trịnh Quán" năm đầu, chết giấc ba ngày sống lại nói : Xuống chỗ vua "Diêm Vương" hỏi : "Ngươi làm công đức chi" ? - Đáp rằng : "Nhất sanh đến giờ không làm công đức chi, chỉ ưa bộ "Văn chương tập lục" của ông "Dửu Tín" - Vua nói : "Dửu Tín" là người đại tội, hiện nay còn ở đây chịu khổ, người có biết chăng ? - Đáp rằng : "Tuy tôi đọc văn chương hắn, nhưng chưa biết hắn là người ra sao" ?

Vua liền sai dẫn "Dửu Tín" ra, thời chỉ thấy một con rùa nhiều đầu. Rùa đi giây lát, hiện một hình người đến nói : "Tôi thật là "Dửu Tín" đây. Vì khi còn sống, tôi ưa làm văn chương, quấy dẫn kinh Phật xen với sách Tục, chê bai Phật pháp, nói Phật pháp chẳng bằng đạo của họ "Khổng", họ "Lão", nay mắc báo chịu thân rùa, khổ cực rất lắm !

Chẳng đặng tập học làm thi.

Trong chí thích, buông ra lời nói thì gọi là "Thi". Lời nói nêu tả văn tự gọi là chữ "Tử".

Đức "Hoằng Tán" làm lời ký nói : "Nghề "Thi thơ" nghề "Tính toán", nghề "Bói khoa" và bài văn sách tục, đều là pháp "thế gian", chẳng phải việc của người xuất gia, nên không cho học.

Chẳng đặng quyết lòng viết chữ cho hay, miễn viết nét ngay thẳng là đủ.

Viết nét ngay thẳng *(Tàu gọi chữ "Giai")*. Chính ông "Vương Thứ Trọng" ở đất "Thượng Cốc" bày ra, đủ dùng rành văn rõ nghĩa, đâu nên cố tâm cầu học cho hay chữ "Thảo" chữ "Lệ". Người xuất gia đời bây giờ, phần đông có người không tu việc chánh, mà ngày đêm cầu viết chữ cho tinh xảo, quanh năm nhọc lòng mê không biết xét.

Dẫu cho học đến như ông "Chung Do" ông "Vương Hi Chi" cũng nào cứu được đường sanh tử. Các đức "Phật" chẳng khen, vua "Diêm Vương" chẳng dùng, rốt cuộc là vật bỏ, có thành việc chi đâu.

CẢNH HUẤN vân : Luật chế tạp học, dĩ phương chánh nghiệp, cố học thơ, bất đắc vị hảo. Nhiên cổ "Cao Tăng", diệc đa dị học, hoặc tinh "thảo", "lệ", hoặc thiện thiên chương, hoặc y thuật trì danh, hoặc âm dương hiển dự.

Giai vi tinh cùng "nội điển" bàng thiệp dư tông, vô phi chí tại hộ trì, trợ thông "Phật hóa" Kim thời "Thích Tử", danh thiệt cu táng, năng thơ tả, tắc xưng vi "Thảo", "Thánh", thông tục điển, tắc tự hiệu "văn chương", trạch địa, tắc danh vi "sơn thủy", bốc thuật tắc hô vi "tam mạng", khởi ý xả gia sự Phật, nhi tùy thuận tục lưu chi danh bổn đồ yểm thế siêu thăng, nhi phiên tập sanh tử chi nghiệp, cô danh yêu lợi, phụ thế căng năng, hình trắc phương bào, tâm nhiễm phù tục, tất thân hư độ, lương khả ai tai !

Bất đắc ô thủ chấp trì kinh.

"Nhơn quả" kinh vân : xúc thủ thỉnh kinh, đương đọa xí trung trùng báo.

A NAN THỈNH GIỚI LUẬT LUẬN vân : "Tăng", "Ni", "Bạch y" đẳng, nhơn đọc tụng Kinh, Luật, Luận đẳng, hành ngữ thủ chấp phiên quyển giả, y "Đạo Lợi". Thiên tuế số, thọ "súc sanh" báo, nhị ức, tuế, đọa "chương, lộc" trung, hằng bị triệp tích, khổ thống nan nhẫn. Nhược vô ký hí ngôn, tróc kinh, luật, luận diệc chiêu tiền báo. Nhược an kinh tượng phòng đường thiêm tiền giả, y "đao lợi" thiên tuế số, bát bá tuế, thọ "súc sanh" báo, nhị ức tuế đọa "trư, cẩu" trung sanh, nhược đắc nhơn thân, nhất ức tuế hằng thường tác khách, thê tiết bất đắc tự tại.

Đối kinh điển, như đối Phật, bất đắc hí tiếu.

Bộ CẢNH HUẤN nói : Luật cấm học bậy, vì sợ hại nghiệp chánh, nên học viết, chẳng đặng cầu cho hay. Song các vị "cao tăng" đời xưa cũng có ngài học nhiều nghề lạ : Hoặc có ngài ròng chữ "Thảo", chữ "Lệ", hoặc có ngài hay làm bài làm văn, hoặc có ngài nghề học thuốc nổi danh, hoặc có ngài toán âm dương rạng tiếng.

Các ngài nói trên đây đều bực giỏi thông "nội điển", mới trải qua các nghề, đâu chẳng phải chí quyết giữ gìn "Tam bảo", trợ thông "Phật" hóa hay sao ? Thế mà kẻ "Thích Tử", đời bây giờ danh và thật đều không, vừa viết chữ được đã xưng là ông "Thánh" viết chữ "Thảo". Sách tục biết hơi hơi, thời nói mình ông "văn chương". Lựa chỗ đất tốt tốt, thời gọi ta đây là ông "Sơn Thủy". Bói quẻ hơi làu làu, lại hô ta là ông "Tam Mạng". Đâu biết mình là người bỏ nhà theo Phật mà xưng theo cái danh người thế tục. Tâm tính chán đời, vượt ngoài "ba cõi" mà trở học cái nghiệp sanh tử, mua danh cầu lợi, cậy thế khoe tài. Hình tròn áo vuông, tâm nhiễm thói đời, trọn đời luống qua. Rất khá thương, mà cũng đáng tủi !!!

Chẳng đặng tay nhơ cầm nắm quyển kinh.

Kinh NHƠN QUẢ nói : "Tay nhơ cầm kinh thời mắc báo làm con trùng ở trong nhà xí".

Trong LUẬN A NAN THÍNH GIỚI LUẬT nói : "Tăng" "Ni" người "bạch y" v.v... nhơn mình đọc tụng Kinh, Luật, Luận, vừa đi vừa nói, tay cầm lật cuốn kinh, y theo số năm cõi trời Đao Lợi, chịu báo làm "súc sinh". Hai ức năm đọa trong loài "chương lộc" *(hươu nai)* thường bị trặc xương sống, đau nhức khó chịu. Nếu không nhớ, nói chơi cầm Kinh, Luật, Luận, cũng mắc báo như trên. Bằng để kinh tượng trong phòng thất, trước thềm, y số năm trời "Đao Lợi", tám trăm năm chịu báo làm "súc sanh". Hai ức năm đọa trong loài "Trư, Cẩu" *(heo, chó)*, dù đặng thân người, một ức năm thường làm người khách vất vả chẳng đặng thảnh thơi.

Đối với kinh điển như đối với Phật, chẳng đặng giỡn cười.

Kinh thị Phật ngữ, diệc thị Phật sư, cố đối kinh, như đối Phật. Nhất ngôn nhứt kệ, thiên kiếp nan phùng, túng bất giải nghĩa, tụng chi diệc chưởng thiện căn, cố tu đặc gia tôn trọng.

Luật vân : Thận vô ngọa tụng kinh, nhược tài giác bì quyện, giải đãi tâm sanh, tức đương thống niệm, nhơn mạng hô hấp, như cứu đầu nhiên, hựu hà hà ư giải đãi tai !

Bất đắc án thượng lang tạ quyển điệt.

Điệt, âm điệt Kinh quyển biên thứ thành giáp, viết "điệt", "lang tạ", vị sâm si tạp loạn, bất tề chỉnh dã.

Bất đắc cao thinh động chúng.

Phàm đọc kinh, yếu tri cú đọc thinh pháp. "Hoa" "Phạm" liểu nhiên. Nhược tùy chúng phúng tụng, thinh nghi đều hòa, bất đắc tự thị. Nhược tự tập học, thinh tu đê tiểu, vật động chúng niệm dã

Bất đắc tá nhơn kinh khán bất huờn, cập bất gia ái trọng, dĩ trí tổn hoại.

Kinh Pháp, thị "Tam Thừa" nhơn chi phụ mẫu, đồng gia ái hộ, vô hữu bỉ thử. Như hữu bất kỉnh, tổn hoại giả, cu đắc mạn pháp chi tội. Tá nhi cố tâm bất huờn giả, tức đắc đạo tội.

Kinh vân : Tá, thủ, dữ tất phân minh, vô vi kỳ ước dĩ thất tín đạo.

"NHẬP TỰ VIỆN" ĐỆ CỬU

Phàm nhập tự môn, bất đắc hành trung ương, tu duyên tả hữu biên hành, duyên tả, tiên tả túc, duyên hữu, tiên hữu túc.

Nhập trung ương, tắc đường độ, vô tôn kỉnh nghi. Như thế "công phủ", "nha môn", "hạ quan", thượng

Kinh là lời của Phật, cũng là thầy của Phật, cho nên đối với kinh cũng như đối với Phật vậy. Một câu kinh, một bài kệ, nghìn kiếp khó gặp, dù học chẳng hiểu nghĩa, nhưng tụng đó cũng gieo căn lành. Cho nên ta phải hết lòng tôn trọng. Luật dạy dè chớ nằm đọc kinh, nếu vừa biết mình mỏi mệt, sanh tâm biếng nhác, liền phải nhớ tưởng mạng người trong hô hấp như cứu lửa cháy đầu, có thì giờ nào rảnh đâu, mà hòng trễ nải biếng lười !

Chẳng nên trên ghế pho quyển lộn lạo.

Quyển kinh sắp thứ lớp thành pho gọi là chữ "Điệt". So le lộn lạo không bằng phẳng ấy Trung Quốc gọi là chữ "Lang Tạ".

Chẳng đặng lớn tiếng động chúng.

Phàm đọc kinh, phải biết phép đậu câu tiếng "Hoa" tiếng "Phạm" cho rành rẽ. Nếu theo chúng tụng kinh tiếng phải cho đều hòa, chẳng nên ỷ mình tiếng cao giọng tốt. Bằng mình học tụng, tiếng phải nho nhỏ, chớ động tâm niệm đại chúng.

Chẳng đặng mượn kinh người coi không trả, và không có tâm yêu tiếc đến nỗi hư rách.

Kinh Pháp là cha mẹ, bực Tam Thừa đồng sanh tâm kính trọng đừng có bỉ thử *(kinh ta, kinh người)*. Bằng không kính trọng để cho hư rách thời mắc cái tội khinh pháp.

Mượn mà cố tâm không trả, thời mắc tội ăn trộm.

Kinh THẬP GIỚI nói : "Hoặc mượn, hoặc lấy, hoặc cho, ắt phải phân minh, chớ trái lời hẹn, mất tín tâm của đạo hữu.

BÀI THỨ CHÍN : "VÀO CHÙA AM"

Phàm vào cửa chùa chẳng đặng đi chính giữa. Phải theo hai bên mà đi. Theo bên trái chân trái bước trước, theo bên mặt chân mặt bước trước.

Đi vào chính giữa, thời thái độ xông pha không oai nghi tôn kính. Như trong đời chốn "công phủ", "nha môn"

bất đắc trung tấn, huống "Pháp Vương", "bửu điện", nhi khả bất hồi thuận tả hữu hồ ? Đương tùy môn giáp, cử túc, xuất nhập, duyên tả thủ biên, tiên cử tả túc, duyên hữu thủ biên, tiên cử hữu túc.

ĐẠI LUẬT vân : Hành thời, tiên hạ khước ngận, hậu hạ khước chỉ, bình thị trực tấn, hồi thời, hiệp thân tổng hồi.

TÂY QUỐC TỰ ĐỒ vân : Nhập xuất chi thời, tất chuyển diện hướng Phật. Nhược lễ "Tam Bửu", thường niệm thể duy thị nhất, hà giả. Giác pháp mãn túc danh "Phật", sở giác chi đạo, danh "Pháp". Học Phật đạo giả, danh "Tăng".

Tắc tri nhất thiết phàm "Thánh" thể đồng vô nhị giả. Nhược nhập tự thời, đê đầu khán địa, bất đắc cao thị. Kiến địa hữu trùng, vật ngộ thương sát. Đương ca bại tán thán bất thóa tăng địa. Nhược kiến thảo mộc bất tịnh, tức tu trừ khước.

Bất đắc vô cố đăng "đại điện" du hành.

Điện an thánh tượng, kỉnh tượng như Phật tại, khởi đắc vô sự du hành.

Bất đắc vô cố đăng Tháp.

Tháp vô Xá Lợi Phật tượng, thượng bất nghi đăng nhi huống hữu hồ ? Nhược vị cúng dường hoa phan đăng đẳng, đăng thượng vô phạm.

Cố "Cổ" vân : Vô sự bất tu đăng Phật điện, đẳng nhàn mạc hướng Tháp trung thành, bất nhơn tảo địa thiêm hương thủy, túng hữu hà sa phước dã khuynh.

Nhập "điện Tháp", đương hữu nhiễu, bất đắc tả chuyển.

là bực "hạ quan", còn không dám đi chính giữa, huống chi ngôi "bửu điện" của vị "Pháp Vương", mà lại chẳng quanh theo hai bên ư ? Phải theo cánh cửa bước chân ra vào, quanh bên tay trái, thời chân bên trái bước trước. Quanh bên tay phải, thời chân bên phải bước trước.

Trong ĐẠI LUẬT nói : "Khi đi gót chân xuống trước, ngón chân xuống sau, bằng xem thẳng tới, khi day mình, cả mình đều day.

Bộ TÂY QUỐC TỰ ĐỒ nói : "Trong khi ra vào, đều day mặt ngó Phật. Bằng kính lạy "Tam bảo", thường tưởng "Tam bảo" chỉ đồng một thể. Vì sao ? Vì Bực giác ngộ, tất cả các Pháp gọi "Phật Bảo". Các pháp bị Giác ngộ đó gọi là "Pháp Bảo". Những người học pháp của Phật đó gọi là "Tăng Bảo".

Thời đủ biết tất cả, nào "Phàm", nào "Thánh", đồng thể không hai vậy. Hoặc khi vào chùa, cúi đầu ngó xuống chẳng đặng ngó lên. Thấy đất có trùng, chớ lầm sát hại. Phải ca ngâm khen ngợi "Tam Bảo", và chẳng nên nhổ nước miếng nơi đất chúng Tăng. Hoặc thấy cỏ rác đồ bất tịnh, mau phải dọn dẹp.

Chẳng đặng vô cớ lên chốn "đại điện" dạo chơi.

Chánh điện để thờ tượng Phật, kính hình Phật như kính Phật còn tại thế, đâu nên vô sự mà lên chánh điện dạo chơi.

Chẳng đặng vô cớ lên tháp,

Tháp tuy không thờ cốt Phật và hình tượng Phật, còn chẳng nên lên, huống chi có linh cốt và hình tượng. Bằng sắm đồ cúng dường như : hoa quả, tràng phan, đèn v.v... đi lên không phạm.

Cho nên lời "Cổ Đức" nói : "Vô sự không nên lên điện Phật, dạo chơi chẳng đi đến trong tháp, chẳng nhơn việc quét đất, và dâng hương cúng nước, dẫu có phước hà sa cũng tiêu.

Vào "điện tháp" phải quanh bên hữu, chẳng đặng quanh bên tả.

Hữu nhiểu danh "kiết", tả chuyển danh "hung". Phàm nhiểu Phật, nhiểu Tháp, tự đông nhi nam, tức thành "hữu nhiểu" phi dụng tự thủ vi hữu. Phù nhiểu dĩ kỉnh mộ Phật vi nghĩa, cố đương dĩ Phật vi hữu dã.

Văn "Cú Ký" vân : Tả hồi thiên tịch, dĩ biểu ác dã. Hữu hồi tiện dị, dĩ biểu thiện dã. Phật phát hữu triền, phàm nhơn tả triền, cố đương tùng Phật.

Bất đắc Điện Tháp trung, di thóa.

TĂNG HỘ Kinh vân : Tại Phật Tăng tịnh địa, di thóa ô địa, di thị nhơn duyên, nhập Địa ngục trung, đao ngoạt kỷ tỉ, hỏa thiêu thọ khổ bất tức, tường như kinh thuyết.

Nhiểu Tháp, hoặc tam tráp, thất tráp, nãi chí thập bá tráp, tu tri biến số.

Phàm kỉnh nhiểu Tháp tượng, biến số giai, hữu sở biểu, "tam tráp", biểu cúng "Tam Bảo", trừ "tam độc" tịnh "tam nghiệp", diệc tam ác đạo đắc trị "Tam Bảo", "Thất tráp", trừ "thất chi tội", đắc "thất Bồ đề phần" ; "Thập tráp" trừ "thập sử", đắc Phật "thập lực"; "Bá tráp, trừ "bá phiền não", đắc "bá pháp môn".

ĐỀ VỊ kinh vân : "Trưởng giả Đề Vị", bạch Phật ngôn : Tán hoa thiêu hương, nhiên đăng lễ bái, thị vi cúng dường ; triền Tháp đắc hà đẳng phước ? Phật ngôn : Triền Tháp hữu ngũ phước đức. Nhất hậu thế đắc đoan chánh hảo sắc. Nhị đắc âm thanh hảo Tam sanh Thiên thượng, tứ đắc sanh "vương hầu" gia. Ngũ đắc "Niết Bàn" đạo.

Hà nhơn duyên, đắc đoan chánh hảo sắc ? Do kiến Phật tượng hoan hỉ cố. Hà duyên đắc thinh âm hảo ? Do triền tháp thuyết kinh kệ cố. Hà duyên đắc sanh "Thiên" Thượng ? Do đương triền Tháp thời, ý bất phạm giới cố. Hà duyên đắc sanh vương Hầu gia ?

Quanh bên hữu gọi là "kiết". Quanh bên tả gọi là "Hung". Phàm đi nhiễu Phật, nhiễu tháp, từ phía Đông qua phía Nam, thời gọi "hữu nhiễu", chẳng phải kể tay mình là phía hữu. Luận cái nghĩa đi nhiễu, là nghĩa kính mến Phật. Cho nên phải lấy Phật làm phía hữu vậy.

Trong văn "Cú Ký" nói : "Quanh phía tả trái nghịch. dùng nêu việc ác vậy. Quanh phía hữu thuận và dễ dùng nêu việc lành vậy. Hơn nữa tóc của Phật xoay qua bên hữu, người Phàm xoay qua bên tả. Cho nên phải theo Phật, nhiễu bên hữu.

Chẳng đặng hỉ khạc trong điện và tháp

Kinh TĂNG HỘ nói : Ở chỗ sạch của Phật và chúng Tăng hỉ mũi khạc nhổ nhơ đất. Do nhơn duyên đó vào trong địa ngục, dao cắt mũi mình, chịu khổ lửa đốt chẳng dứt. Rõ như trong kinh nói.

Đi nhiễu Tháp hoặc ba vòng, bảy vòng nhẫn đến mười vòng, một trăm vòng, phải biết số mấy vòng.

Phàm cung kính nhiễu Tháp, và tượng Phật mấy vòng đều có chỗ tiêu biểu cả. Như "ba vòng" tiêu biểu cúng dường "Tam Bảo", trừ "ba độc" sạch "ba nghiệp", dứt ba đường ác, đặng gặp "Tam Bảo". "Bảy vòng" trừ "tội thất chi" [11] đặng "bảy phần "Bồ Đề" [12]. "Mười vòng" trừ "mười sử" [13], đặng "mười lực" [14] của Phật. "Một trăm vòng" trừ "một trăm phiền não", đặng "một trăm pháp môn".

Kinh ĐỀ VỊ nói : Ông Trưởng giả tên "Đề Vị" bạch đức Phật rằng : Rải hoa, đốt hương thắp đèn lễ Phật, ấy là cúng dường đặng phước phải rồi, còn nhiễu Tháp đặng phước như thế nào ? Phật nói : Nhiễu Tháp có năm phước đức : 1.- Đời sau đặng thân tướng đoan chính, 2.- Đặng tiếng tăm tốt, 3.- Được sanh lên cõi Trời, 4.- Đặng sanh trong nhà "Vương Hầu", 5.- Đặng đạo "Niết Bàn".

Nhơn duyên gì đặng thân tướng đoan chánh ? - Bởi vì thấy tượng Phật, tâm hoan hỉ, nên đặng thân tướng đoan chính. - Nhơn duyên gì đặng tiếng tăm tốt ? - Bởi vì nhiễu Tháp, nói kinh đọc kệ nên đặng tiếng tăm tốt. Nhơn duyên gì đặng sanh lên cõi "Trời" ? - Bởi vì khi đi nhiễu Tháp ý

Do đầu diện lễ Phật túc cố. Hà duyên đắc "Niết Bàn" đạo ? Do hữu dư phước cố.

HOA NGHIÊM kinh triển Tháp kệ vân : Thỉ dục triển Tháp đương nguyện chúng sanh, thi hành phước hựu, cứu sướng đạo ý. Nhiễu Tháp tam tráp đương nguyện chúng sanh, đắc nhất hướng ý, bất tuyệt tứ hỉ.

Bất đắc dĩ liệp trượng đẳng, ỷ điện bích.

Hữu khinh mạn tội cố. Tích "nhị thập ngũ tổ", thất kiếp dĩ tiền, đương chứng nhị quả, do dĩ trượng ỷ điện bích, duyên tư quá mạn, toại thất nhị quả.

BỬU LƯƠNG kinh vân : Hữu nhất Hiền giả, diện thượng hữu "Quốc Vương" văn. Tướng sư kiến dĩ, giá nữ dữ chi, hậu thời hiền giả nhập tự, trượng ỷ "Già Lam", sanh kiêu mạn cố, thất "Quốc Vương" văn, đọa "đại địa ngục", khả bất thận tai !

"NHẬP THIỀN ĐƯỜNG : TÙY CHÚNG" ĐỆ THẬP

Đơn thượng, bất đắc đẩu y bị, tác thỉnh phiến phong, sử lân đơn động niệm.

Thử cụ tam quá : Nhất tự thô tháo. Nhị phiến trần ô nhơn. Tam linh tha động niệm. Hựu phàm nhập đường, luật giáo linh cụ ngũ pháp. Nhất tu từ kỉnh tôn trọng ư nhơn, nhị ưng tự ti khiêm hạ, như thức trần cân, tam tri tọa khởi, phủ ngưỡng đắc thời, tứ đại chúng trung, bất vi tạp ngữ. Ngũ bất khả nhẫn sự, ưng mặc nhiên.

Hạ sàng mặc niệm kệ vân : Tùng triêu dần đán trực chí mộ, nhất thiết chúng sanh tự hồi hộ, nhược ư túc hạ tán thân hình, nguyện như tức thời sanh Tịnh Độ.

không phạm giới nên được phước sanh lên cõi "Trời". Nhơn duyên gì đặng sanh trong nhà "Vương Hầu" ? Bởi vì đầu mặt lạy dưới chân Phật, nên được phước sanh trong nhà "Vương Hầu". Nhơn duyên gì đặng đạo "Niết Bàn" ? Bởi vì nhiễu Phật, nhiễu Tháp có nhiều phước đức, nên được vào "Niết Bàn".

Kinh HOA NGHIÊM bài kệ nhiễu Tháp nói : "Vừa muốn nhiễu Tháp cầu cho chúng sanh, ra làm phước lành, xét thông ý đạo. Nhiễu tháp ba vòng, cầu cho chúng sanh. Đặng ý nhứt quyết, chẳng dứt bốn việc mừng. [15].

Chẳng đặng lấy nón gậy, các món dựng vách chùa

Vì cái tội khinh để vậy. Xưa đức "Tổ thứ 25", bảy kiếp về trước chứng đặng quả thứ hai. Bởi lấy gậy dựng vách chùa. Vì cái tội khinh để đó, liền mất quả thứ hai.

Kinh BỬU LƯƠNG nói : Có một ông hiền giả, trên mặt có hiện chữ "Quốc Vương". Thầy tướng thấy rồi, tính gả con gái cho ông, sau khi hiền giả vào chùa, dựng gậy vách "già lam", vì sanh tâm kiêu mạn, mất chữ "Quốc Vương" đọa trong "Địa Ngục" lớn. Chúng ta là người tu hành, khá chẳng dè dặt lắm ư !

BÀI THỨ MƯỜI :
"VÀO NHÀ THIỀN PHẢI TÙY CHÚNG"

Trên đơn chẳng đặng giũ áo mền, nổi tiếng bụi bay, khiến người gần đơn động niệm.

Đây có ba điều lỗi : 1.- Tánh mình thô tháo. 2.- Bụi bay nhơ người. 3.- Khiến người động niệm. Lại nữa phàm vào nhà Thiền, luật dạy phải đủ năm phép : 1.- Tâm phải yêu kính tôn trọng người. 2.- Phải thấp mình khiêm tốn, như khăn lau bụi. 3.- Phải biết, khi ngồi, khi dậy, khi cúi, khi ngước phải thời. 4.- Ở trong chúng chẳng đặng nói bậy. 5.- Những việc không thể nhẫn cũng phải êm lặng.

Khi xuống đơn thầm tưởng bài kệ rằng : "Từ sớm giờ dần thẳng đến tối, tất cả chúng sanh lánh giữ mình ; Bằng ở dưới chơn tan thân hình, cầu ngươi bấy giờ sanh Tịnh độ".

Niệm kệ dĩ, phục ưng niệm chú thất biến. Án, địa lỵ, nhất ly, tá ha.

Bất đắc đại ngữ cao thỉnh.

"Sa Môn" xuất ngôn, ngữ tu cung thận, thỉnh yếu nhu hòa, phương xứng "Thích Tử" chi nghi dã.

Khinh thủ yết liêm, tu thùy hậu thủ.

Thử ly nhị quá : nhất vô thô tháo, nhị bất hoại vật ; quyển thời tu hướng lý, linh lưỡng đầu tề chỉnh.

Bất đắc đà hài tác thỉnh.

HÀNH HỘ vân : Phàm trước lý kịch, tiên linh khước ngận trước địa vật sử hữu thỉnh.

Bất đắc đại khái thấu tác thỉnh.

Vô đàm hữu thỉnh viết "khái", vô thỉnh hữu đàm viết "thấu".

Bất đắc lân đơn giao đầu tiếp nhĩ, giảng thuyết thế sự.

Phật Pháp thượng bất nghi giao đầu tiếp nhĩ, huống kỳ thế sự hồ ?

Hoặc hữu đạo bạn thân tình tương khán, đường trung bất đắc cửu thoại, tương yêu lâm hạ thủy biên, nãi khả khuynh tâm đàm luận.

Tuy hứa khuynh tâm, chỉ nghi đạo thoại, bất khả tứ đàm thế tình.

"Từ Thọ thiền sư", "châm qui" vân : Nhược thị cựu thời đạo bạn, viễn địa thân tình, tương dẫn lâm hạ thủy biên, phương khả huynh tâm đàm luận. Chí ư giao quan mãi mại, dẫn nặc tạp nhơn, tận phi nạp tử sở vi.

Nhược khán kinh, tu đoan thân trừng tâm mặc ngoạn, bất đắc xuất thỉnh.

Tưởng kệ xong, lại phải niệm chú bảy biến như vầy : Án địa lỵ, nhật lỵ tá ha *(7 lần)*.

Chẳng đặng cao tiếng nói lớn.

Phàm làm "Sa môn", buông lời nói, nói phải kính dè, tiếng phải dịu hòa, mới xứng oai nghi trang "Thích Tử" vậy.

Nhẹ tay thả sáo phải đỡ tay sau.

Đây khỏi hai lỗi : 1.- Không thô tháo. 2.- Không hư sáo. Khi cuốn phải cuốn vô phía trong và hai đầu cho bằng thẳng.

Chẳng đặng kéo giày có tiếng.

Bộ HÀNH HỘ nói : Phàm mang giày guốc để gót xuống đất trước, đừng cho có tiếng.

Chẳng đặng ho khạc có tiếng lớn.

Không đàm có tiếng gọi là chữ "khái" không tiếng có đàm gọi là chữ "thấu".

Chẳng đặng gần đơn giụm đầu kề tai luận nói chuyện đời.

Chuyện Phật Pháp còn không nên kề tai giụm đầu huống chi chuyện đời ư ?

Hoặc có bạn học tình quen thăm nhau. Trong nhà "Thiền" chẳng đặng nói lâu, đem nhau dưới rừng bên suối, mới khá hết lòng luận nói.

Tuy cho hết lòng, nhưng chỉ nói việc đạo chớ không đặng lung nói việc thế tình.

Ngài "Tử Thọ Thiền Sư", làm bài "châm qui" nói : Hoặc là bạn học khi xưa, bà con xa xứ, dắt nhau dưới rừng bên suối mới khá hết lòng đàm đạo. Chí ư những việc giao thiệp chợ búa mua bán, và dẫn giấu người quấy, đều không phải con nhà họ Thích nên làm.

Bằng coi kinh, phải vững mình, lóng thần, ngắm xét chẳng đặng ra tiếng.

"Ngoạn", quán tập dã, thử minh tam nghiệp túc thanh thân đoan tắc niệm chánh, tâm trừng tắc lý sanh hĩ.

Nhị bản minh, tức nghi tảo tấn đường.

Tảo tắc thân tâm kinh an, sự sự điều đình, trì tắc sảng sốt, vọng niệm dị sanh.

Qui vị mặc niệm kệ vân : Chánh thân đoan tọa, đương nguyện chúng sanh, tọa Bồ đề tòa, tâm vô sở trước.

Dà phu thời, phục ưng niệm kệ vân : Kiết Già phu tọa đương nguyện chúng sanh, Bồ đề kiên cố, đắc bất động địa.

PHỤ

Bất đắc xuyên đường trực quá.

Đương duyên tiền hậu hành. "Châm Qui" vân : Xuyên đường trực quá, khởi bất hậu nhan, Tôn điện nhàn hành, khủng chiêu bạc phước.

Thượng đơn hạ đơn, cu đương tế hạnh, vật linh lân đơn động niệm.

Phù vi "Sa môn", "Thích tử", bổn cụ tam thiên oai nghi, bát vạn tế hạnh, phàm sở cử chỉ, tiên tu thận tâm.

Bất đắc đơn thượng tả văn tự, trừ chúng khán "kinh giáo" thời.

"Trừ", vị khai thính dã.

Bất đắc đơn thượng, tương tụ bải trà, dạ tọa tạp thoại.

Thử hữu tam quá, nhứt tắc động niệm, nhị tắc tán tâm, tam phạm phi thời. Túng hữu phi thời chi dược diệc bất ưng dạ tọa tạp thoại.

Xem xét học tập, Tàu gọi là chữ "ngoạn". Đây nói ba nghiệp, nghiêm sạch, vững mình thời niệm chánh, lóng thần thời lý sanh vậy.

Nghe đánh bảng hai, mau phải sớm tới nhà giảng đường.

Sớm tới thời thân tâm nhẹ nhàng mọi sự điều hòa, tới trễ thời có lỗi lật đật, vọng niệm dễ sanh.

Lúc về đơn, thầm tưởng bài kệ như vầy : Thẳng mình ngồi vững cầu cho chúng sanh. Ngồi tòa Bồ Đề tâm không đắm nhiễm.

Khi kiết già, lại phải tưởng kệ như vậy : Ngồi tréo kiết già cầu cho chúng sanh. Tâm đạo vững bền đặng trí bất động.

LỜI PHỤ

Chẳng đặng đi ngang qua nhà "Thiền".

Phải dọc theo trước sau mà đi. Bộ "Châm qui" nói : Đi đâm ngang qua "nhà thiền", đâu chẳng sượng mặt. Dạo đi trong điện Phật e tổn phước.

Lên đơn, xuống đơn, đều phải tế hạnh, chớ để người gần đơn động niệm.

Luận làm Thầy "Sa Môn", trang "Thích Tử", phải đủ ba nghìn oai nghi, tám muôn tế hạnh. Phàm khi đi đứng, trước phải dè dặt nơi tâm.

Chẳng đặng trên đơn, viết chép "văn tự", trừ khi đại chúng xem "kinh luật".

"Trừ" là nghĩa mở cho vậy.

Chẳng đặng trên đơn xúm nhau, bày tiệc trà, đêm ngồi nói bậy.

Đây có ba việc lỗi : 1) Động chúng ; 2) Rối tâm ; 3) Phạm phi thời. Dầu có thuốc uống phi thời, cũng chẳng nên đêm ngồi nói bậy.

Bất đắc đơn thượng, phùng bố y bị, bất đắc manh ngọa, cọng lân đơn thuyết thoại động chúng.

Kinh vân : Thực tắc vô ngữ, ngọa tắc vô đàm, tinh cần tư nghĩa, ôn cố tri tân, tọa tắc "thiền tư", khởi tắc phúng tụng, giới hạnh như thử, chơn Phật "đệ tử".

"CHẤP TÁC" ĐỆ THẬP NHẤT

Đương tích chúng tăng vật.

ĐẠI LUẬT vân : Hộ thường trụ tăng vật, như hộ kỷ nhãn tình. HÀNH HỘ vân : Hữu tổn phí "thường trụ", "Tam Bảo" đẳng vật, đương bồi thường chi.

Tích "Dương Châu", "Bạch Tháp" Tự. "Sa môn" "Đạo Xưởng", chưởng tri tăng vật, tự tại xâm dụng, hốt hữu "Minh Quan" sổ nhơn, bạch nhật nhập phòng duệ "xưởng" hạ địa, dục đoạn kỳ cảnh, "xưởng" kinh kiếu khất mạng. Quan lệ thỉnh ngôn : hiệp phòng tư tài, tịnh tống hườn tăng, đương phóng nhữ hượt. "Xưởng" khấu đầu ngôn : "Bất cảm vi mạng". Tức minh chung tập chúng, tận xả y vật, tạo tượng thiết trai. "Minh Quan" tam nhật phục chí, kiến xưởng nhứt bát nhất nạp, bất ngôn nhị khứ : "Xưởng" tự thị miễn lệ tấn tu, tốt thành minh hạnh.

Đương tùy "tri sự" giả giáo linh, bất đắc vi lệ.

"Vi", thị quai vi bất thuận, "lệ" thị ngận lệ bất phục.

Phàm tẩy thể, đương tam dịch thủy.

Dịch, hoán dã, đương tiên trạch khử trùng nghị đẳng nhiên hậu tẩy chi.

Phàm cấp thủy, tiên tịnh thủ. Phàm dụng thủy, đương đế thị hữu trùng vô trùng. Hữu dĩ

Chẳng đặng trên đơn may vá áo quần. Chẳng đặng nằm ngủ, cùng người gần đơn nói chuyện động chúng.

Kinh THẬP GIỚI nói : Ăn thời không nói, nằm thời không luận, tinh cần nhớ nghĩa, ôn cũ biết mới. Ngồi thời "thiền định", dậy thời tụng kinh. Giới hạnh như đây mới thật là "đệ tử" của Phật.

BÀI THỨ 11 : "GIỮ LÀM VIỆC CHÚNG TĂNG"

Phải tiếc của, của chúng Tăng.

Trong ĐẠI LUẬT nói : Giữ vật của "Thường Trụ" của "Chúng Tăng", như giữ trồng con mắt của mình. Thiên HÀNH HỘ nói : "Có tổn hao của "Thường Trụ", "Tam Bảo" các vật, phải đền trả lại.

Xưa đất "Dương Châu" chùa "Bạch Tháp". Sa môn tên "Đạo Xưởng" làm Tri sự giữ vật "Chúng Tăng", tự do lấy bớt. Bổng có vài ông "Minh Quan" ban ngày vào liêu, kéo "Xưởng" xuống đất muốn cắt cổ ông, "Xưởng" sợ kêu xin tha mạng. "Minh Quan" xẵng tiếng nạt rằng : "Cả của cải trong liêu ngươi, đều đem trả cho Chúng Tăng, sẽ tha ngươi sống". "Xưởng" cúi đầu bạch rằng : "Chẳng dám trái mạng". Liền rung chuông nhóm chúng bán hết y vật, tạo tượng và trai tăng. Ba ngày vị "Minh Quan" trở lại thấy "Xưởng" còn một bình bát, một áo nạp tỏ vẻ bằng lòng chẳng nói mà đi. "Xưởng" từ đây gắng gỗ tấn tu, sau thành hạnh tốt.

Phải theo Thầy "Tri sự" dạy bảo, chẳng đặng trái cãi.

Trái cãi không thuận gọi là chữ "Vi". Chống chỏi không chịu gọi là chữ "Lệ".

Phàm rửa rau, phải thay nước ba lần.

Thay nước là đổ nước dơ ra, lấy nước trong sạch mà dùng. Trước khi rửa rau, phải lặt bỏ những thứ sâu bọ rồi mới rửa đó.

Phàm múc nước, trước rửa tay cho sạch. Phàm dùng nước phải chính xem có trùng, không trùng. Như có lấy lụa dày lượt qua mới dùng. Bằng tiết

mật la lự quá, phương dụng. Nhược nghiêm đông, bất đắc tảo lự thủy, tu đãi nhật xuất.

Hàng thiên tảo lự, khủng trùng đống tử. Phàm hà thủy, tỉnh thủy giai tu quan sát, vô trùng phương dụng, dụng hữu nhị chưởng : Nhất ẩm thực, nhị cán trạc, kỳ thủy trùng cực tế, tu đế quan sát, bất đắc tựu trung, tẩy thủ diện, cập đại tiểu tiện. Lự la hữu ngũ chưởng : nhứt mật quyến phương la, nhị "âm dương" bình, tam "quân trì" bình, thử nhị, giai dụng quyến man khẩu, tế thằng hệ hạng, trầm phóng thủy trung, đãi mãn khiên xuất, tứ chước thủy la, ngũ giác la. Dụng quyến phương nhứt trách nữ, hoặc hệ bình khẩu, hoặc trí oản thượng, lự nhi dụng chi

Phàm thiêu táo, bất đắc nhiên hủ tân.

Hủ hủ chi mộc hữu trùng, cố bất thính nhiên. Kinh vân : Diệc bất đắc nhiên sanh tân thấp tân.

Phàm tác thực, bất đắc đới trảo giáp cấu.

Phật bất thính lưu chỉ giáp, cực trường thính chí nhứt mạch. Ngược đới cấu bất tịnh tác thực, đắc xí trung quỉ báo.

THÍ DỤ Kinh vân : "Hữu Sa môn tác ma ba lợi phạn, Tỳ kheo phân lạc tô trước thủ, dĩ thủ thức trụ, trụ tức phá liệc, bất khả bất thận tai" ?!

Phàm khí ố thủy, bất đắc đương đạo. Bất đắc cao thủ dương bát. Đương ly địa tứ ngũ thốn, từ từ khí chi.

Ố thủy, thị tẩy khí cán trạc chi thủy, bất đắc đương nhơn hành đạo xứ khí tã.

Phàm tảo địa, bất đắc nghịch phong tảo, bất đắc tụ khôi thổ, an mộn phiến hậu.

Vị bất đắc đối tích phấn tảo dã.

nghiêm đông, trời lạnh chớ nên lượt nước sớm, phải đợi mặt trời mọc.

Trời lạnh lượt nước sớm, sợ trùng lạnh mà chết. Phàm nước sông, nước giếng, đều phải xem xét không trùng mới dùng. Dùng có hai thứ : 1.- Nước uống ăn. 2.- Nước giặt rửa. Những nước có trùng rất nhỏ, ta phải xem xét kỹ lưỡng, chớ nên nhè trong đó rửa tay, rửa mặt và đại tiểu tiện.

Bàn lượt nước có năm thứ : 1.- Lấy lụa dày làm bàn lược vuông. 2.- Làm bình "Âm Dương". 3.- Làm bình "Quân Trì". Hai bình này, đều lấy lụa bịt miệng, dây nhỏ buộc cổ, thả chìm trong nước đợi đầy kéo ra. 4.- Bàn lượt rót nước. 5.- Bàn lượt có góc. Dùng lụa vuông chừng một gang, hoặc buộc miệng bình, hoặc để trên cái chén lượt mà dùng.

Phàm nhúm bếp, chớ nên chụm củi mục.

Củi mục có trùng mối, nên chẳng cho chụm. Kinh THẬP GIỚI nói : Cũng chẳng cho chụm củi tươi và củi ướt.

Phàm làm đồ ăn, chớ nên để móng tay nhơ.

Phật chẳng cho để móng tay rất dài, cho cỡ chừng hột thóc. Bằng để dính dơ bất tịnh, làm đồ ăn, mắc báo làm "Quỉ" trong nhà xí.

Kinh THÍ DỤ nói : "Có Thầy "Sa môn" nấu cơm "Ma ba Ly" và ông "Tỳ kheo" phân vị "Tô Lạc" dính tay, lấy tay chùi trên cột, cột liền nứt bể, chẳng khá chẳng kiêng dè ư" ?

Phàm đổ nước nhơ, chẳng đặng giữa đường. Chẳng đặng cao tay hất đổ. Phải cách đất chừng 4,5 tấc, sẽ sẽ đổ đó.

Nước nhơ là thứ nước rửa đồ đạc và giặt diệm, chẳng đặng ngay giữa đường người đi tạt đổ.

Phàm quét đất, chẳng đặng quét ngược gió, chẳng đặng nhóm bụi đất để sau cánh cửa.

Nghĩa là : Không đặng quét bụi nhóm đống vậy.

Kinh vân : Tảo địa đương linh tịnh, bất đắc hữu tích, hữu tức thời tảo khước.

BÁ DUYÊN kinh vân : Tảo địa đắc ngũ công đức : Nhất tự trừ tâm cấu, nhị trừ tha cấu, tam khử kiêu mạn, tứ điều phục tâm, ngũ tăng trưởng công đức, đắc sanh thiện xứ.

Tẩy nội y, tu thập khử cơ sắt phương tẩy,

Tiểu giả danh "cơ", đại giả danh "sắt", thập tịnh nhi tẩy phương vô thương sanh chi quá.

Hạ ngoạt dụng thủy, bồn liểu tu phúc, nhược ngưỡng tức trùng sanh.

Hạ ngoạt trùng sanh vô thời, ngưỡng tắc hữu dư thủy, cố trùng sanh. Phàm tẩy "tịnh y", bồn, bất đắc dụng tẩy túc, cập tẩy hạ y miệt đẳng. Sái thời can thượng, diệc bất đắc tương xúc bất đắc hàm thủy tốn "pháp y".

Bất đắc nhiệt thang, bát địa thượng.

Thương sanh cố dã, diệc bất đắc dĩ nhiệt thang, nghiêu hỏa diệt.

Nhất thiết mễ miến sơ quả đẳng, bất đắc khinh khí lang tạ, tu gia ái tích.

Kim sanh bất tích vật, lai thế vô thọ dụng. Huống "thường trụ", "chúng tăng" chi vật, nhi bất thâm gia hộ tích khả hồ ?

"NHẬP DỤC" ĐỆ THẬP NHỊ.

Tiên dĩ thang tẩy diện, tùng thượng chí hạ, từ từ tẩy chi.

Nhược biệt hữu tịnh thủy, tắc bất nghi dĩ dục thang tẩy diện. Dục tất xuất ngoại, đương dụng tháo đậu, hoặc khôi thổ, tái tam tịnh tẩy lưỡng thủ, nhiên hậu tẩy diện.

Kinh THẬP GIỚI nói : Quét đất phải cho sạch đừng cho có dấu, nếu có liền phải quét lại.

Kinh BÁ DUYÊN nói " Quét đất thì được năm món công đức : 1.- Trừ tâm nhơ mình. 2.- Trừ nhơ cho người. 3.- Bỏ tánh kiêu mạn. 4.- Trừ dẹp vọng tâm. 5.- Lớn thêm công đức, đặng sanh cõi lành.

Giặt áo trong, phải lượm bỏ rệp rận mới giặt.

Thứ nhỏ gọi là : chữ "Cơ". Thứ lớn gọi là : chữ "Sắc". Lượm hết rận rệp rồi giặt, mới khỏi cái tội sát sanh.

Tháng mùa Hạ, dùng nước, dùng rồi phải úp chậu xuống, nếu để ngửa ắt sanh trùng.

Bởi tháng mùa Hạ, trùng sanh không chừng. Bằng để ngửa, thời còn nước dư trong chậu, nên trùng sanh.

Phàm để chậu giặt "Tịnh y", chẳng nên lấy rửa chân và giặt quần, vớ, các vật. Lúc phơi trên sào, cũng đừng cho đụng nhau, và đừng ngậm nước phun pháp y.

Chẳng đặng nước nóng đổ trên đất.

Vì chết trùng vậy, cũng chẳng đặng lấy nước nóng tưới cho lửa tắt.

Tất cả gạo, bột, rau, trái v.v... chẳng đặng khinh bỏ bậy bạ, phải sanh lòng yêu tiếc.

Đời nay không tiếc của, đời sau không có mà dùng, việc đời còn vậy. Huống chi của "thường trụ", "Chúng Tăng" mà hòng không rất thêm lòng thương tiếc hay sao ?

BÀI THỨ 12 : "VÀO NHÀ TẮM"

Trước lấy nước nóng rửa mặt, từ trên đến dưới từ từ rửa đó.

Bằng riêng có nước sạch, thời không nên lấy nước tắm rửa mặt. Tắm rồi ra ngoài, phải dùng nước tháo đậu (xà bông) hoặc đất rửa hai tay đôi ba lần cho sạch, vậy sau rửa mặt.

ÔN THẤT Kinh : Tẩy dục năng trừ thất bịnh Nhất tứ đại khinh an, nhị trừ phong khí, tam trừ tê thấp, tứ trừ hàn lảnh, ngũ trừ nhiệt khí, lục trừ cấu uế, thất thân thanh mục minh. Nhiên diệc bất đắc sổ tẩy, trừ thời nhơn duyên.

Bất đắc thô tháo, dĩ thang thủy tiện lân nhơn, bất đắc dục đường tiểu di.

Tiểu di, hoặc vân : "Tiểu hành", hoặc vân : "tiểu giải", hoặc vân : "tiểu tịnh", hoặc vân : "tiểu tiện", tịnh địa thượng bất khả di, huống dục đường trung.

TĂNG HỘ Kinh vân : "Tỳ kheo" tại tịnh địa, đại tiểu tiện lợi, bất trạch xứ sở. Dĩ thị nhơn duyên, nhập "Địa ngục" trung tánh tác nhục xí tỉnh; hỏa thiêu thọ khổ bất tức.

TRANG NGHIÊM BỬU VƯƠNG Kinh vân : "Nhược ư thường trụ địa di thóa giả, thị nhơn sanh ư "Ta La Thọ" trung vi châm khẩu trùng, kinh thập nhị niên. Nhược ư thường trụ địa, đại tiểu tiện, lợi giả, thị nhơn ư "Ba La Nại" đại thành đại tiểu tiện lợi lợi trung sanh vi uế ô trùng".

ƯU BÁT KỲ VƯƠNG Kinh vân : "Già lam" pháp giới nội địa, mạn loạn đại tiểu tiện, ngũ bá sanh, đọa "Bạc Ba" Địa ngục, hậu nhị thập kiếp, thường khiển trửu thủ, bảo thử uế địa, nãi chí huỳnh tuyền.

Bất đắc cọng nhơn ngữ tiếu. NHƠN THIÊN BỬU GIÁM vân : Nhất "Sa di" nhập dục hí tiếu, toại cảm" Phất thang địa ngục" chi báo.

Hí tiếu cảm báo thượng nhĩ, kỳ dư tắc khả tri hĩ.

Bất đắc tẩy tịch xứ.

Đại tiểu tiện xứ dã.

Phàm hữu sang tiển, nghi tại hậu dục. Hoặc hữu khả úy sang vưu nghi hồi ty, miển thích nhơn nhãn.

Kinh ÔN THẤT nói : Tắm rửa trừ đặng 7 thứ bệnh : 1.- Thân thứ đại nhẹ nhàng. 2.- Trừ chứng phong khí. 3.- Trừ chứng tê thấp. 4.- Trừ bệnh lạnh rét. 5.- Trừ bệnh nhiệt khí. 6.- Trừ nhơ nhớp. 7.- Thân được sạch, mắt được tỏ. Song cũng chẳng nên tắm thường, trừ khi có nhơn duyên như làm việc bụi đất v.v...

Chẳng đặng lật đật, khiến nước nóng văng nhằm người gần. Chẳng đặng tiểu di trong nhà tắm.

"Tiểu di" hoặc có chỗ nói "tiểu hành", hoặc nói "tiểu giải", hoặc nói "tiểu tịnh", hoặc nói "tiểu tiện". Song đất sạch còn không nên tiểu, huống chi trong nhà tắm.

Kinh TĂNG HỘ nói : Thầy "Tỳ kheo" ở chỗ sạch *(trong đất Già Lam)* đại tiểu tiện lợi, không lựa chỗ nơi. Do nhơn duyên ấy, vào trong "Địa ngục" làm con trùng ở trong hầm xí, chịu khổ lửa đốt không dứt.

Kinh TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG nói : Bằng ở chỗ đất thường trụ, hỉ mũi khạc nhổ, người đó sanh trong cây "Ta la" làm con trùng mỏ như cây kim, trải qua 12 năm. Bằng ở chỗ đất thường trụ, đại tiểu tiện ấy, người đó sanh trong chỗ "đại tiểu tiện" nơi thành lớn "Ba La Nại", làm con trùng ở chỗ nhơ nhớp *cầu xí*.

Kinh ƯU BÁT KỲ VƯƠNG nói : Đất trong cảnh "Già lam", đại tiểu tiện bậy bạ, năm trăm đời, đọa trong Địa ngục "Bạt Ba", sau hai mươi kiếp, thường làm con "bù hung", hai cánh tay ôm chỗ nhơ ấy, cho đến trọn đời.

Chẳng đặng cùng người nói cười : NHƠN THIÊN BỬU GIÁM nói : "Một ông Sa di vào nhà tắm, giỡn cười, liền mắc báo "Địa ngục" nước sôi".

Giỡn cười còn mắc báo như thế. Còn các chuyện khác, thời khá biết vậy.

Chẳng nên tắm chỗ khuất.

Chỗ khuất đó là chỗ cầu tiêu và cầu tiểu vậy.

Phàm có ghẻ lác, phải tắm ở sau. Hoặc có ghẻ đáng sợ, rất phải quanh lánh, khỏi gay mắt người.

Khả úy sang ? Tức "ung thư" dẳng ác sang. Tự tu hồi tỵ, thủ thủy biệt dục, vật linh nhơn kiến. Hoặc nhơn dục ngật, tối hậu phương dục. Bất nhiên, tắc tổn phước chiêu tội.

Bất đắc tứ ý cửu tẩy, phương ngại hậu nhơn.

Tứ ý vị tứ tình túng ý.

Kinh văn : Bất đắc tại trung cán y.

PHỤ

Thoát y trước y, an tường tự tại.

Vị bất đắc khinh táo sảng sốt.

Dục tiền tiên tẩy tịnh tu tế hạnh, bất đắc dĩ tẩy tịnh thủy, nhập dục phủ.

Đương vị nhập dục chi tiền, tiên như pháp tẩy tịnh, tẩy thủ tịnh, nhiên hậu nhập dục. Kim thời hữu dĩ thiểu thủy, tại dục đường biên, tẩy tịnh. Phục bất dĩ khôi thổ tẩy thủ, tức nhập tẩy dục, dữ bất tẩy vô biệt. Thậm vi uế ô, tự ô ô tha, cảm báo bất khinh.

Thang lảnh nhiệt, y lệ khích bang, bất đắc đại oán.

Y lệ, vị y thường qui dã, kỳ trung dục cụ, bồn khí, tháo đậu đẳng, đương an trí như pháp. Dụng giả, diệc tu như pháp, miễn chiêu hậu vương. Như "Tăng Hộ" sở kiến giả, thị dã.

"NHẬP XÍ" ĐỆ THẬP TAM

Dục đại tiểu tiện tức đương hành, mạc đãi nội bức sảng sốt.

Sảng sốt tức hữu thất nghi chi quá, cố tu cập thời đương hành.

Ghẻ đáng sợ là gì ? - Tức ghẻ "ung thư" các thứ ghẻ dữ. Mình phải quanh lánh, múc nước tắm riêng. Chớ cho người thấy. Hoặc người tắm rồi, rốt sau mới tắm. Chẳng thế thời tổn phước, mắc tội.

Chẳng đặng lung ý tắm lâu, mích lòng người sau.

Lung ý là gì ? - Là nghĩa lung tình buông ý.

Kinh THẬP GIỚI nói : Chẳng đặng giặt áo ở trong nhà tắm.

LỜI PHỤ

Cởi áo, mặc áo thong thả bình tĩnh.

Là nghĩa không đặng vội vàng hấp tấp.

Khi sắp tắm, trước phải tẩy tịnh cho kỹ lưỡng. Chẳng đặng lấy nước tẩy tịnh, đổ vào trong vò tắm.

Trước khi sắp vào nhà tắm, phải y như pháp tẩy tịnh và rửa tay cho sạch, rồi sau mới vào nhà tắm. Thế mà đời bây giờ, có người dùng chút nước để bên nhà tắm, mà tẩy tịnh. Lại không dùng tro đất rửa tay, liền vào tắm rửa, cùng người chưa rửa không khác. Rất là nhơ bẩn, nhơ mình và nhơ người, mắc báo chẳng phải nhẹ.

Nước lạnh, nước nóng, theo lệ đánh mõ, chẳng đặng kêu to.

Y lệ là gì ? Là y theo phép thường vậy, ở trong nhà tắm, sắm đủ, nào bồn, nào chậu, nào nước tháo đậu v.v... phải sắp đặt đúng phép. Dùng đó cũng phải đúng phép, mới khỏi tội về sau. Những tội lỗi của người tắm không đúng phép, như ông "Tăng Hộ" đã thấy phải vậy.

BÀI THỨ 13 : "VÀO NHÀ XÍ"

Vừa muốn Đại tiểu tiện, phải đi liền đừng để trong thúc lật đật.

Lật đật thời có cái lỗi sái phép, cho nên hãy vừa mắc thời phải đi liền.

Ư trước can thượng, quái "trực chuyết" tập linh tề chỉnh, dĩ thủ cân, hoặc yêu thao. Hệ chi, nhất tác ký nhận, nhị khủng đọa địa.

"Trực chuyết", tương truyền "tiên bối" kiến tăng hữu "Thiên sam", nhi vô quần, hữu quần, nhi vô "Thiên sam", toại hiệp nhị y, vi "trực chuyết". Đương tập điệp quái trước can thượng, trước nội y nhập.

ĐẠI LUẬT linh trước "phú kiên" y nhập xí.

Tu thoát hoán hài lý, bất khả tịnh hài nhập xí.

Tu thoát hài hoán kịch, nhược hài tằng kinh nhập xí. Tiển "tăng" tịnh địa, cập nhập đường "điện", hoạch báo phi khinh, tội như kinh thuyết. "Cổ" vân : xoa đoản đăng hỗn, thảo lý du sơn, mạc tiển "pháp đường", hồi hộ "kỳ cựu".

Chí đương tam đờn chỉ, sử nội nhơn tri, bất đắc bách xúc nội nhơn xử xuất.

Tam đờn chỉ, nội nhơn bất xuất, tự đương đãi chi hoặc quá dư xí.

Dĩ thượng, phục dương tam đờn chỉ, mặc niệm vân : "Đại tiểu tiện thời, đương nguyện chúng sanh, khí tham sân si, quyên trừ tội pháp".

Dĩ thướng đăng thướng xí dã. Kim thử tam đờn chỉ, thị cảnh giác xí trung, đạm bất tịnh quỉ đẳng, vô trí xúc ngổ bỉ thử lưỡng tổn.

THÍ DỤ kinh vân : Hữu nhất "Sa môn", bất đờn chỉ tiểu tiện tế trúng xí trung quỉ diện, quỉ đại sân

Ở trên sào tre giặt áo "trực chuyết", xếp cho bằng thẳng, lấy khăn tay, hoặc dây lưng buộc nó. Là nghĩa chi vậy ? 1.- Làm cho nhớ lấy. 2.- Sợ rớt xuống đất.

Áo trực chuyết là gì ? Tức là "áo lỡ" vậy. Lời truyền nhau nói. Các vị "Tiền Bối" thấy nhà Sư, hoặc có ông thì có áo "Thiên Sam", mà không "Quần", hoặc ông có "Quần" mà không "Thiên Sam", mới hiệp hai áo đó, làm một áo, gọi là "Trực chuyết". Phải xếp áo "Trực chuyết" lại, giặt lên sào tre, mặc áo trong đi vào.

Trong ĐẠI LUẬT dạy " Mặc áo "Phú kiên" *(trùm vai)* vào nhà xí.

Phải thay đổi giày dép, chẳng nên giày sạch, mang vào nhà xí.

Phải thay đổi guốc, nếu giày thường mang đi vào nhà xí mà dậm chỗ đất sạch của "Chúng Tăng" và vào "Giảng đường", cùng chánh điện, thời mắc báo chẳng phải nhẹ. Tội như trong kinh đã nói. Kẻ "Cổ nhơn" nói : Áo vấn đi tiêu, dép cỏ dạo núi chớ đi vào chốn "Pháp đường", và chung quanh chỗ các vị "Kỳ Túc".

Khi đến nhà "xí", phải đờn chỉ ba tiếng cho người trong biết, chớ nên hối thúc người trong ra cho mau.

Đờn chỉ ba tiếng, người trong không ra, mình phải đợi đó, hoặc qua nhà xí khác.

Lúc lên ngồi trên nhà "xí" rồi, lại phải đờn chỉ ba tiếng, thầm tưởng kệ rằng : "Khi đại tiểu tiện, nguyện cho chúng sanh bỏ tham sân si, sạch hết các tội".

"Đã lên". Tức là lên ngồi trên cầu "xí" rồi vậy. Bấy giờ đờn chỉ ba tiếng, là đánh thức con Quỉ ăn đồ bất tịnh trong nhà "xí" biết, đặng tránh, đừng để xuống đụng, kia đây đều tổn.

Kinh THÍ DỤ nói : Có một thầy "sa môn" tiểu tiện không đờn chỉ, xối nhằm trên mặt con Quỉ trong nhà xí,

dục sát "Sa môn", "Sa môn", trì giới, quỉ bất năng đắc tiện.

Bất đắc đê đầu thị hạ.

Thị hạ, hoặc linh bất tịnh tâm sanh dã. Nhược nhơn hậu chí, tu đờn chỉ linh giác.

Bất đắc trì thảo họa địa.

Bất nhiếp chánh niệm, cố họa địa họa bích.

Bất đắc nổ khí tác thinh.

Nhất tự thất nghi. Nhị động tha niệm.

Bất đắc cách bích, cọng nhơn thuyết thoại.

VĂN THÙ kinh vân : Đại tiểu tiện thời, thân khẩu như mộc thạch, bất đắc tác thinh.

Bất đắc thóa bích.

Nhất khủng ngộ xúc phi nhơn, nhị linh nhơn tâm sanh yểm ố, diệc bất đắc ô xí lưỡng duyên.

Phùng nhơn bất đắc tác lễ, nghi trắc thân tị chi.

Nhất, thân nghi bất cung; nhị, xứ phi lễ sở.

Bất đắc duyên lộ hành, hệ y đới.

Dư thời thoát y hệ đới, diệc bất đắc duyên lộ.

Tiện tất, đương tịnh tháo thủ. Vị tháo bất đắc trì vật.

Kim ngôn tháo thủ, bất ngôn tẩy tịnh giả, lược dã, Tiên tu thủ bình thiêm thủy linh mãn, an tẩy tịnh xứ. Như vô lánh tẩy tịnh xứ, khả trì nhập xí. Tiện ngật, tiên dĩ vật thức, hậu dụng thủy tẩy, dĩ tả thủ vô danh chỉ, tiểu chỉ, giai tẩy linh tịnh, quyền kỳ tả thủ, hữu

quỉ cả giận, muốn giết "Sa môn". Nhưng "Sa môn" kia nhờ giữ giới, nên quỉ nọ không thể hại được.

Chẳng đặng cúi đầu ngó xuống.

Ngó xuống, hoặc khiến sanh tâm bất tịnh vậy. Như người đến sau, phải đờn chỉ cho người trong biết.

Chẳng đặng cầm cỏ vẽ đất.

Vì chẳng giữ chánh niệm, cho nên vẽ dưới đất và vẽ trong vách.

Chẳng đặng rán hơi ra tiếng :

1.- Là mình mất oai nghi. 2.- Động niệm người bên kia.

Chẳng đặng cách vách cùng người nói chuyện.

Kinh VĂN THÙ nói : Khi đại tiểu tiện, thân, khẩu, yên lặng như cây như đá, chớ nên ra tiếng.

Chẳng đặng nhổ phun trong vách.

Có hai lỗi : 1.- "Sợ đụng nhằm kẻ Phi Nhơn". 2.- "Khiến người vô sau thấy, sanh tâm nhờm gớm". Cũng đừng làm nhơ hai bên nhà "xí".

Gặp người không nên làm lễ, phải nghiêng mình lánh đi.

Có hai lỗi : 1.- Mình thiếu phép cung kính. 2.- Không nhằm chỗ làm lễ.

Chẳng đặng đi dọc đường buộc vải áo.

Khi khác, cởi áo hoặc buộc vải, cũng chẳng đặng đi dọc đường buộc và cởi *(khi khác, không phải khi đi nhà "xí").*

Đại tiện rồi, phải rửa tay cho sạch. Như chưa sạch, chẳng đặng cầm vật chi.

Nay nói rửa tay mà không nói tẩy tịnh, đó là nói nhón vậy. Trước phải múc nước đổ thêm trong bình cho đầy, để chỗ tẩy tịnh. Như không có chỗ tẩy tịnh riêng, thời phải xách bình vào "nhà xí". Đại tiện xong, trước lấy giấy chùi sau dùng nước rửa. Dùng tay bên trái lấy ngón vô danh và

thủ trừu y, khai hộ đề bình nhi xuất. Chí tẩy thủ xứ, dụng khôi, hoặc thổ, tiên tẩy tả thủ thất độ, thứ lưỡng thủ cu tẩy, thất độ. Lưu thiểu thủy tẩy bình nội ngoại, hườn trí bổn xứ. Qui phòng dĩ tịnh thủy, tái tam thấu khẩu, tiện sự nãi tất. Tường tải ĐẠI LUẬT. Phàm vi sư giả, đương như pháp giáo thọ.

Phật ngôn :"Như thị tẩy tịnh, hữu đại lợi ích, phàm vi xuất gia, qui y ư ngã, dĩ ngã vi sư giả, hàm ưng tẩy tịnh. Nhược bất như pháp tẩy tịnh giả, bất ưng nhiễu tháp hành đạo, bất hiệp lễ Phật tụng kinh.

Tự bất lễ tha, diệc bất thọ, tha lễ, bất ưng đạm thực, bất tọa tăng sàng, bất đắc nhập chúng; sở trì chú pháp, giai vô hiệu nghiệm. Nhược tác trai cúng thơ kinh tạo tượng, đắc phước quả bạc. Nhữ đẳng giai đương y ngã ngôn giáo, vô đắc tự khi, tác bất tịnh pháp, giải đãi phóng dật, vi hạ phẩm hạnh, đương đọa ác đạo v.v..."

Kim thời túng hữu tẩy giả. Toàn bất y pháp, phản thành uế ô, vi sư bất giáo đệ tử, lưỡng giai chiêu tội, cu đọa "tam đồ". Như Phật sở thuyết, khả bất thận tai ! ?

Tẩy thủ mặc niệm vân : dĩ thủy quán chưởng, đương nguyện chúng sanh, đắc thanh tịnh thủ, thọ trì Phật Pháp. Án chủ ca ra da tá ha.

Thượng kệ niệm nhất biến, hạ chú đương niệm thất biến. Kỳ nhập xí, tẩy tịnh, khử uế, các các hữu chú, tường như dư xứ.

THANH QUI vân : Án ĐẠI TẠNG ANH LẠC kinh vân : Phù đăng hỗn giã, bất niệm thử chú, giả sử thập "Hằng Hà" thủy, tẩy chí "Kim Cang Tế" diệc bất năng tịnh. "Luật" trung tiểu đi, diệc tẩy chi.

ngón áp út, chà rửa cho sạch. Nắm tay bên tả lại, còn tay bên hữu vén áo mở cửa xách bình, đem ra. Đến chỗ rửa tay, dùng nước tro hoặc đất, trước rửa tay bên trái bảy lần, sau hiệp hai tay đều rửa bảy lần. Để chút nước rửa trong ngoài cái bình đem để chỗ cũ. Về liêu lấy nước trong súc miệng đôi ba lần. Bấy giờ việc đại tiện mới xong. Trong ĐẠI LUẬT đã biên đủ. Phàm ai là người làm Thầy, phải y theo phép đây dạy bảo đệ tử.

Phật nói : "Tẩy tịnh như vậy có lợi ích lớn. Phàm là người xuất gia qui y với ta, kỉnh ta làm Thầy đó, đều phải tẩy tịnh. Bằng chẳng y theo phép tẩy tịnh này chẳng cho nhiễu Tháp, đi kinh hành. Chẳng nên lễ Phật tụng kinh.

Mình chẳng nên lạy người. Cũng chẳng đặng chịu người lạy. Chẳng nên ăn uống của "Thường trụ", chẳng ngồi giường chúng tăng. Chẳng đặng vào trong chúng. Dầu có trì chú tụng kinh cũng không hiệu nghiệm. Dẫu trai tăng cúng dường, tả kinh, tạo tượng, đặng phước chẳng bao nhiêu. Các ông đều phải y lời Ta dạy, chớ nên khinh dễ, làm việc bất tịnh, biếng nhác, buông lung, làm hạnh thấp hèn, phải đọa trong ba đường ác".

Đời bây giờ, dẫu có người tẩy tịnh, toàn không y pháp trở thành nhơ nhớp, làm Thầy không dạy đệ tử, cả hai đều mắc tội đọa trong "ba đường". Như Phật đã dạy, khá chẳng thận trọng lắm ư ? !

Rửa tay thầm tưởng kệ rằng : Dùng nước rửa tay cầu nguyện cho chúng sanh đặng tay trong sạch, vưng giữ pháp Phật. Án chủ ca ra da tá ha *(7 lần).*

Kệ trên niệm một biến, chú dưới niệm bảy biến. Khi vào nhà xí, khi tẩy tịnh, khi khử uế, mỗi việc đều có chú kệ. Rõ như chỗ khác nói.

Bộ THANH QUI nói : Xét trong kinh ĐẠI TẠNG ANH LẠC. Luận người đi tiêu không tưởng chú này, dẫu cho nước mười "Sông Hằng" rửa đến chỗ "Kim Cang Tế", cũng không thể sạch đặng.

PHỤ

Nhược tiểu giải, diệc yếu thâu khởi y tụ, hựu bất khả trước "thiên sam" tiểu giải.

Bất tịnh, ô thân ô y, thọ lễ lễ tha, giai đắc tội. Tiểu giải thời, tu tại công biên, bất đắc hướng công trung, giải tác thinh, cập xú khí huân nhơn. "Thiên sam", thị thần pháp y, lễ kỉnh chi phục, cố bất nghi trước tiểu tiện dã. "Thiên sam" nguyên phi Phật chế nãi thử phương sở tạo.

Tích "Ngụy Đế" thỉnh tăng nhập nội cúng dường, cung nhơn kiến Tăng thiên đản hữu kiên, bất dĩ vi thiện, toại tác "Thiên sam", thí thuyết ư tả biên, "phú kiên" y thượng, nhi phú hữu kiên, nhơn danh vi "Thiên sam". Kiêm ẩn phú kiên, y danh, thông hiệu lưỡng tụ giả, viết "Thiên sam". Như dục tác giả, tu khai hậu phùng, tiệt lãnh phương hiệp nguyên thức.

"THÙY NGỌA" ĐỆ THẬP TỨ

Ngọa tu hữu hiếp, danh "Kiết tường" thùy. Bất đắc ngưỡng phúc ngọa, cập tả hiếp ngọa.

Phàm ngọa tu an chẩm, hoặc khúc quăng nhi chẩm, bất đắc đầu trước tịch, ngưỡng thị "tu la" ngọa, phúc thị "ngạ quỉ" "ngọa tả" hiếp, thị tham dục. Nhơn ngọa, Sa Môn ưng như "sư tử vương", thuận thân hữu hiếp trước tịch, lụy túc hiệp khẩu, đầu chẩm hữu thủ, thơ tả thủ thuận thân thượng, bất xả niệm huệ, tư duy khởi tưởng. Chí hậu dạ, tức khởi chánh tọa, tư duy kỷ nghiệp, diệc bất đắc hẩu thinh ngọa.

Trong ĐẠI LUẬT nói : Đi "tiểu dị" cũng phải rửa đó.

LỜI PHỤ

Bằng tiểu giải cũng phải xăn tay áo lên, và chẳng nên mặc áo "Thiên Sam" *(áo tràng)* **đi tiểu giải.**

Đồ bất tịnh nhơ mình, nhơ y, chịu người lạy, hoặc mình lạy người đều mắc tội. Khi tiểu giải, phải kề bên bìa cái "Lu" *(cái Bô)*. Chẳng đặng nhè ngay chính giữa mà tiểu, nổi tiếng xổn xổn. Hơi thúi bốc lên, chun mũi người.

Áo "Thiên Sam" là gì ? Là áo của người thí chủ cúng, mặc trong khi kỉnh lễ. Cho nên chẳng đặng mặc đi tiểu tiện vậy. Song áo "Thiên Sam" đây, vốn không phải đức Phật chế, chính phương này (Tàu) bày sắm. Xưa nước Ngụy vua "Văn Đế" thỉnh chúng Tăng vào trong cung cúng dường. Kẻ cung nhơn thấy chúng Tăng mặc áo bày vai bên phải, chẳng lấy làm tốt, bèn chế kiểu áo gọi là áo "Thiên Sam", nối luôn qua vai bên trái, trùm lên áo "phú kiên", mà tủ vai bên phải, nhơn đây kêu là áo "Thiên Sam". Nay ẩn cái tên áo "Phú kiên", chung kêu áo hai tay rộng gọi là áo "Thiên Sam" *(áo tràng hay áo thông y)*. Khi muốn may nó phải tháo đường may sau, khoét tràng vuông mới nhằm thức xưa.

BÀI THỨ 14 : "PHÉP NẰM NGỦ"

Nằm phải nằm nghiêng hông bên phải gọi là ngủ "Kiết tường" *(điềm tốt)*. **Chẳng đặng nằm sấp, cùng nằm bên hông trái.**

Phàm nằm phải gối, hoặc co cánh tay mà gối, chớ nên để đầu dưới chiếu. Nằm ngửa là cách nằm của loại "Tu la". Nằm sấp là lối nằm theo điệu "Ngạ Quỉ". Nằm hông bên trái là lối nằm theo những người "tham dục". Thầy Sa Môn phải nằm như "Sư tử Vương" xuôi thân nghiêng bên phải sát chiếu chồng hai chân, ngậm miệng tay bên phải gối đầu, duỗi tay bên trái để xuôi trên mình, tâm tưởng nghĩ nhớ, chớ quên niệm huệ. Đến cuối đêm, liền dậy ngồi ngay, lo nghĩ chánh nghiệp của mình. Cũng chẳng nên nằm ngủ ngáy pho pho.

Vân hà như "sư tử vương" ngọa ? Vị nhất thiết thú trung, dõng hãn kiên mãnh, sư tử tối vi đệ nhất.

Xuất gia nhơn, diệc dĩ phát cần tinh tấn, dõng hãn kiên mãnh, tối đệ nhất. Do thị nhơn duyên, dữ "sư tử vương" ngọa pháp, tương tợ. Như thị ngọa thời, thân vô trạo loạn, niệm vô vong thất thùy bất cực trọng, bất kiến ác mộng, cố danh "kiết tường" dã.

Bất đắc dữ sư đồng thất, đồng sáp, hoặc đắc đồng thất, bất đắc đồng sáp.

Vị phòng ác nhơn, khủng hữu phạm hạnh nạn, cố thính đồng thất dã.

Diệc bất đắc dữ đồng sự "Sa di" cọng sáp.

Đồng sự, vị đồng "Sa di" sở thi hành sự, hoặc "đồng sư" học giả.

Như "Tăng Hộ Tỳ kheo", kiến "Địa ngục" nhị "Sa di", manh ngọa tương bảo, mãnh hỏa thiêu thân, khổ bất hưu tức. Phật ngôn : "Ca Diếp" Phật thời, thị nhị "Sa di", cọng nhất bị nhục trung, tương bảo manh ngọa, dĩ thị nhơn duyên, nhập địa ngục trung, hỏa thiêu bị nhục trung, tương bảo thọ khổ, chí kim bất tức.

Phàm quái hài lý tiểu y đẳng, bất đắc quá nhơn đầu diện.

Phàm thị hạ thân y vật, bất đắc cao quái.

PHỤ

Bất đắc thoát lý y ngoạn.

Lý y, thị cận thân trước giả, nhược thượng, nhược hạ, giai danh lý y dã.

Bất đắc thùy thượng sàng, tiếu ngữ cao thinh.

Vì sao nằm như con "Sư Tử Vương" ? - Nghĩa là trong tất cả loài thú, chẳm hẳm mạnh mẽ, sư tử là thứ nhất

Người xuất gia cũng phải siêng năng tinh tấn, mạnh mẽ chẳm hẳm bực nhứt. Do nhơn duyên như vậy, cho nên phép nằm cũng như "Sư Tử Vương" không khác. Khi nằm như vậy, thân không day trở, niệm không quên mất, ngủ chẳng ngủ nhiều, thời chẳng thấy chiêm bao dữ, cho nên kêu là ngủ "Kiết Tường" vậy.

Chớ nên cùng Thầy đồng nhà, đồng giường, hoặc đặng đồng nhà, chẳng đặng đồng giường.

Vì sao cho đồng nhà ? Vì phòng người ác, sợ có nạn phạm hạnh, nên cho đồng nhà vậy.

Cũng chớ nên cùng "Sa di" đồng sự chung một giường.

Đồng sự là gì ? - Nghĩa là đồng với ông "sa di" kia ra làm các việc vậy. Hoặc là đồng học một Thầy nên gọi là "đồng sư".

Như ông "Tăng Hộ Tỳ Kheo", thấy trong "địa ngục" có hai ông "Sa di" ôm nhau nằm ngủ, lửa dữ đốt thân, chịu khổ không dứt. Phật nói : Thời kỳ đức Phật "Ca Diếp", hai ông Sa di đó, chung một mền nệm, ôm nhau nằm ngủ. Do nhơn duyên như vậy vào trong địa ngục, lửa đốt mền nệm. Trong đó ôm nhau chịu khổ, đến nay chưa dứt.

Phải máng giày dép cùng áo nhỏ v.v... chớ nên khỏi đầu mặt người.

Phàm là y vật, mặc dưới thân, chớ nên giắt cao.

LỜI PHỤ

Chẳng đặng cởi áo trong mà nằm.

Áo trong là gì ? Tức là áo mặc sát trong mình, hoặc áo lót, hoặc quần đùi, đều gọi là áo trong vậy.

Chẳng đặng ngủ trên giường, cười nói lớn tiếng.

Tiền giới thiền đường trung, ngọa ngữ thoại. Thử giới phòng trung, thùy ngữ thinh.

Bất đắc "thánh tượng", cập "pháp đường" tiền, huề nịch khí quá.

"Thánh tượng", thị "Phật" "Bồ Tát" tượng hoặc "La Hán", "Tổ sư" tượng. Nịch, đồng niệu "tiểu tiện" dã.

"VI LƯ" ĐỆ THẬP NGŨ

Bất đắc giao đầu tiếp nhĩ thuyết thoại. Bất đắc đờn cấu nị hỏa trung.

Giao đầu, thị tạp thoại chi đoan, đờn cấu, thị xú khí huân nhơn. ĐẠI LUẬT vân : Nhược mao phát trảo giáp, di thóa bì huyết, bĩnh quả độc dược, trước hỏa trung, giai đắc tội.

THANH QUI vân : Bất đắc bát hỏa phi khôi.

Bất đắc hồng bồi hài miệt, bất đắc hướng hỏa thái cửu, khủng phương hậu nhơn, sảo noãn tiện nghi qui vị.

Hồng bồi, dữ thái cửu, giai phương ngại tha nhơn,

CHÂM QUI vân : Tịnh phát, vi lư, lễ nghi khiêm nhượng. Phật ngôn : "Hướng hỏa hữu ngũ quá thất". Nhất linh nhơn vô nhan sắc, nhị linh nhơn vô lực, tam linh nhơn nhẫn ám, tứ linh đa nhơn náo tập, ngũ đa thuyết tục sự.

"TẠI PHÒNG TRUNG TRỤ" ĐỆ THẬP LỤC

Cánh tương vấn tấn, tru tri đại tiểu.

Vấn tấn vị phát ngôn tấn vấn, sanh niên, giới lạp cập hưng cư an lợi phủ ? Học nghiệp nhật tấn phủ ? Nhược hữu đắc thất ngôn ngữ, tức khất hoan hỉ, bất

Bài trước dạy ở trong nhà thiền, nằm chẳng đặng nói bậy. Bài này dạy ở liêu phòng ngủ chẳng đặng nói ra tiếng.

Chẳng đặng trước "thánh tượng" và chốn "Pháp Đường" xách đồ nhơ đi qua.

"Thánh Tượng" là gì ? Là tượng "Phật", tượng "Bồ Tát", tượng "La Hán" và tượng "Tổ Sư", Đồ nhơ là gì ? Tức đồ "đại tiện", tiểu tiện" vậy.

BÀI THỨ 15 : "PHÉP QUANH LÒ HƠ LỬA"

Chẳng đặng giao đầu kề tai nói bậy. Chẳng đặng khảy mồ hôi nhơ trong lửa.

Giao đầu là cái mối nói bậy. Khảy mồ hôi nhơ, là hơi hôi bay đến người. Trong ĐẠI LUẬT dạy : Hoặc lông tóc, móng tay, mũi, đàm, da, huyết, bánh trái, thuốc độc bỏ trong lửa đều mắc tội.

Bộ THANH QUI nói : Chớ nên bươi lửa bay tro, *(phải bươi nhẹ nhẹ).*

Chẳng đặng hong phơi giày, vớ ; chẳng đặng hơ lửa lâu lắm, sợ mích lòng người sau, nên vừa ấm liền phải về chỗ.

Hơ hong lâu lắm, đều sợ mích lòng người khác.

Bộ CHÂM QUI nói : Khi cạo tóc khi hơ lửa, phép phải kỉnh nhường. Phật dạy : "Hơ lửa có năm việc hại" : 1.- Khiến người khô nhan sắc. 2.- Khiến người mất sức. 3.- Khiến người lờ con mắt. 4.- Xúm đông rầy rạc. 5.- Hay luận việc đời.

BÀI THỨ 16 : "PHÉP Ở CHUNG TRONG LIÊU PHÒNG"

Hỏi thăm với nhau, phải biết kẻ lớn người nhỏ.

Hỏi thăm là gì ? - Nghĩa là phát lời thưa hỏi như : Tuổi đời cùng giới lạp, và việc ăn ở an lợi thế nào, sự tu học mỗi ngày có tấn ích không ? Bằng có sớ lỡ lời nói liền xin hoan

đắc kinh túc hộ tương tán mỹ, bất đắc bối tương hủy thuyết.

Dục trì đăng hỏa nhập, dự cáo phòng nội tri, vân hỏa nhập, dục diệt đăng hỏa, dự vấn đồng phòng nhơn, cánh dụng đăng phủ ?

Nhập thời dự cáo, miễn bỉ sảng sốt, diệt thời dự vấn lự tha tu dụng, diệc bất đắc đính phá tường bích, quái đăng huyền vật. Quả báo như "Tăng Hộ" kinh thuyết, thời thời tu kiểm điểm hỏa chúc, vật linh thất ngộ.

Diệc đăng hỏa, bất đắc khẩu xuy, niệm tụng bất đắc cao thinh.

Khẩu xuy, tức thất "nghi", phục linh xú yên huân nhơn, cập thương thực hỏa chi trùng. Diệc bất đắc dĩ thủ phong phiến diệt, đương dụng vật chiếc khử tàn chú, từ ẩn du trung, cao thinh tắc động tha tâm niệm cố đã.

Nhược hữu bệnh nhơn, đương từ tâm thỉ chung khán chi.

Kinh vân : Bát phước điền trung [16], khánbệnh, vi đệ nhất. "Thiện sanh" kinh Phật thuyết kệ ngôn : Nhơn đương chiêm tậtbệnh, vấn tấn chư nguy ách, thiện ác hữu báo ứng, như chủng quả hoạch thiệt.

"Thế Tôn" tắc vi phụ, "Kinh Pháp" dĩ vi mẫu, đồng học giả huynh đệ, nhơn thị nhi đắc độ.

ĐẠI LUẬT vân : Khánbệnh hữu ngũ công đức. Nhất tri khả thực, bất khả thực, nhị bất ố tiểu tiện lợi thóa thổ, tam hữu từ mẫn tâm, bất vị danh lợi, tứ năng kinh dinh thang dược, chí ta, hoặc chung, ngũ năng vịbệnh nhơn thuyết pháp, linh sanh hoan hỉ.

hỉ, đừng để cách đêm và lúc nào cũng khen ngợi lẫn nhau. Chớ nên sau lưng, chê nói với nhau.

Muốn bưng đèn lửa vào, trước thưa người trong liêu biết, nói đèn vào. Khi muốn tắt đèn, trước cũng hỏi người đồng liêu, còn dùng đèn nữa không ?

Khi nào thưa trước người khỏi lật đật. Lúc tắt hỏi trước là lo người còn dùng. Cũng chẳng nên đóng đinh lở vách, treo đèn máng đồ, quả báo như trong kinh "TĂNG HỘ" nói : "Thường thường phải xem xét đèn lửa, chớ để rủi ro.

Tắt đèn, đừng lấy miệng thổi, niệm tụng chớ nên lớn tiếng.

Miệng thổi tức lỗi "oai nghi", lại khiến hơi hôi bay qua người, và hại loại trùng ăn lửa. Cũng chẳng đặng lấy tay quạt gió để tắt đèn. Nên lấy cập cây bẻ bỏ tim tàn, nhúng trụng trong nước cho tắt, niệm tụng lớn tiếng, thời động niệm người đồng liêu, cớ vậy.

Bằng có người bệnh, phải sanh lòng thương, trước sau thăm viếng.

Kinh nói : Trong "Tám món ruộng phước [16], nuôi bệnh là ruộng phước thứ nhất. Kinh THIỆN SANH Phật nói bài kệ rằng : Người nên nuôi tật bệnh, hỏi thăm những tai nàn. "Thiện ác" có báo ứng, như trồng trái đặng trái.

Đức "Thế Tôn" thời là cha. Kinh Pháp thật là mẹ. Bạn đồng học cũng như anh em. Nhờ đấy mà đắc đạo.

Trong ĐẠI LUẬT nói : Nuôi bệnh có năm món công đức, nhưng cần phải hết lòng mới được. Thế nào là năm món công đức. 1) Phải biết món đáng ăn và món không đáng ăn. 2). Chẳng nhờm gớm đồ đại tiện tiểu tiện và đàm dãi. 3) Có lòng lành thương, chẳng vì danh lợi. 4) Hay lo liệu thuốc thang cho đến ngày lành mạnh hoặc giờ phút lâm chung. 5) Hay vì người bệnh mà thuyết pháp khiến người sanh tâm hoan hỉ.

Hữu nhơn thùy, bất đắc đả vật tác hướng cập cao thinh ngữ tiếu.

Hướng, đồng hướng, vật ứng thinh dã.

Bất đắc vô cố, nhập tha phòng viện.

Vị vô sự cố, bất đắc khinh nhập tha phòng viện trung.

"ĐÁO NI TỰ" ĐỆ THẬP THẤT

Hữu dị tòa phương tọa; vô dị tòa bất đắc tọa.

"Dị tòa", vị phi "ni" thường sở tọa giả, dĩ "nam nữ" hữu biệt, tòa tất tu phần, cố dã.

Bất đắc vị phi thời chi thuyết.

Vị phi nghi thuyết pháp chi thời, tắc bất ưng vị thuyết.

Nhược hườn bất đắc thuyết kỳ hảo xú.

Vị : bất đắc luận thuyết, kỳ thị phi hảo ố, "ni" bỉ hình mạo dã.

Bất đắc "thơ sớ" vãng lai, cập dã tá tài cát tẩy cán đẳng.

"Thơ", dĩ đạt ý, "sớ"; dĩ trần sự; dả, tức thị tá; tài cát, thị phùng bổ; tẩy cán, tức tương tẩy y phục đẳng. Tư giai khủng sanh tiệm nhiễm, cập chiêu cơ bán, cố bất thính dã.

Bất đắc thủ vị tịnh phát.

Vị bất đắc thân chủ, vị kỳ thế phát.

THÀNH PHẠM vân : "Diệc bất đắc bả thủ giáo thế thức". Bất đắc nhập trù, giáo tác mỹ thực. Phi sư sai sử, túng quá ni tự môn, bất đắc thiện nhập.

Bất đắc bình xứ cùng tọa.

Có người ngủ chớ nên khua vật vang động, và lớn tiếng nói cười.

Vang động là những vật có tiếng như đồng, thiếc.v.v...

Chẳng đặng không cớ, xông vào am phòng người khác.

Nghĩa là không việc gì, thì không được phép lướt vào trong am phòng người khác.

BÀI THỨ 17 : "ĐẾN CHÙA CÔ NI"

Có chỗ ngồi riêng mới ngồi; không chỗ ngồi riêng không nên ngồi.

"Chỗ riêng", là nghĩa không phải chỗ của "cô ni" ngồi thường. Vì sao ? Bởi "nam nữ" có thứ tự, nên chỗ ngồi phải phân chia.

Chẳng đặng vì thuyết pháp phi thời.

Nghĩa là : Không nhằm thời thuyết pháp, thì không nên vì thuyết.

Hoặc lúc về chùa, chẳng đặng nói hình sắc "cô ni" đẹp xấu,

Nghĩa là : Không đặng luận nói những việc phải quấy, tốt xấu, và hình mạo cô kia vậy.

Chẳng đặng "thơ từ" qua lại, và cậy mượn cắt may, cùng giặt nhuộm .v.v...

"Thư" : Do tỏ ý. "Từ" : Do bày câu chuyện. "Cậy" : tức là cậy mượn. "Cắt may" : tức là chằm vá. "Giặt Nhuộm" : là giặt nhuộm y phục, vân vân....

Các việc đây đều sợ sanh tâm tiệm nhiễm, và mắc phải người chê bai, cho nên Luật cấm không cho vậy.

Chẳng đặng tay vì cạo tóc.

Nghĩa là : Không đặng tay mình, vì "cô ni" cạo tóc.

THIÊN THÀNH PHẠM nói "Cũng chẳng đặng cầm đồ dạy thức cạo". Chẳng đặng xuống nhà bếp, dạy cách làm đồ ăn ngon. Bằng không phải Thầy sai, dù đi ngang qua trước cửa chùa cô ni, cũng chớ nên ghé.

Chẳng đặng chỗ khuất ngồi chung nói chuyện.

Nhứt sanh tiệm nhiễm; nhị linh tha nghi bàng.

PHỤ

Vô nhị nhơn, bất đắc đơn tấn; bất đắc bỉ thử tống lễ.

Đơn tấn, tắc linh tha cơ nghị; tống lễ, tức phi "Thích Tử" sở nghi.

Bất đắc chúc thác "ni tăng", nhập hào quới gia hóa duyên; cập cầu niệm kinh sám đẳng.

Cầu niệm kinh sám, tự thất thanh cao; thác hóa duyên, chiêu tha cơ hiềm.

Bất đắc dữ "ni tăng", kiết bái phụ mẫu, tỷ muội, đạo hữu.

Nhứt vị thế tục hiềm nghi.

Nhi trùng kiết sanh tử chi lụy; đại phi "Thích Tử", xuất thế nhơn chi sở vi dã.

"CHÍ NHƠN GIA" ĐỆ THẬP BÁT.

Hữu dị tòa đương tọa, bất nghi tạp tọa.

Vị bất đắc dữ tục, cọng tương tạp tọa, đương tự biệt tòa nhi tọa; diệc bất đắc tôn tọa, cơ tọa, giao kỉnh tọa, diêu thân tọa diêu túc tọa, sổ khởi sổ tọa đẳng.

Nhơn vấn kinh đương tri thời, thận vật vị phi thời chi thuyết.

Nhược hí vấn, nhược nạn vấn đẳng, giai bất ưng thuyết.

Đương quan tiền nhơn căn khí, nghi văn hà pháp, ưng thuyết, đa thiểu, bất đắc quá thuyết.

1. - Sợ sanh tâm tiệm nhiễm.

2. - Khiến người ngờ vực và ngạo báng.

LỜI PHỤ

Không hai người, một mình không nên tới; và cũng đừng kia đây sắm lễ đưa qua lại.

Một mình tới, thời bị kẻ khác dư luận.

Lễ đưa, tức chẳng phải kẻ "Thích Tử" nên làm.

Chẳng đặng cậy mượn mấy "cô" đi tới nhà giàu tới xin và thỉnh tụng kinh bái sám, v.v...

Cầu mấy "cô" tụng kinh bái sám, mình mất hạnh thanh cao, cậy đi xin tới bị thế tục chê hiềm.

Chẳng đặng cùng mấy "cô" kết nguyền làm cha mẹ, chị em, đạo bạn.

1. - Bị người đời biếm nhẻ.

2. - Kết thêm khổ đường sanh tử, thật trái hành vi của trang "Thích tử" ra khỏi đời vậy.

BÀI THỨ 18 : "PHÉP ĐẾN NHÀ NGƯỜI"

Có chỗ riêng mới ngồi, đừng có ngồi bậy.

Nghĩa là : Không đặng cùng người thế tục, ngồi chung lang chạ. Mình phải riêng chỗ mà ngồi; và đừng ngồi chồm hổm, ngồi chàng hảng, ngồi tréo giò, lắc mình rung chân, đứng dậy, ngồi xuống, ngồi xuống, đứng dậy liền liền.

Người hỏi kinh phải biết thời. Dè chớ vì nói phi thời.

Hoặc có người hỏi chơi, hoặc vấn nạn, v.v... Đều chẳng nên nói.

Phải coi căn khí người đó, đáng nghe pháp bực nào, và đáng nói nhiều hoặc ít, chớ nên nói quá.

NGHI TẮC Kinh vân : Thuyết pháp bất đương cơ, tha văn tâm bất hỉ, mạng chung thọ đại khổ.

ĐẠI KINH vân : Nhược hữu thọ trì đọc tụng, thơ tả tuyên thuyết, phi thời phi quốc, bất thỉnh nhi thuyết khinh tâm khinh tha, tự thán, tùy xứ nhi thuyết, phản diệt "Phật Pháp". Nãi chí linh vô lượng nhơn, tử đọa "Địa Ngục", tắc thị chúng sanh "ác tri thức" dã.

ĐẠI LUẬT vân : Hữu ngũ chưởng nhơn vấn pháp giai bất ưng vị thuyết : Nhất thí vấn; nhị vô nghi vấn; tam bất vị hối sở phạm, cố vấn; tứ bất thọ ngữ , cố vấn; ngũ cật nạn cố vấn, tịnh bất đắc đáp. Nhược tiền nhơn, thiệt hữu hảo tâm, bất cụ tiền ngũ ý, vị dục sanh thiện diệt ác giả, nãi tùy cơ phương tiện, hảo tâm vị thuyết. Nhược tự giải vị minh, nhược ư pháp hữu nghi giả, tắc bất đắc vị thuyết, khủng linh nhơn hữu thố truyền chi thất, bỉ thử đắc tội.

Bất đắc đa tiếu.

Diệc bất đắc si tiếu, cuồng tiếu, vô duyên tiếu, giai do tán tâm cố, thất tự trân trọng, linh tha nơ hiềm dã.

Chủ nhơn thiết thực, tuy phi pháp hội, diệc vật thất nghi quỷ.

Phàm vị thọ thực, tu cụ "oai nghi quỷ tắc", như đồng chúng thực, pháp hội vô biệt.

Cố HÀNH HỘ vân : Nhập tục gia tọa khởi, tu cụ "oai nghi", phát ngôn "từ thiện", bất đắc thô khoán, vật thuyết thế gian sự. Đương thuyết pháp ngữ, tăng kỳ "thiện tâm", thường nhiếp "lục căn", bất đắc phóng dật,

Vô phạm dạ hành.

Dạ tắc vật khứ, tảo tu qui tự.

Kinh NGHI TẮC dạy : Thuyết pháp không nhằm cơ, người nghe không tâm hoan hỉ, khi chết chịu khổ to.

ĐẠI THỪA kinh nói : Hoặc có người thọ trì, đọc tụng, biên tả, diễn nói, chẳng phải thời, chẳng phải chỗ, không ai thỉnh mà nói, tức khinh tâm, khinh người, khen mình, và đụng đâu nói đó, có hại cho "Phật pháp".

Nhẫn đến khiến đa số người chết, đọa "Địa Ngục". Như thế là ông "ác tri thức" của chúng sanh vậy.

Trong ĐẠI LUẬT nói : Có năm hạng người hỏi pháp đều chớ nên vì nói : 1. - Hỏi thử; 2. - Không nghi mà hỏi; 3. - Không vì mình dạy bảo chỗ phạm, cố hỏi; 4. - Không phục lời nói của mình cố hỏi; 5. - Cật nạn cố hỏi, đều chẳng nên đáp. Bằng người đó thật tình hảo tâm, hỏi cho biết để làm lành, lánh dữ, không có năm ý như trên. Ta sẽ tùy cơ phương tiện sẵn lòng nói cho nghe. Bằng mình chưa hiểu, hay đối với pháp có chỗ nghi, thì đừng nói, vì sợ cho người có cái hại lầm truyền, cả hai đều mắc tội.

Chẳng đặng cười nhiều.

Cũng chớ nên cười si, cười cỏn, cười vô duyên, làm cho tán loạn tâm thần mất chỗ trân trọng nơi mình, lại bị người khác chê bai.

Chủ nhơn đãi bữa, tuy không phải nơi pháp hội nhưng đừng sái phép tắc.

Phàm khi thọ thực, phải đủ "phép tắc", "oai nghi", như đồng chúng ăn trong pháp hội không khác.

Bộ HÀNH HỘ nói : Vào nhà thế tục, khi đứng, khi ngồi phải đủ oai nghi, nói lời từ thiện, đừng có thô kịch, và đừng nói chuyện thế gian. Phải nói lời "đạo đức" thêm lớn thiện tâm cho người, thường nhiếp "sáu căn" chớ nên phóng túng.

Không phép đi đêm.

Đêm thời đừng đi, sớm phải về chùa.

Bất đắc không thất nội, hoặc bình xứ, dữ "nữ nhơn", cọng tọa cọng ngữ.

Nhất khủng tiệm nhiễm tinh sanh; nhị linh tha nhơ cơ nghị.

Bất đắc "thơ sớ" vãng lai đẳng đồng tiền.

Đồng tiền, vị bất đắc dữ ni, dã tá, tài cát, tẩy cán đẳng.

Nhược tục nghệ tỉnh thân, đương tiên nhập "trung đường" lễ Phật, hoặc gia đường "Thánh Tượng", đoan trang vấn tấn, thứ phụ mẫu quyến thuộc đẳng, nhất nhất vấn tấn.

Thử ngôn vấn tấn, vị hiệp chưởng đê đầu trường ấp, diệc; đắc nhược gia hữu "Phật tượng", "Quan Âm", "Bồ Tát" tượng ưng lễ; nhược "hương hỏa Thần tượng", chỉ nghi hiệp chưởng đê đầu, phụ mẫu đẳng, đương tấn vấn hưng cư.

Bất đắc hướng phụ mẫu, thuyết sư pháp nghiêm, xuất gia nan, tịch liêu đạm bạc, gian tân khổ huật, đẳng sự. Nghi vị thuyết "Phật Pháp", linh sanh tín tăng phước.

Thuyết sư pháp nghiêm, khổ huật đẳng sự, tức linh phụ mẫu ư "Tam Bảo" sở, bất sanh kỉnh ngưỡng chi tâm, toại trường luân khổ hải. Nhược vị thuyết "Phật Pháp", tắc bỉ tín trọng tâm sanh, phước huệ tăng trưởng, siêu việt "luân hồi", thị tắc độ phụ mẫu, xuất ư sanh tử khổ hãi hĩ.

Bất đắc dữ thân tục tiểu nhi đẳng, cửu tọa, cửu lập, tạp thoại hí tiếu; diệc bất đắc vấn tộc trung, thị phi hảo ố.

Dữ tiểu nhi tọa lập tạp tiếu, phi xuất gia nghi; vấn tục thị phi hảo ố, ô tự tâm địa.

Chẳng đặng trong nhà vắng, hoặc chỗ khuất cùng "nữ nhơn" chung ngồi trò chuyện.

1. - Sợ tiệm nhiễm tình sanh. 2. - Khiến người khác chê cười.

Chẳng đặng thơ từ qua lại, các việc như bài trước.

Bài trước nói : chẳng đặng cùng "ni cô", cậy mượn, cắt may, và giặt nhuộm, v.v...

Bằng về tục thăm cha mẹ, trước phải vào trong nhà lễ Phật. Hoặc tượng Thánh trong nhà vững vàng bái xá. Kế chào cha mẹ bà con, v.v... mỗi mỗi hỏi thăm.

Thăm hỏi đây là nghĩa chắp tay cúi đầu xá sâu cũng đặng; hoặc nhà có thờ "tượng Phật", tượng "Quan Âm Bồ Tát" nên lạy, bằng "tượng hương hỏa Thần" chỉ phải chắp tay cúi đầu xá, cha mẹ.v.v..., phải thăm hỏi việc ăn làm, yên ở...

Chẳng đặng về nhà cha mẹ nói phép Thầy "nghiêm khắc", xuất gia khó khăn, đạm bạc, quạnh hiu, nghèo ngặt khổ cực các việc. Phải vì cha mẹ nói việc "Phật pháp" cho cha mẹ sanh lòng tin, thêm phước.

Nói phép Thầy nghiêm khắc, khổ cực, các việc, tức xú cha mẹ đối ngôi "Tam Bảo" không sanh tâm kính mến, nên nhiều kiếp chìm đắm trong biển khổ *(ấy là con bất hiếu)*. Bằng vì nói "Phật pháp", thời song thân sanh tâm tín trọng, phước huệ tăng thêm, thoát khỏi "luân hồi". Thế mới gọi là người con biết độ cha mẹ ra khỏi biển khổ sanh tử vậy.

Chẳng đặng cùng bà con, trẻ em.v.v... đứng lâu ngồi lâu nói bậy cười xòa và không đặng hỏi trong họ ai phải ai quấy, ai tốt và ai xấu...

Cùng trẻ em đứng ngồi cười nói bậy bạ, chẳng phải oai nghi người xuất gia. Hỏi thăm trong họ phải quấy tốt xấu, nhơ tâm dạ mình.

Nhược thiên vản tác túc, đương độc xử nhất sáp; đa đọa thiểu ngọa, nhất tâm niệm Phật, sự ngật tức hườn, bất đắc lưu liên.

Bất đắc dữ tiểu nhi bộc tì, đồng sàng bị tịch, cố độc xử nhất sáp. Dĩ phòng phạm hạnh nạn, phục linh bị tín kỉnh tâm sanh, cố đa tọa thiểu ngọa, ly vọng tưởng cảnh, cố nhất tâm niệm Phật. Thường ức sư hối như tử niệm mẫu, cố bất lưu liên.

PHỤ

Bất đắc tả hữu tà thị, bất đắc tạp ngữ. Nhược dữ "nữ nhơn" ngữ, bất đắc đê thính mật ngữ, bất đắc đa ngữ.

Ngôn vô hữu tư, cố bất đê thính mật ngữ, phát ngôn hiệp tắc, cố bất tạp ngữ đa ngữ.

Bất đắc trá hiện "oai nghi" giả trang thiền tướng, cầu bỉ cung kỉnh.

"Sa Môn" tuy cụ "oai nghi", nhi bất trá hiện cầu cung. Tuy cụ "thiền mặc", nhi bất giả trang yêu danh.

Bất đắc vọng thuyết "Phật Pháp", loạn đáp tha vấn, tự mại đa văn, cầu bỉ cung kỉnh.

Vọng thuyết "Phật Pháp", ngôn vô tông tự, cố thất chỉ loạn đáp, dục cầu cung kỉnh, loạn đáp thất chỉ, nhi phản chiêu tha khinh mạn.

Bất đắc tống hạp lễ, hiệu "bạch y" vảng hườn.

Tống vảng thù hườn, nải "tục gia" sở tác, giao kiết thế tình, phi "Thích Tử" sở ưng.

ĐẠI TẬP kinh, Phật ngôn : Nhược hữu tứ phương "thường trụ" tăng vật, hoặc hiện tiền Tăng vật. Đốc

Bằng trời tối, ngủ lại, phải ở riêng một chỗng, ngồi nhiều, nằm ít, một lòng niệm Phật, việc rồi liền về, chẳng đặng ở lâu.

Chẳng đặng cùng trẻ em và tôi tớ đồng giường, mền chiếu, nên phải riêng ở một chỗng. Do phòng nạn phạm hạnh và làm cho người kia sanh tâm tín kỉnh, nên phải ngồi nhiều nằm ít, vì lìa cảnh vọng tưởng, nên một lòng niệm Phật. Vì thường nhớ lời Thầy dạy, như con nhớ bà từ mẫu, nên chẳng đặng ở lâu.

LỜI PHỤ

Chẳng đặng liếc ngó hai bên. Chẳng đặng nói bậy. Bằng nói chuyện "người nữ" chẳng đặng nói thì nói thầm và nói nhiều.

Vì nói không có nói riêng, nên không nói thì nói thầm vì buông lời nói đúng pháp, nên không nói nhiều và bậy.

Chẳng đặng dối hiện "oai nghi", giả mạo tướng thiền cầu người cung kính.

"Sa Môn" tuy đủ "oai nghi", mà không dối hiện cầu người cung kính. Tuy đủ tướng "thiền định", mà không giả mạo để mua danh.

Chẳng đặng quấy nói "Phật pháp", người hỏi đáp bậy, khoe mình đa văn, cầu người cung kỉnh.

Quấy nói "Phật pháp". Nghĩa là : Nói không nhằm, nên sái tôn chỉ, đáp bậy muốn cầu người cung kính, nên đáp bậy sai tôn chỉ, mà lại còn bị người khinh dễ nữa.

Chẳng đặng đưa hộp lễ qua lại bắt chước người "thế tục".

Đưa qua đáp lại, là việc làm của người "thế tục", giao kết tình đời, chẳng phải "Thích tử" nên làm.

ĐẠI TẬP kinh; Phật dạy : Bằng có vật tứ phương "thường trụ Tăng, hoặc vật của hiện tiền Tăng". Người

tín "đàn việt", trọng tâm thí vật, hoặc hoa quả, thọ viên, ẩm thực tư sanh, sàng nhục, ngọa cụ, thang dược, nhất thiết sở tu, tư tự phí dụng, hoặc trì dữ "tri thức", thân lý "bạch y"; thử tội trọng ư "A Tỳ Địa Ngục", sở thọ quả báo. Phục thuyết kệ ngôn : "Nịnh dĩ lợi đao tự cát thân, chi tiết thân phận cơ phu nhục, sở hữu tín tâm xả thí vật, "tục nhơn" thực giả thiệt vị nan. Ninh thôn đại xích nhiệt thiết hoàn, nhi sử khẩu trung quang diêm xuất, sở hữu "chúng tăng" ẩm thực cụ, bất ưng dữ "tục" cập tư dụng, vân vân... diệc bất đắc dĩ "tăng vật", trữ tích phản mại, xuất quí thâu tiện, dữ thế tranh lợi, việc bất đắc vân : thử thị ngã vật, biệt chúng nhi thực".

Như tích "Mục Liên", huề "Phước Tăng Tỳ kheo" nhập hải, hành thứ kiến nhất đại "nhục thọ" đa trùng vi tráp kỳ thân, nãi chí chi diệp, vô hữu không xứ, đại kiến chấn động, như "Địa Ngục" thinh; "Phước Tăng" vấn "Mục Liên".

"Mục Liên" đáp viết : Thử thọ, thị tích dinh sự "Tỳ kheo" dụng "thường trụ" vật, hoa quả ẩm thực, tống dữ "bạch y". Kiêm thọ thử hoa báo, hậu đọa "Địa Ngục", tráp thọ chư trùng, tức thị đắc vật chi nhơn.

Hựu "Đường", "Tây Kinh", "Thắng Quang" tự Sa Môn "Hiếu Chí", thân nhơn vãng lai, sát dĩ tự quả đạm chi, vị kỷ đắc ẩu huyết chi tật, tự vân : Mỗi dục tật tác, kiến xích y "sứ giả", tương vãng "hắc lâm"

"đàn việt" tín tâm, dốc lòng đem vật thí, hoặc hoa, trái vườn cây, đồ ẩm thực nuôi sống, giường, nệm, tọa cụ thuốc thang, hết thảy vật dụng, mình riêng tiêu xài, hoặc lấy cho người quen biết, bà con thế gian, chịu quả báo tội đây nặng hơn tội "Địa ngục A Tỳ". Phật lại nói bài kệ : "Thà lấy dao bén cắt thân mình, lóng đốt thân phận da chứa thịt, chỗ có tín tâm đem vật cúng, lấy cho người tục *(ăn)* thật rất khó. Thà nuốt viên lớn, hoàn sắt nóng, mà khiến trong miệng lửa cháy ra, chỗ có đồ ẩm thực của chúng Tăng không nên cho "tục" với riêng dùng.v.v... Và đừng lấy "vật chúng Tăng" để dành buôn bán, mua rẻ, bán mắc tranh lợi với người đời và cũng đừng nói rằng : Vật này là vật của ta, tự do ăn riêng chúng".

Thuở xưa đức "Mục Kiền Liên", dắt ông đệ tử là : ông "Phước Tăng Tỳ kheo" vào biển, trong lúc đi đường thấy một cây thịt to, bao nhiêu trùng bu lại rút "cây thịt" ấy, nhẫn đến cành lá, đâu đâu cũng đầy vi trùng đeo cắn cả, cây thịt kêu rền rỉ, như tiếng trong "Địa Ngục", "Phước Tăng" hỏi đức "Mục Liên"...

"Mục Liên" đáp : Chính cây này là ông "Tỳ kheo", ngày trước làm "Trụ trì" trong chùa, ỷ quyền coi sóc của thường trụ, rồi lén lấy vật thường trụ, hoa, trái, đồ ẩm thực, đem cho người "thế gian". Nay mắc quả báo làm cây thịt đây và sau này sẽ đọa trong địa ngục nữa, còn bao nhiêu loài trùng bu lại cắn rúc cây kia, chính những người thế gian tới chùa lánh của, của ông cho.

(Dịch giả thêm rằng :

"Ông cho làm cây *Người lãnh làm trùng*
"Trùng cắn rúc cây *Cây la vang động*
"Trùng kia là người *Ăn lấy của chùa*
"Cây nọ là ông *Chủ chùa lấy của.*
"Thường trụ cho").

Lại đời "Đường" đất "Tây Kinh", chùa "Thắng Quang", "Sa Môn" tên "Hiếu Chí", bà con lui tới, "Chí" thường lấy trái cây của chùa cho ăn, chưa bao lâu mắc chứng bệnh thổ huyết, "Chí" nói : Mỗi một khi tôi phát bệnh, thấy

trung, đại phong suy tán chi tiết, khoảnh chi, hựu dẫn hướng đài, quan thượng nhất nhơn, nghi dung khả úy, lệ thỉnh trách "Chi" viết : "Hà đắc dĩ tự gia, quả tự thân nhơn". Ngôn dĩ nhi thất.

"Chí" cụ, tức kế trị thường "Chúng tăng", ngoạt dư nãi miễn; như thử nhơn quả, lịch nhiên, văn giả, khả bất cụ tai !

Bất đắc quản nhơn gia vụ.

Thử hữu tam quá : Nhất tự sanh cấu tâm, Nhị gia nhơn tắng hiềm. Tam ngoại nhơn cơ báng.

Bất đắc tạp tọa tửu tịch.

Đại phi "xuất gia" sở vi, chư quá do thử nhi sanh.

Bất đắc kiết bái "bạch y" nhơn, tác phụ mẫu tỉ muội.

Kim thời thử loại, phả diệc đa hĩ; giai do "xuất gia", sơ niệm bất chánh, thị trí điên đảo, nhi bất tự tri.

Cố PHỤ HÀNH vân : "Xả sở thân, khí ân ái, cư "Lan Nhả", tu "tam muội", cánh kiết dị tánh, vi huynh đệ, phụ mẫu, đảo chi thậm dã".

Bất đắc thuyết tăng trung quá thất.

Nhơn phi Thánh Triết, thục năng vô quá. "Ca Diếp" khởi võ "Nghiêu", "Thuấn" bệnh chự.

Tự vô "huệ mục", khởi sát tha phi, "tăng" đức như hải, Phật du thân tán, nhược sanh phỉ thuyết, tự chiêu khổ báo.

"KHẤT THỰC" ĐỆ THẬP CỬU

Đương dữ "lão thành" nhơn cư. Nhược vô nhơn cư, đương tri sở khả hành xứ.

"người sứ" mặc áo đỏ, dẫn tới một cụm rừng đen kịt, gió to thổi tan lóng đốt, giây lát lại dẫn đến một cái đài, trên đài có một người, dung nghi khá ghê sợ, xẵng tiếng quở rằng : "Sao ngươi lạm phép dám lấy trái cây của nhà chùa, cho bà con ăn". Nói rồi ẩn mất.

"Hiếu Chí" sợ hãi, liền tính giá, thường lại cho "chúng Tăng", hơn một tháng, mới khỏi chứng bệnh ấy; nhơn quả rõ ràng như vậy, người nghe đâu chẳng sợ ư !

Chẳng đặng coi ngó việc nhà người.

Đây có 3 việc lỗi : 1. - Mình sanh "lòng tham", [17] ; 2. - Người trong nhà chê ghét, 3. - Người ngoài hủy báng.

Chẳng đặng chen ngồi trong tiệc rượu.

Rất trái hành vi người xuất gia, các tội lỗi do đây mà sanh.

Chẳng đặng kết nguyền với người Bạch y làm nghĩa cha, mẹ, chị, em.

Đời bây giờ, những hạng này, cũng đã nhiều lắm; đều bởi người "xuất gia", niệm đầu không chính, cho nên làm việc điên đảo mà không tự biết.

Trong bộ PHỤ HÀNH nói : "Người xuất gia bỏ nghĩa song thân dứt tình ân ái, vào chốn "Lan Nhã", tu phép "Tam muội" lại kết nguyền với họ khác làm cha, mẹ, anh, em, thật là điên đảo vậy".

Chẳng đặng nói việc tội lỗi trong "chúng Tăng".

Người chưa phải bực "Thánh Triết", mấy ai khỏi lỗi. Như đức "Ca Diếp", còn có lỗi đứng dậy múa, vua "Nghiêu", vua "Thuấn", chưa khỏi những tiếng chê [18].

Ta không "mắt huệ", đâu biết xét kia quấy, đức độ "Chúng Tăng" to lớn như biển, Phật còn khen ngợi, nếu ta chỉ trích, tự mắc khổ báo vậy.

BÀI THỨ 19 : "ĐI KHẤT THỰC"

Phải cùng bực "lão thành" đồng đi. Nếu không phải bực "lão thành" đồng đi, thì ta nên biết chỗ nào đáng đi mới nên đi.

Khất thực hữu thập lợi : Nhất hượt mạng tự thuộc, bất thuộc tha cố. Nhị thí ngã thực giả, linh trụ "Tam Bảo", nhiên hậu đương thực. Tam thường sanh bi tâm. Tứ tùy thuận "Phật giáo". Ngũ dị mãng dị dưỡng. Lục phá kiêu mạn tràng. Thất vô "kiến đảnh thiện căn". Bát dư thiện "Nhơn kiến" đương hiệu chi. Cửu bất dữ "nam nữ" tương thân. Thập thứ đệ khất, sanh bình đẳng tâm.

Nhược dữ "Lão Nhơn", "kỳ túc" cu, tắc quá thất bất sanh, ly ngũ gia, cố viết, sở khả hành xứ : Nhất "xướng lịnh gia". Nhị "dâm nữ" gia. Tam "cô tửu gia". Tứ "vương cung". Ngũ "đồ sát gia".

Đáo nhơn môn hộ, nghi thẩm cử thố bất đắc thất "oai nghi".

"Cử thố", du "động tịnh" dã. "Thẩm" vị đế quán tự thân "oai nghi", nhi linh tường tự dã.

Gia vô "nam tử", bất khả nhập môn.

Nhất linh tha nghi báng. Nhị phòng phạm hạnh nạn.

Nhược dục tọa, tiên đương chiêm thị tòa tịch; hữu đao binh, bất nghi tọa; hữu bửu vật bất nghi tọa; hữu "phụ nhơn" y bị trang nghiêm đẳng, bất nghi tọa.

"Chiêm thị" giả, "quan sát" dã. Đao binh, vị binh gia khí trượng; đao, phủ, mâu, sóc, cung tiển đẳng. Tọa tắc tất hữu sở thương, hoặc linh bỉ sanh sân nộ, cố bất nghi tọa. "Bửu vật" cập "phụ nhơn" y đẳng, tọa tắc linh nhơn cơ nghị, bỉ hậu hữu thất, tức ư kỷ sanh nghi, cố biệc bất nghi tọa dã.

Đi khất thực có mười điều lợi : 1 - Lợi mình được sống chẳng lợi người khác. 2 - Người cho ta ăn, phải tưởng làm sao ngôi "Tam Bảo" lâu còn, vậy sau mới ăn. 3- Thường sanh lòng thương xót. 4 - Thuận theo lời Phật dạy. 5 - Dễ no và dễ sống. 6 - Bẻ cờ kiêu mạn. 7 - Được căn lành : "vô kiến đảnh tướng". 8 - Những người lành thấy, phải bắt chước. 9 - Chẳng cùng "nam nữ gần nhau". 10 - Thứ lớp khất thực, sanh tâm bình đẳng.

Nếu đi với người "Lão Thành" hay bực "Kỳ Túc" thì khỏi sanh tội lỗi, không đi năm nhà này, cho nên nói rằng : chỗ đáng đi : 1 - Nhà hát xướng 2 - Nhà dâm nữ. 3 - Nhà bán rượu. 4 - Cung điện nhà vua. 5 - Nhà hàng thịt.

Đến cửa hàng người, phải thẩm xét, chỗ cử thố *(sắp đặt)* **chớ cho thất "oai nghi".**

Chữ "cử thố" cũng như chữ "Động Tịnh" là nghĩa "đi đứng" vậy, chữ "thẩm xét" là nghĩa chính xem "oai nghi" của mình, coi có đúng đắn và trật tự chăng.

Nhà không "con trai" chẳng đặng vào cửa :

1. - Khiến người nghi chê. 2 - Phòng nạn phạm hạnh.

Hoặc muốn ngồi, trước phải coi chỗ ngồi; có đồ đao binh không nên ngồi; có vật báu không nên ngồi; có "đàn bà" may vá áo chăn v.v... không nên ngồi.

"Xem coi" cũng như "xem xét". Đao binh, là nói những khí giới của nhà binh như : Dao, búa, chĩa, giáo, cung tên, v.v... Ngồi thời chắc có hại, hoặc khiến người sanh tâm buồn và giận, cho nên chẳng nên ngồi; "vật báu" và "đàn bà" may vá áo chăn v.v... ngồi thời khiến người chê luận và người chủ kia sau nầy có mất món chi họ đổ thừa nghi cho mình lấy, vì vậy cho nên chẳng nên ngồi.

Dục thuyết "kinh", đương tri sở ưng thuyết thời, bất ưng thuyết thời.

Nhược vô "nam tử lão nhơn" tại bàng, nãi chí hí vấn đẳng, giai thị bất ưng thuyết thời. Nhược hữu "tín tâm", vị phân biệt "Giới, Định, Huệ", linh tăng tín kỉnh, thị ưng thuyết thời.

Bất đắc thuyết dữ ngã thực, linh nhĩ đắc phước.

Tự thổn hà đức hà hạnh ? Trí tha đắc phước, tự tán đắc thực, khả bất tu nhan !

PHỤ

Phàm "khất thực", bất đắc ai cầu khổ sách.

"Ai cầu" tắc tự thất "thanh cao". "Khổ sách", tắc linh tha sanh yểm.

Bất đắc quảng đàm "nhơn quả" vọng bi đa thí.

Hữu hi vọng tâm, túng linh thiểu thí, diệc bất đắc thọ. Chư Phật thường pháp, vị bỉ thuyết pháp, nhiên hậu thí giả, Phật tức bất thọ, huống hữu hy vọng tâm, nhi khả thọ da ?

Đa đắc vật sanh tham trước, thiểu đắc vật sanh ưu não.

Nhất thiết ẩm thực, tùng phấn nhưỡng trung lai, cố vật sanh tham trước, vị trị cơ san, thú đắc chi thân tiện túc cố vật sanh ưu não.

Bất đắc chuyên hướng thục tình thí chủ gia cập thục tình am viện, sách thực.

Bất úy nhơn yểm cố sát hướng thục tình. Tự vô tàm sỉ cố mỗi sách tha thực. Phật ngôn : "Súc sanh" thượng úy nhơn khất, huống ư nhơn hồ".

Khi muốn nói "Kinh", phải biết thời đáng nói và thời không đáng nói.

Nếu không "con trai" và "ông già" ở bên, nhẫn đến những người hỏi chơi v.v... đều là phi thời, không nên nói. Nếu có người tín tâm, vì phân biệt, "Giới, Định, Huệ" khiến họ thêm lòng tin kính, ấy là phải thời nên nói.

Chẳng đặng bảo cho ta ăn, khiến ngươi đặng phước.

Xét mình có đức hạnh gì ? Khiến người ta đặng phước và mình khen mình được ăn, sao chẳng hổ mặt !

LỜI PHỤ

Phàm đi "khất thực", chẳng đặng năn nỉ xin hoài.

"Năn nỉ", thời mình mất hạnh "thanh cao", "xin hoài" thời khiến người ta sanh tâm chán nản.

Chẳng đặng rộng nói "nhơn quả" mong người cúng nhiều.

Có tâm cầu mong, dầu cúng ít, cũng không nên thọ, Phép thường của chư Phật, vì người thuyết pháp, sau được người cúng Phật còn không cho, huống có tâm mong cầu, mà hòng thọ được hay sao ?

Đặng của cúng nhiều, đừng sanh tâm tham đắm, đặng ít chớ có ý lo rầu.

Thử nghĩ hết thảy đồ ăn uống, từ trong phân đất mọc ra, có chi sanh tâm tham đắm, vì lắp ghẻ đói run, vừa đặng đỡ thân no bụng, có gì đáng để ý lo rầu.

Chẳng đặng chuyên tới tình quen, nhà thí chủ và tình quen, chùa am, xin ăn.

Chẳng sợ người chán, nên năng tới tình quen. Mình không biết xấu, nên cứ tới nơi người. Phật nói : "Loài "súc sinh" còn sợ chúng xin [19] huống chi loài người".

"NHẬP TỤ LẠC" ĐỆ NHỊ THẬP

Vô thiết duyên, bất đắc nhập.

"Tụ", chúng dã. "Lạc" cư dã; vị chúng nhơn sở cọng cư trụ, cố danh "Tụ Lạc".

Thiết duyên giả ? Vị "Tam Bửu Thường trụ" Sư trưởng, Phụ mẫu, thiết yếu chi sự, phi vị mộ duyên cập kỷ tư vụ đẳng.

Như vô thiết duyên, bất đắc khinh nhập "tụ lạc", dĩ ô tự "lục căn", hoặc vi nhơn sở phạm.

PHẬT THOẠI Kinh vân : "Tỳ kheo" tại tụ, thân khẩu tinh tấn, chư Phật hàm ưu; Tỳ kheo tại sơn, tức sự an ngọa, chư Phật giai hỉ.

Cố "Cổ Đức" vân :

"Tăng" trụ thành hoàng "Phật Tổ" ha.

"Tiên Hiền" đô thị ẩn nham a.

"Sơn Tuyền" lưu xuất "nhơn gian" khứ.

"Thanh Thủy" y nhiên thành trược ba".

Bất đắc trì hành.

Trì tức bôn tẩu dã.

Bất đắc diêu tý hành.

Vị thùy thủ trạo tý dã.

HÀNH HỘ vân : Bất đắc thùy thủ bát hành,

Bất đắc sát sát bàng thị nhơn vật hành.

Vị tả hữu cố thị dã.

HÀNH HỘ vân : Hành thường trực thị, khán địa thất xích, vật đạo thương trùng nghị.

Bất đắc cọng "Sa di tiểu nhi" đàm tiếu hành.

BÀI THỨ 20 : "VÀO TỤ LẠC"

Không có việc chi cần thiết thì đừng vào tốt hơn.

Chữ "Tụ" là đông, chữ "Lạc" là ở; là nói chỗ của đông người chung nhau nương ở, nên kêu là "Tụ Lạc".

Thế nào là việc cần thiết ? Vì việc "Tam Bảo Thường trụ", hoặc việc cần thiết của Sư Trưởng, Cha Mẹ, chớ không phải việc đi xin tới, và việc riêng của mình v.v...

Như không có việc cần thiết, không đặng xông vào "tụ lạc" làm nhơ lục căn mình, hoặc bị người hiếp đáp.

Kinh PHẬT THOẠI nói : "Tỳ kheo" ở "tụ lạc" đầu thân nghiệp khẩu nghiệp tinh tấn, chư Phật thường lo; "Tỳ kheo" ở núi rảnh việc nằm không, chư Phật đều mừng.

Nên lời thi bực "cổ đức" nói :

"Tăng" ở thị thành "Phật Tổ" la,

"Tiên hiền" quí vị ẩn non mà

Nguồn trong trên núi "nhơn gian" chảy.

"Thanh Thủy" trở thành sống đục ra.

Chẳng đặng đi mau,

Đi mau, tức đi như chạy.

Chẳng đặng đi đánh xàng xa.

Xàng xa : là nghĩa cánh tay xủ xuống *(đưa tới đưa lui vậy)*

Bộ HÀNH HỘ nói : Chẳng đặng xủ hai cánh tay xuống đi kiểu chữ (bát).

Chẳng đặng thường thường, liếc ngó nhơn vật mà đi.

Là nói liếc ngó hai bên mà đi vậy.

Trong bộ HÀNH HỘ nói : Phép đi thường phải ngó tới, ngó đất cách bảy thước, chớ đạp chết loài trùng kiến.

Chẳng đặng cùng "Sa di" và trẻ em vừa nói cười vừa đi.

Nhất tự tán loạn thân tâm; nhị linh kiến giả, bất sanh tín kỉnh.

THANH QUI vân : Bất đắc bả thủ cộng hành, thuyết thế đế thị phi.

Bất đắc dữ "nữ nhơn", tiền hậu hỗ tùy hành; bất đắc dữ "Ni Tăng", tiền hậu hỗ tùy hành.

TĂNG TỤC hữu biệt "Nam Nữ" tư phân, vô linh tha cơ báng, điếm nhục "Pháp môn", lộ trung tương phùng, thiện tự hồi tị.

CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ kinh vân : Nhược "Tỳ Kheo" úy ư ác danh, tắc ly chư quá, nãi chí bất cận "Huỳnh Môn", "Nữ nhơn" đồng lộ nhất bộ.

Bất đắc dữ "túy nhơn", "cuồng nhơn", tiền hậu hỗ tùy hành.

Tùy hành tất hữu sở tổn, lộ phùng tức đương viễn tị, hoặc biệt đạo nhi khứ; phàm "xa mã", "cuồng khuyển", "ác thú", đẳng, diệc tu viễn tị chi.

Bất đắc hậu, cố thị "nữ nhơn".

TRÍ ĐỘ LUẬN Phật thuyết kệ vân : Ninh dĩ xích đồng, uyển chuyển nhãn trung; bất dĩ tán tâm, tà thị nữ sắc.

Bất đắc nhãn giác, bàng khán "nữ nhơn".

KINH vân : Cấm bế "lục tình", mạc đổ mỹ sắc, mục bất chiêm miện, tâm vô niệm dâm, khẩu vô ngôn điệu, tích bất tương tầm, vô đồng thuyền tải, đạo phùng vô đàm; nhược trì dị vật, vô sát thị chi.

Hoặc phùng "Tôn Túc", "thân thức", cu lập hạ bàng, tiên ý vấn tấn.

1) Mình tán loạn thân tâm; 2) Người thấy không sanh lòng tín kính.

Bộ THANH QUI nói : Chẳng đặng nắm tay đồng đi luận nói việc đời phải và quấy.

Chẳng đặng cùng người "Nữ", trước sau đắp đổi mà đi; chẳng đặng cùng với các "Ni Cô", trước sau đắp đổi mà đi.

Vì sao ? Bởi vì "Tăng, Tục" có khác, "Nam, Nữ" có phần, đừng để người chê bai, nhục nhã trong cửa đạo, giữa đường gặp nhau, khéo tự quanh lánh.

Kinh CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ nói : "Nếu "Tỳ Kheo" sợ danh ác, thời khỏi các tội lỗi, nhẫn đến không gần người "Huỳnh Môn", [20] cùng người "Nữ" chung đi một đường".

Chẳng đặng cùng "người say", "người điên", trước sau đi theo gần.

Đi theo ắt có chỗ hại, đi đường gặp nhau, liền phải quanh lánh, hoặc tẻ qua đường khác mà đi; phàm "xe ngựa", "chó dại", "ác thú" vân vân, cũng phải lánh xa.

Chẳng đặng đi sau cố ngó "người nữ".

Trong LUẬN TRÍ ĐỘ Phật nói bài kệ rằng : "Thà lấy một miếng đồng nóng đỏ, lăn chà trong con mắt; chớ đừng lung lòng, quấy ngó sắc gái.

Chẳng đặng nhướng mắt, liếc ngó "Nữ Nhơn".

Kinh THẬP GIỚI nói : Đóng chặt "sáu tình", không ngó sắc đẹp, mắt chẳng liếc ngó, tâm chẳng nghĩ dâm, miệng không nói chơi, dấu chân chẳng tìm nhau, và không đồng đi một thuyền, gặp giữa đường cũng không hỏi; bằng kia cầm vật lạ cũng đừng dòm coi.

Hoặc gặp các bực "Tôn Túc", hay "bà con" quen biết, đều phải đứng lại một bên đường, trước tính hỏi thăm.

Nhược lộ phụng "xuất gia", "tại gia" tri thức, giai tu lập đạo hạ bàng, đãi bỉ tiền quá, du đương tiên ý đê đầu hiệp chưởng, vấn ngôn : "Hà sở chi thích ?" Bỉ ký đáp dĩ, phục ngôn "hảo hành".

"Hảo hành" giả, ý vị nguyện bỉ, hiện tiền ly ư tật bịnh, thủy, hỏa, binh tặc, độc trùng, vương nạn, đẳng. Đương lai ư "nhơn thiên" trung, vãng hườn dã.

Hoặc phùng hí huyễn kỳ quái đẳng, cu bất nghi khán, duy đoan thân chánh đạo nhi hành.

"Nhiếp niệm" tắc thân đoan, bất khán cố "chánh đạo" nhi hành. "Hí", vị xướng lịnh ca khúc, nãi chi nhất thiết hí lộng chi kỹ. "Huyễn", vị huyễn thuật, chủng chủng biến hiện hoặc nhơn. Kỳ quái vị nhất thiết hải nhơn tâm mục giả, thị dã.

Phàm ngộ thủy khanh thủy khuyết bất đắc khiêu việt, hữu lộ đương nhiễu hành, vô lộ chúng giai khiêu việt tắc đắc.

Tuy đắc, diệc tự lượng năng, cập hữu nhơn bạn, phương khả khiêu việt.

Phi bệnh duyên cập cấp sự, bất đắc thừa mã, nãi chí hí tâm, tiên sách trì sậu.

"Sậu", âm "Sô". Tẩu mã viết "trì"; tật tốc viết "Sậu".

ĐẠI LUẬT : Thính lão bệnh giả, kị thừa, đản bất đắc thừa "mẫu súc", cập "nữ thừa".

PHỤ

Phàm ngộ "quan phủ", bất luận đại tiểu, cu nghi hồi tị.

Hoặc nhập nhơn gia, hoặc đoan lập chiêm hạ, hoặc cung lập đạo bàng, đãi quá phương hành.

Bằng đi đường gặp người "xuất gia", kẻ "tại gia" hay người quen biết, đều phải đứng lại một bên dưới đường, đợi kia qua trước, và cũng phải trước tính cúi đầu, chắp tay thưa rằng : "Dạ thưa ngài, bấy giờ ngài đi đâu ?" Kia đã đáp rồi, ta lại chúc câu : "Ngài đi hảo hành". Hai chữ "Hảo Hành" là ý cầu nguyện cho kia, hiện đời, lìa các tật bịnh, và khỏi các nạn : Thủy, hỏa, binh tặc, độc trùng, nạn vua v.v... Đời sau được tự tại, qua lại cõi "nhơn thiên" *(cho đến khi thành Phật)*.

Hoặc gặp những việc hí huyễn kỳ kỳ quái quái, đều chớ nên coi, cứ vững mình "thẳng đường" mà đi.

"Nhiếp niệm" thời vững thân, không coi nên thẳng đường mà đi. Chữ "Hí" là nghĩa xướng hát ca ngâm, cho đến những nghề hí kịch. Chữ "Huyễn" là nghĩa nghề Huyễn thuật, biến hiện đủ cách gạt người. Chữ "Kỳ kỳ quái quái" là nghĩa : hết thảy những việc gì có thể làm cho mất người vừa thấy là tâm bất rùng rợn, ấy vậy.

Hoặc gặp chỗ nước hầm nước lở, chẳng đặng nhảy qua, có đường phải đi quanh, không đường người đều nhảy qua, ta cũng nhảy thời đặng.

Tuy là đặng, nhưng cũng lường sức của mình và có người bạn mới nên nhảy qua.

Không có bệnh và việc gấp, chẳng đặng cỡi ngựa, nhẫn đến vui lòng roi quất sãi tế.

"Sậu" âm "Sô". Ngựa chạy vừa vừa gọi chữ "Trì" chạy quá mau gọi chữ "Sậu".

Trong ĐẠI LUẬT dạy : Cho người già, người có bệnh, cỡi ngựa đi xa. Nhưng, đừng cỡi "ngựa cái", và đi xe người "con gái".

LỜI PHỤ

Phàm gặp "quan phủ", không luận lớn nhỏ, đều phải quanh lánh.

Hoặc vào nhà người, hoặc đứng vững dưới thềm, hoặc đứng vòng tay bên đường, đợi người qua rồi mới đi.

Ngộ đấu tránh giả, diệc viễn tị, chi bất đắc trụ khán.

Khán tắc thất "nghi", hoặc chiêu phi họa

ĐẠI LUẬT vân : Nhược khán tượng ngưu mã, nãi hí kê đấu, cập nhơn khẩu tranh giả đắc tội.

Bất đắc hồi tự, "khoa trương" sở kiến, thành trung "hoa mỹ" chi sự.

Hoa mỹ, thị hoại nhơn tâm chi kiếp tặc, lưu chuyển sanh tử chi khổ nhơn.

Cổ nhơn mục bất tiếp phi lễ chi sắc, khẩu bất đàm thị tỉnh hạng lý chi ngôn.

"Xuất thế" chi tân, bất nhiễm "tục trần", hà tức "khoa trương", duy đương "tư niệm khổ, không, vô thường, vô ngã", thỉ thị "Thích Tử" chi sở nghi dã.

"THỊ VẬT" ĐỆ NHỊ THẬP NHẤT

Vô tránh quí tiện.

Tu thuận thời giá, bất khả giảm dữ khuy tổn bỉ lợi; bất nghi quá dữ, lảng phí tín thí thường trụ.

Vô tọa nữ tứ.

Trần hóa chi điếm, vị chỉ viết "tứ".

Nhược vi nhơn sở phạm, phương tiện tị chi, vật tùng cầu trị.

"Trị" thị "giá trị". Nhược vi tha nhơn xâm phạm tránh mãi, tức nghi thiện tự tị khứ.

Dĩ hứa "Giáp" vật, tuy phục cánh tiện, vô xả bỉ thủ thử, linh chử hữu hận.

Tiên "Giáp" hậu "Ất".

Gặp người đánh lộn, cũng lánh xa đi, chẳng nên đứng coi.

Coi thời mất "oai nghi" hoặc mang họa lỗi.

Trong ĐẠI LUẬT nói : Bằng coi voi giơn, trâu báng, ngựa đua, nhẫn đến gà đá và người cãi lẫy, đều mắc tội.

Chẳng đặng về chùa khoe khoang thấy những việc "huê mỹ" trong thành.

"Huê Mỹ" là món giặc cướp làm hư hại tâm người nhơn khổ trôi lăn trong đường sanh tử.

Bực cổ nhân nói : Mắt không ngó sắc phi lễ, miệng không nói những chuyện : chợ giếng, xóm làng.

Những người "xuất gia", là người không còn nhiễm việc "trần tục", nào đủ khoe khoang những việc "Huê Mỹ", chỉ phải nghĩ rằng :

"Thân này là khổ, là không là vô thường là vô ngã".

Như vậy mới phải là chỗ nên làm của người "Thích Tử".

BÀI THỨ 21 : "ĐI CHỢ MUA ĐỒ"

Không nên kèo nài, mắc với rẻ.

Phải theo giá đời, chẳng nên xin bớt, kém hao của người; chẳng nên trả giá mắc, lãng phí của tín thí và thường trụ.

Chớ ngồi hàng con gái.

Tiệm bày đồ hàng hóa. Tiếng Hán gọi chữ "Tứ".

Hoặc bị người lấn giành, phải phương tiện lánh đi đừng theo trả giá.

Chữ "Trị" là nghĩa Giá cả. Như bị người khác lấn lướt giành mua, ta phải khéo lời lánh đi.

Đã hứa mua vật của người trước, người sau tuy có rẻ hơn, cũng đừng bỏ kia mua đây, khiến người chủ có giận.

Vật trước là vật của anh *(Giáp)*, vật sau là vật của chị *(Ất)*.

Vị : dĩ tiên hứa mãi bỉ nhơn vật, hậu tuy cánh, hữu tiện giả, vô đắc xả bỉ tiên quí, thủ hậu tiện giả linh tiên vật chủ sân hận, phục phi đạo nhơn chi tâm.

Thận vô bảo nhậm, trí khiên phụ nhơn.

"Tín" ư nhơn giả, viết "bảo nhiệm", "Khiên", vị "tội khiên". "Phụ" vị "phụ trái".

Nhược bảo nhậm bỉ chi khiên phụ, chung thành oán báng, trí sự chiêu ương lụy dã.

"PHÀM SỞ THI HÀNH, BẤT ĐẮC TỰ DỤNG" ĐỆ NHỊ THẬP NHỊ

Phàm xuất nhập vãng lai, đương tiên bạch sư.

ĐẠI LUẬT vân : Duy trừ ngũ sự bất bạch sư, tự ngoại nhất nhất giai tu bạch sư bất bạch đắc tội.

Nhứt tước dương chi, nhị ẩm thủy, tam đại tiện, tứ tiểu tiện, ngũ giới nội, tứ thập cửu tầm nội, lễ Phật, Tháp. Sư nãi lượng sự độ thời, dữ kỳ tấn chỉ.

Tác tân Pháp y, đương tiên bạch Sư.

Trước tân Pháp y, đương tiên bạch Sư.

"Pháp y, tức "Mạn y" cập "Niết Bàn tăng" dã. Túng phi pháp y, đản thị tân phục, giai đương bạch Sư. Sư đương sát kỳ lai xứ, cập y sắc chế tạo như pháp, bất như pháp, phương dữ trước chi.

Thế đầu đương tiên bạch Sư.

Bạch ngôn : Mỗ nhơn, vị mỗ giáp thế đầu. Sư hứa, nhiên hậu thế.

Tật bệnh phục dược, đương tiên bạch Sư.

Nghĩa là : đã hứa mua vật của anh *(Giáp)* kia trước, sau tuy vật của chị *(Ất)* có nới giá hơn; cũng chớ bỏ vật trước mắc, mua vật sau rẻ, làm cho người chủ vật trước có ý buồn giận. Như vậy chẳng phải tâm người tu hành.

Dè chớ bảo lãnh những người mắc nợ nần.

Làm "tin" cho người, gọi là "bảo lãnh", chữ "Khiên" gọi là "tội lỗi" chữ "Phụ" gọi mắc "nợ nần".

Như ta bảo lãnh tội lỗi, nợ nần của người kia, sau thành họ oán trách, đến nỗi ta phải mang lấy khổn hại vậy.

BÀI THỨ 22 :
"PHÀM CHỖ RA LÀM, KHÔNG ĐẶNG TƯ Ý"

Phàm khi ra vào qua lại, trước phải thưa Thầy.

Trong ĐẠI LUẬT nói : Chỉ trừ năm việc không thưa Thầy, ngoài ra mỗi mỗi đều phải thưa Thầy. Nếu không thưa thì mắc tội.

Năm việc là : 1.- Nhăn nhành dương, 2.- Uống nước, 3.- Khi đại tiện, 4.- Đi tiểu tiện, 5.- Nội ranh giới của chùa trong 49 tầm, lễ Phật hoặc lễ Tháp. Thầy mới lượng sự độ chừng cho mình lui tới, nên khỏi phải thưa Thầy.

Sắm Pháp y mới, trước phải thưa Thầy.

Mặc Pháp y mới, trước phải thưa Thầy.

"Pháp y" tức là "Y mạn điều", và cái "quần" [21] *(chăn)* vậy. Dầu không phải pháp y, nhưng hễ mặc đồ mới đều phải thưa Thầy; Thầy hãy xét coi từ đâu mà có, và Pháp y nhuộm màu kiểu, may đúng phép, hay không đúng phép, Thầy mới cho mặc đó.

Cạo đầu trước phải thưa Thầy.

Thưa Thầy như vầy : "Ông chi đó cạo đầu giùm con". Thầy cho vậy sau mới cạo.

Tật bệnh uống thuốc, trước phải thưa Thầy.

Tài giác hữu bệnh, tức đương bạch Sư linh tri Nhược phục hà dược. Sư hứa phương phục.

Tác "Chúng Tăng" sự, đương tiên bạch sư.

Hoặc Sư hữu sở giáo sắc, phục vô thất thị chi quá, cố tu tiên bạch.

Dục hữu tư cụ bút chỉ chi bối, đương tiên bạch Sư.

Chỉ bút, hữu phế thiền tụng chánh vụ, Sư hứa, nhiên hậu cụ chỉ.

Nhược phúng khởi kình bối đương tiên bạch Sư.

"Bối", thị "phạm" âm tán tụng dã. Phàm sơ khởi phúng tụng, đương tiên bạch chỉ.

Nhược nhơn dĩ vật huệ thí, đương tiên bạch Sư dĩ, nhiên hậu thọ. Kỷ vật huệ hậu thí nhơn, đương tiên bạch Sư, Sư thính nhiên dữ.

Sư hứa nãi thọ. Sư thính phương dữ, thỉ miễn cơ nghị hậu hoạn chi phi !

Nhơn tùng kỷ giả tá; đương tiên bạch Sư, Sư thính nhiên hậu dữ; kỷ dục tùng nhơn tá vật, đương tiên bạch Sư, Sư thính đắc khứ.

Trí kiến vị thâm, khả phủ ninh thức, cố tu tiên bạch, nhược sư thính hứa, nhiên hậu dữ thủ.

Bạch sư thính, bất thính, giai đương tác lễ, bất thính, bất đắc hữu hận ý.

Phàm sở bạch sự, thính phủ, tùy sư giáo sắc. Nhược tâm sanh bất hỉ, tức tự hoạch khiên quá.

Vừa biết trong mình có bịnh, liền phải thưa Thầy hay, bằng uống thuốc chi Thầy cho mới uống.

Làm việc "Chúng Tăng" trước phải thưa Thầy.

Hoặc Thầy có dạy sai được khỏi lỗi mất hầu Thầy, nên phải thưa trước.

Muốn có riêng sắm món giấy viết chi, trước phải thưa Thầy.

Sắm giấy viết, có phế việc chánh tham thiền, và tụng kinh, nên Thầy cho vậy sau mới sắm đó.

Phàm muốn tụng kinh kệ chi, trước phải thưa Thầy.

Lời tán tụng bằng tiếng "phạm", gọi là chữ "Bối". Phàm khi muốn đọc tụng, trước phải thưa bạch.

Hoặc người đem vật cho mình, trước phải thưa Thầy rồi, vậy sau mới thọ. Hoặc của mình muốn cho người khác, trước phải thưa Thầy, Thầy ừ vậy sau mới cho.

Thầy cho mình mới thọ, Thầy ừ mình mới cho, mới khỏi lo cái lỗi người sau họ chê bai.

Người đến mình cậy mượn vật chi, trước phải thưa Thầy, Thầy ừ, vậy sau mới cho; mình muốn theo người cậy mượn vật chi, trước phải thưa Thầy, Thầy ừ mới đặng đi.

Chỗ trí kiến của mình chưa rộng, việc phải quấy đâu biết nên trước phải thưa bạch, nếu Thầy ừ cho, vậy sau mới dùng.

Thưa Thầy cho, cùng chẳng cho, đều phải làm lễ; Thầy không cho, cũng chẳng đặng có ý buồn.

Phàm có việc thưa, cho cùng chẳng cho, tùy Thầy dạy bảo. Nếu tâm mình không vui, thời mình mắc tội lỗi.

PHỤ

Nãi chí đại sư, hoặc du phương; hoặc thỉnh giảng; hoặc nhập chúng; hoặc thủ sơn, hoặc hưng duyên sự, giai đương bạch Sư, bất đắc tự dụng.

Phàm sở thi vi hành sự, bất đắc tự dụng kỷ tình, cố viết giai đương bạch Sư.

"Du phương", vị : Tham phỏng "tri thức".

"Thỉnh giảng", vị : Thỉnh giảng "Tam Tạng Thánh Giáo".

"Nhập chúng", vị : Nhập "Đại Tăng Chúng" trung.

"Thủ sơn", vị : Thủ hộ "Sơn Môn" trước mộc đẳng.

"Hưng duyên", vị : Hưng kiến "tự viện" trang tố đẳng duyên.

Nhiên "du phương", hưng duyên; nguyên phi "Sa di" sở ưng vi, "Sa di" chỉ nghi học tập "thiền tụng" thông lợi, vi chi vị vản.

"THAM PHƯƠNG" ĐỆ NHỊ THẬP TAM

Viễn hành yếu dả lương bằng.

"Lương bằng" giả "thiện hữu" dã.

LỄ KÝ vân : "Đồng môn viết "bằng". Đồng chí viết "Hữu"".

THUẬN CHÁNH LUẬN vân : "Thiện hữu" giả, năng vi chúng hành bổn". Cố HOAN DỰ Kinh vân : "Hiền hữu giả", thị vạn phước chi cơ, hiện thế miễn

LỜI PHỤ

Những đến việc lớn; hoặc đi du phương; hoặc đi nghe kinh; hoặc đi nhập chúng; hoặc đi giữ vườn, hoặc muốn xây dựng việc chùa chiền v.v... đều phải thưa Thầy, chẳng đặng tự ý.

Phàm chỗ ra làm việc chi, chẳng đặng tự làm theo ý mình, nên nói đều phải thưa Thầy.

Đi "du phương" là nghĩa : đi tìm hỏi ông "tri thức".

Đi "nghe kinh" là nghĩa : tới nghe lời Phật dạy trong ba Tạng : Kinh, Luật và Luận.

"Nhập chúng" là nghĩa : vào trong số "Đại chúng Tăng".

"Giữ vườn" là nghĩa : giữ gìn tre cây của nhà chùa v.v... "Xây dựng" việc chi, là nghĩa : muốn tạo lập "chùa, am", in kinh, đấp tượng, các việc...

Song việc đi "du phương", và việc dựng lập Chùa Am, là phận sự người cư sĩ hộ pháp làm; vốn không phải Thầy "Sa di" chỗ nên làm. Thầy "Sa di" mục đích phải học tập việc thiền tụng; chừng nào việc thiền tụng đã lầu thông, làm các việc ấy cũng chưa muộn.

BÀI THỨ 23 : "ĐI THAM HỌC PHƯƠNG XA"

Đi xa phải nương bạn lành.

"Bạn lành", là người "bạn tốt" vậy.

Sách LỄ KÝ nói : "Bạn đồng tu một đạo gọi chữ "Bằng". Bạn đồng một chí hướng gọi chữ "Hữu".

Bộ THUẬN CHÁNH LUẬN nói : "Bạn lành", hay làm các hạnh thanh cao". Cho nên trong kinh HOAN DỰ nói : "Người bạn hiền là nền tảng muôn phước, có thể làm cho ta, hiện đời khỏi lao ngục nhà vua và sau khi chết qua

vương chi lao ngục, tử tắc đổ "tam đồ" chi môn hộ, thăng thiên đắc đạo, giai hiền hữu chi trợ hĩ".

QUI SƠN vân : "Viễn hành yếu dã lương bằng sát sát thanh ư nhĩ mục; sở vị sanh ngã giả "phụ mẫu". Thành ngã giả "bằng hữu".

Dĩ hữu phụ nhơn, phẩm pháo nhơn vật; cố lương bằng hữu hỗ tương thiết tha chi công, trác thành pháp khí chi dụng, như độ đại đại hải phàm đà tương tu. Thị dĩ "Như Lai", linh hỗ tương kỉnh trọng, như thị "Thế Tôn", tự học tự tu, như nhơn dạ hành vô chúc. Nhược "vô thiện bạn", ninh tự cô du, mạc ạp "ác hữu", tổn kỷ chánh hạnh".

Cố XẢ DUYÊN MINH vân : "Tà Sư ác hữu, úy nhược "lang hổ", thiện đạo lương bằng thân như "phụ mẫu".

THÀNH PHẠM vân : Trạch hữu trực như "Vân Nham", "Đạo Ngô", "Tuyết Phong", "Nham Đầu" đẳng khả vi bá thế nhất ngộ chi hạnh thậm dã. Hoặc kiến thức sảo thắng, chí hạnh đa đồng, diệc khả vi hữu. Thoảng thiểu hữu bất như, tắc bất nhược vô dã.

NHƠN QUẢ Kinh vân : Bằng hữu, hữu tam yếu pháp :

Nhất kiến hữu thất, triếp tương hiểu gián.

Nhị biến hảo sự, thâm sanh tùy hỉ.

Tam tại khổ ách, bất tương khí xả.

Như tư đẳng ngữ, nãi "Phật Tổ" chi cách ngôn, vạn thế chi lương qui, khả bất thâm tín giả tai !

"Cổ nhơn" tâm địa vị thông, bất viễn thiên lý cầu Sư.

khỏi cửa nẻo "tam đồ", "đắc đạo thăng thiên" cũng nhờ bạn hiền giúp đỡ".

Đức Qui Sơn nói : "Đi xa phải nương bạn lành, thường thường để nơi tai mắt; nên có câu : Sanh ngã giả "phụ mẫu". Thành ngã giả "bằng hữu". Nghĩa là : Sanh thân ta đây là nhờ "cha mẹ". Thành thân ta đây là do "bạn lành".

Bạn lành giúp điều nhơn, thông thạo việc đời; cho nên bạn lành có công lắn nhau răn nhắc, có sức tạo thành đức hạnh, như qua biển lớn, buồm lái giúp nhau. Cho nên đức "Như Lai" dạy lắn nhau kính trọng bạn lành; coi như đức "Thế Tôn", học một mình, tu một mình, như người đi đêm không đuốc. Lại nói : "Bằng không có bạn lành, thà riêng đi một mình, đừng gần "bạn ác", tổn hạnh tốt của mình".

Nên trong bộ XẢ DUYÊN MINH KÝ nói : "Thầy tà bạn ác như sợ cọp sói; bạn lành Thầy hay thương như cha mẹ".

Thiên THÀNH PHẠM nói : Chọn bạn được như ông "Vân Nham", ông "Đạo Ngô", ông "Tuyết Phong", ông "Nham Đầu" v.v... thật là trăm đời, một phen gặp hạnh phúc vậy. Hoặc người chỗ kiến thức có hơn, chí hạnh nhiều chỗ đồng với mình, cũng nên làm bạn. Thoảng như người thua thiếu, không bằng mình, thời chỉ bằng mình không bạn tốt hơn.

Kinh NHƠN QUẢ nói : Bạn lành có ba việc cần yếu :

1.- Thấy mình có lỗi, liền biết can cho nhau.

2.- Thấy mình có việc tốt rất sanh tâm tùy hỷ.

3.- Lúc mắc nạn khổ, không bỏ rời nhau.

Những lời như đây, chính lời mầu của "Phật tổ", phép hay muôn đời, đâu chẳng tin sâu vào óc cho được.

Bực cổ nhơn : Lòng dạ chưa tỏ, chẳng nài đường xa nghìn dặm cầu Thầy.

"Cổ đức" tâm địa vị minh, phỏng tầm "tri thức", bất dĩ thiên lý vi viễn.

THÀNH PHẠM vân : Phù vị pháp cầu sư, bất vô thẩm biệt.

Nhược vị đích kiến thâm thức, thận bất khả trục nhơn phong thinh, nhi triếp nghĩ trọng, khinh, thân, sơ. Nhược cứ thiệt nhi ngôn, "Phật Tổ" đường thất, yểm mặc tư cửu, nhi chư phương Sư pháp, cầu kỳ phưởng phất giả, tiển hỹ !

PHỤ

"Niên ấu" giới thiển, vị hứa viễn hành, như hành bất đắc dữ bất lương chi bối đồng hành.

Bất lương chi bối giả, ác hữu dã.

"Qui Sơn" vân : Áp tập ác giả, trưởng ác tri kiến, hiểu tịch tạo ác, tức mục giao báo, một hậu trầm luân.

"Nhất thất nhơn thân vạn kiếp bất phục".

Tu vị tầm sư phỏng đạo, quyết trạch sanh tử, bất nghi quan sơn, ngoạn thủy, duy đồ du lịch quảng viễn, khoa thị ư nhơn.

"Vô Thượng Bồ Đề", phi "tri thức" mạc năng khai đạo, cố tu tầm sư phỏng đạo, sanh tử trường đồ, mê ngộ do kỷ, cố tự đương quyết trạch.

Quan sơn ngoạn thủy, hà ích thân tâm.

Khoa thị quảng viễn, hề tăng đạo vị.

Chơn vị sanh tử chi nhơn, hựu hà hà ư tư hồ ?

Bực "cổ đức" lòng dạ chưa tỏ, phải tìm hỏi ông "tri thức", không nài đường nghìn dặm là xa.

Thiên THÀNH PHẠM nói : Luận như người vì "Chánh Pháp" cầu Thầy, không ai là không biết xét. Giả sử chỗ kiến thức của ta chưa rộng, ta hãy dè dặt chớ nên nghe theo tiếng người mà liền tính chỗ trọng, chỗ khinh, chỗ thân, chỗ sơ. Bằng cứ thật mà nói, nhà cửa "Phật tổ" đóng kín đã lâu. Mà nay nói đi các phương xa tìm Thầy, cầu được bực Thầy đúng pháp, ấy chỉ là phưởng phất mà thôi *(nghĩa là : hơi hơi giống)* cũng rất ít có vậy ?

LỜI PHỤ

"Tuổi nhỏ giới luật còn thiếu. Thầy chưa cho đi xa, như đi không nên đồng đi với bạn không lành.

Bạn không lành tức là bạn ác.

Ngài "Qui Sơn" nói : Gần quen người ác, thì thêm chỗ tri kiến ác, ngày đêm tạo ác mắc báo trước mặt, chết rồi trầm luân.

"Một phen mất thân người, muôn kiếp khó mà trở lại".

Phải lo tìm Thầy học đạo, quyết dứt đường sanh tử, đừng có xem non ngắm biển, lần tính dạo trải chỗ rộng xa, để khoe khoang với người.

Đạo "Vô Thượng Bồ Đề" không có ông "Tri Thức", ai hay chỉ dạy, nên phải tìm Thầy hỏi đạo. Sanh tử đường dài, mê với ngộ do mình, nên mình phải quyết đoán *(chọn bậc Tri Thức)*.

Xem non ngắm bể, có ích gì cho thân tâm.

Khoe khoang chỗ xa rộng, nào thêm đạo vị.

Thật là người sanh tử xuất gia, đâu còn rảnh thì giờ mà đối việc ấy ư ?

Sở đáo chi xứ, hiệt phóng hành lý, bất đắc kỉnh nhập "điện đường". Nhất nhơn khán hành lý, nhứt nhơn tiên tấn, vấn tấn, thủ thường trụ tấn chỉ, phương khả an đốn hành lý nhập nội.

"Hành Lý" hoặc tác "Hành Lý" thông dụng.

Hoặc vân : "Trang Bao", tức hành nang. Nhơn viễn hành tất hữu chi dã.

Tự chế bất đồng quy củ các dị, lễ vô nhất định, sự tu kiến cơ.

Cố vân : Thủ kỳ thường trụ tấn chỉ, phương khả an đốn nhập nội.

"Y BÁT DANH TƯỚNG" ĐỆ NHỊ THẬP TỨ

"Ngũ điều y" Phạm ngữ "An đà hội" thử vân: "Trung Túc y".

Vị cận thân trụ dã.

"Diệc" vân : "Hạ y".

Vị : tam y trung, thử vi tối hạ trước giả.

"Diệc" vân : "Tạp tác y"

Vị : viện nội, tác chư lao vụ thời trước.

Phàm tự trung chấp lao phục dịch, lộ đồ xuất nhập vãng huờn, đương trước thử y.

Tác pháp trường đoản, tường như ĐẠI LUẬT.

Đáp y kệ vân :

Thiện tai giải thoát phục.

Đi đến chỗ nào, để hành lý ngoài ngõ, chẳng được mang ngay "trong chùa". Một người coi đồ hành lý, một người vô trước hỏi thăm, coi phép nhà chùa lui tới thế nào rồi mình mới được đem để đồ hành lý vào trong.

Hai chữ "Hành lý" hoặc viết hai chữ "Hành lý này" cũng được.

Hoặc có chỗ nói hai chữ "Trang Bao" tức là cái túi mang đi đường. Phàm người đi xa, phải có túi để đựng đồ.

Vì sao phải hỏi phép nhà chùa tới lui ?

Bởi phép mỗi chùa không đồng, quy củ đều khác, phép không nhất định, nên mỗi sự phải coi thế thần thích hợp.

Vì vậy cho nên nói : "Phải coi phép nhà chùa lui tới làm sao, rồi mới để đồ "Hành lý" vào trong.

BÀI THỨ 24 : "DANH VÀ TƯỚNG CỦA Y BÁT"

"Y ngũ điều", theo tiếng nói cõi trời "Phạm Thiên" kêu là "An Đà Hội", còn tiếng Hán nói là "Trung Túc y".

Y này là cái y mặc gần trong thân vậy.

Cũng kêu là y bực "Hạ".

Nghĩa là : Trong ba y, đắp y này là bực "hạ".

Cũng gọi là "Tạp Tác y".

Nghĩa là : Mặc y này làm các việc nhọc trong chùa.

Phàm trong chùa làm lụng công việc, đi đường ra vào, qua lại, phải đắp y này.

Phép may y, có dài, có vắn rõ như trong ĐẠI LUẬT.

Khi đắp y, đọc bài kệ như vầy :

Lành thay áo giải thoát.

Vô thượng phước điền y.

Ngã kim đảnh đái thọ.

Thế thế bất xả ly.

Án tất đà da, ta bà ha.

Thử kệ thượng nhị cú, xuất danh nghĩa; hạ nhị cú thị phát nguyện, dĩ nhơn chiêu quả cố.

"Án" tự hạ, thị chú mật ngữ, phi danh ngôn, khả năng tận thích. Nhiên tam y danh nghĩa chúng đa, hoặc danh "nhẫn nhục" khải.

Vị : năng hàng phục chúng ma cố.

Diệc danh "Liên hoa" phục.

Bất vi dục nê ô nhiễm cố.

Diệc danh "Cứu Long y".

Long đắc nhất lũ, bất vi "kim sí điểu" sở thực cố.

Kim danh giải thoát phục, dĩ sanh tử phiền não, do tư giải thoát cố.

Hựu danh "phước điền y", do năng sanh chúng thiện cố.

"Vô Thượng" giả ?

Vị : thử y, cụ như thượng công năng, cánh vô

Y vô thượng phước điền.

Ta nay đầu đội chịu.

Đời đời chẳng bỏ rời.

Án tất đà da, ta bà ha.

Bài kệ bốn câu này, hai câu trên, nói tên y giải thoát, hai câu dưới, là lời phát nguyện, do bởi nhơn lành, được quả báo lành.

Từ chữ "Án" sắp xuống, ấy là lời bí mật của câu chú, không phải lấy danh từ, mà có thể giải nghĩa cho hết được.

Song ba y, tên và nghĩa rất nhiều, hoặc gọi giáp "nhẫn nhục". Thế nào gọi là giáp "nhẫn nhục" ?

Nghĩa là : Vì mặc y này, có thể hàng phục được các loài ma ngoại đạo vậy.

Cũng gọi là "Y Liên hoa".

Thế nào gọi là "Y Liên hoa" ?

Nghĩa là : Vì mặc y này, khỏi bị bùn ngũ dục nhơ nhiễm vậy.

Cũng gọi là "Y Cửu Long".

Nghĩa là : Loài long đặng một sợi chỉ của y này, khỏi bị chim "Đại bàng cánh vàng" bắt ăn.

Nay ta gọi giải thoát vì do nó hay giải thoát, bao nhiêu phiền não sanh tử.

Lại gọi là "Y phước điền" là vì mặc y này, sanh các phước lành vậy.

Sao gọi là y "vô thượng" ?

trước thử y, nhi thành đạo quả dã. Dư nghĩa, thử bất phiền lục.

"Thất điều y". "Phạm" ngữ "Uất đa la Tăng". Thử vân : "Thượng trước y".

Vi : Ư thường sở phục giả, thử tại kỳ thượng dã

Diệc danh "nhập chúng y".

Vị : Nhập Chúng Tăng trung thời, trước dã.

Phàm lễ Phật, tu sám, tụng kinh, tọa thiền, phó trai, thỉnh giảng, Bố Tát, Tự tứ, đương trước thử y.

"Bố tát" thử vân : "Trưởng Tịnh".

"Tự Tứ" ?

Vị : tự thân hữu quá, tứ nhậm "tăng" cử dã.

Đáp y kệ vân :

Thiện tai giải thoát phục.

Vô thượng phước điền y.

Ngã kim đảnh đái thọ.

Thế thế thường đắc phi.

Án độ ba, độ ba ta bà ha.

GIỚI ĐÀN kinh vân :

"Ngũ điều y", đoạn tham thân dã.

"Thất điều y", đoạn sân khẩu dã.

"Đại y" đoạn "si tâm" dã,

Nghĩa là : Y này đủ công năng như trên, lại không có y nào hơn y này vậy. Cho nên ba đời các đức "Như Lai", đều mặc y này, mà thành đạo quả. Còn bao nhiêu nghĩa nữa, đây chẳng chép nhiều.

"Y thất điều". Theo tiếng cõi Trời "Phạm Thiên" gọi là "Y Uất Đa La tăng". Tiếng Hán gọi là "Thượng trước y".

Thế nào gọi là "Thượng trước y" ?

Nghĩa là : Những y mặc thường đó, y này là bực thượng vậy.

Cũng gọi là "y nhập chúng".

Thế nào gọi "y nhập chúng" ?

Nghĩa là : khi vào trong Chúng Tăng đắp mặc vậy.

Phàm lạy Phật, sám hối, tụng kinh,ngồi thiền, đi chứng trai, đi nghe kinh, ngày Bố tát, ngày Tự tứ, phải mặc y này.

Chữ "Bố tát" tiếng Hán gọi là "Trưởng Tịnh".

Sao gọi là "Trưởng Tịnh" ?

Nghĩa là : Nuôi lớn căn lành, trừ sạch nghiệp chướng.

Hai chữ "Tự tứ" là gì ?

Nghĩa là chính mình có lỗi, mặc dầu chúng Tăng cử tội vậy.

Khi đắp y đọc bài kệ như vầy :

Lành thay áo giải thoát.

Y ruộng phước không trên.

Tôi nay đầu đội chịu,

Đời đời hằng đặng đắp.

Án độ ba, độ ba ta bà ha *(3 lần).*

Trong GIỚI ĐÀN KINH có ba nghĩa :

1.- Mặc "y ngũ điều", dứt tâm tham của thân nghiệp vậy.

2.- Mặc "y thất điều", dứt tâm sân của khẩu nghiệp vậy.

3.- Mặc "đại y", dứt tâm si của ý nghiệp vậy.

Cố HOA NGHIÊM Kinh vân : Trước "ca sa" giả, xả ly "tam độc" dã.

Phật cáo "A Nan" : "Quá khứ chư "Phật" đệ tử : trước như thị y, vị lai chư Phật đệ tử, diệc trước thị y. Như ngã kim nhật, dĩ đạo tiệt thành "Sa Môn" y, bất vi "oán tặc" sở kiếp, thử thị "giải thoát" phục, "phước điền" chi y".

Nhược hữu chúng sanh, khởi nhất ác tâm, hướng tam thế chư Phật, "Bích chi", "La Hán", cập trước nhiễm y nhơn, hoạch tội vô lượng.

Sở dĩ giả hà ?

Hoại sắc chi y, thị "Hiền Thánh" tiêu thức. Nhược năng phát tâm, kỉnh nhiễm y nhơn, hoạch phước nan lượng; ngã do tín tâm, kỉnh đái chi chí cố đắc thành Phật.

CAO TĂNG TRUYỆN vân : "Đường "Trinh Quán" ngũ niên, "An Dưỡng tự", "Huệ Quang" Pháp Sư đệ tử, kỳ mẫu bần lủ, nội vô tiểu y. Lai nhập tử phòng, thủ cố "ca sa" tác chi nhi trước; dữ chư lân phụ, đồng tụ ngôn tiếu hốt giác cước nhiệt, tiệm thượng chí yêu, tu du lôi chấn, trịch lân phụ bá bộ chi ngoại, thổ nê lưỡng nhĩ, muộn tuyệt kinh nhật, phương đắc tô tỉnh.

Sở dụng y giả, toại bị chấn tử, hỏa thiêu tiêu quyện, đề thượng bối viết :

"Do dụng Pháp y, bất như pháp dã".

Kỳ tử thâu tẩn, hựu tái chấn xuất, nãi lộ hài lâm hạ, phương chung tiêu tán.

Thị tri thọ trì pháp nhục, huệ cập "tam qui" chi long, tín bất hư hĩ.

Cho nên kinh HOA NGHIÊM nói : Người đắp y "ca sa" bỏ lìa "ba độc" vậy.

Phật kêu ông "A Nan" bảo rằng : "Này "A Nan" ! Đệ tử các đức Phật đời quá khứ; đắp y như vậy. Đệ tử các đức Phật đời vị lai, cũng đắp y như vậy. Như ta ngày nay, cầm dao cắt rọc, từng miếng hợp lại may thành y cho "Sa Môn", khỏi bị kẻ "oán tặc" nó cướp giựt, nên gọi y này, là đồ mặc "giải thoát", cũng gọi là áo "phước điền".

Nếu có chúng sanh nào, khởi một niệm ác, đối với các đức Phật trong ba đời, hàng "Bích Chi", vị "La Hán", với người mặc y nhuộm màu hoại sắc đây mắc tội vô lượng.

Vì sao thế ?

Vì y hoại sắc đây, chính phép nêu của các vị "Hiền Thánh". Bằng ai phát tâm kính người mặc y nhuộm màu hoại sắc, được phước không lường; ta do nhờ tín tâm kỉnh mặc hết lòng nên đặng thành Phật quả.

Trong CAO TĂNG TRUYỆN nói : Đời "Đường" niên hiệu "Trinh Quán" năm thứ 5, chùa "An Dưỡng" đệ tử ông "Huệ Quang Pháp sư", mẹ ông nghèo khó lắm, không có một tấm áo nhỏ mặc trong thân. Hôm nọ đến nhà chùa, vào trong liêu người con, lấy y "ca sa" cũ rách sửa lại làm áo mặc, rồi cùng với các người đàn bà trong xóm, đồng nhóm lại nói cười; thoạt nghe dưới bàn chơn nóng nóng, nóng lần lên đến lưng quần, giây lát sét đánh, văng các người đàn bà khỏi ngoài trăm bước, bùn đất nhét đầy hai lỗ tai, ngật ngừ ngật ngưởng, mấy ngày mới tỉnh trở lại.

Còn bà lấy y sửa lại làm áo mặc kia, cũng bị sét đánh chết, lửa đốt cháy giò, trên lưng có đề tám chữ như vầy :

"*Do dụng Pháp y bất như pháp dã*"

Nghĩa là : Do dùng pháp y, chẳng nhằm phép vậy.

Người con lượm xác mẹ, liệm trong hòm để đó lại bị sét đánh lần thứ hai, văng nắp quan tài, thây nằm trần dưới rừng, dần dần tiêu rã.

Hựu hữu nhất sơn cư Tăng, tại thâm nham túc, dĩ y chướng tiền, hữu dị "Thần" Lai, hình cực khả úy, thân tý nội thám, dục thủ túc giả, úy xúc "ca sa", ngại bất đắc nhập, toại đắc miễn thoát.

Như thị chúng tướng, nan khả cụ ký.

"Nhị Thập ngũ điều y". Phạm ngữ "Tăng Già Lê". Thử vân "Hiệp" diệc vân "Trùng".

Vị : Cát tiệc nhi hiệp thành, hựu trùng tác dã.

Diệc vân "tạp toái y".

Vị : Điều số đa, cố dã.

Phàm nhập "vương cung", thăng tòa thuyết pháp, "tụ lạc", "khất thực", đương trước thử y.

Hựu thử y, cửu phẩm.

Hạ phẩm hữu tam.

Vị : Cửu điền.

Thập nhất điều.

Thập tam điều.

Nhị trường, nhất đoản.

Trung phẩm hữu tam.

Vị : Thập ngũ điều.

Thập thất điều.

Thập cửu điều.

Tam trường, nhất đoản.

Xem đây thì đủ biết rằng : Người thọ trì pháp y, ơn kịp đến loài "long" cũng đến thọ "Tam Qui". Thật là lời không dối, nên tin chắc vậy.

Lại có, một ông Thầy tu trên núi, ngủ trong hang sâu, lấy y dừng trước. Bấy giờ có ông "Thần" dị tướng đến, hình rất ghê sợ, đưa tay mò trong hang, muốn vô bắt ông Thầy ngủ kia; nhưng mà sợ đụng y "ca sa", ngại chẳng dám vào nên Thầy kia khỏi chết.

Như vậy các danh tướng của y phước điền, nhiều lắm khó mà biên cho đủ.

"Y hai mươi lăm điều". Tiếng nói của trời "Phạm thiên" kêu là "Tăng già Lê". Tiếng Hán gọi "Hiệp y" cũng gọi "Trùng y".

Thế nào gọi là "Hiệp y" ?

Nghĩa là : Cắt rọc từng miếng, rồi hợp lại may thành cái y.

Thế nào gọi "Trùng y" ?

Nghĩa là : Y này may chồng nhiều lớp vậy.

Cũng kêu là "Y Tạp toái".

Thế nào gọi "Y Tạp toái"

Nghĩa là : Vì số điều của nó nhiều lắm vậy.

Phàm vào "cung vua", thăng tòa thuyết pháp, vào làng khất thực, phải mặc y này.

Lại y này có 9 bực.

Bực hạ có 3 bực nghĩa là :

a) Y 9 điều.

b) Y 11 điều.

c) Y 13 điều.

Hai miếng dài, một miếng vắn.

Bực trung có 3 nghĩa là :

a) Y 15 điều,

b) Y 17 điều.

c) Y 19 điều.

Ba miếng dài, một miếng vắn.

Thượng phẩm hữu tam.

Vị : Nhị thập nhất điều.

Nhị thập tam điều.

Nhị thập ngũ điều.

Tứ trường, nhất đoản.

Đáp y kệ vân :

Thiện tai giải thoát phục

Vô thượng phước điền y.

Ngã kim đảnh đái thọ,

Quảng độ chư quần mê,

Án, ma ha ca bà ba, tra tất đế, ta bà ha.

Chúng sanh bất ngộ, cố viết "quần mê" chư Phật dĩ ngộ, cố hiệu "Đại Giác".

Thử chi tam quy, nguyên thị "Tỳ kheo" pháp phục, kim dục linh "Sa di", dự trí danh tướng thù thắng, cố phụ ư mạt, phi vi sử kỳ phi trước.

"Sa di", nhược đáp "mạn y", "tạng kinh" trung,tự hữu kệ vân :

Đại tai giải thoát phục - Vô tướng phước điền y.

Phi phụng như giới hạnh - Quảng độ như chúng sanh.

"Bá nhất yết ma" vân :

"Cầu tịch" chi đồ, mạn điều thị phục, nhi hữu triếp phi "ngũ điều" thâm vi tội lạm. "Thần châu chi địa", cửu phiến tư phong.

Thử thành phi pháp, vật linh phi trước dã.

Thử thị "Đường Tam Tạng, Nghĩa Tịnh pháp sư", thân du "Tây Vức", quan ngũ "Thiên Trước" cảnh, cập chư bộ "Luật văn", tịnh vô "Sa di" phi trước "Tỳ kheo" cát tiệt chi y, đặc thử thùy thị, dĩ phát thiên cổ chi mê.

Bực thượng có 3, nghĩa là :

a) Y 21 điều.

b) Y 23 điều.

c) Y 25 điều.

Bốn miếng dài, một miếng vắn.

Đắp y 25 điều đọc bài kệ như vầy :

Lành thay áo giải thoát;

Áo ruộng phước không trên.

Ta nay đầu đội chịu,

Rộng độ các quần mê.

Án, ma ha ca ba, tra tất đế, ta bà ha *(ba lần).*

"Quần mê" là gì ? Nghĩa là : Chúng sanh chưa tỏ ngộ nên gọi là chúng "quần mê". Các đức Phật đã tỏ ngộ, nên gọi là bực "Đại Giác". Song 3 y đây, vốn là đồ pháp phục của "Tỳ kheo". Nhưng nay muốn cho "Sa di", trước biết danh tướng tốt mầu, nên phụ chép nơi sau đây, chớ không phải vì cho "Sa di" đắp mặc.

Bằng ông "Sa di" đắp "y mạn điều", thì trong kinh tạng, cũng có bài kệ như vầy :

Lành thay áo giải thoát - Y vô tướng phước điền.

Mặc giữ theo giới hạnh - Rộng độ các quần sanh.

Bộ BÁCH NHẤT YẾT MA nói :

Ông "Cầu Tịch Sa di" phải đắp "y mạn điều", mà nay lại có ông lại đắp "y ngũ điều", thật là tội lỗi. Trong xứ "Đông Thắng Thần châu" (xứ Tàu) lâu quen thói này.

Đây thật là phi pháp, đừng cho "Sa di" đắp mặc vậy.

Đây là đời nhà "Đường", ngài Tam Tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh, thân hành qua nước "Tây Vức", khắp xem năm cõi "Thiên Trúc", và các bộ "Luật Văn", đều không cho "Sa di" đắp mặc y cắt rọc của "Tỳ kheo". Hôm nay để lời dạy này, đặng thức tỉnh, những kẻ mê nhiều đời.

Ký vân : Thử thành phi pháp, kỳ tội thì đương đại thọ.

Vi Sư giả, bất khả bất tri ?

Vi đồ giả, hựu bất khả bất thận dã ?

"Bát", Phạm ngữ "Bát đa la".

Thử vân : "Ứng lượng khí".

Vị : "Thể, Sắc, Lượng" tam giai ứng pháp cố.

"Thể", dụng ngõa, thiết, nhị vật.

"Sắc", dĩ dược yên huân trị.

"Thiết bát" dụng hạnh tử, ma tử, đạo dực, đẳng, huân tắc hắc sắc, cáp sắc, hoặc khổng tước yết sắc.

Lượng tắc phân "thượng, trung, hạ".

"Thượng bát", thọ nhất "đấu".

"Hạ bát" thọ "ngũ thăng", nhị nội danh trung bát.

Cụ : Phạm ngữ "Ni Sư Đàn" thử vân "Tọa cụ", diệc vân : "Tùy túc y". Khai cụ kệ vân :

Tọa cụ "Ni Sư Đàn".

Trưởng dưỡng tâm miêu tánh.

Triển khai đăng "Thánh Địa".

Phụng trì "Như Lai" mạng.

Án đàn ba, đàn ba, ta bà ha.

Song đã nói rằng : "Như đây thật là phi pháp, thì tội ấy ai chịu thế cho",

Vậy ai là người làm Thầy, chẳng khá chẳng biết ?

Ai làm đệ tử, cũng chẳng khá chẳng thận trọng ?

"Bát", cái bát đây, tiếng Phạn gọi là "Bát đa la". Tiếng Tàu gọi "ứng lượng khí".

Nghĩa là : cái "Thể", cái "Sắc", cái "Lượng", 3 cái đều đúng như pháp.

Thế nào là "Thể" đúng như pháp ?

Nghĩa là : Dùng hai món : sành và thiếc,

Thế nào là sắc đúng như pháp ?

Nghĩa là : Lấy các thứ thuốc đốt lên khói rồi xông làm hoại sắc.

"Bát bằng thiếc" : thì lấy hột hạnh nhơn hột mè với cám nếp v.v... xông làm màu sắc đen xám, như sắc con chim bồ câu, hoặc sắc giống như sắc cổ con chim khổng tước.

Thế nào "lượng" đúng như pháp ?

Nghĩa là "Lượng có phân thượng, trung và hạ.

"Bát bực thượng" đựng được một "đấu" *(10 thăng gọi một đấu).*

"Bát bực hạ" đựng được "*năm thăng*", bát bực trung gọi bát giữa chừng *(7 thăng rưỡi)* cho nên nói bát đúng lượng.

"Cụ" : Cái cụ tiếng Phạm gọi "Ni Sư Đàn" Tàu gọi "Tọa cụ" cũng gọi "Tùy túc y". Khi trải cụ ra ngồi, đọc bài kệ như vầy :

Cái tọa cụ gọi "Ni Sư Đàn",

Nuôi lớn lòng tánh tốt.

Mở mang lên cõi thánh,

Vưng giữ mạng Như Lai.

Án đàn ba, đàn ba ta bà ha. *(3 lần)*

Vị tương tùy hành, dĩ tiện tọa ngọa, dụng hộ thân hộ y, hộ Tăng ngọa cụ, cố chế dã.

GIỚI ĐÀN kinh vân : "Ni Sư Đàn", như tháp chi hữu cơ dã.

Nhược vô "tọa cụ", dĩ tọa như thân, tắc "ngũ phần định, huệ", vô sở tùng sanh.

Ký vân "tọa cụ", "kim thời dụng vi lễ bái, toàn quai bổn chế". Hoặc linh tứ giác thiếp cố, nhi mậu vị chi. Vi "Tứ Thiên Vương", trí sử túc bất cảm đạp thượng, phục hữu dĩ bất tịnh "hài lý" nhi đạp chi.

Quá úy, quá khinh, nhất giai khả tiếu !

Kỳ vi "Sư giả", bất khả bất giáo "đệ tử", ngoa tập ký cửu, nhất triêu nan dĩ cải phục. Nhược ý vị kỉnh hộ tam y; tương dĩ lễ bái, thứ cơ quyền dụng.

Như hoặc bất nhiên,tự tôn kỷ thể, hà thành kỉnh tha, khinh mạn chi tội, thành nan đào hĩ.

Nhược tương "tọa cụ" tọa thời, ưng niệm kệ vân : Triển khai dà phu tọa, vân vân...

Kim kiến hữu "tại gia nam nữ", thọ "ngũ giới" giả, phi "ngũ y", triển "tọa cụ", công nhiên lễ bái, thâm vi khả thống !

Hà kỳ "pháp môn" ngoa thế, nhất trí ư thử.

Cố "Từ Vân Sám chủ" Biện Hoặc Thiên vân : "Thử tam pháp y,định thị xuất gia chi phục, phi tại gia giả, sở phi".

Thế nào gọi "Tùy túc y" ?

Nghĩa là : Đi đâu đem theo cho tiện, trong khi ngồi và nằm, là cái đồ để hộ thân, hộ y, với hộ cho ông Tăng nằm, nên Phật chế ra vậy.

GIỚI ĐÀN Kinh nói : Cái "Ni Sư Đàn" như Tháp có nền vậy. Nếu không có "tọa cụ" cho thân ông ngồi, thời năm phần [22] định, huệ không do đâu sanh vậy.

Song đã nói rằng : "Tọa cụ là đồ để ngồi, vì sao đời bây giờ, người dùng để làm lễ lạy. Thật trái lời dạy của đức Phật".

Hoặc có người thấy Luật dạy : "Phải dùng 4 miếng vải cũ vá lên bốn góc cái "Tọa cụ", làm cho hoại sắc, hoặc làm cho chắc 4 góc.

Thế mà người lầm tưởng đó là "4 ông Thiên Vương", đến nỗi có người chân chẳng dám đạp lên, rồi cũng có người mang "giày dép" bất tịnh đạp lên đó.

Một người quá sợ, một người quá khinh, cả hai đều đáng cười. Vậy ai là người làm "thầy", chẳng khá chẳng dạy "đệ tử" ?!

Song thói đây lầm quen đã lâu, chẳng phải một ngày một bữa, mà có thể cải đổi lại được. Nếu ai có lòng vì kỉnh hộ ba y, đem để mà lạy, khỏi lấm y, họa may dùng đỡ thì được.

Như hoặc chẳng vậy, tự trọng thể mình, đâu thành kỉnh Phật, tội khinh dể đấy, khó mà lánh vậy.

Nếu khi đem "tọa cụ" ra ngồi, phải niệm bài kệ như vầy : "Mở trải "tọa cụ" ngồi tréo kiết già v.v..."

Đời bây giờ, thấy có kẻ "nam" người "nữ" "tại gia", thọ trì năm giới, mà cũng đắp mặc "y ngũ điều", cũng trải "tọa cụ" ra giữa công nhiên mà lễ lạy, rất là đau đớn !

Ai dè trong "pháp môn" có những ả, sai lầm đến nỗi thế này !

Cho nên ngài "Từ Vân Sám chủ" làm "Thiên Biện Hoặc" nói : "Ba pháp y đây, định cho người xuất gia mặc, chớ chẳng phải kẻ tại gia đắp đặng".

TĂNG KỲ LUẬT vân : Tam y giả, "Thánh Hiền" "Sa môn" tiêu xí, phi tục nhơn sở vi. Tạp A HÀM kinh vân : Tu "tứ vô lượng" giả, tịnh thế tu phát, phục "tam pháp y", nhi "xuất gia" dã.

Cứ tư dĩ tri, định phi "tục" phục. Thế vân : "PHẠM VÕNG kinh, hữu thông tục trước giả". Nhơn kiến bỉ kinh, quảng liệc "vương, thần, đạo, tục", tận đắc thọ giới, ưng giáo thân sở trước "ca sa", đẳng ngôn.

Tiện linh "sĩ nữ", thọ "Bồ Tát giới" giả trước "thất điều chi y".

Nguyên "ca sa", thử phiên vi "nhiễm", hựu phiên di "hoại sắc", kỳ thị thông chế đạo tục thọ giới, tu phục hoại sắc, khủng kỳ nhiễm đồng thời diệm, quai ư pháp chế, nãi vân ưng giáo thân sở trước hoại sắc. Hoặc hữu phong tục, bất khả tận chế, nhi "xuất gia Bồ Tát", tất tu nhiễm hoại.

Cố phục hựu vân : "Tỳ kheo" ưng dữ tục phục hữu dị; hà tằng thông "tục", trước "thất điều y" ?

Tầm "Thiên Thai", cập "Tạng Pháp Sư" chương sớ, cu tác nhiễm hoại nghĩa thích.

Tịnh vô thông tục "tam y" chi thuyết.

Hoặc vân : "Nhương tai miễn ách, hứa dữ tiểu phiến", chí như hí nữ tạm quái, "lạp nhơn" dã phi.

Hoặc vân : "Đắc tứ thốn, nhi ẩm thục sở sung".

Bộ TĂNG KỲ LUẬT nói : "Ba y đây, là cờ nêu của vị Thánh Hiền và Thầy Sa môn" chớ chẳng phải người thế tục đắp đặng. Kinh TẠP A HÀM nói : "Người tu pháp "Tứ vô lượng tâm" (23) đều cạo râu tóc, mặc "ba pháp y", là người "xuất gia" vậy".

Cứ theo đây thì biết ba y, quyết định không phải người "thế tục" mặc đắp. Người đời nói rằng : "Kinh PHẠM VÕNG, có cho người thế tục đắp mặc". Vì họ thấy trong kinh kia rộng nói : "Vua", "tôi", kẻ đạo người tục đều được thọ giới và Phật dạy họ phải mặc "ca sa" v.v...

Lầm tưởng mặc "ca sa" được liền cho kẻ "nam" người "nữ", những người thọ giới "Bồ Tát", cho mặc "y thất điều" !

Nguyên hai chữ "Ca sa", tiếng Hán dịch là "nhuộm", lại dịch là "hoại sắc", đó là trong kinh PHẠM VÕNG Phật chế cho tất cả kẻ đạo, người tục, thọ giới, cần phải mặc áo màu hoại sắc, vì sợ họ nhuộm màu đẹp tốt, giống với người "thế gian", mà trái với pháp Phật dạy, nên bảo rằng : "Thân phải mặc áo màu hoại sắc". Hoặc có phong tục, không phải cấm hết, nhưng người "xuất gia" thọ giới "Bồ tát" quyết phải nhuộm màu hoại sắc.

Cho nên lại nói rằng : "Thầy Tỳ kheo" cùng người Thế tục đắp mặc có khác; đâu có chung cho người thế tục đắp "y thất điều" ư ?

Theo lời chương sớ của Ngài "Thiên Thai" và ngài "Tam Tạng Nghĩa Tịnh" Pháp sư, đều giải nghĩa hai chữ "Ca sa", là nhuộm màu hoại sắc.

Theo thuyết của các ngài đây, đều không có lý cho người thế tục, đắp mặc "ba y".

Hoặc có người nói : "Trừ tai khỏi nạn, giúp cho miếng rẻo" chí như kẻ "hí nữ" tạm mang (24) người "thợ săn" mượn mặc (25).

Hoặc có người nói : "Đặng y 4 tấc, thì đồ ẩm thực no đủ".

Quái nhất phiến, nhi "La Sát" bất đạm; cái hiển "tam y" chi công dụng, nhi hứa "tứ dân" chi thọ trì.

"Xuất gia" nhàn tà chi nhơn, thượng muội trì y chi quỷ ?

Tại trần phiền tạp chi chúng, ninh tri phụng pháp chi nghi.

NAM SƠN vân : Nhược thọ dụng hữu phương bất sanh tội lệ, tất lảnh nạp quai thức, tự hảm thâm khiên, nhất sanh vô y phú thân, tử tắc tự phụ "Thánh" trách, hà lự vô ác đạo phần. Quan tư chi ngôn, tự tọa thâm quá, nhẫn tương phi pháp, ngộ lụy "tại gia".

Hạnh nguyện tứ phương "đạo nhơn", hành "Đại thừa" giả, đọc văn tầm nghĩa mạc thủ kỷ tình, đảm ma khí kim, thù phi "trí giả".

Cách tệ tùng chánh, tư tắc đạt nhơn. Ưng tri "vô thượng Phật thừa", giải vô đạo tục, truyền trì chi quỷ, thành tại "Luật Nghi".

"Niết Bàn" : "Phò luật đàm thường", chánh tại ư thử.

Luật phạm nhược hoại, pháp dã thùy truyền. Khởi sanh vi nhơn, bất hộ nhãn mục, đoạn thường trụ mạng phi "Chiên Đà La", như hà ?

Đeo một miếng, quỉ "La sát" chẳng dám ăn. Luận như thế thì đủ biết rằng : Công dụng của "ba y", quyết định không cho kẻ "tứ dân" (26) thọ trì vậy.

Nay người "xuất gia", chính người rảnh việc tà, lẽ nào còn mê muội phép trì y ?

Những chúng "tại gia" trần thế bộn bề, đâu biết phép phụng trì mà hòng cho đắp mặc.

Ngài "Nam Sơn" nói : "Nếu thọ dụng đúng phương pháp, thì khỏi sanh tội lỗi; còn lãnh nhận sái phép, tự chuốc lấy tội sâu, một đời không áo che thân, chết rồi lại bị "Phật" quở trách, lo gì khỏi phần ác đạo. Nghiệm lời đây, tự mắc tội nặng, nỡ nào đem việc phi pháp, lầm hại cho kẻ tại gia".

Vậy tôi (Hoằng Tán) xin người bốn phương "học đạo", những bực tu "Đại thừa", đọc văn tìm nghĩa, chớ chấp theo ý mình, "gánh gai bỏ vàng" (27) thật là "người không trí".

Bằng ai biết cải cách những cái hủ tệ, theo lối chánh chơn đúng như lời Phật dạy, người đó là kẻ "Đạt Nhơn". Vẫn biết đạo Vô thượng của đức "Phật", ai cũng có thể nhận lãnh, không luận kẻ đạo người tục. Nhưng mà phép truyền trì "Phật Tổ", thật ở trong "Luật Nghi".

Cho nên kinh "Niết Bàn" : Phật sắp viên tịch còn nói câu : "Phò Luật đàm thường", chí tại ư thử.

Nghĩa là : Đức Phật dạy rằng : "Dù ta nhập Niết bàn, Tỳ kheo các ông phải luôn luôn giữ Bộ Luật" chính nghĩa ở nơi đây vậy.

Phép tắc luật nghi, nếu một phen phá hoại, thì chánh pháp nương tựa vào đâu, mà truyền trì. Cũng như còn sống làm người, đâu không giữ tròng con mắt, dứt mạng thường trụ, há chẳng phải bọn "Chiên Đà La" (28) chớ gì ?

Tích "Tịnh Ái Pháp Sư", trị "Châu Võ" hành ngược, tự hận bất năng hộ pháp, xuất gia hà vi, nãi tọa thạch phấn đao phẩu nhục, dẫn trường quái thọ, dĩ thủ bổng tâm nhi tốt.

Ô hô !!! "Cổ Hiền" hộ pháp, kỳ nhược thị hồ, ngã đẳng ký hiệu vị năng, nghi thủ pháp chế, mạc trí hủy tổn, ương trụy tự tha hĩ.

SA DI LUẬT NGHI, YẾU LƯỢC TĂNG CHÚ

QUYỂN HẠ (CHUNG)

Xưa ngài Tịnh Ái Pháp sư, bị vua "Châu Võ Đế", làm việc bạo ngược, không cho tu, tủi mình không thể giữ đạo, xuất gia làm gì đây, liền lên bàn thạch ngồi, lấy dao mổ bụng, kéo đùm ruột treo trên cây, rồi lấy tay ôm bụng mà chết.

Than ôi !!! "Kẻ Cổ Hiền" giữ đạo còn như thế, chúng ta đã bắt chước chưa đặng, thì nên giữ luật phép, đừng cho kém thiếu, mình, người đều mắc đọa vậy.

BỘ SA DI LUẬT NGHI YẾU LƯỢC TĂNG CHÚ

HẾT QUYỂN HẠ

CHÚ THÍCH

QUYỂN HẠ

(2) **Kính con Dĩ Hầu tưởng Trời Đế Thích.**
Trong đời quá khứ, có người u mê nghe người ta nói Trời Đao Lợi, một hôm nọ, anh vào trong núi, Thấy bầy Khỉ, tưởng trời Đế Thích chạy kêu làng xóm vô xem, ai nấy chửi anh như tử. Nay đem tích này dụ người không biết coi người, người phải cho người xấu, người xấu cho là người phải.

(3) **Nhị Thù Thắng :** *(2 món Thù thắng)*. Tức là : Nhơn chánh báo Thù thắng và quả y báo cũng Thù thắng *(chánh báo là Tâm, y báo là Cảnh)*.

(4) **Đạo Tuyền :** Tức là tên con sông "Đạo Tuyền" *(suối trộm)*.

(5) **Lạc Tử :** Tức là những miếng rẻo nhỏ của ba y bị rách.

(6) **Giang hồ tán nhơn :** Xưa đời Đường, ông Lữ Vọng thi khoa Tấn sĩ *(chẳng đậu)* về thả chiếc thuyền con, dạo chơi xứ này qua xứ khác, người ta kêu ông là ông "Giang hồ tán nhơn".

(7) **Xướng Tăng Bạt :** Trong bộ Luận Ma Đắc Lặc Dà nói : Khi Chúng Tăng đi ăn. Vị Thượng tọa dạy tất cả bình đẳng, xướng Tăng bạt rồi đồng ăn. Tăng bạt Hándịch "Bình Đẳng". Hồi Phật tại thế có bọn Ngoại đạo, để thuốc độc trong đồ ăn, rước Phật và Chúng Tăng. Phật biết, dạy Chúng Tăng mỗi người đọc câu : Thần Chú : "Tam bát la khư đa", thuốc độc tự nhiên tiêu hết.
(Rút trong bộ Tứ Phần Luật).

(8) **Bánh Mạng Đầu :** Đời Kỷ Nguyên Gia Cát Lượng đánh giặc phía Nam, binh tướng lội qua sông, theo phong tục, chặt đầu Dê, đầu Heo cúng tế hoặc lấy bột nắn hình đầu người mà tế đó, nên nay có tên là bánh "Mạng Đầu" bây giờ không làm bánh đầu Người mà làm bánh kiểu khác như

bánh ú, bánh ít chẳng hạn, nhưng làm bằng bột gạo thì xuất sanh được.

(9) **Tứ thơ :** *(Bốn sách)* 1.- Sách Đại Học, 2.- Sách Trung Dung, 3.- Sách Luận ngữ, 4.- Sách Mạnh Tử.

(10) **Ngũ Kinh :** *(Năm kinh)* 1.- Kinh Thi, 2.- Kinh Thơ, 3.- Kinh Lễ, 4.- Kinh Dịch, 5.- Kinh Xuân Thu thêm kinh Nhạc là sáu Kinh.

(11) **Thất Chi tội :** *(7 món tội)* Thân có ba tội : 1.- Sát sanh, 2.- Trộm cắp, 3.- Dâm ô - Miệng có bốn tội : 1.- Nói dối, 2.- Nói thêu dệt, 3.- Nói hai lưỡi, 4.- Nói lời hung dữ.

(12) **Bảy phần Bồ Đề :** 1.- Trạch Pháp. 2.- Tinh Tấn, 3.- Mừng Đạo, 4.- Trừ Tà, 5.- Bỏ phiền não, 6.- Chánh Định, 7.- Chánh Niệm.

(13) **Thập Sử :** *(mười món sai khiến ta đi đường tà)* 1.- Tham, 2.- Sân, 3.- Si, 4.- Mạn, 5.- Nghi, 6.- Thân Kiến *(chấp ngã)*, 7.- Biên Kiến *(chấp một bên)*, 8.- Tà kiến *(chấp bậy)*, 9.- Kiến thủ (chấp chặc), 10.- Giới thủ (giữ theo giới Ngoại đạo).

(14) **Thập Lực :** (Mười trí lực của Đức Như Lai) :

1.- *Giác xứ phi xứ trí lực.*
(Có trí lực biết chỗ Đạo lực và không phải Đạo lực).

2.- *Tri tam thế nghiệp báo trí lực.*
(Có trí lực biết tất cả nhơn quả nghiệp báo của chúng sanh trong ba đời).

3.- *Tri chư Thiền giải thoát Tam Muội trí lực.*
(Có trí lực biết các Pháp thiền định giải thoát Chánh Định).

4.- *Tri chư Thiền Định, cập bát giải thoát Tam Tam Muội chi trí lực.*
(Có trí lực biết các pháp thiền định và pháp giải thoát Tam Tam Muội).

5 - *Tri chủng chủng giải trí lực.*
(Có trí lực biết tất cả tâm niệm chúng sanh mỗi mỗi hiện biết).

6.- *Trí chủng chủng giới trí lực.*
(Có trí lực đối thế gian chúng sanh, các cảnh giới không đồng mà như thật khắp biết).

7.- *Trí nhứt thế sở chí đạo trí lực.*
(Có trí lực biết chỗ đi đến như giữ ngũ giới, thập thiện đi đến cõi người cõi trời, tri pháp Chánh Đạo đi đến cõi Niết Bàn vân vân...)

8.- *Trí Thiên Nhãn vô ngại trí lực.*
(Dùng phép thiên nhãn thấy chúng sanh, sanh tử và thiện ác nghiệp duyên không ngăn ngại.)

9.- *Trí túc mệnh vô lậu trí lực.*
(Có trí lực biết mạng trước chúng sanh và biết cõi Niết Bàn thanh tịnh).

10.- *Trí viễn đoạn tập khí trí lực.*
(Có trí lực đối tất cả các tập khí vọng hoặc đoạn hẳn không sanh, biết một cách như thật vậy. *(Rút trong bộ Trí Độ Luận).*

(15) **Tứ hỉ** : *(4 việc mừng)* 1.- Vui mừng vì sự trong sạch, ít sự ưa thèm năm món dục lạc, 2.- Vui mừng về sự tu nhiều hạnh tốt được xa lìa các món vui của đời sanh diệt, 3.- Vui mừng không còn lầm lỗi, được cái vui pháp chánh định, 4.- Vui mừng về sự đổi cái vui Đời thành cái vui Đạo được cái vui chứng quả Bồ Đề.

(16) **Tám ruộng phước** : 1.- Ruộng chư Phật, 2.- Ruộng Thánh Nhơn, 3.- Ruộng Chúng Tăng, 4.- Ruộng Hòa Thượng, 5.- Ruộng A Xà Lê, 6.- Ruộng Cha, 7.- Ruộng Mẹ, 8.- Ruộng người bệnh. Nếu thành tâm cúng dường tám bực này thời được phước vô lượng.
Tám bực này dụ như ruộng tốt, nếu gieo giống xuống ruộng tốt thì tức nhiên được kết quả tốt.

(17) **Cẩu tâm** : *(tâm tham)* Muốn chủ nhà thương yêu, nên nói "cẩu tâm" (tham danh lợi, sua nịnh, bợ đỡ).

(18) **Nghiêu, Thuấn bệnh như** : Nghĩa là vua Nghiêu vua Thuấn là bực Thánh mà còn bị những tiếng chê - phê bình.

(19) **Súc sanh còn sợ người xin** : Xưa có hai ông Tỳ kheo thấy con Rồng thường đến đi nhiễu làm rộn, 2 ông nhơn bạch Phật. Phật dạy ngày khác nếu thấy Rồng đến, ngươi hỏi xin hột châu nơi cổ Rồng. Tỳ kheo y thế, khi thấy Rồng đến, xin hột châu kia, từ đây Rồng không dám đến nữa.

(20) **Huỳnh Môn** : Tức là người không phải nam cũng không phải nữ

(21) **Niết Bàn Tăng** : Tức là cái "quần" vậy.

(22) **Ngũ phần pháp thân** : Tức Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến.

(23) **Tứ Vô Lượng Tâm** : Tức là Từ, Bi, Hỉ, Xả.

(24) **Dâm Nữ tạm mang y** : Tức cô Hoa Sắc Tỳ kheo, thân trước làm người Dâm Nữ vô chùa của cô Ni, lấy y mặc rồi nói chơi như vầy : "Cha ! Nếu tôi được làm Tỳ kheo, tôi sẽ đắp y nầy" Quả nhiên, sau đức Phật Thích Ca ra đời được gặp Phật xuất gia làm Tỳ kheo ni, thành A La Hán quả v.v...

(25) **Người Thợ Săn mượn mặc** : Thuở trước, nước Ba La Nại, trong núi Tiên Thánh có 500 vị Bích Chi Phật ở tu trong đó, có một con Sư Tử tên là Kiên Thệ, thân lông sắc vàng. Thấy một vị Bích Chi Phật vui mừng thân cận, thường đến một bên để nghe Ngài tụng Kinh thuyết Pháp.

Một bữa nọ có anh Thợ Săn, thấy con Sư Tử lông sắc vàng muốn lột da nó, đem dưng vị Quốc Vương, để hưởng bổng lộc, Thợ Săn mưu kế, cũng cạo đầu, cạo râu, mặc áo, đắp y, in hịch như Ông Sa Môn, giấu cung tên trong áo, rình bắn Sư Tử. Sư Tử tưởng là Tỳ kheo thật cúi mình quỳ gối liếm dưới chân :

Sa Môn giả rút cung bắn, tên thấm thuốc độc, Sư Tử rống hộc, chừng chờ muốn nhảy tới nhai cắn.

Nhưng mà Sư Tử nghĩ : Trước mình được nghe thuyết pháp, thà chết chớ không dám hại Ông Sa Môn mặc y hoại sắc, là phép nêu của Thánh Hiền.

Ôi ! Nếu ta giết mạng ông này, tức là đạt tướng nêu của hiền Thánh. Vậy ta nay không nên khởi tâm ác, thà rằng mạng chung để cầu giải nghiệp nhiều kiếp.

Nói rồi hai chân sau chồng lại, hai cẳng trước chắp như Ông Thầy xá Phật nói bài kệ qua đời v.v...

Rõ như trong Kinh Báo Ân có thuật sự tích này.

(16) **Tứ dân** : Tức là kẻ, Sĩ, Nông, Công, Thương.

(17) **Bỏ vàng gánh gai** : Kinh nói : Có hai người Bạn, trong nước bị họa, nhândân đói khổ bỏ theo nước ngoài. Lúc đi học đường, không có tiền tiêu dụng. Hai người cùng gánh gai đi bán, gánh đi một hồi, thấy tiền bạc. Một người bỏ gai, gánh tiền. Một người không chịu bỏ gai nói : "Công ta gánh từ lâu bỏ uổng". Người gánh gai đồng đi với người gánh tiền. Đi một hồi lâu, gặp một hầm vàng. Người gánh tiền bỏ tiền gánh vàng. Còn người gánh gai cũng vẫn còn gánh gai. Cũng vẫn nói : Gai ta gánh từ hồi nào đến giờ không chịu bỏ. Đây là nói : Người cố chấp lối hủ lậu cũ kỹ, mà không biết cải cách duy tân. Tức là người gánh gai kia vậy.

(18) **Chiên Đà La** : Tức là người hàng thịt.

*

QUI SƠN CẢNH SÁCH

TỰA

"Cảnh Sách" là gì ?

"Cảnh Sách" là thức tỉnh, hay nói bằng cách khác là răn dạy, như : Cha dạy con, Thầy dạy trò, Anh dạy em v.v...

"Đời" đã thế ! "Đạo" cũng thế.

Bộ CẢNH SÁCH này không ngoài mục đích ấy.

Tổ "Qui Sơn" nhơn thấy đời mạt pháp, đoàn hậu học trễ nải và biếng lười. Vì muốn thức tỉnh răn dạy đoàn hậu học trên đây, nên Ngài viết ra bộ CẢNH SÁCH nầy, mục đích như thế !

Người đọc bộ CẢNH SÁCH này, trước hết xét phần mình có tinh tấn hay không tinh tấn, nhiên hậu tự sửa chữa để thêm được phần xuất sắc.

Dịch giả cũng yêu cầu các bạn đồng học, chớ sớm vội buông lời khen chê, chỉ e mang lấy khẩu nghiệp khổ thân !

Chúng ta cũng nên xét qua thế sự. Có người đã mang nghiệp chướng ê chề, mà không lo tu tập ăn năn, thấy kẻ khác có một vài chút khuyết điểm thì bươn bả phỉ báng, chê bai ! Ngạn ngữ có câu : "Việc người thì sáng, việc mình thì quáng".

Bởi các cớ trên đây, dịch giả thành thật khuyên quí bạn đồng học, hãy rán chí tu tập tinh tấn và tinh tấn thêm lên !

Để chi ? - Để trả ơn Bà tâm (lòng từ bi) của Tổ thay lời Đức Phật dạy bảo và khỏi phụ chí xuất gia của mình đã thệ nguyện với đấng Từ Phụ !

Dịch giả cũng tự xin cảnh cáo trước cùng quí bạn đồng học : Bộ CẢNH SÁCH này, nguyên văn Hán tự, chú thích và lời "Ký" của dịch giả không được suôn như nguyện... Cũng có đôi phần làm phiền độc giả, nhưng mong rằng : "Sự hiểu ý quên lời" và câu : "Tạo chúc cầu minh. Đọc thơ cầu lý" mà quí độc giả hỷ xả cho một vài phần... và vẫn biết rằng : "Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan, ly kinh nhất tự, tức đồng ma thuyết".

Song dịch giả sắp bộ CẢNH SÁCH này "Âm" và "Nghĩa" đối chiếu, tiện cho các bạn vừa đọc chữ "Âm", vừa dò qua bên "Nghĩa" để tự học thêm; vì thấy các em nhỏ ở chùa có phần thờ ơ với sự tu học, vừa học đó quên đó. Sự tiến triển có chút trậm trễ.

Vậy, mùa đông năm nay, dịch giả lưu trú tại học đường Tăng Già Tự, giảng bộ CẢNH SÁCH này và phiên dịch ra Việt ngữ. Cũng nhờ công đức quí vị học sinh, biên tập thành pho !

Cơ hội tốt, nhơn viên đầy đủ nên vừa phiên dịch xong là vừa xuất bản. Nghiễm nhiên vừa kết tập xong, liền xuất bản thì chi cho khỏi những sự sai lầm và khuyết điểm ! Vậy nguyên do xuất bản quyển CẢNH SÁCH này, nó có những căn cớ đã kể.

Sự thật, Dịch giả xin thú thật cùng quí bạn đọc rằng : "Dịch giả chẳng phải cầu danh hay tự đắc :"

Cúi xin mười phương quí Đạo hữu bất xả từ bi gia tâm phủ chính. Rất trân trọng và trân trọng !!!

Mùa đông năm Canh Dần
Phật Lịch : 2.513
PHƯỚC BÌNH

TÁN LƯ HƯƠNG

Lư trầm vừa đốt, pháp giới hương xông,
Bao nhiêu hải hội, Phật cảm thông;
Đâu cũng kết mây hồng, lòng thành con trông,
Chư Phật hiện trên không.

NAM MÔ HƯƠNG VÂN CÁI BỒ TÁT, MA HA TÁT.

*

KỆ KHAI KINH

Pháp mầu vô thượng rất thẳm sâu.
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu.
Con nay nghe thấy chuyên trì niệm,
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MƯU NI PHẬT.

QUY SƠN CẢNH SÁCH

CÚ, THÍCH, KÝ, TỰ

Sanh tử sự đại, tấn tốc vô thường, học Đạo nhơn, đương thời khắc dĩ thử vi niệm. Nhật Nguyệt dị mại, nhược phất vân lai. Sanh giả bất tu, tử tương hề cụ ? Thao thiết lậu tập, thành vi khả sỉ ! Thử QUI SƠN CẢNH SÁCH chi sở dĩ tác dã.

Đảnh Hồ, "Tại" Hòa thượng, phu đương diệu đạo, dụ hối lai học, truân khẩn thiết đốc, tương dịch bị chí.

Ngẫu nhất nhất Đại Chúng thỉnh Sư khai thị QUI SƠN CẢNH SÁCH tông thú. Sư dĩ vô ngại huệ biện, duyệt khả chúng tâm nhơn phục thỉnh Sư phân khoa, cú thích, sử Cảnh Sách chi chỉ đồng nhiên. Vô luận Thượng Triết, Trung Lưu, giai khả tuần tu tất nghệ chí đạo.

Sư chi thượng túc "Thạch Tiễn Quỳnh Công" ký Sư nhất tiền xuyễn diễn chi ngôn, Chú vu chương mạt, như cẩm thiêm hoa, như cao trợ minh. Thị Thơ đại hữu bi vu hậu học; phỉ tế cố dã. Đọc thị Thơ giả, nhi như kiến

TỔ "QUI SƠN" LÀM VĂN "CẢNH SÁCH" ĐỨC "HOẰNG TÁN" GIẢI TỪNG CÂU. NGÀI "KHAI QUÝNH" LÀM LỜI KÝ, ÔNG "KHOÁN VỆ" VIẾT BÀI TỰA.

Luận rằng : "Sanh Tử" là việc lớn mau chóng không thường. Người học Đạo, chính trong mỗi giờ mỗi khắc, lấy đây làm mối nghĩ. Bởi ngày tháng mau qua, bằng qua rồi khó mong trở lại. Sống đây chẳng lo tu, chết đem món gì theo ? Tham lam thói hèn, thật là đáng hổ. Sở dĩ Ngài "Qui Sơn" làm văn CẢNH SÁCH này là vậy.

Ở non Đảnh Hồ Ngài "Tại Tham Hòa Thượng" mở bày đạo mầu, dạy dỗ kẻ đến học, gắn bó dốc thiết, dìu dắt đủ điều.

Tình cờ một bữa nọ trong Đại Chúng thỉnh thầy (tổ) khai thị tông thú bộ QUI SƠN CẢNH SÁCH. Thầy dùng huệ vô ngại biện giải, ưa thích lòng chúng. Nhơn đây lại thỉnh Thầy phân từng khoa giải từng câu, làm cho tông chỉ văn CẢNH SÁCH này thông suốt. Không luận bực Thượng kiết kẻ Trung lưu ai cũng có thể noi theo đây mà tu hành, đều đến chỗ chí Đạo *(thành Phật)*.

Đệ tử lớn của Thầy là ông "Thạch Tiền Quýnh Công", nhớ những lời giảng dạy của Thầy ngày trước, chú giải nơi sau bài. Như gấm thêm hoa, như đầu giúp sáng. Sách này rất bổ ích cho kẻ hậu học, chẳng phải cơ nhỏ vậy. Người đọc sách này cũng như thấy Tổ "Qui Sơn" vậy, và cũng như thấy Ngài Tại Tham Hòa Thượng cùng Tổ Qui

"QUI SƠN", diên nhi như kiến tại Hòa Thượng dữ Qui Sơn. Dị khẩu đồng tâm, năng suy tùng thượng, Phật Tổ kiệt lực vị nhơn chi xứ dữ Đại chúng tương khuyến miễn tư cảnh diên.

Tích "Đại An" Thiền Sư vân : Ngã tại "Qui Sơn" tam thập niên khán thủy hổ ngưu kim biến tác lộ địa bạch ngưu thường tại diện tiền, chung nhật lộ Quýnh Quýnh địa, sấn diệc bất khứ, thử chơn khả vị năng tự "Cảnh Sách" giả dã.

Ngô nguyện thiên hạ học đạo nhơn, giai dĩ "Đại An Thiền Sư" năng tự "Cảnh Sách" giả, nhi sách chi.

Thời "Thuận Trị", "Canh Tý" tuế lạp ngoạt, "Ngung Sơn" đệ tử "Khoán Vệ", thơ vu "Long Giang" sơn lộc.

"Đại Nam", "Duy Tân", tứ niên tuế "Canh Tuất" chánh ngoạt, Tri chỉ Bí Sô "Nguyên Huấn" tân thơ.

QUI SƠN CẢNH SÁCH cú thích ký, thất thập lục chỉ. Pháp hội "Nguyên Loan", "Nguyên Mỹ" đẳng, phát tâm trùng tử.

"Hà Đông", "Thường Tín", "Phú Xuyên" "Khai Thới", "Cổ Liêu" xã, "Quang Lảng" thôn, "Viên Minh tự" tàng bản.

Sơn, tuy khác miệng mà vẫn đồng một tâm, rồi hay suy lần, lên bực "Phật Tổ" chỗ hết sức vì người; mới cùng Đại Chúng khuyên lơn răn nhắc với nhau vậy.

Xưa ngài "Đại An Thiền Sư" nói : "Ta ở non Qui Sơn" 30 năm chăn con trâu đen [1] nằm dưới nước, bấy giờ nó trở thành con trâu trắng [2] đứng trên bờ, thường ở trước mặt, cả ngày bày chỗ sờ sờ, đuổi mãi mà nó cũng chẳng chịu đi, thế mới thật đáng gọi là hay tự "Cảnh Sách" lấy mình đó vậy.

Tôi nguyện sao trong thiên hạ, những người học Đạo, ai cũng rán bắt chước Ngài "Đại An Thiền Sư" hay tự "Cảnh Sách" lấy Ngài mà sách tấn phần mình ấy vậy.

Thời kỳ "Thuận Trị" năm Canh Tý, tháng chạp, non "Ngung Sơn" đệ tử tên "Khoán Vệ" viết bài tựa này tại chân núi đất "Long Giang".

Nước "Đại Nam", Triều vua "Duy Tân" năm thứ tư, nhằm năm "Canh Tuất" tháng giêng, bực Trí Chỉ Bí Sô là ông "Nguyên Huẩn" mới biên vô đây.

Bộ QUI SƠN CẢNH SÁCH cú, thích, ký cộng giấy 76 tờ.

Tại Pháp hội : Ông "Nguyên Loan", ông "Nguyên Mỹ" và các ông, phát tâm khắc bản lại.

Bản này để tại chùa "Viên Minh", thôn "Quang Lãng", làng "Cổ Liêu", tổng "Khai Thới", huyện "Phú Xuyên", phủ "Thường Tín", tỉnh "Hà Đông".

*

(1) Con Trâu đen : (Tâm vô minh, đen tối, tức tâm chúng sanh).
(2) Con Trâu trắng : (Tâm Giác ngộ, sáng suốt, tức tâm Phật).

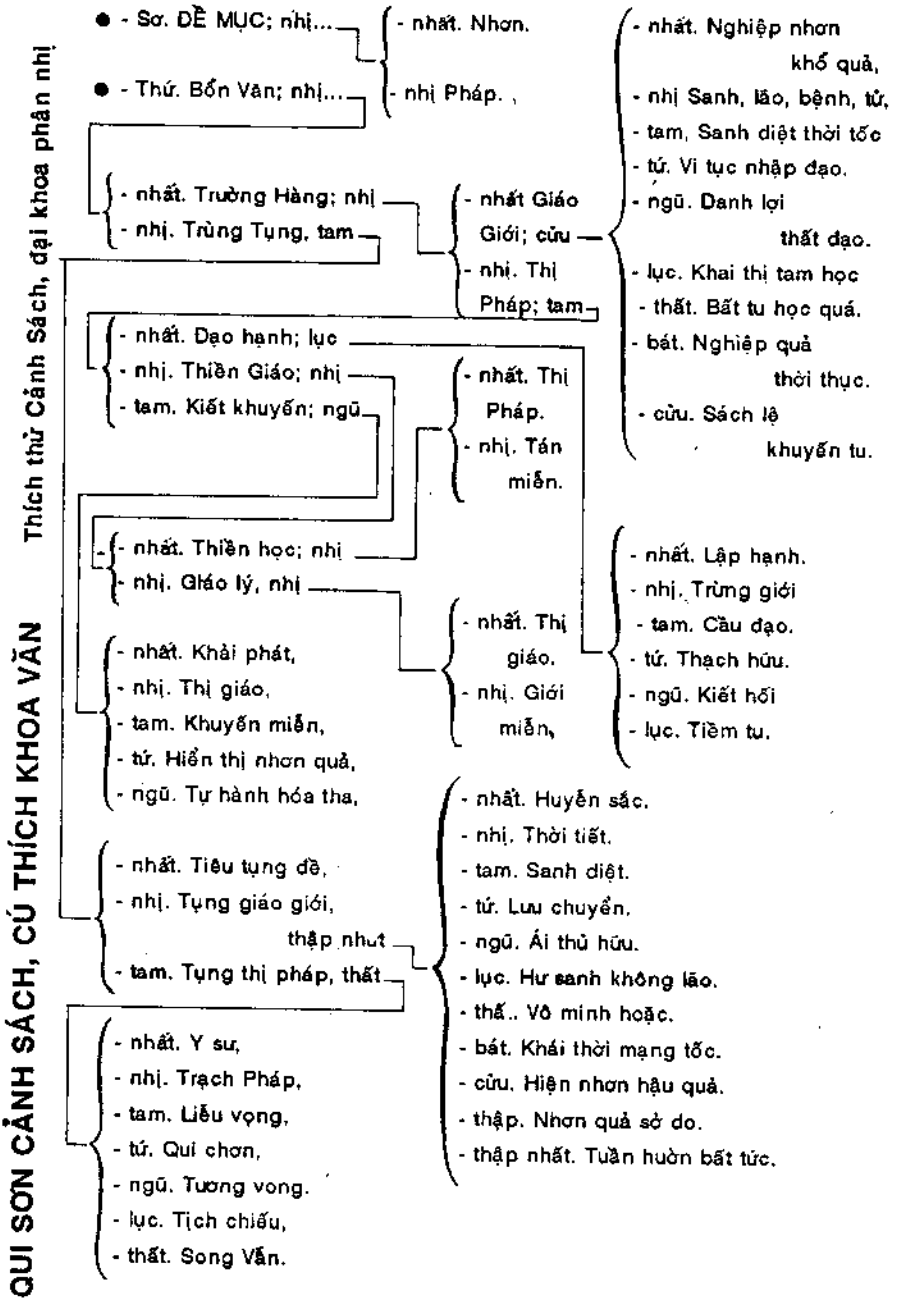
QUI SƠN CẢNH SÁCH, CỦ THÍCH KHOA VĂN
Thích thử Cảnh Sách, đại khoa phân nhị
● - Sơ. ĐỀ MỤC; nhị...
- nhất. Nhơn.
- nhị Pháp.
● - Thứ. Bổn Văn; nhị...
- nhất. Trường Hàng; nhị
- nhị. Trùng Tụng, tam
- nhất Giáo Giới; cửu
- nhị. Thị Pháp; tam
- nhất. Nghiệp nhơn khổ quả,
- nhị Sanh, lão, bệnh, tử,
- tam, Sanh diệt thời tốc
- tứ. Vi tục nhập đạo.
- ngũ. Danh lợi thất đạo.
- lục. Khai thị tam học
- thất. Bất tu học quả.
- bát. Nghiệp quả thời thục.
- cửu. Sách lệ khuyến tu.
- nhất. Dạo hạnh; lục
- nhị. Thiền Giáo; nhị
- tam. Kiết khuyến; ngũ
- nhất. Thị Pháp.
- nhị. Tán miễn.
- nhất. Thiền học; nhị
- nhị. Giáo lý, nhị
- nhất. Thị giáo.
- nhị. Giới miễn,
- nhất. Lập hạnh.
- nhị. Trừng giới
- tam. Cầu đạo.
- tứ. Thạch hữu.
- ngũ. Kiết hối
- lục. Tiệm tu.
- nhất. Khải phát,
- nhị. Thị giáo,
- tam. Khuyến miễn,
- tứ. Hiển thị nhơn quả,
- ngũ. Tự hành hóa tha,
- nhất. Tiêu tụng đề,
- nhị. Tụng giáo giới,
- tam. Tụng thị pháp, thất thập nhứt
- nhất. Huyễn sắc.
- nhị. Thời tiết.
- tam. Sanh diệt.
- tứ. Lưu chuyển.
- ngũ. Ái thủ hữu.
- lục. Hư sanh không lão.
- thất.. Vô minh hoặc.
- bát. Khái thời mạng tốc.
- cửu. Hiện nhơn hậu quả.
- thập. Nhơn quả sở do.
- thập nhất. Tuần hoàn bất tức.
- nhất. Y sư,
- nhị. Trạch Pháp,
- tam. Liễu vọng,
- tứ. Qui chơn,
- ngũ. Tương vong.
- lục. Tịch chiếu,
- thất. Song Vẫn.

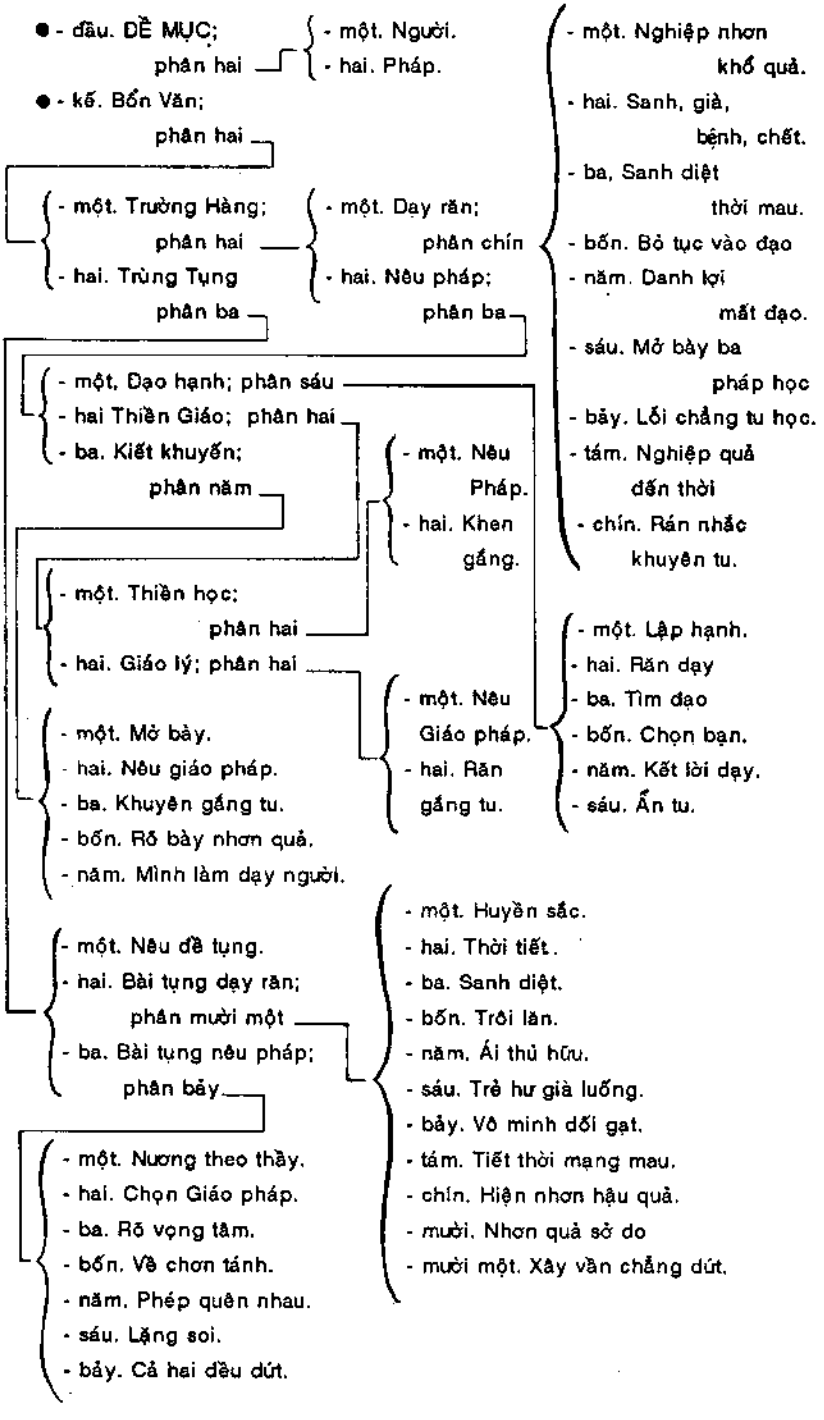
● - đầu. ĐỀ MỤC;
phần hai
- một. Người.
- hai. Pháp.
● - kế. Bốn Văn;
phần hai
- một. Trường Hàng;
phần hai
- hai. Trùng Tụng
- một. Dạy răn;
phần chín
- hai. Nêu pháp;
phần ba
- một. Nghiệp nhơn khổ quả.
- hai. Sanh, già, bệnh, chết.
- ba, Sanh diệt thời mau.
- bốn. Bỏ tục vào đạo
- năm. Danh lợi mất đạo.
- sáu. Mở bày ba pháp học
- bảy. Lỗi chẳng tu học.
- tám. Nghiệp quả đến thời
- chín. Rán nhắc khuyên tu.
phần ba
- một. Đạo hạnh; phần sáu
- hai Thiền Giáo; phần hai
- ba. Kiết khuyến;
phần năm
- một. Nêu Pháp.
- hai. Khen gắng.
- một. Thiền học;
phần hai
- hai. Giáo lý; phần hai
- một. Nêu Giáo pháp.
- hai. Răn gắng tu.
- một. Lập hạnh.
- hai. Răn dạy
- ba. Tìm đạo
- bốn. Chọn bạn.
- năm. Kết lời dạy.
- sáu. Ẩn tu.
- một. Mở bày.
- hai. Nêu giáo pháp.
- ba. Khuyên gắng tu.
- bốn. Rõ bày nhơn quả.
- năm. Mình làm dạy người.
- một. Nêu đề tụng.
- hai. Bài tụng dạy răn;
phần mười một
- ba. Bài tụng nêu pháp;
phần bảy
- một. Huyền sắc.
- hai. Thời tiết.
- ba. Sanh diệt.
- bốn. Trôi lăn.
- năm. Ái thủ hữu.
- sáu. Trẻ hư già luống.
- bảy. Vô minh dối gạt.
- tám. Tiết thời mạng mau.
- chín. Hiện nhơn hậu quả.
- mười. Nhơn quả sở do
- mười một. Xây vần chẳng dứt.
- một. Nương theo thầy.
- hai. Chọn Giáo pháp.
- ba. Rõ vọng tâm.
- bốn. Về chơn tánh.
- năm. Phép quên nhau.
- sáu. Lặng soi.
- bảy. Cả hai đều dứt.

PHỤ PHÁP HỘI

DUYÊN KHỞI

Uẩn ư Bính Ngũ Hạ, Pháp Hội Tỳ kheo Nguyên Loan, Nguyên Mỹ đẳng, đồng tâm thơ khắc, Phật Tổ Tam Kinh. Toại Sư chú bổn, thiểm gia chương mục âm nghĩa, dĩ bị quan lảm.

Thiết niệm "Qui Sơn cổ Phật" "Hoằng Tán Đại sư" dị khẩu đồng tâm, tuyên dương cảnh sách. Tỉ ấu học dĩ tầm nguyên, đải lão thành nhi xuất thế. Minh tâm kiến tánh, cai "Thiền Giáo Luật" chi tam Tông, đắc chỉ qui căn, tổng "Giới Định Huệ" chi tam học.

Cổ kim dị thế túy trác đồng thời. Thích ca phục kiến ư Đường Triều, Văn Thù tái sanh vu minh đại hĩ.

Cố tái đồng tâm thơ khắc, dĩ quảng kỳ truyền bái tán sổ từ vĩnh di chư hậu, vân nhĩ.

*

NƠI PHÁP HỘI

PHỤ LỜI DUYÊN KHỞI

Ông "Nguyên Uẩn" trong mùa Hạ, năm "Bính Ngọ" tại Pháp Hội Tỳ Kheo : "Nguyên Loan", "Nguyên Mỹ" và các ông, đồng tâm biên khắc, bộ "Phật Tổ tam kinh". Ngài "Toại Sư" chú giải bổn văn. Còn tôi (Nguyên Uẩn) thì viết thêm mấy chỗ "Chương Mục âm nghĩa" cho đủ xem.

Tôi trộm nghĩ Tổ "Qui Sơn Cổ Phật" Ngài "Hoằng Tán Đại Sư" khác miệng đồng lòng, tỏ bày răn nhắc. Khiến kẻ nhỏ học biết chỗ tìm nguồn, đến khi lớn khôn mới mong xuất tục. Được minh tâm kiến tánh, gồm thông "Thiền Giáo Luật" ba Tông, đăng ý chỉ về cội căn, tóm thành "Giới Định Huệ" ba phép học.

Xưa nay đời khác, lời lẽ in nhau, thật là Phật "Thích Ca" hiện lại trào nhà "Đường", đức "Văn Thù" tái sanh nhà "Minh" đó vậy.

Cho nên chúng tôi, đồng tâm biên khắc bộ này lại, để rộng lưu truyền; kính khen đôi lời hằng để lại đời sau và đời sau nữa vậy.

*

QUI SƠN CẢNH SÁCH

QUYỂN THƯỢNG

QUI SƠN CẢNH SÁCH

CÚ THÍCH KÝ

QUYỂN THƯỢNG

Việt Đông, Đảnh Hồ Sơn, Sa môn
Thích Hoằng Tán Tại Tham chú
Môn nhơn, Tỳ kheo Khai Quỳnh ký

Tương thích thử văn, Đại khoa phân nhị : Sơ thích đề mục. Thứ thích bổn văn.

SƠ THÍCH ĐỀ MỤC, *NHỊ* :
NHẤT : NHƠN - *NHỊ* : PHÁP

NHẤT : NHƠN

QUI SƠN

Đề mục tứ tự. Thượng nhị tự, thị năng thuyên chi Nhơn. Hạ nhị tự thị Sở thuyên chi Pháp. Nhơn dĩ sơn vi xưng; pháp dĩ cảnh sách vi mục.

Nhơn dĩ sơn vi xưng giả.

Sơn cứ Trường Sa quận Tây Bắc, nhơn Sư cư chi, dĩ tôn nhơn cố nhi xưng sơn dã.

BỘ QUI SƠN CẢNH SÁCH
CÚ THÍCH KÝ

QUYỂN THƯỢNG

Tỉnh Việt Đông, non Đảnh Hồ, Sa môn Thích Hoằng Tán hiệu Tại Tham chú giải bổn văn. Kẻ mõn nhơn, Tỳ kheo Khai Quýnh làm lời ký.

Sắp giải văn này, Đại khoa phân 2 : Đầu giải đề mục, kế giải bổn văn.

ĐẦU GIẢI ĐỀ MỤC, PHÂN 2 :
1.) "NHƠN" - 2.) "PHÁP"

1. "NHƠN"

QUI SƠN :

Bốn chữ Đề mục : "QUI SƠN CẢNH SÁCH" hai chữ trên, là Người hay nói : Hai chữ dưới là Pháp bị nói. "Người" ấy hòn núi xưng tên. "Pháp" lấy chữ "Cảnh Sách" làm Đề mục.

Người lấy núi làm tên xưng là sao ?

Bởi núi ở Tây Bắc quận "Trường Sa", nhơn Thầy ở đó, do vì người tôn trọng cho nên kêu luôn cái tên núi vậy.

Sư húy "Linh Hựu" tục tánh "Triệu" "Phước Châu" "Trường Khê" nhơn dã. Niên thập ngũ xuất gia, nhị thập thọ cụ giới. Tinh cứu đại tiểu thừa "Kinh Luật". Nhị thập tam, du "Giang Tây", tham "Bá Trượng Đại Trí Thiền Sư" Trượng nhứt kiến hứa chi nhập thất, toại cư tham học chi thủ.

Nhứt nhựt thị lập thứ. Trượng linh bát lư thủ hỏa. Sư bát vân vô hỏa. Trượng tự khởi thâm bát đắc thiểu hỏa, cử dĩ thị chi viết : Như đạo vô giá cá thị thậm ma ? Sư nhơn nhi ngộ nhập, lễ tạ trần kỳ sở ngộ. Trượng viết : Thử nãi tạm thời kỳ lộ nhĩ". Kinh vân : "Dục thức Phật tánh nghĩa, đương quan thời tiết nhơn duyên. Thời tiết ký chí, như mê hốt ngộ, như vong hốt ức, phương tỉnh kỷ vật, bất tùng tha đắc". Cố Tổ sư vân : Ngộ liễu đồng vị ngộ, vô tâm diệc vô pháp, chỉ thị vô hư vọng, Phàm, Thánh đẳng tâm; bổn lai tâm pháp nguyện tự bị túc. Như kim ký nhĩ, thiện tự hộ trì. Sư hậu sung "Điển Tòa" chi chức.

Thời hữu "Tư Mã Đầu Đà" tự Hồ Nam lai vị Trượng viết : "Khoảnh tại Hồ Nam, tầm đắc nhứt sơn danh "Đại Qui" thị nhứt thiên ngũ bá nhơn "Thiện Tri Thức" sở cư chi xứ".

Trượng viết : "Lão Tăng vãng trụ khả hồ ?" - Đà viết : "Phi Hòa thượng sở cư".

Trượng viết : "Hà dã" ? - Đà viết : "Hòa Thượng thị cốt nhơn, bỉ thị nhục sơn, thiết cư chi đồ bất mãn thiên". Trượng linh "Thị Giả"

Chớ tên thật của Thầy là "Linh Hựu" họ tục là họ "Triệu" người sanh trưởng quận "Trường Khê" tỉnh "Phước Châu" vậy. Mười lăm tuổi xuất gia, 20 tuổi thọ giới cụ túc. Ròng xét "Kinh Luật" đại thừa tiểu thừa. Hai mươi ba tuổi qua đất "Giang Tây", ra mắt Tổ "Bá Trượng Đại Trí Thiền Sư" Tổ một phen thấy cho Thầy hầu gần, bèn ở tham học, là người đầu tiên trong chúng.

Một bữa tới phiên đứng hầu, Tổ sai bươi lò lấy lửa. Thầy bươi rồi nói rằng không lửa. Tổ tự chờ dậy đến bươi sâu đặng chút lửa, gắp dơ lên bảo rằng : "Ông nói không, chớ cái đây là cái gì ?"

Thầy nhơn đấy mà tỏ ngộ, lễ tạ tự trần chỗ tỏ ngộ. Tổ nói : "Thế thời mới đây đã chia đường tách nẻo *(mê với ngộ)* rồi vậy". Hèn chi trong kinh nói : "Muốn biết nghĩa "Phật tánh" hãy coi thời tiết nhơn duyên. Thời tiết đã đến, như mê thoạt ngộ, như quên thoạt nhớ, mới biết vật đó là vật của mình, chớ chẳng từ cái khác mà đặng".

Cho nên đức Tổ Sư nói : "Ngộ rồi đồng chưa ngộ, không Tâm cũng không Pháp, chính thật không luống dối, dù Phàm, dù Thánh cũng đồng một Tâm, Tâm Pháp như vậy vốn tự xưa nay khẳm đủ. Ông nay được rồi phải khéo tự giữ gìn lấy. Thầy sau được Tổ cử làm chức "Điển Tọa".

Bấy giờ có ông "Tư Mã Đầu Đà", từ đất "Hồ Nam" đến bạch Tổ rằng : "Thưa Ngài, Đệ tử ở trong đất Hồ Nam tìm đặng một hòn núi tên là "Đại Qui", phải cảnh của một nghìn năm trăm ông Thiện Tri Thức ở tu".

Tổ "Bá Trượng" hỏi : "Lão Tăng nầy qua ở đó đặng chăng ?" - Đà bạch : "Chẳng phải ở chỗ của Hòa Thượng".

Trượng hỏi : "Sao vậy ?" - Đà thưa : "Hòa Thượng là người già, núi kia là núi trẻ, dù Hòa Thượng qua ở đó, đồ chúng chẳng đủ nghìn người". Bấy giờ Tổ "Bá Trượng"

hoán "Thủ Tòa" lai, vấn viết : "Thử nhơn hà như" ? - Đà thỉnh khánh khái nhất thỉnh hành số bộ.

Đà viết : "Bất khả dã" - Phục hoán"Điển Tòa" lai vấn ? - Đà nhất kiến nãi viết : "Thử chánh thị "Qui Sơn" chủ dã".

Trượng dạ triệu Sư nhập thất chúc vân : "Ngô hóa duyên tại thử, "Qui Sơn" thắng cảnh, nhữ đương cư chi, tự thục ngô tông, quảng độ hậu học".

Sư toại vãng cư diên, kỳ sơn tiêu tuyệt, bàn mộc cùng cốc, kỷ thiên bá lý, vi Bi, Báo, Hổ, Hủy chi trạch, nhơn tích hản chí. Sư dữ Viên Hầu vi bạn, thập "Tượng", "Lật" sung xan, kinh lục thất tải. Hương dân xảo tri, suất chúng cọng dinh phạm vô. Do thị Đạo truyền Thiên Hạ. Thiền học bức tấu, toại kiến "Qui Ngưỡng" nhất Tông. Phu dương chánh giáo, tứ thập dư tải, đắc ngộ giả, bất khả thăng số, nhập thất giả, tứ thập nhất nhơn.

Ư "Đường", "Thái Trung" thất niên, chánh ngoạt cửu nhật, quán thấu phu tọa, di nhiên nhi hóa. Thế thọ bát thập tam. Tăng lạp lục thập tứ. Tháp ư bổn sơn Nam Phụ, sắc thị "Đại viên Thiền sư" Tháp viết : "Thanh tịnh".

Ký viết : "Truyện vân Sư trụ "Qui Sơn" nhật cửu, tự tri tiền thân tằng vi "Việt Châu" thôn tự, tụng PHÁP HOA kinh Tăng. Sư thị tịch tuế, khử "Như Lai" diệt độ nhất thiên bát bá linh nhị niên hĩ. Tư Mã Đầu Đà, kỳ nhơn nội bí Trực chỉ Tông, ngoại huấn Nhơn luân chi giám, kiêm cùng Địa lý chư phương sáng Tự đa thủ quyết diên. Thủ tòa tức Huê Lâm Hòa thượng dã.

sai "Thị giả" đòi ông "Thủ Tọa" đến hỏi rằng : "Người này ra sao"? - Đà đáp : "Xin tằng hắng một tiếng, đi vài bước coi thử".

Đà nói : "Không được vậy", Tổ lại kêu ông "Điển Tọa" đến hỏi ? - Đà một phen thấy liền nói : "Mô Phật, ông này chính là ông chủ "Qui Sơn" vậy".

Tổ Bá Trượng ban đêm đòi Thầy vào thất dặn rằng : "Ta hóa duyên ở đây, non "Qui Sơn" là thắng cảnh, ngươi phải qua ở đó nối nắm dòng ta, rộng độ kẻ hậu học".

Thầy vâng mệnh qua ở vậy. Núi kia cao vót, cây rậm hang thẳm, mấy nghìn trăm dặm, làm hang cho những Beo, Gấu, Tây, (1) Cọp ở, dấu chân người ít đến. Thầy cùng làm bạn với loài Vượn Khỉ, lượm trái "Tượng" trái "Lật" đở bữa ăn, trải sáu bảy năm. Dân trong làng lần biết rủ nhau chung cất một ngôi chùa. Do đây Đạo truyền trong thiên hạ. Kẻ Thiền học đông nhiều, bèn lập một "Tông Qui Ngưỡng", mở bày chánh giáo hơn bốn mươi năm, người tỏ ngộ không thể kể xiết, bực Thượng trí bốn mươi mốt người.

Nhằm đời "Đường" niên hiệu "Thái Trung", năm thứ bảy, tháng giêng ngày mùng chín, Ngài rửa mặt súc miệng, ngồi Kiết Già, vui vậy về Phật. Tuổi đời 83, tuổi Đạo 64. Tháp ngài cũng dựng hòn núi này "Qui Sơn" về khu phía Nam. Vua ban hiệu ngài là "Đại Viên Thiền Sư" Tháp đề hai chữ "Thanh Tịnh".

Lời Ký nói : "Trong truyện chép Thầy ở non "Qui Sơn" lâu ngày, tự biết thân trước của Thầy làm ông sư tụng kinh PHÁP HOA ở chùa làng "Việt Châu". Năm Thầy thị tịch cách đức "Phật Như Lai" diệt độ một nghìn tám trăm lẻ hai năm vậy. Ông "Tư Mã Đầu Đà" là người trong tâm chứa cái Tông Trực Chỉ (Phật pháp) *ngoài thân hiện các dạng nhơn luân* (người Đời) *gồm thông sách Địa lý, các phương lập chùa phần nhiều nhờ ông quyết đúng vậy. Ông Thủ Tọa tức ngài "Huê Lâm" Hòa Thượng vậy.*

---

(1) "Tây" hay "Tê" hay "Hùy" : con Hùy, tức là con Tê giác cái. Sừng nó dùng làm chén uống rượu, ta quen đọc là Tê, trong tự điển đọc là Hùy.

NHỊ : PHÁP

CẢNH SÁCH

Thử nhị tự, nãi nhất quyển văn chi Tông trí dã. Cảnh vị cảnh chư vị ngộ. Sách vị sách chư hậu tấn. Thời "Qui Sơn" Đại sư nhơn đồ pháp mạc, tình tệ nhất tư. Tăng đồng lậu tục, thao thiết giải đãi, vô hướng thượng chí, toại tác thử cảnh sách dĩ hiểu ngộ miễn tấn diên.

Ký viết : "Án chư Kinh Luận hoặc dĩ đơn "Nhơn" vị danh, hoặc" dĩ đơn "Pháp" vi danh, hoặc dĩ "Nhơn", "Pháp" vi danh. Kim thử CẢNH SÁCH, chánh dĩ Nhơn. Pháp vi danh

QUI SƠN nhị tự, thị hậu nhơn sở trí, phi Đại sư tự lập. Như thường đồ chú thuật, ư Đề mục hạ, biệt xuất tác giả danh, Kim tụu đề trung tiêu xuất, cố dĩ "Nhơn", "Pháp" vi danh dã.

THỨ THÍCH BỔN VĂN *NHỊ :*
SƠ : TRƯỜNG HÀNG - *THỨ :* TRÙNG TỤNG
SƠ.- TRƯỜNG HÀNG *NHỊ :*
NHẤT : GIÁO GIỚI - *NHỊ :* THỊ PHÁP

NHẤT.- GIÁO GIỚI, *CỬU :*

Nhất : Nghiệp nhơn khổ quả

Nhị : sanh lãobệnh tử	**Tam : sanh diệt thời tốc**
Tứ : vi tục nhập đạo	**Ngũ : danh lợi thất đạo**
Lục : khải thị tam học	**Thất : bất tu học quá**
Bát : nghiệp quả thời thục.	**Cửu : sách lệ khuyến tu.**

2.- "PHÁP"

CẢNH SÁCH

Hai chữ "Cảnh Sách" đây là cái Tông Chỉ của một quyển văn. Chữ "Cảnh" là răn các người chưa ngộ. Chữ "Sách" là nhắc những đoàn hậu tấn. Khi đó ngài "Qui Sơn" Đại Sư, nhơn thấy đời "mạt pháp", tình tệ ngày càng thêm. Ông Thầy đồng một thói quê hèn như người "Thế tục" ham hố tham lam biếng nhác, không có chí hướng cao thượng, nên ngài mới làm văn "Cảnh Sách" đây, để nhắc thức gắng tới.

Lời Ký nói : *Xét trong các bộ Kinh Luận hoặc có bộ riêng lấy tên "Người" làm tên (bộ) hoặc có bộ riêng lấy tên Pháp làm tên. Hoặc có bộ lấy luôn cả tên Người và tên Pháp làm tên. Như bộ CẢNH SÁCH nầy đây, chính lấy tên Người, tên Pháp làm tên.*

Hai chữ "QUI SƠN" là người đời sau đặt để chớ chẳng phải ngài Đại Sư tự lập. Như theo lối thông thường các nhà chú thuật, Kinh chi, Luận chi nơi dưới "Đề mục" (nhan đề) có riêng nêu tên của "Tác giả". Song nay bộ CẢNH SÁCH nầy tới trong Đề mục mới nêu ra, cho nên lấy cả tên người và tên Pháp kèm tên của bộ sách này vậy. (Tên Người : "Qui Sơn", tên Pháp : "Cảnh Sách").

KẾ GIẢI BỐN VĂN, PHẦN 2 :

Trước : TRƯỜNG HÀNG - Sau : TRÙNG TỤNG

Trước : TRƯỜNG HÀNG, phần HAI :

1) Dạy răn. - 2) Nêu Pháp.

1.- Dạy răn phần CHÍN :

1) Nghiệp nhơn khổ quả

2) Sanh, Già, Bệnh, Chết, 3) Sanh diệt thời mau,

4) Bỏ tục vào Đạo. 5) Danh Lợi lỗi Đạo.

6) Mở bày pháp Tam Học 7) Lỗi không tu học.

8) Nghiệp quả thời đến. 9) Răn nhắc khuyên tu.

NHẤT : NGHIỆP NHƠN, KHỔ QUẢ

Phù nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy

Thượng cú, minh "Nghiệp quả", hạ cú, minh chúng khổ. Thử thị nghiệp hệ khổ tướng. Nghiệp thuộc quá khứ. "Khổ quả" thuộc hiện tại. Ngôn kỳ "Nhơn trung hữu hệ, cố kỳ "Quả" trung hữu lụy. Lụy phi nhất trí, cố vân : "Chúng khổ".

Chúng khổ giả. Lược ngôn tam khổ, bát khổ. Quảng tắc bát vạn tứ thiên trần lao chư khổ. Cái do "Phàm phu" bất liễu tự tâm, khởi hoặc tạo nghiệp. Dĩ nghiệp hệ phược cố, nan miễn "Phân đoạn" sanh tử chi hình lụy.

"Thiên Thai" vân : "Nhất thiết hữu vi "Tâm hạnh" thường vi vô thường hoạn lụy chi sở bức não, cố danh vi "Khổ". TRÍ LUẬN vân vô lượng chúng sanh hữu tam chưởng thân khổ : Lão, Bệnh, Tử. Tam chưởng tâm khổ : Tham, Sân, Si. Tam chưởng hậu thế khổ : Địa ngục, Ngạ quỉ, Súc sanh.

PHÁP CÚ kinh vân : Tích hữu tứ Tỳ kheo, luận thế khổ sự. Nhứt ngôn, dâm dục não nhơn. Nhất ngôn, cơ khát bức thể. Nhất ngôn, sân nhuế nhiễu loạn. Nhất ngôn, kinh bố khủng cụ cọng cạnh thị phi.

Phật ngôn : "Nhữ đẳng sở luận, bất cứu khổ nghĩa thân vi chư khổ chi bổn; chúng hoạn chi nguyên, đương cầu tịch diệt, thử vi tối lạc.

Ký viết : "Phù vạn lụy bổn ư thân hữu. Thân do nghiệp hệ nhi sanh. Nghiệp nhơn phiền não nhi đắc, dĩ phiền não vô minh hoặc cố, tác chúng hạnh nghiệp. Do tư nghiệp

1- "NGHIỆP, NHƠN, KHỔ QUẢ"

Luận nghiệp đời trước buộc chịu thân đời này Song đã có thân đời này, không mấy ai tránh khỏi cái khổ lụy của thân.

Câu trên nói rõ "Nghiệp Quả" câu dưới chỉ rành các khổ. Đây là nghiệp buộc ràng mới có ra các tướng khổ. Nghiệp nhơn thuộc về đời quá khứ. "Quả khổ" thuộc về đời hiện tại. Nghĩa là trong cái "Nhơn" có gây buộc, nên trong cái "Quả" có khổ lụy. Song khổ lụy không phải một cái, cho nên nói : "Các khổ".

"Các khổ" là gì ? - Nói hẹp có ba khổ và tám khổ. Nói rộng thời có tám vạn bốn nghìn trần lao các khổ. Bởi do chúng "Phàm phu" không rõ tự tâm, nên tạo nghiệp làm bậy. Do vì nghiệp ràng buộc khó khỏi khổ lụy của thân sống chết "Phân đoạn" *(lúc làm Người rồi lại làm súc từ phần từ đoạn).*

Ngài Thiên Thai nói : "Tất cả "Tâm Hạnh" hữu vi, thường bị những cái vô thường nó ép ngặt; cho nên gọi là "khổ". Luận Trí Độ nói : "Vô lượng chúng sanh có ba món khổ của thân : Già, Bệnh, Chết. Ba món khổ của Tâm : Tham, Sân, Si. Ba món khổ về đời sau : Địa ngục, Ngạ quỉ, và Súc sanh".

Kinh Pháp Cú nói : "Xưa có bốn ông Tỳ Kheo, luận việc khổ của đời. Một ông nói, dâm dục hại người là khổ. Một ông nói, đói khát ép mình là khổ. Một ông nói, giận giỗi rối loạn là khổ. Một ông nói, kinh bố khiếp là khổ, cùng nhau tranh đua phải với quấy".

Phật nói : "Chỗ luận của các ông, vì không xét cái nghĩa khổ, thân là gốc các khổ, nguồn các hoạn, các ông phải cầu về cõi vắng lặng "Tịnh độ", thế mới là rất vui".

Lời Ký nói rằng : *Luận muôn sự khổ lụy gốc ở nơi thân mà có. Thân do nghiệp buộc ràng mà sanh. Nghiệp nhơn phiền não mà mắc, vì do vô minh phiền não phỉnh phờ, làm*

cố, hệ phược hữu tình bất đắc giải thoát. Cố ư Tam giới, lục đạo trung thọ chủng chủng thân hình chúng khổ chi lụy. Thị tắc nhơn nghiệp thọ thân, thân hườn tạo nghiệp. Hữu thân tất khổ, hữu hình tất lụy".

Lão Tử diệc vân : "Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân, ngô nhược vô thân, hà hoạn chi hữu. Dục đắc vô thân, tu đắc vô tâm, tâm vi nghiệp dụng, nghiệp tùng duyên khởi. Nhược nhất niệm vô sanh, hoạn lụy cu quyên".

Cố "Triệu" luận vân : "Vạn lụy tư chương, bổn ư vọng tưởng. Vọng tưởng ký khư, tắc vạn lụy đô tức. Ngôn tam khổ giả : Khổ khổ . Hoại khổ . Hành khổ. Vị chúng sanh thọ ư hữu lậu, ngũ ấm phân đoạn chi thân, tánh thường bức bách thị vi khổ, hựu dữ "khổ thọ" tương ưng, tức khổ thượng gia khổ cố danh "Khổ khổ".

Nhược lạc tướng hoại thời, khổ tướng tức chi, thị danh "Hoại khổ". Hữu lậu chi pháp tứ tướng thiên lưu, thường bất an ổn. Cố viết "Hành khổ".

Bát khổ giả ? . Vị " Sanh khổ, Lão khổ, Bệnh khổ, Tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm thạnh khổ. Vị Sanh, Lão, Bệnh, Tử đẳng, chúng khổ tụ tập, cố danh Ngũ ấm thạnh khổ dã.

Ngôn "Phân Đoạn" giả ? . Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, sở chấp pháp tướng bất vong, thọ ư biến dịch sanh tử chi khổ. "Phàm phu" vi ái kiến sở phú bất liễu cảnh giới hư vọng, khởi hoặc tạo nghiệp, thọ ư phân đoạn sanh tử chi khổ.

Ngôn "Phiền não" giả ? . Vị hôn phiền chi pháp, não loạn tâm thần, dữ tâm tác phiền, linh tâm đắc não Lược tắc tam độc thập ác, quảng tắc bá bát phiền não, nãi chí bát vạn tứ thiên chư "Trần Lao" môn. "Trần Lao" môn, tức vạn lụy dã.

các, hạnh nghiệp. Do vì nghiệp ấy ràng buộc chúng hữu tình, không được rảnh rang. Cho nên ở trong ba cõi sáu đường, đầu thai làm thân này thân khác, chịu cái lụy của các khổ. Thế là nhơn nơi nghiệp buộc mới chịu thân này; thân lại gây nghiệp đời sau nữa. Có thân ắt có khổ, có hình ắt có lụy".

Ông Lão Tử cũng nói : "Ta có đại hoạn vì ta có thân; bằng ta không thân, hoạn nạn đâu có. Nhưng muốn đặng không thân, cần nhất không tâm vọng; vọng tâm là cái dụng gây tạo nghiệp, nghiệp từ các duyên phát khởi. Nếu một niệm không sanh vọng, thời bao nhiêu hoạn lụy đều dứt".

Nên ngài Triệu Pháp Sư luận rằng : "Muôn lụy có nhiều, gốc tại vọng tưởng. Vọng tưởng đã trừ, muôn lụy đều hết. Nói ba khổ là gì ? 1) Khổ khổ. - 2) Hoại khổ. - 3) Hành khổ. Bởi chúng sanh chịu cái thân phân đoạn, ngũ ấm, hữu lậu, tánh thường ép ngặt, thật là khổ, lại tương ưng với món "Khổ thọ"; tức nói thân này đã khổ, lại thêm cái khổ của hoàn cảnh nữa, cho nên gọi "Khổ khổ".

Bằng khi tướng vui sắp hoại, tướng khổ liền đến ấy gọi "Hoại khổ". Những pháp Hữu lậu, bốn tướng (sanh, trụ, dị, diệt) dời đổi, không thường an ổn. Cho nên nói "Hành khổ".

Tám khổ là gì ? - Nghĩa là : Sanh khổ, Già khổ, Bệnh khổ, Chết khổ, khổ thương yêu xa lìa, khổ oán ghét gặp gỡ, khổ cầu chi không toại ý, khổ thân ngũ ấm lẫy lừng. Tóm lại Sanh, Già, Bệnh, chết vân vân... Các khổ nhóm hợp : cho nên gọi khổ ngũ ấm lẫy lừng vậy.

Nói chữ "Phân đoạn" là gì ? - Hàng Thanh văn, Duyên Giác và Bồ tát, vì chưa quên được cái tướng chấp pháp nên phải chịu cái khổ chết sống thay ngôi đổi bực. Chúng "Phàm phu" bị màng "ái chấp" tủ che không rõ cảnh giới giữa này là một cảnh giới hư vọng, nên tạo nghiệp làm bậy mà phải chịu cái khổ sống chết từ phần từ đoạn.

Nói "Phiền não" là gì ? - Tức những việc tối tăm rộn rực, rối loạn tâm thần, nó làm cho tâm phải sanh phiền, nó khiến cho tâm phải bực tức, những cái đó đều gọi là "Phiền não". Nhưng tóm lược thời Ba độc Mười ác, rộng nói thời "108 Phiền não", cho đến "84.000" các cửa trần lao. Các cửa trần lao tức muôn sự khổ lụy vậy.

NHỊ : SANH, LÃO, BỆNH, TỬ

Bẩm phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhị cọng thành.

Thượng cú, minh sắc bổn. Hạ cú, minh giả hiệp. Thử nhị cú tổng thuộc sanh pháp, tức vạn lụy chi nguyên dã. "Bẩm" tức bẩm thọ. Thể, tức tứ đại sắc thân.

Tùng sơ nhất niệm điên đảo, lãm phụ mẫu xích, bạch nhị uế vi thân, cố viết "Di thể". Giả chúng duyên giả ? - Giả vị giả tá, diệc tạ dã.

Chúng duyên tức "Tứ đại", "Lục Căn" cập "Thập nhị nhơn duyên".

VIÊN GIÁC Kinh vân : Tứ duyên giả hiệp, vọng hữu lục căn. Lục căn, tứ đại trung ngoại hiệp thành.

Ngôn "Tứ đại" giả ? - Tức Địa, Thủy, Hỏa, Phong, kỳ thể các dị trung vô thiệt tánh, diệc vô chủ tể, năng tự hòa hiệp vi thân. Tất tạ túc, nhơn chúng duyên, tam sự nhi thành, nhơn duyên bất cụ, sắc tức bất trụ.

Thập nhị nhơn duyên giả ? - Sở vị thử hữu, cố bỉ hữu, thử sanh cố bỉ sanh. "Tùng "Vô minh" duyên "Hành". "Hành" duyên "Thức". "Thức" duyên "Danh Sắc". "Danh Sắc" duyên "Lục Nhập". "Lục Nhập" duyên "Xúc". "Xúc" duyên "Thọ". "Thọ" duyên "Ái". "Ái" duyên "Thủ". "Thủ" duyên "Hữu". "Hữu" duyên "Sanh". "Sanh" duyên "Lão Tử".

2) - SANH, GIÀ,BỆNH, CHẾT

Chịu vóc thân cha mẹ để lại, mượn các duyên mà chung nên.

Câu trên nói rõ cội gốc của sắc thân. Câu dưới chỉ rành mượn các duyên hiệp thành sắc thân. Song hai câu này cũng thuộc về một chuyện sanh thân, nhưng thân tức là cội gốc muôn điều khổ lụy vậy. Vưng chịu Tàu gọi chữ "Bẩm", vóc thân tức là sắc thân tứ đại.

Thế nào là để "sắc thân tứ đại" ? - Từ một niệm đầu điên đảo, chen vào hai chất nhơ tinh huyết cha mẹ làm thân, nên gọi để "vóc thân tứ đại".

Mượn các duyên là gì ? - Mượn là cậy mượn, cũng như nương nhờ vậy. Các duyên tức "Bốn đại", "Sáu căn" và "Mười hai nhơn duyên".

Kinh VIÊN GIÁC nói : "Bốn đại", các duyên giả hiệp quấy có "Sáu căn". "Sáu căn", bốn đại trong ngoài hiệp thành.

"Bốn đại" là gì ? - Tức Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại và Phong đại, thể mỗi "đại" mỗi khác, trong không "thật tánh" cũng không "đại" nào làm chủ tể cho "đại" nào, chỉ tự hay hòa hiệp với nhau làm thành thân đó thôi. Vẫn hay hòa hiệp làm thành thân, nhưng ắt phải nhờ các "nhơn duyên" đời trước với "ba việc" mới thành, nếu "nhơn duyên" không đủ, tức sắc thân này cũng chẳng còn.

Nhưng "nhân duyên" ấy có 12 "nhân duyên". Mười hai "nhân.duyên" là gì ? - Chỗ gọi rằng đây có cho nên kia có đây sanh cho nên kia sanh. Tức từ "Vô minh" duyên "Hành", "Hành" duyên "Thức", "Thức" duyên "Danh Sắc", "Danh sắc" duyên "Lục nhập" "Lục nhập" duyên "Xúc", "Xúc" duyên "Thọ", "Thọ" duyên "Ái", "Ái" duyên "Thủ", "Thủ" duyên "Hữu", "Hữu" duyên "Sanh", "Sanh" duyên "Lão tử".

Khởi ưu bi khổ não, như thị thuần đại khổ huấn tích tập nhi sanh. Nhiên thử "thập nhị pháp", triển chuyển năng cảm "quả", cố danh "Nhơn". Hỗ tương do tạ nhi hữu, vị chi "Duyên". Nhơn duyên tương tục tắc sanh tử, vãng hườn vô tế. Nhược phá vô minh bất khởi "Thủ Hữu", tắc tam giới nhị thập ngũ hữu Sanh Tử giai tức.

Sở vị, thử vô cố bỉ vô, thử diệt cố bỉ diệt. Tùng "Vô minh" diệt, tắc "hành" diệt, nãi chí "lão tử ưu bi khổ não", thuần đại khổ huấn tích tập giai diệt hĩ.

Ký viết : "Thân giả chúng duyên sở thành. Duyên hiệp tắc khởi nhi vi "Sanh". Duyên tán tắc diệt nhi vi "Tử".

Thị dĩ pháp tùng duyên cố bất hữu. Duyên khởi cố bất vô. Ký tùng duyên hữu cố vô. "Chơn tể thường chử".

CHỈ QUÁN vân :"Tùng đầu túc chi tiết, nhật nhật đế quán, liễu bất kiến hữu ngã, hà xứ hữu nhơn, cập dữ chúng sanh. "Nghiệp lực" cơ quan, giả vi không tụ. Tùng chúng duyên sanh, vô hữu chủ tể dã.

Thập nhị Nhơn duyên giả ? . Diệc danh "duyên khởi" hữu danh "duyên sanh". Vị tiên vô kỳ sự, nhi tùng bỉ sanh danh chi vi "Nhơn" Tố hữu kỳ phần, nhi tùng bỉ khởi, danh chi vi "Duyên".

Nhật viết "Vô minh" tức hôn ám chi nghĩa. Vị quá khứ thế phiền não chi hoặc, phú cái "Bổn Tánh", vô sở minh liễu dã.

Khởi ra những chuyện lo buồn khổ não, như vậy toàn một đống khổ to chứa nhóm mà sanh ra. Song 12 Pháp "nhân duyên" này đắp đổi xây vần hay cảm sanh ra "Quả" cho nên gọi "Nhân". Đắp đổi nương nhau mà có gọi là "Duyên" - "Nhân duyên" nối chuyền, thì đường "sanh tử" lại qua, qua lại không dứt. Nếu muốn dứt đường "sanh tử" trước phải phá cội gốc "vô minh" không chấp "Thủ Hữu" thì "Ba cõi" "25 loài", sanh tử đều dứt.

Như trên đã nói, đây không, cho nên kia không, đây dứt, cho nên kia dứt. Từ "vô minh" dứt, thời "Hành" dứt, nhẫn đến "Già, Chết, Lo buồn, Khổ não", toàn một đống khổ ta chứa nhóm đều dứt hết vậy.

Lời Ký nói : *Thân này đã mượn các duyên hiệp lại mà thành. Các duyên hiệp lại có ra gọi là "Sanh". Các duyên tan rã thời thân này tiêu diệt nên gọi là "Tử".*

Thế nên do các pháp từ "nhân duyên" giả hợp, nên không phải thật có. Vì "nhân duyên" giả có, nên không thể nói không. Đã từ "nhân duyên" giả hợp mà có, chớ không phải thiệt có, cho nên không có ai làm chủ tể chơn thường vậy.

Trong bộ CHỈ QUÁN Phật dạy : Phải quán sát từ đầu đến chân, lóng đốt, mỗi mỗi xét coi, hoàn toàn không thấy cái gì là cái của ta, cái thân đã không có, làm sao có thân người với cùng chúng sanh. Chẳng qua là cơ quan "nghiệp lực" mượn các duyên giả hợp mà làm thành một khối thân giả dối. Song đã từ các "nhân duyên" giả hợp mà sanh ra, cho nên không có ai làm chủ tể vậy.

Mười hai nhân duyên là gì ? - Cũng kêu "duyên khởi", cũng kêu là "duyên sanh". Bởi trước kia không có việc đó, nhưng từ các nhân duyên giả hợp mà có sanh, nên gọi là "nhân". Sẵn có phần "nhân" ấy, như nhờ các duyên giả hợp kia nên mới có thân này gọi là "duyên".

1.- "Vô minh" tức nghĩa tối tăm. Bởi vọng hoặc phiền não đời quá khứ, che lấp "bản tánh", không được sáng tỏ vậy.

Nhị viết "Hành". "Hành", tức "hành nghiệp". Vị quá khứ thế thân khẩu, tạo tác nhứt thiết thiện, bất thiện nghiệp dã. Thử nhị chỉ thị quá khứ nhơn.

Tam viết "Thức". Thức tức "thức tâm". Vị do quá khứ hoặc nghiệp tương khiên, trí linh thử thức đầu thác mẫu thai. Nhất sát na gian nhiễm "Ái" vi chủng, nạp tưởng thành thai, tức lãm phụ mẫu "Tinh huyết" nhị đích hiệp thành nhất đích đại như đậu tử. Trụ thai tạng trung, dữ "tam sự" hòa hiệp nhật "Mạng", nhị "Noãn", Tam "Thức", thị trung hữu "báo phong", "y phong" danh vi "thọ mạng". "Tinh huyết" bất xú bất lãng danh vi "Noãn", thị trung "Tâm ý" danh vi "Thức". Như thị tam sự, khuyết nhứt tắc hủ bại bất trụ.

Thử thị nhập mẫu thai trung sơ thất nhất vị, danh "Ca La Lạ", trạng như ngưng tô. Tùng thử dĩ hậu, tùy mẫu khí túc thượng, hạ, thất nhựt nhất biến.

CHỈ QUÁN vân : "Nhơn thác thai thời, thần thất thỉ dữ tinh huyết hiệp, đái tư tại "tề". Tề năng liên trì, vị tề ký vi chư trường vị chi nguyên, tại thai chi thờ, dĩ mẫu chi tề, chú tử chi tề. Cố mẫu sở thực, tùng tề nhi thập, dĩ tư ư tử, khí tức diệc nhĩ. Tử sơ tại thai, y ư mẫu tức, cố tục danh tử dĩ chi vi tức.

Tứ viết "Danh Sắc". Danh tức thị "Tâm". Vị "Tâm" đản hữu danh tự, nhi vô hình chất dã. Sắc tức "Sắc chất". Vị tùng thác thai hậu, chí đệ ngũ cá thất nhất danh "Hình vị". Sanh chư căn hình, tứ chi phân biệt, thị danh vi "Sắc". Dĩ phụ mẫu "tinh huyết" vi "thân căn" chưởng. Thức tại kỳ trung, cố hiệp danh "Danh sắc".

Ngũ viết "Lục Nhập". Vị tùng nhập thai dĩ hậu, chí đệ lục cá thất nhật, danh "Phát, Mao, Trảo, Xỉ" vị, chí đệ thất cá thất nhật danh cụ căn vị. Vị "Lục Căn" khai trương hữu nhập "Lục Trần" chi dụng, cố danh "Lục nhập".

2.- "Hành". Hành tức "hành nghiệp". Bởi thân khẩu đời quá khứ, gây tạo những nghiệp thiện và bất thiện vậy. Hai cái này là nhân của đời quá khứ.

3.- "Thức". Thức tức "thức tâm". Bởi hoặc nghiệp đời quá khứ lôi cuốn, làm cho cái "thức" này, gá vào thai mẹ. Trong một sát na, nhiễm "Ái" làm hột giống, nhận "tưởng" thành thai. Liền vin vào hai giọt "Tinh Huyết cha mẹ", hiệp thành một giọt lớn như một đậu. Ở trong thai tạng cùng "ba việc" hòa hợp : 1. "Mạng" 2. "Noãn" 3. "Thức". Trong "ba việc" đây có "Báo Phong" (vọng thức) có "y phong" là y báo ở trong thai bào gọi là "thọ mạng" .Tinh huyết không hôi không rửa gọi là "noãn" (hơi ấm) trong đó đủ cả tâm ý (tám thức) gọi là "Thức". Như vậy ba việc, thiếu một thì hư nát chẳng còn.

Đây là vào trong thai mẹ cái vị bảy ngày đầu tiên, tên "Ca La Lạ" trạng như chất sữa đặc. Từ đây sắp đến cứ theo hơi thở bà mẹ xuống lên, bảy ngày một phen biến đổi.

Trong bộ CHỈ QUÁN nói : "Khi người gá vào thai mẹ, thần thức mới cùng tinh huyết hợp lại, vướng dính nơi rún. Rún hay luôn giữ, đã gọi rún là nguồn của trường vị (Bao tử), khi ở trong thai, do rún mẹ thấm qua rún con. Cho nên mẹ ăn uống, từ rún mà vào để giúp đứa con, hơi thở cũng thế. Đứa con trước, ở trong thai, theo hơi thở bà mẹ; cho nên tục gọi đứa con là hơi thở của bà mẹ".

4.- "Danh Sắc". "Danh" tức là "Tâm". Bởi tâm là một cái chỉ có danh tự kêu gọi mà không có hình chất vậy. "Sắc" tức "Sắc chất". Bởi từ khi gá thai mẹ sắp sau đến bảy ngày thứ năm kêu là "Hình vị". Bởi các căn hình đều sanh, tay chân có đủ nên gọi là "sắc". Lấy tinh huyết cha mẹ làm hột giống "thân căn". "Thức tâm" ở trong đấy nên hợp cả tên gọi của "Tâm" và hình chất của "thân căn" chung kêu là "Danh sắc".

5.- "Lục Nhập". Bởi từ khi vào thai mẹ sắp sau đến bảy ngày thứ sáu gọi là "Phát, Mao, Trảo, Xĩ vị" (vị này có đủ tóc, lông, móng, răng) đến bảy ngày thứ bảy tên "Cụ căn vị". Bởi "6 căn" mở bày, có vào cái dụng "6 trần", nên gọi "Lục nhập".

Lục viết "Xúc". Xúc tức "Xúc đối". Vị tùng xuất thai nãi chí tam tứ tuế thời, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý chi "lục căn", tuy xúc "Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp chi "Lục Trần"; nhi vị năng liễu sanh khổ lạc chi tướng, cố danh vi "Xúc".

Thất viết "Thọ". Thọ tức "Lãnh nạp" chi nghĩa vị ngũ lục tuế, chí thập nhị tam tuế thời, "lục căn" xúc đối "lục trần" tức năng nạp thọ tiền cảnh hảo ố đẳng sự. Tuy năng liễu biệt, nhiên vị khởi tham ái dâm nhiễm chi tâm dã, thử ngũ chi thị hiện tại quả.

Bát viết "Ái". Ái tức "tham ái". Vị tùng thập tứ ngũ tuế chí thập bát cửu tuế thời, tham chủng chủng thắng diệu tư cụ, cập dâm dục đẳng cảnh; nhiên du vị năng quảng biến truy cầu, cố danh vi "Ái".

Cửu viết "Thủ". Thủ tức "cầu thủ". Vị tùng nhị thập tuế hậu, tham ái chuyển thạnh, ư Sắc Thanh, Hương, Vị, Xúc, ngũ trần chi cảnh; tứ phương trì cầu, cố danh vi "Thủ".

Thập viết "Hữu". Hữu tức "hậu hữu". "Nhơn quả" chi bất vong dã. Vị nhơn cầu thủ chư cảnh, khởi thiện ác nghiệp, tích tập khiên dẫn, đương sanh "Dục giới","Sắc giới", "Vô Sắc giới", tam hữu chi "quả" dã, (thử tam chi thị hiện tại nhơn).

Thập nhất viết "Sanh". Sanh tức "thọ sanh". Vị kim sanh sở tác thiện ác chi nghiệp, lai thế ư tam giới lục đạo trung thọ sanh dã.

Thập nhị viết "Lão tử". Lão tức "căn thục". Tử tức "Căn hoại". Vị lai thế thọ sanh dĩ, chí "ngũ ấm" thân thục danh " Lão", thục dĩ hoại diệt danh "Tử", (Thử nhị chi thị vị lai chi quả).

Tư thập nhị chi thị tam thế "Nhơn quả" tuần hườn bất đoạn chi pháp. Dĩ do "quá khứ" thế vô minh hành vi nhơn, cảm tư hiện tại "Thức", Danh sắc", "Lục nhập", "Xúc", "Thọ" vi Quả; do tư quả cố khởi "Ái, Thủ, Hữu" vi hiện tại chi Nhơn. Do tư nhơn cố, chiêu cảm vị lai thế "Sanh, Lão, Tử"

6.- "Xúc". Xúc tức "xúc đối". Bởi từ khi ra khỏi thai đến khi 3, 4 tuổi, "mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý", "6 căn" tuy xúc đối với những món "Sắc, Thanh Hương, Vị, Xúc và Pháp" "6 trần"; mà chưa có thể rõ biết sanh những tưởng khổ và vui cho nên gọi là "Xúc".

7.- "Thọ". Thọ tức nghĩa "Lãnh Nạp". Bởi khi 5, 6 tuổi, đến 12, 13 tuổi "sáu căn" xúc đối với "sáu trần" liền hay nạp thọ những tốt và xấu, những cảnh trước mặt. Tuy hay rõ biết, song chưa khởi tâm tham ái đắm nhiễm, (năm món này là quả đời hiện tại).

8.- "Ái". Ái tức "tham ái". Bởi từ 14, 15 tuổi đến khi 18, 19 tuổi, tham đủ thứ đồ đạc tốt đẹp và những cảnh dâm dục v.v... ; song cũng chưa hay rộng khắp tìm cầu, nên gọi là "Ái".

9.- "Thủ". Thủ tức "cầu thủ". Bởi từ 20 tuổi về sau tham ái càng thạnh, đối những nào Sắc, nào Thanh, Hương, Vị, Xúc, năm trần : bốn phương tìm cầu cho nên gọi là "Thủ".

10.- "Hữu". Hữu tức thân "hậu hữu". Vì "nhân quả" không mất vậy. Bởi nhân tìm lấy những cảnh rồi khởi nghiệp thiện và ác chứa nhóm kéo lôi, nên đời sau phải sanh trong cõi "Dục Giới" "Sắc Giới" và cõi "Vô Sắc Giới", "quả" trong ba cõi vậy, (ba món này là nhân hiện tại).

11.- "Sanh". Sanh tức "thọ sanh". Bởi đời nay tạo những nghiệp thiện và ác, qua đời sau ở trong ba cõi, sáu đường đầu thai vậy.

12.- "Lão tử". "Lão" tức các căn "chín mùi". "Tử" tức là các "căn hư hoại". Nghĩa là đời sau thọ thai sanh ra rồi, đến chừng thân "Ngũ ấm" chín mùi gọi là "Lão", chín mùi đã hoại diệt gọi "Tử", (hai món này là quả vị lai).

Tóm lại mười hai món "nhơn duyên" đây là pháp "nhân quả" xoay vần trong ba đời không dứt. Bởi do đời quá khứ "vô minh" duyên "hành" làm nhân, cảm đến đời hiện tại.

"Thức" "Danh sắc", "Lục Nhập", "Xúc", "Thọ" đây làm "Quả" vì do quả đây, khởi ra "Ái, Thủ, Hữu" làm cái "Nhân" đời hiện tại ; Do vì nhân đây, nên chiêu cảm quả "Sanh Già

chi quả; quả phục tạo "Nhơn", "Nhơn" phục cảm "Quả". Tam thế tương tục, vô hữu gián đoạn, như xa luân chuyển, cố viết "Luân Hồi".

Tuy nãi, "Tứ Đại" phò trì, thường tương vi bội.

Thượng cú, "giả hiệp", Hạ cú, "Quai thuận".

Phù : "Nhơn lãm ngoại "Địa, Thủy, Hỏa. Phong" hiệp tập thành thân, cọng tương phò dực, chấp trì mạng căn trụ thọ nhất kỳ. Nhiên ư kỳ trung, thường tương quai thuận. Nhất "đại" bất đều, bá nhất bệnh sanh. Tứ đại bất đều, tắc tứ bá tứ bệnh, đồng thời cu tác.

Sở ngôn "đại" giả ? Vị thử tứ pháp, vô xứ bất hữu, biến chư phương vức, cố xưng vi "Đại". Vạn sự vạn hình, giai "tứ đại" thành. Tại ngoại, tác vi "Thổ, Thủy, Sơn, Hà". Tại nội, tắc vi tứ chi bá hài, tụ nhi vi "Sanh". Tán nhi vi "Tử".

"Sanh" tắc vi nội "Tử" tắc vi ngoại. Nội ngoại tuy thù, nhi "Đại" bất dị. Kiên tánh thuộc "Địa", tức "Phát, Mao, Trảo, Xỉ, Bì, Nhục, cân cốt" đẳng. Thử nhược bất giả "Thủy" tắc bất hòa hiệp. Thấp tánh thuộc "Thủy", tức thế thóa tinh dịch đại tiểu tiện lợi đẳng. Thử nhược bất giả "Địa", tắc tiện lưu tán, Nhiệt tánh thuộc "Hỏa", tức thân trung noãn khí. Nhược bất giả "Phong", tắc bất tăng trưởng. Động tánh thuộc "Phong" tức xuất nhập tức, cập thân chi

Chết" đời vị lai "Quả" lại tạo "Nhân", "Nhân" lại cảm "Quả". Ba đời nối nhau, không có xen hở, như bánh xe quay tròn lên xuống, xuống lên, cho nên gọi "Luân Hồi".

Tuy là thân "Tứ Đại" giữ gìn, nó thường trái nghịch với nhau.

Câu trên "Bốn đại giả hiệp". Câu dưới "Bốn đại khi trái khi thuận".

Luận rằng : "Thân người ta ngoài nhờ Đất, Nước, Gió, Lửa" hiệp lại thành thân, cùng nhau giúp đỡ giữ gìn thân mạng sống trong một thời kỳ. Song ở trong đó thường trái và thuận với nhau. Như trong một "đại" không hòa, thì một trăm một bệnh sanh ra. Bốn đại không hòa thời bốn trăm bốn bệnh đồng thời sanh ra.

Chữ "đại" là gì ? - Bởi bốn pháp đây, khắp cùng phương cõi không chỗ nào là không có, cho nên gọi là "Đại". Muôn sự muôn vật đều nhờ "bốn đại" này mà thành lập. Bốn đại này ở ngoại cảnh, thời làm cảnh "Đất, Nước, Non, Sông". Ở trong nội thân, thời làm cảnh bốn chi trăm vóc, bốn đại khi nhóm hiệp thời thân này sống còn, gọi là "Sanh". Khi tan rã thân này hoại diệt gọi là "Tử".

"Sanh" thời làm trong thân. "Tử" thời làm cảnh ngoài. Trong ngoài tuy khác, mà "bốn đại" vẫn một. Tánh cứng thuộc "Địa đại", tức như "Tóc, Lông, Móng, Răng, Da, Thịt, Gân, Xương" v.v... "Địa đại" đây nếu không nhờ "Thủy đại" thời không hòa hiệp. Tánh ướt thuộc "Thủy đại" tức như nước mũi, nước miếng, tinh dịch, nước đại tiểu tiện v.v... "Thủy đại" đây nếu không nhờ "Địa đại" đắp ngăn thời trôi chảy luông tuồng. Tánh nóng thuộc "Hỏa đại", tức như hơi ấm trong mình. "Hỏa đại" đây nếu không nhờ "Phong đại" thời không thể tăng trưởng. Tánh động thuộc "Phong đại" tức như hơi thở ra, hơi thở vào và sự động chuyển của thân.

động chuyển. Nhược vô thử "Phong", tắc thân bất năng động chuyển thi vi. Nhiên thử "tứ đại", "tánh bổn" vô hoạn.

Dĩ chúng "Duyên" hiệp tập, tăng tổn tương khắc bệnh hoạn do thị nhi sanh. Cố "Địa" tăng, tắc linh thân trầm trọng. "Thủy" tích, tắc thuế thóa quai thường. "Hỏa" thạnh, tắc đầu hung trán nhiệt. "Phong" động, tắc khí tức kích xung, tức "Trầm Trọng", "Đàm Ấm", "Huỳnh Nhiệt", "Khí Phát", chi bệnh dã.

Do thử tứ bệnh, tắc hữu tứ bá tứ bệnh sanh khởi. "Phong" bệnh bá nhất, "Huỳnh" bệnh bá nhất, "Đàm Ấm" bệnh bá nhất, "Tổng Tập" bệnh bá nhất, Như thị chư hoạn, vô thời bất sanh, cố viết "Thường tương vi bội".

Ký viết : ĐẠI LUẬN vân : "Tứ Đại" vi thân, thường tương xâm hại. Nhất nhất "Đại" trung, bá nhất bệnh khởi. Lảnh bệnh hữu nhị bá nhị, "Thủy" "Phong" khởi cố. Nhiệt bệnh hữu nhị bá nhị, "Địa" "Hỏa" khởi cố.

"Hỏa" nhiệt tướng, "Địa" kiên tướng. Kiên tướng cố nan tiêu. Nan tiêu, cố năng khởi nhiệt bệnh. Huyết, Nhục Cân, Cốt, Mạch, Tủy dẳng, thị "Địa" phần. Trừ kỳ nghiệp báo giả nhất thiết pháp giai hòa hiệp nhơn duyên nhi sanh dã.

PHỤ HÀNH vân : "Tứ Đại" bất thuận giả, hành dịch vô thời, cường kiện đởm phụ, đường xúc hàng nhiệt. Ngoại nhiệt trợ "Hỏa", "Hỏa" cường phá "Thủy" thị tăng "Hỏa"

Nếu không có "Phong đại" đây thời thân ta không thể chuyển động làm lụng chi cả. Song "bốn đại" đây, "bản tánh" nó không bệnh.

Bởi do nhiều "duyên" hiệp lại có khi tăng khi giảm khắc nhau, nên bệnh hoạn do đây mà sanh ra. Bởi vậy một khi "Địa đại" tăng thêm, thời có ra những chứng làm cho thân ta bắt nặng nề. "Thủy đại" tích tụ thời làm những chứng sổ mũi, nước mũi, nước miếng tuôn chảy trái thường. "Hỏa đại" thạnh hành thời làm cho đầu ngực nóng nảy. "Phong đại" hoạt động thời làm những chứng như ngộp hơi, ách ứ, tức như chứng bệnh "Trầm Trọng", bệnh "Đàm Ẩm", bệnh "Huỳnh Nhiệt", bệnh "Khí Phát".

Do bốn bệnh đây mà lan đến bốn trăm bốn bệnh cũng sanh ra. Như bệnh "Phong đại" có 101 bệnh, bệnh "Huỳnh Nhiệt" có 101 bệnh, bệnh "Đàm Ẩm" có 101 bệnh, bệnh "Tổng Tập" có 101 bệnh. Những bệnh đây không giờ phút nào không có, cho nên nói câu : "Thường tương vi bội" (nó thường trái nghịch nhau).

Lời Ký nói : *Trong ĐẠI LUẬN rằng : "Bốn Đại" hiệp lại làm thân thường xâm hại với nhau. Trong mỗi một "Đại" có 101 bệnh sanh ra. Bệnh lạnh có 202 bệnh là vì "Thủy đại", "Phong đại"khởi ra vậy. Bệnh nóng 202 bịnh là vì "Địa đại" với "Hỏa đại" khởi ra vậy.*

Cái tướng của "Hỏa đại" thì nóng mà tướng của "Địa đại" thì cứng. Bởi tướng cứng cho nên khó tiêu. Khó tiêu cho nên thường sanh ra chứng bệnh nóng. Máu, Thịt, Gân, Xương, Mạch, Tủy vân. vân... là về phần của "Địa đại". Trừ người mắc "nghiệp báo" ngoài ra tất cả pháp đều nhờ "nhân duyên" hòa hiệp mà sanh ra vậy.

Bộ PHỤ HÀNH nói : "Bốn Đại" không thuận thì khi ra làm việc không chừng, mạnh mẽ gánh vác xuông đụng lạnh nóng. Ngoài nóng giúp thêm "Hỏa đại", "Hỏa đại"

bệnh. Ngoại hàn trợ "Thủy". "Thủy" tăng hại "Hỏa" thị vi. "Thủy" bệnh. Ngoại phong động khí, khí suy "Hỏa". "Hỏa" động "Thủy", thị vi "Phong" bệnh. Hoặc "Tam Đại" tăng hại ư "Địa" danh "Đẳng Phần" bệnh. Hoặc thân phần tăng hại tam đại, diệc thị "Đẳng phần" bệnh, thuộc "Địa" bệnh.

Ẩm thực bất tiết, diệc năng tác bệnh, như cương, quế, tân vật, tăng "Hỏa". Giá, mật, cam lảnh, tăng "Thủy". Lê tăng "Phong". Cao, nị tăng "Địa". Huỳnh qua, vi nhiệt bệnh, nhi tác nhơn duyên, tức thị hám bất an chi thực nhi sanh bệnh dã. "Cổ" vân : "Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất", thử chi vị dư.

"Vô Thường Lão, Bệnh", bất dữ nhơn kỳ.

Thượng cú, minh tam tướng. Hạ cú, minh vô chủ. Tam tướng bổn không, nguyên vô hữu ngã, hà năng tác chủ, nhậm tình dữ chi kỳ khắc. "Trừ kỳ thức tâm đạt bổn giả", năng chi, mụi giả bất giác dã.

Vô thường giả ?- Vị bổn vô kim hữu, tạm hữu hườn vô, nãi sát na bất trụ chi vị dã. - Tùng xuất thai lai chí "tráng", chí "lão", chí "bệnh", nãi chí "mạng tận". Ư kỳ trung gian niệm niệm thiên lưu bất trụ, cố viết "Vô thường", diệc tử chi dị danh.

Lão giả ? - Căn thục suy mạo, hình khô, sắc túy tinh thần hôn mụi, phát bạch diện trứu, tương tử

"Hỏa" mạnh phá "Thủy đại". Ấy là tăng thêm cái bệnh "Hỏa đại". Ngoài lạnh giúp "Thủy đại". "Thủy đại" tăng nhiều hại "Hỏa đại", ấy là bệnh của "Thủy đại". Gió ngoài thổi động hơi thở, hơi thở thổi "Hỏa đại". "Hỏa đại" động "Thủy đại" ấy là bệnh của "Phong đại". Hoặc ba đại kia tăng nhiều làm hại "Địa đại" gọi bệnh "Đẳng Phần" (Một "đại" bệnh, mấy "đại" cũng đồng bệnh. Dụ như : Đau một ngón tay cả mình đều đau hết nên gọi là bệnh "Đẳng Phần"). *Hoặc thân phần Địa đại tăng thêm làm hại cho ba đại kia, cũng có thể nói "Đẳng Phần" bệnh, thuộc về bệnh của "Địa đại".*

Ăn uống không chừng cũng hay lâm bệnh như ăn gừng, ăn quế, những vật cay, tăng thêm cho bệnh "Hỏa đại". Ăn mía, ăn mật, đồ ngọt lạnh, tăng thêm cho bệnh "Thủy đại". Ăn trái Lê tăng thêm cho bệnh "Phong đại". Ăn dầu mỡ tăng thêm cho bệnh "Địa đại". Ăn trái bí rợ làm nhân duyên sanh ra bệnh nóng, tức là ăn những món ăn không tốt mà phải sanh bệnh vậy. "Cổ nhơn" nói : "Bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra" là nghĩa đây vậy.

"Vô thường, Già, Bệnh". Nó không hẹn với người.

Câu trên nói rõ ba tướng (Vô Thường, Già, Bệnh). Câu dưới chỉ rành không chủ. Ba tướng vốn không, nguyên không có ta, ai đâu làm chủ, mặc dầu cho nó kỳ hẹn. "Trừ những bực thức tâm đạt bổn mới có thể biết rõ" còn những kẻ mê muội không biết vậy.

Vô thường là gì ? - Bởi trước không nay có, nhưng tạm có rồi lại không, chính nghĩa giây phút không dừng vậy. Vì sao ? - Từ khi ở trong thai mẹ "sanh" ra đến lớn, đến "già" đến "bệnh", cho đến "chết". Ở trong khoảng giữa thời gian mỗi niệm mỗi niệm dời đổi không trụ, cho nên nói : "Vô Thường" "Vô Thường" cũng là cái tên chết mà nói bằng cách khác.

"Già" là gì ? - Bởi các căn mê mết kém suy, hình khô sắc héo, tinh thần lẫn lộn, tóc bạc mặt nhăn cái điềm sắp

bất cứu chi vị dã. 'Bệnh" giả ? - "Tứ đại" bất điều, tứ bá tùng sanh, thân lực bì bại, ẩm thực bất an, tinh thần giảm tổn, tọa khởi tu nhơn, cố danh vi bệnh. Nhược dĩ pháp thứ đệ tương nhơn, tắc "Tử" tại hậu. Kim dĩ "Vô thường" nhứt pháp, thể biến nhật thiết, cai ư "Sanh, Lão,Bệnh, Tử" chư pháp cố dã.

Ký viết : Tân bất trụ, niệm niệm bất đình, vị chi "vô thường". Kinh vân : Vô Thường lực đại, tấn tốc quá ư sơn thủy. TRIẾT LUẬN vân : "Vô thường" hữu tam chưởng : Nhất niệm niệm hoại diệt "vô thường". Nhị, hòa hiệp ly tán "vô thường". Tam, tất cánh như thị "Vô thường".

TAM : SANH DIỆT THỜI TỐC

Triêu tồn tịch vong, sát na dị thế.

Thượng cú, ngôn hiện sanh. Hạ cú ngôn hậu thế. Thử nhị cú, tịnh thích "Vô thường" nghĩa. Hạ cánh dĩ sương lộ đẳng, dụ minh.

Ngôn sát na giả ? - Thời chi cực tốc dã. Vị nhơn lâm chung xả thọ, chi tại tối hậu nhứt sát na khoảnh. Tức chư căn hoại nhật thức thiên ly tế, xả thứ cố thân, biệt thọ dư chất thời dã. Thức vị đệ bát thức. Khứ cư điến hậu, lai tiện phong. Nhất sát na gian, lãm phụ mẫu "tinh huyết", trụ thai tạng trung, vi sanh tử chi căn, khổ quả chi nguyên dã.

Ký viết : Thức hữu bát chưởng : Nhất Nhãn thức. . Nhị, Nhĩ thức. . Tam, Tỹ thức. . Tứ, Thiệt thức. . Ngũ, Thân thức. . Lục, Ý thức. . Thất, Mạt Na thức. . Bát, A Lại Da thức

Thí như : Xuân sương hiểu lộ thúc hốt tức vô.

chết không bao lâu nữa vậy. Sao gọi là "Bệnh" ? - "Bốn đại" không hòa, thì bốn trăm thứ bệnh sanh ra, thân lực bại hoại, mệt mỏi ăn uống không ngon, tinh thần giảm tổn, ngồi đứng phải nhờ người dìu đỡ, cho nên gọi là bệnh. Nếu cứ lấy theo thứ lớp mà nhơn cho nhau, thời cái "Chết" ở sau hết. Song nay nói một pháp "vô thường", thể của nó cũng có thể trùm khắp tất cả "Sanh, Già, Bệnh, Chết" các pháp cớ vậy.

Lời Ký nói : *"Mới mới không trụ, niệm niệm không dừng là cái nghĩa "Vô thường". Kinh nói : "Vô Thường" sức mạnh, mau hơn nước dốc. Bộ TRIẾT LUẬN nói : "Vô thường" có ba nghĩa : 1) Niệm niệm hoại diệt "vô thường" - 2) Hòa hiệp ly tán "vô thường" - 3) Rốt ráo dường ấy "vô thường".*

3) SANH DIỆT THỜI MAU

Sớm còn tối mất, giây phút qua đời khác.

Câu trên là nói hiện đời. Câu dưới là nói đời sau. Hai câu đây đều giải nghĩa "vô thường". Mấy câu sau đây lại lấy những chuyện như mù sương meo móc vân vân... để dụ cho rõ nghĩa "vô thường".

Giây phút là gì ? - Giờ phút rất mau vậy. Tại sao thế ? Bởi người lâm chung bỏ tuổi thọ chỉ ở trong một giây phút (hơi thở) rốt sau. Tức là cái ngày của các căn hoại diệt, lúc thần thức xa lìa, giờ phút bỏ thân cũ này, riêng chịu cái xác khác vậy. Chữ "Thức" là nói thức thứ tám. Khi người chết "thức" này đi sau hết. Lúc đầu thai "thức" này đến trước nhất. Trong một giây phút lộn trong "Tinh Huyết" cha mẹ ở trong thai tàng, làm gốc đường "sanh tử" nguồn quả khổ vậy.

Lời Ký nói : "Thức" có tám "Thức" : 1.- "Nhãn thức", 2.- Nhĩ thức, 3.- Tỷ thức, 4.- Thiệt thức, 5.- Thân thức, 6.- Ý thức, 7.- Mạt Na thức, 8.- A Lại Da thức.

Ví như : Sương mùa Xuân, móc ban mai, phút chút liền không.

Thượng cú, thiết thể. Hạ cú, thích tánh. Dĩ sương lộ ngộ nhật tức tiêu. Thể ký bất kiên, tánh diệt phi thường. Thí như giả, thiết huống chi từ, Thúc hốt giả, tạm hữu nhi vô dã.

Ký viết : Bổn văn nhị cú, thị thích Triêu Tồn Tịch Vong nhị cú, tổng minh thời tốc dã "Thúc" giả tốc tật giả.

TÔNG CẢNH vân : Tuy niên bá tuế, du nhược sát na. Như đông thệ chi trường ba. Tợ tây thùy chi tàn chiếu. Kích thạch chi tinh hỏa. Sậu khích chi tấn cu. Phong lý chi vi đăng. Thảo đấu chi triêu lộ. Lâm nhai chi hủ thọ. Thước mục chi điển quang. Nhược bất ngộ ư "chánh pháp", tất vĩnh trụy ư "U đồ" hỉ.

Ngạn thọ tỉnh đằng, khởi năng trường cửu.

Thượng cú, xuất thể. Hạ cú, thích nghĩa Lâm nhai chi thọ, phi trường. Nhị thử xâm hằng, khởi cửu.

ĐẠI TẬP kinh vân : "Tích hữu nhất nhơn, tị nhị túy tượng, duyên đằng nhập tỉnh, hạ hữu tam long thổ hỏa trương trảo. Bỉ tức huyền đằng nhi trụ, thượng hữu hắc bạch nhị thử, nghiết đằng tương đoạn. Bàng hữu tứ xà dục thích. Kỳ nhơn ngưỡng vọng, nhị tượng dĩ lâm tỉnh thượng. Ưu não vô thác. Hốt hữu phong quá, di mật ngũ đích nhập khẩu, thị nhơn táp mật, toàn vong nguy cụ.

Kim dĩ nhị túy tượng, dụ "Sanh Tử". Đằng dụ "mạng căn". Nhập tỉnh, dụ "Vô thường". Nhị thử dụ "Nhật Nguyệt" Tứ xà dụ "Tứ Đại". Tam long dụ "Tam

Câu trên lập "thể". Câu dưới giải "Tánh". Bởi cái thể của sương móc không thường, hễ gặp mặt trời là phải tiêu. Cái "thể" đã không bền chắc thì "tánh" của nó cũng không sao thường được. Ví như là gì ? - Lập lời thí dụ. "Phút chút" là chi ? Vừa có đó rồi lại không đó.

Lời Ký nói : *Hai câu bổn văn nói trên, là giải hai câu : "Sớm còn tối mất, giây phút qua đời khác" đều nói rõ cái thời mau chóng vậy. Mau chóng Tàu gọi chữ "Thúc"*

Bộ TÔN KÍNH nói : Tuy tuổi thọ trăm năm dường như trong một giây phút. Khác nào như lượng sóng rút về biển đông. Như tia sáng "Mặt Trời" lặn về phía Tây. Như nháng lửa đánh đá. Như ngựa câu chạy qua kẽ hở. Như ngọn đèn giữa gió. Như sương ban mai ở đầu ngọn cỏ. Như cây mục đứng bên bờ lở. Như điển chớp lòa mắt. Bằng nay chúng ta không gặp "Chánh pháp" của đức Như Lai, thì sau này hằng sa chốn "U đồ" biết kiếp nào ra khỏi.

Cây trên bờ, dây miệng giếng, đâu đặng lâu dài.

Câu trên chỉ ra cái "Thể" (Cây và Dây). Câu dưới giải nghĩa của nó : Cây bên bờ chẳng phải lâu. Hai con chuột cắn dây gần đứt.

Kinh ĐẠI TẬP nói : Xưa có một người sợ hai con voi say, nắm dây chuyền xuống giếng, dưới có ba con rồng phun lửa dơ móng. Người kia liền đeo theo cái dây tòn ten ở giữa chừng, trên có hai con chuột đen, trắng cắn dây gần đứt. Bốn bên có bốn con rắn thò đầu le độc muốn mổ. Người kia ngó lên, thì hai con voi nó đã đứng chực trên miệng giếng. Người kia lo rầu về sự không khỏi chết. Bây giờ bỗng có bầy ong bay qua nhểu năm giọt mật vào miệng, người kia nút mật ấy, rồi quên cả sự sợ sệt, nguy hiểm.

Nay lấy mấy chuyện đây để làm thí dụ như : Hai con voi say là dụ đường "Sanh Tử". Sợi dây dụ "mạng căn". Vào dưới giếng là dụ "Vô Thường". Hai con chuột là dụ

Độc".Ngũ đích mật dụ "Ngũ Dục". Tam độc nãi Tam ác đạo chi nhơn, cố đằng nhứt đoạn, tức hữu đọa lạc chi hoạn hĩ.

Ký viết : "Bổn văn nhị cú, thích bất dữ nhơn kỳ nhứt cú, tư minh niên ngoạt nhựt tốc dã. Thân tợ lâm nhai thọ, nghiệp phong nhứt chí, phi lực năng vãn. Mạng như tỉnh trung đằng, nhựt nguyệt thời nguy, sở nhơn bất giác. Ngạn thọ thị niên bất trường. Tỉnh đằng, thị Nhựt Nguyệt chi tốc".

Ngôn tỉnh đằng giả ? . Thị tỉnh biên sở sanh chi đằng. Hoặc vân : thọ căn tỉnh, vị khưu khư khô tỉnh dã. "La Thập" pháp sư viết : Tích hữu tội nhơn, bố tội đào tẩu. Vương linh túy tượng trục chi, kỳ nhơn bố cấp tự đầu khô tỉnh, vân vân...

Tam độc giả ? . Tham, Sân, Si dã. Tam ác đạo giả ? Địa ngục, Ngạ quỉ, Súc sanh dã. Ngũ dục giả ? Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc dã. Hoặc dĩ Tài, Sắc, Danh, Thực, Thùy vi Ngũ dục. Vị chúng sanh mê ư Ngũ dục thiếu lạc, toàn vong sanh tử nguy hiểm chư khổ dã.

Niệm niệm tấn tốc.

Niệm, vị phàm phu sanh diệt tâm chi vọng niệm. Tiền niệm vị diệt, hậu niệm tục sanh, niệm niệm sanh diệt, như đăng thiêu chú. Khởi diệt bất đình. Như thị sanh diệt tấn tốc chi tướng. Phi cụ huệ nhãn giả mạc kiến.

Ký viết : Thử minh niệm tốc dả. Vọng niệm, cố sanh diệt bất đình , "Chơn tâm", tắc thường trụ bất thiên.

"Ngày tháng" thoi đưa Bốn con rắn dụ "Bốn đại" của thân. Ba con rồng dụ "Ba độc". Năm giọt mật dụ năm món "Dục Lạc". Ba độc là dụ cái nhơn ba đường ác, cho nên nói sợi dây một phen đứt, thời có hại sa đọa vậy.

Lời Ký nói : *"Hai câu bổn văn giải một câu : Chẳng hẹn cùng người, đây là nói rõ năm, tháng, ngày, giờ mau chóng vậy. Thân không thường tuồng như cây mục đứng gần bờ lở, một phen gió nghiệp thổi đến, sức nó không thể kéo lại được. Mạng dụ như dây tòn ten giữa giếng, là nói ngày tháng hao mòn, khiến người không biết được. Cây bên bờ nói cái năm chẳng phải lâu, dây trong giếng là nói ngày tháng rất mau".*

Song nói dây giếng là gì ? - Là dây mọc ở bên cái giếng vậy. Có người nói : cây mọc ở bên cái giếng, có lẽ giếng này là cái giếng khô ở trên gò nổng cho nên cây mới mọc được. Ngài "La Thập" pháp sư nói : "Hồi trước có người mắc tội, sợ tội trốn chạy. Vua khiến con voi say đuổi theo, người kia sợ quýnh, tự nhảy xuống dưới cái giếng khô vân vân...

Ba độc là gì ? - Tham, Sân, Si vậy. Ba đường ác là gì ? Địa ngục, Ngạ quỉ và Súc sanh vậy. Năm món dục lạc là chi ? - Sắc, Thanh Hương, Vị và Xúc vậy. Hoặc có chỗ lấy "Tài, Sắc, Danh, Thực và Thùy", là năm món Dục Lạc. Bởi chúng sanh mê chút vui của năm món Dục Lạc, mà quên cả những sự khổ hiểm nguy của đường sanh tử vậy.

Mỗi niệm, mỗi niệm mau chóng.

"Niệm" là gì ? Nói vọng niệm sanh diệt của kẻ phàm phu. Sao gọi là "vọng niệm" ? Nghĩa là : Niệm trước chưa dứt niệm sau nối sanh, mỗi niệm mỗi niệm sanh diệt, sanh diệt như đèn cháy tim. Cháy tắt, cháy tắt không dừng. Như thế là cái tướng sanh diệt chóng mau. Nếu mà không phải những bực có "huệ nhãn", nào ai thấy được.

Lời Ký nói : *Bài này nói rõ "tâm niệm" chóng mau vậy. Tại sao ? Bởi vọng niệm cho nên sanh diệt sanh diệt không dừng, nếu như được "chân tâm" thời thường trụ không bao giờ dời đổi .*

Nhất sát na gian, chuyển tức tức thị lai sanh.

Phạm ngữ "sát na". Thử ngôn nhất niệm, nãi thời chi cực tốc dã.

TĂNG KỲ vân : "Nhị thập niệm, vi nhất thuấn, nhị thập thuấn danh nhất "Đờn chỉ". CU XÁ vân : Tráng sĩ nhất "đờn chỉ" khoảnh, hữu lục thập ngũ sát na. Nhiên niệm hữu đại tiểu. Đại niệm giả, nhất niệm trung hữu cửu thập sát na. Nhất sát na trung hữu cửu bá sanh diệt. Thử ngôn, nhất sát na giả, tiểu niệm dã. Tức, tức xuất nhập tức. Thử tức, danh viết "thọ mạng". Dĩ nhất kỳ vi thọ, liên trì viết "mạng". Nhất kỳ liên trì, tức phong bất đoạn, cố xuất nhập tức, danh vi "thọ mạng". Chuyển, tức xuất dĩ bất phục cánh nhập, danh viết "mạng chung". Thử chỉ tại nhất "sá na" gian, tức đệ bát thức xả "tiền ấm" thọ "hậu ấm" thời. Kim bất ngôn "trung ấm" giả, dĩ cử "tiền" "hậu" nhi cai kỳ trung dã. Hựu "trung ấm" trì tốc bất định. Trì tắc thất thất chi nhật. Tốc, tắt tật ư "tâm niệm" tiện xả trung nhi thọ hậu hĩ."Lai sanh" giả, tổng cai "lục đạo". Tùy thiện, ác nghiệp, nhi báo sanh kỳ xứ dã.

Ký viết : Bổn văn nhị cú, tức thích thượng sát na dị thế nhất cú. Thử minh "sát na" tốc dã. Thượng thiện sanh "Thiên". Trung thiện sanh "Nhơn". Hạ thiện sanh "A Tu La". Thượng ác sanh "Địa Ngục". Trung ác sanh "Ngạ Quỉ". Hạ ác sanh "Súc Sanh".

Trong một sát na trở hơi thở tức là đời sau.

Tiếng "Phạm" nói chữ "sát na". Tiếng "Tàu" nói chữ "nhất niệm" là nghĩa giờ phút rất mau vậy.

Bộ TĂNG KỲ nói : Hai mươi niệm, làm một cái nháy mắt, hai mươi lần nháy mắt gọi là một "Đờn chỉ". Bộ CU XÁ nói : "Kẻ tráng sĩ trong một cái "đờn chỉ" có 65 cái "sát na". Song "Tâm niệm" có lớn có nhỏ. Thế nào là niệm lớn ? Trong một niệm có 90 "sát na". Trong một sát na có 900 sanh diệt. Bài này nói một sát na là chỉ nói cái niệm nhỏ thôi. Chữ "Tức" là cái hơi thở ra, hơi thở vào. Lấy hơi thở nầy làm cái mạng sống cho nên kêu là "thọ mạng". Do cái mạng sống trong một thời kỳ, luôn giữ cũng gọi là "thọ mạng". Một thời kỳ luôn giữ, hơi thở không dứt cho nên lấy hơi thở ra vào kêu là "thọ mạng". Chữ "chuyển" tức là cái hơi thở ra, không thở vô nữa gọi là "mạng chung". Lúc này chỉ ở trong một "sát na" tức là cái lúc mà thức thứ tám nó sắp từ giã thân "tiền ấm" bắt lấy thân "hậu ấm" vậy. Song bài này không nói thân "trung ấm" là do nói "tiền" nói "hậu" đã bao gồm "trung ấm" rồi vậy. Vả lại thân "trung ấm" có chậm có mau không nhất định. Chậm thời trong 49 ngày. Mau thời mau hơn "tâm niệm", liền bỏ thân "trung ấm" mà thọ lấy thân "hậu ấm" vậy. Nói chữ "Lai sanh" *(đời sau)* là chung gồm cả trong sáu đường. Chúng sinh trong sáu đường, tùy theo chỗ tạo "nghiệp lành" "nghiệp ác" mà thọ cái "quả báo" phải sanh đường nầy đường khác, chỗ nọ chỗ kia.

Lời Ký nói : "Hai câu trên bổn văn là giải nghĩa một câu : "Trong sát na đã qua đời khác"; bài nầy thời nói "sát na" mau chóng vậy. Thế nào là sanh trong đường nầy đường khác chỗ nọ chỗ kia ? Như người "Thượng thiện" thời sanh lên cõi "Trời". Người bực "Trung thiện" thời sanh lại cõi "Người". Đến như người bực "Hạ thiện" thời sanh qua cõi "A Tu La". Trái lại kẻ "Thượng ác" thời sanh xuống "Địa ngục", kẻ "Trung ác" thời đọa trong "Ngạ Quỉ", cho đến kẻ "Hạ ác" sanh vào loài "Súc sanh".

Ngôn thuấn giả mục động giả. Ngôn "trung ấm" giả, Vị nhơn "mạng chung" xuất nhập tức đoạn thời, đệ "bát thức" xả ly "tiền ấm" thân tức hữu "trung ấm" thân, tại "hư không" trung minh vô sở đố. Dĩ hương vi thực, ư hữu duyên xứ, tức kiến phụ mẫu giao hội dục hỏa chi quang, tùy niệm tiện chí, dĩ điên đảo tưởng, nhất sát na khoảnh lãm xích bạch nhị điểm nhi thành "hậu ấm". Kỳ "trung ấm" tức diệt hĩ.

Nhược kỳ sanh phương vị định, hoặc phụ mẫu bất hội, thử "trung ấm" thân thất nhật, nhất tử, nãi chí thất thất nhật tất định thác sanh, bất xuất tứ thập cửu nhật. Nhược bỉ nghiệp báo dĩ định, hoặc sanh nhơn Thiên, hoặc đọa "Quỉ" "Súc". Nhất sát na gian, xả "tiền ấm" thọ "trung ấm", xả "trung ấm" thọ "hậu ấm", tấn du điển quang. Phi phàm sở trắc, duy Phật năng tri.

Hà nãi, yến nhiên không quá

Hà nãi, du hà vi diễn phản cật chi từ, diệc thừa thượng chuyển hạ chi ngữ. Dĩ thượng thị tri sanh tử quá hoạn "vô thường" tấn tốc. Hướng hạ linh ngộ xả tục nhập Đạo, y pháp cần tu, kỳ xuất "Luân Hồi".

Yến nhiên giả ? An nhiên dã, tổng vị quang âm tấn tốc, nhơn mạng vô thường. Hà vi bảo thực chung nhựt, vô sở dụng tâm, nhi yến nhiên hư độ, bất mưu thượng tấn, dĩ thoát "sanh tử" giả hồ ?

TỨ : VI TỤC NHẬP ĐẠO

Phụ mẫu bất cúng cam chỉ lục thân cố dĩ khí ly.

Sao gọi là "nháy mắt" ? Con mắt máy động vậy. Sao gọi là thân "trung ấm" ? Bởi người "mạng chung" mà cái hơi thở ra vào khi nó muốn dứt thì cái "thức thứ tám" bỏ lìa cái thân "tiền ấm" ở giữa "hư không" mờ mờ không thấy rõ. Chỉ dùng những hơi hương làm món ăn, đợi chỗ nào có duyên, liền thấy tia sáng lửa dục trong khi cha mẹ đương giao hội, tùy niệm liền đến do cái tưởng điên đảo trong một "sát na" lộn trong hai điểm "tinh huyết" mà làm thân "hậu ấm". Thời thân "trung ấm" kia liền diệt vậy.

Song nếu thân "trung ấm" kia sanh phương nào chưa nhất định, hoặc cha mẹ không giao hội, thân "trung ấm" này bảy ngày một lần chết, cho đến 49 ngày, quyết định phải đầu thai chớ không ngoài 49 ngày. Nếu thân "trung ấm" kia là một cái thân "nghiệp báo" đã nhất định hoặc sanh cõi "Trời" cõi "Người", hoặc đọa loài "Quỉ" loài "Súc". Trong một "sát na", bỏ thân "tiền ấm" thọ lấy thân "trung ấm" bỏ thân "trung ấm" thọ lấy thân "hậu ấm" mau hơn "điển" xẹt. Chẳng phải người phàm lường được, chỉ có bực Phật biết thôi.

Sau bèn lặng vậy luống qua.

Sao bèn cũng như nói vì sao, là cái lời hỏi gạn lại, cũng là cái lời nối văn trên, chuyển văn dưới vậy. Như văn trên dạy cho biết tội lỗi đường "sanh tử" và sự "vô thường" chóng mau. Đến văn dưới dạy cho biết tội lỗi thì nên bỏ tục vào "Đạo" để y theo pháp cần tu hầu mong ra khỏi nẻo "Luân Hồi".

Yên vậy là gì ? Là ngồi yên một chỗ, như nói đêm ngày mau chóng mạng người không thường. Vì sao ăn no bụng ngày không hề để tâm, mà yên vậy luống qua, không lo tấn tới cho khỏi đường "sanh tử" ấy ư ?

4) TRÁI TỤC VÀO "ĐẠO"

Cha mẹ không cúng mùi ngon món ngọt, sáu nghĩa thân vốn đã bỏ lìa.

Thượng cú, khuyết phần bộ. Hạ cú khuyết cảnh lục. Phụ mẫu giả, tử chi "Thiên Địa" dã. THI vân : "Ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao, dục báo chi ân, hiểu "Thiên" vống cực". Kinh vân : "Nhược hữu cúng dường phụ mẫu, đắc vô lượng phước". Phật ngôn : "Phụ mẫu ư tử, hữu đại tăng ích. Nhủ bộ trưởng dưỡng, tùy thời tương dục, "Tứ Đại" đắc thành. Nhược nhơn hữu kiên phụ phụ, tả kiên phụ mẫu, kinh lịch bá niên, tiện lợi bối thượng, vô hữu oán tâm; tứ sự cúng dường vô phạp, thử tử du bất túc báo phụ mẫu chi ân".

Dục báo ân giả? Đương khuyến phụ mẫu ư "Phật, Pháp, Tăng", "nhơn quả" đẳng pháp. Vị tín giả linh tín, dĩ tín giả linh tăng trưởng. Vô "tịnh giới" giả khuyến thọ trì giới. Hữu xan tham giả khuyến hành "Huệ Thí". Vô Thắng Huệ giả khuyến tu "Thắng Huệ". Linh thiện an trụ, dĩ tự điều phục, nãi danh chơn thiệt báo phụ mẫu chi ân.

Lục thân giả ? Phụ, Mẫu, Huynh, Đệ, Thê, Tử dã Hụu viết : Nhất Phụ nhị Tử, tam tùng phụ côn đệ, tứ tùng tổ côn đệ, ngũ tằng tổ côn đệ, lục tộc côn đệ.

Khí ly giả ? Kinh vân : "Bồ tát" xuất gia, xả ly lục thân, bất ký bất ức, cần tu "đạo hạnh", dĩ tốc thành "Bồ đề" cố.

Ký viết : Cam chỉ giả ? Mỹ thực dã. Du bất túc báo phụ mẫu ân giả ? Vị tuy sắc dưỡng vô vi, nhi bất năng trí thân thần ư "Thượng giới". Dục lợi thân linh ư đa sanh giả, tất tu khuyến trì trai giới, quảng tu "Phước Huệ",

Câu trên thiếu sự nuôi dưỡng trả lại. Câu dưới thiếu sự kỉnh thuận thâm ân. Cha mẹ là gì ? Là "Trời Đất" của người con vậy. Kinh THI nói : "Thương, thương cha mẹ, sanh ta khó nhọc, muốn trả ân sâu như Trời cao không cùng". Kinh BÁO ÂN nói : "Nếu có người con cúng dường cho cha mẹ thời đặng phước vô lượng". Phật dạy : "Cha mẹ đối với con có lợi ích lớn lắm. Bú sú nuôi lớn, tùy thời lo nuôi Tứ Đại thành thân. Bằng có người con vai bên phải cõng cha, vai bên trái cõng mẹ, trải qua trăm năm, "Đại Tiểu" trên lưng, cũng không có cái "tâm" gì oán hận, bốn món cúng dường không thiếu, người con như thế cũng chưa đủ trả được ân sâu cha mẹ".

Vậy muốn trả ơn sâu phải làm thế nào ? - Phải khuyên cha mẹ đối với "Phật Pháp Tăng" tin nhân quả các pháp. Cha mẹ chưa tin làm sao cho cha mẹ tin; Cha mẹ đã tin rồi, làm cho lòng tin thêm lớn lên. Cha mẹ không "tịnh giới" khuyên cho cha mẹ giữ gìn tịnh giới. Cha mẹ có lòng xan tham, khuyên cha mẹ làm việc Bố thí. Cha mẹ không trí huệ, khuyên cha mẹ gắng tu trí huệ. Khiến cha mẹ pháp trụ nơi an lành để tự điều phục thân tâm, chính thế mới thật là trả ơn sâu cha mẹ.

Thế nào là sáu nghĩa thân ? 1.- Cha, 2.- Mẹ, 3.- Anh, 4.- Em, 5.- Vợ, 6.- Con. Có chỗ nói : 1.- Cha, 2.- Con. 3.- Anh em theo phái cha, 4.- Anh em theo ông nội, 5.- Anh em với ông cố, 6.- Là anh em họ.

Thế nào là bỏ lìa sáu nghĩa thân ? Trong kinh nói : Ông "Bồ Tát" đi xuất gia, bỏ lìa sáu nghĩa thân không ghi không nhớ, cần tu "đạo hạnh" là để muốn mau thành quả "Bồ đề" vậy".

Lời Ký nói : "*Đồ ngon ngọt là gì ?" Là món ăn ngon vậy. Còn không đủ trả ơn cha mẹ là sao ? - Nghĩa là tuy nuôi dưỡng xác thân không trái, nhưng mà không thể để linh hồn cha mẹ trên cõi "Thượng Giới". Vậy muốn lợi ích*

Nhược xuất gia giả phụ mẫu bần phạp, bất năng tự hượt, "Phật" thính giáo linh tín tâm, thọ bỉ "Tam Qui" "Ngũ giới", nhiên hậu khất thực cúng chi. "Nam Sơn" vân : Chơn xuất gia giả, bố "tứ oán" chi đa khổ, yểm tam giới chi vô thường, từ lục thân chi chí ái, xả ngũ dục chi thâm trước. Năng như thị giả, danh chơn xuất gia, tắc khả thiệu long "Tam Bửu", độ thoát "Tứ sanh", lợi ích thậm thâm, công đức vô lượng hĩ.

Bất năng an quốc trị bang gia nghiệp đốn quyên kế tự.

Thượng cú, khuyết trí quân trạch dân. Hạ cú, khuyết thừa nghiệp kế tự. "Thích Tử" xuất gia, xả sanh dục kế tự, thiệu long "Tam Bửu" chủng tộc, tuy tợ trung hiếu hữu khuyết, nhiên lập thân hành đạo, dĩ báo thâm ân. Thuyết pháp khuyến thiện, dụng võ hoằng hóa, như tư báo đức, thục năng gia diên.

Tích "Tống Văn Đế" vị "Hà Thượng Chi" viết : Nhược xuất thổ giai thuần Thích hóa, tắc "Trẫm" tọa trí thái bình hĩ". Thượng Chi đối viết : "Phù bá gia chi hương, thập nhơn trì "ngũ giới", tắc thập nhơn thuần cẩn, thiên thất chi ấp bá nhơn tu "Thập Thiện", tắc bá nhơn hòa lục. Nhơn năng hành nhất thiện, tắc khử nhất ác. Khử nhất ác, tắc tức nhất hình. Nhất hình, tức ư gia, vạn hình tức ư quốc. Thử minh chỉ, sở vị tọa trí "thái bình" giả dã.

linh hồn cha mẹ cho được nhiều đời, cần nhất phải khuyên cha mẹ gắng mà trì trai giữ giới, rộng làm "Phước Huệ". Nếu người xuất gia, cha mẹ nghèo ngặt không thể tự sống, "Phật" bảo phải dạy cha mẹ chừng nào được cái tâm chánh tín rồi, trao cho cha mẹ pháp "Tam Qui", "Ngũ Giới", bấy giờ đi khất thực về nuôi cũng được. Ngài "Nam Sơn" nói : Thật người xuất gia rất sợ các khổ "bốn oán"[1] nhàm vô thường trong ba cõi, từ chỗ chi ái của sáu thân; bỏ cái đắm sâu năm món dục lạc. Kẻ được như thế mới thật là người xuất gia. mới thật là người có thể nối thạnh "Tam Bảo", độ thoát "Bốn loài", lợi ích rất nhiều, công đức không thể lường được.

Chẳng hay thờ Vua giúp nước, nghiệp nhà dứt bỏ nối thờ.

Câu trên thiếu sự thờ Vua giúp dân. Câu dưới thiếu sự nối nghiệp phụng thờ Tổ Tiên. Song người xuất gia làm "Thích Tử" bỏ cái ân sanh dục nối thờ của thế gian, mà nối thạnh dòng giống ngôi "Tam Bảo", tuy tuồng như có thiếu sự trung hiếu, song người xuất gia lập thân hành "đạo" là cốt yếu trả ơn sâu cha mẹ. Thuyết pháp khuyên dân chúng làm lành là mục đích giúp sự giáo hóa thế cho nhà vua; trả ơn như thế, trả đức như thế có chi hơn vậy.

Hồi xưa vua "Văn Đế" đời nhà "Tống" nói với ông "Hà Thượng Chi" rằng : "Nếu mà cõi nước của Trẫm đây toàn đem giáo lý của họ "Thích", giáo hóa dân gian, thời Trẫm đây ngồi mà hưởng cảnh thái bình vậy". Ông "Hà Thượng Chi" tâu rằng : Dạ phải. Vì sao ? Luận như cái làng trăm nhà, mười người giữ giới thời mười người được thuần cẩn, cái ấp nghìn nhà, trăm người tu "Thập Thiện", thời trăm người được hòa thuận. Tại sao thế ? Bởi người hay làm một việc lành thời bỏ được một việc ác. Bỏ một việc ác thời dứt một hình tội dứt nơi một nhà, muôn hình tội dứt cả một nước. Rõ được "Tôn chỉ" đây mới gọi ngồi, mà an hưởng cảnh "thái bình" vậy.

Ký viết : Thượng văn, minh vi "Tục". Hạ văn, minh nhập "Đạo".

Miến ly hương đảng, thế phát bẩm Sư.

Thượng cú, ly "Tục". Hạ cú, nhập "Đạo". Miến giả, viễn dã. Vị viễn ly hương tục, thú hương vô vi tức xả gian thú ư phi gia dã.

Thế phát bẩm Sư giả ? Khí tục dung nghi, hoại thế sức hảo. Phỏng đồng "Như Lai, cụ "Phật" đức tướng, bẩm mạng ư "Sư", tùng "Sư" thọ học. Nãi nhập Đạo" chi huyền quy, xuất thế chi hồng phạm dã.

Ký viết : Thế dĩ tu phát, vi dung nghi sức hảo. "Tỳ Kheo" xuất gia, vi "Tục" mộ "Đạo", khí thế sở hảo, tuyệt diệt ái tình. Kim thời lưu tu trường phát, hiệu viết "Đầu Đà", danh ký bạn nhi hành phục quai hĩ.

Phạm ngữ "Đầu Đà", thử vân "Đẩu Tẩu". Vị "Đẩu Tẩu", tam giới "trần lao phiền não". Kỳ hạnh tắc hữu thập nhị pháp.

Kim dĩ phi phát hiệu vi "Đầu Đà" giả, ngoa vọng chi thậm dã. Phật ngôn : "Tu phát trảo trường, thị "Ác Tỳ Kheo" phá giới chi tướng. Nhược A Lan Nhã độc trụ "Tỳ kheo", vô nhơn thế giả, thỉnh phát cực trường nhất thốn, trảo trường như nhất mạch, bất đắc quá.

Xả gia thú phi gia giả. Khí "Thế Tục" chi gia, nhập "vô vi" chi xá dã. "Văn Thù" Bồ tát bạch Phật ngôn : Vân hà "Như Lai" thuyết phụ mẫu ân đại, bất khả bất báo. Hựu ngôn : "Sư Tăng" chi ân, bất khả xưng lượng, kỳ thì vị tối ? Phật ngôn : "Kỳ tại gia giả, hiếu sự phụ mẫu tại ư tất hạ, mạc dĩ báo sanh trưởng chi ân, dĩ sanh dục âm thâm

Lời Ký nói : Bài văn trước nói "trái tục". Bài văn sau nói "vào Đạo".

Xa lìa làng xóm, cạo tóc vâng lời Thầy.

Câu trên nói xa lìa "Thế Tục". Câu dưới nói vào "Chánh Đạo". Tiếng ta nói "xa" cũng như tiếng Hán nói chữ "Miến", nghĩa là xa lìa làng tục đi tới chỗ "Vô Vi" tức bỏ nhà thế tục đi đến nhà chùa ở tu vậy.

Cạo tóc vâng lời Thầy là chi ? Cạo bỏ cái hình nghi của thế tục, phế dẹp sự trau tốt của người đời. Bắt chước đồng như hình thể đức "Như Lai", đủ đức tướng của "Phật", vâng mệnh lịnh nơi Thầy, theo Thầy thọ học; Chính là cái chước mầu vào "Đạo", phép lớn ra khỏi đời vậy.

Lời Ký nói : "Trong đời người ta để râu để tóc trau giồi cho tốt cái dung nghi. Còn Thầy "Tỳ kheo" đi xuất gia trái "Thế Tục", mến "Đạo Chánh" bỏ cái đẹp của đời và bặt dứt tình ái. Đời bây giờ có những chàng để râu tóc cho dài, rồi gọi rằng tôi đây là tu "Đầu Đà", danh đã không trúng, mà cái hành vi lại trái nữa vậy.

Tiếng Phạm ngữ gọi "Đầu Đà" cũng như tiếng Hán nói "Đẩu Tẩu" (cạo bỏ). Nghĩa là cạo bỏ "trần lao phiền não" trong ba cõi. Hạnh "Đầu Đà" thời có 12 hạnh [3].

Đời nay có những người để tóc cho dài tự gọi là "Đầu Đà", đó, thật sai lầm lắm vậy. Phật nói : "Râu tóc và móng tay để dài ấy là cái tướng ông "Ác Tỳ kheo" phá giới. Bằng ông "Tỳ kheo ở chỗ vắng vẻ một mình không có người cạo giùm, thời "Phật" cho tóc dài nhất, cỡ một tấc thôi, móng tay dài cỡ bằng hột lúa, không đặng quá.

Thế nào bỏ nhà thế tục đi tới nhà chùa - Bỏ nhà "Thế Tục" vào nhà "Vô Vi" (Phật Pháp) vậy ? Đức "Văn Thù" Bồ tát bạch Phật rằng : "Thưa đức "Thế Tôn" ! Vì sao đức "Thế Tôn" nói ơn cha mẹ rất lớn, không thể không trả". Rồi đức "Thế Tôn" lại nói : "Ơn của "Sư Tăng" cũng rất lớn không thể nghĩ lường, vậy thì cái ơn nào là ơn lớn

cố ngôn đại dã. Nhược tùng "Sư" học, khai phát "trí kiến", thứ ân đại dã.

Phù xuất gia giả xả, kỳ phụ mẫu sanh tử chi gia, nhập pháp môn trung, thọ vi diệu pháp, sư chi lực giả. Sanh trưởng "pháp thân", xuất công đức tài, dưỡng "Trí Huệ" mạng, công mạc đại diện. Truy kỳ sở sanh, nãi thứ chi nhĩ.

Hương đảng giả ? Hương, hướng dã. Vị chúng nhơn chi sở hướng dã. "Đảng" bằng đảng dã. Cổ dĩ ngũ bá gia vi đảng.

CHÂU LỄ vân : "Bá gia chi hội viết "hương". HỚN CHÍ dĩ ngũ gia vi "Lân". Ngũ lân vi "Lý". Tứ lý vi "Tộc". Ngũ tộc vi "Đảng". Ngũ đảng vi "Châu". Ngũ châu vi "Hương". Tư đắc dĩ vạn nhị thiên ngũ bá gia nhi vi "Hương" dã. Bẩm giả, thọ mạng dã.

Nội cần khắc niệm chi công, ngoại hoằng bất tranh chi đức.

Thượng cú, minh "niệm huệ". Hạ cú, minh hòa kỉnh. Nội thiết "niệm huệ", ngoại xuyễn "lục hòa", nãi nhập "Đạo" chi công huân, lập "tức chi" cơ bổn dã.

Triệu Sư vân : "Phi chơn tâm vô dĩ cụ "lục pháp", phi "lục pháp" vô dĩ hòa quần chúng. Như chúng bất hòa, phi kỉnh thuận chi bổn dã.

Ký viết : "Nhất : Giới hòa đồng tu. Nhị : Kiến hòa đồng giải. Tam : Thân hòa đồng trụ. Tứ : Lợi hòa đồng quân. Ngũ : Khẩu hòa vô tránh. Lục : Ý hòa đồng duyệt.

Quýnh thoát trần thế, ký kỳ xuất ly.

nhất ?". Phật dạy : "Người tại gia, thảo thờ cha mẹ, hầu hạ dưới gối cũng không thể nào trả cái ơn sanh trưởng, bởi do cái ơn sâu sanh dẻ nuôi dưỡng cho nên gọi là cái ơn rất lớn. Còn người theo Thầy học đạo, nhờ Thầy khai phát chỗ "tri kiến", ơn kể đây cũng lớn vậy.

Luận như người xuất gia bỏ cái nhà sanh tử của cha mẹ, đi tới ở trong nhà chùa, thọ cái pháp nhiệm mầu của Phật, nhờ cái sức của "Thầy" dạy. "Thầy" sanh trưởng "Pháp thân", ra của công đức, nuôi mạng "Trí huệ", công chi lớn hơn vậy. Theo cái chỗ ơn sanh kia lẽ cố nhiên phải sau cái ơn này vậy. Làng xóm phe đảng là gì ? "Làng" là nghĩa "đến". Là nói cái chỗ đông người đến ở, "Tàu" gọi là chữ "Hương". Bậu bạn phe bọn "Tàu" gọi là chữ "Đảng". Đời xưa lấy năm trăm nhà làm một "đảng" (bọn).

Sách CHÂU LỄ nói : "Trong năm trăm nhà gọi là "làng". Sách HÁN CHÍ "Dùng năm trăm nhà làm một "xóm". Năm xóm làm một "ấp". Bốn ấp làm một "Họ". Năm họ làm một "Làng". Nhưng theo văn này thời lấy một vạn hai nghìn năm trăm (12.500) nhà làm một "Làng" vậy.

Chữ "Bẩm" là nghĩa vâng mạng lệnh của Thầy vậy.

Trong siêng công tưởng niệm, ngoài rộng đức chớ đua tranh.

Câu trên nói "niệm huệ". Câu dưới nói "kỉnh hòa" Nghĩa là trong tâm chuyên "niệm huệ" ngoài rộng đức "kỉnh hòa", chính là công cả vào "đạo", nền gốc lập "Đức" vậy.

Ngài Triệu Pháp Sư nói : "Chẳng phải thật tâm không sao đủ đức "lục hòa", chẳng phải "lục hòa", không do đâu hòa Quần chúng. Như chúng chẳng hòa thời chẳng phải cái gốc kỉnh thuận.

Lời Ký nói : 1.- Giới hòa đồng tu ; 2.- Chỗ thấy hòa đồng giải ; 3.- Thân hòa đồng ở ; 4.- Lợi hòa đồng chia 5.- Miệng hòa không cãi lẫy ; 6.- Ý hòa đồng vui.

Xa lánh đời trần, trông cầu ra khỏi.

Thượng cú xuất "Thế Tục" gia. Hạ cú, xuất "Tam giới" gia. Dục thoát "Trần Tục", tu phát túc siêu phương, kỳ siêu "Tam giới", đương đoạn "phiền não"; thỉ phù xuất gia chi bổn thệ dã. Thử nhị cú, tổng kiết thượng văn dĩ khởi hạ từ.

Ký viết : "Thượng cú, kiết phụ mẫu, lục thân, ban quốc, kế tự, hương đảng ngũ cú. Hạ cú, kiết thế phát nội cần, ngoại hoằng, tam cú. Quỳnh giả liêu viễn dã. Ký giả, dục dã, vọng dã.

NGŨ : DANH LỢI THẤT ĐẠO

Hà nãi, tài đăng giới phẩm, tiện ngôn ngã thị Tỳ kheo.

Thượng cú, minh "vô tác" thỉ triêm. Hạ cú, minh chỉ đức vị bị. Do "danh" "hạnh" vị đáng, phi xứng "Tỳ kheo" chi nghĩa. "Từ thân" "Nhập đạo", "Nội cần" "Ngoại Hoằng", bổn vị kỳ xuất "sanh tử". Hà dĩ tài nhập Tăng số, tức tiện thao thiết danh lợi, phóng dật tứ tình, tạo Hữu lậu nhơn, kiết sanh tử quả, vi bội sơ tâm, thất xuất ly hạnh da?

Tài đăng giới phẩm phương bẩm "Cụ Túc", "Vô Tác" sơ thành dã. Giới phẩm hữu tứ : Vị Ngũ giới, Thập giới, Cụ Túc giới, Bồ tát giới. Tiền, hậu, cu thông tại gia, xuất gia. Trung nhị, duy cuộc xuất gia. Ngã thị "Tỳ Kheo" giả, "Cụ Túc" giới nhơn dã. Tỳ Kheo thị Phạm ngữ danh hàm tam nghĩa : Nhất : Phá ác. Nhị : Bố Ma. Tam : Khất sĩ. Hàm thử tam nghĩa bất năng phiên dịch cố tồn bổn âm.

Câu trên ra khỏi nhà "Thế Tục". Câu dưới ra khỏi nhà "Tam Giới". Song muốn ra khỏi "Trần Tục", cần phải bước chân cho khỏi chốn trần, trông cầu khỏi "Tam Giới", thời phải đoạn trừ "phiền não", mới hiệp bổn thệ người xuất gia vậy. Hai câu nầy tóm kết bài văn trên để khởi lời văn dưới.

Lời Ký nói : Câu trên kết luôn năm câu : 1) Cha Mẹ ; 2) Sáu nghĩa thân ; 3) Thờ vua giúp nước ; 4) Nối thờ ; 5) Làng xóm. Câu dưới tóm kết ba câu : 1) Cạo tóc ; 2) Trong siêng ; 3) Ngoài rộng. Chữ "Quỳnh" là xa cách vậy. Chữ "Ký" là ham muốn và trông cầu vậy.

5) VÌ DANH LỢI LỖI ĐẠO

Sao bèn mới lên đàn thọ giới, liền nói rằng ta đây là Tỳ Kheo.

Câu trên nói rõ vừa thấm giới "Vô tác". Câu dưới nói rõ cái đức lành ngăn ác chưa đủ Do "Danh" và "Hạnh" chưa đáng, không xứng cái nghĩa "Tỳ Kheo".

Những câu như "Từ thân", "Nhập Đạo". "Nội cần" "Ngoại hoằng" là vốn vì cầu ra khỏi đường "sanh tử". Cớ sao mới vào số Chúng Tăng, liền bèn tham lam danh lợi buông lung tình tứ, tạo nhân "Hữu Lậu", kết quả "Sanh Tử", trái hẳn sơ tâm, mất hạnh xuất ly ư ?!

Câu vừa thấm giới phẩm là gì ? Mới dưng thọ giới "Cụ Túc", giới "Vô Tác" bắt đầu thành vậy. Song giới phẩm có bốn bực, thế nào là bốn ? : - 1) "Ngũ Giới" 2) "Thập Giới" 3) "Cụ Túc giới" 4) "Bồ tát giới". Giới trước và giới sau đồng chung cho kẻ "tại gia" và kẻ "xuất gia". Còn hai giới giữa, chỉ thuộc về kẻ "xuất gia" mà thôi. Ta đây là bực "Tỳ Kheo" tức chỉ cho người thọ giới "Cụ Túc" vậy. "Tỳ Kheo" là tiếng Phạn ngữ. Tên Tỳ kheo gồm có ba nghĩa : 1) "Phá ác" 2) "Bố Ma" 3) "Khất Sĩ". Vì gồm có ba nghĩa thế nên dịch ra không được. Vì không thể dịch ra được, nên chỉ còn để hai chữ nguyên âm "Tỳ Kheo".

Ký viết : "Vô Tác giả, diệc danh "Vô Do" hựu danh "Vô Biểu Sắc" nãi giới thể dã. Tùng tạm Yết Ma nhi đắc. Đắc thử thế dĩ, nhậm vận chỉ ác, nhậm vận hành thiện, bất dụng tái tác, cố danh "Vô Tác".

Ngôn chỉ giả ? Vị chỉ đoạn chư ác, linh bất cánh khởi dã. Phá ác giả ? Như sơ đắc giới, dĩ tam Yết Ma phát "Thiện Luật Nghi", phá "Ác Luật Nghi" cố. Nhược thông tựu hành giải, năng phá kiến tư chỉ ác dã. Bố Ma giả ? . Ký năng phá ác, nhi "Ma Vương" niệm ngôn, thử nhơn phi đản xuất ngã giới vức, hoặc hữu truyền đăng hóa ngã quyến thuộc, không ngã cung điện, cố sanh kinh bố dã.

Khất Sĩ giả ? "Khất" thị "khất cầu" chi danh."Sĩ" thị "thanh nhã" chi xưng. Vị nội tu "thanh nhã" chi đức, ngoại ly "Tứ Tà" chi thực. Tịnh mạng tự cư, phước lợi chúng sanh, phá Kiêu mạn tâm, khiêm hạ tự tỉ, các cầu tư thân, dĩ thành thanh nhã chi đức dã.

Kim nhơn đa cầu đa sức, khởi xứng "thanh nhã" chi đức. Ký quai kỳ danh, thượng đắc vi "Tỳ kheo" giả hồ ?

"Đàn việt sở tu, khiết dụng Thường Trụ".

Thượng cú, minh "Tín Thí". Hạ cú, minh "Tăng vật". Nhược vô giới đức, tắc thốn tư đích thủy nan tiêu. Huống Đàn Việt chi tứ cúng, Tăng kỳ chi thọ dụng hồ ?

Đàn Việt giả ? "Đàn", thị "Tây Âm", thử ngôn "Thí". "Việt", nãi thử phương chi ngữ, vị năng hành thí, tắc sanh sanh diệt độ bần cùng khổ hải dã.

Lời Ký nói : *"Giới "Vô Tác" cũng có giới tên "Vô Giáo" và cũng có tên giới "Vô Biểu Sắc" chính giới thể thanh tịnh. Do ba lần bạch "Yết Ma" mà đặng giới. Đặng giới thể này rồi mặc dầu bỏ ác, mặc dầu làm lành, không còn tạo tác nữa, nên gọi giới "Vô Tác".*

Thế nào ngăn dứt ? Nghĩa là dứt hẳn các việc ác khiến nó đừng sanh ra vậy. Phá ác là chi ? Như khi mới đắc giới do vì ba pháp "Yết Ma" mà phát ra cái giới "Thiện Luật Nghi" phá cái "Ác Luật Nghi" vậy. Nếu bực "Giải" và "Hạnh" đã hoàn toàn, có thể phá được ác "Kiến Hoặc" (thấy bậy) và "Tư Hoặc" (nghĩ bậy) vậy. Thế nào "Bố Ma" ? Đã phá được ác rồi thì "Ma Vương" nó nghĩ rằng : "Người này chẳng những ra khỏi bờ cõi của ta mà còn lại đem ngọn đèn sáng giáo hóa bà con ta; bà con ta theo họ tu hành thành "Phật" hết thì cung điện của ta phải trống trơn và ta đây cũng một mình cô độc nữa. Ma Vương nó nghĩ như vậy, cho nên nó sanh lòng kinh bố là thế.

"Khất Sĩ" là sao ? "Khất" là cái tên "khất cầu". "Sĩ" là tên kêu của nhà "thanh nhã". Bởi người này trong tâm tu đức "Thanh nhã", ngoài thân không ăn món ăn "Tứ tà [4]*. Đời sống trong sạch làm phước lợi cho chúng sanh, phá cái tâm kiêu mạn, hạ mình khiêm kỉnh, cầu xin nuôi thân để cho thành cái đức thanh nhã vậy.*

Thế mà người đời bây giờ nhiều cầu, nhiều chứa đâu xưng là cái đức "thanh nhã". Ôi ! cái danh đã trái, đâu còn đặng làm "Tỳ Kheo" nữa ư ?

Của Đàn Việt tiêu xài, ăn dùng của Thường trụ.

Câu trên nói của "Tín Thí". Câu dưới nói của "Chúng Tăng". Nếu mình không giới đức thời một tấc tơ, một giọt nước cũng khó tiêu. Huống chi bốn món cúng của người Đàn Việt và thọ dụng của Tăng Kỳ *(Thường Trụ)* nữa ư ?

"Đàn Việt" là gì ? "Đàn" tiếng nói cõi "Tây Vức" cũng như nước "Trung Hoa" nói chữ "Thí". Chữ "Việt" là tiếng nói nước "Trung Hoa" theo ta cắt nghĩa chữ "Việt" là "Qua khỏi" nghĩa là người đời nay hay làm việc "Bố thí", thì đời đời qua khỏi biển khổ bần cùng vậy.

Thường Trụ, hữu tứ. Nhất : "Thường Trụ, Thường Trụ", vị Tăng tự phòng xá chúng cụ, hoa quả, điền, viên, bộc, súc đẳng. Dĩ thể cuộc đương xứ, bất thông dư giới, đản đắc thọ dụng, bất thông phân mại. Cố trùng ngôn Thường trụ dã.

Nhị : Thập phương Thường Trụ như tự trung cúng, Tăng thường thực. Thể thông thập phương, duy cuộc bổn xứ. Thử nhị danh "Tăng Kỳ" vật.

Tam : "Hiện tiền, Hiện tiền", vị Tăng hiện đắc thí vật, duy thí thử xứ hiện tiền Tăng cố.

Tứ : "Thập phương hiện tiền", như vong Ngũ chúng khinh vật. Nhược vị yết ma, vật thông Thập phương Tăng. Nhược dĩ yết ma, vật thuộc Hiện tiền Tăng. Thử nhị danh "Hiện tiền Tăng" vật.

Ký viết : "Sở tu giả, thông thực dụng". Khiết dụng giả ? "Khiết" cuộc ẩm thực, y dược. "Dụng" thông y phục, ngọa cụ, phòng xá, đẳng.

Bất giải thốn tư lai xứ, vị ngôn pháp nhĩ hiệp cúng.

Thượng cú, thất quán. Hạ cú si nghị. Dĩ vô quán huệ, cố bất giải tư pháp. Do si ám, cố biệt sanh ngu kiến, vô tàm, vô quý, mạn đãi tham tật, nhơn chi nhi sanh hĩ.

Chữ "*Thường Trụ*" có bốn nghĩa :

1) "*Thường Trụ, Thường Trụ*", tại sao hai lần nói "*Thường Trụ*". Nghĩa là trong chùa chúng Tăng có những món như : Phòng, nhà, hoa, quả, ruộng, vườn, tôi tớ, súc vật. Do những vật đây thuộc về chỗ chùa đây, không cho đem đi chỗ khác và chỉ được thọ dụng, chớ không được chia ra bán. Cho nên nói "*Thường Trụ thường trụ vậy*" *(của Thường Trụ để cho Thường Trụ).*

2) *Thập phương Thường Trụ*", như những vật cúng trong chùa, những vật của Chúng Tăng thường ăn. Thể nó chung cả mười phương Tăng, nhưng chỉ cuộc để một chỗ *(chúng Tăng trong mười phương có về thì được ăn, còn không về thời thôi).* Hai của này gọi là của "Tăng Kỳ" *(của chùa).*

3) "*Hiện tiền, Hiện tiền*", nghĩa là Chúng Tăng có mặt hiện tiền, đặng của người Thí chủ cúng, chỉ cúng cho những ông Thầy có mặt hiện tiền trong chùa đây, thì các ông Thầy có mặt chỗ đây chung hưởng.

4) "*Thập phương hiện tiền*", như năm chúng xuất gia, khi qua đời chỉ để lại chút ít vật. Nếu trong chúng Tăng, chưa nhóm lại làm phép Yết Ma phân định, thì vật ấy còn thuộc về vật của Thập Phương Tăng. Bằng đã làm phép Yết Ma rồi, thì vật ấy thuộc về mấy ông Thầy có mặt hiện tiền ở trong chùa đó. Hai của nầy kêu là của "*Hiện tiền Tăng*".

Lời Ký nói : "Tiêu dùng" cũng như cái nghĩa "ăn dùng". "Ăn dùng" là gì ? "Ăn" thuộc về món "ẩm thực" và "y dược". "Dùng" thuộc về món "Y Phục" và "Ngọa Cụ", Phòng nhà vân vân.

Không biết xét nghĩ chỗ đâu đem đến cứ nói rằng phép ta nên chịu của cúng.

Câu trên mất phép quán. Câu dưới bàn tính bậy. Do không Trí huệ quán xét, nên không biết phép suy nghĩ. Do vì si ám, cho nên riêng sanh chấp bậy, nhơn đó mà sanh ra giải đãi, tham ganh, không biết hổ, không biết thẹn vậy.

Thổn, vị kế độ. Tư, vị trù lượng dã. Vị ngôn giả tự xuất phi ngữ dã. Pháp nhĩ giả, lý chi đương nhiên giả, Hiệp cúng giả, hữu nhị. Nhất : Vị tha hiệp đương cúng dường ư ngã. Nhị : Vị ngã đương hiệp thọ tha cúng. Lai xứ giả, Kế nhất : bát chi phạn, tác giả công dụng bất thiểu, thí giả cát thê tử chi phần, dĩ chưởng phước điền. Tự đức bất toàn, khởi hiệp thọ cúng chúng đức tuy bị, du tu "quán" hạnh, phương tiêu tín thí.

Cố VĂN THÙ VẤN Kinh vân : "Bồ Tát nhược vô tư duy, phạn diệc bất ưng thực dã".

Ký viết : CA DIẾP Kinh vân : "Thời ngũ bá Tỳ kheo ngôn, ngã đẳng bất năng tinh tấn, khủng bất năng tiêu. "Tín Thí" cúng dường, thỉnh khất qui tục. Văn Thù Bồ Tát tán ngôn : "Nhược bất năng tiêu "Tín Thí" chi thực, ninh khả nhất nhật số bá qui tục, bất ưng nhất nhật phá giới thọ nhơn Tín thí". Phật cáo Văn Thù : "Nhược hữu Tu thiền, Giải thoát giả, ngã thính thọ nhơn "Tín thí" "thực". "Từ Ân" Pháp Sư vân : "Bất tàm y, bất điền thực. Chức nữ, Canh phu, hạn huyết lực. Vị thành "đạo nghiệp" thí tương lai. "Đạo nghiệp" vị thành tranh tiêu đắc !" "Từ Thọ Thâm" thiền sư vân : "Như kim hữu đẳng Sơ học, bảo thực cao manh, nhậm tánh quá nhật, du hiềm bất xứng ý. Bất tri xuất gia nhơn, như nhất khối ma đao thạch.

Nhất thiết nhơn yếu đao lợi, tiện lai thạch thượng ma, ma lai, ma khứ, biệt nhơn đao lợi, tự gia thạch tiệm tiêu bạc. Hữu đẳng cánh hiềm : "Tha nhơn bất lai ngã thạch thượng ma", hữu thậm tiện nghi xứ. Thử ngữ tối thiết, như thí kim châm, trúng nhơn bệnh xứ. Dã kỳ thạch như "Kim cang", bất phường hiềm tha bất lai ma".

Tính toán là nghĩa "xét". Trù lượng là nghĩa "lo". Cứ nói là nói ra những lời sái quấy vậy. Phép "Phải" là cái lý đúng đắn vậy. Chịu của cúng có hai : 1) Nói người kia lẽ phải cúng dường cho ta. 2) Nói ta lẽ phải chịu của người cúng. "Chỗ đâu đem đến" ? Kể cơm một bát, người làm công dụng chẳng ít, kẻ thí, bớt phần vợ con để gieo trồng ruộng phước. Nhưng xét lại phần mình hoàn toàn không có đức hạnh lẽ đâu dám thọ của cúng, các đức hạnh dù đủ đi nữa, nhưng cũng phải tu phép "quán" mới tiêu của tín thí.

Cho nên kinh VĂN THÙ VẤN nói : "Ông "Bồ Tát" nếu không để tâm suy nghĩ, cơm cũng không nên ăn vậy".

Lời Ký nói : "*Trong kinh CA DIẾP nói : "Khi đó có 500 thầy Tỳ Kheo nói rằng : Chúng tôi không thể tinh tấn, sợ không tiêu được của "Tín Thí" cúng dường, vậy chúng tôi cầu xin về tục. Đức "Văn Thù Bồ Tát" tán thành và nói : "Nếu các Ngài không thể tiêu cơm của "Tín Thí", thà các ngài một ngày nên về tục vài trăm, chớ không nên nán ở lại một ngày phá giới, mà thọ của người tín thí".*

Phật kêu ông "Văn Thù" mà nói : "Này "Văn Thù" ! Trong các hàng "Tỳ Kheo", nếu ông nào có thể tu "Thiền Định", "Giải thoát" được thì ta cho thọ lãnh của người tín thí mà ăn". Ngài "Từ Ân Pháp Sư" nói : "Người xuất gia không để tằm mà có áo mặc, không cày ruộng mà có cơm ăn. Kẻ "chức nữ", người "Nông Phu" ra sức mồ hôi huyết. Vì ta thành "đạo nghiệp" mới đem đến cúng. Nếu "Đạo Nghiệp" ta chưa thành đâu tiêu đặng !" Ngài Từ Thọ Thâm thiền sư nói : "Như nay có những bực sơ học, ăn no ngủ kỹ, lung tánh qua ngày, còn giận không vừa ý. Đâu có biết người xuất gia, khác nào như một khối đá mài dao.

Tất cả người ai cũng muốn cái dao cho bén, dành đem trên đá mà mài, mài qua mài lại, dao người khác bén mà khối đá nhà mình thì tự tiêu mòn. Thế mà có những người trách rằng : "Người kia sao không đem đến trên đá ta mà mài", trách như thế có nhằm lý gì đâu. Lời đây rất thiết như đem mũi kim vàng tim trúng chỗ bệnh người. Dẫu như khối đá của ta cứng chắc như ngọc "Kim Cang" đi nữa, cũng không có lý gì trách người kia không đem đến mà mài, mới phải !".

TRÍ ĐỘ LUẬN vân : "Tư duy thử thực, khẩn thực vân trừ, thâu hoạch, nhu trị, thung ma đào thải, xuy chử nãi thành. Dụng công thậm trọng, kế nhất bát chi phạn, tác phu lưu hạn tập hiệp thành chi. Thực thiểu hạn đa. Thử thực tác chi công trọng tân khổ như thị, nhập khẩu thực chi tức thành "bất tịnh", cánh vô sở trị. Túc tích chi gian, biến vi thỉ niệu. Bốn thị mỹ vị, nhơn chi sở thị, biến thành, "bất tịnh", ố bất dục kiến.

Hành giả tự đương, tư duy như thử tệ thực. Ngã nhược tham trước, đương đọa "địa ngục", hám thiêu thiết hườn, tùng "địa ngục" xuất, đương đọa "Súc sanh", ngưu, dương, lạc đà, thường kỳ túc trái, hoặc tác trư cẩu, thường hám phẩn uế. Như thị quán chi, sanh yểm ly tưởng, phương kham thọ thực.

"Đạo An" Pháp sư vân : "Giảm cắt chi trọng, nhất mễ thất cân. Vô giới thực thí, tử nhập "Thới Sơn", thiêu thiết vi thực, dương đồng quán yết. Như tư chi thống, PHÁP CÚ sở trần. Sở vị "học đạo" bất thông lý, phục thân hườn tín thí. Trưởng giả, bát thập nhất, kỳ thọ bất sanh nhĩ. Nhược đã nhất niệm hồi quang, hốt dữ "đạo" hiệp, vạn lượng huỳnh kim diệt tiêu đắc.

"Khiết liễu trụ đầu huyên huyên, đản thuyết "Nhơn gian" tạp thoại".

Thượng cú, tổng tiêu. Hạ cú, biệt thích. Dĩ huyên huyên vị thẩm hà ngôn, cố thích viết "Nhơn Gian" tạp thoại. Khiết liễu giả, bảo thực dĩ. Tụ đầu giả, cọng tương tụ thủ dã. "Tạp thoại" giả, "Thế Tục" chi ngôn bất thiệp "Kinh", "Luật" chi ngữ. Do vô khắc niệm, ngoại phát ngôn phi, bất tu "Quán huệ", hề giải thổn tư. Tam nghiệp bất cần, "trạo cử" do sanh.

Trong bộ TRÍ ĐỘ LUẬN nói : Thử nghĩ cơm này là cuốc đất, trồng tỉa, làm cỏ, cắt gặt, đập phơi, xay giã, vo gúc, xôi nấu mới thành. Dùng công rất nặng, kể cơm một bát, kẻ làm đổ mồ hôi nhóm đống mới thành đó. Cơm ít mồ hôi nhiều. Kẻ làm có hột cơm này, công nặng cực khổ như thế, thế mà ăn vô khỏi miệng rồi, liền thành đồ "bất tịnh",lại không giá trị chi cả. Trong khoảng cách đêm đã biến thành đồ nhơ bẩn. Trước kia là món ăn ngon, người ai cũng thèm thích, thế mà bây giờ nó biến thành đồ "bất tịnh" ghét chẳng muốn ngó.

Vậy thì người tu hành phải tự xét nghĩ món ăn hèn tệ như thế. Nếu ta tham đắm chi khỏi đọa vào "địa ngục", ăn hoàn sắt nóng, mãn đời "địa ngục" phải đọa trong loài "súc sanh" làm "trâu", làm "dê", "lạc đà", bù thường nợ trước của người "thí chủ" kia, hoặc làm "heo", làm "chó" thường ăn đồ phẩn dơ. Quán xét như vậy sanh cái tưởng chán nhàm mới kham thọ của "tín thí" mà ăn.

Ngài "Đạo An" Pháp Sư nói : Giảm cắt phần nặng, một hột gạo nặng bảy cân. Nếu ta không "giới đức" mà ăn của "tín thí", thì lúc chết phải đọa ngục "Thái Sơn", ăn hoàn sắt nóng, uống nước đồng sôi. Những chuyện đau đớn như thế trong kinh PHÁP CÚ có chỉ rành. Nên có câu : "Người" học đạo" chẳng thông lý, thân sau bù thường của tín thí. Ông Trưởng Giả 81 tuổi, cây trong vườn Nấm hết mọc là nghĩa đây vậy. Nếu ta một niệm sáng suốt xét lại, thoạt cùng với "đạo" hiệp nhau, thì muôn lượng vàng ròng cũng tiêu được.

"Ăn rồi dụm đầu nói chuyện xào xào, chỉ nói những chuyện "Thế gian" bậy bạ."

Câu trên tóm nêu, câu dưới riêng giải, Vì sao ? - Bởi nói chuyện xào xào nhưng chưa biết nói chuyện chi, cho nên giải rằng nói những chuyện bậy bạ của "*Thế Gian*". Ăn rồi, là ăn đã no rồi. "*Dụm đầu*" là ba bốn cái đầu chùm nhum lại. "*Nói bậy*" là nói những chuyện "*Thế Tục*", không nhằm cái lời trong "*Kinh*" trong "*Luật*". Bởi trong "tâm" không tưởng niệm, nên ngoài miệng buông những lời sái quấy, không tu phép "quán huệ" đâu biết xét nghĩ. Ba nghiệp chẳng cần tánh "trạo cử" do đây mà sanh ra vậy.

DI GIÁO Kinh vân : "Nhược chủng chủng hí luận kỳ tâm tư loạn, tuy phục xuất gia du vị giải thoát. Thị cố cấp đương xả ly hí luận tán loạn chi tâm, cầu ư vô vi tịch diệt chi lạc. Dục đắc tịch diệt lạc giả, duy đương thiện nhiếp kỳ tâm, diệt trừ hí luận chi hoạn.

"Trường Lô Trách" thiền sư tự cảnh văn vân : "Nhược nãi, thiết nghị "Triều đình" chánh sự, tư bình "Quận, Huyện, Quan, Liêu" giảng quốc độ chi phong hung, luận phong tục chi mỹ ố, dĩ chí công thương tế vụ, thị tỉnh nhàn đàm, biên bỉ binh qua, trung nguyên khấu tặc. Văn chương, kỹ nghệ, y thực hóa tài, tự thị sở trường, ẩn tha hảo sự, du dương hiển quá, chỉ trích vi hà; ký quai phước nghiệp, vô ích đạo tâm".

Như thử du ngôn, tịnh thương thiệt đức, tọa tiêu Tín Thí, ngưỡng quí "Long Thiên" tội thỉ lạm thương họa chung diệt đảnh, Hà dã ? - Chúng sanh khổ hỏa, tứ diện cu phần, khởi khả an nhiên, tọa đàm vô nghĩa.

Cổ đức, thượng ngôn tự cảnh, ngã đẳng hà nhơn, hảo bất tự tư?

Ký viết : "Huyên" giả, hoa giả. "Trạo cử" giả, hữu tam chưởng : Nhất : "Thân trạo", vị thân háo du tẩu, chư tạp hí hước tọa bất tạm an. Nhị : "Khẩu trạo", vị háo hí ngâm vịnh, cạnh tranh thị phi; vô ích hí luận, "Thế gian" ngữ ngôn đẳng. Tam : "Tâm trạo" vị tâm tình phóng dật, túng niệm phan duyên, tư duy văn nghệ, "Thế gian" tài kỷ, chư ác giác quán đẳng.

Kinh DI GIÁO Phật dạy : "Nếu các ông Tỳ kheo mỗi món hí luận, chi khỏi tán loạn tâm thần, tuy đã xuất gia mà còn chưa giải thoát. Thế nên các ông cần phải kíp bỏ cái tâm hí luận tán loạn, mà cầu cái vui "vô vi" vắng lặng. Song muốn đặng cái vui vắng lặng, thì cần phải khéo giữ nơi "Tâm" và diệt trừ cái bệnh "hí luận".

Ngài "Trường Lô Trách" thiền sư làm bài văn, tự răn mình như vầy : "Nếu ta trộm luận việc chánh "Triều đình", lén bình phẩm "Quận, Huyện, Quan, Liêu", giảng nói việc thạnh suy trong nước với luận việc tốt xấu "phong tục", nhẫn đến việc nhỏ, làm thợ, kẻ đi buôn và lời rộn ràng nơi chợ giếng, bình trận bên ngoài và giặc giã trong nước. Cùng "văn chương nghề nghiệp" áo cơm của tiền cậy mình tài hay, ẩn việc tốt của người ta vạch bày tội lỗi, chỉ trích những tì vết nhỏ; như vậy đã trái việc làm phước lại không ích chi với "tâm" của người tu".

Những lời nói chơi như thế đó đều có hại cho "Đức Thật", ngồi tiêu của tín thí, ngước ngó hổ với "Thiên Long" tội trước tràng bụng, họa sau ngập đầu. Sao vậy ? Bởi lửa khổ của chúng sanh phừng đốt bốn phía đâu nỡ đành vậy ngồi yên mà luận việc "vô nghĩa".

Ôi bực "Cổ Đức" như ngài "Trường Lô" còn nói cái lời để răn nhắc lấy mình như thế. Huống chi chúng ta là người bực nào mà muốn chẳng tự suy xét bổn phận hay sao ?

Lời Ký nói : *Nói chuyện ồn ào "Tàu" gọi chữ "Huyên". "Trạo cử" có ba nghĩa : 1) Thân "trạo cử" bởi thân ưa chơi nhảy, làm các việc hí hước và ngồi không tạm yên. 2) "Khẩu trạo", là nghĩa miệng ưa ngâm vịnh đua tranh phải quấy; hí luận việc vô ích và bàn cãi những chuyện "thế gian". 3) "Tâm trạo" là, nghĩa tâm tình phóng túng, buông niệm vướng vin, suy nghĩ nghề văn tài nghệ trong "Thế Gian" và vọng tưởng những chuyện sai quấy v.v...*

"Tống" Quang Hiếu, "An" thiền sư, tại định trung kiến nhị Tăng ỷ lam tương ngữ, sơ hữu "Thiên Thần" ủng vệ khuynh thính, cửu chi tán khứ. Nga nhi ác quỉ thóa mạ, tảo kỳ khước tích. Tuân kỳ cố, nãi nhị Tăng sơ luận Phật Pháp, thứ tự nhàn khoát, mạt dàm tư dưỡng. An tự thị chung thân, vị thường ngôn cập thế sự.

Luật vân : "Hữu nhị "Bí Sô" tùy lộ nhi hành thuyết "phi pháp" ngữ, thời hữu bất tín tâm "Dạ Xoa", dục hấp kỳ tinh khí. Phật ngôn : "Bí Sô" tại lộ hành, ưng tư duy thiện pháp, hữu nhị chưởng sự : Nhất, tác "pháp ngữ", Nhị, như Thánh mặc nhiên. Chí chỉ tức xứ thuyết Thánh Già Đà". Kim nhơn chung nhật nhàn dàm tạp thoại, thượng bất miễn thần quỉ ha trách, nhi huống cầu kỳ ủng hộ, khả đắc hồ tai ?

Nhiên tắc, nhất kỳ sấn lạc, bất tri lạc thị khổ nhơn.

Thượng cú, minh dật lạc. Hạ cú, minh khổ nhơn. Vị kim sanh tứ tình phóng vật ư dục lạc tức thị đương lai chi khổ nhơn. Khổ nhơn tư tập, khổ quả tiện chí. Cố vấn : "Nhơn địa bất chơn, quả chiêu vu khúc, mục tiền giao báo, một hậu trầm luân", tư chi vị dư !

Nhất kỳ giả ? Vị chư chúng sanh thọ thân, tuy vân thọ mạng trường đoản bất đồng, nhiên giai thị nhất kỳ quả báo. Thị tắc nhất sanh trục lạc, thành vi vạn kiếp chi khổ ương hĩ.

Ký viết : "Dục lạc giả ? Ngũ dục lạc dã"

Nẳng kiếp tuận "trần", vị thường phản tỉnh.

Đời nhà "Tống" niên hiệu "Quang Hiếu", ngài "Đạo An" thiền sư trong khi nhập định thấy có hai ông Thầy dựa hàng rào nói chuyện, đầu có hai vị "Thiên Thần" hộ vệ lắng nghe, giây lâu thần bỏ đi mất. Bỗng có con ác quỉ đến nhổ nước miếng mắng và chà dấu chân của hai ông. Hỏi ra biết duyên cớ, chính 2 ông "Thầy" kia ban đầu luận việc "Phật Pháp", kể nói chuyện "Thế Gian" rồi rốt sau bàn việc tư dưỡng. Ngài "Đạo An" từ đây cho đến trọn đời nói chưa từng khi nào nói đến những chuyện "thế gian".

Trong LUẬT nhắc sự tích có hai ông "Bí Sô", đi dọc đường luận nói những chuyện "phi pháp", khi đó có con quỉ "Dạ Xoa" bất tín tâm, muốn hớp tinh khí của hai ông kia. Phật dạy : Phàm làm "Bí Sô" khi đi đường, phải niệm nghĩ pháp lành, có hai việc : 1) Nói lời "Đạo Đức". 2) Thầm tưởng "Phật" mà đi. Đến chỗ nghỉ ngơi đọc lời kệ tụng của "Phật". Thế mà người tu đời bây giờ cả ngày cứ đàm luận những chuyện bậy bạ, e còn chưa khỏi quỉ thần quở trách huống nữa là cầu quí ngài ủng hộ mà hồng được sao ? !

Song thời một thuở đua vui, nào có biết vui đó là "Nhơn" của cái khổ.

Câu trên nói vui lung. Câu dưới nói nhơn khổ. Nghĩa là đời nay lung tình phóng thả theo cái vui "ngũ dục" tức là làm cái "nhơn" khổ cho kiếp tương lai. Nhơn khổ chứa nhóm đời nay, thì sau này quyết chịu quả khổ. Cho nên có câu : "*Chỗ tạo nhơn không chánh, thì chỗ kết quả ắt phải vày vò, mắc báo trước mắt, chết rồi có nạn trầm luân*" là nghĩa đây vậy !

Thế nào là một "thời kỳ" ? Nghĩa là tất cả chúng sanh chịu cái báo thân này, tuy nói rằng kẻ sống lâu, người chết yểu không đồng, song rốt cuộc cũng đều là "*Quả báo*" trong một thời kỳ. Vậy thì khi sống đua theo sự vui trong một đời, thật là gây cái khổ ương cho muôn kiếp vậy.

Lời Ký nói : "*Dục lạc là gì ? Là năm món ưa thèm vậy*".

Nhiều kiếp theo "Trần", chưa từng xét lại.

Thượng cú, minh tùy "trần tập". Hạ cú, minh thất "huệ nhãn". Do vô thỉ kiếp lai, nhất hướng thuận tự hoặc tập, tùy trục chư trần vọng cảnh, chí kim xí nhiên hung trung. Vị thường nhất niệm phản chiếu tri phi hà năng khắc tu "Định Huệ", phá bỉ hoặc tập nhi xuất "Trần Lao" da ? !

Ký viết : "Nẳng", vị nẳng tích. "Kiếp", thị trường thời, tức vô thỉ kiếp lai dã. "Trần" giả, trần cấu, thị nhiễm ô nghĩa. Vị chư vọng trần hoặc tập, năng nhiễm ô tự "Tâm" chơn tánh, bất đắc kiến "Đạo" cố dã.

"Thời quang yểm một, tuế ngoạt ta đà".

Thượng cú, thị trú dạ thất. Hạ cú, thị niên ngoạt thất. "Yểm một" giả, nhân diệt dã. "Ta đà" giả, hư quá thời nhật dã. Nhược bất chuyên tu "Định Huệ" phì đản mai một quang âm, thiệt nãi đồ táng bá niên hĩ.

Ký viết : "Ngôn thời quang giả, thị trú dạ hổ cữ dã. Thời, vị thập nhị chi can. Quang, vị tam quang dã.

"Thọ dụng ân phiền, thí lợi nung hậu".

Thượng cú, tự dụng. Hạ cú, tha hí. Tha vị cầu phước, thí chi vô yểm. Nhi thọ giả, tu sanh tàm quý trị lượng thọ dụng. Ngôn thọ dụng giả, thân tâm nạp nhuận, tứ tình hưởng thí. Ân phiền giả ? Tứ cúng tư da, bá nhứt dinh trưởng. Thí lợi giả ? Tứ sự cúng dường, bá nhất sở tu dã. Ân phiền, nung hậu, danh dị, nhi nghĩa đồng dã.

Câu trên nói, theo cái thói quen "trần tục". Câu dưới nói, thiếu con mắt "*trí huệ*". Vì sao ? Bởi từ vô thỉ kiếp lại đây một bề thuận theo tánh lầm quen của mình và rượt mãi theo các cảnh vọng trần, cho đến ngày nay, nhiễm sâu trong bụng. Chưa từng một niệm quày soi biết quấy, đâu hay gắng tu "Định Huệ", phá cái thói quen lầm kia, mà ra khỏi "*Trần Lao*" ư ? !

Lời Ký nói : *Chữ "nẳng" là thuở xưa. Chữ "Kiếp" là lâu đời, tức là từ vô thỉ kiếp lại đây vậy. Chữ "Trần" là bụi nhơ, là cái nghĩa nhiễm nhơ. Tại sao thế ? - Bởi các vọng trần hoặc tập nó làm nhiễm nhơ cái chơn tánh của "tâm" mình không thể thấy được "Đạo" cớ vậy.*

Ngày giờ thoạt lặng, năm tháng luống qua.

Câu trên là ngày đêm mất. Câu dưới là năm tháng luống qua. "*Thoạt lặng*" là gì ? Là bặt mất vậy. "*Luống qua*" là gì ? - Là luống qua ngày giờ vậy. Nếu ta không chuyên tu "*Định Huệ*", chẳng những chôn lấp ngày đêm, thực là luống mất thời gian trăm năm nữa vậy.

Lời Ký nói : *Nói "thì giờ" là gì ? Là luôn cả ngày và đêm nữa vậy. Giờ thì có 12 giờ. Ngày thì gồm cả ban đêm. Có cái nghĩa sáng. Tức 3 ngôi sáng như Mặt trời, mặt trăng, và ngôi sao vậy.*

Thọ dụng lắm nhiều, của tín thí đầy nhẫy.

Câu trên nói, mình thọ dụng. Câu dưới nói người đem đến cúng dường. Là nghĩa người "*Thí chủ*" kia họ vì muốn cầu ruộng "*phước*" nên cúng dường không chán. Ta làm người thọ lãnh cần phải sanh lòng hổ thẹn biết lường sức mình tu hành tới đâu mà thọ dụng. *Thọ dụng* là gì ? Là nghĩa thân tâm nhận chịu, lung tình hưởng của cúng. Chi là lắm nhiều ? Là bốn món cúng dường chan chứa, một trăm món ngập tràng. Của "*thí*" là chi ? Tức bốn việc cúng dường, và trăm món vật dụng vậy. "*Lắm nhiều*", "*Đầy nhẫy*" bốn chữ này cái tên tuy khác nhưng vẫn đồng một nghĩa "nhiều" mà thôi.

Ký viết : "Huệ Hưu" Pháp sư, tam thập niên, trước nhất lưỡng hài, ngộ nhuyễn địa tắc xích túc. Thường hối chúng viết : "Nhữ kim chủng chủng thọ dụng, vị cơ nhi thực, vị hàn nhi y, vị cấu nhi dục, vị thùy nhi manh. Đạo nhân vị minh, Tâm lậu vị tận như hà tiêu đắc ? Ân giả, thạnh dã. Phiền giả, đa dã. Nung giả bất đạm. Hậu giả, bất bạc dã. Tứ cúng giả : Ẩm thực, Y phục. Ngọa cụ. Y dược. Bá nhất giả ? "Sa môn" cung thân sở tu chi vật dã.

"Động kinh niên tãi, bất nghĩ khí ly".

Thượng cú, ngôn "Thời". Hạ cú ngôn "Tâm". Do thọ dụng ân phiền, đam vị bất hưu. Cố trí bất giác kinh lịch niên tãi, tằng vị sanh nhất niệm khí xả yểm ly chi tâm.

Ký viết : Nghĩ giả, sở vị nghi chi nhi hậu vi, tức sủy đạc dĩ đãi dã.

Phù Dung thiền Sư vân : "Vị Yểm "Trần Lao", cầu thoát "sanh tử". Hưu tâm tức "niệm", đoạn tuyệt "phan duyên" cố danh "xuất gia". Khởi khả dẳng nhàn lợi dưỡng, mai một "Bình sanh", trực tu lưỡng đầu tản khai. Trung gian phóng hạ ? Ngộ thinh ngộ sắc, như "thạch" thượng tài hoa. Kiến lợi, kiến danh như nhãn trung trước tiết. Hướng tùng "vô thỉ" dĩ lai, bất thị bất tằng kinh lịch. Hà tu khổ khổ tham luyến. Như kim bất hiệt cánh đãi hà thời ?

"Tích tụ tư đa, bảo trì "huyễn chất".

Thượng cú, súc bất kiên vật. Hạ cú, dưỡng mộng huyễn thân. Vị tích tụ tứ cúng bất kiên chi tài. Bảo trì "Ngũ Ấm" mộng huyễn chi chất. Nhất triêu "Vô Thường" đáo lai, tích chi hà dụng. "Tứ Đại" phân tán bảo chi hề tại.

Lời Ký nói : *Ngài "Huệ Hưu Pháp Sư" 30 năm đi một đôi giày, gặp chỗ đất mềm thời đi chân không. Ngài thường dạy trong "Đại chúng" rằng : "Các ngươi, các món thực dụng, chưa đói mà ăn, chưa lạnh mà mặc, chưa nhơ mà tắm, chưa buồn mà đi ngủ. "Đạo nhãn" chưa sáng, tâm "Hữu lậu" chưa hết thế nào tiêu đặng ?". Chữ "Ân" là nghĩ "Thạnh". Chữ Phiền là nghĩa "Nhiều". Chữ "Nung" là nghĩa "không kém". Chữ "Hậu là nghĩa "không ít". Bốn món cúng là : 1) Ẩm thực 2) "Y phục" 3) "Ngọa Cụ" 4) "Y Dược". Trăm mốt món là gì ? Là những món vật cúng cho thầy "Sa Môn" cần dùng vậy.*

Năm nầy trải qua năm khác, chẳng toan bỏ lìa.

Câu trên nói "*Thời gian*". Câu dưới nói "*Tâm niệm*". Bởi thọ dụng ê hề, đắm mê chẳng dứt. Đến nỗi không biết trải qua mấy năm, mà chưa từng sanh một niệm để tâm nhàm chán xả bỏ.

Lời Ký nói : "*Nghĩ*" *là nghĩa nói nghĩ đó rồi sau mới làm, tức so xét cho kịp thời giờ vậy.*

Ngài Phù Dung thiền sư nói : "Vì chán cõi đời " Trần Lao" cầu thoát kiếp "Sanh Tử". Nên thôi vọng tâm, dứt "vọng niệm", bặt hẳn sự "vướng vin" nên mới gọi là người "Xuất Gia". Đâu nên lếu láo qua ngày mà tính toan việc lợi dưỡng, chôn lấp một đời "Bình Sanh", chính phải hai đầu (Hữu và Vô) buông ra. Chặng giữa "Trung Đạo" thả xuống, không đắm không nhiễm. Dù gặp tiếng hay, dù gặp sắc đẹp coi như cây hoa trồng trên "tảng đá". Dù thấy lợi dù thấy danh cũng như bụi dính trong con mắt. Huống chi từ vô thỉ kiếp lại đây, chẳng phải chẳng từng trải qua cảnh ấy. Cần gì bo bo tham luyến. Như ngày nay không thôi thì đợi thì giờ nào nữa ? !

Chứa nhóm thêm nhiều, giữ gìn "vóc huyễn".

Câu trên nói, chứa vật không bền. Câu dưới nói, nuôi thân mộng ảo. Nghĩa là chứa nhóm bốn của cúng là những của không bền. Giữ gìn thân "*Ngũ ấm*" là thân mộng ảo. Một mai "*Vô Thường*" tới nơi, chứa đó có dùng chi. Thân "*Tứ Đại*" lúc rã rồi giữ đó đâu còn.

Cố "Tịnh Trụ" pháp sư vân : "Sanh bất khả bảo, duy dục định sanh, tử tất định chí, bất tri cố tử". Huống thử nguy mạng hung biến. "Vô Thường" nga khoảnh chi gian, bất giác yểm tử. Nhiên kỳ ác nhơn, ký tích, ác quả nan đào, hình khúc ảnh oa, khởi hư ngôn tai !

Ký viết : "Tài thuộc ngũ gia, cố viết bất kiên. Vị : Thủy phiêu, Hỏa phàn, Tặc đạo, Quan đắc chi, Ác tử bại chi".

Vô Tác "Thiền sư vân" : Phước liệt tài cường, tài tất vi ương. Đức bạc nhậm đại, nhậm tốc thành hại". Cổ nhơn chỉ yếu Tâm đạt, bất yếu Thân đạt. Tha hiền mạc yểm, ngã hiền mạc phạt. Nhược như thử, tắc tri kỳ mạng, hiệp kỳ đạo, chung nhất thân nhi tự bảo hĩ.

"Đạo sư hữu sắc, giới húc tỳ kheo" tấn đạo nghiêm thân tam thường bất túc".

Thượng nhị cú, "giới miễn". Hạ nhị cú, thị "Pháp" "Như Lai" vị tam giới chi "Pháp vương". "Tứ chúng" chi đạo "Sư". Cùng tận vật tánh, quan cơ thọ "Pháp", ứng bệnh dữ dược. Thị cố lập "Pháp" chế "Giới". Sắc linh chư Đệ tử tu hành, tấn "Đạo" tất tu tinh cần, thiểu dục tri túc.

Dĩ tam sự nhi tự nghiêm thân. Tam sự, vị : Ẩm thực, Y phục, Thùy manh. Tư tam giả, sứ nhơn chi sở tế, chướng đạo chi nhơn duyên, cố linh thường tu bất túc, phương dữ đạo hiệp.

Ký viết : "Đạo Sư giả. Dẫn đạo chúng sanh, xuất ư "Tam giới" chi hỏa trạch dã. TƯ ÍCH kinh vân : "Ư chư chúng sanh, sanh "Đại Bi tâm", linh nhập "chánh đạo", bất cầu báo ân

Cho nên Ngài Tịnh Trụ pháp sư nói : "*Sống không giữ được, cứ muốn lo sống, chết ắt quyết đến, sao không biết lo chết*". Huống chi mạng người hỏng hẻo. "*Vô Thường*" quỉ dữ rình rập một bên, trong giây lát phút xút chết mất. Song cái nhơn ác kia đã chứa, thì cái quả ác khó bề trốn khỏi. Cũng như hình cong thì bóng phải vẹo, lời ấy đâu có láo dối ư ?

Lời Ký nói : "*Của thuộc năm nhà, cho nên nói của không bền. Năm nhà là gì ? 1) Bị nước trôi - 2) Lửa cháy - 3) Ăn cướp, ăn trộm lấy - 4) Quan trên lấy (tịch thu) - 5) Con dữ phá tán.*

Ngài Vô Tác Thiền sư nói : "Phước yếu của mạnh, của ắt làm bại, Đức mỏng gánh to, gánh mau thành hại". Cho nên "Cổ Nhơn" chỉ muốn Tâm thông (sáng suốt, chớ không muốn Thân thông (trang sức thân đẹp). Người khác có tài ba chớ chê, ta có tài ba không khoe. Nếu được như thế, thời là biết mạng mình hiệp với "Chánh Đạo" trọn một đời có thể tự chủ lấy mình được vậy.

Đức "Đạo Sư" có dạy : "Răn khuyên các Tỳ kheo muốn tấn Đạo nghiêm thân, ba việc thường bớt bớt".

Hai câu trên : "*Răn khuyên*". Hai câu dưới nêu "*Pháp*". Đức "*Như Lai*" là vị "*Pháp Vương*" trong ba cõi, "*Thầy*" dẫn đường cho "Bốn chúng". Biết cùng tột nghiệp tánh của muôn loài, xem cơ mà trao "*Pháp*" cũng như "*Lương Y*" theo bệnh mà đầu thang. Cho nên Đức "*Như Lai*" lập "*Kinh*" chế "*Luật*". Dạy bảo các hàng Đệ tử tu hành, muốn tấn "Đạo nghiêm thân" ắt phải siêng năng và ít sự ham muốn, biết vừa đủ.

Dùng ba việc mà tự sửa lấy mình. Ba việc là : 1) Ẩm thực. 2) Y phục. 3) Thùy miên *(ngủ nghỉ)*. Ba việc này, nó làm cho người u ám, nhơn duyên ngăn đạo, cho nên Phật dạy thường phải bớt bớt mới hiệp với Đạo.

Lời Ký nói : "*Đạo Sư" là gì ? Là người dẫn dắt chúng sanh ra khỏi nhà lửa "Ba Cõi" vậy. Kinh TƯ ÍCH nói :*

cố danh "Đạo Sư". BÁO ÂN kinh vân : Thị "Niết Bàn" kinh, sử đắc "vô vi" thường lạc, cố danh "đại Đạo Sư".

DI GIÁO kinh, Phật ngôn : "Nhữ đẳng "Tỳ Kheo" nhược dục thoát chư khổ não, đương quán "tri túc". "Tri túc" chi pháp tức thị phú lạc an ổn chi xứ. Tri túc chi nhơn, tuy ngọa địa thượng, du vi an lạc. Bất "Tri túc" giả, tuy xử "Thiên Đường", diệc bất xứng ý. Bất "Tri túc" giả, tuy phú nhi bần. "Tri túc" chi nhơn, tuy bần nhi phú. Bất "Tri túc" giả, thường vi ngũ dục sở khiên. Vi "Tri túc" giả chi sở lân mẫn. Nhữ đẳng "Tỳ kheo", thọ chư ẩm thực, đương như phục dược, ư hảo, ư ố, vật sanh tăng giảm, thú đắc chi thân, dĩ trừ cơ khát. Như phong thể hoa, dẫn thủ kỳ vị, bất tổn sắc hương. Tỳ kheo diệc nhĩ, thọ nhơn cúng dường, thú tự trừ não, vô đắc đa cầu, hoại kỳ Thiện tâm".

Hựu vân : "Nhữ đẳng Tỳ kheo, đương tự ma đầu, dĩ xả sức hảo, trước hoại sắc y, chấp trì ứng khí, dĩ khất tự huợt". Hựu vân : "Nhữ đẳng Tỳ kheo ! Trú tắc cần tâm, tu tập thiện pháp, vô linh thất thời. Sơ dạ, hậu dạ, diệc vật hữu phế. Trung dạ tụng kinh, dĩ tự tiêu tức, vô dĩ thùy manh nhơn duyên, linh nhất sanh không quá, vô sở đắc dã. Đương niệm "Vô Thường" chi hỏa, thiêu chư Thế gian, tảo cầu tự độ, vật thùy manh dã. Húc, vị miễn húc. Nghiêm, vị nghiêm chánh".

"Nhơn đa ư thử, đam vị bất hưu, nhật vãng nguyệt lai táp nhiên bạch thủ.

"Đức Phật đối với tất cả chúng sanh, sanh cái tâm "Đại Bi". làm sao cho chúng sanh được đi đường "chánh", mà không mong cầu chúng sanh trả ơn, cho nên gọi là "Đạo Sư". Kinh BÁO ÂN : "Đức Phật chỉ con đường "Niết Bàn", khiến cho chúng sanh đặng cái vui "Vô Vi" thường hoài, cho nên gọi ông "Đại Đạo Sư".

Kinh DI GIÁO, Phật kêu các hàng "Tỳ kheo" mà bảo rằng : "Này các ông Tỳ kheo ! Nếu các ông muốn khỏi những sự khổ não thì các ông cần phải quán xét pháp "Tri Túc". Pháp "Tri Túc" là cái chỗ giàu vui an ổn. Này Tỳ kheo ! Những người có biết "Tri Túc, tuy nằm trên đất cũng là an vui. Còn kẻ không biết "Tri Túc" tuy ở "Thiên Đường" cũng không vừa ý. Người không "Tri Túc" tuy giàu mà nghèo. Người "Tri Túc" tuy nghèo mà giàu. Người không "Tri túc" thường bị năm món "dục lạc" nó kéo lôi. Làm người "Tri Túc" đem lòng thương xót. Này các "Tỳ kheo" ! Các ông muốn thọ những vật ẩm thực của người "Thí chủ" mà ăn đỡ bữa thì nên tưởng cũng như uống thuốc, đối với món ăn ngon và dở, đừng nên đem tâm khen chê, miễn vừa đỡ thân, lấp cái ghẻ đói khát. Cũng như ong hút hoa chỉ nếm cái nhị hoa chớ không tổn sắc và hương của nó. Thầy Tỳ kheo cũng thế, chịu người cúng dường, đỡ mình khỏi đói, chớ nên tham nhiều, làm mất cái thiện tâm của Thí chủ".

Phật lại kêu các Thầy Tỳ kheo mà nói nữa rằng : "Tỳ kheo các ông ! Hãy tự rờ đầu coi thử, các ông đã bỏ những việc trang sức tốt đẹp của đời, mặc áo nhuộm màu hoại sắc, tay cầm bình bát, đi khất thực tự sống qua ngày, để lo làm Đạo". Phật lại bảo rằng : "Này các Tỳ kheo ! Các ông ngày thời chuyên tâm tu tập pháp lành đừng để mất thì giờ. Đầu đêm, sau đêm, cũng đừng có bỏ. Giữa đêm thời tụng kinh để cho tiêu tội, chớ nên vì việc ngủ nghỉ, khiến một đời luống qua, rốt cuộc không có kết quả gì cả. Các ông phải nghĩ, ngọn lửa "Vô Thường" nó đốt cả Thế gian, phải sớm lo tìm phương cứu mình chớ đừng ham sự ngủ nghỉ vậy. Chữ Húc là nghĩa "khuyên gắng" chữ Nghiêm là nghĩa "nghiêm chỉnh".

Nhiều người đối đây đắm mến không thôi. Ngày qua tháng lại, thoạt đã bạc đầu.

Thượng nhị cú, "tham lợi". Hạ nhị cú, "vong sanh". Y ! Tham trước thế lợi du vị tức, bất giác bạch phát đôi đầu hĩ, nhật vãng nguyệt lai như triền hỏa, tử phù bất cửu hựu tương chí.

Ký viết : Ư thử giả ? Tam sự dã. Táp giả, du phong táp nhiên nhi chí dã. Như A HÀM kinh vân : "Hữu tứ sự, tiên bất ngữ nhơn. Nhất đầu bạch, nhị lão, tam bệnh, tứ tử. Thị tứ sự bất khả tị, diệc bất khả khước !

"Hậu học vị văn chỉ thú, ưng tu bác vấn tiên tri".

Thượng cú, ngôn tha phạp "ích". Hạ cú, linh tiên tự lợi. Vị hư sanh không lão, vô ngôn dĩ tiếp hậu lai, dục đắc lợi tha, tiên tu tự lợi. Tự lợi, tắc bác vấn "tiên tri", triệc Phật Tổ tâm tánh chi nguyên. Lợi tha, tắc liễu đạt "chơn tông", quảng thị sự lý phương tiện chi môn. Bác vấn, tắc bất trạch tôn ti, bất sỉ hạ tựu.

Sở vị, y pháp bất y nhơn. Quảng thị, tắc bất doãn oan thân, bất phân quới tiện. Sở vị "Tâm từ", "thể chánh", pháp thí "bình đẳng" Thiết hoài "Bỉ Ngã" "Tự", "Tha" lưỡng thất.

PHÁP CÚ Kinh vân : "Học tiên tự chánh, nhiên hậu chánh nhơn, điều thân nhập huệ; tất hườn vi thượng. Thân bất năng lợi, an năng lợi nhơn, Tâm điều, Thể chánh, hà nguyện bất chí. Tuy tụng thiên ngôn, bất hành hà ích, bất như nhất văn, cần tu đắc ích. Tuy tụng thiên ngôn, bất cầu xuất thế. Bất như nhất ngộ,

Hai câu trên là "tham lợi". Hai câu dưới là quên đời sống". Than ôi ! Tham mến của đời vẫn không thôi, ngờ đâu tóc bạc nhóm đầy đầu, ngày qua tháng lại như vòng lửa, tin chết không lâu đã đến rồi.

Lời Ký nói : *"Đối đây là gì ? Là ba việc thường vậy. Thoạt đã bạc đầu. Chữ "Thoạt" cũng như gió kia thoạt nhiên thổi đến bất ngờ. Như trong kinh A HÀM nói có bốn việc bất ngờ không nói người hay trước. Bốn việc là gì ? - 1) "Đầu bạc" - 2) "Già" - 3)* "Bệnh" - *4) "Chết". Bốn việc này lánh không được mà có bỏ đi cũng không được !*

Kẻ hậu học chưa nghe lời ý chỉ và tôn thú, thời phải rộng hỏi bực Tiên Tri.

Câu trên là nói kẻ hậu học thiếu chỗ lợi ích. Câu dưới là dạy cho biết, phàm muốn lợi người, trước phải lợi mình đã. Như nói mình ở trong chùa từ bé đến lớn, không học không hành chi cả, thì biết lời chi để mà dìu dắt kẻ hậu lai, chi cho khỏi người ta nhạo báng câu "Nhỏ hư già luống". Cho nên Tổ "*Hoằng Tán*" dạy : "Muốn đặng lợi cho người, trước phải lợi mình đã. Lợi mình, thời rộng hỏi bực "Tiên Tri" cho thấu cái nguồn tâm tánh của Phật và Tổ. Lợi cho người, thời phải thông suốt lý "*chơn tông*", rộng bày các môn phương tiện Sự và Lý. Rộng hỏi : thời không chọn kẻ lớn người nhỏ, không hổ đến hỏi với bực dưới mình".

Tại sao thế ? - Bởi y Pháp chẳng y Người vậy. Rộng bày thời không lựa kẻ oan người thân, không phân kẻ sang người hèn. Thế mới đáng gọi là bực "Tâm từ", "Thân chính", thí pháp "Bình đẳng". Nếu chúng ta cứ ôm lòng "*nhơn ngã*" thời "*mình*" và "*người*" cả hai đều thất lợi.

Kinh PHÁP CÚ dạy rằng : "Phàm học Đạo trước phải sửa mình, vậy sau mới sửa cho người, điều hòa thân tâm, tỏ vào Trí Huệ, ấy là trước nhất. Nếu mình không đặng lợi, đâu hay lợi cho người, Tâm hòa, Thân chính, nguyện gì chẳng xong. Tuy đọc nghìn lời, không làm ích chi, chẳng bằng nghe một câu cần tu đặng ích. Tuy tụng nghìn lời,

tuyệt ly Tam giới. Tuy tụng thiên ngôn, bất tồn "Bi", Trí, bất như nhất thính, tự tha lưỡng lợi.

Ký viết : "Chỉ" tức Kinh Luật chi tông chỉ. "Thú", tắc tông chi sở qui dã. "Tông" giả, tôn dã, sùng dã. "Chỉ", thị ý chỉ. Vị Kinh Luật chi sở sùng sở tôn, sở chủ, ý chỉ; qui thú cứu cánh xứ dã. "Bác" vị quảng tham. Vấn vị thỉnh ích. Tiên tri giả ? Tiên giác dã.

Sự SAO viết, cổ vân : "Bác học vị tế bần"' "Tăng" truyện viết : "Phi bác tắc ngữ vô sở cứ". Cố học bất yểm bác, bác tắc thông hĩ. Tử viết :"Quân tử bác học ư văn, ước chi dĩ Lễ, diệc khả dĩ phất bạn hĩ phù". Cẩu sanh nhi bần ư học giả nhu phu dã, tử nhi phú ư đạo giả, "quân tử" dã. Thị tri bác học nãi tế thức kiến chi bần dã. Trang Tử viết : Nhơn nhi bất học, vị chi thị nhục, học nhi bất hành, vị chi toát nang. "Phất bạn" vị bất vi đạo dã.

"Tương vị xuất gia, quới cầu y thực".

Thử nhị cú, kiết thượng, khởi hạ chi văn. "Tương" giả ? Dục dã, nghĩ dã, diệc ức từ dã. Nhiên xã tục xuất gia, bổn dĩ Đạo vi trọng, phi dĩ y thực vi sở quí dã.

Ký viết : "Đạo An" Pháp sư giới chúng vân : "Khanh dĩ xuất gia, khí tục từ quân, tài, sắc, bất cố, dữ thế bất quần, kim ngọc bất quí, duy Đạo vi trân, ước kỷ thủ tiết, cam khổ lạc bần, cận đức tự độ, hựu năng độ nhơn".

"LỤC KHẢI THỊ TAM HỌC"

Phật tiên chế luật, khải sáng phát mông.

chẳng cầu khỏi tục. Chẳng bằng ngộ mật câu, vượt ngoài Tam giới. Tuy tụng nghìn lời không gìn lòng "*Bi*" và "*Trí*"; chẳng bằng nghe một câu, mình và người đều lợi ích.

Lời Ký nói : *Chữ "Chỉ" tức là tôn chỉ trong Kinh trong Luật. Chữ "Thú" là chỗ kết về tôn chỉ. Chữ "Tôn" là nghĩa kính trọng vậy. Chữ "Chỉ" là ý chỉ. Nghĩa là ý chỉ đáng tôn đáng trọng đáng chú ý của "Kinh" và "Luật" là chỗ đi về rốt ráo vậy. Chữ "Bác" là nghĩa rộng tìm. Chữ "Vấn" là nghĩa hỏi học. Bực Tiên Tri là ai ? - Là những người tỏ ngộ trước ta vậy.*

Trong bộ SỰ SAO dẫn lời Cổ nhơn nói : "Người học rộng để giúp chỗ dốt". Trong truyện Cao Tăng nói "Chẳng phải rộng học thì lời nói không chứng cứ". Cho nên đối với sự học ta không nhằm học rộng, học rộng thời thông vậy. Đức Khổng Tử nói : "Luận người quân tử học rộng văn chương, để gồm về việc Lễ cũng có thể không trái Đạo vậy". Nếu sống mà nghèo nơi sự học vấn là kẻ ngu phu; chết mà giàu nơi Đạo Đức là người "Quân Tử" vậy. Cho nên biết rằng người rộng học chính giúp sự nghèo về phần "kiến thức" vậy. Ông Trang Tử nói rằng : "Người mà không học người ta nói đó là cục thịt chỉ biết đi và biết chạy; học mà không làm (giáo hóa), khác nào bỏ của báu trong túi rồi cột gút treo lên nóc nhà. Tiếng Ta nói không trái Đạo, cũng như tiếng Hán nói chữ "Phất bạn".

Toan nói đi xuất gia, trọng cầu ăn mặc.

Hai câu này kết văn trên khởi mở văn dưới. "*Toan*" là gì ? Là muốn vậy, tính vậy, cũng là cái lời gạn trở lại vậy. Song chúng ta là người bỏ tục đi xuất gia, cốt lấy Đạo làm trọng, chớ không phải lấy việc ăn mặc làm chỗ quý vậy.

Lời Ký nói : "*Ngài Đạo An Pháp Sư răn trong chúng rằng : "Các ông đã xuất gia, bỏ tục, từ Vua, tài sắc không đoái, không chung với người đời; vàng ngọc không quí chỉ lấy Đạo làm trọng, sửa mình giữ nết chịu khổ, vui nghèo, gần người có Đức đặng cầu độ mình và độ được người khác.*"

6) MỞ BÀI PHÉP TAM HỌC

Phật trước chế Luật đều dạy ke sơ cơ.

Thượng cú, "minh "Ngũ Thiên", "Thất Tụ". Hạ cú, minh khai phát sơ cơ. Dĩ luật thị định huệ chi thủ học, vạn thiện chi cơ bổn dã. "Mông", thị "Mông muội" vị tùng. Vị chứng Thánh vị dĩ lai, giai viết mông muội. Huống dư sơ học bạc địa phàm phu hồ ?

Phật tiên chế luật giả ? Cái do chúng sanh phiền não xí thạnh. Tam độc cạnh hưng, điên đảo loạn tưởng, thất trí huệ minh, tạo sanh tử nghiệp. Thị cố Như Lai ứng cơ thiết giáo, thủ dĩ "mộc xoa" phòng phi chỉ ác. Thứ dĩ thiền định tức lự vọng duyên. Hậu dĩ trí huệ phá hoặc chứng nhơn.

Cố "Nam Sơn" vân : "Đản thân khẩu sở phát, sự tại "Giới" phòng. Tam độc bột hưng, yếu do tâm sử. Cố tiên hĩ "Giới", tróc, thứ dĩ "Định" phược, hậu dĩ "Huệ" sát, lý thứ nhiên hồ ?

Ký viết : "Phật", tức Bổn Sư Thích Ca Như Lai. Phạm ngữ cụ vân "Phật đà" thử ngôn "tri giả", diệc ngôn "Giác" giả. Vị ư Bồ đề thọ hạ, liễu liễu giác tri, tam thế chúng sanh, phi chúng sanh số "Hữu Thường", "Vô Thường" đẳng nhất thiết chư pháp.

"Tam giác", viên minh, cố xưng vi "Phật". Nhất giả, "Tự giác" ngộ tánh chơn thường, liễu hoặc hư vọng. Nhị giả "Giác tha" vận vô duyên từ, độ "hữu tình" giới. Tam giả, "Giác hạnh Viên mãn", cùng nguyên cực để, hạnh mãn quả viên cố. Phạm ngữ "Tỳ ni", thử vân "Luật". "Luật" giả, thuyên dã. Vị thuyên lượng "Khinh", "Trọng", "Khai" "Giá", "Trì" "Phạm" đẳng, Phạm ngữ "Ba La Đề Mộc Xoa", thử vân "Biệt giải thoát", tức giới dã. Vị tam nghiệp thất chi. Các các phòng phi, biệt biệt giải thoát.

Câu trên nói, Giới Luật có "Năm Thiên", "Bảy Tụ". Câu dưới nói mở dạy kẻ sơ cơ. Do trong ba phép học Giới, Định, Huệ, nhưng Giới Luật là phép học đầu của Định và Huệ, gốc nền muôn pháp lành vậy. Chữ "*Mông*" là nghĩa "*Tối tăm*". Tức những người chưa chứng vào địa vị bực Thánh nhẫn lại, đều gọi là tối tăm. Huống chi những hàng sơ học và tất cả phàm phu ngu dốt ư ?

Phật trước lập "*Luật*" để làm gì ? Bởi do chúng sanh phiền não lấy lừng, ba độc lố lăng, điên đảo loạn tưởng, mất trí huệ sáng gây nghiệp đường sanh tử. Cho nên đức Như Lai coi cơ lập giáo, đầu dùng giới "*Ba La Đề Mộc Xoa*", ngăn ác dứt quấy. Kế dùng pháp Thiền Định, dứt niệm lự bỏ duyên trần. Sau lấy Trí Huệ phá vọng hoặc chứng "*Chơn Như*".

Cho nên Ngài "*Nam Sơn*" nói : Hễ thân nghiệp, khẩu nghiệp buông ra, sự cần nhứt phải lấy Giới Luật ngăn cản. Ba độc khởi lên cốt do tâm sai khiến. Vì thế cho nên trước lấy "*Giới Luật*" bắt, kế lấy "*Thiền Định*" mà trói, rốt sau lấy "*Trí Huệ*" mà sát, lẽ phải thứ lớp như vậy mới được.

Lời Ký nói : "Phật" là ai ? Tức Đức Bổn Sư Thích Ca Như Lai. Tiếng Phạn ngữ nói cho đủ là "Phật Đà". Tiếng Hán dịch rằng "Tri", cũng dịch là "Giác". Nghĩa là Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ đề, tỏ biết làu làu ba đời chúng sanh và chẳng phải số chúng sanh pháp "Hữu thường" và pháp "Vô thường" cùng tất cả các pháp.

"Ba giác" tròn sáng cho nên xưng là "Phật". - "Ba Giác" là chi ? 1) "Tự Giác", nghĩa là tổ ngộ tánh chơn thường hết sự mê lầm dối giả - 2) "Giác tha", nghĩa là Ngài đem lòng từ vô duyên độ cõi Hữu tình - 3) "Giác hạnh viên mãn", nghĩa là biết cùng nguồn tột đáy, hạnh mãn quả tròn vậy. Tiếng Phạm ngữ Tỳ Ni" cũng như tiếng Tàu nói : "Giới Luật". Chữ "Luật" theo ta cắt nghĩa là "Phân đoán". Là cái nghĩa phân đoán xét soi tội "Nhẹ", tội "Nặng", phép "Khai" phép "Giá" phép "Trì" và phép "Phạm" v.v... Tiếng Phạm ngữ gọi là "Ba La Đề Mộc xoa", cũng như tiếng Tàu nói chữ "Biệt giải thoát". Song dù "Mộc xoa" hay "Biệt giải thoát".

Hựu thọ giới dĩ, tùy đối sát đẳng sự bất tác, biệt biệt vô nhơn, tắc biệt biệt vô quả, Cố danh : "Biệt biệt giải thoát" dã.

"Sáng" giả, sơ dã. Vị lập pháp sáng nghiệp chi chỉ dã. "Ngũ Thiên", "Thất Tự", tường cụ Đại Luật. Nãi Tỳ kheo nhị bá ngũ thập giới pháp. Ni tắc tam bá tứ thập bát giới pháp. TRÍ LUẬN vân : "Ni thọ giới pháp, lược tắc ngũ bá, quảng tắc, bát vạn".

"Hủy tắc oai nghi, tịnh như băng tuyết".

Thượng cú, thị "Pháp". Hạ cú thiết "Dụ". "Hủy tắc" giả ? "Luật" chi hủy phạm pháp tắc dã. Nhơn năng bẩm thọ tư tắc, tức tiện trực thú "Vô Thượng Đạo" dã. Oai nghi giả ? Vị hữu oai khả úy, hữu nghi khả kỉnh. Do Tỳ kheo phụng trì cấm giới, chúng đức oai nghiêm, linh nhơn khả úy. Ư hành trụ tọa ngọa, nghi đoan biểu chánh, linh nhơn khả kỉnh. Thị tắc nội nghiêm ngoại chánh, nhất trần bất nhiễm. Cố như băng chi "khiết". "Tuyết" chi bạch dã.

Ký viết : "Bổn văn nhị cú, thị "Giới thể". Hạ chi tứ cú thị "Giới dụng".

"Chỉ trì tác phạm, thúc liễm sơ tâm".

Thượng cú, minh "Trì", "Phạm". Hạ cú, minh "công năng". Nhiên "chỉ" tức thị "trì" "Tác" tiện thị "phạm" - "Chỉ", tắc tâm nghiệp bất trì vọng

cũng không ra ngoài chữ "Luật". Nói "Luật" là để ngăn ngừa ba nghiệp và bảy chi tội, Hễ ngăn được một tội nào, thời giải thoát được một tội ấy. Và sau khi đã thọ giới rồi, đối những cảnh tội như sát sanh, các việc không làm v.v... thời tức là không gây cái nhơn sát sanh v.v... thời tức không mắc cái quả báo thường mạng vân vân... Cho nên nói tu được một điều lành thời giải thoát được một nghiệp tội, tu được nhiều điều lành thì giải thoát được nhiều tội. Có câu : "Mỗi mỗi không tạo nhơn ác, thời mỗi mỗi được quả giải thoát" là vậy.

Chữ "Sáng" là nghĩa ban đầu. Là nói đức Phật Như Lai lập Luật đầu tiên. Luật thì có "Năm thiên" và "Bảy tụ" trong Đại Luật có nói rõ. Chính là 250 giới pháp của Tỳ Kheo và 348 giới pháp của Tỳ Kheo Ni. Trong TRÍ ĐỘ LUẬN nói : "Tỳ Kheo Ni" thọ giới pháp, lược thời năm trăm giới, rộng thời tám vạn.

"Phép tắc" "oai nghi", sạch như "giá tuyết".

Câu trên nêu "*Giới Pháp*". Câu dưới lập lời "*Thí dụ*". "*Phép tắc*" là gì ? Khuôn rập phép tắc của "*Luật*" vậy. Người mà hay dưng thọ phép tắc này, thời liền thẳng đến "*Đạo Quả Vô Thượng*". Vậy "*Oai nghi*" là gì ? - Bởi có "*oai*" khá sợ, có "*nghi*" khá kính. Tại sao có "*oai*" khá sợ, có "*nghi*" khá kính ? - Bởi thầy "*Tỳ Kheo*" dưng giữ cấm giới, các đức oai nghiêm nên khiến người khá sợ. Khi đi, đứng, ngồi nằm, hình ngay dạng chính, nên khiến người khá kính. Thực là trong nghiêm ngoài chính một mảy trần không nhiễm. Cho nên nói : "*Sạch*" như giá, trắng như "*Tuyết*" vậy.

Lời Ký nói : "*Hai câu trên bổn văn là nói cái Thể của Giới. Còn bốn câu sau đây là nói Dụng của Giới.*

Ngăn, Giữ, Làm, Phạm, thúc liễm sơ tâm.

Câu trên nói, "*Giữ*" và "*Phạm*". Câu dưới nói, "*công năng*" của "*Giới*". Song "*ngăn*" tức là "*giữ*" "*Làm*" tức là "*phạm*". "*Ngăn*" là gì ? "*Ngăn*" là ngăn ba nghiệp, đừng

cảnh, chư ác bất sanh. "Trì", tắc chủ chí kiên trinh, tâm ly tán dật, thị vi "thúc liễm". Nãi nhập đạo chi thủ ước. Định, Huệ chi sơ môn. Cố vân "Sơ tâm".

Ký viết : "Chỉ", tắc chư ác bất khởi. "Trì", tắc kiết la vô phạm. Hựu chỉ, tắc tâm vô vọng động, "Trì", tắc chấp nhi bất thất. "Thúc", tắc niệm vô tán dật, "Liễm", tắc định thủy trạm nhiên.

PHỤ HÀNH vân : "Hữu ngôn : "Đại Thừa" hà tu chấp "giới" giả, thử mậu dã. Ngôn bất chấp giả, nãi thị trì nhi bất chấp. Nhược linh bất trì danh bất chấp, nãi thị chấp phá, hà danh bất chấp. Chấp trì thượng vô, vọng trì an tại.

"Vi tế điều chương, cách chư ổi tệ".

Thượng cú minh "Giới Tướng". Hạ cú, minh "Đối trị". Dĩ giới cụ tam thiên "oai nghi", bát vạn "tế hạnh". Cố viết : "Vi tế điều chương, đối trị bát vạn tứ thiên chư "Trần Lao". Cố viết : "Cách chư ổi tệ".

Ký viết : "Điều chương" giả ? Tức nhị bá ngũ thập giới trung chư vi tế điều tướng dã, "Cách" giả, thuân trừ dã. "Ổi tệ" giả ? Tức tam độc, thập sử, chư hoặc tập nhiễm dã. "Chư hoặc" giả ? Lược ngôn "tam kiết", "thập sử". Quảng ngôn "bát thập bát sử", nãi chí bát vạn tứ thiên "trần lao", năng kiết phược chúng sanh, xu sử lưu chuyển "tam giới", bất đắc giải thoát.

"Tam kiết" giả, nhất thân kiến, nhị giới thủ, tam nghi kiết, cánh gia tham, sân, si, mạn, biên kiến, tà kiến, kiến

cho nó rong ruổi theo cảnh vọng, thời các nghiệp ác không sanh. "*Giữ*" là gì ? - "*Giữ*" là giữ chí mình bền chắc, thời tâm không phóng túng, thế gọi "*thúc liễm*". Chính mối đầu vào Đạo. Cửa trước nhất của "*Định*" và "*Huệ*". Cho nên gọi "*Sơ tâm*".

Lời Ký nói : "*Ngăn*" *thời các ác không sanh,* "*Giữ*" *thời không phạm "Giới Luật". Lại nữa, ngăn thời tâm không vọng động. "Giữ" thì còn hoài không mất. "Thúc" thời niệm không buông lung. "Liễm" thời tâm định trong sáng.*

Bộ PHỤ HÀNH nói : Có người nói rằng : Phàm hễ bực "Đại Thừa" thì thôi chớ nhọc gì phải chấp "Giới Luật". Ôi ! Lời đó sai lầm biết mấy. Nói không chấp là như thế này : Chính bực "Đại Thừa" giữ "Giới" mà không chấp mình giữ mới đúng cái nghĩa không chấp. Chớ nếu nói rằng, không giữ "giới" mà gọi rằng không chấp chính đó là chấp cái chuyện phá giới, đâu có đúng với cái nghĩa không chấp nói trên. Cho nên nói : Bực Đại thừa Bồ Tát "Chấp mình giữ giới còn không huống chi quấy giữ đâu có".

"Phép tắc mọn mạy, ngăn các "tội lỗi".

Câu trên nói rõ "*Giới Tướng*". Câu dưới chỉ rành phép "*Đối trị*". Do đức Như Lai lập giới có đủ ba ngàn "*oai nghi*" tám muôn "*tế hạnh*". Cho nên nói câu : "*Phép tắc*" "*mọn mạy*" để đối trị tám vạn bốn ngàn các cửa "*Trần Lao*", Cho nên nói câu : "*Ngăn các tội lỗi*".

Lời ký nói : "*Phép tắc*" *là gì ? Tức những giới tướng mọn mạy trong 250 đại giới của Thầy "Tỳ kheo" vậy. Thế nào là "ngăn" ? "Ngăn" là nghĩa ngăn trừ. "Tội lỗi" là gì ? Tức ba món độc, mười món sai khiến và các hoặc tập nhiễm vậy. Các hoặc là gì ? Lược nói có ba kết, mười món sai khiến. Rộng nói thời có 88 cái sai khiến nhẫn đến tám vạn bốn nghìn tội lỗi "trần lao", nó hay kết buộc chúng sanh xui khiến chúng sanh trôi lăn trong "ba cõi" không đặng giải thoát.*

"*Ba Kết*" *là gì ? - 1) Chấp ta - 2) Chấp giữ giới theo Ngoại Đạo - 3) Kết chắc theo cái lối ngờ vực* (lại thêm bảy

thủ, "vi thập sử". Thử chi thập sử, lịch "tam giới" "tứ đế" hạ, tăng giảm bất đồng ; cộng thành "bát thập bát sử".

Cái "Dục giới", "khổ đế" hạ, "thập sử" cụ túc. "Tập, Diệt nhị đế" hạ. Các hữu thất sử, vị trừ "thân kiến", biên kiến", giới thủ, tam sử.

"Đạo đế" hạ, hữu bát sử : vị trừ "thân kiến, biên kiến" nhị sử. Tắc "tứ đến", hiệp vi "tam thập nhị sử dã".

"Sắc giới", "Vô sắc giới". "Tứ đế" hạ giai như "Dục giới". Chỉ ư mỗi "đế" hạ hựu trừ "sân" sử. Dĩ thượng nhị giới sân, sử bất hành cố, nhất giới hữu "nhị thập bát sử". Nhị giới hiệp "ngũ thập lục sử" tinh tiền "Dục giới" "tam thập nhị sử". Tổng thành "bát thập bát sử" dã.

Bát vạn tứ thiên chư "Trần Lao" giả ? Dĩ : "Tham" "Sân" "Si" hành, cập "Đẳng Phần Hành", các cụ nhị vạn nhất thiên, cộng vi bát vạn tứ thiên dã. Tam thiên oai nghi, bát vạn tế hạnh giả ? Nhị bá ngũ thập giới pháp. Dĩ : "Hành" "Trụ" . "Tọa" . "Ngọa". Tứ oai nghi, các hữu nhị bá ngũ thập hiệp vi nhất thiên.

món nữa). *Bảy món là gì ? - 1) Tham. 2) Sân. 3) Si. 4) Khinh ỷ. 5) Chấp có chấp không. 6) Chấp bậy không chánh. 7) Chấp chặc, cộng thành mười món sai khiến. Mười món sai khiến này trải trong "Ba cõi" và trong "Bốn diệu đế" thêm bớt, không đồng cộng thành "88 cái sai khiến".*

Nay luận "Ba cõi" và "Bốn đế". "Ba Cõi" là gì ? - 1) Cõi "Dục Giới". 2) Cõi "Sắc Giới". 3) Cõi "Vô Sắc Giới" "Bốn Đế" là gì ? - 1) Khổ đế, 2) Tập đế, 3) Diệt đế, 4) Đạo đế. Nay kể "88 món sai khiến" ở trong phạm vi của Ba cõi và Bốn đế nói trên. Nói về Khổ đế, cõi "Dục Giới" thời có đủ hoàn toàn mười món sai khiến. Còn "Tập đế" và "Diệt đế". Mỗi "đế" có 7 cái sai khiến, nghĩa là trừ hết ba cái : Chấp Ta, chấp có, chấp không, chấp theo lối giữ giới của "Ngoại Đạo", ba cái sai khiến.

Về "Đạo Đế" có tám sai khiến, nghĩa là trừ cái sai khiến chấp ta, chấp có, chấp không, hai cái sai khiến. Thời "Bốn đế" hiệp cộng là "32 cái sai khiến".

Nói về "Bốn Đế" trong cõi "Sắc Giới" và "Vô Sắc Giới". Các cái sai khiến cũng như cõi "Dục Giới" nói trên. Song ở trong mỗi "Đế" lại trừ cái sai khiến của cái "Sân". Bởi vì hai cõi trên "Sắc Giới" và "Vô Sắc Giới" không còn có cái "Sân" nữa, thời một cõi chỉ có "28 cái sai khiến" thôi. Hai cõi hiệp cộng là "56 cái sai khiến" cõi "Dục Giới" nữa. Tổng cộng lại thành "88 cái sai khiến" vậy.

Tám vạn bốn ngàn các khổ "Trần Lao" là gì ? - Lấy ba món "Tham", "Sân" "Si" và thêm một món nữa gọi là món "Đẳng Phần Hành", trong 4 món này mỗi một món có đủ hai vạn một nghìn, nhơn bốn lần cộng thành số "tám vạn" bốn nghìn món "Trần Lao" - "Ba nghìn oai nghi", tám muôn tế hạnh là gì ? - "250 giới" của thầy Tỳ Kheo. Lấy bốn món oai nghi : 1) "Đi" - 2) "Đứng" - 3) "Ngồi" - 4) "Nằm". Trong bốn món oai nghi này mỗi một món có "250 oai nghi" hiệp cộng bốn món thành ra cái số "một nghìn oai nghi".

Tuần "Quá", "Hiện" "Vị lai", "Tam Thế" vi tam thiên oai nghi. Dĩ thử tam thiên, phối thân khẩu thất chi, thành nhị vạn nhất thiên. Dĩ thử nhị vạn nhất thiên phục đối trị "tham", "sân", "si" cập "đẳng phần", tứ chủng phiền não, vi bát vạn tứ thiên "tế hạnh". Thị vi đối trị Bát vạn tứ thiên, chư "trần lao" môn dã.

"Tỳ ni pháp tịch, tằng vị thao bồi, liễu nghĩa thượng thừa, khởi năng chân biệt".

Thử thừa thượng khởi hạ tương nhơn chi từ. Thượng nhị cú, "Giới Luật" vị tập. Hạ nhị cú, "Kinh Giáo" phả minh.

Tằng vị thao bồi giả ? Vị, vị tằng ngũ hạ y sư, thập tịch tựu thính. Ký giới vi tam tạng, thủ học "Định", "Huệ" sơ môn. Học nghĩ lạp đẳng, giáo lý hà minh ? Sơ môn vị tấn đường áo ninh khuy, thị tri "Giới Luật" vị nghiêm, "Huệ" giải mị sanh, nhi "Vô thượng", "Liễu Nghĩa" chi "Tông" an năng biện tích ngộ nhập giả hồ ?

Ngôn "Liễu nghĩa" giả ? Vị chư Đại thừa. Kinh giáo, nãi quyết trạch hiển liễu chi đàm, quảng minh "trung đạo" thiệt tướng chi nghĩa, phi chư "Tiểu thừa" kinh điển, cập dư phú tướng mật ý hàm ẩn, chi thuyết dã.

Ký viết : "Trung Quốc" Sư vân : Thiền Tông pháp giả. Ưng y Phật ngữ, "Nhất Thừa Liễu Nghĩa" khế thủ "Bổn nguyên tâm địa". Chuyển tương truyền thọ, dữ Phật đạo đồng. Bất đắc y ư vọng tình cập bất liễu nghĩa giáo.

Lấy cái số "một nghìn oai nghi" này nhơn cho ba đời, "Quá khứ", "Hiện tại" và "Vị lai" cộng thành "3.000 oai nghi". Lại lấy 3.000 oai nghi đó nhơn cho "bảy chi tội" (3.000 x 7) : 21.000) làm thành hai vạn một nghìn (Bảy chi tội, tức 3 nghiệp của thân, 4 nghiệp của miệng). Lại đem 21.000 oai nghi đây nhơn cho bốn món "Phiền não" như 1) "Tham" - 2) "Sân" - 3) "Si" - 4) "Đẳng Phần" thành tám vạn bốn ngàn "tế hạnh" [1]*. Hôm nay lấy tám vạn bốn ngàn "tế hạnh" đó để đối trị tám vạn bốn ngàn các cửa tội "Trần Lao" vậy.*

Trường Giảng "Tỳ Ni", chưa từng nương ở. Huống "kinh liễu nghĩa Thượng Thừa" đâu hay tỏ biết.

Lời đây là nương văn trên khởi văn dưới nhơn cho nhau. Hai câu trên nói Giới Luật chưa nhuần. Hai câu dưới nói "*Kinh Giáo*" chẳng tỏ.

Chưa từng nương ở là gì ? Nghĩa là chưa từng năm hạ nương ở với Thầy học Luật, mười trường tới nghe Tỳ ni. Song "Giới" là phép học đầu trong 3 tạng : "*Kinh*" "*Luật*" và "*Luận*", cửa trước nhất của pháp "*Định và Huệ*". Nhưng học đã vượt bực thời giáo lý làm sao tỏ thấu ? Cũng như cửa ban đầu chưa tới, nhà kín đâu hay thấy đặng, cho nên biết rằng : "*Giới Luật*" không giữ thời không sanh "*Trí Huệ*", thì "*Tông chỉ*", "*Vô thượng Liễu Nghĩa*", làm sao phân tỉa tỏ vào ấy ư ?

"*Liễu Nghĩa*" là gì ? Là những kinh giáo "Đại thừa" chính lời nói quyết đoán lựa chọn rõ ràng thông thấu, rộng nói cái nghĩa thật tướng. "Trung đạo" chớ chẳng phải kinh điển của bực Tiểu Thừa, và bao nhiêu cái thuyết hàm ẩn, ý kín, tướng khuất kia.

Lời Ký nói : *Ngài Trung Quốc Sư nói rằng : Những người tu bên pháp "Thiền Định", phải y theo kinh "Liễu Nghĩa Thượng Thừa" của Phật nói mới khế hiệp bản-nguyên-tâm-địa. Truyền trao lẫn nhau đồng đạo với Phật.*

(1) 250 x 4 = 1.000 x 3 = 3.000 x 7 = 21.000 x 4 = 84.000.

Hoành tác kiến giải, nghi ngộ hậu học. Cu vô lợi ích. Như "Sư tử" thân trung trùng, tự thực "Sư Tử" nhục, phi"Thiên ma" "Ngoại đạo", nhi năng phá diệt Phật pháp hĩ.

Tỳ ni pháp tịch giả ? Giảng diễn "Giới Luật" xứ dã, Luật chế Tỳ kheo túng chứng "Tam minh", "Lục thông", diệc tu "ngũ hạ" y "Sư" học "Luật". Nhược "Luật" bất minh, nãi chí chung thân bất ly y chỉ.

TƯ TRÌ vân : "Luật chế Tỳ kheo, ngũ hạ dĩ tiền chuyên tinh "Luật" khế. Nhược đạt "Trì", "Phạm", biện Tỳ kheo sự, nhiên hậu nãi khả học tập "Kinh" "Luận". Kim việt thứ nhi học, hành ký thất tự, nhập Đạo vô do. Đại Thánh ha trách chung phi đồ nhĩ ?

Kim thời tài triêm giới phẩm, tiện nãi thính giáo, Tham thiền. Vị Tăng "Hạnh nghi" nhất vô sở hiểu. Huống phục khinh lăng "giới kiểm", hủy tử "Tỳ ni", biếm học "Luật" vi Tiểu thừa. Hốt "trì giới" vi chấp "tướng", ư thị hoang mê "Trần tục", tứ tử hung ngoan. Thả giới tất khả khinh, nhữ hà đăng đàn nhi thọ ? Luật tất khả hủy ! Nhữ hà tước phát nhiễm y ? Thị tắc khinh "Giới" toàn thị tự khinh, hủy "Luật" huờn thành tự hủy ? Vọng tình dị tập, chí Đạo nan văn, bạt tục siêu quần, vạn trung vô nhất. Thỉnh tường Thánh huấn, năng vô tùng hồ ? Thập tịch tựu thính giả ? Tích Tuyên Luật Sư, kỳ Sư miễn chỉ, thập biến vãng thính Tỳ ni Nguyên Tuyên Sư phi độn, thượng tựu thập thính. Cái dục cực kỳ tinh diệu, tận kỳ chỉ thú, vi Định, Huệ chi bổn, vô sanh chi yếu dã. Chân biệt giả, phân tích minh liễu nghĩa lý chi vị dã.

Chớ nên y theo vọng tình và những kinh bất liễu nghĩa. Quấy sanh chỗ kiến giải, nghi lầm cho kẻ hậu học. Cả hai đều không lợi ích. Cũng như trùng ở trong thân Sư Tử tự ăn thịt Sư Tử không phải trùng ngoài ăn được. Đệ tử Phật cũng thế, đệ tử Phật phá hư chánh pháp của Phật chớ không phải "Thiên Ma", "Ngoại đạo" nào có thể phá diệt được.

Trường Giảng "Tỳ Ni" là gì ? Chỗ giảng diễn "Giới Luật" vậy. Luật Phật dạy Thầy Tỳ Kheo dầu chứng đặng bực "Tam minh" pháp "Lục thông", nhưng cũng phải "năm hạ" nương theo "Thầy" mà học "Luật". Bằng tạng "Luật" chưa thông dẫu cho trọn đời cũng không lìa thầy nương ở...

Bộ TỨ TRÌ nói : "Luật dạy thầy Tỳ Kheo năm hạ về trước chuyên ròng bộ "Luật". Chừng nào thông thạo pháp "Trì" pháp "Phạm" xong việc "Tỳ Kheo" rồi, vậy sau mới học qua "Kinh" và "Luận". Nay vượt bực mà học, chỗ làm đã sai thứ lớp, không do đâu vào "Đạo". Bực "Đại Thánh" quở trách, trọn không phải là học trò của Ngài vậy ?

Thế mà người đời bây giờ mới vừa thọ "giới", lại cho nghe "Kinh Giáo" và học pháp "Tham Thiền". "Hạnh nghi" làm ông "Thầy" hoàn toàn không hiểu. Huống lại khinh dể "Giới Pháp" chê bai tạng "Tỳ Ni", biếm nhẻ người học "Luật", cho là "Tiểu thừa". Khinh người "trì giới" cho là chấp "tướng", do đó mà đắm mê theo "Trần tục", lung lăng hung dữ. Vả chăng "giới" ắt khá khinh sao ông tới "Giới Đàn" mà thọ ? "Luật" ắt khá hủy ! Sao ông cạo tóc nhuộm áo ? Vậy thời khinh "giới" té ra khinh mình. Hủy "Luật" bèn thành hủy mình. Ôi ! Vọng tình dễ quen, lý chí Đạo khó nghe, những kẻ khỏi tục hơn người trong muôn phần không có một. Xin rõ lời "Phật" dạy dám chẳng theo ư ?. Mười trường đến nghe "Luật" là gì ? - Xưa Ngài "Tuyên Luật Sư" ngài tự gắng lấy ngày mười lượt đến nghe Luật Tỳ Ni, chính ngài Tuyên Luật Sư không phải là người căn tánh đần độn, thế mà còn đến nghe tạng Luật tới mười trường. Số là ngài muốn tột cái chỗ nhiệm mầu, thông thấu ý chỉ của nó để làm cái nền của "Định" và "Huệ" nẻo mầu quả "Vô Sanh" vậy. Sao gọi là tỏ biết ? - Nghĩa là phân chia nghĩa lý rõ ràng vậy.

Khả tích nhất sanh khống quá, hậu hối nan truy.

Thử nhị cú, thị khái thán từ, vị Kinh Luật bất minh, tức thất thân giới tâm Huệ, nhi huyền Đạo vô nhơn khế ngộ, thị vi khống quá. Sanh Tử đáo đầu, hối chi bất cập, cố viết nan truy.

Kỹ viết : "Luật thị Giới học. Kinh, thuộc Định học. Dĩ thị nhị học cánh. Hạ minh Huệ học. Dĩ đạo do Bát nhã diệu Huệ, phương năng khế hội dã.

"Giáo lý vị thường thố hoài, huyền đạo vô nhơn khế ngộ".

Thượng cú, Huệ giải vị cụ. Hạ cú đốn ngộ vô do. Giáo lý giả ? Thuyên lý chi vị Giáo. Giáo chi sở thuyên viết lý. Thuyên lý chi giáo giả ? Tức thập nhị bộ Kinh. Lương do Như Lai y Lý lập ngôn, linh quần sanh tu hành, nhi chứng ư Lý. TỨ GIÁO NGHĨA vân : Thuyết năng thuyên Lý hóa chuyển vật tâm, cố ngôn giáo dã. Hóa chuyển hữu tam nghĩa : Nhất chuyển ác vi thiện. Nhị chuyển mê thành giải. Tam chuyển phàm thành Thánh. Sở ngôn thuyên Lý giả ? Vị thuyên chơn Đế Lý, cập trung Đạo lý dã. Huyền đạo giả ? Tức Phật Tổ Tam ấn, cượng nhị ngôn chi viết : U huyền vi diệu tịch diệt vô tướng chi đạo dã. Nhược bất dĩ Như Lai Giáo Lý vi chánh nhơn, tắc Phật Tổ vô thượng diệu Đạo, đốn ngộ vô do ?

Khá tiếc một đời luống qua, sau ăn năn không kịp.

Hai câu này là cái lời thương than, là nói "*Kinh Luật*" không rành thời mất cái "*Giới*" của thân và "*Huệ*" của tâm, thì "*Đạo mầu*" không nhơn đâu mà tỏ ngộ, ấy là luống qua. Đường "*Sanh Tử*" đến chừng mà có hối tiếc thì cũng đã muộn lắm rồi. Cho nên nói : "*không kịp*" !

Lời Ký nói : *Luật là món học của Giới. Kinh là món học của Định. Hai món học nầy đã nói rồi. Bây giờ mới qua môn học của Huệ. Vì Đạo là do Huệ nhiệm mầu Bát Nhã mới có thể tỏ ngộ được.*

Giáo lý chưa từng để dạ, Đạo mầu không nhờ đâu tỏ ngộ.

Câu trên "*Trí Huệ*" chưa có. Câu dưới không do đâu tỏ ngộ. "*Giáo Lý*" là gì ? - Cái nghĩa luận lý gọi là "*Giáo*", Cái Giáo bị Luận gọi là Lý. "*Giáo*" luận "*Lý*" là chi ? - Tức 12 bộ kinh. Vì do đức "*Như Lai*" y theo "*lý*" mà lập lời để dạy, tất cả chúng sanh nương theo đó tu hành mà chứng được nơi "*lý*". Cho nên trong "*TỬ GIÁO NGHĨA*" nói : Cái "*Lý*" hay "*Luận*", là cốt để giáo hóa và sửa đổi cái tâm mê muội của muôn loài trở về nơi sáng suốt. Cho nên gọi là "*Giáo*" vậy. Chữ "*Giáo*" có nghiã là "*Giáo hóa*", hay là sửa đổi, song sửa đổi có ba nghĩa : 1) Đổi ác làm lành. 2) Đổi mê thành ngộ 3) Đổi "*Phàm*" thành "*Thánh*". Nói cái Lý bị luận là gì ? - Nghĩa là cái Lý "*Chơn Đế*" và Lý "*Trung Đạo*" vậy. "*Đạo mầu*" là chi ? - Tức là "*Tâm ấn*" của Phật và Tổ vậy. Tâm ấn này không thể đem tâm suy nghĩ và lời nói luận bàn được. Song nay nói "*Tâm ấn*" của Phật và Tổ chẳng qua là lời nói cưỡng mà thôi. Như nói rằng : Cái Đạo thẳm sâu, mầu nhiệm, vắng lặng và vô tướng, đâu chẳng phải là mượn những danh từ để hiểu ngộ Tâm ấn của Phật và Tổ. Nếu không nhờ "*Giáo lý*" đức "*Như Lai*" làm cái "*nhơn chánh*" thời cái "*Đạo mầu*" của Phật và Tổ không do đâu mà tỏ ngộ !?

Cố Đạt Mạ Tây Lai, dĩ tứ quyển Lăng Già vi Tâm ấn ; Huỳnh Mai ngũ Tổ, khuyến trì Kim Cang Bát Nhã ; Thiên Thai, chứng nhập Pháp Hoa ; Khuê Phong, đốn ngộ Viên Giác.

Cố TÔNG CẢNH vân : "Tây Thiên chư Tổ. Thử độ lục đại, nãi chí Mã Tổ, Nam Dương, Nga Hồ, Không Sơn thiền sư đẳng, tịnh bác thông Kinh Luận, viên ngộ tự tâm sở hữu thị đồ, giai dẫn thành chứng. Chung bất xuất tự hung ức, vọng hữu chỉ trần. Thị dĩ miêng lịch tế hoa "Chơn Phong" bất trị. Dĩ Thánh ngôn vi định lượng, "tà ngụy" nan di.

Dụng chánh giáo vi chỉ nam, y bằng hữu cứ. Đản mạc chấp nghĩa thượng chi văn ; tùy ngữ sanh kiến. Trực tu thám thuyên hạ chi chỉ, khế hội "Bổn Tông". Tắc "vô sư" chi trí hiện tiền, "Thiên chơn" chi đạo bất muội. Cố tri giáo hữu trợ đạo chi lực, sơ tâm an khả tạm vọng. Sở dĩ tùng thượng "Tiên Thánh" chư "Tổ", mạc bất nghiệm cùng Tam Tạng "chí lý" ấn khả tự tâm, quan phong hóa vật.

Kim chi học giả bất năng toàn thử. Phản sanh khinh báng, thị hà tâm tai ! Cẩu đắc "ngư" vong "thuyên", tắc "Kinh Luật" hà quá ? Như Lai kim khẩu sở thuyết nhất ngôn nhất tự, bá kiếp thiên sanh thượng bất văn kiến, huống đắc thọ trì giải ngộ. Cố tri giáo bất mê nhơn, nhơn tự mê giáo nhĩ !

Cho nên Đức "*Đạt Ma*" Tổ Sư bên cõi "*Tây Thiên*" qua "*Tàu*" đem bốn quyển kinh "*Lăng Già*" làm "*Tâm Ấn*". Đức "*Ngũ Tổ*" ở huyện "*Huỳnh Mai*" dùng quyển kinh "*Kim Cang Bát Nhã*" khuyên người trì tụng. Ngài "*Thiên Thai*" tụng kinh "*Pháp Hoa*" chứng vào pháp "*Tam Muội*". Tổ "*Khuê Phong*" tụng kinh "*Viên Giác*" mà tỏ ngộ "*Chơn Tông*".

Cho nên bộ TÔNG CẢNH nói rằng : "28 đời Tổ cõi "*Tây Thiên*" và 6 đời Tổ cõi này *(Trung Hoa)* nhẫn đến tổ "*Mã Minh*". Tổ "*Nam Dương*", Tổ "*Nga Hồ*" và Tổ "*Không Sơn thiền sư*" vân vân... Các Tổ nói trên đều là bực rộng thông "*Kinh Luận*" và đã tỏ ngộ Tâm mình, cho nên khi đứng ra dạy các kẻ môn đồ, đều diện dẫn kinh này sách khác. Lời của Tổ nọ Phật kia để làm chỗ chứng, chắc có kẻ tương lai tin lòng, chớ không bao giờ tự mình bày đặt chỉ dạy sai lầm. Cho nên trải qua nhiều năm mà "*Chân Phong*" không hề lạc mất. Lấy lời của Phật làm định chắc, cho nên chúng "*Tà Ngụy*" khó thể đẩy xô.

Dùng lời chánh giáo làm kim "*chỉ nam*" nương tựa có căn cứ. Nhưng cũng đừng chấp nghĩa trên văn và theo lời nói mà sanh "*tà kiến*" *(chấp bậy)*. Cần phải tìm ý chỉ ngoài câu văn và lời nói, họa may mới thấu "*Bổn Tông*". Thời cái trí "*Vô Sư*" hiện bày, Đạo "*Thiên Chơn*" chẳng muội. Cho nên biết rằng : "Kinh có sức trợ "*Đạo*", kẻ sơ tâm đâu đặng bỏ qua. Thế bực "*Tiên Thánh*" chư "*Tổ*" thuở xưa, không có một "*Tổ*" nào không xét tìm cùng tột cái chỗ "*chí lý*" của ba tạng" để in chắc nơi tâm mình, rồi tùy cơ giáo hóa tất cả muôn loài.

Những người học Phật đời bây giờ đã không bằng được như các "*Tổ*" nói trên. Thế mà trở sanh cái tâm khinh dể thật là cái tâm vì vậy ư ? Song dù "*được cá quên nôm*", đi nữa, thì "*Kinh Luật*" có lỗi gì ? Huống chi lời vàng của đức "*Như Lai*" nói ra một câu một chữ, trăm kiếp nghìn đời còn không nghe không thấy thay ; huống chi đặng thọ trì và tỏ ngộ. Cho nên biết rằng : Kinh giáo chẳng bỏ người, mà người tự bỏ Kinh Giáo đó thôi !

Khuê Phong vân : "Chư Tông" môn hạ giai hữu đạt nhơn, nhiên các an sở tập, thông thiểu cuộc đa. Dĩ thừa bẩm vi hộ dủ các tự khai trương, dĩ "Kinh" "Luận" vi can qua hỗ tương công kích. Tình tại hàm thỉ nhi thiên biến.

"Pháp" trục nhơn ngã vi cao đê. Trí sử thị phi phận nỏa, mạc năng biện tích. "Kinh" như thằng mặc, giai định tà chánh, thằng mặc phi xảo, xảo giả tất dĩ thằng mặc vi bằng.

"Kinh" "Luận" phi thiền "Tham Thiền" giả tất dĩ "Kinh", "Luận" vi chuẩn. Đương tri "Kinh" thị Phật ngữ, "Thiền" thị Phật tâm, "Luật" thị Phật hạnh. Như Lai "thân, khẩu, ý", nghiệp bổn bất tương vi. Lương do "Nhơn" dữ "Pháp" sai, "Pháp" dữ "Nhơn" bịnh. Xả nhất chấp nhất, tự vi điên đảo. Nhược thị "chí nhơn" hồi vạn pháp ư kỷ giả, tắc hề thị hề phi, hà tương vi chi hữu tai ?

Ký viết : "Bổn văn nhị cú, ngôn vô "huệ học" tức vô nhơn đốn ngộ. Thị tắc nhơn "Luật" minh "Giáo", nhơn "Giáo" minh "Đạo".

Vấn viết : "Đốn ngộ", nãi "trực chỉ" chi tông bất lập văn tự. Hà dụng "Kinh Giáo" vi "chỉ nam" da ? . Đáp viết : Khởi bất văn hồ ? . "Y Kinh giải nghĩa Tam thế Phật oan. Ly Kinh nhất tự, tức dồng ma thuyết".

Hựu vân : "Kim nhơn khán cổ giáo, vị miễn tâm trung náo. Dục miễn tâm trung náo, ưng tu khán cổ giáo" BỬU TẠNG luận vân : Cổ cảnh chiếu "tinh", kỳ "Tinh" tự hình. Cổ "Giáo" chiếu "tâm", kỳ "Tâm" tự minh. Nhược tri nhất

Tổ "*Khuê Phong*" nói : Đệ tử trong các "Tông" cũng có nhiều người thông giỏi, song mạnh ai nấy học, thông ít chấp nhiều. Lấy chỗ học hiểu chia cắt "môn đình" mỗi người tự "khai trương", lấy "Kinh" và "Luận" làm gươm giáo công kích với nhau, ý tại nơi áo giáp mũi tên mà dời đổi.

Pháp theo nhơn ngã mà làm thấp cao. Đến nỗi phải quấy, phân phui, không biết đâu mà phân xử. Kinh như dây mực phân định chỗ ngay chỗ cong, dây mực không phải khéo nhưng người khéo phải lấy dây mực làm chừng.

"*Kinh*" "*Luận*" chẳng phải "*Thiền*", nhưng người "*Tham Thiền*" phải lấy "*Kinh Luận*" làm pháp tắc. Chúng ta cần phải biết "*Kinh*" là "*Lời*" của Phật, "*Thiền*" là "*Tâm*" của Phật, "*Luật*" là "*Hạnh*" của Phật, "*Thân, Khẩu, Ý*", ba nghiệp của đức "*Như Lai*" vốn không trái nhau. Nhưng do vì "*Người*" cùng với "*Pháp*" làm sai, cho nên "*Pháp*" đối với "*Người*" thành ra dở. Bỏ một bên chấp một bên, gọi là chấp ngược ngạo. Bằng như bực "*Chí nhơn*" đem muôn pháp về nơi tâm mình thời có chi là phải có chi quấy, có chi là trái nhau ư ?

Lời Ký hỏi : "*Hai câu trên bổn văn nói, không có món "Huệ học" thời không do đâu tỏ ngộ. Cho nên biết rằng nhờ "Luật" mà rõ "Kinh", nhờ "Kinh" mà rõ "Đạo".*

Có người hỏi như thế này : Cái tông "Đốn Ngộ" chính là cái Tông "Trực Chỉ" không lập văn tự. Vì sao nay còn dùng "Kinh Giáo" làm phép "chỉ nam" ư ? - Đáp rằng : "Ông chẳng nghe sao ? - Y kinh giải nghĩa là vu oan cho các Đức Phật ba đời. Còn lìa "Kinh" một chữ tức đồng lời ma nói".

Lại có câu : "Người đời nay coi Kinh xưa chưa khỏi rộn rực trong lòng ; Nhưng muốn trong lòng khỏi rộn rực cần phải coi Kinh xưa". Trong luận BỬU TẠNG nói : "Gương xưa chiếu "tinh" (yêu), "Tinh" kia tự hiện hình, "Kinh" xưa chiếu "Tâm", "Tâm" tự sáng suốt". Bằng biết tất cả Pháp vốn là đức

thiết "Pháp", bổn thị Như Lai tạng trung tánh đức diệu dụng. Hựu hà thị hà phi hà văn tự chi hữu da ?

Thập nhị bộ Kinh giả ? . Như Lai nhất đại thuyết pháp, giáo phân thập nhị, thống nhiếp Tam Tạng : . Nhất "Khế Kinh" . nhị "Trùng Tụng", . tam "Thọ Ký" . tứ "Già Đà" . ngũ "Vô Vấn Tự Thuyết" . lục "Nhơn Duyên" . thất "Thí Dụ" . bát "Bổn Sự" . cửu "Bổn Sanh" . thập "Phương Quảng" . thập nhất "Vị Tằng Hữu" . thập nhị "Luận Nghị".

Nam Dương "Trung Quốc Sư". . Nga Hồ "Đại Nghĩa Thiền Sư". . Tư Không sơn Bổn Tịnh Thiền Sư".

THẤT : BẤT TU HỌC QUÁ

"Cập chí niên cao lạp trưởng, khống phúc cao tâm ; bất khẳn thân phụ lương bằng, duy tri cứ ngạo".

Thượng nhị cú, minh ngã tướng. Hạ nhị cú, minh mạn tướng. Hựu sơ cú niên lạp cao nhi vô đức. Thứ cú tâm cao nhi vô đạo, cố viết, khống phúc ; bất khẳn thân phụ, thị tự thị ; duy tri cứ ngạo, thị lăng tha. Thử nhị giai thuộc mạn tướng. Nhiên mạn, hữu lục chủng : Nhất, "Quá Mạn" ; Vị ư tương tợ pháp trung chấp kỷ vi thắng - Nhị, "Mạn Quá Mạn" ; Nguyên tha bổn thắng kỷ nhi cượng vị thắng tha - Tam, "Ngã Mạn" ; Vị thị kỷ lăng tha dã - Tứ, "Tăng Thượng Mạn" ; Nguyên tự vị đắc đạo vị dĩ đắc đạo - Ngũ, "Hạ Liệt Mạn" ; Vị bổn kỷ vô năng phản tự căn khóa - Lục, "Tà Mạn"; Vị chấp trước "tà kiến" lăng mạn tha nhơn dã. Kim ư lục mạn trung, thử thuộc "Mạn Quá Mạn" cập "Ngã Mạn" "Hạ Liệt Mạn" dã.

Tánh diệu dụng ở trong "Như Lai tạng". Lại nào có phải, nào quấy và nào có văn tự nữa ư ?

Mười hai bộ Kinh là gì ? - Đức Như Lai nói Pháp một đời, phân làm 12 bộ, gồm nhiếp trong "Ba tạng" 12 bộ, là : 1) "Khế Kinh" ; 2) "Trùng Tụng" ; 3) "Thọ Ký"; 4) "Dà Đà" ; 5) "Vô vấn tự thuyết" ; 6) "Nhân Duyên" ; 7) "Thí Dụ" ; 8) "Bổn Sự" ; 9) "Bổn Sanh" ; 10) "Phương Quảng" ; 11) "Vị Tằng Hữu" ; 12) "Luận Nghị".

"Nam Dương" là ngài Trung Quốc Sư ở chùa Nam Dương. "Nga Hồ" là ngài Đại Nghĩa Thiền Sư ở chùa Nga Hồ. "Tư Không Sơn" là ngài Bổn Tịnh Thiền Sư ở chùa non Tư Không.

7) LỖI KHÔNG TU HỌC

Nhẫn đến tuổi cao tác lớn, bụng trống lòng cao, không chịu nương gần bạn lành, chỉ biết những lời kiêu ngạo.

Hai câu trên nói cái tướng chấp Ta. Hai câu dưới nói cái tướng kiêu ỷ. Lại câu đầu là nói tuổi tác cao mà không giới đức. Câu sau nói, Tâm cống cao mà không "*Đạo Hạnh*" cho nên nói "*Bụng trống*" chẳng chịu nương gần bạn lành, ấy là "*ỷ mình*" chỉ biết những lời kiêu ngạo, ấy là "*khinh người*". Hai câu này đều thuộc về cái tướng "*kiêu mạn*" *(kiêu ỷ)*. Song "*kiêu mạn*" có sáu thứ : 1) "*Quá Mạn*". Nghĩa là ở trong câu chuyện mình với người ta bằng nhau mà mình chấp mình hơn người ta. 2) "*Mạn Quá Mạn*". Nguyên người ta thật hơn mình, mà mình cượng nói rằng mình hơn người ta. 3) "*Ngã Mạn*". Nghĩa là ỷ mình, lấn hiếp người ta. 4) "*Tăng Thượng Mạn*". Nguyên mình chưa đắc "*Đạo*" mà mình nói mình đã đắc "*Đạo*" rồi. 5) "*Hạ Liệt Mạn*". Vốn mình không có tài năng, mà trở lại tự khoe mình có tài năng. 6) "*Tà Mạn*" Chấp trước "*tà kiến*" lấn lướt người ta. Nay trong sáu thứ "*Mạn*" đây, bài này chỉ thuộc ba thứ : "*Mạn Quá Mạn*" với "*Ngã Mạn*" và "*Hạ Liệt Mạn*" vậy.

Ký viết : "Đồ tự niên cao nhi đức bất mâu, duy trì cứ ngạo nhi vô đạo khả tôn. Niên thị "sanh niên". Lạp thị "Giới Lạp". Thân phụ, tức thân cận. Lương bằng, thị Thiện hữu. Cứ ngạo vị bất "khiêm tốn", tức mạn tha dã.

"Vị am Pháp Luật, tập liễm toàn vô".

Thượng cú, Giáo Luật thất. Hạ cú, thân tâm thất. Bất khẳn thân cận minh sư, thiện hữu, hề thức "Giáo Luật" tu trì, vị giải tu trì, an năng thâu nhiếp "Thân Tâm".

Ký viết : "Giáo" phòng "Tam Độc", "Luật" cấm "Thất chi". Vị am giả ? Vi thức dã ? Tập liễm giả ? Thâu nhiếp dã.

"Hoặc đại ngữ cao thinh, xuất ngôn vô độ, bất kỉnh thượng trung hạ tòa Bà la môn tụ hội vô thù, oản bát tác thinh, thực tất tiên khởi".

Sơ nhị cú, Ngữ nghiệp thất. Thứ nhị cú, Ý nghiệp thất, diệc nghi quĩ thất. Hậu nhị cú thân nghiệp thất, diệc quy củ thất. Dĩ bất tri "Pháp Luật", tam nghiệp vô quy. Cố trí tư thất. Nhược năng tập liễm, tắc vô sự bất biện hĩ.

Bà La Môn giả ? Tây Quốc tục sĩ, tứ tánh chi nhất duy luận niên tôn, bất quí đức trưởng. Cố vô "thượng", "trung", "hạ" tòa chi kỉnh, hoặc tiên chí tiên tôn. Hậu lai, hậu tọa, tụ hội vô quy, hội náo phi nhất. Do vô tập liễm, thị cố dữ bỉ vô thù.

Lời Ký nói : *"Uổng mình lớn tuổi mà không có "đức" chỉ biết kiêu ngạo, mà không "Đạo Hạnh" đáng kỉnh. Tuổi thì có 2 thứ tuổi : 1) "Tuổi Đời" - 2) Tuổi Đạo". Gần nương tức là nương gần. "Bậu Bạn" ; tức bạn lành. Kiêu ngạo là nghĩa không "Khiêm nhường", tức khinh khi người ta vậy.*

Chưa thuộc Kinh Luật, cũng không thâu nhiếp thân tâm.

Câu trên, không học Kinh Luật. Câu dưới, không thâu nhiếp thân tâm. Không chịu nương gần Thầy hay bạn giỏi, đâu biết *"Kinh Luật"* giữ tu, không biết Kinh Luật giữ tu, đâu hay thâu nhiếp "Thân Tâm".

Lời Ký nói : *"Kinh" ngăn tội "Tam Độc". "Luật" ngăn lỗi "Thất Chi". Chưa thuộc là gì ? - Cũng như chưa biết vậy. Thâu nhiếp là gì ? - Cũng như chữ tập liễm là nghĩa "tóm thâu".*

Hoặc to giọng lớn tiếng, buông lời vô phép. Không kính bực "Thượng, Trung, Hạ" tọa. Như kẻ "Bà La Môn" nhóm hợp không khác. Khua bát nổi tiếng, ăn rồi dậy trước.

Hai câu đầu, nói lỗi *"Ngữ Nghiệp"*. Hai câu kế, *"Ý nghiệp"*, và sái *"Phép tắc"*. Hai câu rốt sau cái lỗi của *"Thân Nghiệp"* cũng sái cách thức nữa. Bởi không biết *"Pháp Luật"* nên ba nghiệp không nhằm phép. Mới đến nỗi sanh tội lỗi như thế. Bằng ta thâu nhiếp được thời việc gì chẳng xong.

"Bà La Môn" là gì ? - Người *"thế tục"* bên nước *"Tây Thiên"*, một hạng người trong bốn họ. *"Bà La Môn"*, đây chỉ luận tuổi cao chớ không trọng *"đức"* lớn. Nên không kỉnh bực *"Thượng, Trung, Hạ"*, tọa, cứ như ai đến trước ngồi trước, trước lớn. Ai đến sau ngồi sau, nhóm hợp không có trật tự rộn ràng quá đỗi. Bởi ta không thúc liễm *"Thân Tâm"*, cho nên cùng *"Bà La Môn"* kia không khác.

Ký viết : "Phạm ngữ "Bà La Môn", Thử vân : Tịnh Hạnh", diệc vân "Phạm Chí". Tứ tánh giả ? nhất, "Sát Lợi", vương chủng dã. Nhị, "Bà La Môn", quý tánh dã. Tam, "Tỳ Xá", thương cổ dã. Tứ "Thủ Đà", nông nhơn dã. Vô độ ? Vị, vô pháp độ dã. Tụ hội, tức tụ tập. Hoặc tế tự tập. Hoặc tiết hội tập. Hoặc luận nghị tập. Vô thù, tức vô biệt dã. Xuất gia dĩ "Giới lạp" cao. Cố kỳ đức trưởng, bất luận sanh niên vi tôn dã.

"Khứ tựu quai giát, tăng thể toàn vô".

Thượng cú, "Pháp" thất. Hạ cú, "Nghi" thất. Vãng lai bất tồn ta ta quĩ tắc, như "Khuê chi" tất phương, cố viết quai giát. Động tịnh bất cụ tiểu tiểu oai nghi. Như "Bà La Môn" tụ hội. Cố viết: "toàn vô".

Ký viết : Quai, bối dã vi dã. Giát, phương dã. Phương giả, "Pháp" dã, "Đạo" dã. Khứ tựu quai giát ? . Nãi thố trí quai phương dã. Khuê thể thượng viên hạ phương, tượng Thiên Địa chi quy củ phương viên dã. Khuê thất phương, tức phi Khuê, Tăng quai pháp, tức phi Tăng. Cố viết "toàn vô".

"Khởi tọa tung chư, động tha tâm niệm".

Thượng cú, tự thất. Hạ cú, thất tha. Tam nghiệp bất cẩn cố tọa khởi vô hằng. Tháo động phi nhất, thị dĩ linh tha động niệm.

Ký viết : Tung âm Trung ; tung chư giả, Tâm ý tháo động. Tình bất an ổn, cử chỉ phi thường dã. "Từ Thọ" Thiền sư vân, Sử nhơn động niệm, ma chướng dĩ sanh, chúng khẩu thước kim, tự gia hà lạc. Tác "phước" tuy đa, bất như tị tội, ám trung động niệm, tự muội bất tri, nhật vãng nguyệt lai, diện huỳnh thân sấu.

Lời Ký nói: *Tiếng Phạn gọi "Bà La Môn" tiếng Hán dịch Tịnh Hạnh cũng dịch Phạm Chí (Hạnh trong sạch, Chí lành tốt). Bốn "họ" là gì ? 1/ Họ "Sát Lợi" (dòng vua vậy) ; 2/ "Bà La Môn" (họ sang vậy) ; 3/ "Tỳ Xá" (hạng thương mãi vậy) ; 4/ "Thủ Đà" (người làm ruộng vậy) "Vô Phép" là gì ? Không "Pháp Độ" vậy. Chữ "Tụ Hội" tức nghĩa nhóm hợp. Hoặc nhóm hợp trong khi cúng tế. Hoặc nhóm trong khi tiết hội. Hoặc nhóm trong khi luận nghị. "Không khác là gì ? - Cũng như tiếng Tàu nói chữ "Vô Thù" (không khác) người "xuất gia" lấy tuổi "Thọ Giới" làm cao. Cho nên trọng "đức" lớn, chớ không luận tuổi đời làm lớn vậy.*

Tới lui trái phép, thể ông Thầy đều không.

Câu trên, lỗi "*Phép Tắc*". Câu dưới, sái "Oai nghi". Tới lui không giữ, món món Phép Tắc cũng như "*Ngọc Khuê*" thiếu kiểu mẫu vuông, tròn, cho nên nói "*Trái Phép*". Đi đứng không đủ mỗi mỗi "*Oai nghi*". Như kẻ Bà La Môn nhóm hợp. Cho nên nói "đều không".

Lời Ký nói : *Tiếng Ta "Trái Lỗi", tiếng Hán gọi chữ "Quai". Tiếng Ta nói "Vuông", tiếng Hán gọi chữ "Giác". "Vuông" là gì ? "Phép tắc" vậy, "Đạo hạnh" vậy. Tới lui trái phép là gì ? - Chính sắp đặt sái phép tắc vậy. Thể của "Ngọc Khuê" là sao ? Trên tròn dưới vuông, giống như khuôn rập vuông tròn của Trời Đất vậy. Nay nói "Ngọc Khuê" mất kiểu mẫu vuông tròn tức là không phải "Ngọc Khuê" cũng như nói Ông Thầy sái Phép Tắc tức là chẳng phải ông "Thầy". Cho nên nói "Đều không".*

Đứng ngồi thô tháo, động Tâm niệm người.

Câu trên, mình lỗi. Câu dưới, lỗi với người khác. Vì ba nghiệp không cẩn thận nên khi ngồi khi đứng, không chừng. Nhiều điều thô tháo, cho nên làm người khác động niệm.

Lời Ký nói : *Chữ "Trung" âm Trung. "Trung Chư" tức là Tâm ý thô tháo vọng động. Tánh tình không yên ổn, đi đứng vúc vắc. Ngài Từ Thọ Thiền Sư nói : Khiến người động niệm, ma chướng dễ sanh; nhiều miệng nát vàng, phần mình vui chi. Làm "phước" tuy nhiều, chẳng bằng lánh tội, trong tâm động niệm tự muội đâu hay, ngày qua tháng lại mặt võ mình gầy.*

"Bất tồn ta ta quĩ tắc, tiểu tiểu oai nghi; tương hà thúc liễm hậu côn, tân học vô nhơn phỏng hiệu".

Thượng nhị cú, tự thất quy pháp. Hạ nhị cú, bất năng pháp tha. Ký tự bất tồn quĩ pháp, hà năng pháp phạm tha nhơn. Thị cố, "lai học" vô do thủ tắc hĩ.

Ký viết : Tân học ? . Tức sơ học. Hậu côn ? . Thị Hậu hiền, tức hậu học dã. Phóng hiệu ? . Du thủ pháp dã.

THƠ vân : Bất căn tế hạnh, chung lụy đại đức. Thế nho thượng nhiên; huống xuất gia giả hồ ?

"Tài tương giác sát, tiện ngôn ngô thị sơn tăng".

Thượng cú, tha thành. Hạ cú, tạ mạn. Vị tha hiền chánh, dục dĩ thiện ngôn tương thành nhi tự tiện sanh ngã mạn. Toại xuất thử vô tàm ngữ dã.

Ký viết : Ngôn ngã thị sơn tăng giả ? . Vị ngã thị trụ sơn chi nhơn, chỉ tri nhất cá thoại đầu, na quản Kinh Luật Oai nghi Tế hạnh chi sự. "Pháp Xương" Thiền sư vân : Hữu nhất ban hớn, ký thủ nhất đổ cát đằng, ma thần loát chỉ, Hồ ngôn. Hớn ngữ. Đạo ngã, giải Thiền giải Đạo, Khinh hốt hảo nhơn, tác "Vô gián" nghiệp nhất triêu nhãn quang lạc địa, nghiệp cảnh hiện tiền, như lạc than bàng giải, thủ mang khước loạn, tùng tiền học đắc hượt kế, tổng dụng bất trước. Nhược văn nhơn cử trước, tha đố lý sự, sân tâm phẫn khởi : Tiện đạo Phật pháp khởi hữu dữ ma sự, đại ngộ bất câu tiểu tiết. Tư đẳng, hảo tợ tương ngưu thỉ tỷ "chiên đàn" hữu thậm giao thiệp.

Chẳng gìn mảy mảy "phép tắc", mọn mạy "oai nghi", lấy chi thúc liễm đoàn "Hậu Côn", kẻ "Tân Học" nhờ đâu bắt chước.

Hai câu trên, mình không khuôn phép. Hai câu dưới, không thể dạy phép tắc cho người Mình đã không giữ khuôn phép, thế nào làm khuôn phép để dạy người khác. Cho nên những kẻ "*Lai học*" không nhờ đâu bắt chước vậy.

Lời Ký nói : *Tân học là gì ? - Tức người mới học. Hậu Côn là gì ? - Là trang Hậu hiền, tức người học lớp sau vậy. Bắt chước là gì ? - Tiếng Ta nói Bắt chước cũng như tiếng Hán nói chữ "Phổng hiệu".*

Trong KINH THƠ nói : Chẳng giữ Hạnh nhỏ, có hại cho cái Đức to. Kẻ thế nho còn vậy. Huống trang xuất gia mà không giữ Hạnh nhỏ hay sao ?

Vừa có người nhắc thức cho nhau, bèn nói rằng ta đây là "Thầy núi".

Câu trên, người ta làm nên cho mình, câu dưới mình ngã mạn trở lại. Nghĩa là người Hiền chính muốn đem lời phải làm nên cho nhau mà mình trở lại sanh cái tâm ngã mạn. Nên mới buông những lời không biết hổ thẹn như vậy.

Lời Ký nói : *Thầy núi là gì ? - Xưng ta đây là người ở chùa to, chỉ biết một chuyện làm lớn, đâu có dòm tới những việc oai nghi tế hạnh trong Kinh Luật làm chi. Ngài "Pháp Xương" Thiền Sư nói : Có một hạng người, nhớ được đoạn văn chương rồi khua môi múa mỏ, nói quấy nói quá, nói ta biết Thiền biết Đạo khinh dể người lành gây nghiệp "Vô Gián", một mai nhắm mắt rồi, cảnh nghiệp hiện ra như cua nọ trụng nước sôi, càng ngoe rụng rớt, từ trước học đặng kế sống tài nghề, đều dùng không đặng. Nếu nghe ai nói trúng tâm bệnh mình thời lòng sân nổi dậy, bèn la to rằng : Trong Phật pháp đâu có cho nói chuyện ấy, người Đại ngộ không chấp việc nhỏ. Ôi ! Những bọn thế đó khác nào đem phẩn trâu sánh với hương "Chiên đàn" có ăn thua chi đâu.*

"Từ Giác" Thiền sư vấn : Hoặc tự thị thiên chơn, bát vô nhơn quả, vọng vị đản hướng hung trung lưu xuất, bất y địa vị tu hành . Sở dĩ thô giải Pháp sư, bất thông giáo nhãn. Hư đầu Thiền khách, bất quí hạnh môn, thử Thiên khô chi tội dã. Hoặc tắc hồn thân phá toái, mãn diện phong ai, tam thiên tế hạnh toàn vô, bát vạn Oai nghi tổng khuyết. Hoặc tắc tri bỏi nhơn sự, tập lý môn đồ, thân du thị tỉnh chi gian, tâm nhiễm lử diêm chi thái. Sở dĩ Sơn dã thường Tăng, vị miễn nông phu chi tiếu. Thành hoàng Thích Tử, phản vi nho sĩ chi tu. Thử lại đọa chi tội dã. Hướng hạ chỉ xuất vô tế hạnh lại đọa chi do.

"Vị văn Phật giáo hành trì, nhất hướng tình tồn thô tháo".

Thượng cú, thất Văn Tu. Hạ cú, thất Giới Định. Pháp Luật vị văn, hà thức hành trì. Giới Định vị tu, cố trí tình đồng viên, mã.

Ký viết : Văn, tức Văn huệ. Hành trì, tức Tu huệ. Văn, tư, tu, tam huệ. Kim cử văn, tu dĩ cai kỳ tư hĩ, tam giai vân huệ giả. Vị do tam pháp, các năng sanh vô lậu thánh huệ. Nhược vô thử huệ, tắc bất năng đoạn hoặc chứng chơn dã.

"Như tư Tri Kiến, cái vị sơ tâm dung đọa, thao thiết nhơn tuần".

Sơ cú, thừa thượng khởi hạ chi từ. Thứ cú, nhập đạo bất cần. Hậu cú, tham lợi táng nhật, Như tư tri kiến giả ? - Như thượng ác tập chi thức kiến dã. Cái vị sơ tâm dung đọa đẳng giả ? - Vị do sơ tâm nhập đạo bất cần, cố viết dung đọa. Vị văn Phật giáo tu trí, toại nãi thao thiết danh lợi. Bất khẳn thân phụ lương bằng, thị dĩ

Ngài Từ Giác Thiền Sư nói : Có người ỷ mình sẵn tánh thông minh bát rằng không nhơn không quả, quấy nói chuyện gì cũng ở trong bụng ta tuôn ra hết, không cần phải theo thứ lớp tu hành cho mệt. Bởi vậy cho nên những ông Pháp Sư lếu lếu (láo láo) chẳng thông ý chỉ của Kinh. Các ông Thầy nghêu nghêu (ngao ngao) chẳng trọng phép tu hành đây đều là mắc cái tội thiên khô (si mê). Hoặc có khi cả mình bầm giập, đầy mặt phong trần, ba nghìn tế hạnh trọn không, tám muôn oai nghi đều thiếu. Hoặc có khi tới giúp việc cho người và dạy biểu đồ chúng, nhưng thân dạo đi trong chợ giếng, tâm nhiễm theo thói xóm làng. Sở dĩ Thầy Quê ở núi (ruộng) chưa khỏi người Nông phu chê cười. Kẻ Thích Tử ở thị thành lại bị văn sĩ nhạo báng. Đây là cái lỗi biếng tu nhác học vậy. Qua văn sau sẽ chỉ ra những cái chỗ nguyên do biếng nhác không giữ oai nghi tế hạnh.

Chưa nghe lời Phật dạy giữ làm, chỉ biết một bề lòng gìn thô tháo.

Câu trên, mất chỗ văn huệ, tu huệ. Câu dưới, mất việc trì giới và thiền định. Pháp Luật chưa nghe, đâu biết chỗ giữ làm. Giới định chưa tu nên tâm tánh dường như khỉ, ngựa.

Lời Ký nói : *Nghe tức là văn huệ. Giữ làm tức là tu huệ. Nghe, nhớ, tu, ba huệ. Nay nói nghe và tu đã gồm cái nhớ kia vậy. Sao gọi nghe, nhớ, tu ba huệ ? - Bởi do ba pháp, pháp nào cũng có thể, sanh trí huệ vô lậu. Nếu không huệ này, thời không thể đoạn được cái tâm vọng hoặc, chứng bực Chơn như vậy.*

"Tri Kiến" như thế, đều bởi tâm ban sơ biếng nhác và ham hố nhân lần.

Câu đầu là nương văn trước khởi văn sau. Câu kế là người vào "*Đạo*" không siêng năng. Câu rốt sau tham danh lợi qua ngày. "*Tri Kiến*" như thế là gì ? - Là chỗ "*kiến thức*" quê mùa như trên vậy. Vì sao Tâm ban sơ biếng nhác ? - Bởi Tâm ban sơ vào "*Đạo*" không cần học cho nên nói biếng nhác. Chưa nghe lời Phật dạy giữ tu, cho nên mới có ham hố "*danh*

nhơn tuần quá nhật. Nhiễm duyên tiệm thâm, ác tập tư trưởng, cố tri như tư trí kiến, chánh sở vị đã đầu bất ngộ tác gia giả dã.

Ký viết : Dung âm Nhung lại dã. Thao âm Thao, tham tài dã. Thiết âm Thiết, tham thực dã. PHÁP GIAM TẬN kinh vân: Phật ngôn, Pháp dục diệt thời, chư ma Sa môn, hoại loạn ngô Đạo, trước Tục y thường, nhạo hảo ca sa ngũ sắc chi phục. Bất tu Giới Luật, bán ngoạt, bán ngoạt tuy danh tụng Giới, yểm quyện giải đãi, bất dục thính văn, bất nhạo đọc tụng Kinh Luật thiết hữu độc giả, bất thức tự cú.

Vị cượng ngôn thị, bất tư minh giả. Cống cao cầu danh, hư vô nhã bộ, dĩ vi vinh quí. Vọng nhơn cúng dường, mạng chung tử hậu, đương đọa "Vô Gián" Địa Ngục. Ngũ nghịch tội trung Ngạ quỉ, súc sanh, mị bất cánh lịch, ư vô biên hằng sa kiếp thọ tội cánh, nãi xuất sanh tại biên quốc vô "Tam Bửu" xứ. Như Phật sở ký, bán ngoạt tụng giới bất dục thính văn. Kim thời tụng giới thượng hi, huống đắc thính văn. Ô hô ! Thanh vi pháp diệt tướng hĩ !

Tích Tề, Tăng Vân trụ Nghiệp Hạ, Bửu Minh Tự, dĩ giảng diễn trứ danh, khâm đái chúng lý, ư tứ ngoạt, thập ngũ tụng giới. Thời tăng tập Vân cư tòa thủ nãi bạch chúng viết : Giới bổn phòng phi, nhơn nhơn tụng đắc hà lao số văn, khả linh nhất tăng thụ nghĩa sử hậu sanh khai ngộ. Chúng vô cảm khán, toại phế tụng giới. Chí thất ngoạt, thập ngũ nhật đán, hốt thất Vân sở tại, chúng tứ xuất truy mích, nãi ư tự ngoại tam lý hử cổ trủng trung đắc chi, huyết lưu biến thể. Vấn kỳ cố tắc, vân : Hữu nhất mãnh sĩ thủ chấp đại đao, lệ thinh ha viết : Nhĩ hà nhơn, cảm phê Bố Tát, vọng sung thụ nghĩa, tức dĩ đao quái ngã thân, thống độc

lợi". Chẳng chịu gần nương bạn lành, cho nên nhân lần [1] qua ngày. Lòng nhiễm càng sâu, thói ác thêm nhiều, cho nên chỗ tri kiến như vậy, chính chỗ gọi rằng ban đầu chẳng gặp ông thiện tri thức đó vậy.

Lời Ký nói: *Tiếng Ta nói Biếng nhác cũng như tiếng Hán gọi chữ Nhung, tiếng Hán nói chữ Thao, tiếng ta nói Tham của, Tiếng Ta nói tham ăn, tiếng Hán lại nói chữ Thiết. Kinh* ***PHÁP DIỆT TẬN*** *nói : Đức Phật ngài có lời dự ký trước rằng : Trong thời kỳ mà Pháp của Phật lúc nó sắp hết thì có những bọn ma nó vô ở trong chùa giả làm Sa Môn để phá hoại Đạo Chánh của Ta, mặc áo quần theo người Thế Tục, ưa đắp cái y Ca Sa màu năm sắc. Không tu Giới Luật, nửa tháng một kỳ, tuy nói rằng tụng giới, nhưng chán mỏi biếng lười, không muốn đi nghe, không muốn đọc tụng Kinh Luật, dù có đọc đi nữa, nhưng không biết chữ phân câu.*

Nói bậy rằng phải, không hỏi những người thông biết. Tâm cống cao cầu danh, ở không thong thả tưởng là sang trọng. Trông người cúng dường, nên sau khi chết rồi phải đọa trong địa ngục "Vô Gián". Trong năm tội nghịch làm loài Ngạ quỉ,Súc sanh đâu chẳng trải qua, vô biên hằng sa kiếp chịu tội hết rồi mới sanh ra làm người ở chỗ biên quốc (Núi, Rừng, Bờ Biển, Mọi rợ) là chỗ không có ngôi "Tam Bảo". Đúng như lời Phật đã dự ký, nửa tháng tụng giới không muốn đến nghe. Đời nay tụng giới còn ít huống đặng đến nghe. Than ôi ! Thiệt là cái điềm chánh pháp muốn diệt vậy !!!

Xưa nước Tề ông Tăng Vân ở chùa Bửu Minh đất Nghiệp Hạ, là bực diễn giảng trứ danh, làm đầu trong chúng, đương thời chúng Tăng nhóm tụng Giới ngày Rằm Tháng Tư. Ông Tăng Vân đứng trước pháp tòa bạch trong chúng rằng : Giới chính là ngăn chỗ lỗi, ông nào tụng cũng được, cần gì nghe hoài, nên biểu một ông Thầy nêu nghĩa cho lớp sau tỏ ngộ. Trong chúng không ai dám cãi bèn bỏ việc tụng giới. Đến sớm mai ngày rằm tháng bảy bỗng mất ông Tăng Vân, trong chúng tìm kiếm bốn phương, thì ở ngoài chùa cỏ ba dặm thấy ông trong gò mả xưa, máu chảy đầy mình. Chúng hỏi cớ sao, ông Tăng Vân nói : Có một người mạnh mẽ tay cầm dao lớn,

(1) Nhân lần : cũng như hẹn lần; nay lần mai lữa.

nan nhẫn, phò tiếp huờn tự. Kiệt thành sám hối, kinh ư thập niên, chí tâm tận kỉnh, thuyết giới Bố tát, đọc tụng chúng kinh, dĩ vi thường nghiệp. Lâm chung chi nhật, dị hương lai nghinh, hân nhiên nhi thệ. Thời hàm gia kỳ tức thế trung cách, bất trụy di luân.

Hựu Đại Giác tự Tăng Phạm, giới đức thanh cao, thường túc tha tự, ư thập ngũ nhật, chúng nghị cọng đình Bố tát, linh tăng thụ nghĩa. Hữu tăng thăng tòa tự viết : Thụ luận pháp tướng thâm hội thánh ý, hà lao Bố tát nãi tăng thường văn nhĩ. Hốt kiến nhất thần cao trượng dư, hùng tuấn kinh nhơn, vấn thụ nghĩa giả viết : Kim thị hà nhật ?

. Đáp vân : Bố tát nhật. Thần tức dĩ thủ sáp chi, duệ ư tòa hạ chủy đốn tương tử. Thứ vấn thượng tòa, đáp diệc đồng tiền, sáp huờn tương tử, lăng hại nhị tam thượng tòa dĩ, Thần trạo tý nhi xuất. Thời đạo tục cọng đổ, Phạm sư ký kiến, do thị tự lệ nhất sanh, tăng sự tư duyên, vô cảm thuyết dục, nãi chí bệnh trọng bất kham phò dư, du thỉnh tăng tựu phòng, cung kỉnh thuyết giới. Tư thời sùng kinh, luận thiên thiền học nhi khinh giới luật giả, thỉnh quan thử tư chí.

"Nhẫm nhiễm nhơn gian, toại thành sơ dã", bất giác lung chung lão hủ, xúc sự diện tường.

Thượng nhị cú, thiệp tục thành dã. Hạ nhị cú, khống lão vô thức. Hựu sơ cú, giao huân. Thứ cú, tập thành. Tam cú, yểm nhĩ suy chí.

xẳng tiếng quở rằng : Ông là người nào, dám bỏ ngày Bố Tát, quấy bày nêu nghĩa, rồi liền rút con dao bén chém thân ta, đau nhức khó chịu, trong chúng dìu đỡ ông về chùa. Ông hết lòng sám hối, trải qua mười năm, chí tâm thành kính thuyết giới Bồ Tát và đọc tụng các kinh lấy làm nghiệp thường. Đến ngày lâm chung hương lạ đến rước, ông vui vẻ mà về Phật. Người trong khi đó ai cũng khen ông hiện đời biết cải đổi chẳng trễ pháp thường.

Lại chùa Đại Giác có ông Tăng Phạm, giới đức thanh cao, từng ngủ chùa khác, đến ngày rằm trong chúng cùng nhau để nghị đình việc Bố Tát, bảo một ông Thầy nêu nghĩa. Bấy giờ có một ông thầy lên pháp tòa nói rằng : Nêu nghĩa luận pháp tướng, để hiểu sâu ý Phật được rồi, không nhọc gì phải Bố Tát, chính những việc chúng tăng thường nghe hoài. Thoạt thấy một ông Thần cao lớn một trượng, vạm vỡ kinh người, hỏi ông nêu nghĩa kia rằng : "Nay là ngày gì" ?

- Ngày Bồ Tát. Ông Thần liền lấy tay bạt tai, rồi kéo xển xuống pháp tòa đánh lọi gần chết. Kế hỏi mấy ông đệ nhị thượng tòa, đệ tam thượng tòa, cũng đáp như ông đệ nhứt thượng tòa trước cũng bị bàn tay ông thần bạt tai gần chết, đánh luôn hai ba ông thượng tòa ngất ngơ ngất ngưởng, rồi thần vây cánh trở mình đi ra. Khi đó người tu người đời ai thấy cũng tởm lòng ghê óc. Ông Tăng Phạm đã thấy từ đó ông gắng trọn một đời, không hề ngày Bố Tát nào, mà ông không Bố Tát. Dầu ông mắc việc chúng Tăng, hay là việc riêng của mình, nhưng cũng không xin nghỉ, nhắn đến bịnh nặng đỡ lện xe không nổi, ông cũng rước cho được một ông Thầy đến phòng cung kỉnh cầu Thầy nói giới cho nghe. Đời nay có những người chỉ trọng về Kinh với Luận, hoặc có người chuyên về Pháp Tham Thiền mà khinh Giới Luật đó. Xin xem văn này mà suy nghĩ lấy.

Lững thững theo đời, (1) bèn thành quê kịch, không dè lóng cóng già yếu, gặp việc xây mặt vào vách.

Hai câu trên, theo tục thành quê. Hai câu dưới, già luống không biết chi. Lại câu ban đầu xông ướp theo đời,

(1) Lững thững, dỗn dền hay thẩm thoát theo nhơn gian cũng đồng một ý.

Tứ cú, vô minh nhật tế. Cái vị bất tu chánh nghiệp, tán mạn tự phóng, nhật thiệp tục duyên, phan duyên trần cảnh, túng tứ lục tình, cố chi tâm hạnh toại thành sơ dã. Nhiễm tập nhật thâm, vô quan chiếu lực hề giác tứ tướng thiên lưu, thúc nhĩ suy lão thời chí, tâm cảnh bất thông, bá vô nhất hiểu, xúc vật thành ủng, như nhơn diện bích. Thử đẳng, giai do bất khẳn bác vấn tiên tri, cố chí đáo lão toại thành cốt đống.

Ký viết : Nhẫm nhiễm du tán mạn xâm tầm dã. Lung chung, nãi hành bất tiền dã. Hủ, tức suy hủ, sở vị niên ký dĩ lão, vô tam chủng vị, không sanh khống tử, đường khí nhất kỳ.

Vô tam chủng vị giả ? Thí như cam giá ký bị yểm dĩ, chỉ vô phục vị; tráng niên thạnh sắc, ký bị lão yểm, vô tam chủng vị : Nhất giả, bất năng tụng kinh giải nghĩa. Nhị giả, bất năng tọa thiền tu quán. Tam giả, bất năng lao vụ tác phước.

Tứ tướng giả ? - Sanh, trụ, dị, diệt, dã. Cốt đống giả ? - Mặc đàm vân "La Phù" : "Vĩnh Lão", thủ ẩm thực tạp phanh chi danh. Kim tục đa tá dụng chi.

"Hậu học tư tuân vô ngôn tiếp dẫn túng hữu đàm thuyết, bất thiệp điển chương".

Thượng nhị cú, tha thất nhuận ích. Hạ nhị cú, ngôn bất quan điển. Ký nhĩ xúc sự diện tường tương hà dĩ tiếp hậu côn, túng hữu nhất ngôn bán cú, bất quan Phật Tổ điển mô, hà dị bất kiến thủy lão hạt tai ?

câu kế tập quen thành tánh. Câu thứ ba thoạt vậy già yếu. Câu thứ tư tối dốt ngày thêm. Bởi vì không tu nghiệp chánh thả lỏng chơi bời, hằng theo thói tục vương dính cảnh trần buông lung sáu tình nên đến nỗi Tâm Hạnh thành ra quê kịch. Nhiễm quen lâu ngày, không nghị lực soi xét, đâu biết bốn tướng dời đổi, phút xút ngày già yếu, tâm tánh chẳng thông, trăm việc chẳng hiểu một, thấy chi bít nấy, như người xây mặt trong vách, không thấy chi cả. Những hạng người thế đó, đều bởi không chịu rộng hỏi bực tiên tri, cho nên đến khi già trở thành cốt đồng *(vô dụng)*.

Lời Ký nói : *Chữ Lũng thũng cũng như thả lỏng lung tung. Lóng cóng là nghĩa đi không tới đâu là đâu. Chữ Hủ là nghĩa già yếu. Chỗ gọi rằng : tuổi đã già rồi, không ba món vị, sống hư chết uổng, luống bỏ một đời vậy.*

Không ba món vị là gì ? - Ví như cây mía, đã bị ép rồi, bã xác không còn ngọt nữa, sắc xanh tuổi trẻ đã bị già háp, không còn ba món vị : 1) Tụng kinh giải nghĩa không nổi 2) Ngồi Thiền tu quán không nổi. 3) Làm việc nhọc cho có phước không nổi.

Bốn tướng là gì ? - Sanh, Già, Bệnh, Chết. (1) *Cốt đồng là gì ? - Sách Mặc Đàm nói : "Non La Phù ông Vĩnh Lão, dùng các thứ đồ ăn nấu chung lại một chảo, kêu là đồ cốt đồng. Bây giờ người đời phần nhiều bắt chước kêu theo, Nói tóm lại cốt đồng là một thứ không ròng rặt, như đồ xà bần. Người thế tục những người nào tạp nhạp láo nháo mượn đây đặt tên là cốt đồng (có chỗ khác nói : Cổ Đồng : là đồ xưa - cũ kỹ).*

Kẻ hậu học thưa hỏi, không lời chỉ dạy bảo, dầu có luận nói, chẳng nhằm Kinh Luật.

Hai câu trên, người mất chỗ lợi ích. Hai câu dưới, nói chẳng nhằm Kinh Luật. Đã vậy, gặp việc xây mặt vào vách, lấy chi tiếp dẫn kẻ hậu côn, dù có nói một lời, nửa câu chẳng nhằm Kinh Luật Phật Tổ, nào khác câu : "Chẳng thấy hạt già dưới nước ư" ?

(1) Cũng nói : Sanh, Trụ, Dị, Diệt.

Ký viết : Như Lai khử thế bất cửu, hữu nhất Tỳ kheo thố tụng PHÁP CÚ kinh kệ vân : Nhược nhơn sanh bá tuế bất kiến thủy lão hạt, bất như sanh nhất nhật, nhi đắc kiến liễu chi. Thời A Nan Tôn giả văn chi thảm nhiên nhi thán viết : "Như Lai chánh pháp diệt hà tốc tai !". Nãi ngữ bỉ Tỳ kheo ngôn : Như Phật sở thuyết : "Nhược nhơn sanh bá tuế bất kiến sanh diệt pháp, bất như sanh nhất nhật nhi đắc kiến liễu chi". Thị Tỳ kheo hồi hướng sư thuyết : Kỳ sư ngôn A Nan lão mạo, ngôn đa thố mậu bất khả tín dã. Nhữ đương huờn như tiền tụng án.

Tích, Chánh pháp thượng tồn, ngoại thế nhược thử. Huống kim khử thánh thời diêu, bất thân lương bằng bất cận minh sư, nhi năng xuất ngôn thiệp ư điển chương hồ ?

Hoặc bị khinh ngôn, tiện trách hậu sanh vô lễ, sân tâm phẫn khởi ngôn ngữ cai nhơn.

Sơ cú, vô đức bị tiếu. Nhị cú, bất tỉnh kỷ quá. Hạ nhị cú, sân độc thương nhơn. Ngôn ký bất thiệp điển hà quái tha khinh. Kỷ quá bất tỉnh, phản trách tha phi. Sân hỏa nhất túng, vô bất liệu nhiên.

Ký viết : "Sân, nộ dã. Phẫn hận dã. Hụu phẫn tha vi sân, tự phẫn vi nhuế. "Đạo An" Pháp sư vân : Kinh đạo bất thông, giới đức toàn vô, bằng hữu xuy lộng, đồng học khí quyên, như thị xuất gia, đồ táng thiên niên.

BÁT : NGHIỆP QUẢ THỜI THỤC

Nhất triêu ngọa tật tại sàng, chúng khổ quýnh triền bức bách, hiểu tịch tư thổn, tâm lý hồi hoàng.

Thượng nhị cú, thân khổ. Hạ nhị cú, tâm khổ. Dị thục thời chí, tứ đại quai thường nhất đại bất điều, bá mạch cân trựu, phục chẩm tư

Lời Ký nói : *Đức Như Lai diệt độ chưa bao lâu, có một ông Tỳ Kheo làm tụng bài kệ trong kinh PHÁP CÚ : "Nếu người sống trăm tuổi, chẳng thấy con hạt già dưới nước, chẳng bằng sống một ngày mà đặng thấy rõ đó. Khi ấy ngài A Nan Tôn giả nghe rồi ngui thảm than rằng : "Chánh pháp đức Như Lai sao mà diệt mau lắm vậy ! Rồi nói với ông Tỳ Kheo kia rằng : Thưa Huynh ! Đức Phật ngài nói : "Nếu người sống trăm năm chẳng thấy Pháp Sanh Diệt, chẳng bằng sống một ngày, mà đặng thấy rõ đó". Ông Tỳ Kheo ấy bấy giờ trở về thuật lại với Bổn Sư. Sư nói : "Ối, ông A Nan già cả, nói hay lầm lộn, không nên tin vậy. Ngươi cứ trở về tụng như trước đi".*

Ối ! Xét như xưa đời chánh pháp hỡi còn lầm lộn như thế đó. Huống đời bây giờ cách Phật đã xa, không gần thầy hay bạn giỏi, làm sao nói ra cho nhằm Kinh Luật ấy ư ?

Hoặc bị lời khinh dể, bèn trách kẻ hậu sanh vô lễ, lòng sân nổi lên, lời nói lướt người.

Câu đầu thiếu đức bị người chê; Câu thứ hai không biết xét lỗi mình. Hai câu sau, lửa sân hại người. Nói đã không trúng Kinh Luật, tránh sao cho khỏi người khinh Lỗi mình không xét, trở trách quấy người. Lửa sân một khi phát ra không món nào chẳng bị nó đốt.

Lời Ký nói : *Giận lộ tướng thô, gọi chữ Sân. Giận ngầm trong bụng nói chữ Phẫn. Lại giận người nói chữ Sân. Giận mình gọi chữ Nhuế. Ngài "Đạo An" Pháp sư nói : Kinh Luật chẳng thông, giới đức toàn thiếu, bằng hữu chê cười, bạn đồng học luống bỏ, xuất gia như thế, luống uổng năm trời.*

8) NGHIỆP QUẢ THỜI ĐẾN :

Một mai bệnh nằm ở giường, các khổ vấn vít ép ngặt, sớm tối lo toan, trong lòng hồi hợp.

Hai câu trên, khổ về thân. Hai câu dưới, khổ về tâm. Quả báo đến thời, bốn đại trái thường, một đại không hòa, trăm mạch gân rút, cắm đầu nơi gối suy nghĩ không điều

thốn, vô thiện khả ký, thúc thủ tuyền môn, hà nghi chi hữu, khởi bất hồi hoàng giả tai ?

Ký viết : Quỳnh giả, nhiễu hệ dã, triền giả, thúc phược dã. Bức bách giả, xu bức cấp thiết bất an chi vị dã. Hiếu tịch giả, tảo vãn dã. Tư thốn giả, tư duy thốn đạt dã. Hồi hoàng giả, hôn loạn khủng cụ dã.

"Tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng; tùng tư thỉ tri hối quá, lâm khát quật tỉnh hề vi".

Thượng nhị cú, bất tri khứ xứ. Hạ nhị cú, truy hối bất cập. Lục đạo hiểm đồ, sanh tử khoán dã. Bất tri lai xứ, yên tri khứ xứ. Nhật tiền bất dự đả điểm lâm thời hối chi hà cập !

Phật ngôn : "Nhơn si, cố hữu sanh tử". Hà đẳng vi si ? - Bổn tùng si trung lai, kim sanh vi nhơn phục si; tâm bất giải bất khai, bất tri tử đương sở thú hướng. Thử chánh sở vị : "Vị tri hà vãng" dã.

Ký viết : Bổn văn sơ cú, ngôn tam đồ lục đạo khoan khoán vô tế. Thứ cú, tâm thức bất tri khứ xứ. Đệ tam cú, lâm chung thỉ hối tiên khiên. Đệ tứ cú, thiết dụ dĩ minh chi.

BÁCH DỤ kinh vân : Tích, ngoại quốc, hữu nhất bần nhơn thiện năng tác uyên ương minh. Dục thâu liên hoa, tức nhập vương trì tác uyên ương minh. Thời thủ trì nhơn nghi nhi vấn viết : "Trì trung thị thùy" ? Bần nhơn thất khẩu đáp ngôn : "Ngã thị uyên ương" Thủ giả tróc đắc tương nghệ vương sở, chí trung đồ phục cánh tác uyên vương minh. Thủ giả ngôn : "Nhữ tiên bất tác, kim tác hà ích".

Thế gian ngu nhơn diệc phục như thị. Chung thân tác chúng ác nghiệp, bất tập tâm hạnh sử linh điều thiện. Lâm mạng chung thời, phương ngôn : "Ngã kim dục tu thiện".

lành chi đáng ghi, nên phải bó tay chịu chết, có nghi chi nữa, đâu chẳng hồi hộp đó ư ?

Lời Ký nói : *Vấn vít, bó buộc, hay ép ngặt và gấp rút cũng đồng một nghĩa là không yên ổn. Sớm tối, lo nghĩ xét lường và hồi hộp là nói trong khi hấp hối mê man sảng sốt vậy.*

Đường trước mờ mờ, chưa biết về đâu. Từ đây mới biết ăn năn tội lỗi, đến khi khát nước đào giếng sao kịp.

Hai câu trên, khi đi không biết về đâu. Hai câu dưới, ăn năn lỗi trước, là sự đã muộn lắm rồi. Sáu đường gay go, sanh tử thinh thang. Đã không biết từ đâu mà đến, bây giờ chết rồi sẽ đi về đâu. Ngày trước không lo tu phước, đến thì giờ nầy ăn năn sao kịp !

Phật nói : "*Người mê nên có sanh tử*". Mê là gì ? - Trước từ trong mê mới sanh ra, đời nay làm người, tâm mê ấy hãy còn, không hiểu không tỏ, không biết chết hãy đi về đâu. Chính chỗ gọi câu : "*Vị tri hà vãng*" *(chưa biết đi đâu vậy).*

Lời Ký nói : *Câu đầu bổn văn, nói ba đường sáu ngả, thinh thoang không bờ mé. Câu kế, nói tâm thức không biết đi đâu. Câu thứ ba, nói đến chết mới ăn năn lỗi trước. Câu thứ tư, lập lời ví dụ cho rõ.*

Kinh BÁCH DỤ nói : Thuở xưa, nước ngoài, có anh nhà nghèo, có tài giả bộ tiếng kêu chim oan ương. Bởi muốn trộm hoa sen liền vào ao vua cất tiếng kêu cà um cà um như chim oan ương. Khi đó ông Quan giữ ao nghi và hỏi rằng : "Ai trong ao đó !". Anh nghèo lỡ miệng đáp rằng : "Tôi là chim oan ương". Quan giữ ao bắt được, đem nạp cho nhà Vua, trong khi đi giữa đường, anh lại làm tiếng chim oan ương kêu. Quan giữ ao kia nói : "Hồi nãy chú không làm, bây giờ làm có ích chi".

Người ngu trong đời cũng lại như thế. Trọn đời tạo nghiệp ác, mà không lo sửa đổi tâm tánh làm những điều lành. Để giờ phút mạng chung, mới nói rằng : "Tôi nay muốn tu thiện".

Thời ngục tốt tương khứ phú Diêm La vương sở, tuy dục tu thiện diệc vô sở cập. Như bỉ ngu nhơn, dục đáo vương sở phương tác uyên ương minh.

"Tự hận, tảo bất dự tu, niên vãng đa chư quá cữu; lâm hành huy hoát, phách bố chương hoàng".

Thượng nhị cú, tự trách. Hạ nhị cú, thất chủ, Nhật tiền tam độc bất trừ, niên vãng tích tội như sơn, lầm chung chi tế, nghiệp cảnh hiện tiền; túng nhiêu cưỡng tác chủ trương, nan miễn phách bố chương hoàng. Chánh thị nhật tiền, túc ngận bất ổn, lâm hành thủ mang khước loạn.

Ký viết : Quá cữu giả, tội khiên dã. Hoát đương tác hoát, nãi thủ phản phúc dã. Diêu thủ viết huy, phản thủ viết hoát. Vị như phản chưởng tấn tốc chi gian.

Phách bố chương hoàng giả, úy cụ khủng cự chi thậm dã.

"Hộc xuyên tước phi, thức tâm tùy nghiệp, như nhơn phụ trái, cường giả tiên khiên, tâm tự đa đoan, trọng xứ thiên trụy".

Sơ nhị cú, thân tâm tùy nghiệp. Thứ nhị cú, nghiệp cường khiên tâm. Hậu nhị cú, báo thiên do tâm trọng. Hựu sơ cú, dụ tiên nghiệp quả tạ. Thứ cú, tâm tùy nghiệp vãng. Tam tứ cú, du nghiệp cường báo tiên. Ngũ cú, vọng niệm phi nhứt. Lục cú, báo tùng tâm đọa.

Nhiên thiện ác chi nghiệp, cường nhược do tâm. Quả báo chi xứ, khinh trọng tự phân. Cấu tâm trược trọng, tức trụy tam đồ. Thiện nghiệp khinh cử, điện thăng nhơn thiên. Nhược cứ xuất thế pháp trung, nhơn thiên nguyên thị hữu lậu

Khi đó quỉ Ngục tốt đem đi giao vua Diêm La rồi, bấy giờ muốn tu thiện, cũng nào kịp ư ? Như người ngu kia đem đến chỗ Vua rồi, mới làm tiếng kêu chim oan ương.

Giận mình sớm chẳng lo tu, tuổi già nhiều điều tội lỗi, khi đi chao chát, lo toan sợ sệt.

Hai câu trên, trách mình. Hai câu dưới tâm mình không tự chủ. Bởi ngày trước ba độc chẳng trừ, nên tuổi già chứa tội như núi, khi hấp hối cảnh nghiệp hiện bày trước mặt, dù gắng gượng làm chủ trương khó mà tránh khỏi sự hãi hùng sợ sệt. Chính thực ngày trước gót chân không vững đến chết tay bấu chân đạp.

Lời Ký nói : *Tiếng ta nói tội lỗi cũng như chữ Hán nói Quá cữu. Tiếng Ta nói lật úp bàn tay cũng như chữ hán nói chữ quát. Tiếng Ta nói đi lắc cánh tay cũng như tiếng* Hán *nói chữ huy.*

Lật trở bàn tay là gì ? - Là nghĩa trong khi hấp hối vô thường mau chóng như trở bàn tay. Lo toan sợ sệt là gì ? - Lo sợ lập cập rất lắm.

Lưới phủng chim bay, thần thức theo nghiệp, như người mắc nợ, ai mạnh lôi trước, tâm tạo nhiều mối, nặng đâu sa về đó.

Hai câu đầu thân tâm theo nghiệp. Hai câu kế, nghiệp mạnh kéo tâm. Hai câu rốt sau, do tâm nào nặng mắc báo sa về đó. Lại câu ban đầu, dụ nghiệp báo trước đã mãn. Câu kế là tâm thức đi theo nghiệp. Câu thứ ba, thứ tư là dụ nghiệp nào mạnh thì trả quả trước. Câu thứ năm là dụ vọng niệm chẳng phải một. Câu thứ sáu đều là quả báo từ tâm mà đọa.

Song nghiệp thiện và ác, mạnh yếu do tâm. Chỗ mắc quả báo, nhẹ, nặng, đều riêng. Như tâm nhiễm ô nhiều, thì đọa trong ba đường. Nghiệp lành nhiều thì sanh lên cõi Nhơn Thiên. Nhưng cứ trong pháp xuất thế mà nói thời cõi Nhơn Thiên cũng còn có quả hữu lậu, cũng còn sa đọa. Tu sao được nhứt tâm bất loạn, thời mới mong thoát khỏi trầm luân. Câu lưới phủng chim bay là gì ? Chim đây là nói thứ

chi quả diệc danh vi đọa. Duy kỳ nhứt tâm bất sanh, phương thoát luân trụy. Học xuyên tước phi giả; tước não tiểu điểu dã.

ĐẠI LUẬN vân : Điểu lai nhập bình trung, dĩ hộc yểm bình khẩu, hộc xuyên điểu phi khứ, thức thần tùy nghiệp tẩu. Kim dĩ bình, dụ tứ đại; hộc, dụ mạng căn; điểu, dụ thức thần. Thức thần, tức thức tâm dã. Nhơn kỳ thừa tiền thiện ác nghiệp lai thọ báo, như điểu nhập bình. Vi nghiệp sở hệ, như la hộc yểm. Quả báo nhược tạ, tức tiện tùy nghiệp, như hộc xuyên điểu khứ. Khứ tất trục nghiệp, cố danh "tùy tẩu". Do thức tâm hệ, dĩ nghiệp thằng tại ư sắc bình, nhi vô xứ bất chí. Nghiệp thằng vị đoạn, khứ dĩ phục hườn. Bình phá hệ đoạn, tức khứ bất phản. Vị hiện kim tứ đại nhược hoại, danh vi khứ dĩ. Phục thọ hậu thân, danh vi phục hườn; chí vô học quả, phương danh bình phá; hậu sanh nghiệp tận, danh vi bất phản.

Ngôn thức tâm giả ? Tức đệ bát tâm vương A lại da thức, chấp trì thiện ác chủng tử, vi tổng báo chủ.

Tùy nghiệp giả ? Vị lục thức sở tạo thiện ác chi nghiệp, năng dẫn đệ bát, ư lục đạo trung thọ tổng báo thân.

Nghiệp vi năng dẫn, thức vi sở dẫn, cố vân tùy nghiệp. Tiên khiên giả ? Vị thiện ác nhị nghiệp, hà giả cường trọng tức khiên chi, tiên vãng nhi thọ lai báo dã. Tâm tự đẳng giả ? Vị đệ lục thức, chủng chủng vọng tưởng, phân biệt phi nhất, phàn lục trần cảnh, tác chúng ác nghiệp, trụy đọa tam đồ, tâm đa tắc đọa trọng, vọng thiểu tắc trụy khinh.

chim nhỏ như theo ta nói chim se sẻ, nhỏ, như theo ta nói chim se sẻ, tiếng Hán nói chữ "Tước".

Trong ĐẠI LUẬN nói : "Con chim chun trong cái bình, lấy lụa bịt miệng bình lại, lụa rách chim bay đi, cũng như cái thân ta lúc tan rã, thần thức đi theo nghiệp. Hôm nay lấy cái bình dụ cái thân tứ đại, lụa dụ mạng căn, chim kia dụ thần thức. Thần thức tức tâm thức vậy. Do tâm thức nó nương nghiệp lành nghiệp ác đời trước, mà đến chịu quả báo, như chim nọ chun trong cái bình. Bị nghiệp nó buộc như lụa bịt miệng bình. Quả báo nếu hết rồi, thân phải đi theo nghiệp như lụa rách chim bay đi. Đi thì đi theo nghiệp cho nên nói chữ "*Tùy Tẩu*". Bởi thức tâm nó buộc bằng dây nghiệp ở trong bình sắc thân mà không chỗ nào không đến. Dây nghiệp chưa dứt, đi rồi phải trở lại. Bình bể dây đứt, thời đi không trở lại. Nghĩa là nay thân tứ đại nầy khi nó hư hoại, kêu là đi rồi. Nhưng còn chịu thân sau nữa, nên kêu là trở lại. Đến chừng đặng quả vô học, *(quả La Hán)* kêu là bình bể, hết nghiệp đời sau, nên nói là không trở lại.

Nói thức tâm là gì ? Tức thức A lại da tâm vương thứ tám, thức nầy kềm giữ hột giống thiện và ác, làm ông chủ tổng báo.

Theo nghiệp là gì ? Nghĩa là sáu thức trước gây tạo các nghiệp lành và dữ hay dẫn thức thứ tám đi đầu thai trong sáu đường chịu thân tổng báo. Tổng báo là gì ? Là quả báo chung như quả báo đáng sanh trong loài người thời đồng chịu thân thể như loài người thì gọi là tổng báo. *(Đồng nghiệp một hình thể người nên kêu là tổng báo là quả báo chung; nhưng đồng một loài người mà có người tốt, người xấu, người sống lâu, người chết yểu, thời gọi là thân biệt báo là quả báo riêng).*

Nghiệp là nghiệp hay dẫn, thức là cái bị dẫn, cho nên nói thức theo nghiệp. Kéo đi trước là gì ? Nghĩa là, nghiệp thiện và ác, cái nào nặng hơn, thời nó kéo đi trước, mà đến chịu báo làm thân đời sau vậy. Tâm tạo nhiều mối là sao ? Nghĩa là, thức thứ sáu vọng tưởng đủ thứ, phân biệt chẳng phải một, theo cảnh Lục trần, tạo các nghiệp ác sa đọa

Khuê Phong vân : Tác hữu nghĩa sự, thị tỉnh ngộ tâm. Tác vô nghĩa sự, thị tán loạn tâm. Tán loạn tùy tình chuyển, lâm chung bị nghiệp khiên. Tỉnh ngộ bất do, tình lâm chung năng chuyển nghiệp. Dục nghiệm lâm chung thọ sanh, tự tại bất tự tại, đản nghiệm tầm thường hành tâm trần cảnh, tự do bất tự do, nhị lục thời trung, đương tỉnh sát nhĩ.

Thử thị Khuê Phong, nhật thiếp phát hạn tán, chư nhơn giả, hảo tự kiểm nghiệm khán, thiết vật ta quá dã.

Ký viết : A lại da, thử vân tàng thức, vị năng hội tàng thiện ác, thế xuất thế gian chư pháp chủng tử cố. Dĩ do tối sơ bất giác tâm động, thành ư vô minh, huân tập chơn như, nhi vi A lại da thức, dĩ chấp trì chủng tử năng linh sanh tử lưu chuyển bất đoạn, cố thử thức diệc danh "chấp trì"; hoặc danh "dị thục" thức. Vị năng dẫn sanh tử thiện bất thiện nghiệp dị thục quả cố. Dị thục giả ? Vị kim sanh tác nghiệp, lai sanh thọ báo, nhơn diệt quả sanh, dị thời nhi thục, cựu vân quả báo thị dã.

TÔNG CẢNH LỤC vấn vân : "Chư căn hoại nhật, thức thiên ly thời, xả thử cố thân, biệt thọ dư chất, khứ lai chi thức, tướng trạng vân hà ?

trong ba đường, tâm vọng nào nhiều hơn thời đọa vào chỗ tội nặng hơn, tâm vọng tưởng ít thời đọa vào chỗ tội nhẹ.

Tổ Khuê Phong nói : Làm việc có nghĩa, là tâm tỉnh ngộ. Làm việc vô nghĩa, là tâm tán loạn. Tán loạn theo tình lôi cuốn, giờ phút lâm chung bị nghiệp kéo lôi. Người tỉnh ngộ không bị tình lôi cuốn, nên giờ phút lâm chung có thể chuyển nghiệp lại được. Muốn nghiệm biết khi lâm chung đi đầu thai, thảnh thơi cùng không thảnh thơi, cứ nghiệm ngay trong tâm chỗ thật hành của ta lúc bình thường đối với cảnh trần dính mắc, hay không dính mắc, trong hai mươi bốn giờ, luôn luôn nghiệm tâm hạnh của mình thì đủ biết.

Đây là Tổ Khuê Phong, cho một thang thuốc tháo mồ hôi vậy, các nhơn giả, tự gắng xem nghiệm coi, chớ đừng vội vã bỏ qua uổng lắm.

Lời Ký nói: *A lại Da thức, tiếng Hán dịch thức Hàm Tàng. Nghĩa là, vì hay trùm chứa thiện và ác, hột giống của thế gian và xuất thế gian các pháp vậy. Thế nào là thức A Lại Da... Bởi do lúc ban đầu, không ngờ tâm vọng động, gây những chuyện mê lầm huân tập tánh chơn như biến làm thức A Lại Da do thức làm hột giống làm cho trôi lăn mãi trong đường sanh tử không hề thôi dứt, cho nên thức này cũng có tên thức "Chấp Trì". Hoặc gọi là thức "Dị Thục". Dị thục là gì ? - Nó hay dẫn dắt nghiệp lành, và nghiệp dữ chịu quả báo dị thục trong đường sanh tử. Thế nào là dị thục ? Dị là khác, thục là chín, như trái cam khi trồng bằng hột, mọc lên cây, đâm lá trổ bông lần hồi sanh trái, trải qua thời gian khác mới lên thành trái cam, chính cũng như bọn chúng ta đời nay tạo nghiệp nhơn đời sau mắc quả báo. Nhơn diệt quả sanh khác thời mà thành thục, cho nên gọi là quả dị thục. Hồi xưa nói dị thục là nghĩa quả báo phải vậy.*

Bộ TÔNG CẢNH LỤC nói : Cái ngày các căn của thân này nó hư hoại, giờ phút thần thức dời lìa, bỏ thân cũ này, riêng chịu thân khác, thức khi tới khi đi hình trạng ra thế nào ?

. Đáp viết : Như HIỂN THỨC kinh vân : Thức chi vận chuyển thiên diệt văng lai, du như phong đại, vô sắc vô hình bất khả hiển hiện, nhi năng phát động vạn vật, thị chúng hình trạng, hoặc diêu chấn lâm mộc, tồi chết phá liệt, xuất đại âm thanh; hoặc vi lảnh vi nhiệt, xúc chúng sanh thân tác khổ tác lạc, phong vô thủ túc hình dung, diệc vô hắc bạch chư sắc.

Thức giới diệc nhĩ, vô sắc vô hình, vô quang minh hiển hiện, sở huân nhơn duyên cố, hiển thị chủng chủng công dụng.

ĐỒNG TÁNH kinh vân : Chúng sanh xả thử thân dĩ, nghiệp phong lực xuy di thức tương khử tự sở thọ nghiệp, ninh thọ kỳ quả.

Hộc, âm hộc, thị bạt sa, tức phương mục sa dã.

Vô thường sát quỉ, niệm niệm bất đình; mạng bất khả diên, thời bất khả đải.

Thượng nhị cú, vô thường tốc. Hạ nhị cú, thời mạng tốc. Dĩ vô thường vi sát quỉ giả ? Vị bỉ vô thường, tuy vô hình chất khả kiến, nhi năng đoạn nhơn mạng căn, cố vân "Sát quỉ".

CHỈ QUÁN vân : Vô thường dịch quỉ, bất trạch hào hiền, nguy thúy bất kiên, nan khả thị hộ. Vân hà an nhiên, quy vọng bá tuế, tứ phương trì cầu, trử tích tụ liễm. Tụ liễm vị túc, khạp nhiên trường văng, sở hữu sản hóa, đồ vi tha hữu, minh minh độc thệ, thùy phỏng thị phi.

Đáp rằng : Như trong kinh HIỂN THỨC nói : Sự vận chuyển đời đổi qua lại của thức cũng như luồng gió lớn, không hình không sắc, không thể chỉ được, nhưng mà nó có thể thổi động muôn vật nêu bày hình tướng, như nó làm cho cây cối lây qua lắc lại và tróc gãy nứt tét, kêu tiếng ù ù, người ta nói gió nhưng nói gió mà không thấy hình tướng chỉ nghe tiếng vo vo nó thổi vào mình hoặc làm cho ta phải lạnh, hoặc nó làm cho ta phải nóng, hoặc nó làm cho ta phải khổ, hoặc nó làm cho ta bất vui thích, khoái, thật gió cũng không tay không chân không hình dạng cũng không đen không trắng các màu.

Cái thức cũng thế, thần thức không hình không sắc, không sáng rạng rõ bày, nhưng vì do nhơn duyên huân tập nên rõ bày các thứ công dụng, như thức tâm ưa muốn đi đâu thời cái thân phải đứng dậy mà đi, thức tâm khi muốn ngủ thời nó làm cho thân phải đi kiếm chỗ nằm ngủ, cho đến thức tâm muốn làm lành, làm ác, thì các thân cũng tùy thuận v.v...

Kinh ĐỒNG TÁNH nói : Chúng sanh khi bỏ thân này rồi, sức gió nghiệp thổi đến, đưa thần thức đi tới cảnh giới nào, để mà chịu nghiệp, để mà chịu quả báo kia, cho nên gọi là dị thục, tức là thức quả báo vậy.

Lụa mỏng làm mặt vuông để bịt miệng bình, theo chữ Hán nói là chữ "Hộc".

Vô Thường Quỉ dữ, mỗi niệm mỗi niệm chẳng dừng. Mạng chẳng khá lâu, thời chẳng khá đợi.

Hai câu trên nói, Vô thường chóng mau. Hai câu dưới nói. Thời mạng rất mau. Vô thường quỉ dữ là gì ? Quỉ vô thường kia, tuy không hình trạng thấy được, thế mà nó làm mạng căn con người phải chết, cho nên nói rằng : "Sát Quỉ".

Trong bộ CHỈ QUÁN nói : Vô thường Quỉ dữ, không lựa kẻ sang người hèn, mỏng mảnh không bền, không thể nương cậy nó được. Cớ sao điềm nhiên hy vọng, sống lâu trăm tuổi, rong rủi bốn phương tìm cầu, chất chứa tom góp. Tom góp chưa đủ, thoạt vậy chết đi, bao nhiêu của cải để lại người

Niệm niệm bất đình giả, thị thiên lưu bất trụ nhi nghĩa.

TRÍ ĐỘ LUẬN vân : Vô thường hữu nhị chủng : Nhất, tương tục pháp hoại vô thường. Nhị, niệm niệm sanh diệt vô thường.

NIẾT BÀN kinh vân : Bồ tát tu ư tử tưởng, quán thị thọ mạng, thường vi vô lượng oán thù sở nhiễu, niệm niệm tổn giảm, vô hữu tăng trưởng, du sơn bộc thủy, bất đắc đình trụ. Diệc như triêu lộ, thế bất cửu đình, như tù thú tử, bộ bộ cận tử.

Mạng bất khả diên giả ? Mạng, vị thọ mạng, nãi tiền nghiệp dị thục định báo. Cố bất khả diên dã. Thời bất khả đải giả ? Thời, tức thời khắc, ký thị tiền nghiệp định báo, phi nhơn lực khả năng lưu đải. Sở vị Diêm Vương chú định tam canh tử, định bất lưu nhơn đáo ngũ canh. Định nghiệp nan đào, thử chi vị dư !

Ký viết : Lung chung lão hủ, thị lão khổ. Ngọa bệnh tại sàng thị bệnh khổ. Vô thường sát quỉ, thị tử khổ dã.

CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ kinh vân : Lâm mạng chung thời, đao phong giai động như thiên tiêm đao thích kỳ thân thượng, thập lục phần trung du bất cập nhất. Nhược hữu thiện nghiệp, tắc khổ não thiểu.

"Nhơn Thiên tam hữu, ưng vị miễn chi; như thị thọ thân phi luận kiếp số".

xài đi một mình trong con đường thăm thẳm biết lấy ai mà hỏi việc phải quấy. Mỗi niệm không dừng là gì ? Là cái nghĩa dời đổi không dừng.

TRÍ ĐỘ LUẬN nói : Vô thường có hai thứ : 1) Những cái nó tiếp tục với nhau, mà nó hoại đi là Vô thường. 2) Mỗi niệm mỗi niệm sanh rồi diệt, diệt rồi sanh là Vô thường.

Kinh NIẾT BÀN nói : Ông Bồ Tát thường tu phép quán về sự chết, thấy mạng sống này, thường bị không biết bao nhiêu là việc oán thù vây quanh, mỗi niệm hao mòn không có trẻ trung trở lại, cũng như nước núi chảy xuống không thể ngừng trụ. Cũng như móc ban mai thế chẳng còn lâu, như tù đem đi chém, mỗi bước mỗi gần đến chỗ chết. Thân này cũng thế, mỗi năm mỗi tháng mỗi ngày mỗi giờ và mỗi phút già lần rồi tới cái chết.

Mạng không thể lâu là gì ? - Mạng là cái mạng sống chính nghiệp mình đời trước quả báo. Dị Thục nó đã nhất định. Cho nên nói câu "*mạng bất khả diên*". (là mạng chẳng khá lâu vậy). Thời không thể đợi là gì ? - Chữ "Thời" tức là thời khắc, song cái nghiệp đời trước, quả báo đã nhất định thời không phải sức của người cầm lại được. Cho nên có câu : "*Diêm Vương chú định tam canh tử, định bất lưu nhơn đáo ngũ canh*" nghĩa là : Vua Diêm Vương nhất định canh ba chết, quyết chẳng để người nán lại đến canh năm. "Nghiệp báo nan đào" là nghĩa đây vậy !

Lời Ký nói : *Già yếu lụm cụm là cái khổ trong khi già. Bệnh nằm ở giường là cái khổ trong khi bệnh. Vô thường Quỉ dữ là cái khổ trong khi chết.*

Kinh CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ nói : Khi mạng sắp lâm chung, gió đao thổi động, như nghìn mũi nhọn đâm trên thân thể, trong mười sáu phần không còn sót phần nào. Nếu ta có tu nghiệp lành thời việc khổ não ít.

Người, Trời, trong ba cõi chưa ai khỏi đó, thọ Thân như vậy không luận kiếp số.

Thượng nhị cú, nghiệp quả nan đào. Hạ nhị cú, sanh tử vô tế. Ngôn tam hữu, dĩ cai nhơn thiên, dục linh văn nghĩa hỗ chương, cố điệp ngôn chi. Tam hữu, tức tam giới chúng sanh. Sở tác hữu lậu thiện ác nghiệp nhơn, trí cảm đương lai hữu lậu thiện ác quả báo, nhơn quả bất vong, cố danh vi "hữu". Nhất : "Dục hữu", vị dục giới nhơn thiên cập tứ ác thú chúng sanh, giai bất ly dục nhiễm, cố danh "dục hữu". Nhị : Sắc hữu, vị sắc giới Tứ thiền thiên, tuy ly dục nhiễm thượng hữu sắc chất, cố danh "sắc hữu". Tam : Vô sắc hữu, vị vô sắc giới Tứ không thiên, tứ đại dĩ không, vô hữu sắc chất, duy dư tứ uẩn, cố danh "vô sắc hữu". Tự đẳng, giai do nhơn tạo hữu lậu, quả hệ hữu vi. Ký dĩ vô thường, bất ly tam giới thọ sanh, cố viết, ưng vị miễn chi. Quả phục tạo nhơn, nhơn huờn cảm quả, luân hồi vô tế, cố viết phi luận kiếp số.

Ký viết : Kiếp số giả ? Thế giới hữu thành trụ hoại không tứ thời. Mỗi nhất thời, kinh nhị thập tiểu kiếp, tứ thời cộng kinh bát thập cá tiểu kiếp. Nhất tiểu kiếp, cộng kể nhất thiên lục bá bát thập vạn niên. Bát thập cá tiểu kiếp, danh nhất Đại kiếp thông kế nhất thập tam vạn tứ thiên tứ bá vạn niên. Kim nãi, nhơn trụ nhị thập tiểu kiếp trung, cộng kể tam vạn tam thiên lục bá vạn niên. Tư đương đệ cửu tiểu kiếp, thượng dư thập nhất cá tiểu kiếp, quá dĩ tức hoại kiếp thời chí hĩ. Tứ uẩn, vị : thọ, tưởng, hành, thức dã; kỳ lục dục thiên, tức ác thú, tứ thiền thiên, tứ không thiên, cu như hạ thích.

Hai câu trên, nghiệp quả nan đào. Hai câu dưới, sanh tử không cùng tột. Nói ba cõi, đã gồm cõi nhơn, cõi thiên muốn cho văn nghĩa rõ ràng, nên nhiều lần nhạo đi nhạo lại. Ba cõi, tức chúng sanh trong ba cõi. Chỗ gây những nghiệp nhơn hữu lậu lành và dữ, nên mắc quả báo lành và dữ đời sau, nhơn nào quả nấy không hề sai mất, cho nên gọi rằng hữu *(có)*.

Ba cõi là gì ? 1/ Cõi Dục Hữu. 2/ Cõi Sắc Hữu. 3/ Cõi Vô Sắc Hữu. Sao gọi là Dục Hữu ? - Bởi người trời trong cõi Dục giới và chúng sanh trong bốn ác thú. *(Địa ngục, Ngạ quỉ, Súc sanh, A tu la)* đều không khỏi cái lòng dục nhiễm cho nên gọi cõi Dục Hữu. Thế nào là Sắc Hữu ? - Bởi cõi Tứ Thiền Thiên trong cõi Sắc Giới, tuy rằng hết lòng Dục Nhiễm, nhưng mà còn có hình sắc nên gọi là cõi Sắc Hữu. Thế nào cõi Vô Sắc Hữu ? Bởi cõi Trời Tứ Không trong cõi Vô Sắc Giới, thân tứ đại đã bỏ, không có hình sắc như hai cõi trên, nhưng còn bốn uẩn, nên gọi cõi Vô Sắc Hữu. Những chúng sanh ở trong ba cõi đây, đều bởi tạo cái nhơn Hữu Lậu, nên buộc phải chịu cái quả Hữu Vi. Chết sống không thường, song đã là Vô thường thì không thế nào tránh khỏi việc thọ sanh trong ba cõi, cho nên nói "ưng vị miễn chi" *(chưa ai tránh khỏi)*. Quả lại gây nhơn, nhơn lại cảm quả, luân hồi mãi mãi, cho nên nói "Phi luận kiếp số" *(không luận mấy kiếp mấy đời)*.

Lời Ký nói : *Kiếp số là gì ? - Trong thế giới có kiếp Thành, kiếp Trụ, kiếp Hoại, kiếp Không bốn thời kỳ. Mỗi một thời Kỳ có hai mươi tiểu kiếp, cộng bốn thời kỳ có tám mươi tiểu kiếp. Một tiểu kiếp kể một nghìn sáu trăm tám mươi vạn năm. Tám mươi tiểu kiếp, như vậy gọi là một Đại kiếp, kể chung mười ba vạn bốn ngàn bốn trăm vạn năm vậy. Nay người ở trong hai mươi tiểu kiếp của kiếp trụ, cộng kể cả ba vạn nghìn sáu trăm muôn năm. Nay nhằm tiểu kiếp thứ chín, còn mười một tiểu kiếp nữa; khỏi tiếp trụ đây rồi, bước qua thời kỳ kiếp hoại vậy. Bốn uẩn là : Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Còn cõi Lục Dục Thiên, cõi Tứ Ác Thú, cõi Tứ Thiền Thiên, cõi Tứ Không Thiên có giải quyển sau.*

CỬU : SÁCH LỆ KHUYẾN TU

"Cảm thương thán nha, ai tai thiết tâm, khởi khả giảm ngôn, đệ tương cảnh sách".

Thượng nhị cú, cảm thiết. Hạ nhị cú, khuyến miễn. Qui Sơn nhơn đổ mạt pháp truy lưu, tham lợi phế đạo, luân lạc sanh tử cố thử cảm thương ta thán, tình thiết bất nhẫn mặc ngôn, nãi tác thử cảnh sách đệ tương cảnh ngộ sách phát, nhi khuyến lệ chi.

Ký viết : "Nha", ta quái dã. "Giảm", phong dã, "Đệ", truyền đệ dã.

"Sở hận, đồng sanh tượng quý, khử Thánh thời diêu. Phật pháp sanh sơ, nhơn đa giải đãi".

Thượng nhị cú, khái bất ngộ Thánh thế. Hạ nhị cú, khái phát mạt nhơn ngoan. Tượng quý giả ? Quý, tức mạc dã. Cái do Thích Ca Như Lai giáo pháp trụ thế, nhi phân chánh, tượng, mạt, tam thời dã.

Chánh pháp giả ? Chánh, dư chứng dã. Vị, Như Lai diệt độ hậu, sơ nhất thiên niên gian, nhơn hữu bẩm giáo tiện năng tu hành, tức năng chứng quả.

Tượng pháp giả ? Tượng, tợ dã; ngôn hữu giáo hữu hành, tợ chánh Pháp thời dã; Vị Như Lai diệt hậu nhị thiên niên gian, nhơn hữu bẩm giáo tiện năng tu hành, nhi đa bất năng chứng quả.

9) NHẮC NHỞ KHUYÊN TU.

Cảm thương than thở, chua xót cực lòng, đâu nỡ làm thinh, thay nhau răn nhắc.

Hai câu trên, cảm đau. Hai câu dưới, khuyên nhắc. Tổ Qui Sơn nhơn thấy đời mạt pháp các ông Thầy tham lam danh lợi mà bỏ đạo nghiệp, chìm đắm trong đường sanh tử, cho nên ngài đau lòng cảm thương than thở không nỡ nín thinh, mới làm văn cảnh sách này, thay nhau nhắc nhở tỏ ngộ mà khuyên gắng đó.

Lời Ký nói : *Than trách gọi là chữ "Nha". Bịt kín gọi chữ "Giảm". Truyền trao gọi chữ "Đệ".*

Tủi vì chúng ta đồng sanh đời Tượng rốt, cách Phật đã xa, Phật Pháp lơ là, nhiều người giải đãi.

Hai câu trên, than mình không gặp Phật ra đời. Hai câu dưới, thương đời mạt pháp lòng người lung lăng. Đời tượng rốt là gì ? Rốt cũng như sau vậy. Vì sao ? Bởi đức Thích Ca Như Lai, để giáo pháp lại đời, phân ra ba thời kỳ : 1/ Đời chánh pháp. 2/ Đời tượng pháp. 3/ Đời mạt pháp.

Chánh pháp là gì ? - Chữ "*chánh*" cũng như chữ "*chứng*" vậy. Nghĩa là đức Như Lai diệt độ rồi, trong một nghìn năm đầu, có người vâng thọ giáo pháp bèn hay tu hành, liền đặng chứng quả.

Đời Tượng pháp là chi ? Chữ "*Tượng*" cũng như chữ "*Tợ*". Nghĩa là đời Tượng pháp đây cũng có giáo pháp cũng có người tu hành, giống như đời chánh pháp vậy. Nhưng đức Như Lai diệt độ trong hai ngàn năm, có người vâng lãnh giáo pháp cũng hay tu hành mà phần nhiều ít ai chứng quả.

Mạt pháp giả ? Mạt, tức mạt hậu, diệc vi mạt dã, vị Như Lai diệt độ, chánh tượng chi hậu nhất vạn niên gian, giáo pháp thùy thế, nhơn tuy bẩm giáo, nhi bất năng tu hành chứng quả.

Hoặc vân : Mạt pháp hữu tam vạn niên "Qui Sơn", Đường đại xuất thế. Như Lai, diệt độ thùy thiên bát bá niên : cố vân tượng quý. Phục dữ Như Lai, tương khử tương nhị thiên tải, cố viết : "thời diêu". Thời đại diêu cách, truyền pháp đại nhơn tiệm hi, thị viết "sanh sơ". Ký thất lương đạo, hựu đinh mạt kiếp, căn khí hạ liệt, vô hướng thượng chí; cố viết "Giải đãi".

Ký viết : Quý, thứ mạnh trọng chi hậu. Nhược dĩ tượng pháp nhất thiên niên ngôn chi, hậu tam bá niên thuộc "quý". Nhược dĩ, chánh, tượng, mạt tam thời ngôn chi, quý, thị chánh tượng chi hậu thời dã.

Thánh thế giả ? Thị Như Lai tại nhật, hựu chánh pháp thời, diệc danh "Thánh thế".

"Lược thân quảng kiến, dĩ hiểu hậu lai. Nhược bất quyên căng, thành nan luân hoán".

Thượng nhị cú thị, giáo. Hạ nhị cú, giới miễn. Ký hữu sở cảm thương, bất vô ngôn thị dĩ miễn tu trì dã. Lược thân quảng kiến giả ? Lược, du vị quảng; thân vị thân thuật. Quảng kiến, như quảng khuy thiên chi kiến. Thử thị "Qui Sơn" Đại sư chi khiêm từ dã.

Đời mạt pháp là chi ? Chữ "Mạt" tức nghĩa rốt sau, cũng như ngọn ngành vậy, nghĩa là : đức Như Lai diệt độ rồi sau đời chánh, đời tượng, trong một muôn năm, giáo pháp để lại trong đời, cũng có người vâng lãnh giáo pháp, nhưng mà không có thể tu hành chứng quả.

Hoặc có chỗ nói : Đời mạt pháp tới ba nghìn năm Tổ "*Qui Sơn*" ra đời nhằm đời nhà Đường. Đức Như Lai diệt độ gần một nghìn tám trăm năm. Cho nên Ngài nói Ngài ra đời nhằm đời Tượng rốt. Nghĩa là : Tổ Qui Sơn cách đức Như Lai gần hai nghìn năm cho nên ngài nói rằng : Xa đời. Thời đợi cách xa, bực Đại Nhơn truyền pháp lần lần rất ít nên Ngài nói rằng : Phật pháp lơ thơ. Đã không ông "*lương đạo*" lại nhằm đời mạt pháp, căn khí thấp hèn không chí hướng thượng, cho nên nói rằng "*Giải đãi*".

Lời Ký nói rằng : *Rốt sau là chữ "Quí", đầu tiên là chữ "Mạnh", chặng giữa là chữ "Trọng". Bằng lấy một nghìn năm đời tượng pháp mà nói, ba trăm năm sau thuộc về chữ "Quí" - Còn nếu lấy luôn ba thời kỳ của chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp mà nói thời chữ "Quí" ở sau chữ "Chánh" và chữ "Tượng" vậy.*

Thánh thế là gì ? - Là Đức Như Lai Ngài còn tại thế, lại đời chánh pháp, cũng kêu là "Thánh thế".

Lược bày chỗ thấy hẹp, để khuyên bảo kẻ hậu lai. Nếu quí ngài không lo chừa bỏ, thật là khó kéo trở lại.

Hai câu trên, chỉ dạy. Hai câu dưới, răn gắng. Đã có lòng thương xót đâu chẳng khuyên răn, để gắng tu trì vậy. Lược bày chỗ thấy hẹp là sao ? Chữ Lược là nghĩa chưa rộng, chữ Thân là nghĩa tỏ bày. Chỗ thấy hẹp cũng như cái thấy lấy ống dòm trời. Đây là lời khiêm nhường của Tổ "Qui Sơn Đại sư" cái chỗ thấy đạo của ngài rất hẹp, cũng như người lấy ống dòm trời, không thể thấy toàn thể của trời to lớn.

Dĩ hiểu lậu lai giả ? Dĩ thử hiểu dụ hậu học, trưng quá thiên thiện chi vị dã. Nhược bất quyên căng nhị cú, thị kiết thượng khuyến tu chi ngữ. Vị bất địch trừ như thượng ác dục tập nhiễm ngạo mạn, phóng dật chi quá, tắc thiệt nan vãn hồi hĩ.

Ký viết : "Quyên", âm quyên, địch trạc dã, "Trừ" miễn dã. "Căng" âm kinh, kiêu căng tự phụ dã; hựu căng khóa tự sức dã. "Hoán", âm hoán, chuyển dã. "Luân hoán", du vãn hồi dã.

Giới miễn giả ? Linh đoạn chư ác hạnh, nhi miễn tu chúng thiện dã.

QUI SƠN CẢNH SÁCH

CÚ, THÍCH, KÝ

QUYỂN THƯỢNG (CHUNG).

Toại sư vân : Tích văn, hoại vị "Qui Sơn" Thủ Tòa tác tiền thiên, "Qui Sơn" tục thành chi, đản CẢNH SÁCH chi ý, thông đồ vô sảng, bất tất xuyên tạc. Cái chú thích lược kỳ đại cang, đắc ý vong ngôn giả, kỳ nhơn ý hoán nhiên cố bất tại thử.

Kim Uẩn thơ san CẢNH SÁCH cú thích, quyển tuy phân nhị, thứ tắc chuẩn nhất, mật biểu lưỡng dung chi ý dã.

Dạy kẻ hậu lai là sao ? - Nghĩa là Ngài lấy cái chỗ hiểu biết của Ngài dạy kẻ hậu học, bỏ dữ làm lành vậy Hai câu nếu không chừa bỏ sau này thật khó kéo lại đó là lời khuyên tu kết lại văn trên. Ý nói, nếu ta không chừa bỏ những cái lỗi khinh dễ buông lung và tập nhiễm ác dục như trước; thời sau này thật khó kéo lại được.

Lời Ký nói : *"Quyên" âm Quyên giặc rửa vậy. Chữ "Trừ" là nghĩ bỏ vậy. Chữ "căng" âm Kinh là kiêu căng ỷ mình vậy, cũng là khoe khoang nương đỡ mình nữa. Chữ Hoán âm Hoán là nghĩa cải đổi vậy. Chữ "Luân hoán" cũng như ta nói kéo trở lại.*

Răn gắng là gì ? Bỏ hết các hạnh ác mà gắng tu các pháp lành vậy.

BỘ QUI SƠN CẢNH SÁCH

CÚ, THÍCH, KÝ

HẾT QUYỂN HẠ

Ngài Toại Sư nói : Xưa có người nói. Ông Thủ Tọa Qui Sơn làm thiên trước còn ngài Qui Sơn nối thành đó, song ý chỉ CẢNH SÁCH thông suốt không sai lạc là được, bất tất gì phải tìm tòi bươi móc. Bởi lời chú giải lược nơi đại ý thôi, không cần giải rộng, nên sự rõ ràng có chiều kém thiếu, miễn đặng ý quên lời và những người tâm trí sáng suốt tự nhiên hiểu rộng vẫn không cố chấp nơi đây.

Nay ông Nguyên Uẩn biên khắc bộ CẢNH SÁCH cú thích này tuy phân hai quyển, nhưng thứ lớp và phép tắc cũng in như một, thầm bài cái ý dung hòa (Thượng Hạ) cả hai vậy.

QUI SƠN CẢNH SÁCH

QUYỂN HẠ

QUI SƠN CẢNH SÁCH

CÚ - THÍCH - KÝ

QUYỂN HẠ

Việt Đông, Đảnh Hồ sơn, Sa môn Thích Hoằng Tán tại Tham chú Môn Nhơn, Tỳ kheo Khai Quỳnh ký.

NHỊ, THỊ PHÁP TAM :

Nhất, đạo hành. Nhị : Thiền giáo. Tam : kiết khuyết.

NHẤT, ĐẠO HÀNH LỤC :

Nhất, Lập hạnh. Nhị, Trừng giới. Tam, Cầu đạo. Tứ, Trạch hữu. Ngũ, Kết hối. Lục, Tiềm tu.

NHẤT. - LẬP HÀNH.

Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục; thiệu long thánh chưởng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu.

Sơ cú, tiêu tông. Thứ cú, siêu trần. Tam cú nhập Thánh. Tứ cú, kế Thánh. Ngũ cú, hàng ma. Lục cú, báo đức. Thất cú, lợi sanh. Dĩ đức bị, cố năng tồi ác nhi an thiện dã. Phù xuất gia giả ? Xuất gia, hữu nhị : Nhất, xuất thế tục gia, túc ly trần tục, viễn tham tri thức. Nhị xuất phiền não gia, đoạn vọng chứng nhơn, đốn siêu tam hữu. Phát túc siêu phương giả ? Vị tùng sơ phát tâm, tức đương lý tiển đại phương, vật trệ thời lưu tiểu cảnh. Dĩ giai cấp bất tuân nãi viết siêu phương. Tâm hình dị tục giả ? Ngoại tắc viên đảnh phương

BỘ QUI SƠN CẢNH SÁCH

CÚ - THÍCH - KÝ

QUYỂN HẠ

Tỉnh Việt Đông, non Đảnh Hồ Sa môn : Thích Hoằng Tán hiệu tại Thanh chú giải. kẻ Môn nhơn, Tỳ kheo Khai Quýnh làm lời ký,

2, NÊU PHÉP PHÂN LÀM BA :

I) HÀNH ĐẠO II) THIỀN GIÁO

III) KẾT KHUYÊN

I) HÀNH ĐẠO PHÂN LÀM SÁU :

1) LẬP HẠNH. 2) RĂN GẮNG. 3) CẦU ĐẠO.

4) CHỌN BẠN. 5) KẾT LỜI DẠY. 6) ẨN TU

1.- LẬP HẠNH

Tổ Qui Sơn nói : Vả luận người xuất gia, phải đi đến bực Đại Thừa, tâm hình khác tục, nối thạnh dòng Phật, đánh dẹp ma quân, đền trả bốn ơn, cứu giúp ba cõi.

Câu ban đầu nêu tôn chỉ người xuất gia. Câu kế vượt khỏi trần tục. Câu thứ ba thẳng vào bực Thánh. Câu thứ tư nối thạnh dòng Phật. Câu thứ năm đánh dẹp ma quân. Câu thứ sáu trả ơn đức Phật. Câu thứ bảy lợi ích chúng sanh. Do đức đầy đủ nên xô dẹp sự ác, mà an lập pháp lành được vậy. Thế nào là người xuất gia ? - Xuất gia có hai nghĩa : 1) Ra khỏi nhà thế tục, bước chân ra khỏi cảnh trần, xa tìm ông Tri Thức. 2) Ra khỏi nhà phiền não dứt vọng chứng chơn, vượt khỏi ba cõi. Thế nào đi tới bực Đại Thừa ? - Là từ khi mới phát tâm thời phải đi đến bực Đại Thừa, đừng đình trệ theo lối Tiểu thừa và thế gian. Vì không theo thềm bực cho

bào, tướng đồng Như Lai. Nội tắc bội trần hiệp giác, tâm tề Phật huệ. Thiệu long Thánh chưởng giả ? Tục Phật huệ mạng, kế chủng Như Lai, tuyên dương chánh giáo, Tam Bửu do thị hưng sùng. Chấn nhiếp ma quân giả ? Đức cao huệ quảng, tắc quần tà kinh nhiếp; thuyết pháp hoằng đạo, tắc ma đổm chấn lạc. Dụng báo tứ ân giả ? Lập thân hành đạo, dĩ báo thân ân. Đức dinh đạo đại, tự nhiên phước bị tứ ân. Nhứt, quốc vương ân. Nhị, phụ mẫu ân. Tam, sư hữu ân. Tứ : Đàn việt ân. Bạt tế tam hữu giả ? Nhất thiết chúng sanh, đắm hoang ngũ dục, trầm nịch ái hà, thuyết pháp giáo hóa, linh xuất khổ tân, siêu đăng bỉ ngạn.

Ký viết : Nhiếp giả, bố dã, phục dã. Đại phương giả ? Đạo Kinh vân : Đại phương vô ngun, kim tá huống chơn lý vô tế, dĩ sơ xuất gia, tu tiển thiệt tế chi đại lý, vật trệ thời tục, cập tiểu thừa chi khê cảnh dã. Quốc vương thị thủy thổ chi ân, dĩ nhất thiết thủy thổ, giai thuộc quốc vương cố. Hựu mông trị hóa chi lực, vô cương nhược lăng bức chi ưu, nhi đắc an tu đạo nghiệp, ân khởi tiểu tai ?

Phụ mẫu, thị sanh thành dưỡng dục chi ân, như hiều thiên chi võng cực, phục thính gia tu đạo, ân mặc đại diên. Sư hữu ân giả ? Sư hữu sanh trưởng giới thân huệ mạng giáo hối chi ân. Hữu, hữu thiện thành giảng minh khai phát chi đức, ư xuất thế chi ân đức, thục khả tỷ tai. Đàn việt hữu cung cấp chi ân, linh đắc thân an biện đạo, ân phi tiểu dã. Hoặc hữu dĩ Phật thế Sư Hữu vi tứ ân. Bồ Tát dĩ Tam Bửu chúng sanh thế Sư Hữu Đàn việt, vi tứ ân.

nên nói Đại thừa *(siêu phương)*. Tâm hình khác tục là gì ? - Ngoài thời đầu tròn áo vuông tướng đồng đức Như Lai. Trong thời bỏ vọng trần về tánh giác, tâm đồng huệ Phật. Nối thạnh dòng Phật là gì ? - Nối huệ mạng Phật dõi theo đức Như Lai, tỏ bày chánh pháp, ngôi Tam Bảo từ đây hưng thạnh. Thế nào đánh dẹp ma quân ? Đức cao, Huệ rộng thời bọn tà kiếp sợ, thuyết pháp mở Đạo thời bầy ma rớt mặt. Thế nào dùng trả bốn ơn ? - Lập thân hành Đạo đặng trả ơn đức cho song thân. Đức đầy Đạo lớn, tự nhiên phước khắp bốn ơn. 1.- Ơn Quốc Vương. 2.- Ơn Cha Mẹ. 3.- Ơn Sư, Hữu. 4.- Ơn Đàn Việt. Thế nào cứu giúp ba cõi ? - Bởi tất cả chúng sanh đắm mê năm dục, chìm mãi trong biển ái nên ra phải thuyết pháp giáo hóa khiến ra khỏi bến khổ, mau về cõi Phật.

Lời Ký nói : *Chữ "Kiếp" là nghĩ sợ vậy, nép vậy, Đại thừa là gì ? - Cũng như Đạo Tiên nói Đại Phương vậy. Thế nào là Đại Phương ? - Mười phương rộng lớn không bờ không góc. Nay mượn để thí dụ, chơn lý nhà Phật không cùng không tột do người mới xuất gia, phải đi tới chỗ đại lý thật tế đó chớ đừng đình trệ theo lối Tiểu thừa và thời tục vậy. Ơn Quốc Vương là gì ? - Ơn Đất Nước, vì tất cả đất nước đều thuộc về vị Quốc Vương. Lại nhờ cái sức cai trị giáo hóa, khỏi lo cái nạn mạnh hiếp yếu, mà đặng yên tu đạo nghiệp, ơn ấy đâu nhỏ ư ?*

Ơn cha mẹ là sao ? - Cha mẹ có cái ơn lớn sanh thành dưỡng dục như trời cao không cùng, lại cho xuất gia học đạo đâu không lớn ư ? Ơn Sư, Hữu là gì ? - Thầy có cái ơn dạy bảo nuôi lớn giới thân huệ mạng cho ta. "Bạn" có cái đức giúp thành giảng nói mở mang cho ta ; cái ơn Đức ra khỏi đời đó ai sánh được ! Thế nào ơn người Đàn Việt - Người Đàn Việt có cái ơn cung cấp làm cho ta yên thân lo đạo, ơn ấy chẳng phải nhỏ vậy. Có chỗ lấy ơn Phật thế ơn Sư, Hữu đủ số bốn ơn. Còn ông Bồ Tát lấy ơn Tam Bảo, ơn chúng sanh thế ơn Sư Hữu và ơn Đàn Việt làm bốn ơn.

NHỊ. - TRỪNG GIỚI.

"Nhược bất như thử, lạm xí tăng luân"

Thượng cú, vi tu. Hạ cú, hổn pháp. Vị bất như thượng tu lý, hổn nhập pháp chúng, phi tăng phi tục, tội nhược di thiên. Như lư hổn nhập ngưu trung, bì mao tuy tợ, đầu giát bất đồng, nhi minh thinh diệc dị dã.

Ký viết : Lạm, vị phiếm lạm. Xí, vị hổn tạp dã. Hữu ngũ xích chi thân nhi vô trí huệ, Phật vị chi Sĩ tăng. Hữu tam thốn chi thiệt nhi bất năng thuyết pháp, Phật vị chi Á dương tăng. Phi tục phi tăng. Phật vị chi Điểu thử tăng, diệc viết Húc cư sĩ. Phật ngôn : Vân hà tặc nhơn ? Giả ngã y phục, bỉ phiến Như Lai, tạo chủng chủng nghiệp, thử chánh sở vị lạm xí, giả dã.

"Ngôn hạnh hoang sơ, hư triêm tín thí".

Thượng cú, giải hạnh thất. Hạ cú, tín thí thất ngôn hạnh bất thuần, thị viết hoang sơ; vô đức dĩ báo thí giả chi ân, cố viết hư triêm.

"Cổ Triết vân : Đạo đức bất tu, y thực tư phí, thử chi vị diên".

Ký viết : Ngôn, thị ngôn thuyết, tức giải dã. Hạnh tức tu lý. Hoang, thị hoang vu. Sơ, vị Sơ tán, diệc lược dã. Ký vô hạnh giải chi đức, thí bất hoạch phước, thị viết tín thí thất.

2.- RĂN DẠY

Người xuất gia nếu không lập hạnh như đây tức là Ma Quỉ trà trộn (xen lộn) trong hàng chúng tăng.

Câu trên không tu hành. Câu dưới xen lộn trong Phật pháp. Nghĩa là không tu hành như trên đã nói, mà lộn vào trong pháp chúng chẳng phải ông Thầy mà cũng chẳng phải người Tục, tội to bằng trời. Ví như con lừa vào trong bầy trâu, da lông tuy giống, nhưng đầu sừng không đồng mà tiếng kêu cũng khác vậy.

Lời Ký nói : *Chữ "Lam" là nghĩa trà trộn. Chữ "Xí" là nghĩa lộn lạo vậy. Có thân năm thước, mà không trí huệ, Phật gọi là ông "Si Tăng" (ông thầy cõn cõn ngây ngây như mấy anh say rượu). Có lưỡi ba tấc mà thuyết pháp không được Phật nói là ông "Á Dương Tăng"* (Ông Thầy như dê câm), *Tục không phải người tục, mà ông Thầy cũng chẳng phải cách ông Thầy, Phật gọi là ông "Điểu Thử Tăng"* (Ông Thầy chim chuột) *cũng gọi là ông "Húc Cư Sĩ"* (chú Cư Sĩ trọc đầu). *Phật nói : Thế nào là đứa giặc ? - Mượn y phục của Ta, lén bán chánh pháp đức Như Lai, tạo đủ thứ tội, đây chính là đứa giặc xen lộn trong cửa Thiền vậy.*

Lời nói hạnh làm hoang đàng, luống hao của tín thí.

Câu trên thiếu sự hiểu biết và thực hành. Câu dưới ăn hao của tín thí. Lời nói và hạnh làm không hoàn toàn nên gọi "Hoang đàng". Không đức chi đền ơn người thí chủ nên nói luống hao của tín thí.

Vị Cổ Triết nói rằng : "Đạo Đức không tu ăn mặc cũng uổng, là nghĩa đây vậy".

Lời Ký nói : *Chữ Ngôn là lời nói; tức sự hiểu biết vậy. Chữ Hạnh, là nghĩa tu hành. Chữ Hoang, là nghĩa Hoang lung, Chữ Sơ là nghĩa lơ thơ, cũng là sơ lược vậy. Song đã không có đức tu và học, người thí chủ không được phước, nên gọi là tín thí mất* (mất phước).

"Tích niên hành xứ, thốn bộ bất di; hoảng hốt nhất sanh, tương hà bằng thị".

Thượng nhị cú, cựu tập bất vong. Hạ nhị cú, vô thiện khả ký. Tích niên thị cựu thời. Hành xứ, thị tâm chi sở lý chư hoặc tập nhiễm. Thử hữu nhị chủng. Nhất, thị quá khứ vô thỉ chi vô minh. Nhị, thị nhật tiền chi huân tập. Thốn bộ bất di giả ? Vị ư chư tập, tằng vị nhất niệm xả quá tự tân. Hoảng hốt nhất sanh đẳng giả ? Vị vô tiềm thần huyền mặc chi chiếu, chung nhật tâm trục trần cảnh, bất giác ngoạt vãng niên lai vô thiện khả bằng, vô công khả thị.

Đại Trí Luật Sư vân : Truy viễn báo ân. Khí Nho tùng Thích, quát ma cựu tập, tẩy địch thế duyên, tiệt đoạn chúng lưu, bích lập thiên nhẫn, văn chương bút nghiên, bận bả phàn trừ, tuyết nguyệt phong hoa, vô lao trào vịnh, tửu sắc tài khí, cánh mạc hồi đầu, thinh lợi vinh hoa, khởi tu trước nhãn, mạc lưu cuồng vọng. Chánh Pháp kiêu ly, đản dục biến hình, hà thường thiệp Đạo. Tuy vân xả tục, tục tập bất trừ. Tận thuyết xuất Trần, trần duyên bất đoạn, tái thân giảng từ, nghĩ tác Xà Lê. Vị nhập Tòng Lâm, vọng vi Trưởng Lão, tị nịch đầu hỏa, khởi giác manh si, khước bộ cầu tiền, thiệt vi điên đảo.

Ký viết : Hoảng hốt, hôn mông dã.

"Huống nãi đường đường tăng tướng, dung mạo khả quan , giai thị túc thị thiện căn cảm tư dị báo.

Thượng nhị cú, thị hiện tại quả. Hạ nhị cú, minh quả do nhơn chí. Huống nãi giả ? Phát ngữ chi từ. Đường đường Tăng tướng giả ? Đường, dung dã, minh dã. Vị cụ Phật dung nghi, siêu trần độc bộ, nhơn thiên sư tượng nguy nguy Tăng Bảo

Chỗ làm năm trước, tấc bước không dời, lếu láo một đời, lấy chi nương cậy.

Hai câu trên thói cũ không chừa. Hai câu dưới, không lành khá ghi. Năm trước là thuở xưa. Chỗ làm là cái tâm đắm nhiễm theo những cái tập nhiễm mê lầm. Tập nhiễm ấy có hai thứ : 1.- Vô minh từ đời quá khứ vô thỉ. 2.- Là cái huân tập trong đời này. Tấc bước không dời là chi ? - Là nghĩa đối với các việc tập nhiễm mê lầm chưa từng một niệm cải quá tự tân. Thế nào lếu láo một đời ? Là nghĩa không ngắm xét nơi bổn tâm của mình, cả ngày tâm theo cảnh trần, không dè ngày qua tháng lại, không chút lành chi nương cậy không công chi nhờ đặng.

Ông Đại Trí Luật Sư nói : Vói trả ơn xa *(tổ phụ)*. Bỏ Nho theo Phật, cạo gọt thói xưa, rửa sạch duyên đời, dứt bặt các nghề, dựng cao nghìn trượng; văn chương bút nghiên, đều đem đốt ráo, thú vui của Tuyết nguyệt phong hoa, không cần ngâm nga nữa; việc Tửu Sắc Tài Khí, đều chẳng ngó lại, danh lợi vinh hoa không thèm ghé mắt, nhưng mà những bọn mê lầm đời sau đối Chánh pháp lôi thôi chỉ muốn đổi hình, đâu từng nhằm Đạo. Thân ở trong chùa nhà Tâm theo trần tục. Tuy nói rằng xả Tục nhưng mà thói Tục không chừa. Vẫn nói rằng : Ra khỏi Trần nhưng việc duyên trần nào dứt, mới vừa học Đạo tính làm Giáo Thọ, Yết Ma. Chưa vào chốn Tòng Lâm đã mong lên bực Thượng tọa Trưởng Lão, khác nào lánh chỗ chết chìm nhảy vào trong lửa, đâu biết mình mê, đi thụt lùi mà muốn cầu tới trước, thật là điên đảo (ngược ngạo).

Lời Ký nói : *Chữ hoảng hốt là nghĩa mê mang vậy.*

Huống được rở rở tướng ông "Thầy", hình dạng dễ xem, đều nhờ đời trước trồng căn lành nay được quả báo tốt thế.

Hai câu trên là nói Quả hiện tại. Hai câu dưới nói Quả do Nhơn mà có. Huống được là gì ? - Là nói cái lời mở câu chuyện để nói. Thế nào rở rở tướng ông Thầy ? - Rở rở là hình dạng sáng suốt, đủ dung nghi như đức Phật, là một

dã. Dung mạo khả quan giả ? Lục tình thâu nhiếp, ngũ quan vô vọng, oai nghi cụ túc, bất dự thường lưu, kiến giả hân ngưỡng, cố viết khả quan. Giai thị túc thực thiện căn, cảm tư dị báo giả ? Cái do túc thế chủng, thực lương nhơn kim sanh cảm đắc như tư siêu Trần việt Tục chi kỳ báo; khởi bất dị hồ tai !

Ký viết : Ngũ Quan : Vị, khẩu, tĩ, nhĩ, mục hình dã.

"Tiện nghĩ đoan nhiên củng thủ, bất quí thốn âm, sự nghiệp bất cần, công quả vô nhơn khắc tựu".

Thượng nhị cú, tọa táng quang âm. Hạ nhị cú, nhơn vô quả thất. Tiện nghĩ đoan nhiên củng thủ đẳng giả ? Cổ nhơn trọng thốn âm nhi khinh xích bích. Nhất nhật bất tác nhất nhật bất thực : Ngã đẳng hà nhơn đoan nhiên củng thủ, nhi bất tu phước huệ giả hồ ? Sự nghiệp bất cần giả ? Sự nghiệp tức giới định huệ chư thiện hạnh dã. Bất cần, vị vô thắng tấn dã. Hành ký bất cần, công vô năng tựu, nhi phước trí chi quả thất kỳ nhơn hĩ.

Ký viết : Vân Phong thiền sư vân : Kim thời hậu sanh, tài nhập chúng lai, thể bất trích nhất hành, sài bất ban nhất thúc, thập chỉ bất triêm thủy, bá sự bất can hoài. Tuy tắc nhất kỳ khoái lạc, tranh nại tam đồ lụy thân. Quang âm khả tích, thời bất đải nhơn, nhất triêu nhân quang lạc địa, truy điền vô nhất quĩ chi công, thiết vi hữu hảm bá hình chi thống.

Nễ Pháp Sư vân : Đoan củng vô vi, an nhàn bất dịch, từ hành kim địa, cao tọa hoa đường, thân thượng y nhi khẩu trung thực, khởi dị tiêu hồ. Viên khước đảnh nhi phương khước bào, vi hà sự dã ? Ca sa hạ thất khước nhơn thân, thiệt vi khổ dã. Nê lê lý thọ chư dị báo khả vị khuất diên !

bực Siêu Trần, vị sư tượng cối Nhơn Thiên vòi vọi ngôi Tăng Bảo vậy. Dung mạo dễ xem là chi ? - Bởi sáu tình thu nhiếp, năm quan không vọng, oai nghi toàn vẹn, vượt khỏi hạng thường ai thấy cũng bất vui mừng và kính mến, cho nên nói hình dạng dễ xem. Thế nào là trước trồng căn lành nay cảm báo tốt đây ? - Bởi do đời trước gieo trồng nhơn lành, đời nay cảm được báo tốt siêu trần vượt tục như thế; đâu chẳng quí lắm ư ?

Lời Ký nói : *Năm quan là gì ? - 1/ Mắt. 2/ Tai. 3/ Mũi. 4/ Miệng. 5/ Thân hình.*

Lại toan ngồi sửng khoanh tay, chẳng tiếc tấc bóng, sự nghiệp chẳng cần, công quả nhờ đâu nên đặng.

Hai câu trên, ngồi hao tấc bóng. Hai câu dưới, nhơn không quả mất. Thế nào ngồi sửng khoảnh tay ? - Người xưa quí trọng tấc bóng, mà khinh viên ngọc một thước. Tổ Bá Trượng nói : Một ngày không làm, thời một ngày không ăn. Coi như Tổ còn nói thế, chúng ta là người bực nào ngồi sửng khoanh tay mà không lo tu phước huệ ấy ư ? Sự nghiệp chẳng cần là sao ? - Sự nghiệp tức là tu "Giới, Định, Huệ" và các hạnh lành khác nữa. Chẳng cần là nghĩa không tấn tới vậy. Hạnh làm chẳng cần công nhờ đâu nên đặng, mà quả phước trí đã mất cái nhơn kia rồi.

Lời Ký nói : *Ngài Vân Phong thiền sư nói : Kẻ hậu sanh đời bây giờ mới đến nhập chúng, rau chẳng hái một ngọn, củi chẳng quơ một bó, mười ngón tay chẳng thấm vào nước, trăm việc chẳng để lòng. Tuy vui trong một thời kỳ, đâu có biết ba đường khổ thân Tấc bóng đáng tiếc giờ phút chẳng đợi người, một mai nhắm mắt đi rồi, phần trong chùa không có cái công một giỏ, trong ngục Thiết Vi nào khỏi mắc cái khổ trăm hình.*

Ngài Nể Pháp Sư nói : *Thong thả không làm, rảnh rang không việc, húng hính cảnh sang, ngồi cao nhà tốt trên thân mặc áo, trong miệng ăn cơm, dể gì tiêu của tín thí ư ? Đầu cạo cho tròn, áo mặc cho vuông mà không tu Phước Huệ, vậy chớ ở trong chùa làm việc chi đó. Một mai cởi áo "Ca Sa" lui mất thân người, thật là khổ vậy. Trong ngục "Nê Lê" chịu đủ cực hình rất là ghê gớm !!*

"Khởi khả nhất sanh khống quá, ức diệc lai nghiệp vô bi".

Thượng cú, nhơn thất. Hạ cú, quả thất. Bất tu phước huệ thị vi khống quá. Khởi vi kim sanh khống quá, vô hữu sở đắc, nhiên diệc tương lai hạnh nghiệp vô sở bổ ích dã.

Ký viết : Tương lai giả, hậu lai dã.

TAM.- CẦU ĐẠO.

"Từ thân quyết chí phi truy, ý dục đẳng siêu hà sở, hiểu tịch tư thổn, khởi khả thiên diên quá thời".

Sơ cú, chương bổn. Thứ cú, trưng vấn. Hậu nhị cú, tư bổn mộ đạo. Từ thân quyết chí phi truy giả ? Phát dõng mãnh tâm, nhi từ song thân, lập quyết định chí, nhi nhập đại đạo dã. Ý dục giả ? Tâm sở hi vọng dã. Đẳng siêu hà sở giả ? Vị siêu hà giai cấp, đẳng hà, Phật Tổ dã. Hiểu tịch tư thổn đẳng giả, Tâm địa vị minh, sanh tử hô hấp, tịnh địa lý tư lương, ninh bất trước mang, nhi khả thiên diên quá thời, hư độ quang âm giả tai ?

Ký viết : Đốn ngộ, tức siêu giai, tình vong, tức đẳng Phật.

BỬU LÂM truyện vân : Dương Huyền Chi vấn Đạt Ma vân : Tây Quốc tương thùa xưng tổ giả, hà nghĩa ? Ma viết : Minh Phật tâm tông hạnh giải tương ưng, danh vi Tổ Sư. Truy, âm chí, thị hắc cám sắc, tức hoại sắc y. Nãi Sa môn sở trước chí phục, phi ngũ đại sắc dã. Cám giả, thanh hàm xích dã.

Không những một đời luống qua, chính đời sau cũng không ích.

Câu trên, mất Nhơn lành. Câu dưới mất Quả tốt. Không tu Phước Huệ gọi là luống qua. Không những đời nay luống qua không có đặng chi, song Hạnh Nghiệp đời sau cũng là vô ích nữa.

Lời Ký nói : *Chữ Tương Lai là nghĩa đời sau vậy.*

3.- CẦU ĐẠO

Từ nghĩa song thân quyết chí đi tu, ý muốn sánh lên bực nào, ngày đêm lo xét, đâu nên dần dà qua buổi.

Câu đầu, nêu cội gốc. Câu kế, hỏi gạn. Hai câu sau lo bổn phận mến Đạo. Từ thân quyết chí đi tu là gì ? - Phát tâm dõng mãnh mà từ tạ song thân, lập cái chí quyết định mà vào Đạo cao thượng vậy. Ý muốn là gì ? - Tâm hy vọng vậy. Sánh lên bực nào ? - Là nghĩa muốn vượt lên thềm bực nào, so sánh với vị Phật Tổ nào vậy. Ngày đêm lo nghĩ, mà lo nghĩ những chi ? - Bởi ta học Đạo mà tâm địa chưa tỏ, việc sống chết ở trong hô hấp, ta phải ngồi trong chỗ vắng vẻ nghĩ xét, đâu chẳng gấp lo, nỡ để dần dà qua buổi luống hao ngày đêm hay sao ?

Lời Ký nói : *Kẻ tỏ ngộ tức người đã vượt khỏi thềm bực. Vọng tình bỏ hết, tức đồng với đức Phật.*

Trong truyện BỬU LÂM nói ; Ông Dương Huyền Chi hỏi đức Đạt Ma rằng : "Bên nước Tây Trúc nối nhau xưng Tổ đó là nghĩa làm sao ? Đức Đạt Ma trả lời : Người rõ được tâm tôn của Phật, chỗ hiểu chỗ làm in như Phật, kêu người đó là vị Tổ Sư. Chữ "Truy" âm "Chuy" là cái màu đen sắc nâu, tức cái áo màu hoại sắc vậy. Chính cái áo của thầy Sa Môn chớ không phải năm sắc chính như màu sắc của Thế Gian mặc. Chữ "Cám" là màu xanh có hàm màu đỏ, cũng kêu là màu hoại sắc vậy.

"Tâm kỳ Phật pháp đống lương, dụng tác hậu lai qui cảnh, thường dĩ như thử, vị năng thiểu phận tương ưng".

Thượng nhị cú, lập nguyện thùy phạm. Tam cú, chí nguyện hằng tồn. Tứ cú, hạnh giải vị bị. Hựu tam cú, thị túng. Tứ cú, thị đoạt. Tâm kỳ Phật pháp đống lương giả ? Phát tâm lập nguyện, hà trì Như Lai chánh pháp. Dụng tác hậu lai qui cảnh giả ? Thùy phạm lai học, qui cảnh tức sư phạm nghĩa. Dĩ qui, năng bốc tri khứ lai chi sự. Cảnh năng giám chiếu hiện tiền mỹ ố.

Thường dĩ như thử giả ? Chí nguyện bất vong dã. Vị năng thiểu phận tương ưng giả. Tuy cụ chí nguyện, nhi hạnh giải vị bị, tất tu hạnh giải tương xứng, nguyện thỉ bất hư.

Nhược hữu hạnh vô nguyện, kỳ hạnh tức cô. Hữu nguyện vô hạnh, kỳ nguyện tất hư. Hạnh nguyện song toàn, thỉ viết tương ưng.

Ký viết : Ốc tích trụ viết đống, phụ đống viết lương, giai năng hà phụ đường ốc chi vị, kim tá ngôn sư tượng, năng vi pháp môn đống lương, dĩ Phật pháp nhị bửu, giai tạ tăng hoằng; Cố viết : Nhơn năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhơn thị dã.

Tâm muốn làm nên cột rường Phật pháp đặng làm phép tắc đời sau, thường muốn như vậy, nhưng chưa được chút phần in nhau.

Hai câu trên, lập nguyện để làm phép tắc cho kẻ Hậu lai. Câu thứ ba, chí nguyện hằng giữ. Câu thứ tư, chỗ làm chỗ hiểu chưa đủ. Lại câu thứ ba là mở ra. Câu thứ tư là kết lại. Tâm muốn làm nên cột rường Phật pháp là gì ? - Phát tâm lập nguyện gánh vác Chánh Pháp đức Như Lai. Thế nào là phép tắc cho kẻ Hậu Lai ? - Để phép tắc lại cho kẻ học lớp sau. Tiếng nói phép tắc theo chữ Hán thời nói chữ Qui Cảnh; song dù nói phép tắc hay Qui Cảnh cũng đồng một nghĩa : Sư Phạm. Chữ Qui là gì ? - Qui là nghĩa vỏ rùa, hồi xưa lấy vỏ rùa bói xủ để biết việc quá khứ, vị lai. Chữ cảnh là nghĩa gì ? Chữ cảnh là nghĩa tấm gương. Người ta lấy gương soi rọi, thấy hình tốt xấu trước mặt. Nay mượn hai vật nầy mà thí dụ, cái nghĩa Sư Phạm, là ông Thầy làm phép tắc cho kẻ tương lai.

Thế nào gọi thường muốn vậy ? - Nói chí nguyện mình không quên vậy. Chưa hay chút phần in nhau là gì ? - Tuy có chí nguyện như thế, nhưng mà chỗ làm chỗ hiểu chưa xong, cần phải làm và hiểu xứng nhau, thời chí nguyện mới không luống uổng.

Nếu có hạnh làm, mà không chí nguyện thời Hạnh kia phải trơ trọi. Bằng có chí nguyện mà không thực hành, thời Nguyện nọ cũng luống uổng. Nên Hạnh nguyện đi đôi mới kêu là phải lẽ.

Lời Ký nói : *Cây đỡ sườn nhà; gọi là cây đống. Cây đội cây đống gọi là cây lương. Song dù đống hay lương cũng đồng một nghĩa chống đỡ nóc nhà làm ngôi đứng vững khỏi sập mà thôi. Nay mượn hai cây nầy để ví dụ vị Sư tượng, hay làm cột rường trong Phật pháp, chống đỡ Chánh pháp của đức Phật, bởi do Phật và Pháp hai ngôi đều nhờ ngôi Tăng Bảo hoằng hóa cho nên có câu : Người hay mở Đạo chớ chẳng phải Đạo mở người là vậy.*

"Xuất ngôn, tu thiệp ư điển chương, đàm thuyết nãi bàng ư kê cổ, hình nghi đỉnh đặc, ý khí cao nhàn".

Thượng nhị cú, ngôn thuyết hữu bổn; Hạ nhị cú, thân tâm siêu trác, vị ngôn tu hiệp điển. Đàm yếu tông cổ, bất khả ức kiến, như đồng ma thuyết. Nhiên giải bị, tắc ngôn thuyết vô mậu. Hạnh sung, nãi đỉnh đặc cao nhàn. Hựu nội uẩn bát nhã, tâm nhàn nhứt cảnh, danh lợi thinh sắc mạc năng động kỳ chí, hằng dĩ đạo tự xử, cố viết : Ý khí cao nhàn; ngoại cụ đức tướng, bất dự phàm lưu, siêu quần bạt tụ y, thị vi "hình nghi đỉnh đặc".

Ký viết : Cao tăng "Pháp An", thị kỳ nhơn dã. An thân trường bát xích, hữu tam tuyệt : nhứt phong nghi đỉnh đặc, nhị giải nghĩa cùng thâm, tam tinh tấn khiết kỷ.

Cảnh Đức Vân Pháp sư viết : Du tam tạng chi giáo hải, ngoạn lục kinh chư từ lâm, ngôn bất vọng đàm, ngữ hữu điển cứ, thử chỉ vị diên Điển, vị điển tịch, tức chư kinh luật dã. Chương vị chương chú, tức giải, thích kinh luật chi ngữ dã. Bàng, vị cận bàng. Kê, vị kê khảo. Cổ, vị Cổ đức chi ngôn cú dã.

TỨ .- TRẠCH HỮU.

"Viễn hành yếu dã lương bằng sát sát thanh ư nhĩ mục; trụ chỉ tất tu trạch bạn, thời thời văn ư vị văn. Cố vân : Sanh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả bằng hữu".

Thượng nhị cú, hành tạ hữu ích, Thứ nhị cú, cư tu bạn lợi. Hậu nhị cú, sanh thành chi đức. Vị hành yếu lương bằng, sát dĩ lợi ích chi ngôn thanh ư nhĩ mục. Cư tu thiện bạn, thời dĩ vị sở văn pháp nhi linh văn chi. Nhĩ mục Thanh, tắc kiến địa

Buông lời phải nhằm Kinh Luật, luận nói nên bắt chước bực Thánh Hiền, hình nghi vững vàng, lòng dạ cao rảnh.

Hai câu trên lời nói có căn cội. Hai câu dưới thân tâm cao vọt nghĩa là nói phải nói cho nhằm Kinh Điển. Luận thời luận cho trúng Tôn Chỉ Thánh Hiền, chớ đừng đem lời ức thuyết của ta đồng với lời tà ma ngoại đạo. Song chỗ hiểu đầy đủ thời lời nói không sai lầm. Hạnh làm đúng đắn thời ý chỉ vững vàng cao rảnh. Lại trong đầy đủ trí Bát Nhã, Tâm nhàn một cảnh; Danh, Lợi, Thinh, Sắc không thể động chí kia, thường lấy Đạo Đức sửa mình cho nên nói câu : Lòng dạ cao rảnh ngoài đủ đức tướng như Phật vượt khỏi hạng phàm lưu tột chúng hơn người thế gọi là : "*Hình Nghi vững vàng*".

Lời Ký nói : *Bực Cao tăng như ông "Pháp An" là người đúng đắn kia vậy. Ông "An" thân cao tám thước, có ba món tuyệt vời không ai bì kịp : 1/ Phong Nghi vững vàng. 2/ Hiểu sâu nghĩa lý. 3/ Tinh tấn sạch mình. Ông Cảnh Đức Vân Pháp Sư nói : Khắp xem giáo hải ba tạng, đọc suốt rừng văn sáu Kinh. Bằng khi bàn nói không bao giờ nói lạc đề, lời nói nào cũng có điển cứ, là nghĩa đây vậy. Điển là sách vở, tức những Kinh Luật luận vậy. Chữ Chương là nghĩa bài chú, tức những lời giải thích trong Kinh trong Luật và Luận. Chữ Bàn là nghĩa nương gần. Chữ Kê là nghĩa tra xét. Chữ Cổ là câu nói của bực Cổ Đức vậy.*

4.- CHỌN BẠN :

Đi xa cần nương bạn lành, thường thường trông nom tai mắt, ở đâu cũng phải chọn bạn, mỗi giờ nghe được những lời chưa nghe. Cho nên có câu : "Sanh ta nhờ Cha Mẹ, nên ta nhờ bạn lành".

Hai câu trên : Đi xa nhờ người bạn có ích. Hai câu kế, ở đâu cần nương người bạn có lợi. Hai câu sau, nhờ đức Cha Mẹ sanh thân ta, bạn lành làm nên cho ta. Đi xa, cần nương bạn lành, thường dùng lời lợi ích và tai mắt trông nom. Ở đâu cũng nương bạn lành, thường đem những chuyện chưa

chánh; văn vị văn, tắc thắng giải sanh; giải sanh, tắc ngộ nhập vô sanh. Kiến chánh, tắc bất thọ cừ man. Thị cố phụ mẫu hữu sanh thân chi ân, sư hữu hữu thành lập chi đức. Sở dĩ văn tư ngộ nhập, thành trưởng pháp thân, thiệt do sự hữu chi lực dã.

Ký viết : Dả giả, ta dã. Lương bằng giả, thiện hữu dã. Hựu đồng môn viết bằng, đồng chí tương giao viết hữu. Trạch bạn giả ? GIA NGỮ vân : "Quân tử cư tất trạch chúng, du tất trạch phương".

VĂN TRUNG LỄ NHẠC vân : Quân tử tiên trạch nhi hậu giao, cố quả vưu. Tiểu nhơn tiên giao nhi hậu trạch, cố đa oán. Nhược trạch kỳ thiện giả nhi trùng chi, kiến hiền nhi tư tề chi, thị vi thiện trạch ích hữu.

NHƯ XA DUYÊN MINH vân : Tà sư, ác hữu, úy nhược lang hổ, Thiện đạo lương bằng, thân như phụ mẫu, đê tâm tợ địa, giảm khẩu như ngu, tồi tóa ngã nhơn, tiêu đình ý khí.

Vĩnh Gia vân : Bác vấn tiên tri, quyết trạch chi thứ, như lý khinh băng, tất tu trắc nhĩ mục nhi phụng Huyền âm. Túc tình trần nhi thưởng u trí, vong ngôn yến chỉ, trạc lự xan vi, tịch dị triêu tuân, bất lam tư phát. Như thị tắc, nãi khả tiềm hình sơn cốc, tịch lụy tuyệt quần tai !

"Thân phụ thiện giả, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận".

Thượng cú, thị thân hiện. Hạ tam cú, dụ thiện ích. Thân phụ, du thân cận dã. Thiện giả, nãi thiện tri thức chư lương bằng giả. Vụ lộ, dụ thiện hữu. Hành, dụ thân phụ. Bất thấp y, dụ vị chứng. Hữu nhuận, dụ thiện ích. Vị thân cận

nghe mà nói cho ta nghe. Tai mắt trông nom, thời chỗ thấy được chơn chánh. Nghe lời chưa nghe, thời thêm sanh Trí Huệ. Trí Huệ sanh thời ngộ vào lý Vô Sanh. Chỗ thấy chánh thời khỏi bị người gạt gấm. Cho nên nói : Cha Mẹ có ơn sanh thân ta, thầy bạn có đức làm nên ta. Sở dĩ nghe nhớ ngộ nhập thêm lớp Pháp thân, thực nhờ ơn lực Thầy Bạn vậy.

Lời Ký nói : *Chữ Giả, là nghĩa nhờ cậy. Chữ Bằng hữu, là bạn lành. Lại bạn đồng đạo gọi chữ Bằng. Bạn đồng chí kết nhau gọi chữ Hữu. Chọn bạn là gì ? - Sách GIA NGỮ nói : "Người Quân tử ở phải lựa người, đi phải lựa phương". Sách VĂN TRUNG LỄ NHẠC nói : Người Quân tử trước lựa mà sau kết, cho nên ít lỗi. Đứa Tiểu Nhơn trước kết mà sau mới lựa, cho nên nhiều oán thù. Biết lựa bạn lành mà theo đó, thấy người Hiền mà lo cho bằng đó thế là khéo lựa bạn lành có ích.*

Như bộ XẢ DUYÊN MINH nói : "Thầy tà, bạn ác, sợ như cọp sói. Thầy hay Bạn lành thương như Cha mẹ, thấp lòng như đất, ngậm miệng như câm, bẻ dẹp thói nhơn ngã, bặt đứt tâm cường ngạnh".

Ngài Vĩnh Gia nói : Rộng hỏi bực Tiên Tri, sau khi lựa quyết chín chắn lóng thần như đi trên giá mỏng, cần phải nghiêng tai ghé mắt mà vâng lãnh lời mầu. Dẹp tình trần mà xét lý Đạo, quên lời Tục, nhận ý mầu, dứt niệm lự, tỏ nghĩa cao sâu, tối lo sáng hỏi, không sai mảy tóc. Được như vậy mới đáng là dứt trần lụy, lánh đông người, ẩn mình trong góc núi.

Nương gần người bạn lành như đi trong sương móc; tuy không ướt áo, nhưng mỗi giờ có thấm nhuần.

Câu trên là nương gần Bạn lành. Ba câu dưới dụ người Bạn lành có ích. Nương gần cũng như gần gũi. Bạn lành là ông Thiện tri thức và các Bạn lành vậy. Sương móc dụ bạn lành. Đi, dụ nương gần, Không ướt áo dụ mình chưa chứng. Có thấm nhuần, dụ Bạn lành có ích. Thế nào nương gần

thiện giả ? Tuy bất lập chứng vô sanh, nhi triêu văn tịch ích, túc dĩ nhuận trạch tâm điền.

Như BỔN HẠNH kinh, Phật thuyết kệ viết : Nhược hữu thủ chấp trầm thủy hương, cập dĩ xạ hương, hoát hương đẳng; tu du chấp trì hương tự nhiễm, thân phụ thiện hữu diệc phục nhiên. Nhược nhơn thân cận thiện tri thức, tùy thuận bỉ đẳng sở nghiệp hạnh; tuy bất hiện chứng thế gian lợi, vị lai đương đắc tận khổ nhơn. Hựu dữ thiện sư tương trị giả, đắc miễn chúng khổ; dữ ác sư tương trị giả, tắc tập ác sự, bất ly chúng họa. Thị ngữ hậu thế chi nhơn, bất khả bất thận.

Ký viết : Bằng hữu tương tư, viết lệ trạch, vị bỉ thử giao nhuận, du võ trạch dã. TÔNG CẢNH vân : Tuy hữu thế trí, nhược vô thắng hữu thường mê đạo cố, vị năng tự ngộ, yếu tu lương hữu dã. Thiện tri thức giả ? Văn danh, vi trì, kiến hình vi thức. Thị nhơn ích ngã Bồ đề chi đạo, danh thiện tri thức. Ác sư giả ? Như Hà Bắc không nhơn vô cấm trớc xà, A lê Tra tỳ kheo đẳng, thị dã.

"Áp tập ác giả, trưởng ác tri kiến, hiểu tịch tạo ác, tức mục giao báo, một hậu trầm luân, nhất thất nhơn thân, vạn kiếp bất phục".

Thượng cú, cận ác. Hạ lục cú, minh ác quá thất. Hựu đệ nhị cú, thị ác kiến. Đệ tam cú, thị ác nhơn. Đệ tứ cú, thị hiện báo. Đệ ngũ cú, thị sanh báo. Đệ thất cú, thị hậu báo. Áp tập giả ? Thân cận huân tập dã. Ác giả ? Tức ác tri thức bất thiện chi hựu dã. Trưởng ác tri kiến giả ? Do bị huân cố, tăng trưởng ác giác bất chánh tri kiến.

bạn lành ? Tuy không liền chứng quả Vô Sanh; mai nghe chiều lợi ích, đủ dùng thấm nhuần tâm thần vậy.

Như trong BỐN HẠNH kinh, Phật nói bài kệ rằng : Vả như có người, tay cầm vị Trầm Thủy Hương và vị Xạ Hương, vị Hoát Hương v.v... Cầm nắm trong giây lát các hương thơm kia tự thấm trong tay, gần nương bạn lành cũng lại như thế. Nếu người nương gần ông Thiện tri thức, thuận theo nết na của ông mà tu hành; hiện đời tuy không liền được sự lợi ích, nhưng đời sau cũng được các nhơn hết khổ. Lại nữa, hễ người nào gặp được Thầy lành đặng khỏi các khổ; còn ai gặp nhằm Thầy ác phải bị huân tập việc ác, không khỏi các họa. Nêu lời đây để dạy bảo những người đời sau chẳng khá chẳng cẩn thận ?!

Lời Ký nói : *Bậu bạn giúp nhau gọi chữ Lệ trạch nghĩa là kia đây giao nhuần cũng như mưa thấm ướt vậy. Bộ TÔN KÍNH nói : Tuy người có thế trí khôn ngoan, nhưng không bạn lành thời thường quên Đạo Chánh, không thể tự ngộ, nên phải nhờ bạn lành vậy. Thế nào Thiện tri thức ? - Nghe tên gọi là Tri, thấy hình gọi là Thức. Người nầy, giúp cho ta nên đạo Bồ Đề gọi là ông Thiện tri thức. Thế nào là ông Ác tri thức ? - Như kẻ Không Nhơn đất Hà Bắc không giữ giới cấm bắt rắn, tức ông A Lê Tra tỳ kheo vân vân phải vậy.* (Không Nhơn : Người chấp không, không nhơn, không quả. Ông A Lê Tra tỳ kheo là người rất thông minh của phái Ngoại đạo. Ngoại đạo sai ông đi xuất gia để phá hoại Phật pháp, cho nên gọi ông là ông "*Ác Tỳ kheo*")

Quen gần người ác, thêm chỗ tri kiến ác, sớm tối làm ác, mắc báo trước mặt, chết rồi trầm luân, một phen mất thân người, muôn kiếp không trở lại.

Câu trên gần người ác. Sáu câu dưới nói tội lỗi của sự ác. Lại câu thứ hai là chỗ thấy ác. Câu thứ ba là tạo nhơn ác. Câu thứ tư là quả báo hiện đời. Câu thứ năm quả báo đời sau. Câu thứ bảy là quả báo đời sau và đời sau. Quen gần là gì ? - Lân la huân tập vậy. Người ác là ai ? - Là bạn không lành tức ông Ác tri Thức vậy. Thêm chỗ tri kiến ác là sao ? - Do bị bạn ác huân tập thêm nhiều tư tưởng ác vậy.Chỗ thấy không chơn chánh.

Cố kinh vân : "Vô tri vô thiện thức, ác hữu tổn chánh hạnh tri, thù lạc nhủ trung, thị nhủ chuyển thành độc". Hiểu tịch tạo ác giả ? Kiến ký bất chánh, chung nhật duy tạo bất thiện chi nghiệp. Tức mục giao báo giả ? Nghiệp nhơn dĩ tích, ác quả tư chí; nhơn quả bất vong, cố tức mục tiền giao báo. Một hậu trầm luân giả ? Tử đọa tam đồ dã, như Phật sở thuyết : "Nhược nhơn thân cận ác tri thức, hiện thế bất đắc hảo danh xưng, tất dĩ ác hữu tương thân cận đương lai diệc đọa A tỳ ngục".

Nhất thất nhơn thân giả ? Tùng thử thất khước nhơn đạo dã. Vạn kiếp bất phục giả ? Ác nhơn phi nhất, ác quả nan tận : cố đắc nhơn thân như trảo thượng thổ, đọa lạc tam đồ du đại địa nê. Đắc nhơn thân giả ? Như qui trị huyệt, khả bất gian tai !

Ký viết : Hiện báo giả ? Kinh sanh tác thiện tác ác, tức kim sanh hiện thọ kỳ báo. Sanh báo giả ? Kim sanh sở tác thiện ác, lai sanh phương báo. Hậu báo giả, Kim sanh sở tác thiện ác, lai sanh vị báo, ư hậu hậu sanh nải chí bá kiếp thiên sanh phương báo.

Nghiệp nhơn, tác tam độc, thập ác do thử nhơn cố, tiện cảm đương lai Địa ngục, Ngạ quỉ, Súc sanh ác quả dã. Địa Ngục nhật trường, thọ mạng nan tận. Tội nhược vị tất, thử giới hoại thời, phục ký tha phương. Địa Ngục tội báo nhược tận, cánh sanh ngạ quỉ, thọ diệc vô cùng. Phục sanh, súc sanh ngưu mã cầm thú ngư biếc đẳng hình, thọ thân phi nhất; cố vân, vạn kiếp nan phục.

Trị huyệt giả ? KINH, thí nhơn thân nan đắc; như cự hải nội hữu nhất tra huyệt, tùy phong đông tây : Hải

Cho nên trong kinh nói : "Ta không biết Đạo Đức mà không gần Thiện tri thức, thời bạn ác nó làm hư hạnh tốt của ta, cũng như con nhền nhện sa trong chén sữa ngon, sữa ấy trở thành thuốc độc". Sớm tối làm ác là gì ? - Chỗ thấy đã không chơn chánh, trọn ngày cứ tạo những nghiệp không lành. Thế nào mắc báo trước mặt ? - Bởi nghiệp nhơn đã chứa thời quả ác liền đến, nhơn quả chẳng mất, cho nên nói mắc báo trước mặt. Thế nào chết rồi bị trầm luân ? Nghĩa là chết rồi sa đọa trong ba đường, như lời Phật ngài nói : "Nếu người nương gần ông Ác tri thức, đương thời chẳng đặng danh tiếng tốt, nếu cứ lân la với bạn ác đời sau cũng đọa trong ngục A Tỳ". Một phen mất thân người là sao ? - Là nghĩa từ đây lui mất cái đạo làm người vậy. Thế nào muôn kiếp không trở lại ? - Bởi tạo nhơn ác rất nhiều, nên quả ác khó hết : cho nên đặng thân người rất ít cũng như đất dính đầu móng tay, còn đọa lạc trong ba đường rất nhiều cũng như đất cả quả địa cầu. Thân người khó đặng ? Như rùa mù mong gặp bọng cây dâu chẳng khó ư !

Lời Ký nói : *Quả báo hiện đời là sao ? - Nghĩa là đời nay làm lành làm ác, thời liền chịu quả báo trong đời nay. Quả báo đời sau là sao ? - Nghĩa là đời nay làm lành làm ác, đời sau mới chịu quả báo. Thế nào chịu quả báo đời sau và đời sau nữa ? - Nghĩa là đời nay làm lành làm ác, đời sau chưa trả báo, qua đời sau và đời sau nữa, nhẫn đến trăm kiếp nghìn đời mới chịu quả báo.*

Nghiệp nhơn là gì ? - Tức là cái nhơn Tam độc và Thập ác vậy. Bởi do cái nhơn đây, nên cảm quả ác Địa ngục, Ngạ quỉ và súc sanh đời sau vậy. Địa ngục ngày dài, mạng sống không cùng. Nếu tội chưa hết, ngục nầy hư rồi giam qua ngục khác. Tội báo Địa ngục nếu hết, lại sanh trong loài Ngạ quỉ sống lâu cũng không cùng. Lại sanh trong loài Súc sanh làm trâu, ngựa, cầm thú, cá trạnh, các hình, thọ thân đủ thứ; cho nên nói, muôn kiếp khó trở lại.

Thế nào rùa mù gặp bọng cây ? Trong KINH ví dụ thân người khó đặng, như trong biển cả có một bọng cây, theo gió

trung hữu nhất manh qui quá nhất bá niên nhất cử đầu, dục xuyên tra huyệt, hải ký vô nhai, mộc tùy phong phiêu, qui phục vô mục. Bá niên nhất xuất nhi dục trị chi, khởi khả đắc tai !

Tra, âm trà, thủy trung phù mộc dả.

NGŨ.- KIẾT HỐI

"Trung ngôn nghịch nhĩ, khởi bất minh tâm giả tai."

Thượng cú, thị hối. Hạ cú, khuyến trì. Cổ vân : "Khổ khẩu chánh thị lương dược, nghịch nhĩ tất thị trung ngôn". Đại sư như thử bà tâm khích thiết, thiết thạch nhơn giả hạn lưu; kỳ hữu huyết tánh giả, khả bất đại sanh tàm quí, minh khắc tâm phủ, vi chung thân qui giám tai.

LỤC.- TIỀM TU

"Tiện năng tháo tâm dục đức, hối tích thao danh; uẩn tố tinh thần, huyên hiêu chỉ tuyệt".

Thượng nhị cú, nội trạc ngoại hối. Hạ nhị cú, nội uẩn ngoại tuyệt. Phù dục tịnh tâm bồi đức, tất tu độn tích khôi danh; uẩn khiết trừng thần, phi huyên hiêu chỉ tuyệt mạc năng. Tháo tâm, tắc hoặc tập tiện trừ. Dục đức nhi đạo tự cao.

Tinh thần uẩn, tắc lục căn đạm nhiên. Huyên hiêu tuyệt, tắc tịch lự ninh thần. Danh tích hối nhi nhơn thần mạc trắc. Thủy biên lâm hạ, trưởng dưỡng thánh thai, tư chỉ vị dư !

thổi qua phía Đông, phía Tây, cây ấy cũng theo gió trôi qua phía Đông phía Tây. Trong biển có một con rùa mù, qua một trăm trăm, một phen cất đầu, muốn chun vào bọng cây ấy, nhưng biển kia đã không bờ mé, cây nọ thì trôi theo gió, còn rùa lại không con mắt. Vả lại một trăm năm cất đầu một lần mà muốn cho gặp bọng cây đó, đâu dễ gì gặp ư ?!

Chữ Tra âm trà là nghĩa cây nổi giữa biển vậy.

5.- KẾT LỜI DẠY

Lời ngay trái tai, đâu chẳng ghi lòng ấy ư ?!

Câu trên, nêu lời dạy. Câu dưới biểu phải giữ gìn. Người xưa nói : "Thuốc đắng miệng, chính là thuốc hay, lời trái tai mới thực là lời ngay". Cái tâm thương xót nhắc nhở của Đại Sư như thế, dù người sắt đá cũng đổ mồ hôi; huống chúng ta là người có tánh biết, lẽ nào chẳng rất sanh tâm hổ thẹn, ghi lòng tạc dạ, để làm gương soi trọn đời hay sao ?!

6.- ẨN CHỖ VẮNG LẶNG CHUYÊN LO TU TẬP

Bèn hay rửa lòng nuôi Đức, ẩn tích giấu danh chứa sạch tinh thần, bặt dứt chỗ ồn ào và rầy rạt.

Hai câu trên, trong rửa lòng nuôi đức, ngoài thân dấu tích ẩn danh. Hai câu dưới trong tâm chứa trí Bát nhã. Ngoài thân bặt dứt sáu trần. Luận rằng : Muốn lóng sạch tâm thần và vun bồi đức hạnh, thời cần phải ẩn tích giấu danh. Còn muốn chứa sạch lóng thần, nếu không lánh chỗ ồn ào thì không thể được. Rửa sạch tâm thần thì cái thói mê lầm lần hết, chứa dồn đức hạnh thời Đạo quả mới cao.

Tinh thần chứa, thời sáu căn vắng lặng, Ồn ào dứt, thời hết vọng yên tâm. Danh tích giấu, thời tinh thần của người đầy đủ không thể so lường được. Tìm ở nơi mé suối và dưới rừng chỗ vắng vẻ, để nuôi lớn tâm Phật của mình, là nghĩa đây vậy !

Ký viết : Tháo dục uẩn tập, thị nội nhơn tự lực. Hối thao chỉ tuyệt, thị ngoại duyên trợ lực. Nhiên chơn như thể tánh bổn tự hư tịnh, nhi vi vô lượng phiền não cấu chi sở nhiễm.

Nhược bất giả nội nhơn, ngoại duyên, giao huân chủng chủng đào thải tắc vô do đắc tịnh, phục bổn chơn minh.

Cố KHỞI TÍN luận vân : Hành giả vị chiết phục phiền não cố, ưng viễn ly hội náo, thường xử tịch tịnh, tu tập đầu đà đẳng hạnh.

Qui Sơn vân : Nhất niệm đốn ngộ tự lý, du hữu vô thỉ khoán kiếp tập khí, vị năng đốn tịnh tu giáo cừ tịnh trừ hiện nghiệp lưu thức tức thị tu dã. Bất khả biệt hữu pháp, giáo cừ tu hành thú hướng, tùng văn nhập lý. Văn lý thâm diệu, tâm tự viên minh, bất cư hoặc địa, dĩ yếu ngôn chi. Tắc thiệt tế lý địa bất thọ nhất trần, vạn hạnh môn trung bất xả nhứt pháp.

Nhược dã đơn đao trực nhập, tắc thánh phàm tình tận, thể lộ chơn thường lý sự bất nhị, tức Như Như Phật hĩ.

Uẩn tố tinh thần giả ? Tâm chi tối linh, viết tinh. Linh nhi nan trắc, viết thần. Tâm dĩ tịnh, nhi hành dĩ quảng, dữ Thái Hư nhi hiệp kỳ đức, tinh thần uẩn nhi tâm dủ minh, tịch nhi thường chiếu.

Cố Vĩnh Gia vân : Điệu cổ thần thanh, phong tự cao thần thanh lự tịnh, tế nhi nghiên chi, thử chi vị diên. Huyên hiêu chỉ tuyệt giả ? Vi nội uẩn bát nhã, dĩ khiết tinh thần, ngoại tuyệt thinh sắc, dĩ tịnh lục căn, đo nạp trung ngôn, tiện năng như thị dã.

Lời Ký nói : *Rửa lòng nuôi đức, chứa nhóm tinh thần là cái tự lực bề trong. Dấu tích ẩn danh, bặt dứt ồn ào là cái trợ duyên bề ngoài* (Trong tâm ngoài cảnh được vắng lặng thì cái thể tánh chơn như tự bày). *Song thể tánh chơn như vốn tự trong sạch, nhưng mà bị không biết bao thứ nhơ phiền não nó che lấp tánh ấy đi.*

Nếu ngày nay không nhờ nhơn trong, duyên ngoài, giúp đỡ lẫn nhau, nhiều phương pháp tẩy trừ thì không do đâu được trong sạch, trở lại bản tánh chơn như sáng suốt.

Cho nên trong luận KHỞI TÍN nói : Người tu vì muốn dứt hết phiền não, cho nên phải lánh xa chỗ ồn ào, thường ở nơi vắng lặng, để tu tập những hạnh Đầu Đà (Đầu Đà có 12 hạnh quyển trước có giải).

Tổ Qui Sơn nói : Một niệm tỏ ngộ lý tự tâm, nhưng còn có tập khí nhiều đời nhiều kiếp, chưa hay dứt sạch, thì cần phải làm cho nó sạch, hết những thứ nghiệp rong ruổi theo hiện đời đây, tức là tu đó. Chớ không phải có pháp chi khác, để dạy các ông tu hành tới chỗ nào nữa. Nghĩa là từ cái nghe rồi kinh nghiệm tỏ vào chơn lý. Nghe chơn lý cao xa và mầu nhiệm, trong tâm tự nhiên tròn sáng, không còn những chỗ lầm lạc, thế là chứng quả. Nói tóm lại thời cái chỗ lý thật tế (chơn tâm) *không dính mắc một mảy trần ; tuy không dính mắc một mảy trần, nhưng mà trong muôn hạnh pháp tu không bỏ một pháp nào cả.*

Nếu ai là người thượng căn, thượng trí một dao chặt đứt vọng tâm, thẳng vào địa vị chư Phật, thời dứt hẳn cái tâm phàm thánh, thể bày tánh chơn thường, sự và lý không hai, tức là ông Như Như Phật vậy.

Chứa sạch tinh thần là gì ? - Tâm ta rất sáng suốt gọi là chữ Tinh. Sáng suốt không tột không lường gọi chữ thần. Tâm càng trong sạch thời hạnh lợi tha càng rộng rãi, mà cái đức to lớn cũng như Hư không ; tinh thần chứa, thì tâm càng sáng, tâm sáng thường soi, thường soi sáng mà vẫn vắng lặng, không chút bợn của bụi trần.

Cho nên ngài Vĩnh Gia nói : Người xưa tinh thần trong sạch, thể Đạo tự cao, tinh thần trong sạch thời niệm lự cũng trong sạch, ngấm ngầm xét đó, lời ấy rất đúng vật. Thế nào bặt dứt chỗ ồn ào và rày rạt ? - Nghĩa là trong chứa trí Bát Nhã cho tinh thần trong sạch, ngoài bặt dứt cảnh sắc thanh

Hối tích du ẩn tích dã. Thao, âm thao tàng dã. Hiêu, âm hiêu, huyên náo dã, đạm vị đạm bạc điềm tịnh vô vị dã.

NHỊ, THIỀN GIÁO NHỊ :
NHẤT . THIỀN HỌC. *NHỊ* - GIÁO LÝ.
NHẤT - THIỀN HỌC, *NHỊ* :
NHẤT - THỊ PHÁP. *NHỊ* - TÁN MIỄN

NHẤT : THỊ PHÁP.

Nhược dục tham thiền học đạo, đốn siêu phương tiện chi môn ; tâm khế huyền tân, nghiện cơ tinh yếu, quyết trạch thâm áo, khải ngộ chơn nguyên.

Sơ nhị cú, phiêu tông. Đệ tam cú, đắc chỉ. Đệ tứ ngũ cú, cùng lý. Đệ lục cú, đạt nguyên. Hựu đệ tam cú, kiến đạo. Đệ tứ ngũ cú, thị tháo lý, tức tầm lưu dã. Đệ lục cú, ngộ bổn, thị đạt nguyên dã.

Tham, vị tham trực chỉ chi thiền. Học, vị học vô thượng chi đạo. Đốn siêu phương tiện chi môn giả ? Dẫn tuyệt quyền thừa, bất lạc giai cấp. Tâm khế huyền tân giả ? Nhất niệm tương ưng, tiện dữ đạo hiệp. Nghiện cơ, tinh yếu giả ? Nghiện, hạch dã ; cơ, tâm dã, u vi dã; vị nghiện hạch tự tâm chí lý chi u vi, cố viết tinh yếu. Quyết trạch thâm áo giả ? Dĩ vô lậu trí huệ, quyết đoán dẫn trạch, khử kỳ thô siển, trạch thủ u huyền. Khải ngộ chơn nguyên giả ? Cùng nguyên cực để dã.

cho sáu căn hết nhiễm, là nhờ tín tâm nhận lãnh lời ngay thẳng, nên mới được như thế vậy.

Chữ dấu tích cũng như ẩn tích. Chữ ẩn danh cũng như chữ giấu danh, tức là lánh cái chỗ rầy rạt và ồn ào mà tìm đến chỗ vắng lặng êm lìm vậy.

II) THIỀN GIÁO, PHÂN HAI :

1) THIỀN HỌC 2) GIÁO LÝ

1.- THIỀN HỌC PHÂN LÀM HAI

1) DẠY PHÉP 2) KHEN GẮNG

1.- DẠY PHÉP

Bằng muốn tham thiền học Đạo vượt khỏi pháp môn Phương Tiện *(tầm thường)* **tâm ngộ Đạo mầu phải nghiền xét chỗ tinh yếu, quyết chọn lý thẩm sau, mới tỏ ngộ được nguồn chơn.**

Hai câu đầu, nêu tôn chỉ tham thiền. Câu thứ ba là ngộ đặng tôn chỉ. Câu thứ tư và thứ năm xét cho tột lý. Câu thứ sáu tìm cho thấu nguồn gốc. Lại câu thứ ba là thấy Đạo. Câu thứ tư thứ năm, là ráng sức làm theo, tức là tìm giòng vậy. Câu thứ sáu là ngộ bản tâm, tức là đã đạt thấu chỗ nguồn mạch vậy.

Tham là gì ? - Tham là tham pháp thiền trực chỉ. Học là chi ? - Học là học là cái Đạo vô thượng. Thế nào vượt khỏi các pháp môn phương tiện ? - Bởi dứt hết các pháp quyền thừa không noi theo từng bực từng cấp cho nên gọi là vượt khỏi các pháp môn phương tiện. Còn thế nào tâm tỏ Đạo mầu ? - Nghĩa là một niệm nhằm rồi, liền cùng Đạo hiệp. Tại sao nghiền xét chỗ tinh yếu ? - Chữ Nghiền cũng như nghĩa xét, cũng là kín nhiệm của tâm, tức là xét thấu chỗ chí lý kín nhiệm ở trong tâm mình, cho nên gọi là chữ tinh yếu. Thế nào quyết chọn cái lý thẩm sâu ? - Lấy trí huệ sáng suốt không nhiễm ô, mà quyết đoán lựa chọn bỏ chỗ thô cạn, lựa lấy chỗ nhiệm mầu. Tỏ ngộ nguồn chơn là gì ? - Cùng nguồn tội đáy vậy.

Ký viết : Phương tiện giả ? Quyền phương nghi tiện, tức quyền thừa chi giáo. Giáo hữu quyền thiệt, quyền tắc tiếp sự, thiệt nãi cùng lý, cố vân cùng nguyên.

Nhược lịch tam a tăng kỳ kiếp, quảng tu lục độ, vạn hạnh, nhi chứng Tam hiền, Thập thánh, giai thị quyền thừa.

TƯ ÍCH kinh vân : Đắc chư pháp chánh tánh giả, bất tùng nhất địa, chí nhất địa. Cố viết : Bất lạc giai cấp. Ngôn nhất niệm tương ưng, tiện dữ đạo hiệp giả, vị nhược đắc xưng chơn, tắc vô hoặc khả đoạn, vô lý khả chứng, vô hạnh khả tu, vô vị khả đắc ; cố viết ; tiện dữ đạo hiệp.

Tâm tuy khế đạo, lực bất tự do, kiến hữu huyễn tướng vị trừ, không trần vị thoát, ưng dĩ như huyễn chi trí, đoạn huyễn hoặc, chứng huyễn lý, tu huyễn hạnh, cầu huyễn vị. Cố viết : nghiện hạch tự tâm chí lý, trạch thủ u huyền, trực tu đoạn chí vô đoạn, chứng chí vô chứng, phương viết cùng nguyên cực để.

Khuê Phong vân : Nhiên thiền định nhất hạnh, tối vi thần diệu, năng phát khởi tánh thượng vô lậu trí huệ, nhất thiết diệu dụng, vạn hạnh vạn đức, nãi chí thần thông quang minh, giai tùng định phát. Cố tam thừa nhơn dục cầu thánh đạo, tất tu tu thiền, ly thử vô môn, ly thử vô lộ, chí ư cầu sanh Tịnh độ ; diệc tu thập lục quán thiền, cập niệm Phật tam muội, Bát chu tam muội đẳng dã.

Lời Ký nói : *Phương tiện là gì - Phương tiện là tóm lập phương pháp cho dễ và thích hợp với căn cơ từng bực tức là cái giáo pháp bực quyền thừa vậy. Song giáo pháp của đức Phật lập ra thời có pháp quyền và pháp thật. Pháp quyền là những phương pháp dạy về sự tướng, Pháp thật là những phương pháp chỉ về cái chỗ tột lý ; cho nên nói chữ : cùng nguyên* (cùng nguồn tột đáy) *vậy.*

Bằng trải qua ba vô số kiếp (tam A tăng kỳ kiếp) rộng tu pháp Lục độ và Vạn hạnh mà chứng bực Tam hiền, bực Thập thánh cũng đều là pháp tu quyền thừa (nghĩa là tu từng bực, từng cấp, từ thấp lần lên cao).

Kinh TƯ ÍCH : Chính nơi tâm mình tỏ đặng các pháp rồi, thì không cần phải theo thứ lớp từng bực này lên đến bực kia. Cho nên nói câu : Không theo từng bực từng cấp. Thế nào một niệm nhằm rồi cùng Đạo hiệp ư ? - Nghĩa là nếu ta tu hành đúng với chơn lý rồi, thì không còn mê lầm nào để đoạn, không lý nào để chứng, không hạnh nào để tu, không vị nào để đặng ; cho nên nói : liền cùng Đạo hiệp.

Song tâm ta tuy rằng tỏ Đạo nhưng mà sức ta chưa được tự do. Chỗ chấp có cái tướng như huyễn chưa trừ, cái trần vốn không nhưng ta chưa được không, thì ta cần phải lấy cái trí như huyễn, mà đoạn cái mê lầm như huyễn, chứng cái lý như huyễn, tu cái hạnh như huyễn, cầu cái vị như huyễn. Cho nên nói : Nghiên xét cái chí lý tự tâm, lựa lấy chỗ nhiệm mầu của Đạo, thì cần phải đoạn hẳn những sự mê lầm, đoạn đến chỗ không còn đoạn mới chứng được chơn tâm, nhưng chứng đến chỗ không còn chứng thời mới gọi là cùng nguồn tột đáy.

Tổ Khuê Phong nói rằng : Xét một cái hạnh Thiền định đây rất là thần thông diệu dụng, có thể phát khởi được trí huệ vô lậu trong tánh mình, tất cả nào diệu dụng, nào muôn hạnh, muôn đức nhẫn đến pháp thần thông rực rỡ cũng từ trong pháp thiền định phát ra. Cho nên người tu bực tam thừa muốn cầu quả Phật thì ắt phải tu Thiền, nếu ngoài pháp Thiền đây thời không cửa nào đi vào cửa Phật, ngoài pháp Thiền đây không đường nào đi vào con đường Chánh Đẳng Chánh Giác. Chí ư cầu sanh Tịnh độ cũng nhờ tu mười sáu phép thiền quán và phép niệm Phật Tam muội, phép Bát Chu Tam Muội v.v...

Hựu chơn tánh, tức bất cấu bất tịnh, phàm thánh vô sai, Thiền môn, tắc hữu siển hữu thâm, giai cấp thù đẳng. Nhược đái dị kế, hân thượng yếm hạ nhi tu giả, thị Ngoại đạo thiền.

Nhược chánh tin nhơn quả, diệc dĩ hân yếm nhi tu giả thị phàm phu thiền.

Ngộ ngã không thiên chơn chi lý nhi tu giả, thị Tiểu thừa thiền.

Ngộ ngã pháp nhị không sở hiển chơn lý nhi tu giả, thị Đại thừa thiền.

Nhược đốn ngộ tự tâm, bổn lai thanh tịnh nguyên vô phiền não, vô lậu trí tánh bổn tự cụ túc, thử tâm tức Phật tất cảnh vô dị, y thử nhi tu giả, thị Tối thượng thiền, diệc danh Như Lai Thanh tịnh thiền. Diệc danh Nhất Hạnh Tam Muội, diệc danh Chơn Như Tam Muội.

Thử thị Nhất thiết Tam muội căn bổn, nhược năng niệm niệm tu tập, tự nhiên tiệm đắc bá thiên Tam Muội.

Đạt Ma môn hạ, triển chuyển tương truyền giả, thị thử thiền dã.

Đạt Ma vị đáo, cổ lai cao tăng giai y tiền tứ thiền bát định tu chi, tịnh đắc công dụng.

Thiên Thai, Nam Nhạc, linh Y Tam đế chi lý, tu Tam chỉ Tam quán, giáo nghĩa tuy tối huyền tối diệu, nhiên kỳ thú nhập môn hộ thứ đệ, diệc chỉ thị tiền chi chư Thiền hạnh tướng. Hoạch chứng Tam hiền Thập thánh chi giai thê.

Huống chi chơn tánh của ta là một bản tánh không nhơ, không sạch, không Thánh, không Phàm ; nhưng mà cái pháp môn Tham Thiền có thấp, có cao từng bực có khác. Nếu người tà kiến chấp trước mê lầm, ưa pháp cao, chê pháp thấp mà tu đó, thì đó tức là pháp Thiền của Ngoại Đạo.

Còn những hạng chánh tín lý nhơn quả, nhưng cũng còn chấp ưa cao nhàm thấp mà tu đó, thì đó tức là pháp thiền của kẻ phàm phu.

Còn những hàng tỏ ngộ cái lý ngã không riêng chấp một phía mà tu đó, thì người đó tức là tu pháp thiền của Tiểu thừa.

Còn những bực đã tỏ ngộ được lý ngã không và pháp không tỏ thấu chơn lý mà tu đó, thì người đó là người tu pháp thiền của bực Đại thừa.

Cho đến những người một niệm tỏ ngộ tâm mình xưa nay thanh tịnh vốn không phiền não, trí tánh vô lậu vốn tự sẵn đủ, người nhận được cái tâm như thế thì người đó tức là ông Phật rốt ráo không khác, ai tu theo pháp thiền đây, gọi là pháp thiền tối thượng, cũng gọi pháp thiền thanh tịnh của Như Lai, cũng gọi Pháp Nhất Hạnh Tam Muội, cũng gọi pháp Chơn Như Tam Muội.

Sao thế - Bởi pháp thiền Tối thượng đây nó là căn bổn cho tất cả pháp Tam Muội vậy ; bằng ta có thể mỗi niệm mỗi niệm tu tập tự nhiên dần dần đặng trăm nghìn pháp Tam Muội.

Thế cho nên học trò của tổ Đạt Mạ lần hồi truyền nhau, pháp thiền này vậy.

Xét tổ Đạt Mạ lúc ở Tây Vức chưa đến cõi Trung Hoa này, xưa nay các bậc Cao Tăng đều y bốn pháp thiền, tám pháp định trước mà tu đó cũng được công dụng (chứng đạo quả) *Tám pháp định là gì ? - Trong bốn pháp Thiền, mỗi pháp có đủ Sắc định và Không định, hai định. Vì mỗi pháp thiền có hai định, bốn pháp thiền có tám định. Tuy tám định nhưng cũng nhiếp trong bốn pháp thiền.*

Ngài Thiên Thai, ngài Nam Nhạc dạy học trò của quí ngài hãy y theo cái lý Tam Đế mà tu cái pháp Tam Chỉ và pháp Tam Quán, Song nghĩa lý trong kinh Phật dạy tuy rất nhiệm, rất mầu, nhưng người muốn vào trong chỗ ấy cũng

Duy Đạt Ma sở truyền giả, đốn đồng Phật thể. Quýnh dị chư môn, cố tông tập giả nan đắc kỳ chỉ. Đắc tức thành Phật tốc chứng Bồ đề.

Thất tắc thành tà tốc nhập đồ thán. Diệc tùy nhơn chi căn khí, thiền danh tuy đồng, nhi môn bất nhất, thâm nhập nhất môn, giai chứng đạo quả.

Như thạch cao nhất vật, tánh phân lảnh nhiệt. Nam thạch tánh lảng. Bắc thạch tánh nhiệt. Kỳ nhiệt bệnh giả, ưng phục nam thạch. Kỳ lảnh bệnh giả, ưng phục bắc thạch. Dĩ dủ bệnh vi tối, xuất thế vi yếu, học giả tư chi, tự thủ quyết diên.

Tam chỉ giả ? Nhất, thể chơn chỉ. Vị thể dạt vô minh vọng tưởng, tức thiệt tướng chi chơn. Nhị, phương tiện tùy duyên chỉ. Vị tùy duyên lịch cảnh, an tâm bất động. Tam, ly nhị biên phân biệt chỉ. Vị bất phân biệt sanh tử Niết bàn hữu vô chi tướng.

Tam quán giả ? Nhất, không quán ; Nhị, giả quán : Tam, trung quán.

Tam đế giả ? Nhất chơn đế ; nhị, tục đế ; tam, trung đế. Vị quán nhất niệm chi tâm, tức cụ tam đế chi pháp, Nhược quán tâm không, tắc nhứt thiết pháp giai không, tức thị chơn đế. Nhược quán tâm giả, tắc nhứt thiết pháp giai giả, tức thị tục đế. Nhược quán tâm trung, tắc nhứt thiết pháp giai trung, tức thị trung đế.

phải dần dần theo thứ lớp cửa nẻo mà vào. Cũng chỉ là cái Hành Tướng của các pháp thiền như trước ; cũng chỉ là chứng đặng từng bực Tam Hiền và Thập Thánh đó thôi.

Duy có pháp thiền của tổ Đạt Mạ ngài truyền đây thật là đồng thể của đức Phật, cao hơn các pháp thiền nói trên. Cho nên những người tu theo pháp thiền này khó mà nhận đặng tôn chỉ của nó. Song nếu đã nhận đặng tôn chỉ nó rồi, thì người đó tức thành Phật, mau chứng quả Bồ Đề.

Bằng sái đi thời thành tà ma ngoại đạo, chóng vào Địa ngục mau như tên bắn. Nhưng đó cũng tùy theo căn cơ cao thấp của mỗi người hợp pháp nào thời tu pháp nấy mới tránh khỏi sự hỏng hờ thất bại. Tên của pháp thiền vẫn đồng, nhưng các pháp tuy không phải một, song hễ tỏ vào một pháp thời cũng chứng đặng đạo quả, đó tùy theo trình độ cao thấp của mỗi người mà pháp thiền thành có cao có thấp.

Vì sao ? Ví như một món thạch cao mà tánh nó cũng phân ra có lạnh và nóng. Như vị thạch cao ở phía Nam thời tánh nó lạnh. Vị thạch cao ở phía Bắc thời tánh nó nóng. Những người có bệnh nóng thì nên uống vị thạch cao ở phía Nam. Những người có bệnh lạnh thì nên uống vị thạch cao ở phía Bắc. Miễn làm sao bệnh cho lành là hay, người tu Thiền định đây cũng thế không luận pháp thiền nào, miễn tu làm sao cầu ra khỏi đời ngũ trược là cốt yếu : vậy người học Phật hãy xét đây mà quyết định cho mình vậy. Ba phép chỉ là gì - 1) Thể chơn chỉ : Nghĩa là mình tỏ thấu cái vô minh vọng tưởng kia ; tức là cái tánh chơn của thật tướng. 2) Phương tiện tùy duyên chỉ : Nghĩa là tùy các duyên trải qua các cảnh, nhưng mà tâm ta vẫn yên tịnh không hề lay động. 3) Ly nhị biên phân biệt chỉ : Nghĩa là không phân biệt cái tướng sanh tử, Niết Bàn, có, không.

Ba phép quán. Ba phép quán là gì ? 1) Quán không. 2) Quán Giả. 3) Quán trung đạo.

Ba phép đế thế nào ba phép đế ? - 1) Chơn Đế. 2) Tục Đế. 3) Trung Đế. Nghĩa là quán tâm mình trong một niệm có đủ ba phép đế.Như quán tâm mình là không, thời tất cả các pháp đều không, đó là phép chơn đế. Như quán tâm mình là giả, thì tất cả pháp đều giả, đó là tục đế. Như quán tâm mình là trung thì tất cả pháp đều trung, đó là trung đế.

Thử chi tam quán, toàn do tánh phát, thiệt phi tu thành. Cố ư nhất tâm uyển hữu tam dụng, sở vị nhứt tâm tam quán thị dã. Hựu tam nhất vô ngại, tức thị viên dung tam đế quảng như biệt thích. Bất định giả, vị tứ thiền trung, các cụ sắc không nhị định dã.

Bác vấn tiên tri, thân cận thiện hữu. Thử tông nam đắc kỳ diệu, thiết tu tử tế dụng tâm, khả trung đốn ngộ chánh nhơn, tiện thị xuất trần giai tiệm.

Sơ nhị cú, tham thỉnh sư hữu. Thứ nhị cú, tông u lý trí. Hậu nhị cú, ngộ bổn hoặc trừ. Vị thử trực chỉ chi tông, nãi tâm địa pháp môn, phi thô tâm siển học giả, năng đắc kỳ diệu. Cố tu tham vấn tri thức, thỉnh ích thiện hữu ; đắc ngộ chơn nguyên, vi tâm địa chi chánh nhơn. Hoặc đào nghiệp giải, trần lao tiệm xuất ; sở vị lý tuy đốn ngộ, sự yếu tiệm trừ thị dã.

Ký viết : Tiên tri thiện . hữu, thị chánh duyên, dục đắc chánh nhơn, tất đắc chánh duyên tương trợ, huyền chi hựu huyền, viết diệu. Phàm thánh lộ tuyệt, viết tông u. Ngôn tư sở bất năng cập, viết lý trí. Vô cùng u chi trí, viết thô tâm. Phi quảng tham bác vấn, viết thiển học.

Vĩnh Gia vân : Ưng dương bác vấn tiên tri, phục ưng thành khẩn, chấp chưởng khuất tất, chính ý đoan dung, hiếu dạ vong bì, thỉ chung kiền ngưỡng, chiết thóa thân khẩu, quyên căn đãi mạn, bất cố hình hài, chuyên tinh chí đạo giả ; khả vị trừng thần phương thốn dư.

Thử tắc phá tam giới, nhị thập ngũ hữu.

Nói tóm lại ba phép quán đây toàn ở trong một tánh mình phát ra, chớ không phải tu mà đặng. Cho nên ở trong một tâm, đủ có ba dụng, nghĩa là một tâm mà có ba phép quán phải vậy. Lại ba phép quán cũng về một tâm, một tâm đủ ba phép quán thì dầu một hay ba cũng không ngăn ngại, tức là ba phép đế viên dung ; rộng như chỗ khác có giải.

Rộng hỏi bực Tiên Tri, gần nương bạn lành. Bởi tôn chỉ Tham Thiền đây khó chứng đặng chỗ nhiệm mầu, nên quyết phải dụng tâm chín chắn mới có thể ở trong đó tỏ ngộ chánh nhơn, tức là thềm bực lần ra khỏi Trần.

Hai câu đầu, tham cầu thầy bạn. Hai câu kế là tôn mầu lý nhiệm. Hai câu sau, tỏ ngộ bản tâm, hoặc tập sạch hết, là nói cái tông trực chỉ thiền đây chính là pháp môn trong tâm địa (Đại thừa) chẳng phải hàng thiển học thô tâm mà đặng chỗ nhiệm mầu kia. Cho nên nói câu : cần phải cầu hỏi ông tri thức, học thêm với bạn lành cho tỏ nguồn chơn, để làm chánh nhơn trong tâm địa. Hoặc trừ nghiệp hết, lần khỏi trần lao nên có câu : Lý tuy mau tỏ ngộ nhưng sự cũng phải dứt dần dần như vậy.

Lời Ký nói : *Bực tiên tri với bạn lành là trợ duyên chơn chánh, song muốn tỏ ngộ được cái nhơn chơn chánh thời cần phải nhờ cái trợ duyên chơn chánh, mới có thể tỏ ngộ được ; đã nhiệm mầu càng thêm nhiệm mầu nên gọi chữ diệu. Bặt dứt con đường phàm thánh nên gọi chữ tôn mầu. Lời luận bàn ý suy nghĩ không thể kịp đặng nên gọi chữ lý nhiệm. Những trí người thấp thỏi không thể xét tột cái chỗ nhiệm mầu nên gọi chữ thô tâm. Không phải những người rộng tìm khắp hỏi nên gọi kẻ thiển học.*

Ông Vĩnh Gia nói : *Cần phải rộng hỏi bực tiên tri, nép lòng cầu khẩn, chắp tay quì gối lóng nghe, sửa ý vững mình, ngày đêm quên mõi, trước sau kính trọng, thân không lý lắc miệng chẳng múa khua, dứt trừ biếng nhác dễ ngươi, không kể đến hình hài chuyên tinh chỗ chí đạo ấy ; được như vậy mới đặng gọi là : lóng thần trong gan tấc.*

Tham Thiền được như thế thời phá tan ba cõi và hai mươi lăm loài.

Thượng cú, tổng tiêu. Hạ cú, biệt xuất. Tư minh chúng sanh y chánh nhị báo. Ước y báo, tắc phân tam giới, nhị thập ngũ xứ. Luận chánh báo, tắc cụ tứ, sanh thập nhị loại hữu.

Thử tắc giả ? Cử thượng chương hạ chi từ ; dĩ đốn ngộ xuất trần, cố phá giới hữu, nguyên giới nhơn tâm kiến, tâm ngộ tắc giới phá ; hữu tùng vọng lập, vọng tức tắc hữu không.

Cố LĂNG NGHIÊM kinh vân : Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện. Nhất thiết nhơn quả, thế giới vi trần nhơn tâm thành thể, nhất nhơn phát chơn qui nguyên thập phương thế giới tận thành tiêu vẫn.

Cố Đức vân : Nhược nhơn thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ, tư tắc nhất niệm đốn ngộ tự tâm, nhi tam giới nhị thập ngũ hữu, liễu bất khả đắc, thị vi phá hĩ. Tam giới giả ? Dục sắc, Sắc giới, Vô sắc giới dã. Nhị thập ngũ hữu giả ? Lược ngôn tam hữu, quảng ngôn cửu hữu, nhị thập ngũ hữu, dĩ phá tà khiển chấp, cố phân nhi ngôn chi.

Dục giới, tắc tứ châu tứ ác thú cập lục dục thiên. Sắc giới, tắc tứ thiền cập phạm vương vô tưởng ngũ tịnh cư thiên. Vô sắc giới, tắc tứ không thiên, cộng vi nhị thập ngũ hữu dã. Nhiên Phạm vương, vô tưởng, cập ngũ tịnh cư, cu tại tứ thiền thiên trung ; nhi biệt xuất kỳ danh giả, dĩ ngoại đạo kế Phạm vương vi thường, thị sanh vạn vật chi chủ ; kế vô tưởng, dĩ vô tâm cố vọng vị Niết Bàn ; kế ngũ tịnh cư, vi chơn giải thoát. Cố Kinh Luận biệt xuất thử tam thiên, vị đối phá ngoại đạo chi tà kế dã.

Câu trên là nêu chung. Câu dưới phân riêng ra. Đây là nói y báo và chánh báo hai quả báo của chúng sanh, nói về y báo thời phân ra là ba cõi, hai mươi lăm loài. Luận về chánh báo thời có bốn giống, mười hai loài ở trong ba cõi.

Như vậy đó là gì ? Là lời nương câu trên bỏ bày câu dưới nhờ tỏ ngộ chỗ chánh nhơn ra khỏi cõi trần, cho nên dứt ba cõi và hai mươi lăm loài, nguyên ba cõi này nhơn tâm người gây tạo, tâm nếu ngộ rồi thì ba cõi dứt hết ; 25 loài từ vọng tưởng có ra, vọng tưởng nếu dứt thời 25 loài đều không.

Cho nên kinh LĂNG NGHIÊM nói : "*Các pháp mà có ra thiên hình vạn trạng ở giữa nầy cũng chỉ do một cái tâm giả hiện. Tất cả nào nhơn nào quả, vô số thế giới cũng bởi một tâm mà thành ra các hình tướng. Nếu vọng tâm hết rồi thì bao nhiêu cảnh vật vi trần cũng như không có, nên có câu : Một người trở về nguồn chơn của tâm thì mười phương thế giới hư vọng cũng đều thành tiêu mất.*

Bực Cổ Đức nói : Nếu người nhận được bản tâm thời Đại địa nầy không còn tấc đất, thế là một niệm tỏ ngộ tâm mình thời ba cõi và 25 loài hoàn toàn không có gì hết. Đó là dứt vậy. Ba cõi là gì ? - 1) Dục giới. 2) Sắc giới. 3) Vô sắc giới. Thế nào 25 cõi ? - Lược nói có ba cõi, rộng nói thời có chín cõi, hay 25 cõi. Do phá tà tâm, trừ tánh chấp, cho nên phân ra nhiều cõi nhiều loại mà nói vậy.

Cõi Dục giới thời có bốn châu thiên hạ, bốn ác thú và sáu cõi Dục thiên. Cõi Sắc giới thời có bốn cõi Thiền thiên và cõi Phạm vương, cõi Vô tưởng, cõi Ngũ tịnh Cư thiên. Còn cõi Vô sắc giới có bốn cõi Không thiên, cộng là 25 cõi vậy. Song cõi Phạm vương, Vô tưởng và Ngũ tịnh cư, đều ở trong cõi Tứ thiền thiên. Nhưng mà nêu riêng cái tên ra để chi vậy ? - Bởi vì ngoại đạo nó chấp ông trời Phạm Vương là thường làm ông chủ sanh muôn loài vạn vật. Chấp cõi trời Vô Tưởng, vì nó lầm cho không tâm tưởng gì hết, quấy nói đó là Niết Bàn, chấp cõi trời Ngũ Tịnh Cư là chỗ chơn giải thoát của bọn nó. Cho nên trong kinh trong luận nêu ra ba cõi trời này, để đối phó cái tâm tà chấp của bọn ngoại đạo vậy.

Ký viết : Hữu vân ngũ tịnh cư Thiên trung hữu Đại tự tại Thiên vương xứ. Ngoại đạo chi nhơn kế bỉ Thiên vương năng vi tạo hóa chi bổn, qui chi tắc đắc giải thoát. Như Lai vị phá thử kiến, cố biệt tiêu chi.

Tứ châu giả ? Đông thắng thần châu, Nam thiệm bộ châu, Tây ngưu hóa châu, Bắc câu lư châu.

Tứ ác thú giả ? Tu la, Địa ngục, Ngạ quỉ, Súc sanh. Lục dục Thiên giả ? Nhất Tứ vương thiên, Nhị Đạo lợi thiên, Tam Dạ ma thiên, Tứ Đâu suất thiên, Ngũ Hóa lạc thiên. Lục Tha hóa tự tại thiên. Tứ Không thiên giả ? Nhất Không xứ thiên, Nhị Thức xứ thiên, Tam Vô sở hữu xứ thiên. Tứ Phi phi tưởng xứ thiên.

Tứ thiền giả ? Sơ thiền hữu tam thiên : Vị Phạm chúng thiên. Phạm phụ thiên, Phạm vương thiên, Nhị thiền hữu tam thiên : vị Thiểu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Quang Âm thiên. Tam thiền hữu tam thiên : Vị Thiểu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên. Tứ thiền hữu cửu thiên : Vị Vô vân thiên, Vô tưởng thiên, Phước sanh thiên, Quảng quả thiên, Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên. Thiện kiến thiên, Thiện hiện thiên, Sắc cứu cánh thiên.

Hậu ngũ, danh ngũ tịnh cư thiên, nãi tam quả Thánh nhơn sở cư, diệc vân ngũ na hàm thiên, Phạm vương thiên, cư sơ thiền nhị thiền trung gian, Vô tưởng, tại đệ tứ thiền trung.

Ngôn cửu hữu giả, tức cửu địa, dĩ Dục giới nhơn thiên quỉ súc địa ngục, tổng vi nhứt địa, Sắc giới tứ thiền vi tứ địa, Vô sắc giới tứ không vi tứ địa, cộng vi cửu dã.

"Nội ngoại chư pháp, tận tri bất thiệt ; tùng tâm biến khởi, tất thị giả danh".

Lời Ký nói : *Có chỗ nói trong cõi trời Ngũ Tịnh Cư có ông Đại Tự Tại Thiên Vương ở. Những bọn ngoại đạo chấp vị Thiên Vương kia hay làm ông chủ tạo hóa, ai về cõi đó thời được thong thả. Đức Phật Như Lai vì muốn phá cái tà kiến ấy, cho nên ngài mới nêu ba cõi này chỉ rõ các hàng đệ tử tránh khỏi sự lầm lạc của ngoại đạo.*

Bốn châu thiên hạ là gì ? - 1) Đông thắng Thần châu. 2) Nam thiệm Bộ châu. 3) Tây ngưu Hóa châu. 4) Bắc cu Lô châu.

Bốn ác thú là gì ? - 1) Tu la. 2) Địa ngục. 3) Ngạ quỉ. 4) Súc sanh. Sáu cõi trời dục là chi ? 1) Trời Tứ Thiên Vương. 2) Trời Đao Lợi. 3) Trời Dạ Ma. 4) Trời Đâu Suất. 5) Trời Hóa Lạc. 6) Trời Tha Hóa Tự Tại. Thế nào là bốn cõi trời Không Thiên ? 1) Trời Không xứ. 2) Trời Thức xứ. 3) Trời Vô sở hữu xứ. 4) Trời Phi phi tưởng xứ.

Thế nào là bốn cõi Thiền thiên ? Cõi Sơ thiền có ba từng trời : a) Trời Phạm chúng. b) Trời Phạm Phụ. c) Trời Phạm Vương. Cõi Nhị thiền có ba từng trời ; a) Trời Thiểu Quang. b) Trời Vô Lượng Quang. c) Trời Quang Âm. Cõi Tam thiền có ba từng trời. a) Trời Thiểu Tịnh, b) Trời Vô Lượng Tịnh, c) Trời Biến Tịnh. Cõi Tứ thiền có 9 từng trời. a) Trời Vô Vân, b) Trời Vô Tưởng, c) Trời Phước Sanh, d) Trời Quảng Quả, đ) Trời Vô Phiền, e) Trời Vô Nhiệt, g) Trời Thiện Kiến, h) Trời Thiện Hiện, i) Trời Sắc Cứu Kính.

Năm cõi trời sau gọi là trời Ngũ tịnh Cư. Chính là bực Thánh nhơn chứng quả thứ ba ở trong đó cũng gọi cõi trời Ngũ Na Hàm. Cõi trời Phạm vương ở chặng giữa cõi Sơ thiền và Nhị thiền. Cõi trời Vô tưởng ở trong cõi Tứ thiền thiên. Nói chín cõi là gì ? Tức là chín bực, lấy cõi Dục giới gồm cả cõi Người cõi Trời cõi Ngạ quỉ, cõi Súc sanh và cõi Địa ngục chung lại làm một bực. Cõi Sắc giới và bốn cõi Thiền thiên làm bốn bực. Cõi Vô sắc giới có bốn cõi Không thiên làm bốn bực, cộng là chín bực vậy.

Trong ngoài các pháp đều biết chẳng thật, từ trong Tâm biến ra đều có cái danh giả.

Thượng nhị cú, tổng tướng. Hạ nhị cú, biệt tướng. Nội tắc thân tâm, ngoại tắc khí giới. Hựu nội thị tứ uẩn, ngoại thị sắc uẩn. Tứ uẩn thị tâm, sắc uẩn thị thân. Thân tức tứ đại sở thành, tâm nãi lục trần duyên ảnh. Khí giới, thị chúng sanh sở y chi cảnh, tức Tam thiên Đại thiên thế giới.

Giới số tuy đa, nhi bất xuất tam giới : hữu tình tuy chúng, nhi bất xuất nhị thập ngũ hữu. Như thử thân tâm khí giới, tất tùng vọng niệm nhi hữu. Vọng tâm vô thể, phân biệt thỉ sanh. Liễu thử tâm cảnh ngươn hư, thị tri bất thiệt, tắc ngũ uẩn thân tâm khí giới, đương hạ bất khả đắc hĩ.

Tùng tâm biến khởi, tất thị giả danh dã, vi chư chúng sanh vọng nhận tứ đại vi tự thân tướng, lục trần duyên ảnh vi tự tâm tướng ; tứ đại giả hiệp, vô ngã ngã sở, tất cảnh thị không. Nhi phàm phu mê tự pháp thân cố chấp tứ đại vi tự thân tướng.

Lục trần thị cảnh, thức thể thị tâm. Tâm đối căn trần, tức hữu duyên lự tướng khởi. Lục trần thị sở duyên. Vọng thức thị năng duyên. Lục trần vô thiệt, du như ảnh tượng. Tùng thức sở biến, cử thể tức không, cố thử duyên tâm, bổn vô hữu thiệt, nãi chí vọng khởi phàm thánh kiến đẳng, cố viết : Tất thị giả danh.

Như thị liễu đạt, tức tri bổn lai tâm tánh không tịnh, cụ túc viên minh. Hoặc bất năng nhiễm, trí vô sở tịnh, hư tịch trừng trạm. Chơn giác linh minh, bổn phi duyên lự. Nhi chúng sanh cửu mê thử tâm, vọng nhận phàn duyên lục trần ảnh tượng, sạ khởi sạ diệt hư vọng chi niệm, dĩ vi tự tâm, niệm niệm tùy chi, thị cố luân hồi tam giới nhị thập ngũ hữu dã.

Hai câu trên nói tướng chung. Hai câu dưới nói tướng riêng. Trong thời thân tâm, ngoài thời khí giới *(đất, đá, non, sông)*. Trong là bốn uẩn, ngoài là sắc uẩn. Bốn uẩn thuộc tâm, "Sắc uẩn" thuộc thân. Thân là bốn "đại" hiệp thành. Tâm là bóng duyên sáu trần. Khí giới là cảnh chúng sanh nương tựa ; tức thế giới Tam thiên Đại thiên.

Số thế giới tuy nhiều, nhưng không ngoài 3 giới (3 cõi). Loài Hữu tình tuy đông, nhưng không ngoài 25 loài. Thân tâm như thế, khí giới như thế, đều từ vọng niệm mà có ra. Tâm vọng không tự thể, chỉ do ý thức phân biệt mới sanh. Rõ được tâm cảnh nầy vốn không, mới biết muôn pháp đều không thật . Thời năm uẩn thân tâm và khí giới bấy giờ không có gì hết. Nên kinh Lăng Nghiêm nói : "*Tâm sanh thời các pháp mới sanh, Tâm diệt thì các pháp liền diệt*".

Thế nào các pháp giả danh từ Tâm biến khởi ra đó. - Bởi tất cả chúng sanh nhận lầm thân tứ đại làm thân tướng của mình, duyên theo bóng sáu trần làm tâm tướng của mình. Nhưng bốn "*đại*" đã là giả hiệp thì thân này không phải là "*thân ta*", vật nầy không phải là vậy "*sở hữu*" của "*ta*", rốt ráo đều là không. Thế mà người phàm quên hẳn pháp thân thanh tịnh của mình, cứ chấp thân tứ đại giả hợp cho là thân tướng của mình.

Lấy sáu trần làm cảnh của mình, song thể của thức là tâm. Tâm đối với sáu căn, sáu trần, thời có tướng duyên lự khởi lên. Sáu trần là trần bị duyên. Vọng Thức là cái thức năng duyên. Song sáu trần không thiệt có, ví như bóng dạng mà thôi. Do thức biến ra, toàn thể tức không, cho nên cái tâm năng duyên đây, vốn không thật có, nhẫn đến vọng khởi chấp Phàm chấp Thánh vân vân... cũng đều giả gá, cho nên nói : đều là tên giả.

Rõ thấu như thế, thời biết tâm tánh của mình xưa nay vốn trống trơn trong sạch, hoàn toàn tròn sáng. Các hoặc không thể nhiễm, cái trí không có chi tịnh, trống rỗng vắng lặng im lìm. Tánh chơn giác sáng suốt, vốn không có tâm duyên lự. Thế mà chúng sanh mê mất tâm nầy, nhận lầm dính vướng bóng dạng sáu trần : niệm niệm thoạt sanh thoạt diệt luống dối, nói là tâm của mình, mỗi niệm niệm theo nó, cho nên mới có luân hồi trong ba cõi và chịu làm hai mươi lăm loài vậy.

Ký viết : Bổn lai tâm tánh, ký phi nhiễm tịnh, vân hà nhi vi căn trần thức đẳng sở hoặc ? Lương do chúng sanh, tối sơ bất giác tâm khởi, dữ sanh diệt hiệp thành A lại da thức. Phục do chấp thử vi ngã pháp cố, chuyển khởi dư thất thành bát chủng thức.

Các do thức thể khởi năng kiến phần, do năng kiến cố tợ ngoại cảnh hiện, chấp thủ thử hiện vi định thiệt cố. Tạo chủng chủng biệt nghiệp cộng nghiệp, cố nội cảm tự thân, ngoại cảm khí giới, nhất thiết chư pháp. Ký do thức khởi, cố tận tri bất thiệt.

Phàm, Thánh kiến đẳng giả ? Vị chơn như giới nội, tuyệt sanh Phật chi giả danh. Bình đẳng huệ trung, vô tự tha chi hình tướng, cố dã. Bổn văn tứ cú, bất xuất sắc tâm nhị pháp, nguyên sắc tùng tâm tạo, toàn thể thị tâm.

Cố KINH vân : "Tam giới vô biệt pháp, duy thị nhất tâm tác".

TỲ BÀ SA vân : "Tâm năng vi nhất thiết pháp tác danh tự, nhược vô tâm tắc vô nhất thiết danh tự. Đương tri, thế xuất thế gian danh tự, tất tùng tâm khởi".

"Bất dụng tương tâm tấu bạc, đản tình bất phụ vật, vật khởi ngại nhơn".

Thượng cú, giới nghĩ tâm bốc đạt. Thứ cú, sắc tâm ly cảnh. Hạ cú, cảnh bất phương tâm.

Nguyên chí lý hư huyền, nghĩ chi dĩ sai. Tâm cảnh bổn không, tương chi tức thố. Tình vong chấp tạ, kỳ cảnh tự tịch ; chí lý hiện tiền, hà vật ngại nhơn ?

Lời Ký nói : *Tâm tánh xưa nay, đã không phải nhiễm phải tịnh, vì sao lại bị sáu căn sáu trần và sáu thức nó che bịt ư ? Bởi vì chúng sanh, ban sơ không ngờ tâm vọng khởi cùng với các pháp sanh diệt thành thức A lai da. Lại do khởi lòng chấp thức đây làm cái vật của mình, rồi lần khởi thêm bảy thức nữa thành tám cái thức.*

Trong tám thức đây mỗi thức khởi ra cái phần năng kiến vì do phần năng kiến ấy, nó chiếu hiện ra cảnh ngoài, rồi chấp lấy cảnh hiện đó là cảnh chắc thật. Nên tạo ra đủ thứ nghiệp riêng và nghiệp chung, cho nên trong cảm hiện ra thân mình, ngoài cảm ra có khí giới, tất cả các pháp. Song đã do vọng thức biến khởi nên đều biết là không thật.

Thế nào là chấp phàm và chấp thánh v.v... đó ư ? Nghĩa là trong cái thể Chơn Như không có cái tên giả là chúng sanh cùng Phật gì cả ? Trong cái huệ bình đẳng không có hình tướng là mình cùng người chi hết. Bốn câu trên bổn văn chẳng ngoài hai món Sắc với Tâm, nguyên sắc từ tâm mà tạo ra, toàn thể của nó là Tâm.

Cho nên trong KINH nói : "Ba cõi không chi lạ, chỉ là một Tâm tạo ra".

Trong, LUẬN TỲ BÀ SA nói : Tất cả các pháp có tên này tên khác là do Tâm đặt ra, nếu không có cái Tâm phân biệt đây thời tất cả tên nầy tên khác cũng không. Vậy thì đủ biết rằng những danh tướng thế gian và xuất thế gian, đều là từ một cái tâm ta mà khởi ra tất cả.

Cho nên chẳng cần đem Tâm so tính, hễ Tâm mình không nhiễm muôn vật, thời muôn vật dâu có thể ngăn ngại người được.

Câu trên dạy đừng đem Tâm so tính. Câu kế biểu Tâm mình đừng nhiễm cảnh. Câu sau cảnh đó không ngăn hại cái Tâm.

Nguyên chỗ chí lý trống rỗng nhiệm mầu, hễ mình tính thời đã sai. Tâm cảnh vốn không, nếu ta khởi lên một niệm thời lầm lạc, còn nếu quên hết vọng tình phá tan tà chấp, thời cảnh Lục trần kia tư vắng lặng, chỗ chí lý liền bày trước mặt, có vật nào nữa mà ngăn người được ?

Sở vị đản tự vô tâm ư vạn vật, hà phương vạn vật thường vi nhiễu.

Tam Tổ vân : Dục thủ nhất thừa vật ố lục trần. Lục trần bất ố, huờn đồng chánh giác. Trí giả vô vi, ngu nhơn tự phược ; pháp vô dị pháp vọng hữu ái trước, tương tâm dụng tâm khởi phi đại thố.

Ký viết : "Ký thị biến khởi giả danh, hà dụng tương chi tấu bạc. Nhiên tình vật tức vọng cảnh. Tâm nguyên nhược chỉ, pháp giới đồng tịch, hà vật ngại nhơn.

"Nhậm tha pháp tánh châu lưu, mạc đoạn mạc tục".

Thượng cú, đắc tánh, Hạ cú, khế lý. Ký bất ngại nhơn, cố nhậm sử châu lưu. Pháp tánh, tức thị vật cảnh. Tâm bất khởi vọng pháp pháp toàn chơn. Tại hữu tình trung, danh viết Phật tánh. Tại vô tình trung, tắc viết Pháp tánh ; Pháp tánh bổn tự Như Như. Thể thường tịch diệt, du nhược hư không, quách châu sa giới, thủ chi tắc mê, xả chi tắc táng.

Nhược đoạn nhược tục, tức đọa đoạn thường; bất thủ bất xả, phương vi diệu khế, cẩu năng đắc chư pháp chánh tánh giả, tắc hoành ngọa pháp giới nhậm sử châu lưu, tiêu diệu vô ngại hĩ.

Ký viết : "Đoạn tức diệt tục tức thường : thường tức hữu, diệt tức không, sanh diệt, đoạn thường, không hữu, danh dị nhi nghĩa đồng. Thủ tức tục, xả tức đoạn, cố đọa nhị biên, xả nhị biên, cố khế trung đạo chi lý dã. Nhược vọng tâm thủ tướng tức tùy cảnh sanh diệt, cố nhược đoạn nhược tục. Chơn tâm vô trước, cố nhậm chi châu lưu, châu lưu, cố vô trụ, vô trụ, cố quách châu sa giới.

Nên ông Bàn Cư Sĩ nói : Hễ mình không để tâm nuối tiếc muôn vật, thì sợ gì muôn vật nó thường vấn vít ta.

Đức Tam Tổ cũng nói : Muốn chứng đặng bực nhất thừa thời đừng đắm nhiễm sáu trần. Sáu trần không nhiễm đắm thời liền đồng với bực chánh giác. Kẻ trí không làm người ngu tự dính mắc; muôn pháp không có pháp nào khác, tại mình vọng mới có cái tâm mê đắm, đem tâm mà dùng tâm, đâu chẳng lầm to ư ?

Lời Ký nói : *Đã là từ Tâm biến ra cái tên giả, cần gì phải đem Tâm ra so tính. Song vọng tình đối với muôn vật tức là cảnh vọng của Tâm, chớ không gì khác. Nguồn tâm nếu dứt, thì bản thể pháp giới đồng vắng lặng, có vật chi nữa mà ngăn ngại mình.*

Mặc dầu pháp tánh khắp bủa, cũng không chấp có cũng không chấp không.

Câu trên chứng đặng pháp tánh. Câu dưới tỏ ngộ lý chơn. Muôn pháp nó đã không ngăn người, cho nên mặc dầu nó bủa khắp. Pháp tánh tức là muôn vật muôn cảnh. Tâm chẳng khởi vọng thời mỗi pháp toàn chơn. Ở trong loài hữu tình thời gọi là Phật tánh. Ở trong loài vô tình gọi là Pháp tánh. Pháp tánh vốn tự Như Như. Thể nó thường vắng lặng cũng như hư không rỗng suốt, khắp cùng hằng sa thế giới, chấp cảnh thời mê, còn bỏ cảnh thời mất *(chơn tánh)*.

Hoặc không, hoặc có, thời mắc hai bên không với có, không chấp có, cũng không bỏ không, mới là tỏ ngộ lý mầu *(trung đạo)*. Nếu chứng đặng chánh tánh của các pháp rồi, thời nằm ngang chốn pháp giới mặc dầu muôn pháp khắp bủa, nhưng Tâm người ấy cũng thảnh thơi không ngăn ngại.

Lời Ký nói : *Không tức là Diệt. Có tức là Thường. Thường tức là Có. Diệt tức là Không, Sanh và Diệt. Đoạn và Thường. Không và Có danh từ tuy khác mà cái nghĩa vẫn đồng. Chấp là nghĩa có, bỏ là nghĩa không, cho nên mắc hai bên* (có với không), *bỏ hai bên cho nên mới hiệp lý trung đạo vậy. Nếu đem tâm vọng chấp theo tướng thời tâm vọng ấy, theo cảnh mà sanh mà diệt, cho nên nói hoặc không hoặc có. Còn cái tâm chơn không đắm nhiễm, cho nên mặc dầu các pháp bủa khắp bủa khắp, cho nên nó không đình trụ, không đình trụ cho nên rỗng suốt khắp cùng hằng sa thế giới.*

Thanh Lương Quốc sư vân : "Chí đạo bổn hồ kỳ tâm, tâm pháp bổn hồ vô trụ; vô trụ tâm thể, linh tri bất muội. Tánh tướng tịch nhiên, bao hàm đức dụng, cai nhiếp nội ngoại năng thâm năng quảng, phi hữu phi không, bất sanh bất diệt, vô chung vô thỉ. Cầu chi nhi bất đắc, khí chi nhi bất ly. Mê hiện lượng, tắc hoặc khổ phân nhiên. Ngộ nhơn tánh, tắc không minh quách triệc.

Tuy tức tâm tức Phật, duy chứng giả phương tri. Hữu chứng hữu tri, tắc huệ nhật trầm một ư hữu địa. Nhược vô chiếu vô ngộ, tắc hôn vân yếm tế ư không môn".

Nhược nhất niệm bất sanh, tắc tiền hậu tế đoạn. Chiếu thể độc lập, vật ngã giai như, trực tạo tâm nguyên, vô trí vô đắc, bất thủ bất xả, vô đối vô tu.

Nhiên mê ngộ tương y, chơn vọng tương đải. Nhược cầu chơn khử vọng, như khí ảnh lao hình. Nhược thể vọng tức chơn, tợ xứ âm ảnh diệt : Nhược vô tâm vọng chiếu, tắc vạn lự đô quyên; nhược nhậm vận tịch tri, tắc chúng hạnh viên khải.

Phóng khoáng nhậm kỳ khứ trụ; tịnh giám kỳ nguyên lưu. Ngữ, mặc, bất thất huyền vi; động, tịnh, vị ly pháp giới. Ngôn chỉ, tắc song vong tri tịch. Luận quán, tắc song chiếu tịch tri. Ngữ chứng, tắc bất khả thị nhơn. Thuyết lý, tắc phi chứng bất liễu.

Thị dĩ ngộ tịch vô tịch, chơn tri vô tri dĩ tri tịch bất nhị chi nhất tâm, khế không hữu song vong chi trung đạo.

"Văn thinh kiến sắc, cái thị tầm thường".

Thượng cú, căn trần tương đối. Hạ cú, liễu đạt tâm cảnh. Tình vong chấp tạ, như kính đối tượng, vô thủ xả tâm, cố viết tầm thường.

Ngài Thanh Lương Quốc sư nói : "*Lý chí đạo gốc ở nơi tâm, còn tâm thì gốc ở nơi vô trụ; cái tâm vô trụ sáng suốt không mê muội. Tánh và tướng đều vắng lặng trùm cả muôn đức muôn dụng, gồm nhiếp trong ngoài, sâu quá sâu, rộng quá rộng, chẳng phải có, chẳng phải không, không sanh, không diệt, không sau, không trước. Tìm nó nó không có, bỏ nó nó cũng không mất. Mê chơn thể hiện tượng, thời hoặc nghiệp khổ não lăng xăng. Ngộ đặng chơn tánh thời rỗng sáng thấu suốt.*

Tuy rằng tức tâm tức Phật, duy có người chứng mới biết. Nhưng nếu chấp mình có chứng có biết, thời mặt Nhật huệ ngấm chìm trong chỗ chấp có. Bằng mời mịt không tỏ không hiểu, thời lùm mây đen che phủ nơi cửa không môn". (chơn tánh).

Bằng một niệm không sanh, thời đời trước đời sau dứt hẳn. Thể sáng riêng bày, vật với ta đều như như, thẳng đến nguồn tâm, không chấp là trí, không chấp là chứng, không chấp chơn, cũng không bỏ vọng, không nhiễm, không tu.

Song cái mê cái ngộ nương nhau, cái chơn cái vọng đối đải với nhau, nếu ta tìm cái chơn bỏ cái vọng cũng như bỏ bóng theo hình. Bằng tỏ đặng vọng tức chơn, cũng như người đứng trong tối, thì bóng phải diệt. Bằng tâm trống trơn không đối chiếu nữa, thì muôn lự (cảnh vọng) *đều mất, thì mặc dầu cho nó vắng lặng và tỏ biết, các hạnh do đó mà liền mở ra.*

Rộng rải thênh thoang, mặc dầu cho nó đi, mặc dầu cho nó tới, lặng soi tỏ thấu nguồn mạch. Hoặc nói hoặc nín cũng không mất lý nhiệm mầu, khi động khi tịnh không lìa tánh pháp giới. Nói ba pháp chỉ, thời hai bên đều dứt, tỏ biết mà vắng lặng. Còn luận về ba phép quán, thời cả hai đều vắng lặng và chiếu soi. Nói chỗ chứng thời không thể chỉ cho người. Nói chí lý, thời người chưa chứng không thể rõ đặng.

Cho nên ngộ biết vắng lặng, thật có biết mà không chấp là biết bởi vì một cái tâm ngộ biết và vắng lặng không phải hai, mới hiệp với lý Trung Đạo (không và có đều mất).

Nghe tiếng thấy sắc chỉ là việc tầm thường.

Câu trên sáu căn, sáu trần đối nhau. Câu dưới tỏ thấu tâm cảnh. Tình không chấp hết, như kiến đối với hình tượng *(vẫn vô tình)*. Không tâm chấp bỏ, nên nói việc tầm thường.

Đầu Suất Duyệt tụng viết : "Đẳng nhàn hành xứ, bộ bộ giai như. Tuy cư thanh sắc, ninh trệ hữu vô. Nhất tâm mị dị, vạn pháp phi thù".

Qui Sơn vân : "Nhất thiết thời trung, thị thính tầm thường, cánh vô ủy khúc diệc bất bế mục tắc nhĩ, đản tình bất phụ vật, tức đắc. Tùng thượng chư Thánh, chỉ thiết trược biên quá hoạn. Nhược vô hứa đa ác giác tình kiến tưởng tập chi sự, thí như thu thỉ trừng đình, thanh tịnh vô vi, đạm đình vô ngại, hoán tác đạo nhơn, diệc danh vô sự nhơn dã".

Ký viết : Văn kiến thị căn. Thanh sắc thị trần, trần tức cảnh dã. Giác tri thị tâm. Tri tâm ly niệm, liễu cảnh nguyên không. Nhĩ văn mục đổ, bất khởi chơn vọng chi kiến , thị viết, tầm thường.

Bàn Cư Sĩ viết : "Đản tự vô tâm ư vạn vật, hà phương vạn vật thường vi nhiễu. Thiết ngưu bất phạ sư tử hống, cáp tợ mộc nhơn khán hoa điểu. Hoa điểu phùng nhơn diệc bất kinh, mộc nhơn thể bổn tự vô tình. Tâm cảnh như như chỉ giá thị, hà lự Bồ đề đạo bất thành".

"Giá biên, na biên, ứng dụng bất khuyết".

Thượng cú, đắc thể. Hạ cú, đắc dụng. Tiền cử kiến văn thinh sắc chi căn trần, dĩ cai tận nhứt thế chư pháp, pháp pháp viên dung, sự lý giao triệt. Thông thân ứng vật, thể dụng toàn chương, chiết triền phủ ngưỡng, túng hoành tự tại, xúc mục giai chơn, ngộ duyên thọ dụng.

Sở vị lâm cơ bất ngại, ứng vật vô câu, thị phi tình tận, phàm thánh giai trừ, thùy đắc

Ngài Đầu Suất Duyệt Thiền sư làm bài tụng nói : *"Chỗ làm rảnh rang, mỗi bước mỗi bước đều như như. Dù ở trong cảnh Thanh sắc đâu mắc cái chấp Hữu Vô. Hễ nhất tâm chẳng khác, thời muôn pháp không lạ".*

Tổ Qui Sơn nói : "Trong tất cả thời mắt thấy tai nghe cũng chỉ là việc tầm thường, vẫn không phân biệt và chìu uốn theo nó, cũng chẳng cần nhắm mắt bịt tai, miễn tâm mình không nhiễm muôn vật là được. Từ trước đến đây các vị Thánh, chỉ nói cái hại lầm của sự đắm nhiễm. Nếu tâm mình không có những việc vọng tình nghĩ quấy, riêng chấp tư tưởng và tập quán thời ví như nước mùa thu lóng đứng, trong sạch im lìm, lặng lẽ không bợn ngăn, mới gọi là người làm Đạo, cũng kêu là người vô sự vậy".

Lời Ký nói : *Nghe thấy là sáu căn. Thanh và sắc là sáu trần, trần là cảnh vậy. Tỏ biết là tâm vậy. Biết tâm này nó không khởi vọng niệm, rõ cảnh nầy nó vốn là không. Tai nghe mắt thấy chẳng khởi lòng chấp chơn hay vọng, nên gọi là tầm thường.*

Ông Bàn Cư Sĩ nói : *Hễ mình không tâm nhiễm muôn vật lo gì muôn vật thường vấn vít ta. Ví như con trâu bằng sắt không hề sợ tiếng rống con sư tử, như người bằng gỗ xem bức tranh chim vẽ.Chim vẽ gặp người gỗ cũng không sợ, bởi người gỗ bản tánh nó vô tình. Tâm cảnh sừng sựng, là như thế, lo gì đạo Bồ Đề chẳng thành.*

Bên lý bên sự, việc ứng dụng chẳng thiếu.

Câu trên đặng cái thể. Câu dưới đặng cái dụng. Văn trước nói thấy nghe, thanh sắc là sáu căn, sáu trần, đã gồm hết tất cả các pháp, mỗi pháp viên dung sự và lý thông suốt. Cả thân ứng muôn vật, thể và dụng đều bày, khi qua lại tới lui, dọc ngang tự tại, chạm mắt toàn chơn gặp duyên đều thọ dụng được hết.

Nghĩa là gặp cơ nào cũng không ngại cơ nào đối với muôn vật cũng không ngăn ngại một vật nào, dứt hết thị phi,

thùy thất, hà thân hà sơ. Triêm đầu tác dĩ, chỉ thiệt vi hư, phiên thân ma giới, chuyển cước tà đồ, liễu phi nghịch thuận, bất phạm công phu.

Cố Đại Châu vân : Giải đạo giả, hành trụ tọa ngọa, vô phi thị đạo. Ngộ pháp giả, túng hoành tự đại vô phi thị pháp.

Tứ Tô vân : Đản đản vô ngại, nhậm ý túng hoành. Bất tác thiện, bất tác ác, hành, trụ, tọa ngọa, xúc mục ngộ duyên, giai thị Phật chi diệu dụng. Sở vị niệm niệm Thích Ca xuất thế, bộ bộ Di Lặc há sanh. Phân biệt, hiện Văn Thù chi trí. Động dụng, vận Phổ Hiền chi hạnh. Môn môn nhi giai xuất cam lồ. Vị vị nhi tận thị đề hồ. Bất xuất Bồ đề chi lâm, trường xử hoa tạng chi hải. Quảng quảng nhi vô trần bất thấu. Triêu triêu nhi du nhật đẳng huy, khởi lao diệu biện dĩ tuyên dương, hà giả thần thông nhi hiển thị. Tư nãi vô sự đạo nhơn, đại tự tại dụng; phi phàm cảnh giới thức tâm sở tri. Đắc giả, tức như như Phật hĩ.

Ký viết : "Vị chơn như pháp giới tánh, toàn thể nhi khởi nhất thế gian chư pháp; thị tắc chư pháp, toàn thị tánh khởi, khởi vô biệt khởi, toàn thể nhi khởi. Cố toàn thể tức dụng, toàn dụng thị thể. Thể dụng toàn chương, sự lý giao triệt.

Cố đắc nhậm vận, đẳng đẳng, thể châu dụng biến, thị dĩ thông thân ứng vật. Thượng lai, liễu đạt sự lý thể dụng; hướng hạ, chánh minh dụng đức, dĩ đại dụng vô phương, hóa bị nhất thế; thượng thù tứ ân, hạ tư tam hữu. Cố viết : vầng lai tam giới, vị tha tác tắc".

không chấp thánh, phàm, thì còn cái gì nữa gọi là "*đắc*", có cái chi nữa gọi là "*thất*", và cái nào gọi là cái đáng "thân", cái nào là cái đáng "*sơ*". Đem đầu làm đuôi, chỉ thật làm giả, dời mình vào cõi ma, trở gót trong đường tà, trọn không nghịch thuận mà không phạm đến việc tham thiền.

Cho nên ông Đại Châu Hòa thượng nói : "Người rõ Đạo đi, đứng, ngồi, nằm, không lúc nào là không phải Đạo. Người tỏ đặng chánh pháp dọc ngang, thong thả, không lúc nào là không phải "pháp".

Đức Tứ Tổ cũng nói : Người đắc ngộ rồi, thênh thênh thang thang không ngăn ngại, mặc ý dọc ngang. Chẳng làm lành cũng chẳng làm ác, đi, đứng, ngồi, nằm, xúc cảnh ngộ duyên đều là diệu dụng của đức Phật cả. Nên có câu : Người ngộ đặng rồi, trong mỗi niệm, mỗi niệm đức Thích Ca ra đời, trong mỗi bước, mỗi bước Phật Di Lặc giáng sanh. Lúc phân biệt hiện trí Văn Thù. Trong khi động dụng làm hạnh đức Phổ Hiền. Mỗi pháp môn, mỗi pháp môn, cũng đều tuôn ra chất cam lồ. Mỗi vị mỗi vị cũng đều là vị đề hồ. Chẳng ra khỏi đám rừng Bồ đề, thường ở trong biển Hoa tạng. Làu làu mà không một mảy trần nào chẳng thấu. Bừa bừa ví như mặt nhật khắp sáng ngời, đâu nhọc lời mầu đức Như Lai giải nói : Nào nhờ phép thần thông chỉ dắt, đây là cái dụng rất tự tại của ông Đạo nhơn vô sự chẳng phải thức tâm của người Phàm mà rõ biết đâu. Người đặng cảnh giới đây tức là ông Như Như Phật vậy.

Lời Ký nói : *Gọi tánh của Chơn Như pháp giới, toàn thể của nó khởi ra tất cả pháp thế gian và xuất thế gian và xuất thế gian, thế là các pháp kia toàn là pháp ở trong tánh Chơn Như pháp giới khởi ra. Nhưng nó khởi không có chi khác chỉ ở trong toàn thể ấy mà khởi ra. Cho nên toàn cả thể là dụng, mà toàn cả dụng là thể. Thể là dụng đều bày thời sự lý thấu suốt.*

Cho nên mặc dầu phơi phới, thể tròn dụng khắp thực là cả thân đều ứng hiện muôn vật. Từ trước đến đây rõ thấu sự lý, thể dụng ; từ đây sắp sau chính nói cái đức của dụng, lấy chỗ đại dụng không cùng mà giáo hóa tất cả; trước đền đáp bốn ân, sau cứu giúp chúng sanh trong ba cõi. Cho nên có câu : Qua lại trong ba cõi vì làm phép tắc cho người.

NHỊ. - TÁN MIỄN

Như tư hành chỉ, thiệt bất uổng phi pháp phục; diệc nãi thù báo tứ ân, bạt tế tam hữu.

Thượng nhị cú, minh tự ích. Hạ nhị cú, minh ích tha. Vị như thượng tu lý, thành vi bất đồ tại truy môn. Kỳ nhi đức hạnh bị sung, tứ ân tự nhiên bị ích. Truyền xướng phu dương, tam giới tận triêm lợi lạc.

Ký viết : "Pháp phục, tức Ca sa Phạm ngữ Ca sa, thử vân, hoại sắc : Vị dĩ thanh, hắc, mộc lan, tam như pháp sắc nhiễm chi. Tam thế Như Lai đồng trước thử y. Cố vân pháp phục, phi chỉ năng đoạn phiền não, phục danh ly trần phục.

Long đắc nhất lủ tắc miễn kim sí điểu thực. Cố danh cứu long y, diệc danh nhẫn nhục khải; diệc danh liên hoa phục; diệc danh giải thoát phục; diệc danh phước điền y. Hữu như thị chủng chủng công năng, cố Phật chế chỉ, thường dữ cận thân, bất đắc ly túc.

Sự SAO vân : "Luật chế cẩn hộ tam y như thân bạc bì, Bát như nhãn tình, kỉnh chi như pháp. Thường tu tùy thân, như điểu nhị dực, phi tẩu tương tùy, chư bộ luật văn, tinh chế tùy thân. Kim thời đản bộ ly túc, bất ưng giáo dã".

Ký vân : Kim thời hi hữu hộ túc, hà huống thường tùy. Đa hữu tất sanh, thân vô pháp phục; thị tắc mạc thế hộ túc, du vi thắng hĩ. Lương do tự vô tịnh tín, mạn pháp khinh y, hiện tiền Ca sa ly thể, đương lai thiết diệp triền thân. Chơn xuất gia nhi, nguyện tuân Thánh huấn vô tự khinh dã.

Sanh sanh nhược năng bất thối; Phật giai quyết định khả kỳ; vãng lai tam giới chỉ tân, xuất một vị tha tác tắc.

2) KHEN GẮNG

Chỗ làm như thế, thật chẳng uổng mặc áo pháp; cũng là đền trả bốn ân, cứu giúp ba cõi.

Hai câu trên, nói lợi ích phần mình Hai câu dưới, làm lợi ích cho người khác Nghĩa là tu hành như trên, thật là ở trong chùa không uổng. Song đức hạnh đầy đủ, tự nhiên đặng ích bốn ân. Rao truyền chánh pháp, thời ba cõi chúng sanh đều nhờ lợi lạc.

Lời Ký nói : *Áo pháp tức là áo Ca sa. Tiếng Phạn ngữ "Ca sa"Hándịch "hoại sắc". Nghĩa dùng màu phai, màu nâu, màu dà, ba màu theo phép nhuộm đó. Ba đời các đức Như Lai, đồng đắp y này. Cho nên gọi là áo pháp, mặc áo này có thể dứt tâm phiền não, áo nầy cũng có tên là áo "Ly trần".*

Con Rồng đặng một sợi chỉ thời khỏi nạn chim cánh vàng ăn. Cho nên gọi là áo Cửu long, cũng gọi là giáp nhẫn nhục, cũng gọi là áo Liên hoa, cũng gọi là áo Giải thoát, cũng gọi là áo Phước điền. Áo nầy có nhiều công năng như thế cho nên đức Phật chế ra, thường phải đắp nơi thân, chớ nên cách đêm.

Bộ SỰ SAO nói : *Trong luật dạy kính giữ ba áo* (tam y) *như da mỏng của thân, bình bát như tròng con mắt, kỉnh như kỉnh pháp. Thường phải đem theo mình, như chim có hai cánh bay chạy theo nhau, trong các bộ Luật văn đều dạy đem theo mình. Thế mà đời bây giờ chỉ giữ y bát chẳng cách đêm, chẳng nhằm pháp dạy vậy.*

Lời Ký nói : *Đời bây giờ ít có người giữ cho khỏi cách đêm, huống chi thường đem theo. Có lắm người cả đời thân không mặc áo pháp, thời đủ biết thời mạt pháp này người giữ khỏi cách đêm cũng là hơn vậy. Vì do mình không tâm tin tưởng dễ pháp khinh y, đương đời áo Ca sa lìa thể, thời sau giáp sắt vấn thân. Trang quyết chí xuất gia, xin vâng lời Phật dạy, kính giữ ba y, đừng tự khinh vậy.*

Đời đời nếu cứ giữ được hạnh nguyện không lui, như thế, thời ngôi Phật quyết chắc được nên.

Làm khách qua lại trong ba cõi. Ra vào làm phép tắc cho người đời.

Thượng nhị cú, tự hành. Hạ nhị cú, hóa tha. Vị tuy đốn ngộ tự tâm, nhi trần sa phiền não, vô thỉ tập khí, phi nhất nhật khả đào. Cố tu tháo tâm dục đức, uẩn tố tinh thần, thỉ bất bị cách ấm chi hôn, nãi năng sanh sanh bất thối. Tập tận đức viên, pháp thân hiển lộ, nhi Phật quả tự chứng.

Bất trụ sanh tử, bất trụ Niết bàn, dĩ bi trí nhi tương phụ dực, vận vô duyên từ, độ hữu tình giới. Tùy loại phân thân nhập triền thùy thủ, hòa quang đồng trần châu triền lục thú, dữ chúng sanh tác bất thỉnh chi hữu, vi nhơn thiên tam thừa chi hủy tắc giả dã.

Ký viết : Tiền khải ngộ chơn nguyên, thị khế tự tâm chơn như nhơn địa Phật. Thủ trung ngôn Phật giai giả ? Nãi chứng cứu cánh quả vị Phật dã. Dục yếu bất bị cách ấm chi hôn, tu đắc thử tâm thường bất muội, phương năng vãng lai tự do, xuất một nhậm kỷ.

Hoặc viết : Ký chứng Phật giai thị đắc vô sanh, hà hữu xuất một ?

Đáp viết : Chư Phật chứng đắc vô trụ xứ Niết Bàn, phi đồng nhị thừa sở chứng khôi thân đoạn trí vô dư Niết bàn. Cố bất trụ sanh tử, cập dữ Niết Bàn lợi lạc hữu tình, cùng vị lai tế.

Nhược trụ Niết Bàn vô độ sanh dụng. Nhược trụ sanh tử, vô đoạn chướng dụng, dĩ năng đoạn chướng, cập năng độ sanh, cố danh vô trụ.

Tuy cùng vị lai tế, cụ vô lượng lợi sanh, đại dụng, nhi thể vĩnh tịch, cố danh Niết bàn. Hựu giáo hữu quyền thiệt chơn tục lưỡng môn, chơn đế môn trung, tắc thánh phàm hữu vô chi tâm cu dẫn . Tục đế môn trung,

Hai câu trên, mình tu hành. Hai câu dưới, hóa độ người. Nghĩa là tuy tỏ ngộ tâm mình nhưng còn trần sa phiền não, và tập khí từ bao kiếp dễ gì một ngày trừ sạch đặng. Nên cần phải rửa lòng nuôi đức, chứa sạch tinh thần, mới khỏi bị cái hôn mê cách ấm *(đầu thai trong bụng mẹ)*, mới có thể đời đời không lui chí nguyện. Hoặc tập hết, đức hạnh hoàn toàn, thời pháp thân mới tỏ bày, mà đặng chứng quả Phật.

Chẳng trụ sanh tử khổ, chẳng trụ Niết bàn vui, thường dùng lòng Bi trí giúp đỡ cho nhau, đem lòng từ vô duyên, không đợi người thỉnh mà độ cõi hữu tình. Tùy mỗi loại phân nhiều thân, vào cõi trần đưa bàn tay tế độ, phóng hào quang trong trần thế, khắp giáp sáu đường, làm người bạn bất thỉnh cho chúng sanh làm phép tắc cho cõi nhơn thiên, bực Tam thừa ấy vậy.

Lời Ký nói : *Bài trước mở dạy nguồn chơn là nhận ông Phật Chơn Như Nhơn địa trong tâm mình. Còn trong bài này nói bực Phật là chi ? - Chính ông Phật chứng quả vị rốt ráo vậy. Song muốn cho khỏi hôn mê cách ấm, thời cần phải tâm này thường không mê muội, mới đặng tới lui tự do ra vào mặc ý.*

Hoặc có người hỏi : Đã chứng ngôi Phật thời đặng quả Vô sanh, mà đã đặng quả Vô sanh rồi, thời đâu có xuất và nhập ?

- Đáp rằng : Chư Phật đã chứng quả Niết bàn Vô trụ, chẳng phải đồng như bực Nhị thừa chứng đặng quả Vô dư Niết bàn bặt thân dứt trí. Cho nên đức Phật không trụ đường sanh tử mà cũng không trụ quả Niết bàn, lợi lạc cho chúng Hữu tình tột đời vì lai. Vì sao ?

Nếu Phật ngài trụ Niết bàn không tài năng độ sanh. Còn như Phật trụ trong sanh tử, thời không công dụng dứt nghiệp chướng, vì Phật hay dứt nghiệp chướng lại hay độ chúng sanh. Cho nên kêu là Vô Trụ.

Tuy ngài đủ vô lượng công dụng to lớn lợi ích cho chúng sanh tột đời vị lai, nhưng mà thể ngài vẫn vắng lặng, cho nên kêu là Niết Bàn. Lại trong giáo pháp của Ngài có

tắc thánh phàm duyên sanh chi tâm bất vô; cố hữu cảm tùy ứng, vị tha tác tắc dã.

Ngôn hòa quang đồng trần giả ? Hòa, thị hỗn tạp; quang, thị trí dụng; trần, vị tam giới lục đạo trần ô chi cảnh, nhi Thánh nhơn hồn hòa kỳ gian, dĩ giáo trí quang nhi khai đạo chi.

Châu triền giả ? Tức vãng lai xuất một dã.

Thử chi nhất học, tối diệu tối huyền, đản biện khẩn tâm, bất tất tương trám.

Thượng nhị cú, thán đạo. Hạ thị cú, khuyến tấn. Ngôn thử giáo ngoại nhất tông, ly văn tự tướng tuyệt tâm lộ học, bất lạc giai cấp, trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật. Thị vi đối diệu tối huyền; duy khủng đương nhơn, tín chi bất cập. Nhược dã vô nghi, khẩn tâm quyết chí hướng tiền, tất vô trám ngộ giả dã.

NHỊ - GIÁO LY, *NHỊ*
NHẤT : THỊ GIÁO. - *NHỊ* : GIỚI MIỄN

NHẤT : THỊ GIÁO.

Nhược hữu trung lưu chi sĩ, vị năng đốn siêu, thử ư giáo pháp lưu tâm, ôn tầm bối diệp.

Thượng nhi cú, minh cơ : hạ nhị cú, minh giáo. Dĩ Như Lai tùy cơ thiết giáo, quán căn thọ pháp, cố hữu tam thừa, thập nhị chi phần, giáo ngoại biệt truyền chi dị.

phân ra pháp quyền và pháp thật, Chơn đế và Tục đế hai môn. Trong môn Chơn đế thời tâm thánh, phàm, có, không đều dứt. Trong môn Tục đế thời tâm thánh phàn, duyên sanh chẳng phải là không, cho nên chúng sanh có cảm thì Phật liền ứng, ứng hiện thân để làm phép tắc cho người vậy.

Thế nào phóng hào quang trong cõi trần ư ? Phóng là nghĩa xen lộn; hào quang là chỉ cho trí đức và công dụng; cõi trần nghĩa là những cảnh trần ô trong ba cõi sáu đường mà đức Phật ngài xen lộn ở trong đó, đặng dùng trí đức hào quang để khai sáng cho chúng nó.

Khắp giáp là gì ? Tức là qua lại, ra vào trong sáu đường tế độ chúng sanh vậy.

Trong một việc học tham thiền đây, rất nhiệm rất mầu, hễ ta chuyên lòng gắng chí, thời quyết được kết quả, chớ chẳng gạt đâu.

Hai câu trên, khen Đạo. Hai câu dưới, khuyên gắng tới chỗ chí Đạo. Thiền định nghĩa là một Tông giáo ngoại biệt truyền. đây ngoài tướng văn tự, ngoài ý suy nghĩ, không theo giai cấp, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật. Thật là một pháp môn rất nhiệm rất mầu, chỉ sợ những người tin không thể kịp. Nếu người tin kịp không nghi, và quyết lòng gắng chí sấn tới, thời chắc chắn không bao giờ lầm lạc vậy.

2. - GIÁO LÝ PHÂN LÀN HAI :

1/ NÊU PHÁP 2/ RĂN GẮNG

1/ NÊU PHÁP

Như có những người bực trung, chưa đặng vượt khỏi các môn phương tiện, phải để tâm nơi giáo pháp ôn tìm Kinh Luật.

Hai câu trên, nói căn cơ. Hai câu dưới, nói giáo pháp. Bởi đức Như Lai tùy cơ lập giáo, coi căn khí người mà trao pháp, cho nên có chia ra ba thừa và 12 bộ kinh, ngoài 12 bộ kinh ra còn có truyền riêng tông tham thiền khác nữa.

Thảng hoặc vị năng đốn siêu phương tiện chi môn, tất tu lưu tâm thục nghiện giáo điển. Văn thục, tắc lý chương; nhơn chỉ tự kiến nguyệt. Sở vị, tầm lưu đạt nguyên giả hĩ.

Ký viết : Thử bất ngôn hạ sĩ giả ? Vị trung nhơn khả dĩ ngữ thượng. Hạ sĩ văn đạo tắc tiếu, cố thử bất lục.

Thả ư giáo pháp lưu tâm giả ? Khủng phi sư tử nhi, bất năng tùng không phiên thân, thả linh duyên khê bàng cảnh.

Miễn hữu táng thân, thất mạn chi hoạn, cố sử ôn tầm, linh tùng lý ngộ nhập dã. Bối Diệp, tức tam tạng kinh điển, Phạm ngữ Bối đa la, thử vân ngạn ảnh.

Kỳ thọ như thử phương tông lư, trực nhi thả cao, diệp trường quảng, sắc quang nhuận. Tây quốc thơ tả, giai thủ dụng diên.

"Tinh sưu nghĩa lý, truyền xướng phu dương; tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức".

Sơ cú, tự hành. Thứ nhị cú, hóa tha. Mạt cú báo đức, Dục báo Phật ân, tất tu truyền dương tiếp dẫn.

Cố kệ vân : Dã sử đảnh đái kinh trần kiếp, thân vi sàng tòa biến tam thiên, nhược bất truyền pháp độ chúng sanh, tất cảnh vô năng báo ân giả.

Phù dục truyền dương chánh pháp, tu tiên ôn tầm bối diệp, thám hy u huyền, nghiên cứu tánh tướng; cùng tận nghĩa lý, bất trệ thuyên đề. Tông thú viên khải, khai phát sơ cơ sử chi ngộ nhập, phương vi báo Phật ân đức dã.

Tham thiền là một Tông vượt khỏi môn phương tiện, nếu ta chưa được vượt khỏi ắt phải để lòng xét chín kinh luật. Đọc văn cho thuộc thời lý tự bày, cũng như nhờ ngón tay chỉ được thấy mặt nguyệt. Nên tìm giòng lần đến nguồn mạch đó vậy.

Lời Ký nói : *Văn đây không nói người bực hạ là sao ? Nói người bực trung thời cũng có thể nói lên người bực thượng. Còn người bực hạ nghe đạo không nổi cười xà, nên văn đây không chép.*

Thế nào phải để tâm nơi giáo pháp ? - Sợ ta chưa ngoài văn tự được, phải nhờ giáo pháp, không nên buông bỏ. Như không phải con sư tử thì không thể trở mình giữa trống không, cần phải nương theo bờ khe dựa mé.

Khỏi cái nạn táng thân mất mạng; nên phải ôm tìm kinh luật, đặng nhờ kinh lý tỏ ngộ bản tâm vậy. Kinh luật tức kinh điển trong ba tạng, tiếng Phạn ngữ kêu kinh Bối Đa La. Hán dịch cây Ngạn Ảnh.

Cây kia như cây kè cõi này, thẳng và cao, lá dài mà rộng màu trơn láng mịn. Bên nước Tây Vức khi nào tả kinh chép luật, đều lấy lá cây này mà viết, nên gọi kinh Bối Đa La hay kinh Bối Diệp cũng thế.

Ròng xét nghĩa lý Kinh Luật, xướng truyền chánh pháp, tiếp dẫn kẻ hậu lai, trả ân Đức Phật.

Câu đầu, mình tu. Hai câu kế, dạy người khác. Câu rốt sau trả ơn đức Phật. Muốn trả ơn Đức Phật ắt phải truyền nói chánh pháp cho kẻ hậu lai.

Nên có bài kệ : Dầu cho đầu đội Phật nhiều kiếp như vi trần, thân làm giường Phật ngồi, khắp ba nghìn thế giới, bằng ta không truyền pháp độ chúng sinh, rốt ráo không trả ơn cho Ngài đặng.

Luận rằng : Muốn truyền nói chánh pháp trước phải ôn tìm kinh điển gạn xét lý sâu mầu, nghiên cứu tánh và tướng, cùng tột nghĩa lý, chớ trệ nơi văn tự. Chỗ tôn thú đều tỏ mở dạy kẻ sơ cơ, cho đặng ngộ nhập, mới là trả ơn đức cho Phật vậy.

Ký viết : Thượng linh thục cứu kỳ văn. Thử linh suy cùng nghĩa lý. Nghĩa giả ? Giáo chi sở hiển. Lý giả ? Nghĩa chi sở qui.

Thuyên đề giả, thuyên vị đắc ngư. Đề vị đắc thố.

Chỉ vị nguyệt tiêu, đắc ý vong ngôn, thỉ bất trệ ư thuyên đề.

Cố kinh vân : Tu đa la giáo, như tiêu nguyệt chỉ, nhược phục kiến nguyệt, liễu tri sở tiêu, tất cảnh phi nguyệt. Như thị tri giả, phương năng nhơn giáo ngộ tâm, bất mê kinh chỉ, tự lợi lợi tha, báo Phật ân đức, thành vi quốc chi bảo dã.

"Thời quang diệc bất hư khí, tất tu dĩ thử phò trì; trụ chỉ oai nghi, tiện thị tăng trung pháp khí".

Sơ cú, tán đức. Thứ cú, chúc hà. Hạ nhị cú, hạnh xứng. Cụ như thượng giải hạnh báo đức, thành vi quang âm bất hư táng hĩ. Khử Thánh thời diêu, pháp âm cửu tịch.

Nhược bất miễn lực phò trì, pháp diệt tại nhĩ, chung phi báo đức, tất tu kiên chí hà trì chánh pháp.

Tự hành hóa tha, giác hạnh tiệm viên, danh chơn báo ân. Ký nhĩ đức sung hạnh dinh, nội ngoại hiệp triệt, nghiễm nhiên tăng bửu, nhơn thiên sư tượng tức Như Lai sứ, hành Như Lai sự hĩ.

Lời Ký nói : *Bài trước biểu học thuộc văn kia. Bài nầy dạy ta tìm cho tột nghĩa lý. Nghĩa là chỗ rõ bày của kinh. Lý là chỗ kết lại của nghĩa ấy.*

Văn tự hay kinh điển, tàu gọi chữ Thuyên đề. Thuyên đề là gì ? Thuyên là cái nôm để bắt cá. Đề là cái rập để bắt con thỏ. Nay ta mượn hai vật này để ví dụ, khi ta chưa tỏ ngộ chơn tâm, cần nhờ văn tự của kinh và luật, sau khi được cá phá nôm, được thỏ bỏ rập, thì văn tự cũng không dùng chi nữa.

Ví như muốn thấy mặt trăng, phải nhờ ngón tay nêu chỉ đặng ý quên lời, mới là không dính mắt nơi văn tự.

Cho nên trong kinh nói : Ba tạng giáo điển dường như ngón tay chỉ mặt nguyệt, sau khi thấy mặt nguyệt rõ biết chỗ chỉ rốt ráo là không phải mặt nguyệt. Người biết như vậy mới có thể nhờ kinh giáo mà ngộ đặng bản tâm và khỏi mất tôn chỉ trong kinh, thực hành chủ nghĩa lợi mình (tự lợi) *lợi người* (lợi tha) *trả ân đức cho Phật, thật là một vật báu trong nước vậy.*

Thì giờ cũng chớ luống bỏ, ắt phải lấy đây giữ gìn đi, đứng oai nghi, thật là pháp khí trong hàng Tăng Bảo.

Câu đầu, khen đức tu hành của mình. Câu kế, dặn phải giữ gìn chánh pháp. Hai câu sau hạnh xứng với hàng Tăng Bảo. Nghĩa là có đủ hạnh và giải như trên mới trả ơn đức cho Phật thật là không luống bỏ tấc bóng vậy. Nay cách Phật xa đời tiếng pháp âm đã vắng lâu.

Nếu ta không gắng sức phò trì, thời chánh pháp đức Phật diệt liền gần đây, rốt cuộc không trả ơn đức gì cả; cho nên quyết phải gắng chí gánh vác chánh pháp.

Mình làm rồi dạy người khác, hạnh tự giác, giác tha, lần lần đầy đủ, mới thực là trả ơn. Đã được đức đầy hạnh đủ, trong ngoài nhằm phép rở ràng ngôi Tăng bảo, làm vị Sư tượng cối nhơn thiên, tức người "Sứ" đức Như Lai, hay làm công việc đức Như Lai vậy.

Cố Trường Lư vân : Thượng thượng chi cơ, nhất sanh thủ biện. Trung lưu chi sĩ, trưởng dưỡng Thánh thai.

Chí ư vị ngộ tâm nguyên, thời trung diệc bất hư khí, cận vị mạt pháp chi tân lương, tất chứng Nhị nghiêm chi cực quả.

Ký viết : Như Lai sứ giả ? Ban truyền Phật chỉ, cố danh vi sứ, sứ tức sở sử. Tuyên Phật nhơn quả. danh Như Lai sự. Đức sung hạnh dinh, nội ngoại hiệp triệt, thị vi trụ chỉ oai nghi dã.

Nghiễm nhiên Tăng bửu, nhơn thiên sư tượng, thị viết tăng trung pháp khí dã.

HOA NGHIÊM kinh vân : Cụ túc thọ trì oa nghi giáo pháp, năng linh Tam bửu bất đoạn. Cái do Phật Pháp nhị bửu, tinh tạ Tăng hoằng; Tăng bửu sở tồn, phi giới bất lập. Cố vân : thuận tắc Tam Bửu trụ trì, vi tắc phúc diệt chánh pháp. Thị tri oai nghi bất khả bất cụ trì tai.

"Khởi bất kiến ỷ tòng chi cát, thượng túng thiên tầm. Phụ thác thắng nhơn phương năng quảng ích".

Thượng nhị cú, thiết dụ. Hạ nhị cú, thị pháp. Tòng dụ thắng nhơn. Cát, dụ phụ thác. Thiên tầm, dụ quảng ích. Thắng nhơn, tức giáo lý. Phụ thác, tức quán trí. Dĩ trí quán lý, ngộ nhập vô sanh. Kiến tề Phật địa, biện huệ vô cùng; phu dương lợi vật, thành chơn pháp khí.

Nên ngài Trường Lô nói : "Những hạng người bực thượng tu phép thiền trực chỉ một đời đặng xong. Còn những chúng bực trung mà tìm xét lý kinh cũng là nuôi lớn tâm Phật mình.

Chí như ta gia công tìm xét dù chưa tỏ ngộ nguồn tâm, nhưng trong mỗi giờ phút cũng chớ luống bỏ, gần đây mình làm cầu bến đời mạt pháp và về sau cũng có thể chứng tột quả Nhị nghiêm". *(Y, chánh pháp trang nghiêm).*

Lời Ký nói : *Người sứ đức Như Lai là ai ? Kẻ ban truyền sắc chỉ của đức Phật nên gọi là người sứ, sứ là nghĩa sai khiến. Làm việc đức Như Lai là gì ? Rao bày lý nhân quả của Phật gọi là việc đức Như Lai. Đức đầy hạnh đủ trong ngoài in nhau, ấy gọi là giữ gìn nết hạnh đi đứng có oai nghi vậy.*

Thế nào là pháp khí trong hàng Tăng Bảo ? - Rở ràng ngôi Tăng Bảo làm vị Sư Tượng cõi Nhơn Thiên nên gọi pháp khí trong hàng Tăng Bảo vậy. Nên trong kinh HOA NGHIÊM có câu : Giữ gìn oai nghi và giáo pháp trọn vẹn, hay khiến ngôi Tam Bảo chẳng dứt phải vậy. Bởi do Phật bảo và Pháp bảo hai ngôi đều nhờ ngôi Tăng bảo mở rộng. Nhưng ngôi Tăng Bảo thường còn, nếu không Giới Luật thời không đứng vững. Cho nên nói câu : Thuận oai nghi thời hằng còn ngôi Tam Bảo, trái oai nghi thời úp mất chánh pháp. Nên biết rằng, việc oai nghi, cần phải giữ gìn cho trọn vẹn vậy.

Tổ Qui Sơn nhắc : Các Ngài ! Há chẳng thấy dây sắn nương cây Tòng vượt cao ngàn tầm. Ta nương gá nhơn tốt mới được lợi ích nhiều.

Hai câu trên, lập lời ví dụ. Hai câu dưới chỉ bày giáo pháp. Cây Tòng dụ nhơn tốt. Dây sắn dụ sự nương gá. Nghìn tầm dụ lợi ích nhiều. Nhơn tốt là gì. Tức nghĩa lý trong kinh luật. Nương gá là chi ? Tức cái trí tìm xét. Nghĩa là lấy trí xét lấy ngộ vào cái vô sanh. Chỗ thấy bằng bực Phật, vô cùng trí huệ biện tài, mở bày chánh pháp, lợi ích người đời, thiệt là rường cột trong Phật pháp.

Ký viết : Tòng, dụ lý. Cát, dụ trí : Dĩ trí quán lý, đắc kiến pháp thân đệ nhất nghĩa đế, túng vị thân chứng, nhi pháp nhãn dĩ minh bất thọ thỉnh sắc sở hoặc, phương năng truyền xướng phu dương, lợi tế quần phẩm.

Quảng ích hữu nhị : Nhất tự quảng ích, kiến tề Phật địa. Nhị quảng ích tha, phu dương lợi vật.

Ngôn đệ nhứt nghĩa đế giả ? Tối thượng thậm thâm chi lý, kỳ thể trạm tịch, kỳ tánh hư dung, vô danh vô tướng, tuyệt nghị tuyệt tư, chơn tục bất nhị, không hữu song phi, hiển trung đạo nghĩa.

Cố viết đệ nhứt nghĩa. Hựu bất đọa chư số lượng; cố ngôn đệ nhất, như Kinh vân : Tuy nhất diệc bất vi nhất, vị phá chư số cố.

Khẩn tu trai giới, mạc mạn khuy du. Thế thế sanh sanh, thù diệu nhơn quả .

Thượng nhị cú, giới nhơn; hạ nhị cú; giới quả. Khẩn, vị khẩn thiết. Tu, vị tu trì. Trai chi vi ngôn; tề dã. Dĩ thực tề nhật trung, phỏng đồng chư Phật, lý tiển trung đạo chi vị dã. Hựu Phật dục chế đoạn lục thú nhơn, cố linh đồng tam thế Phật thực.

Như kinh vân : Chư Thiên tảo khởi thực. Chư Phật nhật trung thực. Súc sanh nhật tây thực. Quỉ thần nhật mộ thực. Tăng tùy Phật học, cố tùng trung thực. Nhiên trung tiền đắc thực giả ? Dĩ biểu tiền phương tiện đắc hữu chứng nghĩa. Trung hậu bất đắc thực giả ? Biểu pháp giới ngoại cánh vô biệt pháp.

Hoặc viết : Trung sĩ hộ giới khả nhĩ; Thượng sĩ ưng bất tại luận ?

Đáp viết : Đại sĩ hộ giới, du cấp ư Thỉnh văn. úy tiểu tội, như bố đại khiên, Lịch đại Tổ sư, diệc vị văn hữu phá trai phạm giới chi giả.

Lời Ký nói : *Cây tòng du lý. Dây sắn du tri. Lấy trí xét lý, đặng thấy nghĩa đế, thứ nhứt trong Pháp thân, dù chưa chứng đặng Pháp thân, nhưng đã có con mắt Trạch pháp rõ ràng khỏi bị tụi sắc thinh lôi cuốn, mới có thể truyền xướng phu dương, lợi ích người đời.*

Thế nào nhiều lợi ích ? Có hai nghĩa : 1./ Mình được nhiều lợi ích, chỉ tri kiến bằng bực Phật. 2./ Nhiều lợi ích cho kẻ khác, là khắp bày chánh pháp, lợi ích muôn loài.

Đệ nhứt nghĩa đế là gì ? Cái lý tối cao rất thẩm, thể nó vắng lặng, tính nó trống rỗng không danh không tướng, lời không thể bàn, ý không thể nghĩ, chơn và tục không hai, có và không đều dứt, rõ bày nghĩa Trung đạo.

Cho nên nói nghĩa đế thứ nhứt. Lại nữa không mắc vào các con số lượng, nên gọi Đệ nhứt như trong kinh nói : Tuy nhứt nhưng cũng chẳng phải nhứt, vì nó đã ngoài các con số (có và không) *vậy.*

Các ngài ơi ! Hãy gắng tu trai giới chớ khinh dễ mà bỏ qua. Đời đời kiếp kiếp nhơn lành quả tốt.

Hai câu trên, nhơn giữ giới. Hai câu dưới kết quả của sự giữ giới. Khẩn là gì ? Gắng thiết. Tu là gì ? Tu trì. Trai là chi ? Nghĩa đúng vậy. Do ăn đúng giờ nhựt trung bắt chước các đức Phật noi theo nghĩa Trung đạo vậy. Lại nữa bởi Phật muốn đoạn nhơn sáu thú, nên dạy phải ăn đồng ba đời các đức Phật.

Như trong kinh Thập Giới nói : Chư Thiên ăn sớm mai, các đức Phật ăn giờ Nhựt Trung *(Mặt trời đứng bóng)*. Mặt trời xế súc sanh ăn. Mặt trời lặn, Qủi Thần ăn. Ông thầy học theo Phật nên ăn theo Nhựt trung. Song trước Nhựt trung đặng ăn là sao ? Bởi nêu pháp phương tiện trước khi, tu và học cũng có nghĩa chứng. Sau Nhựt trung không ăn là gì ? Bởi nêu ngoài pháp giới của tâm không còn pháp chi khác nữa.

Hoặc có người hỏi : Người bực trung giữ giới cần phải như vậy phải rồi, chớ người bực Thượng bất luận giờ nào ?

Đáp rằng : Bực Đại sĩ giữ giới còn gắt hơn hàng Thinh văn, sợ lỗi nhỏ như sợ tội to. Tổ Sư nhiều đời cũng chưa từng nghe ngài nào phá trai phạm giới.

Như Thanh Lương Quốc sư, nãi Hoa Nghiêm Bồ tát, tự dĩ thập luật nghiêm thân, Vĩnh Gia bất thực sừ đầu hạ thể.

Trung phong bất ly thủy nang, Ca Diếp Tôn giả, thủ truyền tâm ấn, hạnh đầu đà tự chí chung thân. Nhật trung nhất thực, ngọ tiền bất xan, trung hậu bất ẩm quả tương. Chánh vị đoạn trừ tam giới, chi tập nhơn. Bất trước nhị biên chi quá thất, diệc biểu đốn siêu phương tiện, bất do môn hộ nhi chứng nhập giả dã.

Hoặc viết : Giáo trung hữu thừa cấp giới huỡn. Giới cấp thừa huỡn. Thừa giới cu cấp, thừa giới cu huỡn chi ngữ, thử tắc giới tợ khả huỡn, thừa nghi khả cấp?

Đáp viết : Thừa, lý dã. Giới, sự dã. Sự do lý lập, lý nhơn sự sanh. Sự lý viên dung, phương danh Thượng sĩ : như điểu nhị dực, khuyết nhất tức thất vạn lý chi chứ; du nhơn lưỡng mục, hủy nhất tắc vô hỗ dụng chi chiếu .

Cố kỳ thừa cấp giới huỡn, nãi đọa Tu La, quỉ, súc nhi văn pháp. Do thừa giới cu cấp, toại sanh nhơn thiên nhi ngộ đạo, kỳ huỡn cấp ưu liệt, tư khả kiến hĩ.

Giới giả ? Phòng phi chỉ ác, diệc trừ tam độc chi vị dã. Khuy du giả ? Khuy, vị khuy khuyết, nãi vi phạm dã. Du, vị du việt, nhi phất học dã.

Thù diệu nhơn quả giả ? Dĩ giới tịnh cố, hiện tắc thân tâm kiểu khiết, đương lai sanh sanh báo dĩ đoan nghiêm chi thể, nãi chí tam thập nhị tướng, vạn đức trang nghiêm chi xu, mạt bất dĩ giới vi nhơn. Do kỳ nhân thù, cố kỳ quả diệu.

Ngài Thanh Lương Quốc Sư là ông Bồ tát Hoa Nghiêm (Bồ tát Đại thừa) còn lấy mười điều Giới Luật sửa mình. Ngài Vĩnh Gia không ăn rau dưới đầu cuốc *(cuốc đất trồng rau chết trùng kiến).*

Tổ Khuê Phong chẳng lìa đãy lượt nước. Đức Tôn Giả Ca Diếp, là bực truyền Tâm ấn đầu tiên, tu hạnh Đầu Đà cho đến trọn đời. Giữa ngày ăn một bữa, trước giờ Ngọ không ăn chi hết, sau Nhật trung chẳng uống nước các thứ trái. Các Ngài đây chính là muốn dứt hẳn tập nhơn trong ba cõi. Không dính mắc các lối lầm, chấp có chấp không, cũng nêu nghĩa vượt khỏi pháp phương tiện, chẳng cần noi theo cửa nẻo bực Tam thừa, mà chứng vào quả Phật đó vậy.

Hoặc có người hỏi những câu như là : Trong kinh có nói học kinh gấp, giữ giới hươn, hoặc nói giữ giới gấp, hoặc kinh hươn. Hoặc nói học kinh và giữ giới đều gấp, hoặc nói học kinh giữ giới đều hươn, mà văn cảnh sách này tôi xem tuồng như sự giữ giới hươn hơn, còn học kinh cần phải cho gấp ?

- *Đáp rằng :* Chẳng phải thế. Vì sao ? Học kinh là lý vậy. Giữ giới là sự vậy. Sự do lý lập, lý nhờ sự mới có. Sự và lý viên dung, mới kêu là bực Thượng sĩ, như chim có hai cánh, thiếu một thời không thể bay nghìm dặm, như người có hai con mắt hư một con thì sự thấy không đủ sức.

Cho nên những người đời nay học kinh gấp, giữ giới hươn. Chính sau đọa Tu La, ngạ quỉ và súc sanh, mà được nghe pháp. Còn ai học kinh và giữ giới đều gấp được sanh lên cõi người, cõi trời và ngộ đạo. Ôi ! Sự hươn gấp hơn thua như thế nào kia, xin xem đoạn văn này cũng đủ thấy rõ rồi vậy.

Giới là gì ? Là nghĩa ngăn ác ngừa quấy, dứt trừ ba độc tham sân và si. Thế nào bỏ qua ? Bỏ là nghĩa trái phạm hay kém thiếu. Qua là nghĩa nhảy vượt, tức không chịu học vậy.

Nhơn lành quả tốt là gì ? Do vì giữ tịnh giới hiện thời thân tâm trong sạch, đời sau, mỗi đời được báo thân đoan chính trang nghiêm, cho đến 32 tướng thân muôn đức rực rỡ cũng đều nhờ giữ giới làm nhân. Do nhân lành nên kết quả tốt.

Nhược bất trì giới, thượng bất đắc nhơn thân, huống đắc công đức chi thể. Hựu giới bất tịnh, thả vô chánh tín ; túng hữu huyền hà chi biện, nhi hạnh giải toàn vi, khởi năng truyền xướng phu dương, báo Phật ân đức !

Kim chi thiền học, mạn Phật tỳ ni, phục vi tố giới, thượng phi tín nhơn, yên danh thượng sĩ ; hề năng phu dương lợi vật, truyền Phật tâm ấn giả tai. !

Ký viết : Quả tương giả ? Vị dĩ chư quả yểm tương, lự chỉ trừng thanh, đích tịnh ẩm chi. Tam thế Như Lai thực bất quá trung giả ? Dĩ chư Phật tánh hằng xử trung đạo, thị cố Như Lai tự dản vương cung, nãi chí Niết Bàn, ư kỳ trung gian, tằng vị hữu phi thời chi thực.

Cố Luận vân : Như Lai tánh ly phi thời thực ; cố Phật ngôn, trung hậu bất thực hữu ngũ phước. Nhất, thiểu dâm, Nhị, thiểu thùy. Tam, đắc nhất tâm. Tứ, vô hạ phong. Ngũ, đắc thân an ổn diệc bất tác bệnh. Ngôn mạn giả ? Khí dã, hựu dữ mạn đồng, đải dã, hốt dã, bất kỉnh dã.

KHỞI TÍN vân : Nãi chí tiểu tội, tâm sanh bố úy, tàm quý cải hối, bất đắc khinh ư Như Lai sở chế cấm giới. Đương hộ cơ hiềm, bất linh chúng sanh vọng khởi tội quá. Tư thành tự lợi, lợi tha, hà trì chánh pháp, phu dương lợi vật, báo Phật ân đức giả dã.

NHỊ. - GIỚI MIỄN

"Bất khả đẳng nhàn quá nhật, ngột ngột độ thời ; khả tích quang âm, bất cầu thăng tấn".

Thượng nhị cú, giới vô hư độ. Hạ nhị cú khái vô thượng tấn. Nhật ký nhàn quá, thờ, phục hư độ, bất mưu thượng hướng, tọa tán quang âm, thiệt vi khả tích !

Nếu không giữ giới, sợ e còn không được làm thân người, huống đặng thân công đức. Lại nữa người giữ giới không được thanh tịnh, mà lại không tâm chánh tín nữa, dù cho có tài biện luận như nước đổ, nhưng hạnh giải toàn sái, đâu có thể truyền rao khắp bày chánh pháp trả ơn đức Phật.

Những trang thiền học đời bây giờ khinh dễ giới luật, của Phật lại trái với lời dạy của Tổ sư, còn chẳng phải là người tín tâm đâu đặng kêu bực Thượng sĩ, làm sao mở bày chánh pháp, lợi ích muôn đời và truyền tâm ấn của Phật được ư ?

Lời Ký nói : *Nước trái là gì ? Là nghĩa lấy các thứ trái tép ra nước, lượt xác lóng trong, lọc sạch rồi uống. Thế nào ba đời Như Lai không ăn quá Nhật trung ? Bởi tánh chư Phật, luôn noi theo lý Trung đạo, cho nên đức Như Lai từ khi giáng sanh cung Vua, cho đến lúc nhập Niếp Bàn trong thời gian khoảng giữa chưa từng có lúc nào ăn phi thời.*

Nên trong Luận nói : Tánh đức Như Lai không ăn phi thời, nên ngài dạy sau Nhật trung, không ăn có năm phước : 1./ Ít dâm. 2./ Ít ngủ. 3./ Đặng nhất tâm. 4./ Khỏi hạ phong. 5./ Thân yên ổn, cũng chẳng sanh bệnh. Nói khinh dễ là gì ? Khi mạn, biếng nhác, dễ ngươi không cung kỉnh vậy.

Luận KHỞI TÍN nói : Nhẫn đến tội nhỏ, sanh lòng sợ sệt hổ thẹn ăn năn cải chừa không đặng khinh giới cấm của đức Như Lai ngài lập. Phải giữ gìn đừng cho người ta chê bai và đừng để chúng sanh quấy khởi việc tội lỗi. Như vậy mới đúng cái nghĩa tự lợi, lợi tha và giữ gìn chánh pháp, khắp bày lợi ích người đời, trả ơn đức Phật đó vậy.

2) RĂN GẮNG

Chẳng nên lếu láo (thong thả) qua ngày, lơ lơ qua buổi, phải tiếc tấc bóng (quang âm), sao mà chẳng cầu thăng tấn. !

Hai câu trên, răn mình đừng để luống qua ngày giờ. Hai câu dưới, thương than không chí sấn tới. Ngày đã luống mất giờ lại lướt qua, không lo tiến tới, rảnh ngồi hao phí bóng quang âm, thật là đáng tiếc.

Ký viết : Đại Võ, tích thốn âm : Đào Khản, tích phân âm. Huống vị sanh tử xuất gia giả, như cứu đầu nhiên, nhi khả hư độ tai ? Ngột ngột, thị bất động mạo. nãi du du độ nhật, vô sở dụng tâm, bất cần thăng tấn, như dủ giả diên.

"Đồ tiêu thập phương tín thí, diệc nãi cô phụ tứ ân ;tích lụy chuyển thâm.Tâm trần dị ủng, xúc đồ thành trệ, nhơn sở khinh khi".

Sơ nhị cú, vô đức báo ân. Thứ nhị cú, tội thâm chướng trọng. Hậu nhị cú, do chướng thành thất. Nhược vô thăng tấn, bất đản vô công dĩ tiêu tín thí, diệc nãi vô đức dĩ báo tứ ân. Công ký bất thi, đức vô tùng lập ; tích tội nhựt thâm, hoặc ủng tâm nguyên, vô đại nhơn chi kiến, thất thánh nhơn chi minh. Bội giác hiệp trần, cố nãi xúc đồ thành trệ. Huệ giải ký phong, yên năng khai phát hậu lai, túng sử niên cao lạp trưởng, diệc hà miễn nhơn sở khinh khi.

Ký viết : Chướng, tức phiền não hoặc dã. Dĩ tham sâm si cấu, ủng tế hung trung, khởi năng tâm quang thấu lậu. Ký vô tự lợi, phục khuyết lợi tha, cố vi hậu học chi sở khinh khi!

Hựu thử tâm tùng vô thỉ lai, ở tập chủng tử duyên thâm. Kim phục huân chi, khởi bất bị ủng hồ tai. Xúc, vị ngộ đối. Đồ, vị đạo lộ, tức sự lý dã. Trệ, vị trệ ngại, thị bất thông chi nghĩa. Dĩ tâm trần ủng tắc, cố ngộ sự bất thông, đối lý bất đạt dã.

"Cố vân : Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thối quật".

Thượng cú, linh hiệu tiên triết. Hạ cú, khuyến tự miễn tấn. Tiên Thánh, hậu hiền,

Lời Ký nói : *Nhà Hạ, vua Đại Võ tiếc tấc bóng. Ông Đào Khản tiếc một phân bóng, mấy ông đó là người ở đời mà còn vậy. Huống chi ta là người vì đường sanh tử xuất gia cần tu như cứu lửa cháy đầu, mà hòng luống phí ngày giờ hay sao ? Lơ lơ là gì ? Dạng trơ trơ, là thâm thẩm qua ngày, không lo gì cả, không cầu thêm tới như đứa hư trong đời vậy.*

Luống hao của mười phương tín thí, cũng là cô phụ bốn ân, chứa tội càng sâu. Tâm trần dễ lấp, gặp việc bị ngăn ngặt, không khỏi người ta khinh dể.

Hai câu đầu, không giới đức, đền đáp bốn ân. Hai câu kế, tội sâu chướng nặng. Hai câu sau do chướng thành ra mất huệ sáng. Nếu không tu hành thăng tấn chẳng những không công lao để tiêu của tín thí cũng là không đức chi đặng đền đáp bốn ân nữa. Công đã không làm, đức không từ đâu lập đặng, chứa tội càng ngày càng nhiều, hoặc chướng ngăn lấp nguồn tâm, không đặng chỗ kiến giải như bực Đại nhơn và mất huệ sáng của bực Thánh nhơn. Trái bỏ tánh giác hiệp với sáu trần nên gặp việc gì thành ra ngăn nghẹt việc nấy. Phần huệ giải đã bịt, đâu đặng khai phát cho kẻ hậu lai, dù cho tuổi cao tát lớn, cũng nào khỏi người ta khinh khi. ! !

Lời Ký nói : *Chướng là gì ? - Thứ phiền não mê lầm vậy. Do bụi nhơ tham sân si chật nứt trong lòng, làm sao phát ra trí huệ thấu suốt cho đặng. Đã không phần tự lợi, mà lại mất phần lợi cho người, cho nên bị kẻ hậu học khinh dể.*

Lại tâm nầy từ vô thỉ đến nay, hột giống ác tập nhiễm sâu. Đời nay lại huân tập thêm nữa đâu chẳng dễ ngăn lấp hay sao. Gặp là nghĩa gặp nhằm. Việc là đường lối, tức sự lý vậy. Ngăn là nghĩa ngăn ngại cũng là nghĩa không thông suốt. Do tâm trần ngăn lấp, nên gặp sự chẳng thông, gặp lý chẳng rõ vậy.

Người xưa nói : Người dã đứng trượng phu. Ta đây cũng thế chẳng nên khinh mình mà lui sụt.

Cậu trên, dạy bắt chước bực Tiên Triết. Câu dưới, khuyên mình gắng tới. Các bực Thánh trước, Hiền sau, vị

nhơn nhơn hữu phần. Bỉ ký như thị, ngã hà bất nhiên, khởi khẩu tự khinh, nhi thối quật kỷ chí.

Cố Phật giới La Hầu La vân : Thập phương thế giới chư Bồ Tát, niệm niệm dĩ chứng Thiện thệ quả. Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thối quật.

Niết Bàn kinh vân : "Nhược nhơn bất tri Phật tánh giả, tắc vô trượng phu tướng giai danh nữ nhơn".

Ký viết : Diệc nhĩ giả ? Diệc nhiên dã. Trượng phu giả ? Trí nhơn dã. Bỉ ký trượng phu, ngã diệc trí nhơn, bất khả cao thôi tại bỉ nhi tự phụ kỷ linh. Nhất thế chúng sanh, bổn lai thành Phật ; thị cố lục phàm, tứ thánh đồng nhất tâm nguyên. Mê tắc vi phàm ngộ tức thành Thánh, nhất niệm tương ưng, tiện đồng chư Phật.

Nhược dã vị năng, dương dĩ thân giới tâm huệ, nội ngoại huân tu, tắc bộ bộ ly phàm ; niệm niệm giai Thánh, nhứt sanh thủ biện, diệc hà nhượng tha tai. !

Thiện thệ giả ? Vị đệ nhất thượng thăng, vĩnh bất phục hườn dã, diệc vân hảo khứ, vị ư chủng chủng chư Tam muội, vô lượng trí huệ trung khứ, thử nãi Như Lai thập hiệu chi nhất dã.

Thánh hiền giả ? Tam thừa nhơn vị kiến đạo, dĩ tiền danh hiền. Tu tập phước trí cụ hiền đức cố dã. Kiến đạo dĩ hậu danh Thánh. Thánh giả ! Chánh dã. Dĩ vô lậu trí, chánh hiệp lý cố dã,

"Nhược bất như thử, đồ tại truy môn ; nhẫm nhiễm nhất sanh, thù vô sở ích".

Thượng nhị cú, vi giáo. Hạ nhị cú, thất lợi. Nhược bất như thượng tu hành, thiệt nãi uổng

nào cũng có phần làm nên Phật cả. Kia đã như thế, ta sao chẳng vậy, đâu nên tự khinh lui sụt chí mình.

Cho nên đức Phật dạy ông La Hầu La rằng : "Các vị Bồ Tát mười phương thế giới, mỗi niệm mỗi niệm đã chứng lên quả Thiện thệ. Kia đã đứng trượng phu thời con đây cũng thế, chẳng nên khinh mình mà lui sụt".

Trong kinh Niết Bàn nói : Nếu người không biết mình có tánh Phật thì người đó không phải bực trượng phu, chỉ gọi là nữ nhơn thôi.

Lời Ký nói : *Củng thế là gì ? Như nói cũng vậy đó. Trượng phu là gì ? Người trí vậy, kia đã đứng trượng phu, ta đây cũng người trí, chẳng nên cao nhường cho người mà phụ tánh linh mình. Vì sao ? Vì tất cả chúng sanh xưa nay sẵn tánh thành Phật, cho nên sáu cõi Phàm, bốn cõi Thánh cũng đồng một cái tâm. Nhưng mê thời là phàm, ngộ tức thành thánh, hễ một niệm nhằm rồi, liền đồng các đức Phật.*

Bằng chưa được vậy phải dùng giữ giới sửa thân, trí huệ, giồi tâm, trong ngoài đều tu, thời mỗi niệm bước xa cõi trần, mỗi niệm gần bực Thánh, một đời đặng xong, thời đâu nhường cho người ư ?

Quả Thiện thệ là gì ? Bởi đi thẳng lên bực nhứt thật hằng không trở lại vậy, nên gọi Thiện thệ (khéo qua) cũng gọi quả: Hảo khứ (khéo đi) nghĩa là đi trong vô lượng trí huệ, đủ hết thảy các pháp Tam Muội. Thiện thệ đây là một hiệu trong mười hiệu đức Như Lai vậy.

Thánh Hiền là gì ? Người bực Tam thừa, chưa thấy Đạo về trước gọi Hiền. Bởi vì trong bực nầy tu tập phước trí đầy đủ các hiền đức vậy. Còn hực thấy Đạo sắp về sau gọi là bực Thánh. Thánh là nghĩa chánh vậy. Do vì lấy trí vô lậu chứng hiệp nhằm lý chơn chánh vậy.

Nếu không được như thế, luống ở chốn Tri môn lếu láo một đời, thật không ích chi hết.

Hai câu trên, trái lời dạy của Phật. Hai câu dưới mất lợi cho mình. Nếu chẳng tu hành như trên, thật là uổng mặc

phi pháp phục, hổn lạm nhất sanh, vô công khả ký, vô đức khả lục. Cố viết, thù vô sở ích.

Ký viết : Đồ giả, không dã. Truy môn giả ? Dĩ phục sắc nhi xưng pháp môn dã.

TAM.- KIẾT KHUYẾN : NGŨ.

Nhất : khải phát ; Nhị : thị giáo ;

Tam : Khuyến miễn ; Tứ : hiển thị nhơn quả;

Ngũ : Tự hành hóa tha.

NHẤT.- KHẢI PHÁT

Phục vọng, hưng quyết liệt chi chí, khai đặc đạt chi hoài ; cử thố khán tha thượng lưu, mạc thiện tùy ư dung bỉ. Kim sanh tiện tu quyết đoán, tưởng liệu bất do biệt nhơn.

Sơ nhị cú, bác đạt ý khí. Thứ nhị cú, tông hiền đố ngu. Hậu nhị cú, ngộ bất do tha. Phục vọng, nãi khẩn đảo chi từ. Hưng quyết liệt chí giả ? Phát dõng mảnh tâm, bỉnh trượng phu chi khí. Khai đặc đạt hoài giả ? Khôi khoách hung cấm, lập hướng thượng trí.

Cử thố khán tha thượng lưu giả ? Đông tịnh lý tiến tu tông, thượng đức. Mạc thiện tùy ư dung bỉ giả ? Bất khả tự chuyên, tùy tập dung lưu thời bối.

Cố Phạm Thục Công, tống Viên Ngộ Thiền sư hành khước vân : Quan thủy mạc quan ô trì thủy, ô trì chi thủy ngư biếc ti, đăng sơn mạc đăng đà lý sơn, đà lý chi sơn thảo mộc hi. Quang thủy, tu quan thương minh quảng ; đăng sơn, tu đăng Thới sơn thượng. Sở đắc bất thiển, số kiến diệc cao, tư chi vị dã.

áo pháp, lẫn lộn ột đời, không công chi ghi đặng, không đức gì khá chép. Cho nên nói câu : Thật không ích gì cả.

Lời Ký nói : *Luống là nghĩa ở không. Tri môn là gì ? Lấy theo sắc áo mặc mà nói pháp môn (chùa)*

III) KẾT KHUYÊN, PHÂN LÀM NĂM

1.) MỞ BÀY 2.) NÊU GIÁO PHÁP
3.) KHUYÊN GẮNG 4.) CHI RÕ NHÂN VÀ QUẢ
5.) MÌNH LÀM VÀ DẠY NGƯỜI KHÁC LÀM

1.- MỞ BÀY.:

Tổ Qui Sơn nói :"Trông mong các Ngài, phát chí cho chẳm hẳm, mở lòng cho rộng rãi, việc làm phải coi theo người bực thượng lưu, đừng có chuyên theo những đứa quê hèn. Đời nay liền phải quyết đoán, xét tưởng, liệu lượng tại nơi mình chớ chẳng phải do nơi người nào khác".

Hai câu đầu, lòng dạ rộng rãi. Hai câu kế noi theo bực hiền và xa lánh đứa ngu. Hai câu sau, sự tỏ ngộ chẳng phải do ai khác. Trông mong là gì ? Là lời cầu khẩn. Phát chí chẳm hẳm là gì ? Phát lòng dũng mãnh giữ chí khí trượng phu. Thế nào mở lòng rộng rãi ? - Mở rộng lòng dạ, lập chí hướng thượng mà tu hành.

Việc làm phải coi theo người bực thượng lưu là sao ? Khi động khi tịnh ra làm, phải noi theo bực thượng đức thời việc làm mới thành công. Thế nào đừng chuyên theo đứa quê hèn ? Không nên tự ý chuyên lòng tập quen theo kẻ quê người hèn.

Cho nên ông Phạm Thục Công, lúc đưa ông Viên Ngộ Thiền sư đi du phương có chúc câu này : Sư cụ ra đi, có xem nước, thời đừng xem nước ao nhỏ, vì sao ? Bởi nước ao nhỏ cá tranh ốm đèo. Và có lên núi, đừng lên núi là đà. Vì núi là đà cỏ cây lưa thưa. Thế nên xem nước, phải xem biển rộng sâu ; lên núi thời phải lên chót núi Thái Sơn. Chỗ đặng không cạn, chỗ thấy mới cao, là nghĩa đây vậy.

Kim sanh tiện tu quyết đoán giả ? Nhất đao lưỡng đoạn, đương hạ quyết liễu. Kim nhược bất liễu, cánh đải hà thời. Bất do biệt nhơn giả ? Tự tâm huờn tự quyết, tự tu huờn tự ngộ, phi quan ư biệt nhơn, túng nhiêu phụ tử, diệc nan tương đại. Sở vị tá nhơn tỷ quản, xuất khí bất đắc, thị dã.

Ký viết : Dung bỉ ? Tức dung ngu bỉ lậu chi nhơn dã. Quyết, vị quyết liễu hựu quả quyết vô dụ dự chi từ. Đoán, nãi pháp quyết chi vị dã. Đà âm đà, lý âm lý, sơn chi tỉ tiểu nhi liên tiếp, nhơn sở thường hành giả dã.

NHỊ.- THỊ GIÁO

Tức ý vong duyên, bất dữ chư trần tác đối, tâm không cảnh tịch, chỉ vị cứu trệ bất thông.

Thượng nhị cú, khiển vọng. Hạ nhị cú, nguyên chơn. Tứu ý vong duyên giả ? Ý nãi lục căn chi chủ ; chủ nhược chỉ tức, nhi phàn duyên chi tâm tự vong hĩ. Bất dữ chư trần tác đối giả ? Phàm phu bất liễu tự tâm, chủng chủng vọng chấp, tùy sự phàn duyên, phân biệt lục trần cảnh giới. Nhược nhất niệm vô sanh, ly chư phân biệt, tắc ý tức duyên vong. Lục trần thùy dữ tác đối; thị tắc căn bất duyên trần, nhi trần cảnh tự tịch hĩ.

Tâm không cảnh tịch giả ? Chơn tâm bổn không, trần cảnh nguyên tịch. Lương do mê chơn chấp vọng cố hữu chư cảnh phân nhiên. Tâm nhược vô chấp, tắc chung nhật đối cảnh, nhi cảnh hằng tịch, diệc phi dẫn tuyệt tâm cảnh, đảng trừ vạn vật, nhiên hậu vi tịch. Đản bất mê chơn, kỳ cảnh tự tịch.

Cố kinh vân : "Tận kiến chư pháp nhi vô sở kiến thị dã". Cứu trệ bất thông giả ? Tùng vô thỉ

Đời nay liền quyết đoán là gì ? Cũng như nghĩa một dao chặt hai đoạn, quyết chắc rõ rạng. Nếu đời nay ta không quyết chắc cho rồi, còn đợi đời nào nữa. Thế nào không do người khác ? Tâm mình tự quyết lấy tâm mình, mình tu thời mình ngộ, chăng ăn thua chi tới người khác; dù cho cha con, cũng không thế cho nhau được. Nên có câu : "Mượn lỗ mũi người thở không thể sống" là nghĩa đây vậy.

Lời Ký nói : *Quê hèn là gì ? Tức những người quê mùa hèn hạ vậy. Quyết là gì ? Là nghĩa quyết liễu, hay là quả quyết là lời không dụ dự. Đoán là chi ? Là nghĩa định quyết, Đà âm đà. Lý âm lý. Loại núi thấp nhỏ, và liên tiếp nhau, người ta thường đi trên đó vậy.*

2.- NÊU GIÁO PHÁP :

Dứt ý vong duyên, không cùng các trần làm bạn ; tâm không cảnh vắng, nhưng vì lâu trệ chẳng thông.

Hai câu trên, dứt hết vọng niệm. Hai câu dưới, gẫm lại chơn, tánh của mình. Dứt ý vong duyên là gì ? Ý là chủ trong sáu căn nếu bặt dứt ông chủ, thì những tâm phan duyên kia tự vong vậy. Thế nào chẳng cùng các trần làm bạn ? Kẻ phàm phu không rõ được tâm mình, vọng chấp đủ thứ, leo chuyền theo các việc đời, phân biệt cảnh giới sáu trần. Nếu một niệm được vô sanh bỏ các tâm phân biệt, thời ý căn kia nó phải dứt, duyên vọng nọ cũng liền thôi, thì sáu trần còn làm bạn với ai nữa. Thế là sáu căn không duyên sáu trần, thì cảnh trần tự nhiên vắng lặng.

Tâm không cảnh vắng là chi ? Chơn tâm vốn không cảnh trần vẫn vắng. Song bởi người đời quên chơn chấp vọng, nên mới có những cảnh lăng xăng. Nếu tâm ta không chấp, thời trọn ngày đối cảnh mà cảmh vẫn lặng, cũng chẳng phải bặt dứt tâm và cảnh dẹp ráo muôn vật rồi mới là vắng lặng. Nghĩa là hễ mình không mê chơn tánh, thời cảnh kia tự vắng vậy.

Cho nên trong kinh nói : Thấy hết các pháp mà không chấp chỗ mình thấy phải vậy. Thế nào lâu trệ chẳng thông ?

tế bất giải nhất niệm tâm khởi, tắc vạn kiếp tình sanh ; bất đạt bổn không, chấp chi vi hữu. Ung tế chơn tâm, trệ nhi bất thông, trí sử bổn giác viên minh, biến vi năng kiến chi vọng kiến, vô tướng chơn thể, biến vi sở kiến chi vọng cảnh, vọng vi chơn ngại. Cố viết bất thông. Nhược bất phản chiếu, phá bỉ căn trần, tắc vô năng phục kỳ bổn hĩ.

Ký viết : Khiển vọng giả, vị ly vọng căn cảnh, vọng tâm nguyên vô tự thể, lảm trần thành thể, tùy cảnh hữu vô; cảnh lai tức sanh, cảnh khứ tức diệc. Ký nhơn cảnh nhi khởi tắc toàn cảnh thị tâm. Hựu nhơn tâm chiếu cảnh, tắc toàn tâm thị cảnh. Nhi các vô tự tánh, duy thị duyên sanh. Nhược tâm ly niệm, tắc căn cảnh tịch nhiên.

Nguyên chơn giả ? Vị suy nguyên kỳ thỉ, duy nhất chơn tâm, tánh tịnh minh thể, quýnh tuyệt căn trần, linh tri tịch chiếu, trạm nhiên vô tế, châu biến pháp giới. Thiết vi bất năng giá kỳ huy, khung thương bất năng phúc kỳ thể, vạn pháp bất năng ẩn kỳ chơn, trần lao bất năng dịch kỳ tánh. Do kỳ tối sơ mê nhất pháp giới, bất giác vọng khởi nhi hữu kỳ niệm. Tùy nhiễm tịnh duyên, tâm cảnh hố sanh, chướng bổn linh minh, chí kim vị tằng phản tỉnh. Cố viết : cửu trệ bất thông.

Tận kiến chư pháp giả ? Tâm cảnh lịch nhiên dã. Nhi vô sở kiến giả ? Chơn tâm vô tri, chơn cảnh vô tướng. Vô tri cố không, vô tướng cố tịch.

Nghĩa là từ vô thỉ, bỗng dưng một niệm tâm vọng khởi ra, mà muôn kiếp loại hữu tình không rõ thấu tâm cảnh vốn không, chấp cho là thật có. Bởi cái chấp đó nên ngăn che chơn tâm, ngăn ngại chẳng thông, đến nỗi tâm bản giác viên minh biến làm cái vọng kiến hay thấy, chơn thể vô tướng, biến thành vọng cảnh bị thấy, vọng cảnh làm ngăn ngại tánh chơn. Cho nên nói chẳng thông. Nếu ta không xét soi trở lại, đặng dứt vọng căn vọng trần thời không thế nào dem trở lại cái tâm bản giác viên minh kia vậy.

Lời Ký nói : *Trừ vọng là gì ? Là dứt vọng căn, vọng cảnh song vọng tâm vốn không tự thể, chỉ vịn theo vọng trần làm thành tự thể của nó mà thôi, đã theo cảnh vọng trần mà có mà không, thì lẽ cố nhiên cảnh đến, vọng tâm liền sanh, cảnh đi vọng tâm liền dứt. Song vọng tâm đã nhơn cảnh mà khởi, thời toàn cảnh là tâm. Lại nhơn vọng tâm chiếu qua cảnh, thời toàn tâm là cảnh. Nhưng tâm và cảnh cả hai đều không tự tánh, chỉ là nhơn duyên hòa hiệp giả dối sanh ra. Nếu trong tâm ta dứt vọng niệm, thời căn và cảnh tự vắng vậy.*

Gẫm lại chơn tánh là gì ? Nghĩa là xét lại hồi ban đầu, chỉ có một chơn tâm ; tánh nó trong sạch, thể nó sáng suốt, bặt dứt căn và trần nhiệm mầu rõ biết vắng lặng chiếu soi, vắng lặng không bờ mé khắp cùng pháp giới. Dầu cho núi Thiết vi không thể nào che cái sáng của nó, trời xanh cũng không trùm được cái thể của nó, muôn pháp cũng không ẩn được tánh chơn của nó, trần lao cũng không đổi được tánh của nó. Song ngặt vì lúc tối sơ, mê một tánh pháp giới (chơn tâm) *thoạt nhiên tâm vọng khởi lên mới có vọng niệm. Rồi tùy theo cái duyên nhiễm và tịnh, vọng tâm, vọng cảnh do đó mà sanh ra, che lấp bản tánh sáng súốt, đến nay chưa từng xét lại. Cho nên nói câu : Lâu trệ chẳng thông.*

Thấy suốt các pháp là gì ? Tâm và cảnh rõ ràng vậy. Thấy mà không chấp thấy là sao ? Chơn tâm không chấp nó biết, chơn cảnh không chấp có tướng. Chơn tâm không chấp biết cho nên nói chơn tâm vốn không. Chơn cảnh không chấp có tướng, cho nên nói cảnh vắng lặng.

Vô tri giả ? Phi đồng mộc thạch chi vô tri, nãi tâm bất khởi phân biệt, tịch nhi thường chiếu.

Vô tướng giả ? Phi đẳng tận vạn vật chi vô tướng, nãi tức tướng vô tướng, chiếu nhi thường tịch cố dã.

Bạt duyên tâm giả ? Tức vọng tưởng tâm dã. Thử tâm phân biệt hữu tam : Vị tâm, ý, thức nhi sơ tâm đối cảnh, giác tri dị hồ mộc thạch, danh chi vi tâm ; thứ tâm trù lượng, danh chi vi ý, liễu liễu biệt tri, danh chi vi thức.

Vọng tưởng nhược tức, tam giai đô vong, cảnh giới diệc diệt, duy nhất chơn tâm, hư thông vô ngại, vô sở bất biến, nhi cánh hữu hà vật chi khả trệ tai.

TAM.- KHUYẾN MIỄN.

Thục lảm tư văn, thời thời kỉnh sách, cượng tác chủ tể, mạc tuận nhơn tình,

Thượng nhị cú, y pháp tự cảnh. Hạ nhị cú, miễn chí thượng xu. Thục lảm đẳng giả ? Vị tu thục độc kỳ văn, uẩn chi hung trung, thời thời tự cảnh thâm tư kỳ nghĩa. Sách lệ tấn tu ; bất khả nhất kinh nhĩ mục, tiện trí chi cao các.

Cượng tác chủ tể đẳng giả ? Phàm phu vi vô minh sở huân, cửu tập thành tánh, xúc cảnh tức tiện tùy duyên.

Cẩu bất tự miễn, lập quyết liệc chi chí, khai đặc đạt chi hoài, bỉnh trí huệ cung, chấp kiên cố tiễn ; tạm nhĩ tùy lưu, tắc tất vi quần tà sở dụ, tứ ma sở hại dã.

Cái không biết đây không phải đồng với tánh vô tri của cây và đá, chính chơn tâm không khởi phân biệt, vắng lặng mà thường soi, nên nói không biết.

Song không tướng dây chẳng phải dẹp hết muôn vật mới là không tướng, tức chính là nơi cảnh tướng mà không chấp tướng, chiếu rõ các cảnh mà thường vắng lặng, nên nói là không tướng vậy.

Tâm phan duyên là gì ? Tức vọng tâm vậy, vọng tâm đây phân biệt có ba thứ : 1./ Tâm. 2./ Ý. 3./ Thức. Lúc ban sơ tâm đối với cảnh, có tánh giác tri khác hơn cây đá, gọi đó là tâm (thức A Lại Da vô ký) *kế khởi các tâm so lường gọi đó là ý* (thức Mạt Na chấp ngã) *rành rẽ tỏ biết, gọi đó là thức* (ý và năm thức trước).

Nhưng vọng tưởng đã dứt rồi thì tâm , ý, thức nói trên cũng đều thôi hết và các cảnh giới kia cũng bặt luôn, chỉ còn một cái chơn tâm, rỗng suốt không ngăn ngại, khắp cùng hết ráo, thời còn có vật nào mà ngăn được ư ?

3.- KHUYÊN GẮNG :

Tổ Qui Sơn nói : Xin các ngài ai nấy đọc thuộc văn này, đặng mỗi giờ phút nhắc nhở thân tâm, gắng làm ông chủ tể, chớ nên chiều theo tình đời.

Hai câu trên, y chánh pháp răn nhắc mình. Hai câu dưới gắng chí thẳng tới. Câu đọc thuộc văn này ... là gì ? Nghĩa là cần phải đọc thuộc văn Cảnh sách này để vào trong tâm mỗi giờ phút răn nhắc lấy mình. Xét sâu nghĩa lý trong ấy, gắng gổ tấn tu, chớ nên một phen thoảng qua tai mắt liền cất trên gác cao.

Thế nào gắng làm ông chủ tể... ? Bởi chúng phàm phu bị vô minh huân tận, tập lâu thành tánh, nên gặp cảnh thì liền dính líu theo cảnh.

Nếu không tự gắng lấy mình, lập chí chắm hẳm, mở lòng rộng rãi, cầm cây cung trí huệ lắp mũi tên kiên cố, toan bắn con quỉ vô minh mà lại để cho một phút khởi lòng chìu theo vọng trần, thời thế nào cũng bị quần tà *(lục căn, lục trần)* nó cám dỗ và bốn con ma phá hại vậy.

Ký viết : Tứ ma giả ? Nhất, ngũ ấm ma. Nhị, phiền não ma. Tam, tử ma. Tứ, thiên ma.

TỨ.- HIỂN THỊ NHƠN QUẢ.

"Nghiệp quả sở khiên, thành nan đào ty, thỉnh hòa hướng thuận, hình trực ảnh đoan ; nhơn quả lịch nhiên, khởi vô ưu cụ".

Thượng nhị cú, nghiệp báo. Thứ nhị cú, thiết du. Đệ ngũ cú, bất muội. Đệ lục cú, miễn thận. Nghiệp quả sở khiên đẳng giả ? Nghiệp, tức sở tác bất thiện chi nhơn. Quả do nhơn chí. Nhơn di Quả thục, khiên báo nan đào.

Như PHÁP CÚ kinh vân : Tích hữu Phạm chí huynh đệ tứ nhơn, cu đắc ngũ thông, các tri thất nhật hậu, mạng tất dương chung, cộng tương vị viết : Ngã đẳng thần thông tự tại, khởi bất năng ty thử nạn da?

Kỳ huynh viết : "Ngô nhập đại hải chánh xử kỳ trung, thượng bất xuất thủy, hạ bất chí để, vô thường sát quỉ yên tri ngã xứ".

Nhị đệ viết : "Ngô phách Tu Di sơn khai, nhập trung huờn hiệp, vô thường sát quỉ yên tri ngã xứ".

Tam đệ viết : "Ngô xử hư không ẩn hình vô tích, vô thường sát quỉ yên tri ngã xứ".

Tứ đệ viết : "Ngô ẩn cư đại thị, chúng nhơn ổi náo chi trung các bất tương thức, vô thường sát quỉ nhược chí, tùy đắc nhất nhơn hà tất thủ ngã".

Tứ nhơn nghị ngật, các thích sở chí. Thất nhựt kỳ mãn, các tùng kỳ xứ, nhi giai mạng chung.

Lời Ký nói : *Bọn ma là gì ? 1./ Ma ngũ ấm. 2./ Ma phiền não. 3./ Ma vô thường (chết) 4./ Ma trên trời (ma ba tuần trên trời).*

4.- RỒ BÀY NHƠN QUẢ

Nghiệp quả kéo lôi, thật khó trốn tránh, như tiếng hòa vang thuận, hình ngay bóng thẳng, nhơn quả rõ ràng đâu không lo sợ.

Hai câu trên, là nghiệp báo. Hai câu dưới, lập lời dụ. Câu thứ năm nhơn quả không mất. Câu thứ sáu gắng sức giữ gìn. nghiệp quả lôi cuốn là gì ? Nghiệp tức là mình tạo cái nhơn bất thiện. Quả do nhơn mà có, hễ hết nhơn thời đến quả không thể nào trốn đặng.

Như kinh PHÁP CÚ nói : Xưa có bốn anh em người Phạm Chí tu theo ngoại đạo, đều chứng đặng năm phép thần thông mỗi người biết trước, bảy ngày nữa ắt mạng căn phải chết, đồng cùng nhau bàn luận rằng : Anh em ta tu hành được thần thông tự tại, lẽ nào không lánh đặng cái nạn này hay sao ?

Người anh thứ nhất nói rằng : "Khi quỉ vô thường nó đến, ta nhảy vào trong biển lớn, ở ngay trung tim giữa biển, trên chẳng khỏi nước dưới không tới đáy, vô thường quỉ dữ, đâu biết chỗ ta ở mà đến bắt".

Người em thứ hai nói "Tôi cũng có một kế chừng vô thường nó đến, tôi hãy vạch hòn núi Tu di ra, vào chính giữa rồi hiệp lại, vô thường quỉ dữ đâu biết chỗ tôi ở mà đến bắt".

Người em thứ ba nói : "Tôi cũng có một kế rất hay chừng đó tôi lên ở trên Hư không, ẩn hình không dấu tích, vô thường quỉ dữ, đâu biết chỗ tôi ở mà đến bắt".

Người em thứ tư nói : "Tôi có một kế tuyệt diệu khác hơn ba anh, chừng đó tôi ẩn trong Chợ Lớn, giữa đông người rần rộ, ai cũng chẳng biết là ai, vô thường quỉ dữ dù đến miễn bắt được một người thì thôi, làm gì bắt đến tôi".

Bốn anh em đề nghị như vậy xong rồi, mạnh ai đi tới chỗ nấy. Đúng kỳ bảy ngày mạng căn đã mãn. Người ở dưới nước

Phật dĩ đạo nhãn quán kiến kỳ tử, chung bất khả ty, nhi thuyết kệ viết : "Phi không, phi hải trung, phi nhập sơn thạch gian, vô hữu địa phương sở, thoát chi bất thọ tử".

Thử chánh sở vị nan đào giả dã. Thịnh hòa hình trực, dụ thiện nhơn. Hướng thuận ảnh đoan dụ thiện quả. Nhược kỳ thinh bạo, tắc kỳ hưởng liệt. Kỳ hình khúc, tắt kỳ ảnh oa, lý chi tất nhiên, phi hữu thinh nhi vô hưởng. Diệc phi hình ảnh nhi hữu tướng quai, thinh hưởng bất dị, hình ảnh vô sai. Nhơn quả bất vong, cố viết lịch nhiên. Nghiệp báo mị sản, khởi dung bất tín. Giao báu mục tiền, ninh vô ưu cụ tai?

Ký viết : Như Lai thượng thọ mã mạch kim thương. La Hán bất miễn xà thích ngạ vong, huống ngã phàm bối khả bất cụ tai ?

Cố Kinh vân : Giả sử bá thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong. Nhơn duyên hội ngộ thời, quả báo huờn tự thọ.

Thượng nhị cú, minh nhơn thời. Hạ nhị cú, minh quả thời. Kinh vân giả ? Dẫn Như Lai ngôn.

Giả sử giả ? Thiết huống chi từ. Bá thiên kiếp giả ? Cử kỳ đại số dĩ cai vô thỉ dã. Hựu cử kỳ cận dĩ huống kỳ viễn, tri kỳ viễn dĩ hiểu kỳ cận dã. Sở tác nghiệp dã ? Vị thân khẩu ý sở tạo bất thiện chi hạnh. Bất vong giả ? Hào ly vô thất. Nhơn duyên hội ngộ thời giả ? Nghiệp quả tương khiên thời chí tức hội ngộ. Quả báo huờn tự thọ giả ? Quả dĩ thù nhơn, giao báo vô mậu ; tự tác huờn tự thọ, biệt, nhơn thế bất đắc.

nước nổi lên, người trong núi bị ép khô, người trên hư không rớt xuống và người trong chợ cũng bị chết nằm trơ trơ (như khúc gỗ).

Bấy giờ đức Phật dùng đạo nhãn xem thấy sự chết kia rốt cuộc không thể lánh đặng, mà nói bài kệ rằng : "*Chẳng phải trên hư không, chẳng phải giữa biển, chẳng phải vào trong núi đá và chợ búa, nghĩa là không có phương sở nào, mà lánh khỏi được không chịu cái chết*".

Văn này chính chỗ nói cái chết khó trốn lánh là đây vậy. Tiếng hòa hình ngay dụ nhơn lành. Vang thuận bóng thẳng, dụ quả lành. Như tiếng kia xẳn thời vang dội chát. Hình nọ vẹo thời bóng cong queo là lý tất nhiên, chẳng phải có tiếng mà không vang và cũng không bao giờ hình bóng mà có sái nhau, nghĩa là tiếng vang không khác hình bóng không sai. Nhơn quả không mất, cho nên nói rõ ràng. Nghiệp báo không lầm còn gì nữa mà không tin ! Mắc báo trước mặt, đâu không lo sợ ư ? !

Lời Ký nói : *Đức Như Lai còn mắc báo ăn lúa ngựa gươm vàng đâm chân, vị La Hán không khỏi nạn rắn cắn, chết đói, huống chi chúng ta là người phàm lẽ nào không sợ ư ?*

Cho nên trong kinh nói : "Giả sử trăm kiếp nghìn đời, những nghiệp đã tạo không bao giờ mất. Nhơn duyên khi gặp gỡ, quả báo mình phải chịu.

Hai câu trên, nói lúc tạo nhơn. Hai câu dưới, nói khi chịu quả. Kinh nói là gì ? - Dẫn lời đức Như Lai nói.

Giả sử là gì ? Lời thí tỷ. Trăm kiếp nghìn đời là gì ? Nói số nhiều để gồm luôn vô số lượng về trước vậy. Cũng nói số gần để tỷ số xa; biết chỗ xa để rõ chỗ gần. Chỗ tạo nghiệp là gì ? Nghĩa là thân, khẩu, ý, gây những hạnh nghiệp bất thiện. Thế nào là không mất ? Gây nghiệp gì còn nguyên nghiệp nấy, một hào một ly không sai mất. Nhơn duyên khi gặp gỡ là sao ? Nghĩa là nghiệp quả kéo nhau, thời tiết đến, quyết phải gặp ngay. Thế nào quả báo mình phải chịu ? Quả là những cái đáp lại của nhơn, trả báo không lầm, mình làm thời mình phải chịu, người khác thế không được.

Ký viết : Bá thiên, thuộc viễn thời. Sở tác, thuộc viễn nhơn. Hội ngộ, thị cận thời. Tự thọ, thị cận quả. Cử bá thiên dĩ tri vô thỉ. Cố viết, cử cận huống viễn. Cử bá thiên dĩ tri hiện tiền. Cố viết, cử cận huống viễn. Cử bá thiên dĩ, tri hiện tiền. Cố viết, tri viễn hiểu cận.

"Cố tri tam giới hình phạt, quýnh bạn sát nhơn. Nỗ lực cần tu, mạt không quá nhật".

Thượng nhị cú, linh thức khổ cảnh. Hạ nhị cú, linh tri tu đoạn. Vị linh tri khổ cảnh, nhi cần tu xuất ly đạo dã. Dĩ tam giới chúng sanh, sanh bất miễn lão bệnh tử chư khổ. Cố viết, hình phạt.

Chư hoặc kiết sử : triền phược chúng sanh, luân chuyển tam giới, bất đắc xuất ly, thị vi quýnh bạn. Phiền não oán tặc, năng đoạn huệ mạng. Cố viết, sát nhơn.

Nổ lực cần tu giả ? Vô thượng diệu đạo, phi giải đãi giả năng đắc. Mạc không quá nhật giả ? Bất khả tọa táng quang âm, tu cầu thăng tấn, nhựt hữu kỳ ích.

Ký viết : Khổ cảnh giả ? Tức tam giới lục đạo chúng sanh thọ báo nhi xứ. Nhiên thử quả báo, do tích ác nhơn chi hữu. Dục miễn khổ quả, tu đoạn ác nhơn. Dục đắc Niết Bàn tịch diệt chi lạc, đương tu vô thượng xuất ly chi đạo khổ quả, thị thế gian ác báo. Niết bàn, thị xuất thế gian diệu quả.

Tu đoạn giả ? Vị đoạn ác nhi tu thiện dã. Nhật hữu kỳ ích giả ? Sở vị vi học nhật ích, vi đạo nhật tổn. Tổn chi, tắc đạo nghiệp du cao. Ích chi, tắc học công du viễn. Tổn ích, tức đoạn tu chi dị danh dã.

Lời Ký nói : *Trăm kiếp thuộc về đời xa. Chỗ tạo thuộc về nhơn xa. Gặp gỡ là đời gần. Mình chịu là quả gần. Nói trăm kiếp nghìn đời để cho biết kiếp lâu xa từ vô thỉ. Cho nên có câu, nói gần để tỷ xa. Nói trăm kiếp nghìn đời cũng có thể biết được những việc hiện tiền trước mặt. Cho nên nói câu, hiểu xa biết gần.*

Cho nên biết ba cõi là hình phạt, ràng buộc hại người. Ta phải gắng sức cần tu, chớ luống qua ngày.

Hai câu trên, dạy cho biết cảnh khổ. Hai câu dưới, khiến cho biết làm lành dứt dữ. Nghĩa là khiến cho biết cảnh khổ mà cần tu cái Đạo ra khỏi vậy. Do chúng sanh trong ba cõi có những khổ sanh và bệnh chết. Cho nên nói, hình phạt.

Các sự mê lầm, kết chặt, sai khiến vấn vít chúng sanh, trôi lăn trong ba cõi không ra khỏi được, nên gọi ràng buộc. Phiền não là thằng giặc oán thù nó cướp giựt huệ mạng của ta. Cho nên nói, hại người.

Thế nào ta phải ráng sức cần tu ? Đạo mầu cao thượng, không phải những hạng biếng nhác mà có thể gánh vác nổi, nên ta phải rán sức cần tu. Chớ luống qua ngày là sao ? Không nên ngồi không luống mất bóng quang âm, phải cầu sấn tới, mỗi ngày có chỗ thêm lên.

Lời Ký nói : *Cảnh khổ là gì ? Tức trong 3 cõi sáu đường chỗ của chúng sanh chịu quả báo. Song Quả báo đây do chứa nhơn ác mà có. Muốn tránh khỏi quả khổ cần đoạn nhơn ác. Muốn đặng quả vui Niết Bàn vắng lặng, cần tu đạo vô thượng ra khỏi đời. Quả khổ, là quả ác trong đời. Niết Bàn vui, là quả mầu ra khỏi đời.*

Thế nào là dứt và làm ? Nghĩa là dứt dữ mà làm lành vậy. Mỗi ngày có chỗ thêm lên là sao ? Nói sự học càng ngày càng tăng thêm chỗ kiến thức, sự tu càng ngày càng bớt chỗ tội lỗi. Bớt chỗ tội lỗi thời đạo nghiệp càng cao. Thêm chỗ kiến thức, thời công học vấn càng rộng. Bớt với thêm cũng như dứt dữ làm lành, tên tuy khác mà nghĩa vẫn đồng.

NGŨ.- TỰ HÀNH HÓA THA

"Thâm tri quá hoạn, phương nãi tương khuyến hành trì. Nguyện bá kiếp thiên sanh, xứ xứ đồng vi pháp lữ".

Thượng nhị cú, tự giác, giác tha. Hạ nhị cú, thệ đồng pháp giới. Thâm tri giả ? Tự giác triệt kiến dã. Quá hoạn giả ? Ngũ dục mê nhơn, như mật trung tằng độc, phi trí giả mạt tri.

Tam giới hỏa trạch, duy trưởng giả nãi thức. Tương khuyến giả, giác tha dã, linh thức độc nhi ngộ hỏa trạch dã. Hành trì giả, y giáo phụng hành dã. Nguyện bá kiếp thiên sanh đẳng giả ? Thử nãi Qui Sơn minh cổ kim, tích trường kiếp, đạt sanh tử bổn không. Niết Bàn như mộng, liễu nhất thiết pháp, giai tức chơn như.

Khí giới, tức pháp giới. Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt. Cố thệ viết : "Bá kiếp thiên sanh, đồng vi pháp lữ".

Ký viết : Bá kiếp thiên sanh giả, cử kỳ đại số dã. Dĩ đạt sanh tử bổn không. Niết bàn như mộng, bất y tam giới, thường xử hoa tạng, cộng vi Bồ đề pháp thuộc, tác tha bất thỉnh chi hữu, cố viết : đồng vi pháp lữ.

THỬ.- TRÙNG TỤNG TAM :

Nhất : Tiêu tụng đề. Nhị : Tụng giáo giới
Tam : Tụng thị pháp

NHẤT.- TIÊU TỤNG ĐỀ.

Nãi vi minh viết :

5.- MÌNH TU VÀ DẠY NGƯỜI KHÁC TU

Tổ Qui Sơn nói : Chính mình đã biết tội lỗi, nên mới khuyên nhau tu trì. Nguyện trăm kiếp nghìn đời sanh chỗ nào tôi với quí Ngài đồng làm bạn pháp.

Hai câu trên, tổ Qui Sơn giác ngộ phần Ngài, rồi Ngài giác ngộ cho kẻ khác. Hai câu dưới, nguyện đồng làm bạn lành khắp cùng trong pháp giới. Đã biết là ? Chính Ngài tỏ biết và thấy suốt tất cả. Tội lỗi là gì ? Năm món dục lạc nó làm mê mẩn cho người mắc phải lầm lạc, cũng như thuốc độc trộn lộn trong chén mật, chẳng phải bực trí giả thời không biết nổi.

Ba cõi là nhà lửa, duy có đức Phật mới biết. Khuyên nhau, là giác ngộ cho người khác, làm cho người biết năm món dục lạc là thuốc độc và ba cõi là nhà lửa. Tu trì, là y theo lời dạy của đức Phật mà vưng làm vậy. Nguyện trăm kiếp nghìn đời là chi ? Đây là Tổ Qui Sơn Ngài rõ việc xưa nay như mai với chiều, biết việc nhiều kiếp dường như trong một niệm, thấu cội gốc sanh tử vốn không, Niết Bàn như mộng, rõ tất cả pháp đều là Chơn Như.

Khí giới tức pháp giới. Tâm, Phật và chúng sanh cả ba không sai khác. Cho nên Tổ thệ rằng : "*Trăm kiếp nghìn đời đồng làm bạn pháp*".

Lời Ký nói : *Trăm kiếp nghìn đời là nói số nhiều vậy. Bởi vì Tổ đã đạt nguồn sanh tử vốn không. Niết bàn như mộng, không lìa ba cõi thường ở trong cõi Hoa Tạng, cùng nhau làm bạn pháp Bồ Đề, làm người bạn không cần thỉnh cho người, nên nói : đồng làm bạn pháp.*

SAU.- TRÙNG TỤNG Phân ba :

1) NÊU TỤNG ĐỀ 2) TỤNG LỜI DẠY RĂN

3) TỤNG NÊU PHÁP

1.- NÊU TỤNG ĐỀ :

Nay tôi làm lời minh như vầy : *(Để cho các Ngài dễ đọc thuộc lòng đặng răn nhắc lấy mình).*

Thử minh, nãi y tiền Trường hàng trung văn, trùng tuyên kỳ nghĩa, kiết chi vi tụng; sử học giả ký thủ, chung thân bất vong dã. Nhiên kỳ trung văn cú thứ đệ, sảo dị Trường hàng, bất tất trục văn xuyên tạc, đản dĩ ý hội, tắt lý vô bất châu hĩ.

Ký viết : Minh giả, cảnh giới chi từ, sở vị khắc cốt minh tâm, như thuyên thạch bất vọng dã. Kim cử kỳ đại cương, nhiếp kỳ chi yếu, kiết chi vi tụng, tĩ học giả nhi dị trì tụng diên.

NHỊ.- TỤNG GIÁO GIỚI Thập nhất

Nhất : Huyễn sắc **Nhị : Thời tiết.**

Tam : Sanh diệt **Tứ : Lưu chuyển.**

Ngũ : Ái thủ hữu **Lục : Hư sanh khống lão**

Thất : Vô minh hoặc **Bát : Khái thời mạng tốc.**

Cửu : Hiện nhơn hậu quả. **Thập : Nhơn quả sở do**

Thập nhất : Tuần huờn bất tức.

NHẤT.- HUYỄN SẮC

"Huyễn thân, mông trạch, không trung vật sắc".

Mộng trạch vật sắc, cu dụ huyễn thân. Nhiên mộng trạch, nhơn mị nhi hữu, vật sắc, do tế nhi sanh. Nghiệp hệ bổn hư, tứ đại vọng hữu, cố danh vi huyễn. Như thế huyễn thật chi nhơn, dĩ thảo mộc cân đẳng, huyễn tác nhơn vật cầm thú, vãng lai động chỉ, sắc tướng uyễn nhiên.

Huyễn pháp nhứt thâu, nhơn súc liễu bất khả đắc. Thử thân vô thiệt, diệc phục như thị. Không trung ký vô vật sắc, mộng lý khởi hữu hoa đường. Lương do mê chơn chấp vọng, cố

Lời minh này, là y theo trong văn Trường hàng, trước lập bài nghĩa trên, kết lại làm lời tụng, cho người tu học dễ nhớ, dễ đọc trọn đời không quên vậy. Song thứ lớp câu văn trong lời tụng đây hơi khác với văn Trường hàng, chẳng cần theo câu văn bươi móc, hễ miễn cho hiểu ý, thời lý đầy đủ thông suốt và khắp hết.

Lời Ký nói : *Lời minh, là những lời răn nhắc của Tổ ta nên ghi xương tạc dạ, như khắc vào đá không quên vậy. Nay nói chỗ đại cương, tóm chỗ cốt yếu, kết lại làm bài tụng, cho kẻ hậu học dễ bề trì tụng vậy.*

2.- LỜI TỤNG DẠY RĂN, Phần 11 :

1) HUYỄN SẮC 2) THỜI TIẾT
3) SANH DIỆT 4) LƯU CHUYỂN
5) ÁI THỦ HỮU 6) SỐNG HƯ GIÀ LUỐNG
7) VÔ MINH LẦM LẠC 8) TIẾC THỜI MẠNG CHÓNG MAU
9) HIỆN NHƠN HẬU QUẢ 10) NHƠN QUẢ SỞ DO
11) TUẦN HOÀN KHÔNG DỨT.

1. - HUYỄN SẮC

Thân huyễn, nhà mộng và hoa đóm giữa hư không.

Nhà mộng hoa đóm, đều dụ thân huyễn này. Song nhà mộng nhơn mình ngũ mê cho nên mới thấy có, còn hoa đốm do mắt nhặm mà sanh ra. Mạng căn vốn không, thân tứ đại giả có, cho nên nói là huyễn. Như những người huyễn thuật trong đời họ lấy những cỏ cây, khăn v.v... bện làm hình nộm, hình người, hình vật, con này con khác, cũng đi đứng, cũng qua lại, hình sắc rõ ràng như người không khác.

Nhưng một phen họ thâu cái huyễn kia lại, thời bao nhiêu hình người hình vật rốt cuộc không có gì hết. Thân này không thật cũng in như thế. Giữa hư không đã không hoa đốm, trong giấc mộng đâu có nhà tốt. Bởi vì mê chơn

trường dạ mị nhi bất giác; vi ái kiến bệnh chi sở ế. Cố kiến không trung hữu chư hoa tướng, cập đệ nhị nguyệt.

Ký viết : Đệ nhị nguyệt giả ? Nguyệt bổn duy nhất, dĩ mục bệnh cố kiến hữu trùng luân, tợ hữu nhị nguyệt. Không, cập bổn nguyệt dụ Pháp thân. Hoa, cập đệ nhị nguyệt, dụ huyễn chất.

Chúng sanh duy nhất pháp thân, nguyện vô huyễn chất. Do mê sắc tâm, cố nhận ngũ uẩn tứ đại huyễn xu vi tự sở hữu. Như mộng sở kiến, trường dạ luân hồi, nhi bất tỉnh giác,

NHỊ.- THỜI TIẾT.

"Tiền tế vô cùng, hậu tế ninh khắc".

Tiền tế, vị thô thỉ ; hậu tế, vị vị lai. Tiền ký vô thỉ, cố viết vô cùng. Hậu diệc vô chung, cố viết ninh khắc. Vị chư chúng sanh, tiền chi sanh tử, thọ thân xả thân, bất năng cùng kỳ biên lượng, hậu chi sanh tử, ninh định kỳ biến tế.

Duy hữu nhất niệm bất sanh, tắc tiền hậu tế đoạn hĩ.

TAM.- SANH DIỆT.

"Xuất thử một bỉ, thăng trầm bì cực".

Xuất, thị sanh : một, thị diệc : tức sanh thử tử bỉ dã. Thăng tắc nhơn, thiên, tu la. Trầm tắc Địa ngục, quỉ, súc.

Bì cực giả ? Tâm thần vị nghiệp xu sử, lưu chuyển bất tức, ninh bất lao nguyện bì cực tai?

TỨ.- LƯU CHUYỂN.

Vị miễn tam luân, hà thời hưu tức,

chấp vọng cho nên nhiều kiếp mê man mà không giác tỉnh, mắc bệnh ái kiến nó làm mù mịt. Cho nên mới thấy giữa hư không có những tướng hoa đốm và mặt trăng thứ nhì.

Lời Ký nói : *Mặt trăng thứ nhì là gì ? Mặt trăng vốn có một mà thôi, nhưng vì con mắt có bệnh nên mới thấy có hai vành, tuồng như có hai mặt trăng. Hư không và mặt trăng thật , là dụ Pháp thân. Hoa đốm và mặt trăng thứ nhì là dụ thân như huyễn.*

Chúng sanh chỉ có một pháp thân vốn không thân huyễn. Bởi vì mê muội sắc và tâm, cho nên nhận lầm ngũ uẩn tứ đại thân huyễn này cho là thật có. Khác nào như thấy thân trong giấc mộng, luân hồi nhiều kiếp mà không tỉnh ngộ đặng.

2. - THỜI TIẾT

Đời trước không cùng kiếp sau đâu dứt.

Đời trước là từ vô thỉ, về trước. Đời sau là đời vị lai sau này. Trước đã vô thỉ, cho nên nói vô cùng. Sau cũng vô chung, cho nên nói đâu dứt. Bởi các chúng sanh, đường sanh tử từ trước đến nay, buông thân này bắt thân nọ không thể cùng tột biên mé kia; nên nói vô thỉ, thì đường sanh tử sau này dâu nhất định, hạn lượng và biên tế; nên nói là vô chung.

Duy có bực : Một niệm không sanh vọng, thời đời trước đời sau đều dứt hết.

3.- SANH DIỆT

Sinh ra chỗ này chết chỗ kia xuống lên mỏi mệt.

Ra là sanh ra, chết là mất đi ; tức cái nghĩa sanh chỗ này chết chỗ kia vậy. Lên là sanh lên cõi Trời, cõi người, cõi Tu la; xuống là xuống Địa ngục, ngạ quỉ và súc sanh.

Thế nào là mỏi mệt ? Tâm thần bị nghiệp lôi cuốn, trôi lăn không dứt, đâu chẳng mỏi mệt và nhọc nhằn ư ? !

4.- LƯU CHUYỂN

Đời nay chưa khỏi luân hồi trong ba cõi, biết đời nào thôi dứt.

Tam luân giả ? Tam giới luân hồi dã. Hà thời hư tức giả ? Do nhơn cảm quả, quả phục tạo nhơn xả thân thọ thân.

Như ngưu hoại ách : Sanh tử vô tế, hà hữu hưu tức. Duy phá tam giới, nhị thập ngũ hữu giả, năng chi.

NGŨ. - ÁI, THỦ, HỮU.

"Tham luyến thế gian, ấm duyên, thành chất".

Tham luyến, thị ái, thủ. Ấm duyên thành chất, thị hữu. Thế gian, vị tình khí thế gian. Ấm, tức ngũ ấm. Duyên, tức thập nhị nhân duyên. Dĩ chúng sanh tham ái luyến trước tình, khí, thế gian, cố bẩm phụ mẫu di thể. Thử thân bổn vô. Do giả ấm, duyên, nhi hữu, cố viết thành chất.

Ký viết : Khí thế gian giả ? Vị thế giới như khí, chúng sanh an trụ kỳ trung, tức thử tam thiên đại thiện thế giới dã. Tình thế gian giả ? Vị ngũ ấm hóa hiệp nhi thành giả, thị dã.

LĂNG NGHIÊM vân : Do thử vô thỉ, chúng sanh thế giới, sanh triền phược cố, ư khí thế gian, bất năng siêu việt thị dã. Triền phược, tức tham luyến dã.

Thế, dĩ cách biệt vi nghĩa, diệc tam thế dã. Gian, thị gián sai, vị chủng chủng sai biệt nhi bất tương mậu loạn dã. Nhiên thử tình khí thế gian, bổn lai vô hữu, dĩ vọng tưởng cố nhi kiến lập chi.

Cố TỊNH DANH vân : "Tùng vô trụ bổn, lập nhất thiết pháp".

Thiên Thai thích vân : Nhược mê vô trụ, tắc tam giới lục đạo phân nhiên nhi hữu nhơn lập thế xuất thế gian,

Luân hồi trong ba cõi là quanh đi lộn lại trong cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Đời nào thôi dứt là sao ? Bởi tạo nhơn thì nhứt định phải mắc quả, quả lại gây nhơn; buông thân này chịu thân khác.

Sanh tử không cùng, biết chừng nào thôi dứt, dự như nghiệp trâu chưa hết, muốn phá gãy tay ách, người nông phu tra ách khác cày lại. Trừ ra những bực đã ra ngoài ba cõi 25 loài mới có thể dứt được đường sanh tử mà thôi,

5.- ÁI, THỦ, HỮU

Tham mến trong đời, ấm duyên thành thân.

Tham mến là nhơn ái và thủ. Ấm duyên thành thân là hữu. Thế gian là tình thế gian và khí thế gian. Ấm là thân ngũ ấm. Duyên là mười hai nhơn duyên. Vì chúng sanh tham ưa trìu mến, tình thế gian và khí thế gian, cho nên mới chịu cái thân cha mẹ để lại. Song thân này vốn không thật có. Do năm ấm, mười hai nhơn duyên giả hợp mà có cho nên nói thành thân.

Lời Ký nói : *Khí thế gian là gì ? Nghĩa là thế giới như món đồ đựng chứa chúng sanh an trụ trong đó, tức cõi tam thiên Đại thiên thế giới đây vậy. Tình thế gian là chi ? Là thân tứ đại và ngũ uẩn hòa hiệp mà thành; thân có tình thức nên có tình thế gian.*

Kinh LĂNG NGHIÊM nói : Do đây từ vô thỉ đến nay, chúng sanh và thế giới vì sanh tâm trìu mến với nhau nên không thể vượt khỏi ngoài khí thế gian ấy vậy. Trìu mến là gì ? Tức tham mến vậy.

Thế, nghĩa là cách biệt, cũng như nói tam thế (ba đời) vậy. Gian, là sai hở, là nghĩa mỗi món khác nhau, mà không lầm lộn với nhau. Song tình, khí thế gian đây, xưa nay vốn không có, do vì vọng tưởng mà kiến lập ra.

Nên trong kinh TỊNH DANH nói : Từ tâm vô trụ, lập ra tất cả pháp.

Ngài Thiên Thai giải rằng : Nếu mê cái tâm vô trụ, thời ba cõi sáu đường lăng xăng mà có. Nhơn đó gây ra tất

nhất thiết, chư pháp. Nhược giải vô trụ, tức thị vô thỉ, vô minh phản bổn hườn nguyên, phát chơn thành thánh.

LĂNG NGHIÊM vân : Nhất nhơn phát chơn qui nguyên, thập phương thế giới tận thành tiêu vẫn. Thử tắc tình, khí thế gian cu pháp, nhi chất bất khả đắc hĩ.

LỤC.- HƯ SANH KHỐNG LÃO.

Tùng sanh chí lão, nhất vô sở đắc.

Thử ngôn sanh, lão nhị chi; Sanh vô sở ích, thị danh hư sanh. Lão vô sở đắc, thị danh khống lão.

Ký viết : Nhất vô sở đắc giả ? Ư giới định huệ môn, xuất thế chư pháp, vô nhất an túc xứ dã.

THẤT.- VÔ MINH HOẶC

"Căn bổn vô minh, nhơn tư bị hoặc".

Nhất thiết chúng sanh, bổn cụ chơn như thiệt tướng, diệu tịnh minh tâm. Lương do tối sơ nhất niệm, bất như thiệt tri, bất giác tâm động, hốt nhiên niệm khởi, vọng kiến cảnh giới, danh vi vô minh.

Tư tức vô minh tối sơ sanh tướng, vi sanh tử khổ bổn nhiễm pháp chi nhơn. Do thử nhơn cố, huân tập chơn như tâm thể, tăng trưởng nhi thành lục pháp : Nhất, tham, thử dĩ nhiễm trước vi tánh. Nhị, sân, thử dĩ tăng nhuế vi tánh. Tam, mạn, thử dĩ tự thị lăng tha vi tánh. Tứ, vô minh, thử nãi ư chư sự lý, mê ám vi tánh ngũ nghi chi thử nãi ư chư đế lý, dư dự bất quyết vi tánh. Lục, bất chánh kiến, thử nãi ư chư đế lý, điên đảo suy độ vi tánh.

Thử kiến hữu ngũ : Nhất thân. Nhị biên. Tam tà. Tứ kiến thủ. Ngũ giới cấm thủ.

cả các pháp thế gian và xuất thế gian. Bằng ta rõ đặng cái tâm vô trụ, thời vô thỉ, vô minh trở gốc về nguồn, mở tánh chơn mà thành vị Phật.

Kinh LĂNG NGHIÊM nói : Một người phát tâm chơn qui nguyên thời mười phương thế giới đều thành tiêu mất. Thế là tình và khí thế gian đều dứt, mà thân này cũng không thể có nữa.

6.- SỐNG HƯ GIÀ LUỐNG

Từ khi sanh đến lúc già đều không đặng gì hết.

Đây nói hai nghĩa sanh và già như : Sống đây không có ích chi, nên gọi là sống hư. Già cũng không đặng gì hết, nên già luống.

Lời Ký nói : *Đều không đặng chi hết là gì ? Đối trong môn tu học giới, định, huệ và các pháp ra khỏi đời, hoàn toàn không có một chút xíu gì để hộ thân.*

7.- VÔ MINH LẦM LẠC

Cội gốc vô minh, nhơn đây bị lầm.

Tất cả chúng sanh, sẵn đủ chơn như thật tướng, tâm trong sạch màu sáng. Bởi do lúc tối sơ một niệm, không như thật biết, không dè tâm động, thoạt vậy niệm khởi : vọng chấp có cảnh giới, gọi là vô minh.

Đây là tướng sanh tối sơ của vô minh, làm gốc khổ cho đường sanh tử, nhơn nhiễm các pháp. Vì do nhơn đây, huân tập tâm thể chơn như, tăng trưởng mà thành ra sáu pháp : 1) Tham, Tánh mê đắm. 2) Sân, Tánh ghét giận. 3) Mạn, Tánh ỷ mình hiếp người. 4) Vô minh. Tánh mờ ám đối các sự lý. 5) Nghi. Tánh dụ dự không quyết đoán các lý chơn thật. 6) Bất chánh kiến. Tánh so đo điên đảo đối các lý chơn thật.

Tánh này cũng có năm nghĩa : Chấp ta; Chấp hai bên; Tà kiến; Chấp chặc theo lối thành kiến; Giữ giới cấm theo ngoại đạo

Thử chi lục pháp, năng sanh tùy đẳng chư phiền não dĩ năng sanh. Cố viết căn bổn.

Do thử căn cố, mê bổn viên minh, phú tế chơn tâm, ư chư thế, xuất thế gian đẳng pháp, bất năng minh liễu. Cố viết : vô minh.

Nhất thiết chúng sanh, nhơn tư vô minh, mê hoặc chơn tánh, bất năng kiến đạo, duy tạo hữu lậu chi nhơn. Cố viết : bị hoặc.

Nhược năng nhất niệm phản chiếu, tắc thử vô minh nội bị chơn như, sở huân, phát khởi chánh tín tu hành, thành ư Tịnh nghiệp. Do thử tịnh nhơn, phản huân chơn như, liễu minh tự tâm, đốn đồng chư Phật. Sở vị : nhất niệm tịnh tâm thành chánh giác dã.

Ký viết : Do bất liễu chơn như thiệt tướng, vọng niệm hốt hưng danh vi vô minh. Ký mê chơn thiệt. Cố xưng vi hoặc. Mê hoặc ký thâm, tam nghiệp xí nhiên, cố tạo thiện ác. Do thiện ác nghiệp khiên hướng lục đạo, vọng thọ sanh tử.

Sở dĩ nhất thiết chúng sanh, mê chơn trục vọng, cố ư bất thiên cảnh, thượng không thọ luân hồi : hướng vô thoát pháp trung vọng sanh triền phược.

Như xuân tằm nhi tác kiển, tự thu nga chi phó đăng; dĩ nhị kiển chi tư, triền vô minh chi kiểu; dĩ vô minh tham ái chi sí, phát sanh tử chi hỏa luân.

Tùng sanh chí sanh, niệm niệm tương tục, cố thọ sanh tử luân hồi, vô hữu hưu tức. Cẩu năng ly niệm, tắc nhất thiết phiền não sanh tử tất giai tận hĩ.

BÁT. - KHÁI THỜI MẠNG TỐC

Quang âm khả tích, sát na bất trắc.

Sáu pháp này đây, hay sanh ra các món tùy phiền não và các món phiền não khác nữa, bởi vì đây thuộc về tâm năng sanh. Cho nên nói : Cội gốc (căn bổn).

Vì do cội gốc vô minh đây, nó làm mê mất bản tánh trong sáng che phủ chơn tâm, đối các pháp thế gian và xuất thế gian không thể tỏ biết. Cho nên nói : Vô minh.

Tất cả chúng sanh bởi vô minh che đậy chơn tánh không thể thấy đạo, cứ tạo nghiệp nhơn hữu lậu mà thôi. Cho nên nói : Bị lầm

Nếu ta có thể một niệm xét soi quày trở lại, thời vô minh đó trong sẽ nhờ tánh chơn như huân tập, có thể phát khởi lòng chánh tín tu hành thành đặng Tịnh nghiệp.

Rồi do nghiệp nhơn thanh tịnh đây huân trở lại tánh chơn như, tỏ sáng trong tâm mình, liền đồng các vị Phật. Cho nên nói : nhất niệm tịnh tâm, thời thành bực chánh giác vậy.

Lời Ký nói : *Do không rõ chơn như thật tướng thoạt sanh vọng niệm gọi là vô minh. Đã che đậy cái tánh chơn thật. Cho nên gọi nó là lầm. Che đậy đã nhiều, thời ba nghiệp lừng lẫy, nên mới tạo nghiệp lành và nghiệp dữ. Do nghiệp lành dữ, lôi vào trong sáu đường luống chịu sanh tử.*

Sở dĩ tất cả chúng sanh bỏ chơn theo vọng, nên ở trên cảnh giới bất thiên (chơn như) *luống chịu luân hồi; nhè trong pháp vô thoát* (sanh tử), *quấy sanh tâm ràng buộc.*

Như tằm mùa xuân kéo tơ làm kén, như bướm mùa thu chớp cánh nhảy vào đèn; lấy hai sợi tơ kiến và ái, quấn thành kén vô minh ; dùng hai cánh vô minh với tham ái, đập bánh xe lửa sanh tử.

Chạy mãi từ đời này đến đời khác, niệm trước vừa mãn, tiếp nối niệm sau, nên chịu luân hồi sanh tử, không hề thôi dứt. Nếu hay dứt vọng niệm thời tất cả phiền não và sanh tử thảy đều dứt hết vậy.

8.- TIẾC THỜI MẠNG CHÓNG MAU

Đáng tiếc tấc bóng Quang âm đường sanh tử trong sát na không thể lường được.

Nhứt sanh khống quá, thị vi khả tích vô thường hốt chí phi nhơn khả trắc. Sở vị nhứt sát na gian, chuyển tức, tức thị lai sanh, thị dã.

CỬU.- HIỆN NHƠN HẬU QUẢ.

"Kim sanh khống quá, lai thế sất tắc".

Kim nhược bất thực minh huệ chi nhơn; khởi chiêu đương lai thông đạt chi quả.

Ký viết : Sất tắc, thị ủng tế chi nghĩa, tức bất thông chi vị dã.

THẬP.- NHƠN QUẢ SỞ DO.

"Tùng mê chí mê, giai nhơn lục tặc".

Tùng mê, thị khống quá; chí mê tức sất tắc, thử diệc tam thế hỗ cử dã. Do tích bất ngộ, chí kim hôn mê. Kim nhược bất liễu, mê cánh chuyển thâm.

Thử mê vô hữu biệt pháp, giai nhơn lục tặc Sở trí, tuy viết lục tặc nan phòng, ý vi kỳ chủ. Chủ nhược bị hoạch, ngũ đô vong hĩ.

Ký viết : Bất liễu, tức mê dã. Chuyển thâm, tức lai sanh, dĩ chí hậu sanh dã. Tặc giả, kiếp hại chi nghĩa. Vị thử lục căn, sổ thủ lục trần cảnh giới, nhiễm ô chơn tâm, táng thất trí huệ, kiếp công đức tài.

Công đức tài giả, lược hữu thất : Nhứt tín. Nhị giới. Tam văn. Tứ xả. Ngũ huệ. Lục tàm Thất quý. Nãi chi vô lậu căn, lực, thiền định đẳng...

THẬP NHỨT. - TUẦN HUỜN BẤT TỨC

"Lục đạo vãng huờn, tam giới bồ bặc".

Nếu để một đời luống qua, thật là đáng tiếc, mai một vô đường thoạt đến chẳng phải sức người lường được. Nên nói trong một sát na, tắc hơi thở rồi thời là đời sau là nghĩa đây vậy.

9. NHƠN HIỆN QUẢ SAU :

Đời nay mình để luống qua thời đời sau cũng phải ngăn lấp *(chơn tánh).*

Bằng đời nay ta không trồng nhơn trí huệ sáng suốt, làm sao kết quả sáng suốt đời sau.

Lời Ký nói : *Ngăn lấp là nghĩa ngăn che, tức là nghĩa chẳng thông vậy.*

10. NHƠN QUẢ SỞ DO

Từ mê đời này đến đời sau cũng còn mê, đều bởi sáu thằng giặc *(lục căn).*

Từ mê là cái mê đã luống qua, đến mê tức mê đời này đời sau lại ngăn lấp, đây cũng là ngăn lấp luôn cả ba đời vậy. Bởi đời trước không tỏ ngộ, đến đời nay phải tối tăm. Nếu đời nay ta không tỏ ngộ, đời sau càng tối tăm hơn nữa.

Song cái tối tăm đây không chi lạ đều bởi sáu thằng giặc nó gây ra. Tuy nói rằng sáu thằng giặc khó ngăn ngừa, nhưng ý căn làm chúa đảng. Nếu chúa đảng bị bắt rồi thời năm thằng giặc kia đều túm thu được cả.

Lời Ký nói : *Không tỏ biết, tức mê vậy. Càng mê thêm, tức là đời sau cho đến đời sau và đời sau nữa vậy. Giặc nghĩa cướp hại. Bởi lục căn nó thường nhiễm theo cảnh giới lục trần nhiễm nhơ chơn tâm mất tánh trí huệ, cướp của công đức.*

Của công đức đây lược có bảy món là : 1/ Của Chánh tín. 2/ Của Trì giới. 3/ Của Đa văn. 4/ Xả vọng. 5/ Trí huệ. 6/ Tàm. 7/ Quý. Cho đến các của vô lậu, ngũ căn, ngũ lực các của Thiền định v.v... (Ngủ căn là : Tin, Tấn, Niệm, Định, Huệ)

11. - TUẦN HOÀN KHÔNG DỨT

Qua lại trong sáu đường, bò lết trong ba cõi.

Nhơn quả triển chuyển tương cảm bất tức. cốo viết vãng huờn. Thăng trầm bì cực, cố viết bồ bặc.

Tổng do bị tặc xu sử, lưu chuyển lục đạo, thăng trầm tam giới, vô hữu hưu tức, cố dã.

Ký viết : Bồ bặc, nãi bồ thượng bặc hạ, tức thăm trầm chi vị, hựu cấp cự mạo, hội ý khả tri.

TAM : TỤNG THỊ PHÁP : THẤT

Nhất : Y sư **Nhị : Trạch pháp**

Tam : Liễu vọng **Tứ : Qui chơn**

Ngũ : Tướng vong **Lục : Tịch chiếu**

Thất : Song dẫn.

NHẤT - Y SƯ

Tảo phỏng minh sư, thân cận cao đức.

Minh sư, năng linh pháp nhãn minh chánh. Cao đức, năng sử, giới đức thanh cao. Tảo phỏng, ngôn bất khả ta đà diên thời. Thân cận, vị tu cửu cửu y chỉ.

Ký viết : Minh sư năng linh huệ quang lãng phát, cố đắc pháp nhãn minh chánh. Cao đức năng sử thi ta kiểu khiết; cố đắc giới đức thanh cao. Thị dĩ cổ nhơn, thiên lý tham tầm tri thức, đắc ngộ tác gia thủ nhãn. Tức cao quái bồ đoàn, chiết khước trụ trượng, như Nam Nhạc, Cảnh Sơn đẳng. Nhược vô thiện tri thức sở hộ, tắc vi tà sư hoặc loạn, nội phát tà nhơn, ngoại hành tà nghiệp, hà năng quyết trạch khử kỳ kinh cước giả hồ.

Vĩnh Minh Thọ Thiền sư vân : Nhược phùng chơn chánh đạo sư, thiết tu cần tâm thân cận. Giả sử tham nhi vị triệt, học nhi vị thành; lịch tại nhĩ căn, vĩnh vi đạo chưởng, thế thế bất lạc ác thú, sanh sanh bất thất nhơn thân.

Tài xuất đầu lai nhứt văn thiên ngộ, ích phi tiểu dã.

Nhơn quả xoay vần cảm nhau không dứt, cho nên nói qua lại. Lên xuống mỏi mệt, cho nên nói bò lết. Tóm lại, bởi bị sáu thằng giặc nó sai khiến, trôi lăn trong sáu đường, lên xuống trong ba cõi, không có ngày nào thôi dứt cớ vậy.

Lời Ký nói : *Bò lết là bò lên, lết xuống, tức nghĩa lên xuống, cũng là cái dạng chống gấp, lấy ý hiểu ngầm thì biết.*

3. TỤNG LỜI NÊU PHÁP Phân bảy :

1.) NƯƠNG THEO THẦY 2) CHỌN PHÁP
3.) RỐ VỌNG 4) VỀ CHƠN
5.) VONG TƯỚNG 6) LẶNG SOI
7.) BẶT DỨT CẢ HAI

1.- NƯƠNG THEO THẦY

Phải sớm hỏi ông minh sư, thân cận bực cao đức.

Minh sư hay làm cho ta được pháp nhãn sáng suốt và minh chánh. Bực cao đức hay làm cho ta giới đức được thanh cao. Sớm hỏi là không nên dần dà qua buổi. Thân cận, là cần phải nương ở với thầy cho lâu.

Lời Ký nói : *Ông Minh sư hay làm trí huệ ta sáng lạng mở mang, nên đặng pháp nhãn sáng suốt và minh chánh. Bực cao đức hay làm cho ta giữ giới được trong sạch; cho nên mới được giới đức thanh cao. Sở dĩ cổ nhơn nói, ngàn dặm tham tìm ông tri thức, mới được gặp ông Thầy minh chánh, sáng suốt và tài năng. Tức là bực máng cái Bồ đoàn, bẻ bỏ cây trụ trượng,* (1) *như ông Nam Nhạc, ông Kỉnh Sơn v.v... Nếu không có ông Thiện tri thức, ủng hộ, thời bị bọn tà sư phỉnh gạt trong tâm phát ra cái nhơn tà, ngoài thân làm những việc tà, đâu hay quyết lựa mà bỏ những chỗ chông gai kia được.*

Ngài Vĩnh Minh Thọ Thiền sư nói : Nếu ra gặp đặng ông Đạo sư chơn chánh thời cần phải hết lòng thân cận. Dầu cho tham tìm mà chưa thấu đáo, học hỏi mà chưa thành công; nhưng một phen nghe lọt vào tai cũng hằng làm hột giống Bồ đề, đời đời khỏi đọa ác thú, kiếp kiếp không mất nhơn thân.

Đời sau vừa sanh ra, nghe một biết tới ngàn, lợi ích chẳng phải nhỏ vậy.

---

(1) Bồ đoàn : là Nệm ngồi cao sang. Trụ Trượng : là Gậy chống để đi cho vững cách điệu đài các bây giờ dẹp bỏ, để lo theo hầu thầy học hỏi.

NHỊ. - TRẠCH PHÁP

Quyết Trạch Thân Tâm, khử kỳ kinh cước.

Quyết chi tại tâm. Trạch chi dĩ huệ. Hành giả đương dĩ vô lậu huệ, giản trạch thân tâm, khử kỳ bất thiện, trạch kỳ thiện giả nhi tu chi; như Nga vương chi trạch nhủ dã.

Kinh cước nãi vô minh vọng tưởng, ngũ cái, thập tập, chư bất thiện pháp dã.

Ký viết : Thủy nhũ tương hòa, Nga vương nhập khẩu, tắc thủy nhũ tự phân, nhi ẩm kỳ nhũ, khí kỳ thủy dã. Phàm phu thiện ác nhị pháp tương tham, hồn ư bát thức điền trung.

Hành giả tu hành, tu cụ huệ mục, trạch thủ thiện giả, khí kỳ bất thiện, sử thân tâm kiểu khiết, tắc khử đạo bất viễn; tư tức thất giác ý trung chi trạch pháp giác dã.

Ngũ cái dã ? Nhất, tham dục. Nhị, sân nhuế. Tam, thùy manh. Tứ, trạo hối. Ngũ, nghi cái.

Thập tập giả ? Nhất dâm. Nhị tham. Tam mạn, Tứ sân. Ngũ trá. Lục cuống. Thất oán, Bát kiến, tức tà kiến dã. Cửu uống, vị bức yểm lương thiện dã. Thập tụng, vị tương luận đắc thất dã.

TAM.- LIỄU VỌNG

Thế tự phù hư, chúng duyên khởi bức.

Thế gian nhứt thiết hữu vi chi pháp, du như mộng huyễn du vân; giai tùng vọng nhi sanh, liễu vô thật tánh. Chúng duyên, tức thế gian chư pháp, ký tự phù hư, khởi năng bức nhơn. Nhiên thế chư duyên sự pháp, tất tùng chơn tánh tùy duyên nhi thành.

2.- CHỌN PHÁP

Quyết đoán lựa chọn tâm mình, bỏ những chỗ chông gai.

Quyết đoán là tại nơi Tâm, Lựa chọn là cần dùng trí huệ. Người tu hành phải lấy huệ vô lậu, lựa chọn tâm của mình, ví như con Nga vương lựa sữa uống vậy

Chông gai là gì ? Tức là vô minh vọng tưởng, năm món che đậy, mười món quen lầm các món bất thiện khác nữa.

Lời Ký nói : *Nước với sữa hòa lộn nhau, con Nga vương (ngỗng chúa) ngậm vào miệng, thời nước với sữa tự chia hai, mà uống phần sữa, chừa phần nước lại vậy. Kẻ phàm phu cũng thế, thiện, ác hai món đối đãi nhau, xen lộn vào trong ruộng Bát thức,*

Người tu hành cần phải đủ con mắt trí huệ, lựa lấy điều lành, bỏ những điều không lành, cho tâm mình được trong sạch thời cách đạo không xa vậy. Đây là một món giác trạch pháp trong bảy món giác ý vậy.

Năm món che đậy là chi ? 1/ Tham dục. 2/ Giận dỗi. 3/ Ngủ nghỉ. 4/ Lẫn tiếc. 5/ Nghi nan.

Mười món quen lầm là gì? 1/ Dâm. 2/ Tham. 3/ Kiêu mạn. 4/ Sân. 5/ Dối trá. 6/ Lường gạt. 7/ Oán hận. 8/ Chấp tà kiến. 9/ Hiếp đáp, ép bức người lương thiện. 10/ Cãi cọ, tranh luận đắc thất với nhau vậy.

3.- LIỄU VỌNG

Cuộc đời luống dối, các duyên trần đâu ép bức đặng.

Tất cả các pháp hữu vi trong đời, ví như mộng huyễn, mây bay, đều từ vọng tâm mà sanh ra, hoàn toàn không có thật tánh. Các duyên tức là các pháp trong đời, mà các pháp trong đời, nó đã là vật luống dối, thời nó đâu có ép bức ràng buộc người đặng. Song những pháp trần duyên thế sự trong đời đều từ nơi chơn tánh tùy duyên mà biến ra đó thôi.

Như thủy tùy khí phương viên, ngộ phong ba sanh; phàm phu do vọng tưởng phong, khích ư bổn nguyên, ba đào dõng phất. Kiến ba vong nguyên, cố chấp sự mê chơn, nhi vi chủng chủng sự duyên sở bức. Như bất mê chơn, tức bất thọ kỳ mang dã.

Ký viết: Thủy dụ chơn tánh. Khí ba dụ chúng duyên. Sự pháp, tức cảnh dã. Phong dụ vọng tưởng, trí ba toàn thủy, tức liễu vọng qui chơn. Thị viết bất thọ kỳ mang.

TỨ.- QUI CHƠN

"Nghiện cùng pháp lý, dĩ ngộ vi tắc.".

Yếu đắc vô nghi điền địa, trực tu hành đáo thủy cùng sơn tận thỉ phương hưu.

Ký viết : Pháp, nãi tự tâm chi pháp, pháp chi sở hiển viết lý. Nghiện cùng, như trừ cảnh cấu, cấu tận quang sanh. Cố viết dĩ ngộ vi tắc. Nhiên pháp thị quỷ trì nghĩa, quỷ sanh vật giải, nhậm trì tự tánh dã.

Nhậm trì tự tánh giả ? Nhất thiết chúng sanh giai hữu bổn giác, diệu minh chơn tánh, tuy lưu chuyển lục đạo, thọ chủng chủng hình, nhi thử giác tánh bất tằng thất diệt.

Sanh giải giả ? Chúng sanh ngộ nhập trí kiến, tuy nhơn trí thức thiện hữu khai thị, nhiên kỳ trí giải tùng giác tánh sanh. Như thủy thổ chi nhuận sanh cốc dẳng nha, nhi nha tùng chưởng sanh, bất tùng thủy thổ sanh, cố dã.

NGŨ.- TƯỚNG VONG

"Tâm cảnh cu quyên, mạc ký mạc ức".

Tâm, tức nhơn. Cảnh tức pháp. Mạc ký mạc ức tức nhơn pháp lưỡng vong hĩ.

Tứ Tổ vân : Nhất thiết bất lưu vô khả ký ức ; hư minh tự chiếu , bất lao tâm lực.

Ví như tánh nước theo đồ đựng vuông tròn, gặp giờ thời sóng nổi lên ; phàm phu cũng thế, do gió vọng tưởng, thổi động trong nguồn tâm nên mới có sóng xao trào sục. Thấy sóng quên nguồn cho nên chấp theo cảnh quên tánh chơn, mà bị các món thế sự duyên trần kia ép ngặt. Bằng không quên tánh chơn, tức không mắc dục trần các duyên nói dối gạt vậy

Lời Ký nói : *Nước, dụ chơn tánh. Đồ và sóng dụ các duyên. Các pháp thế sự tức là cảnh vật vậy. Gió, dụ vọng tưởng, nếu ta biết sóng đó toàn là nước, tức thời hết vọng tưởng trở về tánh chơn. Cho nên nói : Không mắc duyên trần nó dối gạt.*

4.- QUI CHƠN

Xét tột pháp lý, lấy ngộ làm chừng.

Muốn đặng đến chỗ vô ngại, thời cần phải đi cho cùng sông tột núi, mới là thôi.

Lời Ký nói : *Pháp, tức là pháp tự tâm. Chỗ rõ ràng của pháp gọi là lý. Xét tột cũng như lau bụi mặt kiếng, bụi hết thì ánh sáng bày ra. Cho nên nói lấy chỗ ngộ làm chừng.Song pháp là nghĩa phép tắc giữ gìn, nó có phép tắc để cho người biết, nó giữ gìn tự tánh của nó vậy. Giữ gìn tự tánh là gì ? Tất cả chúng sanh, đều có chơn tánh bản giác diệu minh, tuy trôi lăn trong sáu đường, đầu thai làm thân nầy thân nọ, nhưng mà giác tánh ấy không bao giờ diệt mất.*

Để cho người hiểu biết là gì ? Chúng sanh ngộ vào chỗ tri kiến, tuy nhờ ông Thiện tri thức chỉ dạy, song chỗ trí hiểu từ trong tánh bản giác mà sanh ra. Ví như đất nước ướt nhuần, cây lúa lên mọng, nhưng mà mọng kia cũng từ hột giống mọc lên, chớ không phải từ đất nước mà mọc , cớ vậy.

5.- VONG TƯỞNG

Tâm và cảnh đều dứt, chẳng nhớ chẳng tưởng.

Tâm tức ngươi. Cảnh tức pháp. Chẳng nhớ chẳng tưởng, tức người và pháp đều quên (bặt) vậy.

Đức Tứ Tổ nói : Tất cả các pháp không để lòng, không pháp nào đáng nhớ đáng tưởng ; rỗng sáng tự soi, không nhọc tâm và lực.

Bàn Sơn vân : Tâm nguyệt cô viên, quang thôn vạn tượng. Quang phi chiếu cảnh, cảnh diệc phi tồn. Quang cảnh cu vong, phục thị hà vật ?

Thí như trịch kiếm huy không, mạc luận cập chí bất cập, tư nãi không luận vô tích, kiếm nhẫn vô khuy. Nhược năng như thị, tâm tâm vô tri, toàn tâm tức Phật, toàn Phật tức nhơn. Nhơn Phật vô dị, thỉ vi đạo hĩ.

Ký viết : Tâm, thị năng. Cảnh, thị sở. Nhược tri năng sở vô thể, đốn ngộ nhơn không pháp không. Hốt liễu vật ngã vô y, thị tín cảnh tịch tâm không.

Vô tri giả ? Kinh vân : Thánh tâm vô sở tri, vô sở bất tri, tức bổn giác tâm thể dã. Bổn giác chơn tâm, tâm tánh tịch diệt, bổn vô tri giác; cố năng tri năng kiến.

Như cảnh vô tượng. Cố năng giám vật. Tuy viết năng giám, nhiên giám nhi vô giám. Linh tri bổn tịch, cố trung nhựt tri, nhi vị thường tri.'

Hữu tri, tức vô minh, Hữu kiến, tức vọng tưởng, trí thể bổn vô vô minh, cập ư vọng tưởng, dĩ vô tri cố, Cố viết: trí hữu cùng u chi giám nhi vô tri diên.

LỤC.- TỊCH CHIẾU

"Lục căn di nhiên, hành trụ tịch mặc".

Tâm cảnh cu quyên, nhị chướng giải thoát. Chiếu thể độc lập, tuyệt tri hội. Vong năng sở, đắc ư nội ứng ư ngoại, thị cố lục căn tự nhược thoát sái sái địa, khởi bất di nhiên. Hành trụ tọa ngọa, động tịnh giai như; cố viết : tịch mặc.

Ông Bàn Sơn nói : Tâm như mặt trăng tròn vành ánh sáng khắp trùm muôn tượng. Ánh sáng ấy chẳng phải chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng phải có ánh sáng, ánh sáng và cảnh đều vong, thời đâu có vật gì nữa.

Ví như quăng kiếm chém hư không, chẳng luận tới hay là không tới, như hư không kia không dấu vết, lưỡi kiếm nọ cũng chẳng mẻ sờn. Nếu tâm đặng như thế; mỗi tâm mỗi tâm không chấp cái gì là cái biết, thời toàn tâm là Phật, toàn Phật là Ta, Ta với Phật không khác, như thế mới đúng với lý đạo vậy.

Lời Ký nói : *Tâm là năng. Cảnh là sở. Nếu nhận biết năng và sở không tự thể thời liền tỏ ngộ hai món nhơn không và pháp không (không chấp ta và vật sở hữu của ta). Bấy giờ rõ đặng muôn vật cùng ta không nương tựa mới tin lý tâm không cảnh vắng.*

Thế nào là không biết ? Trong Kinh nói : Tâm của ông Thánh không biết gì hết, mà không chỗ nào là chỗ không biết của ông, tức là cái tâm thể bản giác vậy. Bản giác chơn tâm, tánh của tâm vẫn vắng lặng vốn không hay biết, cho nên nói nó là tâm hay biết, hay thấy.

Như mặt kính kia không bóng không hình, cho nên nó mới hay soi rõ muôn hình muôn vật. Tuy nói rằng hay soi rõ, song soi mà không chấp soi : Tánh linh tri ta vốn vắng lặng cho nên trọn ngày biết, nhưng mà chưa từng biết việc gì cả.

Nếu khởi ý chấp có biết tức là vô minh. Có chấp thấy tức vọng tưởng. Bản thể của trí ta xưa nay vẫn không có vô minh và vọng tưởng, vì nó trống trơn không chấp nó có tánh biết vậy. Cho nên nói rằng : Cái trí nó có tánh soi cùng tột chỗ nhiệm mầu mà không chấp biết gì hết.

6.- LẶNG SOI

Sáu căn thong thả, đi đứng vắng lặng.

Tâm và cảnh đều quên, hai chướng rảnh rang. Thể sáng riêng bày, bặt chỗ hiểu biết. Vong năng sở, chứng đặng ở trong, ứng hiện ra ngoài; cho nên sáu căn thong thả rảnh rang bày chỗ phơi phới, đâu chẳng vui vẻ. Đi, đứng, ngồi, nằm động tịnh như như; cho nên nói rằng : "vắng lặng".

Vĩnh Gia vân : Hành diệc thiền, tọa diệc thiền, ngữ mặc động tịnh thể an nhiên, thị dã.

Ký viết : Mục đối thiên sơn, tâm nhàn nhất cảnh, thị dĩ lục căn tự nhược, ưu du tam giới, thoát sái tứ sanh. Bất vi thinh, sắc trần lao sở lụy, kỳ thần tiêu diêu vật ngoại. Cố viết : dĩ nhiên.

Vĩnh Gia vân : Diệu ngộ huyền tông, hư tâm minh khế, động tịnh thường cử, ngữ mặc hằng qui, điềm đạm tức ư nội, tiêu tán dương ư ngoại.

HOA NGHIÊM luận vân : Duy tịch duy mặc, tâm đạo Như Lai chi dạng, bất trước bất luyến nhập đạo hiệp pháp chi triệt thị dã. Ngôn tịch chiếu giả ? Tịch thị thể, chiếu thị dụng, đạo chi sở cực, cực ư thử dã.

THẤT.- SONG DẪN

Nhất tâm bất sanh, vạn pháp cu tức.

Bất dữ vạn pháp vi lữ giả, tắc tiền hậu tế đoạn thị viết cu tức.

Ký viết : Vạn pháp giả ? Thị chỉ kỳ tổng số, nhi thiệt cai ư nhất thế dã. Kim cử tiền hậu, tắc bao quát thập phương tam thế, nhất thế sự lý nội ngoại chư pháp tận hĩ.

Vạn pháp tuy chúng, bất xuất tâm cảnh. Tâm không cảnh tịch, độc lộ đường, đường nhất tư bất quái; thị viết bất dữ vạn pháp vi lữ. Nhất tâm giả ? Bổn giác diệu minh chơn tâm dã.

KHỞI TÍN luận vân : "Duy thị nhất tâm, cố danh chơn như, Tâm thể ly niệm, cố viết : bất sanh".

LĂNG GIÀ vân : "Tâm sanh tắc chủng chủng pháp sanh. Tâm diệt tắc chủng chủng pháp diệt. Sở vị, tâm dị tắc thiên sai cạnh khởi. Tâm diệt tắc vạn pháp thản nhiên. Tâm nhiễm, tắc lục đạo tứ sanh. Tâm không, tắc nhất đạo thanh tịnh".

Ngài Vĩnh Gia nói : Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền, nói, nín động, tịnh, thể thường an nhiên phải vậy.

Lời Ký nói : *Mắt xem nghìn núi, tâm nhàn một cảnh, cho nên sáu căn đứng lặng, thảnh thơi ngoài ba cõi, thoát khỏi bốn loài. Không mắc thanh sắc trần lao vấn vít, tâm thần, tiêu diêu ngoài cảnh; cho nên nói thong thả.*

Ngài Vĩnh Gia nói : Tỏ ngộ tôn chỉ nhiệm mầu, lòng trống trơn thầm hiệp, khi động, khi tịnh lúc nào cũng đúng phép; khi nói, khi nín nhằm khuôn rập luôn luôn lặng lẽ dứt ở trong, thảnh thơi bày ra ngoài.

Trong HOA NGHIÊM luận nói : Thường vắng, thường lặng tâm noi theo tánh các đức Như Lai; không dính, không mắc, là khuôn rập vào đạo đúng phép phải vậy. Lặng soi là chi ? Lặng là thể soi là dụng, đến chỗ tột bực của Đạo, là tột ở nơi đây vậy.

7.- LẶNG SOI ĐỀU DỨT

Nhất tâm không sanh thời muôn pháp đều dứt.

Chẳng cùng muôn pháp làm bạn thời đời trước đời sau đều dứt, nên nói cả hai đều dứt.

Lời Ký nói : *Muôn pháp là gì ? Chỉ cho một số chung, mà thực ra gồm ráo tất cả pháp vậy* (không những một muôn). *Nay nói đời trước đời sau, tức nhiên bao trùm mười phương ba đời tất cả sự, lý, trong, ngoài, các pháp hết thảy.*

Muôn pháp tuy nhiều nhưng không ngoài hai pháp là : tâm với cảnh. Tâm không cảnh vắng, riêng bày sờ sờ, một mảy tơ không vướng; thế gọi là không cùng muôn pháp làm bạn. Nhất tâm là gì ? Chơn tâm bản giác nhiệm mầu sáng suốt vậy.

Luận KHỞI TÍN nói : Duy có một cái tâm nên gọi là chơn như. Tâm thể xa lìa vọng niệm nên gọi bất sanh.

Kinh LĂNG GIÀ nói : Tâm sanh thời món món pháp sanh : Tâm diệt thời món món pháp diệt. Nên nói tâm nhích một chút thời ngàn việc khác lại khởi ra, tâm diệt đi thời muôn pháp phẳng lặng. Tâm nhiễm thời nào là Lục đạo, Tứ sanh đủ hết. Tâm không thời một màu thanh tịnh.

Tông Cảnh vân : Hà vị nhất tâm. Vị chơn vọng, nhiễm tịnh, nhất thiết chư pháp vô nhị chi tánh : cố danh vi nhất. Thử vô nhị xứ chi pháp, thiệt bất đồng không, tánh tự thần giải, cố danh vi tâm. Nhất tâm chi thể, lai khứ tịch diệt, bất khả dĩ hữu vô xứ sở cùng kỳ u tích; bất khả dĩ thức trí thuyên lượng đàm kỳ diệu thể.

Duy chứng nhập giả, chỉ tại tâm tri. Đản năng nội quán nhất niệm vô sanh, tắc không hoa tam giới. Như phong quyện yên, huyễn ảnh lục trần du thang ốc tuyết, quách nhiên vô tế, duy nhất chơn tâm. Thử tâm bổn tự viên minh, nguyên thanh tịnh thể, vô khởi vô sanh. Tự thể bất động, bất vi sanh tử sở nhiễm, bất vi Niết bàn sở tịnh.

Vấn viết : Tâm ký duy nhất, vọng tùng hà sanh ? Đáp viết : Cái do tối sơ mê nhất pháp giới. Bất giác vọng khởi nhi hữu kỳ niệm. Như tịnh lao hữu không hoa hiện, thùy thục hữu mộng mị sanh; tức thử danh vi vọng tâm.

Thử chi vọng tâm, nguyên vô tự thể, đản nhơn tiền trần. Tùy cảnh hữu vô, cảnh lai tức sanh cảnh khứ tức diệt; thị tâm, thị cảnh, các vô tự tánh, Duy tùng nhơn duyên nhi sanh, như cảnh lý tượng, thủy trung nguyệt; ngu phu nhận thử vi chơn.

Nhị Tổ, ư thử tâm bất an, nhi cầu an tâm pháp. Ư nhất ngôn hạ, tiện liễn thử tâm bất sanh; cố vân mích tâm liễu bất khả đắc.

Tức tri chơn tâm, hư linh minh diệu, biến nhất thế xứ, hàm thập phương giới. Ký tâm nhơn cảnh khởi; nhược thử vọng tâm bất sanh, tắc trần cảnh đốn diệt; cố vân cu tức.

Bộ TÔNG CẢNH nói : *Thế nào là nhất tâm. Nghĩa là Chơn, Vọng, Nhiễm, Tịnh tất cả các pháp, tánh nó không hai, cho nên kêu là nhất. Song pháp không hai đây, thật chẳng phải đồng với hư không, tánh nó mầu nhiệm rõ biết; cho nên gọi là Tâm. Thể của nhất tâm, qua lại mà vắng lặng, không thể lấy chỗ có không, xét tột dấu tích nhiệm mầu của nó, không thể lấy lời nói so lường theo thức trí, bản thể mầu nhiệm của nó được.*

Duy có người chứng nhập chỉ ở trong tâm tự biết mà thôi. Song nếu ta có thể xét lại trong tâm một niệm đừng sanh vọng, thời ba cõi như hoa đốm giữa hư không. Như gió cuốn khói, bóng huyễn sáu trần như tuyết gặp nước sôi, rỗng suốt không bờ mé, duy một chơn tâm đấy chăng. Song tâm nầy xưa nay tròn sáng, thể vẫn thanh tịnh, không khởi, không sanh. Thể của nó không động, không vì sanh tử ô nhiễm, không vì Niết bàn làm tịnh.

Hỏi : Tâm đã duy nhất như thế thời cái vọng từ đâu mà sanh ra ?

Đáp : Bởi do lúc tối sơ quên tánh pháp giới (chưa nhận được chơn tâm). *Bất giác vọng khởi ra, mới có vọng niệm. Như con mắt có bịnh thời thấy hoa đốm giữa hư không, như người ngủ mê mới có chiêm bao sanh ra, thời đó gọi là vọng tâm.*

Song cái vọng tâm này vốn không có tự thể, chỉ là nương theo cảnh tiền trần mà có, mà không. Thì cảnh đến vọng tâm sanh ra, cảnh đi tức nhiên vọng tâm liền diệt, thì đủ biết rằng, tâm nầy cảnh này đều không tự tánh. Chỉ do nhơn duyên mà sanh, như bóng trong gương, như trăng dưới nước; thế mà đứa ngu nhận tâm này là chơn thật.

Đức Nhị Tổ bị tâm này không yên, cho nên đến đức Sơ Tổ cầu pháp yên tâm. Sau khi nghe đức Sơ Tổ nói một lời liền tỏ ngộ tâm này vốn không sanh; cho nên trả lời với Sơ Tổ rằng : Tìm tâm không thể đặng.

Thì ta đủ biết rằng chơn tâm rỗng suốt sáng mầu khắp cùng tất cả xứ, trùm mười phương các cõi. Vọng tâm đã nhơn theo cảnh tiền trần mà khởi, thì lẽ cố nhiên, nếu vọng tâm không sanh thời cảnh tiền trần kia liền bặt dứt; cho nên nói cả hai đều dứt.

Tiền vân tịch chiếu, du tồn cảnh trí lưỡng lập.

Kim trí cảnh giao triệt nhi lưỡng vong; cố viết song dẫn. Cảnh trí ký dẫn, duy nhất bổn giác chơn tâm, tịch diệt vô tướng, thể đồng chư Phật.

Cố Vĩnh Gia vân : Cảnh trí minh nhất, vạn lụy đô dẫn, diệu chỉ tồn diên.

Vấn viết : Trí dẫn, hà dĩ ứng cơ tiếp vật; cảnh vong, tắc hề năng cảm bỉ lai ứng ?

Đáp viết : Bát Nhã Vô Trí. Luận vân : Trí di muội chiếu dủ minh. Thần di tịnh ứng dủ động, cảnh di tịch ứng dủ cảm.

BIỆT HÀNH SAO vân : Do lý trí minh hiệp, cố đắc nhứt thế chư pháp vô phi pháp thân. Thập phương chúng sanh hữu phát Bồ đề tâm, tâm thức tịnh giả vô bất ứng hiện nhi vị thuyết pháp.

Cố thử chơn như thể tánh, du nhược ma ni tùy sắc sở hiện. Hà vô cảm ứng chi vị tai.

QUI SƠN CẢNH SÁCH

CÚ - THÍCH - KÝ

QUYỂN HẠ - (CHUNG)

*

Bài trước nói vắng lặng chiếu soi, cũng còn có hai : cảnh và trí.

Bài này trí và cảnh thông suốt nhau mà cả hai đều vong. Cho nên nói : Cảnh, Trí đều bặt. Song cảnh và trí đã mất, chỉ còn một chơn tâm bản giác vắng lặng không hình không tướng, thể đồng với các vị Phật.

Cho nên ngài Vĩnh Gia nói : Cảnh và trí hiệp nhất, muôn việc khổ lụy đều dứt, còn lại một cái ý chỉ nhiệm mầu.

Hỏi : Cái trí đã dứt thời lấy chi ứng hiện cơ duyên mà tiếp dẫn người đời ; cảnh nếu dứt đi rồi, thời làm sao cảm kia cầu mà đến ứng ?

Đáp rằng : Trí Bát Nhã là Vô Tri. Trong Luận nói : Trí càng muội chừng nào cái chiếu càng sáng chừng ấy, Thần càng lặng chừng nào ứng đến càng mau chừng ấy, Cảnh càng vắng chừng nào thời sự cảm ứng càng thông chừng ấy.

Bộ BIỆT HÀNH SAO nói : Do lý trí hiệp nhau, cho nên đặng tất cả các pháp, không pháp nào không phải là pháp thân. Chúng sanh trong mười phương, hễ có phát tâm Bồ đề mà là người tâm thức được thanh tịnh, không chỗ nào không ứng hiện, mà thuyết pháp cho nghe.

Cho nên thể tánh của tâm chơn như này, cũng như ngọc Ma Ni châu tùy người muốn sắc nào nó cũng hiện theo sắc ấy được cả. Thế tánh của chơn tâm này cũng thế, không bao giờ chúng sanh có cảm mà không có ứng đã rõ vậy.

BỘ QUI SƠN CẢNH SÁCH

CÚ - THÍCH - KÝ

HẾT QUYỂN HẠ

BÀI PHÁT NGUYỆN

Đệ tử... kính lạy đức Phật Thích Ca.
Là ngôi giáo chủ cõi Ta bà.
Đức Phật A Di Đà, là thầy dẫn đường về cõi Cực Lạc.
Mười phương chư Phật
Vô thượng Phật Pháp, cùng Thánh Hiền Tăng.
Đệ tử lâu đời lâu kiếp, nghiệp chướng nặng nề.
Tham giận kiêu căng, si mê lầm lạc.
Ngày nay nhờ Phật, biết sự lỗi lầm, thành tâm sám hối.
Thề tránh điều dữ, nguyện làm việc lành.
Ngưỡng mong ơn Phật, từ bi gia hộ.
Thân không tật bệnh, tâm không phiền não.
Hằng ngày yên vui tu tập, phép Phật nhiệm mầu.
Để mau ra khỏi luân hồi, minh tâm kiến tánh.
Trí huệ sáng suốt, đến khi lâm chung.
Nhờ Phật Di Đà, Quan Âm, Thế Chí.
Cùng mười phương chư Phật, vô lượng Bồ Tát.
Đồng thời phóng đại hào quang.
Tiếp dẫn đệ tử về Thế giới Tây Phương Cực Lạc.
Phật A Di Đà, để đệ tử hằng ngày hầu Phật nghe Pháp.
Chứng quả vô sanh, làm thân tự tại.
Rồi trở lại cõi nầy và trong vô lượng thế giới khác.
Đặng cứu độ các bực Sư trưởng, Cha mẹ, anh em.
Thân bằng quyến thuộc, cùng tất cả chúng sanh,
Đồng thành Phật đạo. *(đánh chuông, lễ 3 lạy).*

*

NAM MÔ HỘ PHÁP TẠNG BỒ TÁT

SA DI LUẬT GIẢI

Dịch giả: HT. THÍCH HÀNH TRỤ

Chịu trách nhiệm xuất bản : **THIỀU QUANG THẮNG**
Chịu trách nhiệm bản thảo : **PHẠM NGỌC HẬU**
Biên tập : **ĐỖ THỊ QUỲNH**
Sửa bản in : **MINH THANH**
Trình bày : **HUỲNH THỊ KIM QUYÊN**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
10 Chu Văn An – Hà Hội
ĐT: 080.48106 – 080.48312
FAX: (84).080.48240

In 1000 cuốn, khổ 15,5x23cm. Tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng. Địa chỉ: 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM.
ĐT: 8555812. E-mail : xn-inngminhhoang@hcm.vnn.vn.
Số xuất bản 7-1524/XB-QLXB cấp ngày 23-12-2002.
In xong và nộp lưu chiểu: Quý III năm 2003.